



Lexmark™

Máy in đa năng CX833, CX961, CX962, CX963, XC8355, XC9635, XC9645, XC9655

Hướng dẫn sử dụng

Tháng 6 năm 2024

www.lexmark.com

Loại máy:

7566

Model:

688, 698

Nội dung

Thông tin an toàn.....	6
Quy ước.....	6
Tuyên bố về sản phẩm.....	6
Tìm hiểu về máy in.....	9
Tìm thông tin về máy in.....	9
Tìm số sê-ri của máy in.....	10
Cấu hình máy in.....	10
Sử dụng bảng điều khiển.....	13
Biểu tượng trên màn hình chính.....	13
Màu đèn báo.....	14
Sử dụng khay nạp tài liệu tự động và kính máy quét.....	14
Định vị khe bảo mật.....	15
Chọn giấy.....	15
Các tính năng và hỗ trợ máy in bổ sung.....	56
Thiết lập, cài đặt, và thiết lập cấu hình.....	58
Chọn vị trí cho máy in.....	58
Các cổng máy in.....	59
Thiết lập cấu hình ứng dụng và giải pháp.....	60
Thiết lập và sử dụng các tính năng trợ năng.....	62
Cài đặt máy in để gửi fax.....	68
Nạp giấy và giấy chuyên dụng.....	75
Cài đặt và cập nhật phần mềm, trình điều khiển và phần mềm cơ sở.....	89
Cài đặt tùy chọn phần cứng.....	93
Kết nối mạng.....	245
Bảo vệ máy in.....	249
Xóa bộ nhớ máy in.....	249
Xóa ổ lưu trữ máy in.....	249
Khôi phục cài đặt mặc định gốc.....	249
Báo cáo biến động.....	249
In.....	251
In từ máy tính.....	251

In từ thiết bị di động.....	251
In từ ổ flash.....	252
Đặt cấu hình lệnh in bảo mật.....	253
In các lệnh bí mật và lệnh tạm dừng khác.....	254
In danh sách mẫu phong chữ.....	255
In danh sách thư mục.....	255
Đặt trang phân cách trong lệnh in.....	255
Hủy lệnh in.....	255
Điều chỉnh độ tối của mực.....	255

Sao chép..... 256

Sao chép.....	256
Sao chép ảnh.....	256
Sao chép trên giấy tiêu đề.....	256
Sao chép trên cả hai mặt giấy.....	256
Thu nhỏ hoặc phóng to bản sao.....	257
in bản sao theo bộ.....	257
Đặt trang phân cách giữa các bản sao.....	257
Sao chép nhiều trang vào một trang.....	257
Sao chép thẻ.....	257
Tạo phím tắt sao chép.....	258

Email.....259

Thiết lập cấu hình cài đặt SMTP.....	259
Gửi email.....	266
Tạo phím tắt email.....	266

Fax.....267

Gửi fax.....	267
Lên lịch fax.....	267
Tạo phím tắt cho đích fax.....	268
Thay đổi độ phân giải fax.....	268
Điều chỉnh độ tối của fax.....	268
In nhật ký fax.....	268
Chặn fax rác.....	268
Tạm dừng fax.....	268
Chuyển tiếp fax.....	269

Quét.....	270
Quét vào máy tính.....	270
Quét đến máy chủ FTP.....	271
Tạo phím tắt FTP.....	271
Quét đến thư mục mạng.....	271
Thiết lập cấu hình điểm đích thư mục mạng.....	272
Tạo phím tắt thư mục mạng.....	272
Quét vào ổ flash.....	272
Menu máy in.....	274
Sơ đồ menu.....	274
Thiết bị.....	275
In.....	289
Giấy.....	297
Sao chép.....	299
Fax.....	303
Email.....	316
FTP.....	322
Ổ USB.....	326
Mạng/cổng.....	331
Bảo mật.....	345
Dịch vụ đám mây.....	352
Báo cáo.....	352
Khắc phục sự cố.....	354
Hợp nhất biểu mẫu.....	354
In Trang cài đặt menu.....	355
Tùy chọn bộ hoàn thiện máy in.....	356
Sử dụng bộ hoàn thiện dập ghim.....	356
Sử dụng bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ.....	356
Sử dụng ngăn xếp offset.....	357
Sử dụng bộ hoàn thiện tập sách.....	358
Sử dụng tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy.....	359
Bảo trì máy in.....	360
Kiểm tra trạng thái của các bộ phận và vật tư.....	360

Đặt cấu hình thông báo vật tư.....	360
Thiết lập cảnh báo email.....	360
Tạo báo cáo và nhật ký.....	361
Đặt mua các bộ phận và vật tư.....	362
Thay thế các bộ phận và vật tư.....	365
Vệ sinh các bộ phận của máy in.....	411
Tiết kiệm năng lượng và giấy.....	419
Di chuyển máy in đến vị trí khác.....	420
Khắc phục sự cố.....	421
Sự cố chất lượng in.....	421
Mã lỗi máy in.....	422
Sự cố in.....	435
Máy in không phản hồi.....	449
Không thể đọc ổ flash.....	450
Bật cổng USB.....	450
Xử lý kẹt giấy.....	450
Sự cố kết nối mạng.....	501
Sự cố tùy chọn phần cứng.....	502
Vấn đề về vật tư.....	503
Sự cố nạp giấy.....	505
Sự cố gửi email.....	506
Sự cố fax.....	507
Sự cố quét.....	510
Sự cố chất lượng màu.....	514
Liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng.....	515
Tái chế và thải bỏ.....	517
Tái chế sản phẩm Lexmark.....	517
Tái chế bao bì của Lexmark.....	517
Thông báo.....	518
Ký hiệu.....	525

Thông tin an toàn

Quy ước






Lưu ý: *Lưu ý* xác định các thông tin hữu ích dành bạn.

Cảnh báo: *Cảnh báo* xác định tác nhân có thể làm hỏng phần cứng hoặc phần mềm của sản phẩm.








CẢNH BÁO (viết hoa toàn bộ): *CẢNH BÁO* chỉ báo nguy cơ tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không phòng tránh.











CHÚ Ý: *Chú ý* chỉ báo một tình huống nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây thương tích cho bạn.




Các loại thông báo chú ý khác nhau bao gồm:

-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Cho biết rủi ro bị thương.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Cho biết rủi ro điện giật.
-  **CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG:** Cho biết rủi ro bị bỏng nếu chạm vào.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ:** Chỉ báo nguy cơ bị nghiền.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ Kẹt:** Cho biết rủi ro bị kẹt giữa các bộ phận chuyển động.

Tuyên bố về sản phẩm

-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, chỉ sử dụng dây điện được cung cấp cùng với sản phẩm này hoặc phụ kiện thay thế được ủy quyền của nhà sản xuất.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Không sử dụng sản phẩm này với dây nối dài, ổ cắm điện nhiều lỗ, bộ mở rộng nhiều ổ cắm, hoặc thiết bị UPS. Công suất nguồn của các loại phụ kiện này có thể dễ dàng bị máy in laser làm quá tải và có thể dẫn đến rủi ro hỏa hoạn, thiệt hại tài sản, hoặc hiệu suất máy in kém.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Chỉ có thể sử dụng Bộ chống sốc điện nội tuyến của Lexmark được kết nối chuẩn xác giữa máy in và dây nguồn được cung cấp kèm theo máy in với sản phẩm này. Sử dụng thiết bị chống sốc điện không phải của Lexmark có thể dẫn đến rủi ro hỏa hoạn, hư hỏng tài sản, hoặc hiệu suất máy in kém.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để giảm rủi ro hỏa hoạn, chỉ sử dụng dây viễn thông từ 26 AWG trở lên (RJ-11) khi kết nối sản phẩm này với mạng điện thoại chuyển mạch công cộng. Đối với người dùng ở Úc, loại dây này phải được Cơ quan thông tin và truyền thông Úc phê duyệt.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không đặt hoặc sử dụng sản phẩm này gần nước hoặc vị trí ẩm ướt.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không thiết lập sản phẩm này hoặc nối điện hay cáp, chẳng hạn như dây nguồn, tính năng fax hoặc điện thoại, trong khi có bão sét.

-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Không cắt, cuộn, buộc, nhét hoặc đặt các vật nặng lên dây nguồn. Không để dây nguồn bị mòn hoặc kéo căng. Không kẹp chặt dây nguồn giữa các đồ vật như bàn ghế và tường. Nếu bất kỳ điều nào trong số này xảy ra, sẽ có rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật. Kiểm tra dây nguồn thường xuyên xem có dấu hiệu sự cố như vậy không. Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện trước khi kiểm tra.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, hãy đảm bảo tất cả kết nối bên ngoài (chẳng hạn như hệ thống Ethernet và điện thoại) được lắp đặt đúng cách vào cổng cắm đã đánh dấu.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không sử dụng tính năng fax khi có bão sét.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật khi vệ sinh bên ngoài máy in, hãy rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và rút toàn bộ cáp khỏi máy in trước khi tiến hành.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Nếu máy in nặng hơn 20 kg (44 lb), có thể sẽ cần có 2 người trở lên để nâng máy in lên một cách an toàn.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Khi di chuyển máy in, hãy làm theo các hướng dẫn sau đây để tránh thương tích cá nhân hoặc hư hỏng máy in:
- Đảm bảo tất cả các cửa và khay đã được đóng.
 - Tắt máy in, và sau đó rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện.
 - Ngắt kết nối tất cả dây điện và cáp ra khỏi máy in.
 - Nếu máy in có các khay tùy chọn đặt sàn riêng biệt hoặc tùy chọn đầu ra kèm theo máy, hãy tháo chúng ra trước khi di chuyển máy in.
 - Nếu máy in có đế bánh xe, hãy cẩn thận di chuyển máy đến vị trí mới. Hãy cẩn trọng khi di chuyển qua các bậc cửa và các khe nứt trên nền nhà.
 - Nếu máy in không có đế bánh xe nhưng được thiết đặt bằng các khay tùy chọn hoặc tùy chọn đầu ra, hãy tháo các tùy chọn đầu ra và nhấc máy in ra khỏi khay. Không cố gắng nâng máy in và các tùy chọn bất kỳ cùng lúc.
 - Luôn sử dụng tay cầm trên máy in để nâng máy in lên.
 - Xe đẩy dùng để di chuyển máy in phải có bề mặt đỡ được toàn bộ khung máy in.
 - Các xe đẩy dùng để di chuyển các tùy chọn phần cứng đều phải có bề mặt có thể hỗ trợ kích thước của các tùy chọn.
 - Giữ máy in ở vị trí thẳng đứng.
 - Tránh va chạm mạnh.
 - Đảm bảo không để tay bên dưới máy in khi đặt máy xuống.
 - Đảm bảo có đủ khoảng trống xung quanh máy in.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ:** Lắp đặt một hoặc nhiều tùy chọn trên máy in hoặc MFP có thể cần có đế bánh xe, đồ đạc hoặc tính năng khác để tránh tình trạng mất ổn định gây ra thương tích. Để biết thêm thông tin về cấu hình được hỗ trợ, vui lòng xem www.lexmark.com/multifunctionprinters.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ:** Để giảm nguy cơ mất ổn định của thiết bị, hãy nạp riêng từng khay. Đóng tất cả các khay khác cho đến khi cần.
-  **CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG:** Bên trong máy in có thể nóng. Để giảm rủi ro chấn thương do bộ phận máy bị nóng, hãy để cho bề mặt nguội xuống trước khi chạm vào.

-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ KẸP:** Để tránh rủi ro chấn thương do bị kẹp, hãy thận trọng ở những khu vực được đánh dấu bằng nhãn này. Chấn thương do bị kẹp có thể xảy ra xung quanh các bộ phận chuyển động như bánh răng, cửa, khay và nắp.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Sản phẩm này sử dụng laze. Việc sử dụng các nút điều khiển hoặc điều chỉnh hoặc thực hiện quy trình khác với quy định trong *Hướng dẫn sử dụng* có thể dẫn đến phơi nhiễm bức xạ nguy hiểm.
-  **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Không được thay thế pin lithium trong sản phẩm này. Có nguy cơ phát nổ nếu thay pin lithium không đúng cách. Không được sạc lại, tháo rời hoặc đốt pin lithium. Thải bỏ pin lithium đã qua sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất và quy định địa phương.



WARNING

- **NGUY CƠ NUỐT PHẢI:** Sản phẩm này có chứa pin nút hoặc pin đồng xu.
- Việc nuốt phải pin có thể gây ra **TỬ VONG** hoặc thương tích nghiêm trọng.
- Việc nuốt phải pin nút hoặc pin đồng xu có thể gây **Bỏng hóa chất bên trong** chỉ trong vòng **2 giờ**.
- **HÃY ĐỂ** pin mới và pin đã qua sử dụng **XA TẦM VỚI CỦA TRẺ**.
- **Hãy liên hệ ngay với cơ quan y tế** nếu bạn nghi trẻ nuốt phải hoặc nhét pin vào trong bất kỳ bộ phận cơ thể nào.



Tháo và tái chế ngay hoặc vứt bỏ pin đã qua sử dụng phù hợp với quy định tại địa phương, đồng thời để pin xa tầm với của trẻ. Không vứt pin vào thùng rác thải sinh hoạt hoặc đốt pin. Pin đã qua sử dụng cũng có thể gây ra thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong. Hãy gọi cho trung tâm kiểm soát chất độc tại địa phương để biết thông tin điều trị.

Loại pin: CR6821

Điện áp danh định của pin: 3V

Không cưỡng chế xả, nạp lại, tháo rời, làm nóng trên 60°C (140°F) hoặc đốt pin. Nếu không, bạn có thể bị thương tích do pin xì hơi, rò rỉ hoặc nổ dẫn đến bỏng hóa chất.


Sản phẩm này được thiết kế, kiểm nghiệm và phê duyệt để đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn nghiêm ngặt trên toàn cầu với việc sử dụng các bộ phận của nhà sản xuất cụ thể. Các tính năng an toàn của một số bộ phận có thể không phải lúc nào cũng rõ ràng. Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm về việc sử dụng các bộ phận thay thế khác.

Hãy đề cập về dịch vụ hoặc sửa chữa, ngoài những điều được mô tả trong tài liệu người dùng, với người đại diện dịch vụ.

LƯU NHỮNG HƯỚNG DẪN NÀY.

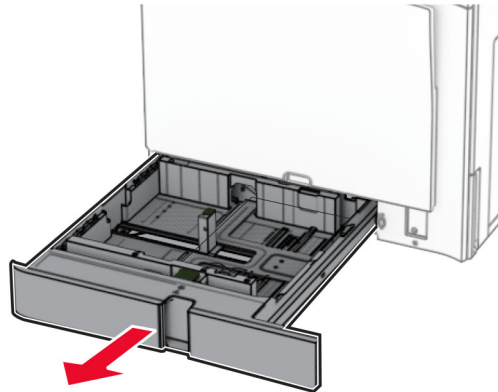
Tìm hiểu về máy in

Tìm thông tin về máy in

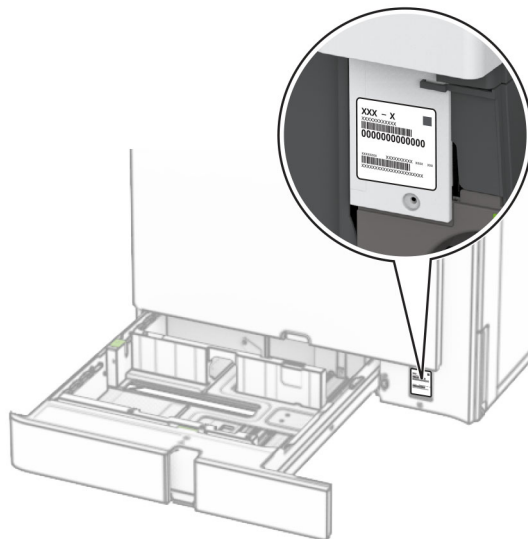
Bạn đang tìm thông tin gì?	Hãy tìm ở đây
Hướng dẫn thiết lập ban đầu	Hãy xem tài liệu thiết lập đi kèm với máy in.
<ul style="list-style-type: none"> Phần mềm máy in Trình điều khiển in hoặc fax Phần mềm cơ sở của máy in Tiền ích 	Truy cập www.lexmark.com/downloads .
Hướng dẫn sử dụng tương tác	Truy cập https://support.lexmark.com .
Video hướng dẫn	Truy cập https://infoserve.lexmark.com/idv/ .
Thông tin trợ giúp về cách sử dụng phần mềm máy in.	<p>Trợ giúp cho hệ điều hành Microsoft Windows hoặc Macintosh – Mở chương trình hoặc ứng dụng phần mềm máy in, sau đó nhấp vào Trợ giúp.</p> <p>Nhấp  để xem thông tin theo ngữ cảnh.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trợ giúp được tự động cài đặt cùng với phần mềm máy in. Tùy thuộc vào hệ điều hành, phần mềm máy in sẽ nằm trong thư mục chương trình máy in hoặc trên màn hình nền.
<ul style="list-style-type: none"> Tài liệu Hỗ trợ trò chuyện trực tiếp Hỗ trợ qua email Hỗ trợ bằng giọng nói 	<p>Truy cập https://support.lexmark.com.</p> <p>Lưu ý: Chọn quốc gia hoặc khu vực của bạn, sau đó chọn sản phẩm của bạn để xem trang hỗ trợ thích hợp.</p> <p>Thông tin liên hệ hỗ trợ dành cho quốc gia hoặc khu vực của bạn có thể được tìm thấy trên trang web hoặc trên giấy bảo hành đã in đi kèm với máy in.</p> <p>Chuẩn bị sẵn các thông tin sau đây khi bạn liên hệ với bộ phận hỗ trợ khách hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Địa điểm và ngày mua hàng Loại máy và số sê-ri <p>Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Tìm số sê-ri của máy in” trên trang 10.</p>
<ul style="list-style-type: none"> Thông tin an toàn Thông tin về quy định Thông tin bảo hành Thông tin môi trường 	<p>Thông tin bảo hành khác nhau tùy theo quốc gia hoặc khu vực:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tại Hoa Kỳ – Vui lòng xem Tuyên bố bảo hành có giới hạn đi kèm với máy in hoặc truy cập https://support.lexmark.com. Ở các quốc gia và khu vực khác—Xem bảo hành được in đi kèm với máy in. <p><i>Hướng dẫn về thông tin sản phẩm</i> – Vui lòng xem tài liệu đi kèm với máy in hoặc truy cập https://support.lexmark.com.</p>
Thông tin về hệ chiếu kỹ thuật số của Lexmark	Truy cập https://csr.lexmark.com/digital-passport.php .

Tìm số sê-ri của máy in

1 Mở khay.



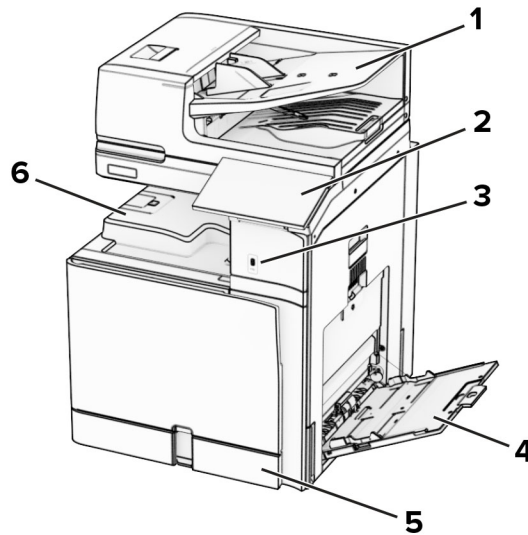
2 Tìm số sê-ri ở bên phải của máy in.



Cấu hình máy in

Lưu ý: Đảm bảo đặt máy in trên bề mặt phẳng, chắc chắn và ổn định khi đặt cấu hình.

Model cơ bản

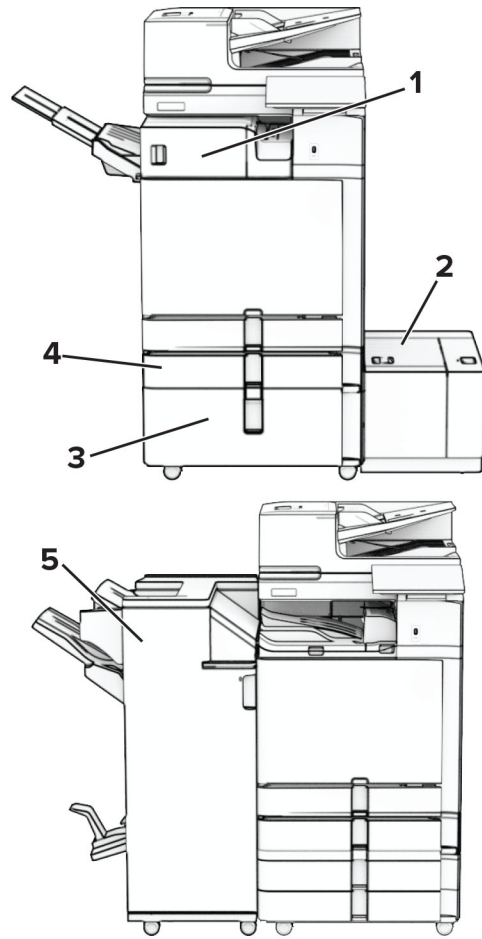


1	Khay nạp tài liệu tự động (ADF)
2	Bảng điều khiển
3	cổng USB
4	Khay nạp giấy đa năng
5	Khay 550 tờ tiêu chuẩn
6	Ngăn giấy chuẩn

Model đã đặt cấu hình

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ: Lắp đặt một hoặc nhiều tùy chọn trên máy in hoặc MFP có thể cần có đế bánh xe, đồ đạc hoặc tính năng khác để tránh tình trạng mất ổn định gây ra thương tích. Để biết thêm thông tin về cấu hình được hỗ trợ, vui lòng xem www.lexmark.com/multifunctionprinters.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ: Để giảm rủi ro mất ổn định thiết bị, hãy nạp riêng từng khay. Đóng tất cả các khay khác cho đến khi cần dùng.



#	Tùy chọn phần cứng	Tùy chọn phần cứng thay thế
1	Bộ hoàn thiện dập ghim ¹	<ul style="list-style-type: none"> Ngăn xếp offset¹ Vận chuyển giấy Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy
2	Khay 1500 tờ ²	Không có
3	Khay song song 2000 tờ ³	<ul style="list-style-type: none"> Khay 2 x 550 tờ³ Tủ³
4	Khay 550 tờ tùy chọn	Không có
5	Bộ hoàn thiện tập sách ⁴	Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ ⁴

¹ Không thể lắp cùng với bộ hoàn thiện tập sách hoặc bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ

² Phải luôn lắp cùng với khay 550 tờ tùy chọn và khay 2 x 550 tờ hoặc khay song song 2000 tờ.

³ Phải luôn lắp cùng với khay 550 tờ tùy chọn.

⁴ Phải luôn lắp cùng với khay 550 tờ tùy chọn và một trong các loại khay sau: khay 2 x 550 tờ, khay song song 2000 tờ hoặc tủ.

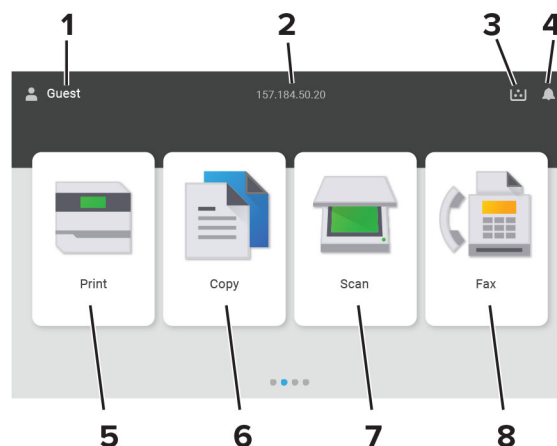
Sử dụng bảng điều khiển



	Bộ phận của bảng điều khiển	Chức năng
1	Nút nguồn	<ul style="list-style-type: none"> Bật hoặc tắt máy in. Lưu ý: Để tắt máy in, hãy nhấn và giữ nút nguồn trong năm giây. Đặt máy in ở chế độ Ngủ. Bật máy in từ chế độ Ngủ hoặc Ngủ đông.
2	Màn hình	<ul style="list-style-type: none"> Xem các thông báo của máy in và trạng thái vật tư. Thiết lập và vận hành máy in.
3	Đèn chỉ báo	Kiểm tra trạng thái của máy in.

Biểu tượng trên màn hình chính

Lưu ý: Màn hình chính có thể khác nhau tùy thuộc vào cài đặt tùy chỉnh màn hình chính, thiết lập quản trị, và các giải pháp nhúng đang hoạt động.



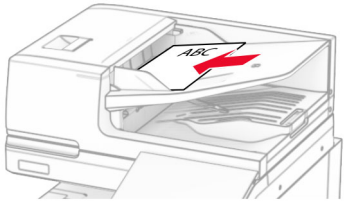
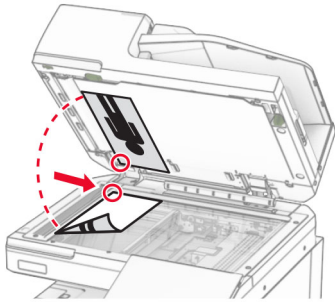
#	Tên biểu tượng	Chức năng
1	Người dùng	Cho biết người dùng đã đăng nhập vào máy in hay chưa.
2	Thông tin được hiển thị	Hiển thị thông tin máy in tùy chỉnh như địa chỉ IP của máy in hoặc ngày và giờ.

#	Tên biểu tượng	Chức năng
3	Vật tư	Hiển thị trạng thái của vật tư.
4	Thông báo	<ul style="list-style-type: none"> • Hiển thị cảnh báo máy in hoặc thông báo lỗi bất cứ khi nào máy in cần can thiệp để tiếp tục xử lý. • Xem thêm thông tin về cảnh báo hoặc thông báo của máy in, và cách xóa chúng.
5	In	In ảnh và tài liệu.
6	Sao chép	Sao chép ảnh và tài liệu.
7	Quét	Quét tài liệu.
8	Fax	Gửi tin nhắn fax.

Màu đèn báo

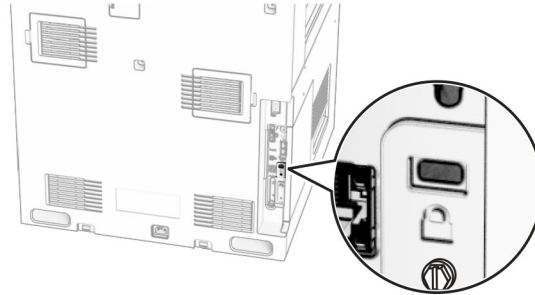
Màu đèn báo	Trạng thái máy in
Tắt	Máy in tắt.
Màu xanh trơn	Máy in sẵn sàng.
Nhấp nháy màu xanh dương	Máy in đang in hoặc đang xử lý dữ liệu.
Nhấp nháy màu đỏ	Máy in yêu cầu người dùng can thiệp.
Màu hổ phách trơn	Máy in đang ở chế độ Ngủ.
Màu hổ phách nhấp nháy	Máy in đang ở chế độ Ngủ sâu hoặc Ngủ đông.

Sử dụng khay nạp tài liệu tự động và kính máy quét

Khay nạp tài liệu tự động (ADF)	Kính máy quét
 <ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng ADF cho các tài liệu nhiều trang hoặc hai mặt. • Nạp tài liệu gốc nằm ngửa lên. Đối với tài liệu nhiều trang, hãy đảm bảo canh chỉnh cạnh đầu trước khi nạp. • Đảm bảo điều chỉnh các thanh dẫn hướng ADF cho khớp với độ rộng của giấy đang nạp. 	 <ul style="list-style-type: none"> • Dùng kính máy quét cho tài liệu một trang, trang sách, các vật nhỏ (như bưu thiếp hoặc ảnh), giấy trong suốt, giấy ảnh hoặc giấy in mỏng (chẳng hạn như các mẫu tạp chí). • Đặt tài liệu úp xuống trong góc có mũi tên.

Định vị khe bảo mật

Máy in được trang bị tính năng khóa bảo mật. Gắn khóa bảo mật tương thích với hầu hết máy tính xách tay tại vị trí được hiển thị để bảo vệ máy in tại chỗ.



Chọn giấy

Hướng dẫn về giấy

Sử dụng giấy thích hợp để tránh kẹt giấy và giúp đảm bảo in không gặp sự cố.

- Luôn sử dụng giấy mới, không bị hư hỏng.
- Trước khi nạp giấy, hãy tìm hiểu mặt có thể in của giấy được khuyến nghị. Thông tin này thường được hiển thị trên bao bì giấy.
- Không dùng giấy đã bị cắt hoặc tĩa bằng tay.
- Không trộn lẫn nhiều khổ, loại hoặc trọng lượng giấy trong cùng một khay; trộn lẫn như vậy sẽ gây ra kẹt giấy.
- Không sử dụng giấy tráng trù khi chúng được thiết kế đặc biệt để in ảnh điện.

Để biết thêm thông tin, vui lòng xem *Hướng dẫn về giấy và giấy chuyên dụng*.

Đặc điểm giấy

Các đặc điểm giấy sau đây ảnh hưởng đến chất lượng bản in và độ tin cậy. Hãy xem xét các yếu tố này trước khi in.

Trọng lượng

Các khay có thể nạp giấy có trọng lượng khác nhau. Giấy nhẹ hơn 60 g/m² (16 lb) có thể không đủ cứng để nạp đúng cách, và có thể gây kẹt giấy. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem chủ đề “Trọng lượng giấy được hỗ trợ”.

Quản

Quản là xu hướng giấy bị quản ở các cạnh. Quản nhiều có thể gây ra sự cố nạp giấy. Tình trạng quản có thể xảy ra sau khi giấy đi qua máy in, tại đó giấy tiếp xúc với nhiệt độ cao. Bảo quản giấy chưa được gói trong điều kiện nóng, ẩm, lạnh hoặc khô có thể góp phần làm quản giấy trước khi in và có thể gây ra sự cố nạp giấy.

Độ mịn

Độ mịn của giấy ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng bản in. Nếu giấy quá thô, mực không thể chảy ra phù hợp. Nếu giấy quá mịn thì có thể gây ra vấn đề nạp giấy hoặc chất lượng bản in. Chúng tôi khuyến nghị sử dụng giấy có 50 điểm Sheffield.

Độ ẩm

Lượng hơi ẩm trong giấy ảnh hưởng đến cả chất lượng bản in và khả năng máy in nạp giấy chính xác. Để giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng. Giấy bị thay đổi độ ẩm có thể làm giảm hiệu suất của giấy.

Trước khi in, hãy bảo quản giấy trong bao bì ban đầu từ 24 đến 48 giờ. Môi trường bảo quản giấy phải giống với môi trường của máy in. Kéo dài thời gian vài ngày nếu môi trường bảo quản hoặc vận chuyển khác với môi trường máy in. Giấy dày cũng có thể cần thời gian điều hòa dài hơn.

Hướng thớ giấy

Thớ giấy chỉ các hàng thẳng của các sợi giấy trong một tờ giấy. Thớ giấy có thể là *thớ dài* chạy theo chiều dài của giấy, hoặc *thớ ngắn* chạy theo chiều rộng của giấy. Để biết hướng thớ giấy được đề xuất, vui lòng xem chủ đề “Trọng lượng giấy được hỗ trợ”.

Hàm lượng sợi

Hầu hết giấy in mực tĩnh điện chất lượng cao được làm từ 100% bột gỗ đã qua xử lý hóa học. Hàm lượng này giúp cho giấy có độ ổn định cao, ít phát sinh sự cố nạp giấy hơn và chất lượng bản in tốt hơn. Giấy có chứa sợi như bông có thể ảnh hưởng không tốt đến việc xử lý giấy.

Giấy không được hỗ trợ

Không nên sử dụng các loại giấy sau đây với máy in:

- Giấy được xử lý bằng hóa chất dùng để tạo bản sao mà không có giấy than. Loại giấy này còn được gọi là giấy không carbon, giấy in không carbon (CCP) hoặc giấy không cần carbon (NCR).
- Giấy in sẵn có hóa chất có thể làm bẩn máy in.
- Giấy in sẵn có thể bị ảnh hưởng bởi nhiệt độ trong bộ sấy máy in.
- Giấy in sẵn yêu cầu vùng đăng ký (vị trí in chính xác trên trang) lớn hơn $\pm 2,3$ mm ($\pm 0,09$ in.). Ví dụ: các biểu mẫu nhận dạng ký tự quang học (OCR).

Đôi khi, có thể điều chỉnh vùng đăng ký bằng ứng dụng phần mềm để in thành công trên các biểu mẫu này.

- Giấy trắng (giấy thô có thể xóa), giấy tổng hợp hoặc giấy in nhiệt
- Giấy không xén cạnh, bề mặt thô hoặc ráp, hoặc giấy bị quăn
- Giấy không đáp ứng tiêu chuẩn EN12281:2002 (Châu Âu)
- Giấy nặng dưới 60 g/m² (16 lb).
- Biểu mẫu hoặc tài liệu nhiều phần.

Sử dụng giấy tái chế

Lexmark nỗ lực giảm bớt tác động của giấy đến môi trường bằng cách cung cấp cho khách hàng những lựa chọn in ấn. Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi đang thử nghiệm các sản phẩm để đảm bảo có thể sử dụng giấy tái chế - cụ thể là loại giấy được sản xuất với tỷ lệ hàm lượng được tái chế sau tiêu thụ là 30%, 50% và

100%. Chúng tôi kỳ vọng rằng giấy tái chế sẽ mang lại hiệu suất tương đương với giấy nguyên chất trong máy in của chúng tôi. Mặc dù không có tiêu chuẩn chính thức nào về sử dụng giấy cho thiết bị văn phòng, Lexmark sử dụng Tiêu chuẩn Châu Âu EN 12281 làm tiêu chuẩn tối thiểu cho đặc tính sản phẩm. Để đảm bảo phạm vi thử nghiệm rộng rãi, giấy thử nghiệm bao gồm 100% giấy tái chế từ Bắc Mỹ, Châu Âu và Châu Á, đồng thời các thử nghiệm được thực hiện ở độ ẩm tương đối từ 8 - 80%. Thử nghiệm bao gồm in hai mặt. Các loại giấy văn phòng sử dụng thành phần có thể tái tạo, tái chế hoặc không chứa clo đều có thể được sử dụng.

Bảo quản giấy

Áp dụng các hướng dẫn bảo quản giấy này để tránh bị kẹt giấy và chất lượng in không đồng đều:

- Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu với cùng môi trường như máy in trong thời gian từ 24 đến 48 giờ trước khi in.
- Kéo dài thời gian vài ngày nếu môi trường bảo quản hoặc vận chuyển khác với môi trường máy in. Giấy dày cũng có thể cần thời gian điều hòa dài hơn.
- Để có kết quả tốt nhất, hãy bảo quản giấy ở nơi có nhiệt độ là 21°C (70°F) và độ ẩm tương đối là 40 phần trăm.
- Hầu hết các nhà sản xuất nhãn đều khuyến nghị nên in ở phạm vi nhiệt độ 18–24°C (65–75°F) với độ ẩm tương đối từ 40 đến 60 phần trăm.
- Bảo quản giấy trong thùng các tông, trên pa-lét hoặc kệ, thay vì trên sàn.
- Để các bao giấy riêng lẻ trên bề mặt phẳng.
- Không được để bất kỳ vật gì lên trên các bao giấy riêng lẻ.
- Chỉ lấy giấy ra khỏi thùng các tông hoặc bao bì khi chuẩn bị nạp giấy vào máy in. Thùng các tông và bao bì giúp giữ cho giấy sạch sẽ, khô ráo và không bị nhăn.

Chọn mẫu in sẵn và giấy tiêu đề

- Sử dụng giấy thô dài.
- Chỉ sử dụng các mẫu và giấy tiêu đề được in bằng quy trình in thạch bản offset hoặc in khắc.
- Tránh dùng giấy có bề mặt thô hoặc ráp.
- Sử dụng loại mực không bị ảnh hưởng bởi nhựa trong bột mực. Các loại mực có tính ôxi hóa hoặc gốc dầu thường đáp ứng những yêu cầu này; mực cao su không thể đáp ứng được.
- In mẫu trên các mẫu in sẵn và giấy tiêu đề được cân nhắc sử dụng trước khi mua số lượng lớn. Thao tác này xác định xem mực in trong mẫu in sẵn hoặc giấy tiêu đề có ảnh hưởng đến chất lượng in hay không.
- Khi không chắc chắn, hãy liên hệ với nhà cung cấp giấy.
- Khi in trên giấy tiêu đề, hãy nạp giấy theo hướng chính xác đối với máy in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem *Hướng dẫn về giấy và giấy chuyên dụng*.

Khổ giấy được hỗ trợ

Khổ giấy được cấu hình cơ bản hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	X	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
A6 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
1/3 A4	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
A5 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
A4 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
A3 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓ ¹	✓ ¹
JIS B5 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
JIS B4 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓	✓
Báo cáo 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
Executive 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓

¹ Chỉ hỗ trợ ở một số model máy in.

² Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.

³ Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 297 x 355,6 mm (11,69 x 14 inch).

⁴ Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

⁵ Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).

⁶ Hỗ trợ khổ giấy từ 105 x 139,7 mm (4,13 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,59 x 18 inch).

⁷ Hỗ trợ khổ giấy từ 76,2 x 128 mm (3 x 5,04 inch) đến 297 x 432 mm (11,69 x 17,01 inch).

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
Thư 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
Folio 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
Oficio (Mexico) 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
Legal 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
Ledger 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓	✓
12x18 304,8 x 457,2 mm (12,0 x 18,0 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓	X
SRA3 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓	✓	X
Phong bì (Choukei #3) 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Hagaki 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Phong bì B5 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Phong bì (Commercial #9) 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X

¹ Chỉ hỗ trợ ở một số model máy in.

² Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.

³ Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 297 x 355,6 mm (11,69 x 14 inch).

⁴ Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

⁵ Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).

⁶ Hỗ trợ khổ giấy từ 105 x 139,7 mm (4,13 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,59 x 18 inch).

⁷ Hỗ trợ khổ giấy từ 76,2 x 128 mm (3 x 5,04 inch) đến 297 x 432 mm (11,69 x 17,01 inch).

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
Phong bì (Commercial #10) 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Phong bì (Monarch 7-3/4) 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Phong bì (DL) 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Phong bì (ISO C4) 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	✓ ²	X	X
Phong bì (ISO C5) 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Thông dụng	Không áp dụng	✓ ³	✓ ^{4, 5}	✓ ⁶	✓ ⁷

¹ Chỉ hỗ trợ ở một số model máy in.
² Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.
³ Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 297 x 355,6 mm (11,69 x 14 inch).
⁴ Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 inch Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.
⁵ Hỗ trợ khổ giấy từ 95 x 139,7 mm (3,74 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,6 x 18 inch).
⁶ Hỗ trợ khổ giấy từ 105 x 139,7 mm (4,13 x 5,5 inch) đến 320 x 457,2 mm (12,59 x 18 inch).
⁷ Hỗ trợ khổ giấy từ 76,2 x 128 mm (3 x 5,04 inch) đến 297 x 432 mm (11,69 x 17,01 inch).

Khổ giấy được khay tùy chọn hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay 2 x 550 tờ	khay song song 2000 tờ	Khay 1500 tờ
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
A6 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
1/3 A4	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X

¹ Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.
² Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay 2 x 550 tờ	khay song song 2000 tờ	Khay 1500 tờ
A5 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
A4 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
A3 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
JIS B5 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X	✓
JIS B4 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Báo cáo 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
Executive 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X	X
Thư 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓
Folio 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Oficio (Mexico) 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Legal 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Ledger 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X

¹ Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.

² Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay 2 x 550 tờ	khay song song 2000 tờ	Khay 1500 tờ
12x18 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
SRA3 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Phong bì (Choukei #3) 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Hagaki 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓ ¹	✓ ¹	X	X
Phong bì B5 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (Commercial #9) 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓ ¹	✓ ¹	X	X
Phong bì (Commercial #10) 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (Monarch 7-3/4) 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Phong bì (DL) 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Phong bì (ISO C4) 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (ISO C5) 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	X
Thông dụng	Không áp dụng	✓ ²	✓ ²	✓	✓

¹ Chỉ được hỗ trợ khi được đặt cấu hình từ menu Thiết lập chung.
² Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ

Lưu ý: Bộ phận vận chuyển giấy và bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hoặc bộ hoàn thiện tập sách đã được lắp vào máy in.

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	✓
A6 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
1/3 A4	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	✓
A5 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
A4 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
A3 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
JIS B5 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
JIS B4 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

² Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 1260 mm (12,59 x 49,6 inch).

³ Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Báo cáo 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Executive 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Thư 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Folio 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Oficio (Mexico) 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Legal 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Ledger 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
12x18 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
SRA3 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	X	✓

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

² Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 1260 mm (12,59 x 49,6 inch).

³ Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Phong bì (Choukei #3) 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Hagaki 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì B5 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì (Commercial #9) 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì (Commercial #10) 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì (Monarch 7-3/4) 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì (DL) 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì (ISO C4) 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì (ISO C5) 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

² Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 1260 mm (12,59 x 49,6 inch).

³ Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Thông dụng	Không áp dụng	✓ ¹	✓ ¹	✓ ²	✓ ¹	✓ ¹	✓ ³	✓ ²

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).
² Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 1260 mm (12,59 x 49,6 inch).
³ Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Lưu ý: Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy và bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hoặc bộ hoàn thiện tập sách đã được lắp vào máy in.

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
A6 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X
1/3 A4	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X	X

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).
² Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 297 x 1260 mm (11,69 x 49,6 inch).
³ Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
A5 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
A4 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
A3 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
JIS B5 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
JIS B4 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Báo cáo 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Executive 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Thư 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

² Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 297 x 1260 mm (11,69 x 49,6 inch).

³ Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Folio 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Oficio (Mexico) 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Legal 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Ledger 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
12x18 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	✓	X
SRA3 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	X	X
Phong bì (Choukei #3) 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Hagaki 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì B5 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).
² Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 297 x 1260 mm (11,69 x 49,6 inch).
³ Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
		Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Phong bì (Commercial #9) 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì (Commercial #10) 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì (Monarch 7-3/4) 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì (DL) 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì (ISO C4) 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì (ISO C5) 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	X	X	X	✓
Thông dụng	Không áp dụng	✓ ¹	✓ ¹	✓ ²	✓ ¹	✓ ¹	✓ ³	✓ ²

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).
² Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 297 x 1260 mm (11,69 x 49,6 inch).
³ Hỗ trợ khổ giấy từ 182 x 257 mm (7,17 x 10,12 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy được hỗ trợ cho lệnh dập ghim và dập lỗ

Khổ giấy được bộ hoàn thiện dập ghim hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Ghim		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
A6 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
1/3 A4	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
A5 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
A4 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
A3 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
JIS B5 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
JIS B4 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
Báo cáo 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X
Executive 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓
Thư 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	X
Folio 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X
Oficio (Mexico) 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X

Khổ giấy	Hướng	Ghim		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái
Legal 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
Ledger 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓
12x18 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
SRA3 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
Phong bì (Choukei #3) 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
Hagaki 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
Phong bì B5 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
Phong bì (Commercial #9) 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
Phong bì (Commercial #10) 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
Phong bì (Monarch 7-3/4) 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
Phong bì (DL) 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
Phong bì (ISO C4) 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X
Phong bì (ISO C5) 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X

Khổ giấy được bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Ghim			Dập lỗ		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái	Hai lỗ	Ba lỗ	Bốn lỗ
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
A6 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
1/3 A4	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
A5 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓	X	X
A4 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
A3 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
JIS B5 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
JIS B4 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	✓
Báo cáo 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓	X	X
Executive 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Thư 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Folio 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
Oficio (Mexico) 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X

Khổ giấy	Hướng	Ghim			Dập lỗ		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái	Hai lỗ	Ba lỗ	Bốn lỗ
Legal 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
Ledger 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
12x18 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
SRA3 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì (Choukei #3) 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Hagaki 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì B5 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì (Commercial #9) 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì (Commercial #10) 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì (Monarch 7-3/4) 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì (DL) 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì (ISO C4) 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì (ISO C5) 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X

Khổ giấy được bộ hoàn thiện tập sách hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Ghim			Dập lỗ		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái	Hai lỗ	Ba lỗ	Bốn lỗ
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
A6 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
1/3 A4	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X	X
A5 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓	X	X
A4 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
A3 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
JIS B5 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	X	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	X	X
JIS B4 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	X	✓	✓	✓
Báo cáo 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	✓	X	X
Executive 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Thư 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
	Nạp cạnh dài	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Folio 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
Oficio (Mexico) 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X

Khổ giấy	Hướng	Ghim			Dập lỗ		
		Đơn	Hai lần	Hai lần, bên trái	Hai lỗ	Ba lỗ	Bốn lỗ
Legal 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	X	X
Ledger 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓	✓
12x18 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
SRA3 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì (Choukei #3) 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Hagaki 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì B5 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì (Commercial #9) 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì (Commercial #10) 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì (Monarch 7-3/4) 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì (DL) 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì (ISO C4) 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X
Phong bì (ISO C5) 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X	X

Khổ giấy được hỗ trợ cho lệnh gấp

Khổ giấy tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Chỉ tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
A6 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
1/3 A4	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
A5 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
A4 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
A3 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
JIS B5 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
JIS B4 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
Báo cáo 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
Executive 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
Thư 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
Folio 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

Khổ giấy	Hướng	Chỉ tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn
Oficio (Mexico) 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
Legal 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
Ledger 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
12x18 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
SRA3 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (Choukei #3) 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Hagaki 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì B5 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (Commercial #9) 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (Commercial #10) 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (Monarch 7-3/4) 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (DL) 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

Khổ giấy	Hướng	Chỉ tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn	Ngăn giấy chuẩn
Phong bì (ISO C4) 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (ISO C5) 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

Khổ giấy được bộ phận vận chuyển giấy và bộ hoàn thiện tập sách hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách	
		gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
A6 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
1/3 A4	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
A5 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
A4 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X
A3 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
JIS B5 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X
JIS B4 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Báo cáo 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách	
		gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2
Executive 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
Thư 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X
Folio 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Oficio (Mexico) 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Legal 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Ledger 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
12x18 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
SRA3 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Phong bì (Choukei #3) 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Hagaki 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì B5 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (Commercial #9) 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (Commercial #10) 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách	
		gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2
Phong bì (Monarch 7-3/4) 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (DL) 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (ISO C4) 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (ISO C5) 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X

Khổ giấy được tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy và bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy ngắn, ngăn 2	Ngăn giấy ngắn, ngăn 2
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
A6 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
1/3 A4	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
A5 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
A4 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
A3 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy ngăn, ngăn 2	Ngăn giấy ngăn, ngăn 2
JIS B5 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
JIS B4 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓
Báo cáo 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
Executive 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
Thư 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X
Folio 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Oficio (Mexico) 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
Legal 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
Ledger 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓
12x18 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓
SRA3 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓
Phong bì (Choukei #3) 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V
		Ngăn giấy 2	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy ngăn, ngăn 2	Ngăn giấy ngăn, ngăn 2
Hagaki 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì B5 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (Commercial #9) 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (Commercial #10) 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (Monarch 7-3/4) 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (DL) 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (ISO C4) 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X
Phong bì (ISO C5) 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X

Khổ giấy được tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy và bộ hoàn thiện tập sách hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách				
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 3	Ngăn giấy 3	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 3	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2, ngăn 3
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách				
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 3	Ngăn giấy 3	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 3	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2, ngăn 3
A6 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
1/3 A4	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
A5 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
A4 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
A3 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
JIS B5 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
JIS B4 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	✓	✓	✓
Báo cáo 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
Executive 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
Thư 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
	Nạp cạnh dài	X	X	X	X	X
Folio 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	✓	✓
Oficio (Mexico) 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách				
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 3	Ngăn giấy 3	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 3	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2, ngăn 3
Legal 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
Ledger 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓	✓	✓	✓
12x18 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	✓
SRA3 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	✓
Phong bì (Choukei #3) 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
Hagaki 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
Phong bì B5 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
Phong bì (Commercial #9) 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
Phong bì (Commercial #10) 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
Phong bì (Monarch 7-3/4) 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
Phong bì (DL) 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X
Phong bì (ISO C4) 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách				
		gấp chữ C	gấp chữ Z	nửa tờ giấy gấp chữ Z	gấp chữ V nhiều lần	gấp chữ V
		Ngăn giấy 3	Ngăn giấy 3	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 3	Ngăn giấy 2	Ngăn giấy chuẩn, ngăn 1, ngăn 2, ngăn 3
Phong bì (ISO C5) 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X	X	X	X

Khổ giấy được hỗ trợ cho lệnh xếp chồng offset

Khổ giấy được ngăn xếp offset hoặc bộ hoàn thiện dập ghim hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Ngăn xếp offset	Bộ hoàn thiện dập ghim
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
A6 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
1/3 A4	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
A5 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
A4 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
A3 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
JIS B5 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
JIS B4 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Báo cáo 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
	Nạp cạnh dài	✓	X

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

² Hỗ trợ khổ giấy từ 148 x 148 mm (5,83 x 5,83 inch) đến 297 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

Khổ giấy	Hướng	Ngăn xếp offset	Bộ hoàn thiện dập ghim
Executive 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
Thư 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
Folio 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Oficio (Mexico) 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Legal 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Ledger 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
12x18 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
SRA3 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (Choukei #3) 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
Hagaki 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
Phong bì B5 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
Phong bì (Commercial #9) 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
Phong bì (Commercial #10) 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).

² Hỗ trợ khổ giấy từ 148 x 148 mm (5,83 x 5,83 inch) đến 297 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

Khổ giấy	Hướng	Ngăn xếp offset	Bộ hoàn thiện dập ghim
Phong bì (Monarch 7-3/4) 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
Phong bì (DL) 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
Phong bì (ISO C4) 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
Phong bì (ISO C5) 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	X
Thông dụng	Không áp dụng	✓ ¹	✓ ²

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 90 x 148 mm (3,55 x 5,83 inch) đến 320 x 600 mm (12,59 x 23,62 inch).
² Hỗ trợ khổ giấy từ 148 x 148 mm (5,83 x 5,83 inch) đến 297 x 431,8 mm (11,69 x 17 inch).

Khổ giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
A6 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
1/3 A4	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
A5 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
A4 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
A3 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).
² Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
JIS B5 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
JIS B4 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Báo cáo 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
Executive 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
Thư 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
Folio 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Oficio (Mexico) 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Legal 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Ledger 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
12x18 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
SRA3 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (Choukei #3) 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).

² Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
Hagaki 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì B5 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (Commercial #9) 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (Commercial #10) 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (Monarch 7-3/4) 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (DL) 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (ISO C4) 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (ISO C5) 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Thông dụng	Không áp dụng	✓ ¹	✓ ²

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).
² Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ (có tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy)

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
Thẻ 4x6	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).
² Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện đập ghim, đập lỗ	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
A6 105 x 148 mm (4,13 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
1/3 A4	Nạp cạnh ngắn	X	X
	Nạp cạnh dài	X	X
A5 148 x 210 mm (5,83 x 8,27 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
A4 210 x 297 mm (8,27 x 11,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
A3 297 x 420 mm (11,69 x 16,54 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
JIS B5 182 x 257 mm (7,17 x 10,1 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
JIS B4 257 x 364 mm (10,12 x 14,33 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Báo cáo 139,7 x 215,9 mm (5,5 x 8,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
Executive 184,2 x 266,7 mm (7,25 x 10,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
Thư 215,9 x 279,4 mm (8,5 x 11 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
	Nạp cạnh dài	✓	✓
Folio 215,9 x 330,2 mm (8,5 x 13 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Oficio (Mexico) 215,9 x 340,4 mm (8,5 x 13,4 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).

² Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
Legal 215,9 x 355,6 mm (8,5 x 14 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
Ledger 279,4 x 431,8 mm (11 x 17 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
12x18 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch)	Nạp cạnh ngắn	✓	✓
SRA3 320,04 x 449,58 mm (12,6 x 17,7 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (Choukei #3) 120 x 235 mm (4,75 x 9,25 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Hagaki 100 x 148 mm (3,94 x 5,83 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì B5 176 x 250 mm (6,93 x 9,84 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (Commercial #9) 98,4 x 225,4 mm (3,875 x 8,9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (Commercial #10) 104,8 x 241,3 mm (4,12 x 9,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (Monarch 7-3/4) 98,4 x 190,5 mm (3,875 x 7,5 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (DL) 110 x 220 mm (4,33 x 8,66 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Phong bì (ISO C4) 229 x 324 mm (9 x 12,8 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).

² Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Khổ giấy	Hướng	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện đập ghim, đập lỗ	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách
		Ngăn giấy 1	Ngăn giấy 1
Phong bì (ISO C5) 162 x 229 mm (6,38 x 9 inch)	Nạp cạnh ngắn	X	X
Thông dụng	Không áp dụng	✓ ¹	✓ ²

¹ Hỗ trợ khổ giấy từ 139,7 x 148 mm (5,5 x 5,83 inch) đến 304,8 x 600 mm (12 x 23,62 inch).
² Hỗ trợ khổ giấy từ 125 x 148 mm (4,93 x 5,83 inch) đến 304,8 x 457,2 mm (12 x 18 inch).

Trọng lượng giấy được hỗ trợ

Khay 550 tờ tiêu chuẩn hoặc tùy chọn, khay 2 x 550 tờ, khay 1500 tờ và khay song song 2000 tờ	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
60–300 g/m ² (16 – 80-lb giấy thô)	60–300 g/m ² (16 – 80-lb giấy thô)	60–220 g/m ² (16 – 59-lb giấy thô)	50–150 g/m ² (14 – 40-lb giấy thô)

Loại giấy được hỗ trợ

Loại giấy được cấu hình cơ bản hỗ trợ

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
Giấy thường	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	✓	X
Tái chế	✓	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓	X
Giấy bóng dày	✓	✓	✓	X
Nhãn	✓	✓	X	X
Nhãn vinyl	✓	✓	X	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓
Phong bì	✓	✓	X	X
Phong bì ráp	✓	✓	X	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓	X

Khổ giấy	Khay 550 tờ tiêu chuẩn	Khay nạp giấy đa năng	In hai mặt	Khay nạp tài liệu tự động
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓

Loại giấy được khay tùy chọn hỗ trợ

Khổ giấy	Khay 550 tờ tùy chọn	Khay 2 x 550 tờ	khay song song 2000 tờ	Khay 1500 tờ
Giấy thường	✓	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	✓	✓
Giấy trong suốt	X	X	X	X
Tái chế	✓	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓	✓
Nhãn	✓	✓	X	X
Nhãn vinyl	✓	✓	X	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓
Phong bì	✓	✓	X	X
Phong bì ráp	✓	✓	X	X
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓

Loại giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ

Khổ giấy	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim, dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim, dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Giấy bìa	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Bóng	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓

* Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 in. Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

Khổ giấy	Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Bộ phận vận chuyển giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim, dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim, dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Giấy bóng dày	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Nhãn	✓	✓	✓	✓	✓	X	X
Nhãn vinyl	✓	✓	✓	✓	✓	X	X
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Phong bì	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì ráp	X	X	✓	X	X	X	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓	✓	X	X
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓	✓	X	X
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓

* Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 in. Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

Loại giấy được ngăn giấy đầu ra hỗ trợ (có tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy)

Khổ giấy	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Giấy thường	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bì	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Tái chế	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Nhãn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓

* Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 in. Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

Khổ giấy	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ			Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy + Bộ hoàn thiện tập sách			
	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)	Ngăn giấy chuẩn (Ngăn giấy trên cùng của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 1 (Ngăn giấy offset, dập ghim/dập lỗ của bộ hoàn thiện)	Ngăn giấy 2 (Ngăn giấy của bộ hoàn thiện tập sách)	Ngăn giấy 3 (Ngăn giấy của bộ phận vận chuyển giấy)
Nhãn vinyl	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Giấy thô	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Phong bì	X	X	✓	X	X	X	✓
Phong bì ráp	X	X	✓	X	X	X	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓	✓	X	✓
Giấy màu	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	✓	✓	✓	✓	✓	X	X
Ráp/cotton	✓	✓	✓	✓	✓	X	X
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓	✓	✓	✓*	✓

* Trong trường hợp giấy biểu ngữ, độ dài tối đa của khổ giấy thông dụng là 1320,8 x 52 in. Chỉ nạp một tờ giấy biểu ngữ mỗi lần.

Loại giấy được bộ phận vận chuyển giấy với tùy chọn gấp, ngăn xếp offset, bộ hoàn thiện dập ghim hỗ trợ

Khổ giấy	Chỉ tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy	Ngăn xếp offset	Bộ hoàn thiện dập ghim
Giấy thường	✓	✓	✓
Giấy bìa	✓	✓	✓
Tái chế	✓	✓	✓
Bóng	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	✓	✓	✓
Nhãn	✓	✓	✓
Nhãn vinyl	✓	✓	✓
Giấy thô	✓	✓	✓
Phong bì	✓	✓	✓
Phong bì ráp	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓
Giấy màu	✓	✓	✓
Giấy mỏng	✓	✓	✓

Khổ giấy	Chỉ tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy	Ngăn xếp offset	Bộ hoàn thiện dập ghim
Giấy dày	✓	✓	✓
Ráp/cotton	✓	✓	✓
Kiểu tùy chỉnh	✓	✓	✓

Loại giấy được bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ và bộ hoàn thiện tập sách hỗ trợ

Khổ giấy	Ngăn trên cùng của bộ hoàn thiện (Ngăn giấy chuẩn)				Ngăn giấy ghim của bộ hoàn thiện (Ngăn giấy 1)			
	Offset	Dập lỗ	Ghim	Gấp	Offset	Dập lỗ	Ghim	Gấp
Giấy thường	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bì	X	X	X	X	✓	X	X	X
Tái chế	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Bóng	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy bóng dày	X	X	X	X	✓	X	X	X
Nhãn	X	X	X	X	✓	X	X	X
Nhãn vinyl	X	X	X	X	✓	X	X	X
Giấy thô	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy tiêu đề	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
In sẵn	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy màu	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy mỏng	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓
Giấy dày	X	X	X	X	✓	X	X	X
Ráp/cotton	X	✓	X	X	✓	✓	X	X
Kiểu tùy chỉnh	X	✓	X	✓	✓	✓	✓	✓

Các tính năng và hỗ trợ máy in bổ sung

Ứng dụng được hỗ trợ

Ứng dụng	Model máy in
Trung tâm quét	CX833, CX961, CX962, CX963, XC8355, XC9635, XC9645, XC9655
Tùy chỉnh hiển thị	CX833, CX961, CX962, CX963, XC8355, XC9635, XC9645, XC9655
Hỗ trợ khách hàng	XC8355, XC9635, XC9645, XC9655
Hạn mức thiết bị	XC8355, XC9635, XC9645, XC9655

Ổ đĩa flash và loại tập tin được hỗ trợ

Ổ đĩa flash

- Ổ đĩa flash hỗ trợ USB 2.0 hoặc thấp hơn.
- Ổ đĩa flash hỗ trợ Hệ thống tập tin công nghệ mới (NTFS) hoặc hệ thống tập tin Bảng phân bổ tập tin (FAT32).

Loại tập tin

Tài liệu	Hình ảnh
<ul style="list-style-type: none"> • PDF (phiên bản 1.7 hoặc cũ hơn) • Định dạng tập tin Microsoft (DOC, DOCX, XLS, XLSX, PPT, PPTX) 	<ul style="list-style-type: none"> • JPEG hoặc JPG • TIFF hoặc TIF • GIF • BMP • PNG • PCX • DCX

Tùy chọn nội bộ khả dụng

- Đĩa cứng
- Tính năng được cấp phép
 - IPDS
 - Mã vạch
- Cổng giải pháp nội bộ (ISP) của Lexmark™
 - Thẻ nối tiếp RS-232C
 - Ethernet sợi quang MarkNet™ N8230 100BASE-FX(LC), 1000BASE-SX(LC)

Thiết lập, cài đặt, và thiết lập cấu hình

Chọn vị trí cho máy in

- Chừa đủ chỗ để mở khay, nắp và cửa cũng như để lắp đặt các tùy chọn phần cứng.
- Thiết lập máy in gần ổ cắm điện.

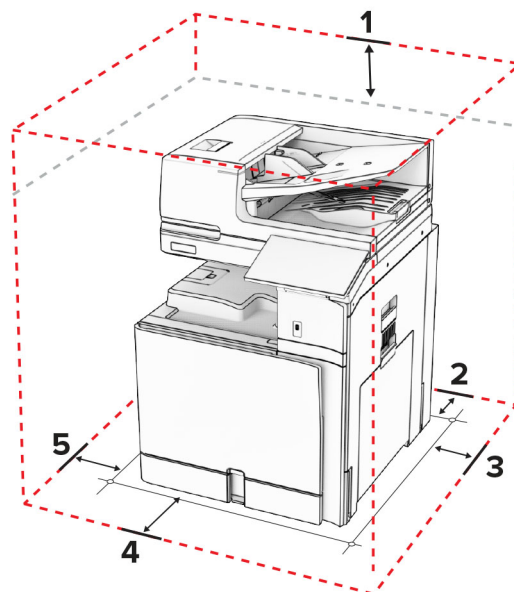
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, không đặt hoặc sử dụng sản phẩm này gần nước hoặc vị trí ẩm ướt.

- Đảm bảo luồng khí trong phòng đáp ứng quy định trong phiên bản mới nhất của tiêu chuẩn ASHRAE 62 hoặc tiêu chuẩn 156 của Ủy ban kỹ thuật CEN.
- Chuẩn bị bề mặt phẳng, vững chắc và cố định.
- Giữ máy in:
 - Sạch sẽ, khô ráo và không bị bụi bẩn.
 - Tránh xa các kim bấm và kẹp giấy để rải rác.
 - Tránh xa luồng khí trực tiếp của máy điều hòa không khí, máy sưởi hoặc quạt thông gió.
 - Tránh xa ánh nắng trực tiếp và độ ẩm cao.
- Giữ mức nhiệt độ khuyến nghị và tránh để dao động nhiệt độ:

Nhiệt độ môi trường xung quanh	10 đến 32,2°C (50 đến 90°F)
Nhiệt độ bảo quản	15,6 đến 32,2°C (60 đến 90°F)

- Chừa khoảng trống khuyến nghị sau đây quanh máy in để thông gió đúng cách:



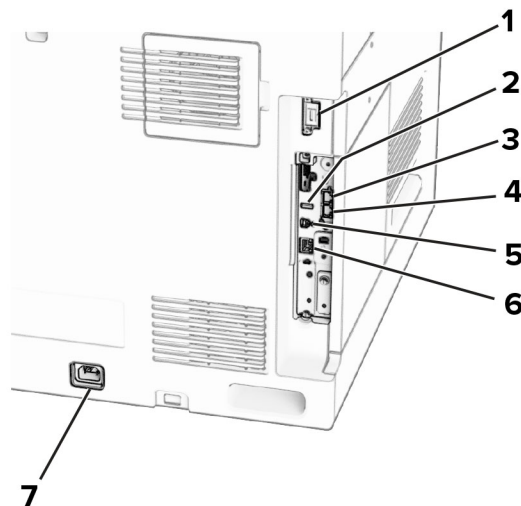
1	Trên cùng	330 mm (13 in.)
2	Phía sau	203 mm (8 in.)

3	Bên phải	574 mm (22.6 in)
4	Phía trước	338 mm (13.3 in)
5	Bên trái	152 mm (6 in)

Các cổng máy in

- ⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không thiết lập sản phẩm này hoặc nối điện hay cáp, chẳng hạn như dây nguồn, tính năng fax hoặc điện thoại, trong khi có bão sét.
- ⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.
- ⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, chỉ sử dụng dây điện được cung cấp cùng với sản phẩm này hoặc phụ kiện thay thế được ủy quyền của nhà sản xuất.
- ⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để giảm rủi ro hỏa hoạn, chỉ sử dụng dây viễn thông từ 26 AWG trở lên (RJ-11) khi kết nối sản phẩm này với mạng điện thoại chuyển mạch công cộng. Đối với người dùng ở Úc, loại dây này phải được Cơ quan thông tin và truyền thông Úc phê duyệt.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Để tránh mất dữ liệu hoặc lỗi máy in, không chạm vào cáp USB, bộ điều hợp mạng không dây, hoặc máy in tại khu vực được hiển thị trong khi đang in.



	Cổng máy in	Chức năng
1	Bộ hoàn thiện hoặc cổng tùy chọn	Kết nối máy in với bộ hoàn thiện hoặc cổng tùy chọn.
2	cổng USB	Gắn bàn phím hoặc mọi tùy chọn tương thích.
3	cổng LINE Lưu ý: Chỉ khả dụng khi lắp thẻ fax.	Kết nối máy in với đường dây điện thoại đang hoạt động thông qua giắc cắm tương thích tiêu chuẩn (RJ-11), bộ lọc DSL, hoặc bộ điều hợp VoIP, hoặc mọi bộ điều hợp khác cho phép bạn truy cập đường dây điện thoại để gửi và nhận fax.
4	cổng EXT Lưu ý: Chỉ khả dụng khi lắp thẻ fax.	Kết nối nhiều thiết bị (điện thoại hoặc máy trả lời) với máy in và đường dây điện thoại. Sử dụng cổng này nếu bạn không có đường dây fax dành riêng cho máy in và nếu phương thức kết nối này được hỗ trợ tại quốc gia hoặc khu vực của bạn.
5	Cổng USB máy in	Kết nối máy in với máy tính.

	Cổng máy in	Chức năng
6	cổng Ethernet	Kết nối máy in với mạng.
7	Ổ cắm dây nguồn	Kết nối máy in với ổ cắm điện được nối đất đúng cách.

Thiết lập cấu hình ứng dụng và giải pháp

Thiết lập Trung tâm quét

- 1 Từ bảng điều khiển, chọn **Trung tâm quét**.
- 2 Chọn và tạo đích, sau đó đặt cấu hình cài đặt.

Lưu ý: Chỉ những điểm đích được tạo từ Máy chủ web nhúng mới được lưu. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem tài liệu đi kèm với giải pháp.

- 3 Quét tài liệu.

Sử dụng tùy chỉnh hiển thị

Lưu ý: Đảm bảo rằng cài đặt Trình bảo vệ màn hình, Bản trình chiếu và Hình nền được bật từ Máy chủ web nhúng. Điều hướng đến **Ứng dụng > Tùy chỉnh hiển thị > Đặt cấu hình**.

Quản lý hình ảnh trình chiếu và trình bảo vệ màn hình

- 1 Trong phần Hình ảnh trình chiếu và Trình bảo vệ màn hình, có thể thêm, chỉnh sửa hoặc xóa hình ảnh.

Lưu ý:

- Có thể thêm tối đa 10 hình ảnh.
- Khi được bật, các biểu tượng trạng thái chỉ xuất hiện trên trình bảo vệ màn hình khi có lỗi, cảnh báo, hoặc thông báo trên nền tảng điện toán đám mây.

- 2 Áp dụng thay đổi.

Thay đổi hình nền

- 1 Từ bảng điều khiển, chọn **Thay đổi hình nền**.
- 2 Chọn hình ảnh để sử dụng.
- 3 Áp dụng thay đổi.

Chạy trình chiếu từ ổ flash

- 1 Gắn ổ flash vào cổng USB.
- 2 Từ bảng điều khiển, chọn **Bản trình chiếu**.

Lưu ý: Bạn có thể lấy ổ flash ra sau khi bản trình chiếu bắt đầu, nhưng hình ảnh sẽ không được lưu trữ trong máy in. Nếu trình chiếu dừng lại, hãy gắn lại ổ flash để xem hình ảnh.

Đặt cấu hình dấu trang

Tạo dấu trang

1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

2 Nhấp vào **Dấu trang > Thêm dấu trang**, rồi nhập tên dấu trang.

3 Chọn một loại giao thức Địa chỉ, sau đó thực hiện một trong các thao tác sau:

- Đối với HTTP và HTTPS, hãy nhập URL bạn muốn đánh dấu.
- Đối với HTTPS, hãy đảm bảo sử dụng tên máy chủ thay vì địa chỉ IP. Ví dụ: nhập **myWebsite.com/sample.pdf** thay vì nhập **123.123.123.123/sample.pdf**. Đảm bảo tên máy chủ cũng khớp với giá trị Tên chung (CN) trong chứng chỉ máy chủ. Để biết thêm thông tin về việc lấy giá trị Tên chung trong chứng chỉ máy chủ, vui lòng xem thông tin trợ giúp dành cho trình duyệt web của bạn.
- Đối với FTP, hãy nhập địa chỉ FTP. Ví dụ, **myServer/myDirectory**. Nhập số cổng FTP. Cổng 21 là cổng mặc định để gửi lệnh.
- Đối với SMB, hãy nhập địa chỉ thư mục mạng. Ví dụ: **myServer/myShare/myFile.pdf**. Nhập tên miền mạng.
- Nếu cần thiết, hãy chọn loại **Xác thực** cho FTP và SMB.

Để giới hạn quyền truy cập vào dấu trang, hãy nhập mã PIN.

Lưu ý: Ứng dụng hỗ trợ các loại tập tin sau đây: PDF, JPEG và TIFF. Các loại tập tin khác như DOCX và XLSX được hỗ trợ ở một số model máy in.

4 Nhấp vào **Lưu**.

Tạo thư mục

1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

2 Nhấp vào **Dấu trang > Thêm thư mục**, rồi nhập tên thư mục.

Lưu ý: Để giới hạn quyền truy cập vào thư mục, hãy nhập mã PIN.

3 Nhấp vào **Lưu**.

Đặt cấu hình số địa chỉ

Thêm liên hệ

1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

2 Nhấp vào **Số địa chỉ**, rồi nhấp vào **Thêm liên hệ**.

3 Nếu cần, hãy xác định phương pháp đăng nhập để cho phép truy cập ứng dụng.

4 Nhấp vào **Lưu**.

Thêm nhóm

1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

2 Nhấp vào **Số địa chỉ**, rồi nhấp vào **Thêm liên hệ**.

Lưu ý: Bạn có thể gán một hoặc nhiều liên hệ cho nhóm.

3 Nhấp vào **Lưu**.

Thiết lập và sử dụng các tính năng trợ năng

Kích hoạt Hướng dẫn bằng giọng nói

Từ màn hình chính

- 1 Bằng một thao tác và sử dụng một ngón tay, vuốt từ trái sang phải rồi vuốt lên trên màn hình cho đến khi bạn nghe thấy tin nhắn thoại.
- 2 Sử dụng hai ngón tay, chạm vào **OK**.

Lưu ý: Nếu cử chỉ không hiệu quả, hãy làm mạnh hơn.

Từ bàn phím

- 1 Nhấn giữ phím **5** cho đến khi bạn nghe thấy tin nhắn thoại.
- 2 Nhấn **Tab** để điều hướng con trỏ tiêu điểm đến nút **OK**, sau đó nhấn **Enter**.

Lưu ý:

- Khi Hướng dẫn bằng giọng nói được kích hoạt, luôn sử dụng hai ngón tay để chọn bất kỳ mục nào trên màn hình.
- Hướng dẫn bằng giọng nói có hỗ trợ ngôn ngữ hạn chế.

Hủy kích hoạt Hướng dẫn bằng giọng nói

- 1 Bằng một thao tác và sử dụng một ngón tay, vuốt từ từ sang trái rồi vuốt lên trên màn hình cho đến khi bạn nghe thấy tin nhắn thoại.
- 2 Sử dụng hai ngón tay, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:
 - Chọn **Hướng dẫn bằng giọng nói**, rồi chọn **OK**.
 - Chọn **Hủy**.

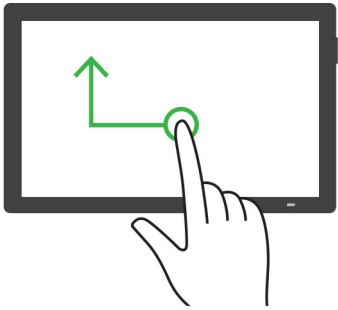
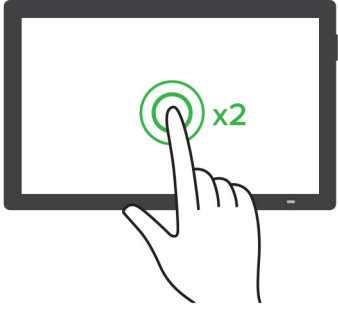
Lưu ý: Nếu cử chỉ không hiệu quả, hãy làm mạnh hơn.

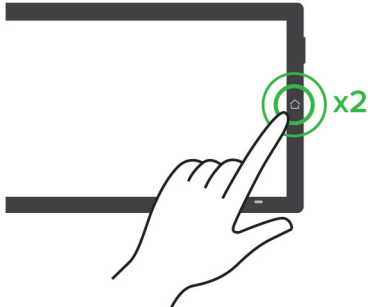

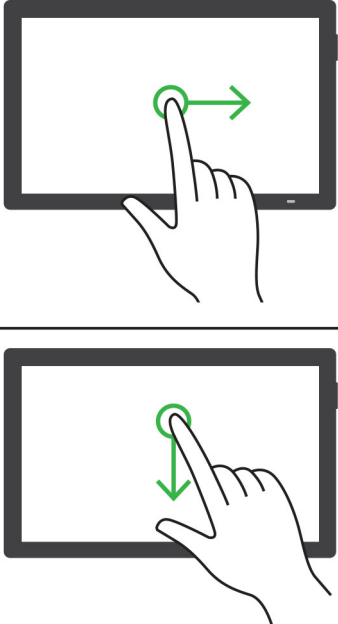
Nếu bạn nhấn nút nguồn hoặc chuyển máy in sang chế độ Ngủ hoặc Ngủ đông, tính năng Hướng dẫn bằng giọng nói sẽ tắt.

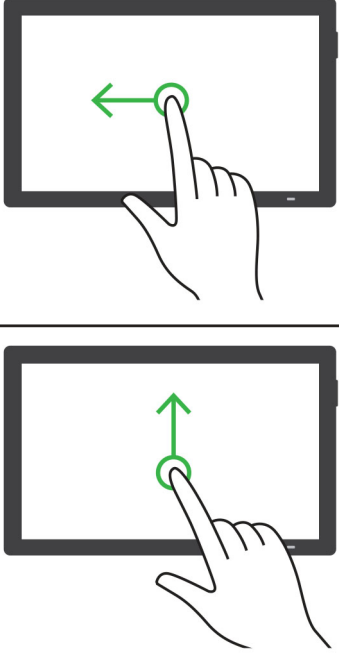
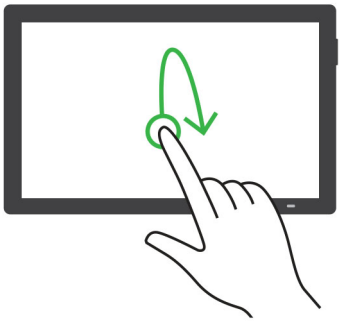
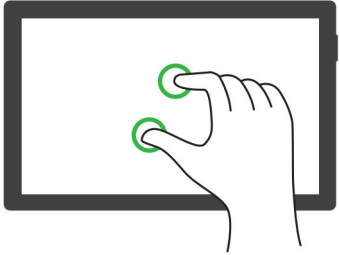
Điều hướng màn hình bằng cử chỉ

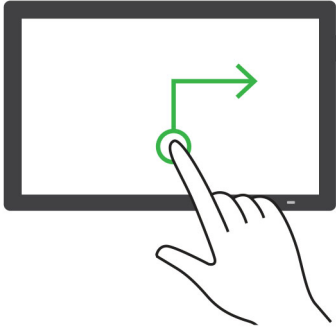
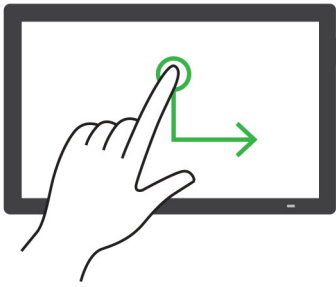
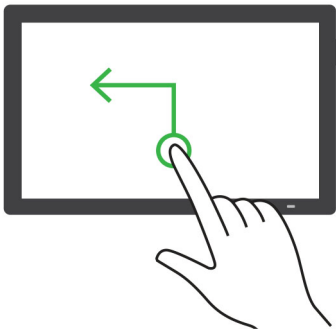
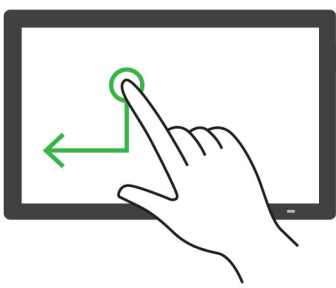
Lưu ý:

- Chỉ có thể áp dụng hầu hết các cử chỉ khi Hướng dẫn bằng giọng nói được kích hoạt.
- Sử dụng bàn phím vật lý để nhập ký tự và điều chỉnh một số cài đặt nhất định.

Cử chỉ	Chức năng
Vuốt sang trái rồi vuốt lên bằng một ngón tay 	Khởi chạy hoặc thoát chế độ Trợ năng. Lưu ý: Có thể áp dụng cử chỉ này khi máy in ở chế độ bình thường.
Nhấn đúp bằng một ngón tay 	Chọn một tùy chọn hoặc mục trên màn hình.

Cử chỉ	Chức năng
<p>Nhấn đúp vào biểu tượng màn hình chính bằng hai ngón tay</p> 	<p>Hủy kích hoạt chế độ Trợ năng.</p>
<p>Nhấn ba lần bằng một ngón tay</p> 	<p>Phóng to hoặc thu nhỏ văn bản và hình ảnh. Lưu ý: Bật chế độ Thu phóng để sử dụng tính năng thu phóng.</p>
<p>Vuốt sang phải hoặc vuốt xuống bằng một ngón tay</p> 	<p>Di chuyển đến mục tiếp theo trên màn hình.</p>

Cử chỉ	Chức năng
<p data-bbox="149 273 682 304">Vuốt sang trái hoặc vuốt lên bằng một ngón tay</p> 	<p data-bbox="841 273 1331 304">Di chuyển đến mục trước đó trên màn hình.</p>
<p data-bbox="149 1024 625 1056">Vuốt lên rồi vuốt xuống bằng một ngón tay</p> 	<p data-bbox="841 1024 1323 1056">Di chuyển đến mục đầu tiên trên màn hình.</p>
<p data-bbox="149 1449 211 1480"> Xoay</p> 	<p data-bbox="841 1449 1445 1512">Tiếp cận các phần của hình ảnh được thu phóng nằm ngoài giới hạn của màn hình.</p> <p data-bbox="841 1522 917 1554">Lưu ý:</p> <ul data-bbox="860 1575 1461 1711" style="list-style-type: none">• Sử dụng hai ngón tay để kéo hình ảnh được phóng to.• Bật chế độ Thu phóng để sử dụng cử chỉ thu phóng.

Cử chỉ	Chức năng
<p data-bbox="149 273 669 304">Vuốt lên rồi vuốt sang phải bằng một ngón tay</p> 	<p data-bbox="841 273 1058 304">Tăng âm lượng lên.</p> <p data-bbox="841 310 1448 373">Lưu ý: Có thể áp dụng cử chỉ này khi máy in ở chế độ bình thường.</p>
<p data-bbox="149 693 706 724">Vuốt xuống rồi vuốt sang phải bằng một ngón tay</p> 	<p data-bbox="841 693 1096 724">Giảm âm lượng xuống.</p> <p data-bbox="841 730 1448 793">Lưu ý: Có thể áp dụng cử chỉ này khi máy in ở chế độ bình thường.</p>
<p data-bbox="149 1071 657 1102">Vuốt lên rồi vuốt sang trái bằng một ngón tay</p> 	<p data-bbox="841 1071 1367 1102">Thoát khỏi ứng dụng và trở về màn hình chính.</p>
<p data-bbox="149 1491 690 1522">Vuốt xuống rồi vuốt sang trái bằng một ngón tay</p> 	<p data-bbox="841 1491 1091 1522">Quay về cài đặt trước.</p>

Sử dụng bàn phím trên màn hình

Khi bàn phím trên màn hình xuất hiện, hãy thực hiện một hoặc nhiều thao tác sau:

- Chạm vào một phím để thông báo và nhập ký tự vào trường.
- Lướt ngón tay qua các ký tự khác nhau để thông báo và nhập ký tự vào trường.
- Dùng hai ngón tay chạm vào hộp văn bản để thông báo các ký tự trong trường.
- Chạm vào **Backspace** để xóa ký tự.

Bật chế độ Phóng to

- 1 Bằng một thao tác và sử dụng một ngón tay, vuốt từ từ sang trái rồi vuốt lên trên màn hình cho đến khi bạn nghe thấy tin nhắn thoại.

Lưu ý: Đối với model máy in không có loa tích hợp, hãy sử dụng tai nghe để nghe thông báo.

- 2 Sử dụng hai ngón tay, hãy thực hiện như sau:

- a Chạm vào **chế độ Phóng to**.
- b Chạm vào **OK**.

Lưu ý: Nếu cử chỉ không hiệu quả, hãy làm mạnh hơn.

Để biết thêm thông tin về điều hướng màn hình phóng to, vui lòng xem [“Điều hướng màn hình bằng cử chỉ” trên trang 63](#).

Điều chỉnh tốc độ nói của Hướng dẫn bằng giọng nói

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Trợ năng > Tốc độ nói**.
- 2 Chọn tốc độ nói.

Điều chỉnh âm lượng tai nghe mặc định

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Trợ năng**.
- 2 Điều chỉnh âm lượng tai nghe.

Lưu ý: Âm lượng sẽ đặt lại về giá trị mặc định sau khi người dùng thoát khỏi chế độ Trợ năng hoặc khi máy in được bật từ chế độ Ngủ hoặc Ngủ đông.

Điều chỉnh âm lượng loa trong mặc định

- 1 Từ bảng điều khiển, vuốt sang phải đến trung tâm điều khiển.
- 2 Điều chỉnh âm lượng.

Lưu ý:

- Nếu Chế độ im lặng được bật thì cảnh báo âm thanh sẽ tắt. Cài đặt này cũng sẽ làm chậm hiệu suất của máy in.
- Âm lượng sẽ đặt lại về giá trị mặc định sau khi người dùng thoát khỏi chế độ Trợ năng hoặc khi máy in được bật từ chế độ Ngủ hoặc Ngủ đông.

Bật mật khẩu bằng giọng nói hoặc mã số nhận dạng cá nhân

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Trợ năng > Nói mật khẩu/mã PIN**.
- 2 Bật cài đặt.

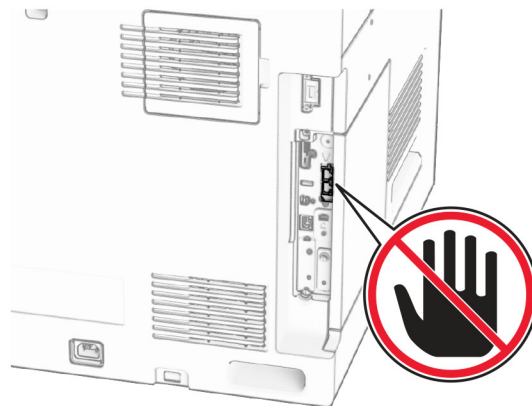
Cài đặt máy in để gửi fax

Thiết lập chức năng fax bằng cách sử dụng analog fax

Lưu ý:

- Để sử dụng analog fax, bạn phải lắp thẻ fax cho máy in.
- Một số phương thức kết nối chỉ áp dụng ở một số quốc gia hoặc khu vực.
- Nếu chức năng fax được bật và không được thiết lập đầy đủ, đèn chỉ báo có thể nhấp nháy màu đỏ.
- Nếu không có môi trường TCP/IP, hãy sử dụng bảng điều khiển để thiết lập fax.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Để tránh mất dữ liệu hoặc trục trặc máy in, không chạm vào cáp hoặc máy in ở khu vực được hiển thị khi đang gửi hoặc nhận fax.



Sử dụng bảng điều khiển

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Fax > Thiết lập fax > Cài đặt fax chung**.
- 2 Đặt cấu hình cài đặt.

Sử dụng Máy chủ web nhúng

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên bảng điều khiển. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

- 2 Nhấp vào **Cài đặt > Fax > Thiết lập fax > Cài đặt fax chung**.

- 3 Đặt cấu hình cài đặt.
- 4 Áp dụng thay đổi.

Thiết lập chức năng fax bằng cách sử dụng etherFAX

Lưu ý:

- Phần mềm cơ sở của máy in phải được cập nhật lên phiên bản mới nhất. Để biết thêm thông tin, hãy xem phần “Cập nhật phần mềm cơ sở”.
- Gói giấy phép thích hợp phải được cài đặt trong máy in của bạn. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với etherFAX.
- Đảm bảo bạn đã đăng ký máy in của mình với cổng etherFAX. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập <https://www.etherfax.net/lexmark>.
- Bắt buộc dùng số sê-ri máy in khi đăng ký. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Tìm số sê-ri của máy in” trên trang 10](#).

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên bảng điều khiển. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

- 2 Nhấp vào **Cài đặt > Fax > Thiết lập fax > Cài đặt fax chung**.

Lưu ý: Mục **Thiết lập fax** chỉ xuất hiện nếu đặt **Chế độ fax** thành **Fax**.

- 3 Trong trường Tên fax, hãy nhập một tên duy nhất.
- 4 Trong trường Số fax, hãy nhập số fax mà etherFAX đã cung cấp.
- 5 Từ menu **Truyền fax**, chọn **etherFAX**.

Lưu ý:

- Menu này chỉ hiển thị khi có nhiều phương tiện truyền fax.
- Nếu chỉ cài đặt etherFAX thì máy in sẽ được đặt cấu hình tự động.

- 6 Áp dụng thay đổi.

Thiết lập chức năng fax bằng cách sử dụng máy chủ fax

Lưu ý:

- Với tính năng này, bạn có thể gửi tin nhắn fax đến nhà cung cấp dịch vụ fax có hỗ trợ nhận email.
- Tính năng này chỉ hỗ trợ tin nhắn fax đi. Để hỗ trợ nhận fax, hãy đảm bảo rằng bạn sử dụng fax bằng thiết bị, chẳng hạn như fax analog, etherFAX hoặc Fax qua IP (FoIP), được cấu hình trong máy in của bạn.

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên bảng điều khiển. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

2 Nhấp vào **Cài đặt > Fax**.

3 Từ menu **Chế độ fax**, chọn **Máy chủ fax**, sau đó nhấp vào **Lưu**.

4 Nhấp vào **Thiết lập máy chủ fax**.

5 Trong trường Định dạng gửi đến, nhập **[#]@myfax.com**, trong đó **[#]** là số fax, còn **myfax.com** là tên miền của nhà cung cấp dịch vụ fax.

Lưu ý:

- Nếu cần, hãy cấu hình các trường Địa chỉ trả lời, Chủ đề hoặc Thông báo.
- Để máy in nhận tin nhắn fax, hãy bật cài đặt nhận fax bằng thiết bị. Đảm bảo bạn đã cấu hình fax bằng thiết bị.

6 Nhấp vào **Lưu**.


7 Nhấp vào **Cài đặt email máy chủ fax**, rồi bật **Sử dụng máy chủ email SMTP**.


Lưu ý: Nếu cài đặt này chưa được đặt cấu hình, hãy xem [“Thiết lập cấu hình cài đặt SMTP” trên trang 259](#).


8 Áp dụng thay đổi.

Thiết lập fax bằng đường dây điện thoại tiêu chuẩn

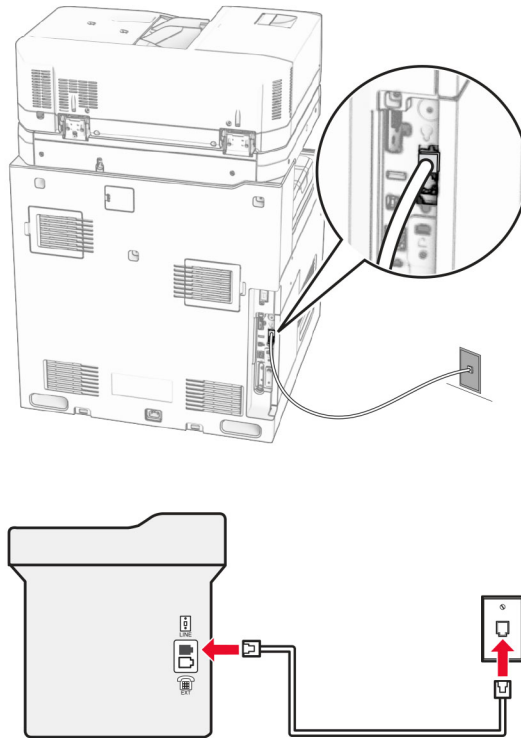
Lưu ý: Hướng dẫn này chỉ áp dụng cho máy in có lắp thẻ fax.

 **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không thiết lập sản phẩm này hoặc nối điện hay cáp, chẳng hạn như dây nguồn, tính năng fax hoặc điện thoại, trong khi có bão sét.

 **CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không sử dụng tính năng fax khi có bão sét.

 **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để giảm rủi ro hỏa hoạn, chỉ sử dụng dây viễn thông từ 26 AWG trở lên (RJ-11) khi kết nối sản phẩm này với mạng điện thoại chuyển mạch công cộng. Đối với người dùng ở Úc, loại dây này phải được Cơ quan thông tin và truyền thông Úc phê duyệt.

Thiết lập 1: Máy in được kết nối với đường dây fax chuyên dụng



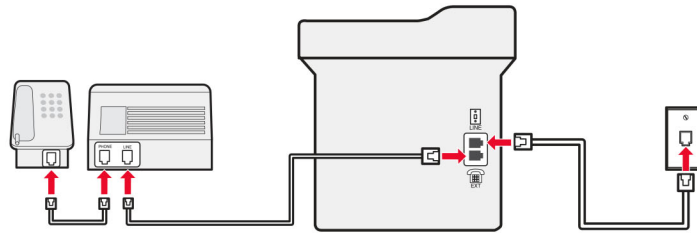
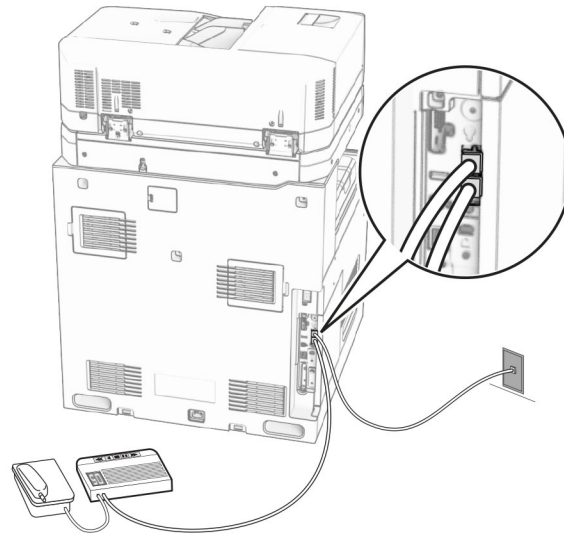
- 1 Kết nối một đầu cáp điện thoại với cổng đường truyền của máy in.
- 2 Kết nối đầu còn lại của cáp với giắc cắm điện thoại analog gắn tường đang hoạt động.

Lưu ý:

- Bạn có thể cài đặt máy in nhận fax tự động (đặt **Trả lời tự động** thành **Bật**) hoặc thủ công (đặt **Trả lời tự động** thành **Tắt**).
- Nếu muốn nhận fax tự động, hãy cài đặt máy in chọn số lần đổ chuông cụ thể.

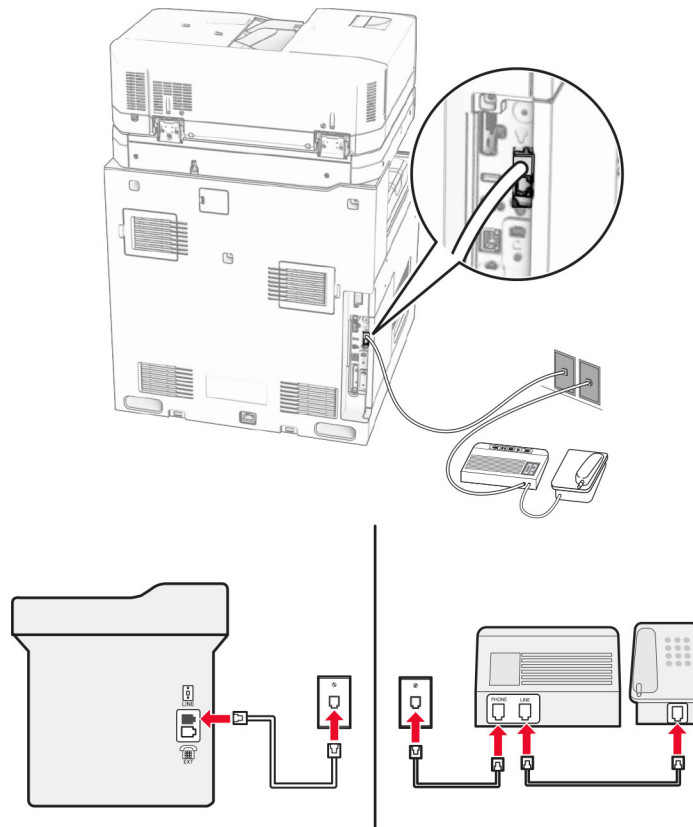
Thiết lập 2: Máy in đang chia sẻ đường dây với một máy trả lời

Lưu ý: Nếu đăng ký dịch vụ đổ chuông đặc biệt, hãy đảm bảo đã cài đặt đúng kiểu chuông cho máy in. Nếu không, máy in sẽ không nhận fax ngay cả khi bạn đã đặt máy in tự động nhận fax.

Được kết nối với cùng một giắc cắm điện thoại trên tường

- 1 Kết nối một đầu cáp điện thoại với cổng đường truyền của máy in.
- 2 Kết nối đầu còn lại của cáp với giắc cắm analog gắn tường đang hoạt động.
- 3 Kết nối máy trả lời với cổng điện thoại của máy in.

Được nối với nhiều giắc cắm tường khác nhau



- 1 Kết nối một đầu cáp điện thoại với cổng đường truyền của máy in.
- 2 Kết nối đầu còn lại của cáp với giắc cắm analog gắn tường đang hoạt động.

Lưu ý:

- Nếu chỉ có một số điện thoại trên đường dây của bạn, hãy cài đặt máy in tự động nhận fax.
- Đặt máy in nhận cuộc gọi hai lần đổ chuông sau máy trả lời. Ví dụ, nếu máy trả lời nhận cuộc gọi sau bốn lần đổ chuông, hãy thiết lập cài đặt **Số lần đổ chuông để trả lời** của máy in thành 6.

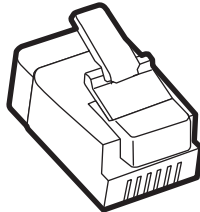
Thiết lập fax tại các quốc gia hoặc khu vực có phích cắm và giắc cắm tường điện thoại khác nhau

Lưu ý: Hướng dẫn này chỉ áp dụng cho máy in có lắp thẻ fax.

- ⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không thiết lập sản phẩm này hoặc nối điện hay cáp, chẳng hạn như dây nguồn, tính năng fax hoặc điện thoại, trong khi có bão sét.
- ⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN:** Để tránh rủi ro điện giật, không sử dụng tính năng fax khi có bão sét.
- ⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để giảm rủi ro hỏa hoạn, chỉ sử dụng dây viễn thông từ 26 AWG trở lên (RJ-11) khi kết nối sản phẩm này với mạng điện thoại chuyển mạch công cộng. Đối với người dùng ở Úc, loại dây này phải được Cơ quan thông tin và truyền thông Úc phê duyệt.

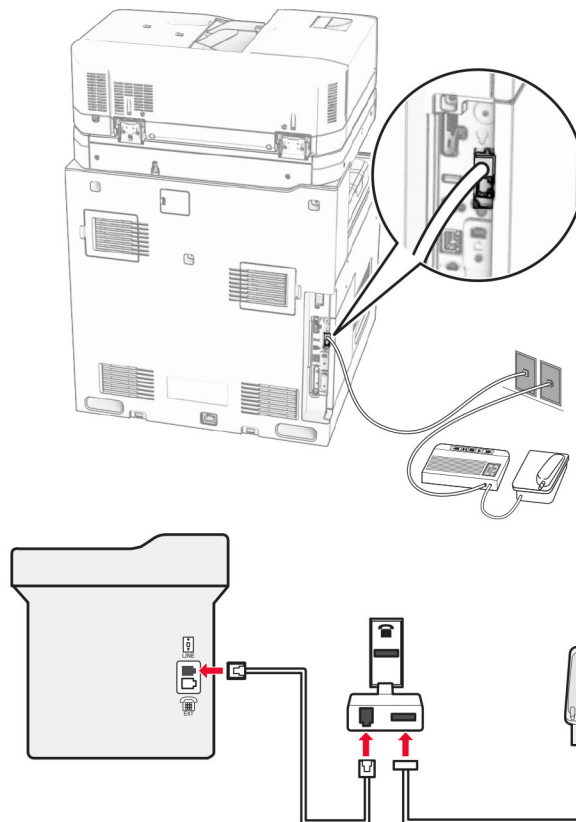
Giắc cắm tường tiêu chuẩn được sử dụng bởi hầu hết các quốc gia hoặc khu vực là RJ-11. Nếu thiết bị hoặc giắc cắm tường tại cơ sở của bạn không tương thích với loại kết nối này, hãy sử dụng bộ điều hợp điện thoại. Bộ điều hợp cho quốc gia hoặc khu vực của bạn có thể không đi kèm với máy in, và bạn có thể cần phải mua riêng bộ điều hợp này.

Có thể có phích cắm bộ điều hợp được lắp vào cổng điện thoại của máy in. Không tháo phích cắm bộ điều hợp ra khỏi cổng điện thoại của máy in nếu bạn đang kết nối với hệ thống điện thoại nối tiếp hoặc phân tầng.



Tên bộ phận	Mã số bộ phận
Phích cắm bộ điều hợp Lexmark	40X8519

Kết nối máy in với giắc cắm tường không phải loại RJ-11



- 1 Kết nối một đầu cáp điện thoại với cổng đường truyền của máy in.
- 2 Kết nối đầu còn lại của cáp với bộ điều hợp RJ-11, sau đó kết nối bộ điều hợp với giắc cắm tường.

Lưu ý: Nếu bạn muốn kết nối thiết bị khác có đầu nối không phải loại RJ-11 với cùng một giắc cắm tường, hãy kết nối trực tiếp thiết bị với bộ điều hợp điện thoại.

Kết nối với dịch vụ đồ chuông đặc biệt

Dịch vụ đồ chuông đặc biệt cho phép bạn có nhiều số điện thoại trên một đường dây điện thoại. Mỗi số điện thoại được gán một kiểu chuông khác nhau.

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Fax > Thiết lập fax > Cài đặt nhận fax > Kiểm soát quản trị > Trả lời bật**.
- 2 Chọn kiểu chuông.

Cài đặt ngày và giờ fax

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Tùy chọn > Ngày và giờ > Đặt cấu hình**.
- 2 Đặt cấu hình cài đặt.

Đặt cấu hình thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Tùy chọn > Ngày và giờ > Đặt cấu hình**.
- 2 Trong menu **Múi giờ**, chọn **Tùy chỉnh (UTC+người dùng)**.
- 3 Trong menu **Đặt cấu hình**, chọn **Chênh lệch UTC**.
- 4 Đặt cấu hình cài đặt.

Đặt cấu hình cài đặt loa fax

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Fax > Thiết lập fax > Cài đặt loa**.
- 2 Thực hiện như sau:
 - Đặt **Chế độ loa** thành **Luôn bật**.
 - Đặt **Âm lượng loa** thành **Cao**.
 - Kích hoạt **Âm lượng chuông**.

Nạp giấy và giấy chuyên dụng

Đặt kích thước và loại giấy chuyên dụng

Đối với các loại giấy chuyên dụng như nhãn, bìa hoặc phong bì, hãy làm như sau:

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ giấy/Loại giấy**.
- 2 Chọn nguồn giấy, rồi đặt khổ giấy và loại giấy chuyên dụng.

Cấu hình cài đặt giấy Thông dụng

Menu **Thiết lập chung** cho phép bạn đặt chiều rộng và chiều cao của khổ giấy không được thiết lập sẵn trong máy in.

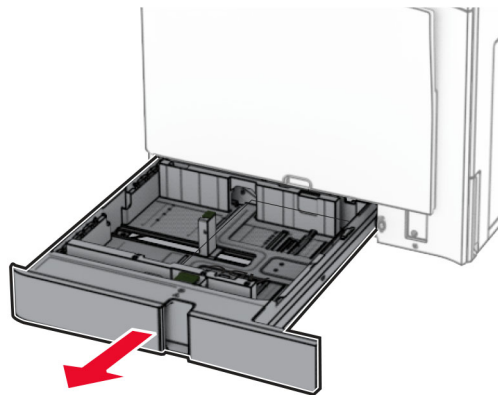
- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình giấy > Thiết lập chung**.
- 2 Chọn **Tất cả khay nạp giấy**, rồi đặt cấu hình cài đặt cho khổ giấy mà bạn muốn tùy chỉnh.

Nạp giấy vào khay 550 tờ

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ: Để giảm rủi ro mất ổn định thiết bị, hãy nạp riêng từng khay. Đóng tất cả các khay khác cho đến khi cần dùng.

- 1 Mở khay.

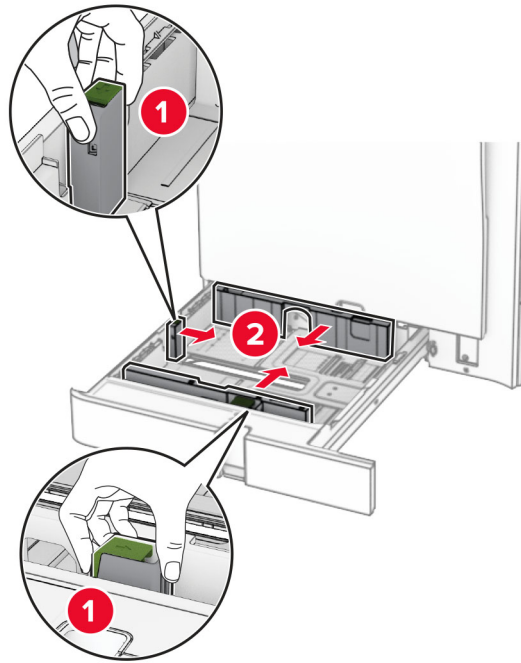
Lưu ý: Để tránh giấy kẹt, không mở khay trong khi máy in đang bận.



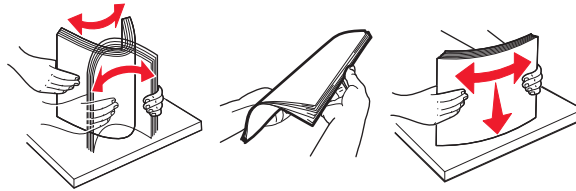
- 2 Điều chỉnh thanh dẫn giấy cho khớp với khổ giấy đang nạp.

Lưu ý:

- Sử dụng các chỉ báo ở dưới cùng của khay để định vị các thanh dẫn giấy.
- Chỉ khay 550 tờ chuẩn mới hỗ trợ giấy dập lỗ sẵn.
- Chỉ khay 550 tờ tùy chọn mới hỗ trợ giấy khổ A3.



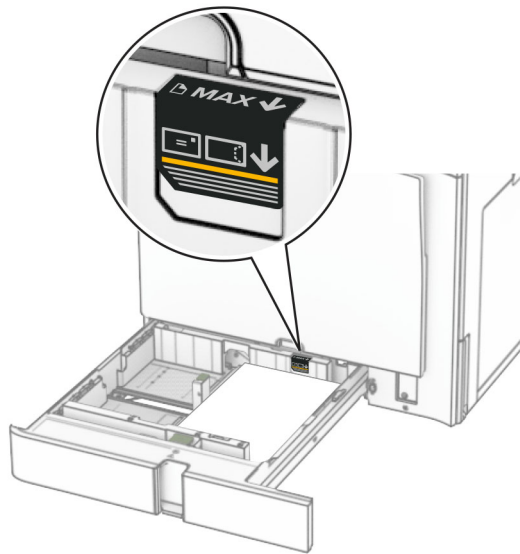
3 Gập, xòe và canh chỉnh các mép giấy trước khi nạp.



4 Nạp chồng giấy với mặt in hướng lên trên.

Lưu ý:

- Không trượt giấy vào khay.
- Đảm bảo thanh dẫn mặt bên bám khít vào giấy.
- Đảm bảo chiều cao chồng giấy thấp hơn chỉ báo nạp giấy tối đa. Nạp giấy dư có thể gây kẹt giấy.

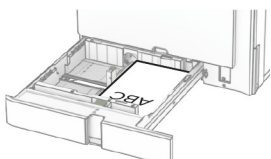
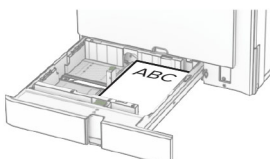
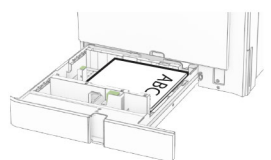
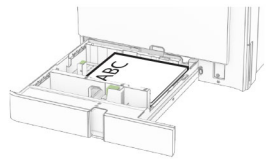
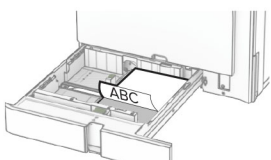
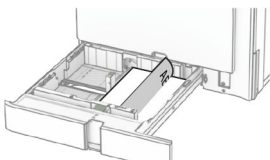


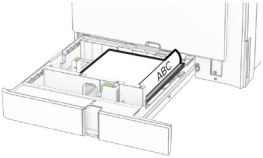
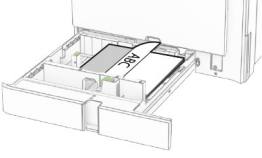
5 Lắp khay vào.

Nếu cần, hãy đặt khổ giấy và loại giấy sao cho phù hợp với giấy đã nạp vào các khay.

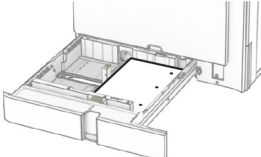
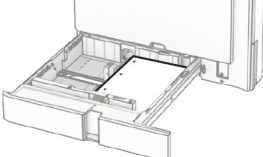
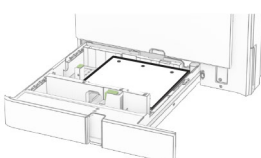
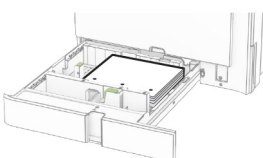
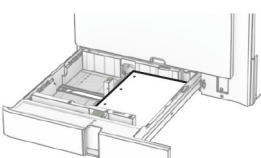
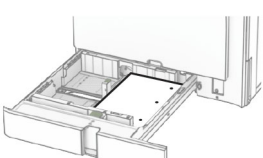
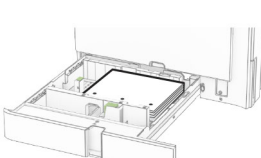
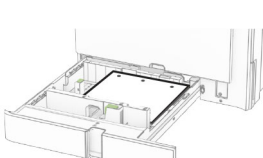
Lưu ý: Khi được lắp bộ hoàn thiện, máy in sẽ xoay giấy 180° khi in.

Khi nạp giấy tiêu đề, hãy thực hiện một trong các thao tác sau:

Không có bộ hoàn thiện	Có bộ hoàn thiện
 <p>In một mặt, theo cạnh dài</p>	 <p>In một mặt, theo cạnh dài</p>
 <p>In một mặt, theo cạnh ngắn</p>	 <p>In một mặt, theo cạnh ngắn</p>
 <p>In hai mặt, theo cạnh dài</p>	 <p>In hai mặt, theo cạnh dài</p>

Không có bộ hoàn thiện	Có bộ hoàn thiện
	
In hai mặt, theo cạnh ngắn	In hai mặt, theo cạnh ngắn

Khi nạp giấy đã dập lỗ sẵn, hãy thực hiện một trong các thao tác sau:

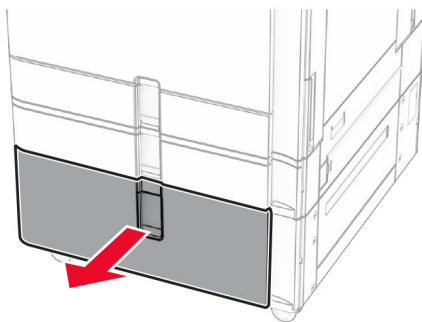
Không có bộ hoàn thiện tùy chọn	Có bộ hoàn thiện tùy chọn
	
In một mặt, theo cạnh dài	In một mặt, theo cạnh dài
	
In một mặt, theo cạnh ngắn	In một mặt, theo cạnh ngắn
	
In hai mặt, theo cạnh dài	In hai mặt, theo cạnh dài
	
In hai mặt, theo cạnh ngắn	In hai mặt, theo cạnh ngắn

Nạp giấy vào khay song song 2000 tờ

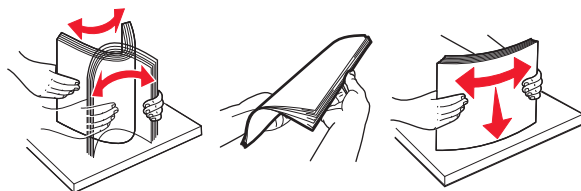
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ: Để giảm rủi ro mất ổn định thiết bị, hãy nạp riêng từng khay. Đóng tất cả các khay khác cho đến khi cần dùng.

1 Mở khay.

Lưu ý: Để tránh giấy kẹt, không kéo khay ra trong khi máy in đang bận.



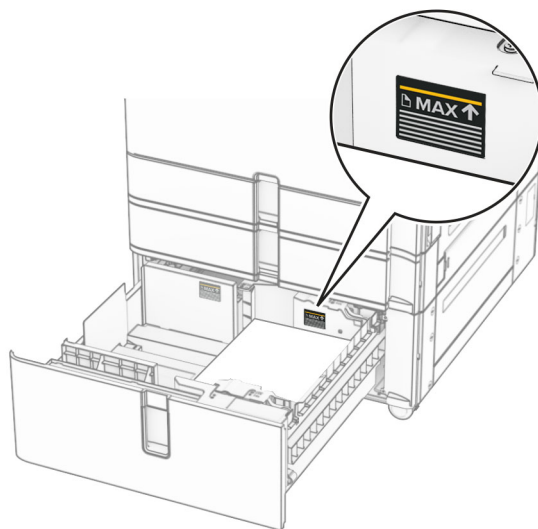
2 Gập, xòe và canh chỉnh các mép giấy trước khi nạp.



3 Nạp chồng giấy vào bộ chèn khay bên phải sao cho mặt in hướng lên trên.

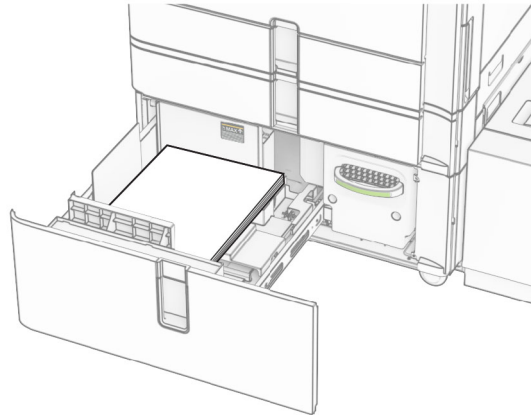
Lưu ý:

- Không trượt giấy vào khay.
- Đảm bảo chiều cao chồng giấy thấp hơn chỉ báo nạp giấy tối đa. Nạp giấy dư có thể gây kẹt giấy.



4 Lắp bộ chèn khay bên phải vào máy in.

5 Nạp chồng giấy vào bộ chèn khay bên trái sao cho mặt in hướng lên trên.

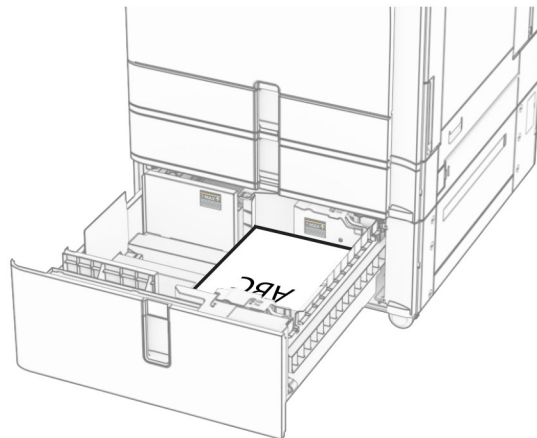


6 Lắp khay vào.

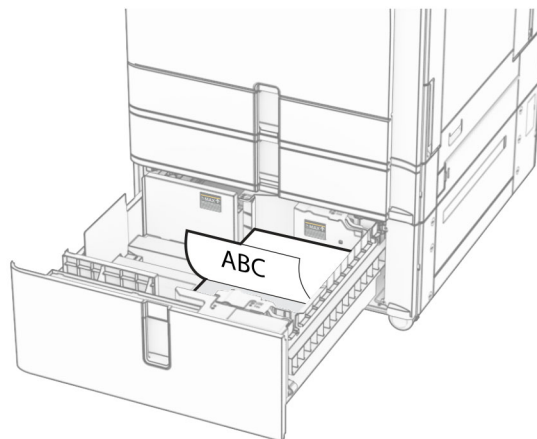
Nếu cần, cài đặt khổ giấy và loại giấy sao cho phù hợp với giấy đã nạp vào các khay.

Lưu ý: Khi được lắp bộ hoàn thiện, máy in sẽ xoay giấy 180° khi in.

Khi nạp giấy tiêu đề để in một mặt, hãy nạp giấy quay mặt lên với tiêu đề hướng về phía trước của khay.



Khi nạp giấy tiêu đề để in hai mặt, hãy nạp giấy úp xuống với tiêu đề hướng về phía trước của khay.

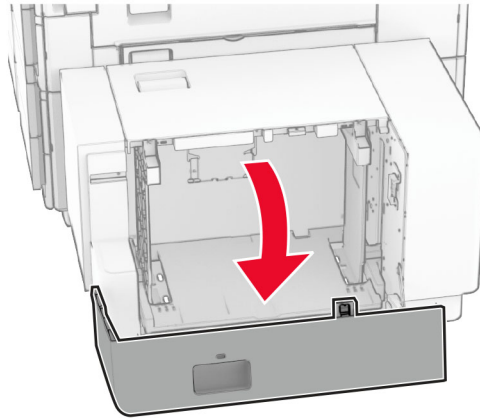


Nạp giấy vào khay 1500 tờ

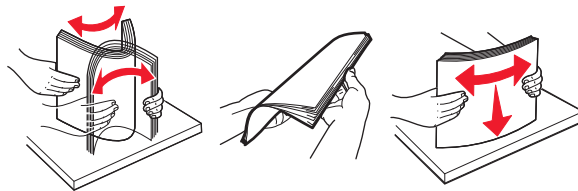
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ LẬT ĐỔ: Để giảm rủi ro mất ổn định thiết bị, hãy nạp riêng từng khay. Đóng tất cả các khay khác cho đến khi cần dùng.

1 Mở cửa K.

Lưu ý: Để tránh giấy kẹt, không mở khay trong khi máy in đang bận.



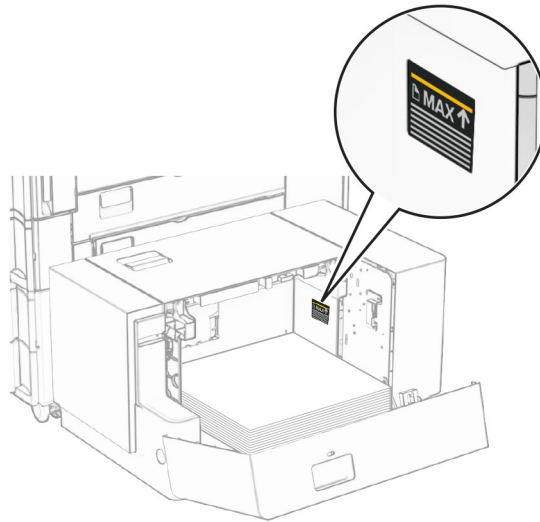
2 Gập, xòe và canh chỉnh các mép giấy trước khi nạp.



3 Nạp chồng giấy với mặt in úp xuống.

Lưu ý:

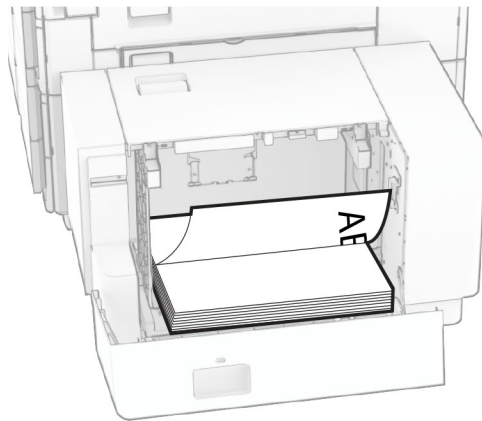
- Không trượt giấy vào khay.
- Đảm bảo chiều cao chồng giấy thấp hơn chỉ báo nạp giấy tối đa. Nạp giấy dư có thể gây kẹt giấy.



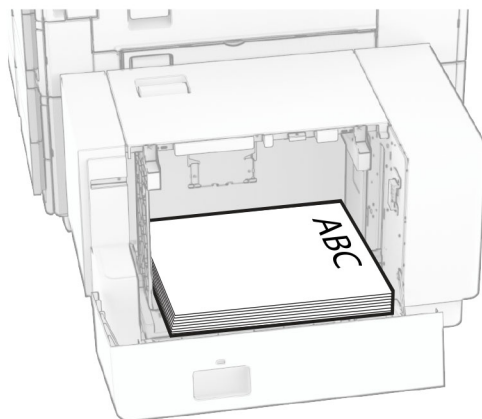
4 Đóng cửa K.

Nếu cần, cài đặt khổ giấy và loại giấy sao cho phù hợp với giấy đã nạp vào các khay.

Khi nạp giấy tiêu đề để in một mặt, hãy nạp giấy úp xuống với tiêu đề hướng về phía sau của máy in.

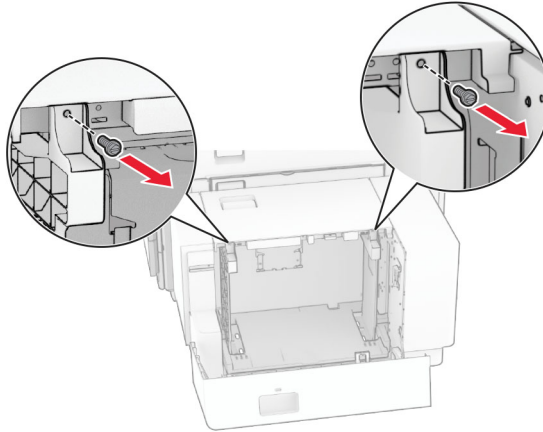


Khi nạp giấy tiêu đề để in hai mặt, hãy nạp giấy quay mặt lên với tiêu đề hướng về phía sau của máy in.

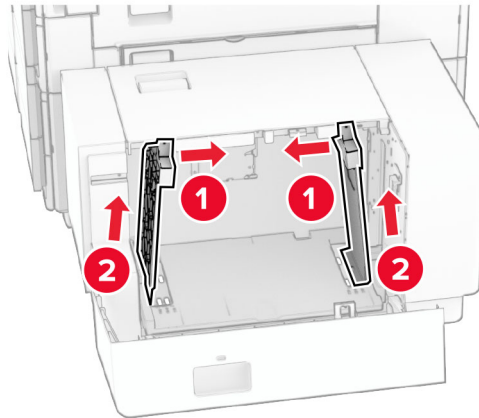


Khi nạp khổ giấy khác, bạn hãy nhớ điều chỉnh thanh dẫn. Thực hiện như sau:

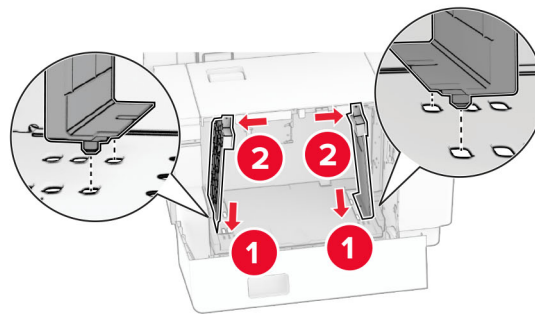
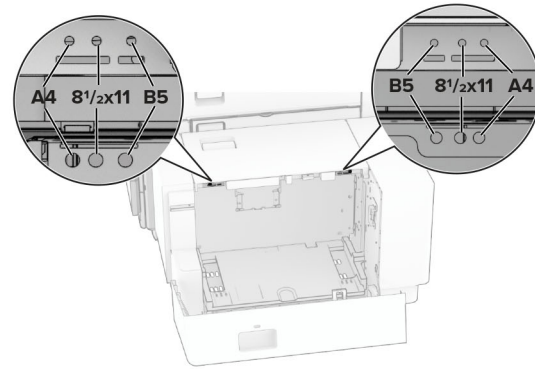
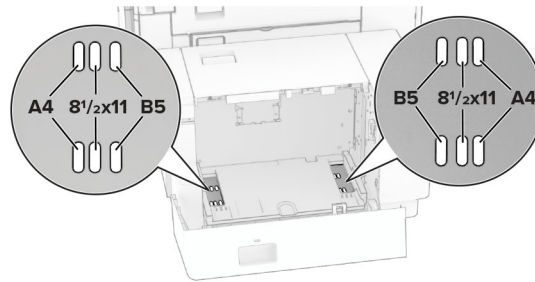
- 1 Dùng tua vít đầu dẹt để tháo các vít ra khỏi thanh dẫn giấy.



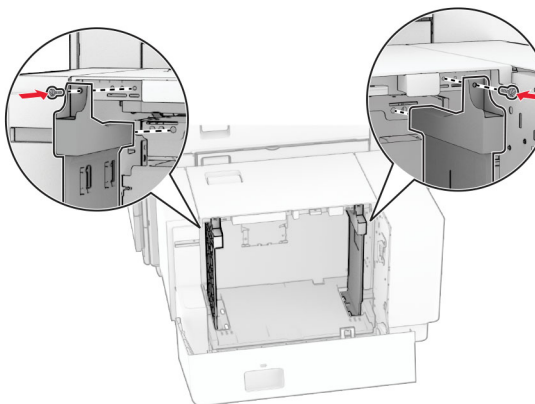
- 2 Tháo thanh dẫn giấy.



3 Căn chỉnh thanh dẫn giấy cho khớp với khổ giấy bạn đang nạp.

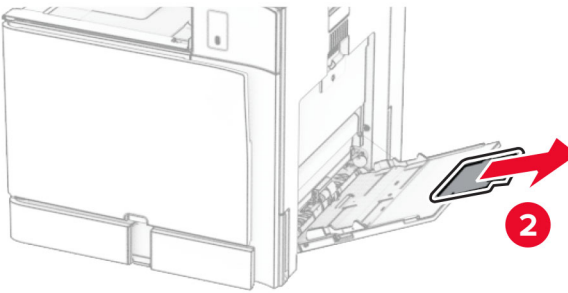
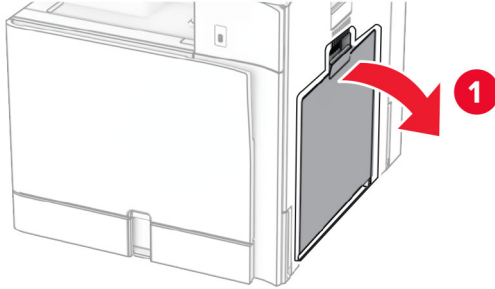


4 Lắp vít vào thanh dẫn giấy.

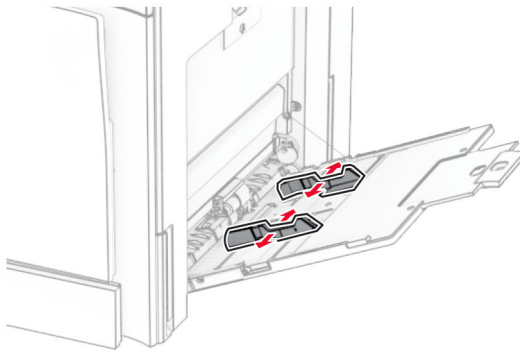


Nạp khay nạp giấy đa năng

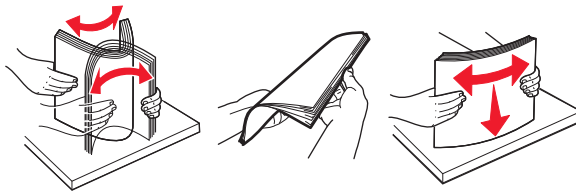
1 Mở khay nạp giấy đa năng.



2 Điều chỉnh thanh dẫn mặt bên cho khớp với khổ giấy bạn đang nạp.



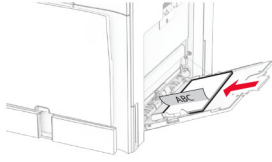
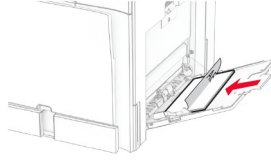
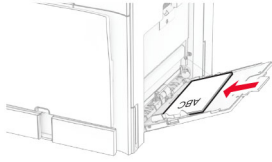
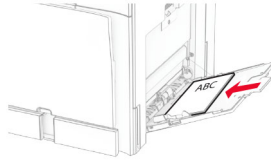
3 Gập, xòe và canh chỉnh các mép giấy trước khi nạp.



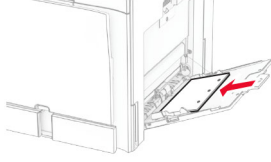
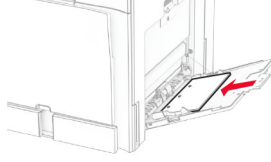
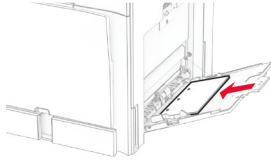
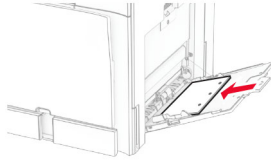
4 Nạp giấy vào.

Lưu ý: Đảm bảo thanh dẫn mặt bên bám khít vào giấy.

- Khi nạp giấy tiêu đề, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:

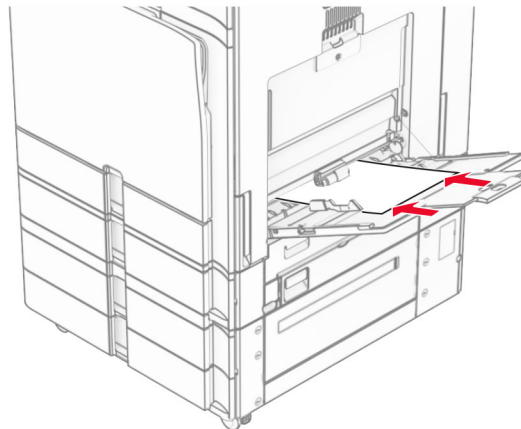
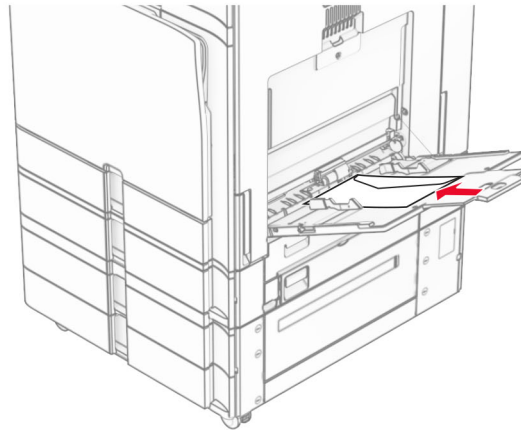
Không có bộ hoàn thiện	Có bộ hoàn thiện
 <p data-bbox="558 487 841 512">In một mặt, theo cạnh dài</p>	 <p data-bbox="860 487 1143 512">In một mặt, theo cạnh dài</p>
 <p data-bbox="558 718 841 743">In hai mặt, theo cạnh dài</p>	 <p data-bbox="860 718 1143 743">In hai mặt, theo cạnh dài</p>

Khi nạp giấy đã dập lỗ sẵn, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:

Không có bộ hoàn thiện	Có bộ hoàn thiện
 <p data-bbox="537 1073 820 1098">In một mặt, theo cạnh dài</p>	 <p data-bbox="839 1073 1122 1098">In một mặt, theo cạnh dài</p>
 <p data-bbox="537 1304 820 1329">In hai mặt, theo cạnh dài</p>	 <p data-bbox="839 1304 1122 1329">In hai mặt, theo cạnh dài</p>

Đối với phong bì

Nạp phong bì sao cho phần nắp ngửa lên trên hướng về phía sau máy in. Nạp phong bì của châu Âu sao cho phần nắp ngửa lên trên và được đưa vào khay nạp giấy đa năng trước.



Lưu ý: Nếu lắp bộ hoàn thiện, máy in sẽ xoay trang 180°.

Liên kết các khay

1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

2 Nhấp vào **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay**.

3 Cài đặt cùng khổ giấy và loại giấy cho các khay bạn đang liên kết.

Lưu ý: Đảm bảo nạp giấy vào các khay được liên kết theo cùng hướng giấy.

4 Lưu cài đặt.

5 Nhấp vào **Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Menu cấu hình > Cấu hình khay**.

6 Đặt Liên kết khay thành Tự động.

7 Lưu cài đặt.

Để hủy liên kết các khay, hãy đảm bảo các khay không có cùng cài đặt khổ giấy và loại giấy.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Nhiệt độ của bộ sấy thay đổi tùy theo loại giấy được chỉ định. Để tránh sự cố in, hãy cài đặt loại giấy trong máy in tương ứng với giấy đã nạp vào khay.

Cài đặt và cập nhật phần mềm, trình điều khiển và phần mềm cơ sở

Cài đặt phần mềm máy in

Lưu ý:

- Trình điều khiển in được bao gồm trong gói trình cài đặt phần mềm.
- Đối với máy tính Macintosh chạy hệ điều hành MacOS phiên bản 10.7 trở lên, bạn không cần cài đặt trình điều khiển để in trên máy in được chứng nhận AirPrint. Nếu bạn muốn các tính năng in tùy chỉnh, hãy tải xuống trình điều khiển in.

1 Lấy bản sao của gói trình cài đặt phần mềm.

- Từ đĩa CD phần mềm đi kèm với máy in của bạn.
- Truy cập www.lexmark.com/downloads.

2 Chạy trình cài đặt, sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình máy tính.

Cài đặt trình điều khiển fax

1 Đi đến www.lexmark.com/downloads, tìm kiểu máy in của bạn, rồi tải xuống gói cài đặt phù hợp.

2 Từ máy tính của bạn, bấm **Thuộc tính máy in**, sau đó điều hướng đến tab **Cấu hình**.

3 Chọn **Fax**, sau đó bấm **Áp dụng**.

Thêm máy in vào máy tính

Trước khi bắt đầu, hãy thực hiện một trong các thao tác sau:

- Kết nối máy in và máy tính với cùng một mạng. Để biết thêm thông tin về cách kết nối máy in với mạng, hãy xem [“Kết nối máy in với mạng Wi-Fi” trên trang 245](#).
- Kết nối máy tính với máy in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Kết nối máy tính với máy in” trên trang 247](#).
- Kết nối máy in với máy tính bằng cáp USB. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Các cổng máy in” trên trang 59](#).

Lưu ý: Cáp USB được bán riêng.

Đối với người dùng Windows

1 Cài đặt trình điều khiển in trên máy tính.

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Cài đặt phần mềm máy in” trên trang 89](#).

2 Mở **Máy in & máy quét**, rồi nhấp vào **Thêm máy in hoặc máy quét**.

3 Tùy thuộc vào kết nối máy in của bạn, hãy thực hiện một trong các thao tác sau:

- Chọn máy in từ danh sách, sau đó nhấp vào **Thêm thiết bị**.
- Nhấp vào **Hiển thị máy in hỗ trợ Wi-Fi Direct**, chọn một máy in, sau đó nhấp vào **Thêm thiết bị**.
- Nhấp vào **Máy in tôi muốn không được liệt kê**, sau đó từ cửa sổ **Thêm máy in**, hãy làm như sau:
 - a Chọn **Thêm máy in bằng tên máy chủ hoặc địa chỉ IP**, sau đó nhấp vào **Tiếp theo**.
 - b Trong trường Loại thiết bị, chọn **Thiết bị TCP/IP**.
 - c Trong trường Tên máy chủ hoặc Địa chỉ IP, nhập địa chỉ IP của máy in, rồi nhấp vào **Tiếp theo**.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

d Chọn một trình điều khiển in, sau đó nhấp vào **Tiếp theo**.

e Chọn **Sử dụng trình điều khiển hiện đang được cài đặt (khuyến nghị)**, rồi nhấp vào **Tiếp theo**.

f Nhập tên máy in, sau đó nhấp vào **Tiếp theo**.

g Nhấp vào **Kết thúc**.

Đối với người dùng Macintosh

1 Mở **Máy in & Máy quét**.

2 Nhấp vào **Thêm máy in, máy quét hoặc máy fax**, sau đó chọn máy in.

3 Từ menu **Thêm máy in**, chọn trình điều khiển in.

Lưu ý:

- Để sử dụng trình điều khiển in Macintosh, chọn **AirPrint** hoặc **AirPrint bảo mật**.
- Nếu bạn muốn các tính năng in tùy chỉnh, hãy chọn trình điều khiển in của Lexmark. Để cài đặt trình điều khiển, hãy xem [“Cài đặt phần mềm máy in” trên trang 89](#).

4 Thêm máy in.

Xuất tập tin cấu hình

1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

2 Từ Máy chủ web nhúng, nhấp vào **Xuất cấu hình**.

3 Chọn cấu hình để xuất.

Lưu ý: Tùy theo cấu hình đã chọn, tập tin có thể được xuất ra định dạng ZIP hoặc CSV.

Nhập tập tin cấu hình

1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

2 Từ Máy chủ web nhúng, nhấp vào **Nhập cấu hình**.

3 Duyệt đến vị trí lưu tập tin.

Lưu ý: Tập tin được lưu ở định dạng ZIP hoặc CSV.

4 Nhấp vào **Nhập**.

Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in

Đối với người dùng Windows

1 Mở thư mục máy in.

2 Chọn máy in bạn muốn cập nhật, sau đó thực hiện một trong các thao tác sau:

- Đối với Windows 7 trở lên, chọn **Thuộc tính máy in**.
- Đối với các phiên bản trước, chọn **Thuộc tính**.

3 Điều hướng đến tab **Cấu hình**, sau đó chọn **Cập nhật ngay - Hời máy in**.

4 Áp dụng thay đổi.

Đối với người dùng Macintosh

1 Mở **Máy in & Máy quét**.

2 Nhấp vào **Thêm máy in, máy quét hoặc máy fax**, sau đó chọn máy in.

3 Chọn trình điều khiển in.

4 Áp dụng thay đổi.

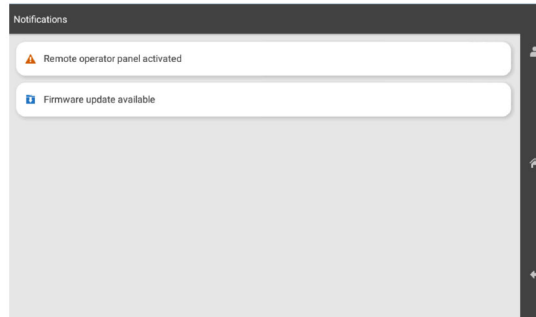
Cập nhật phần mềm cơ sở

Cập nhật phần mềm cơ sở bằng bảng điều khiển

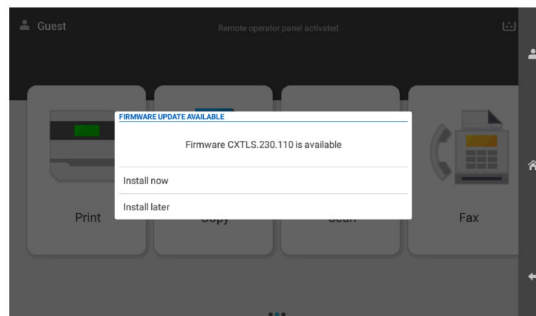
Sử dụng trung tâm thông báo

Chỉ có thể sử dụng phương thức này ở một số model máy in.

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến trung tâm thông báo, rồi chọn **Bản cập nhật phần mềm cơ sở có sẵn**.



- 2 Chọn **Cài đặt ngay**.



Máy in tự động khởi động lại sau khi cập nhật.

Sử dụng menu Cài đặt

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Cập nhật phần mềm cơ sở**.
- 2 Chọn **Kiểm tra các bản cập nhật** hoặc **Kiểm tra các bản cập nhật ngay** tùy theo model máy in của bạn.
- 3 Nếu đã có bản cập nhật mới, hãy chọn **Cài đặt ngay**.

Máy in tự động khởi động lại sau khi cập nhật.

Cập nhật phần mềm cơ sở bằng Máy chủ web nhúng

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo rằng:

- Bạn đã tải xuống phần mềm cơ sở mới nhất của máy in từ <https://support.lexmark.com> và lưu vào ổ flash hoặc máy tính của bạn.

Lưu ý: Để triển khai phần mềm cơ sở của máy in, hãy giải nén tập tin phần mềm cơ sở FLS từ gói ZIP.

- Bạn hiện không sử dụng mã đặc biệt trên máy in để tránh bị mất chức năng này.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Đảm bảo tắt cả máy in nhận bản cập nhật phần mềm cơ sở đều bật trong toàn bộ quá trình cập nhật phần mềm cơ sở. Nếu tắt máy in trong khi cập nhật phần mềm cơ sở, máy in có thể bị hư hỏng nghiêm trọng.

Nếu máy in được kết nối mạng trong quá trình kiểm tra bản cập nhật, bạn không cần phải tải xuống phần mềm cơ sở.

1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

2 Nhấp vào **Thiết bị**.

3 Cuộn xuống, rồi nhấp vào **Cập nhật phần mềm cơ sở**.

4 Nhấp vào **Kiểm tra các bản cập nhật** hoặc **Kiểm tra các bản cập nhật ngay** tùy theo model máy in của bạn.

Nếu có bản cập nhật mới, hãy nhấp vào **Tôi đồng ý, bắt đầu cập nhật**.

Máy in tự động khởi động lại sau khi cập nhật.

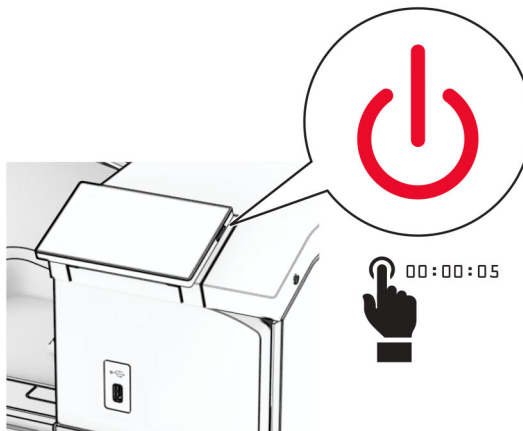
Cài đặt tùy chọn phần cứng

Lắp khay 550 tờ tùy chọn

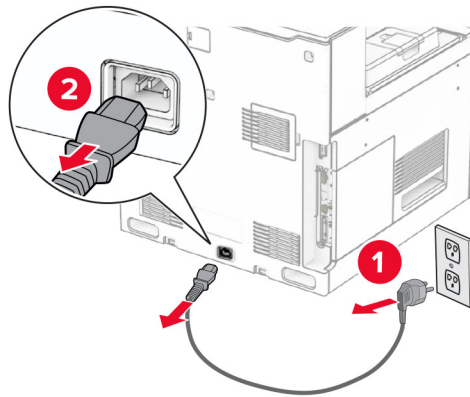
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

Lưu ý: Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

1 Tắt máy in.



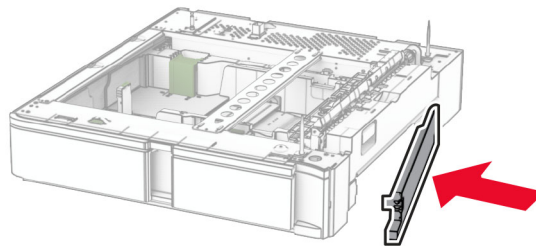
2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



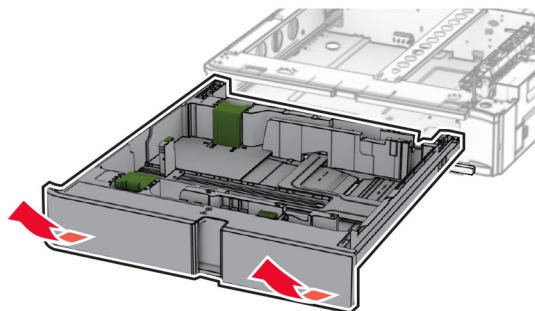
3 Mở bao bì của khay 550 tờ tùy chọn.

Lưu ý: Để tránh làm hỏng khay, hãy nhớ giữ phía trước và phía sau khi nâng khay.

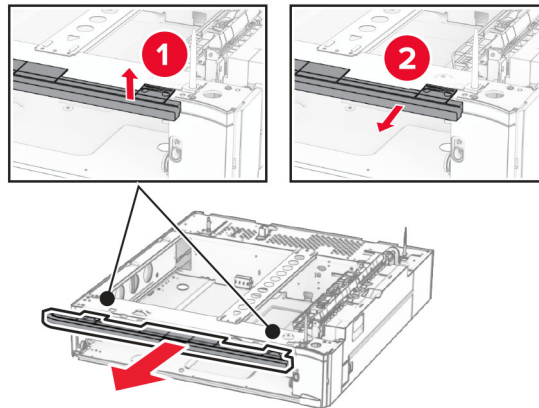
4 Gắn nắp bên phải của khay.



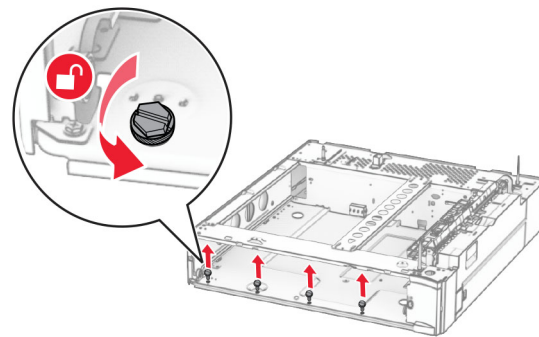
5 Kéo bộ chèn khay 550 tờ ra.



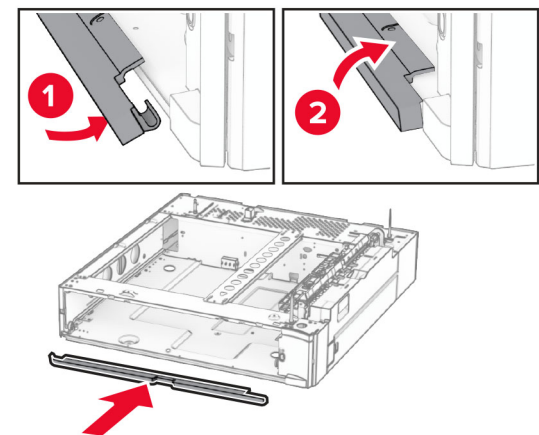
6 Tháo nắp trên của khay.



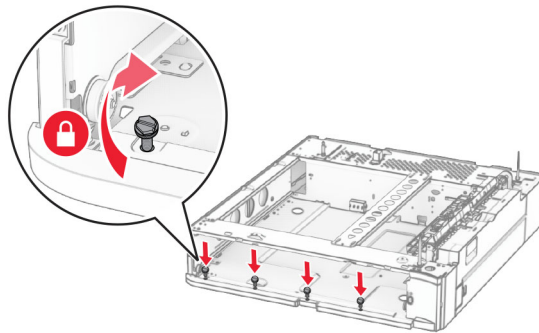
7 Tháo vít.



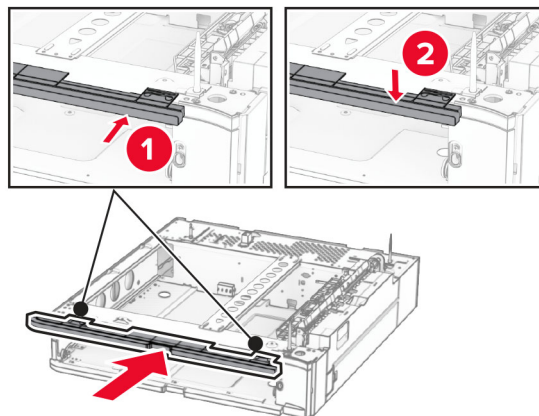
8 Gắn nắp dưới của khay.



9 Lắp vít.

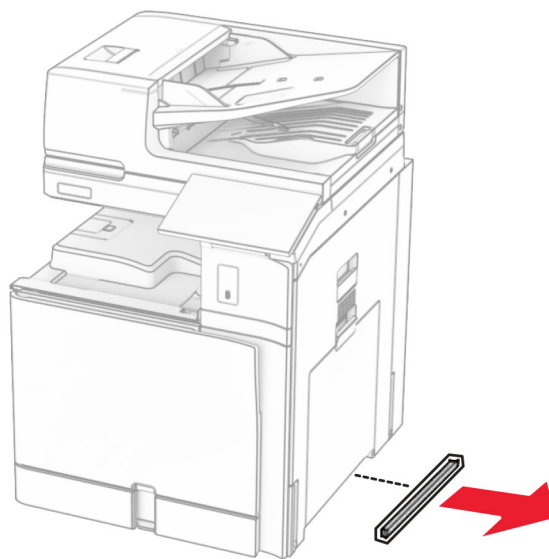


10 Gắn nắp trên của khay.



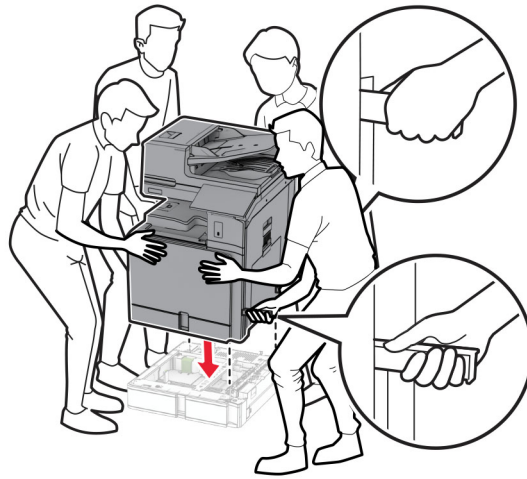
11 Lắp bộ chèn khay 550 tờ.

12 Tháo nắp phía dưới bên phải của máy in.

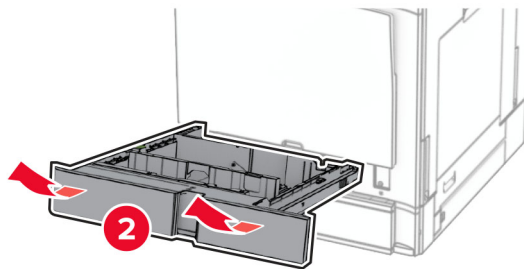
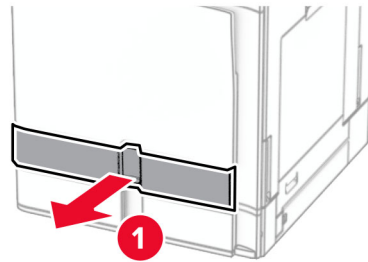


13 Căn chỉnh máy in với khay 550 tờ, sau đó hạ máy in xuống đúng vị trí.

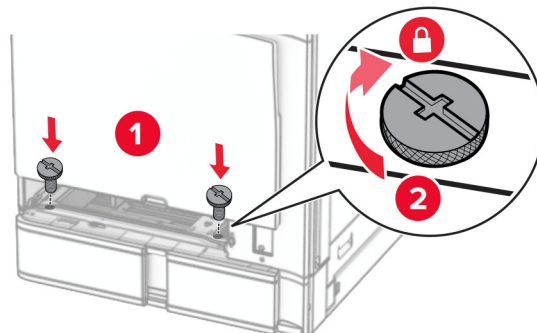
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Nếu máy in nặng hơn 20 kg (44 lb), có thể sẽ cần có 2 người trở lên để nâng máy in lên một cách an toàn.

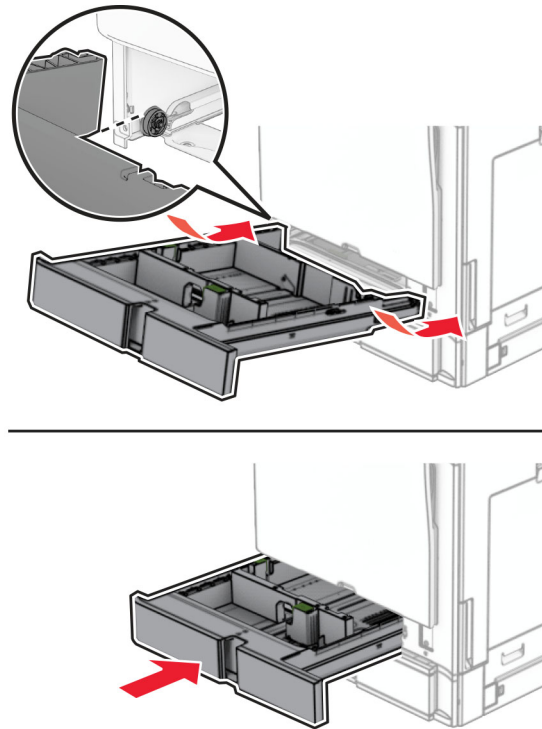
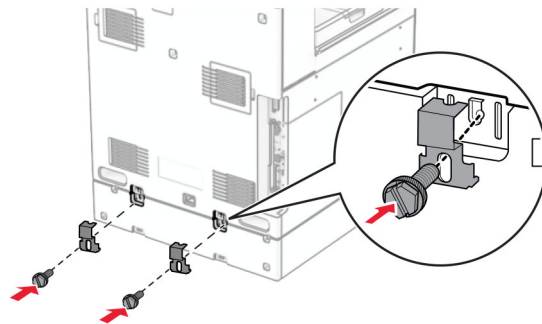


14 Kéo bộ chèn khay tiêu chuẩn ra.



15 Cố định khay 550 tờ vào máy in.



16 Lắp bộ chèn khay tiêu chuẩn vào.**17** Gắn cố định phần phía sau của khay 550 tờ vào máy in.**18** Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

19 Bật máy in.

Thêm khay vào trình điều khiển in để sẵn sàng thực hiện lệnh in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in” trên trang 91](#).

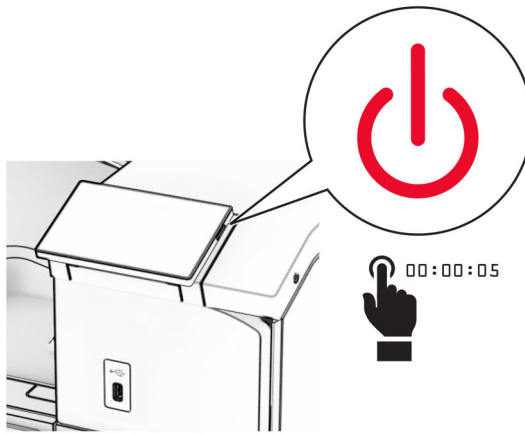
Lắp khay 2 x 550 tờ

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

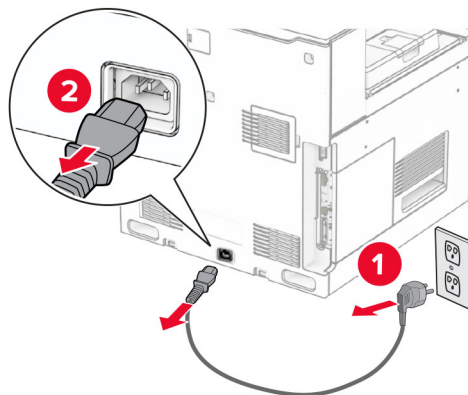
Lưu ý:

- Bạn phải lắp tùy chọn này cùng với khay 550 tờ tùy chọn. Đặt bộ phận tùy chọn này ở cuối cấu hình.
- Nếu bạn đã lắp khay 550 tờ, hãy tháo khay ra, tháo nắp hông của khay, tháo nắp dưới của khay rồi đặt khay lên trên tùy chọn này.
- Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

1 Tắt máy in.

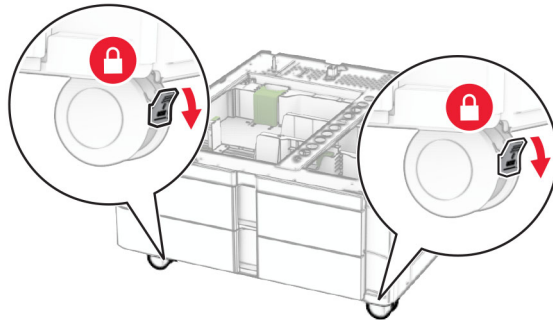


2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



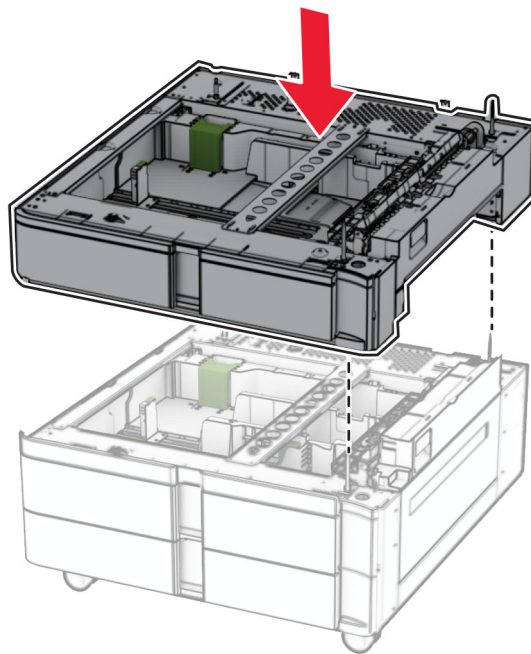
3 Mở bao bì của khay 2 x 550 tờ, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

4 Khóa bánh xe để khay 2 x 550 tờ không bị di chuyển.

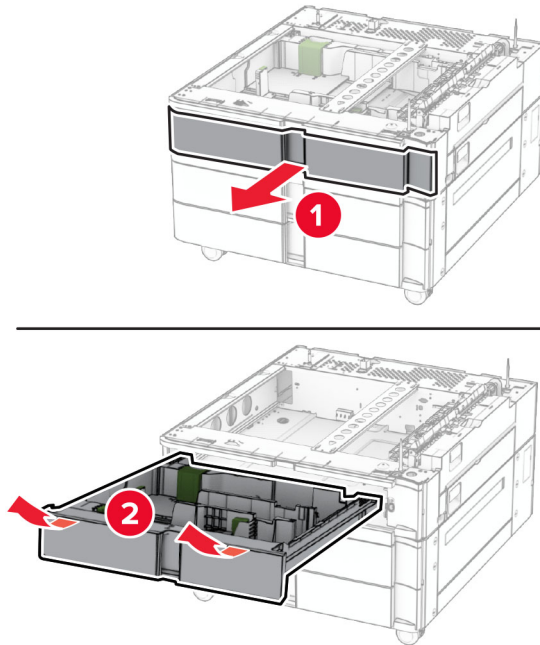


5 Căn chỉnh khay 550 tờ với khay 2 x 550 tờ, sau đó hạ khay xuống đúng vị trí.

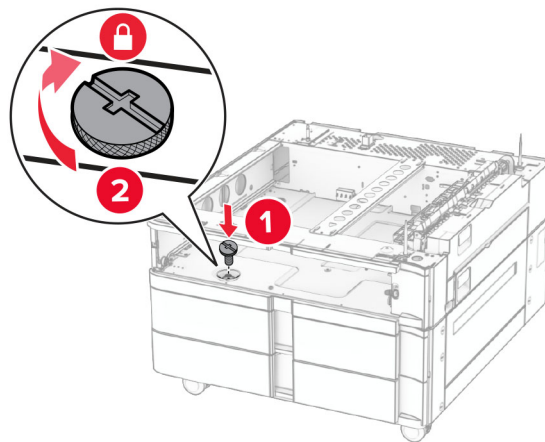
Lưu ý: Để tránh làm hỏng khay, hãy nhớ giữ phía trước và phía sau khi nâng khay.



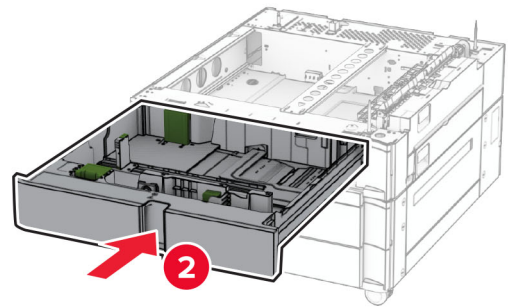
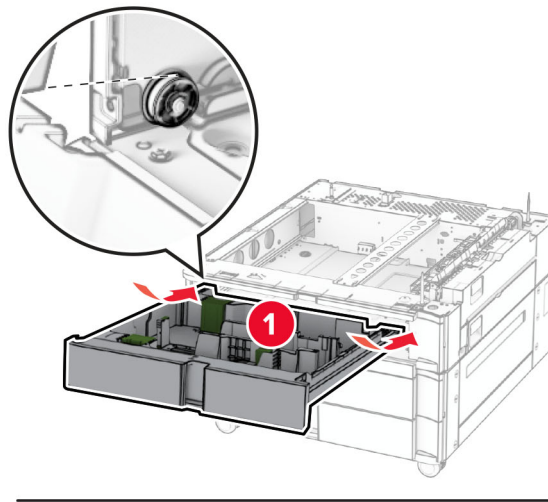
6 Kéo bộ chèn khay 550 tờ ra.



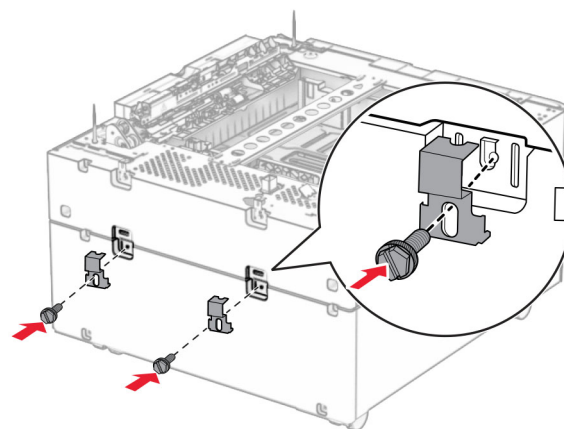
7 Gắn cố định khay 550 tờ với khay 2 x 550 tờ.



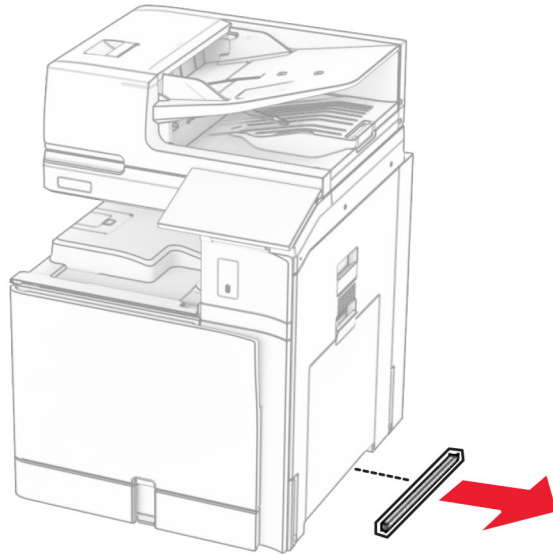
8 Lắp bộ chèn khay 550 tờ.



9 Gắn cố định phần phía sau của khay 550 tờ với khay 2 x 550 tờ.



10 Tháo nắp phía dưới bên phải của máy in.

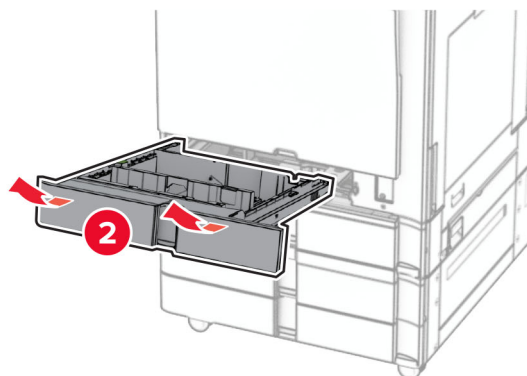
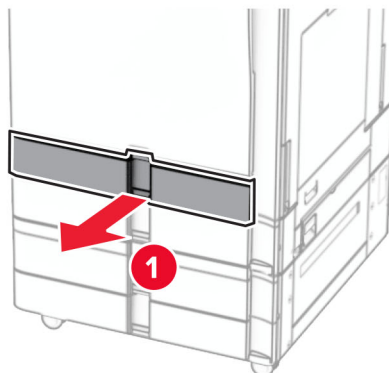


11 Căn chỉnh máy in với khay tùy chọn, sau đó hạ máy in xuống đúng vị trí.

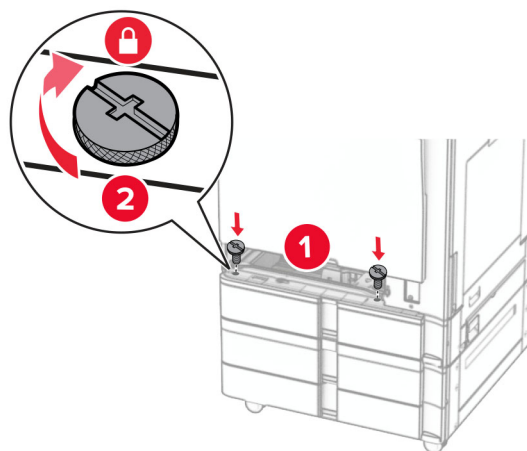
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Nếu máy in nặng hơn 20kg (44lb), có thể sẽ cần có hai người trở lên để nâng máy in lên một cách an toàn.



12 Kéo bộ chèn khay tiêu chuẩn ra.

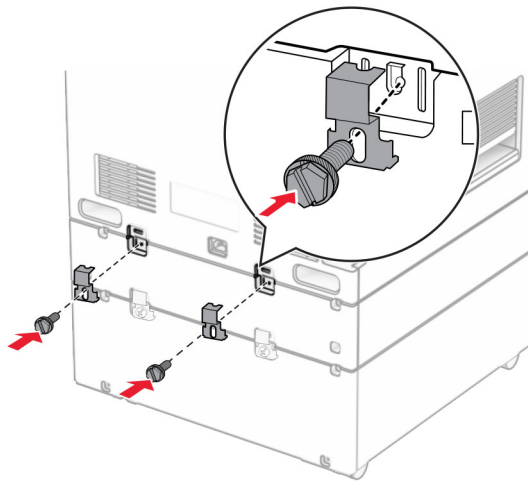


13 Cố định khay 550 tờ vào máy in.



14 Lắp bộ chèn khay tiêu chuẩn vào.

15 Gắn cố định phần phía sau của khay 550 tờ vào máy in.



16 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

17 Bật máy in.

Thêm khay vào trình điều khiển in để sẵn sàng thực hiện lệnh in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in” trên trang 91](#).

Lắp khay song song 2000 tờ

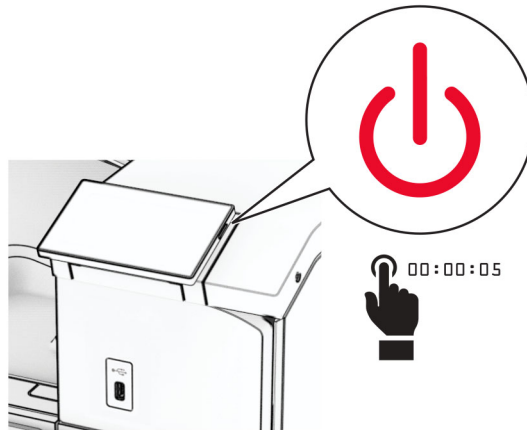
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

Lưu ý:

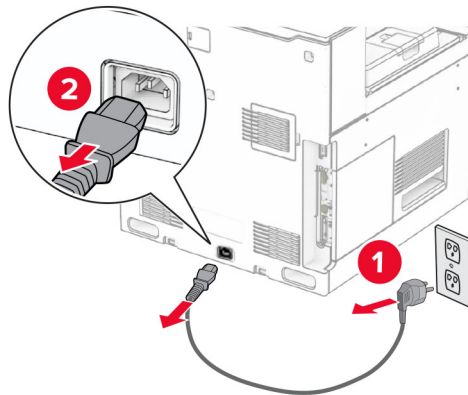
- Bạn phải lắp tùy chọn này cùng với khay 550 tờ tùy chọn. Đã đặt tùy chọn này ở cuối cấu hình.
- Nếu bạn đã lắp khay 550 tờ, hãy tháo khay ra, tháo nắp hông của khay, tháo nắp dưới của khay rồi đặt khay lên trên tùy chọn này.

- Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

1 Tắt máy in.

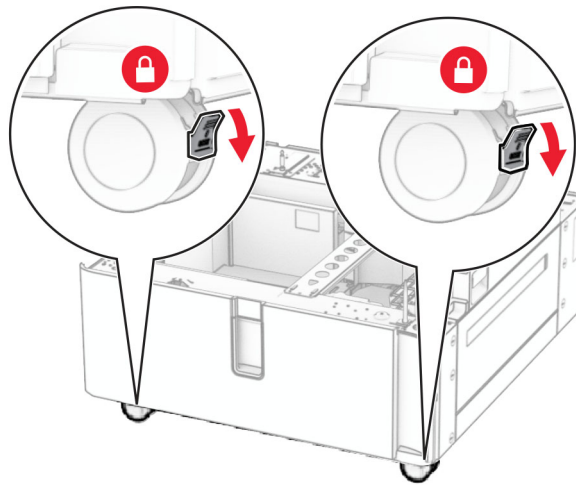


2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



3 Mở bao bì của khay song song, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

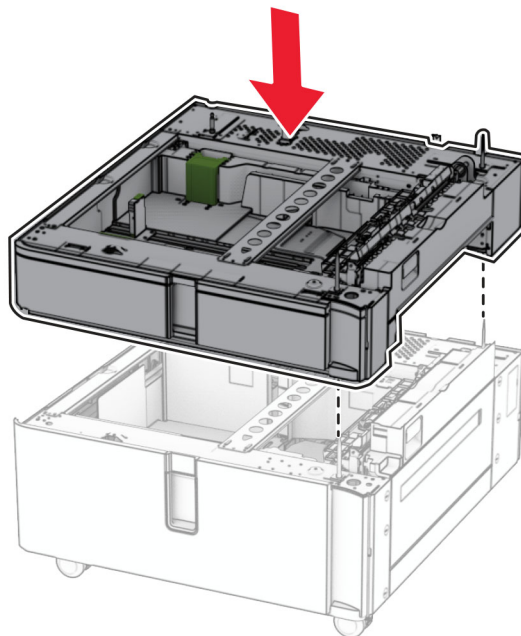
4 Khóa bánh xe để khay song song không bị di chuyển.



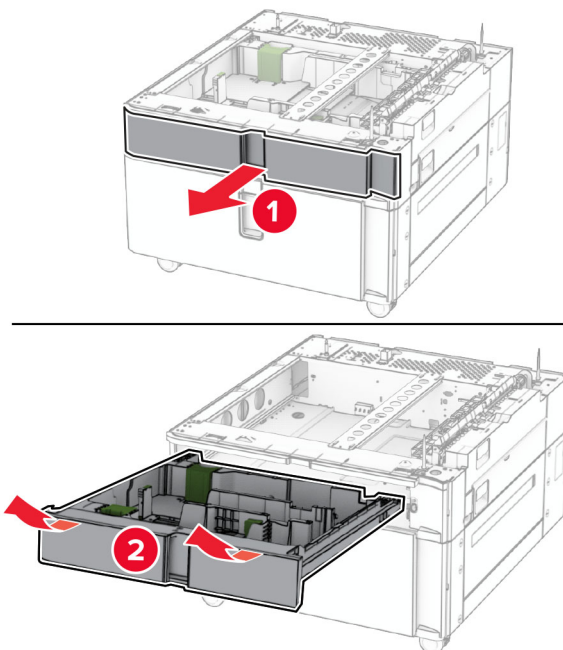
D

5 Căn chỉnh khay 550 tờ với khay song song rồi hạ khay xuống đúng vị trí.

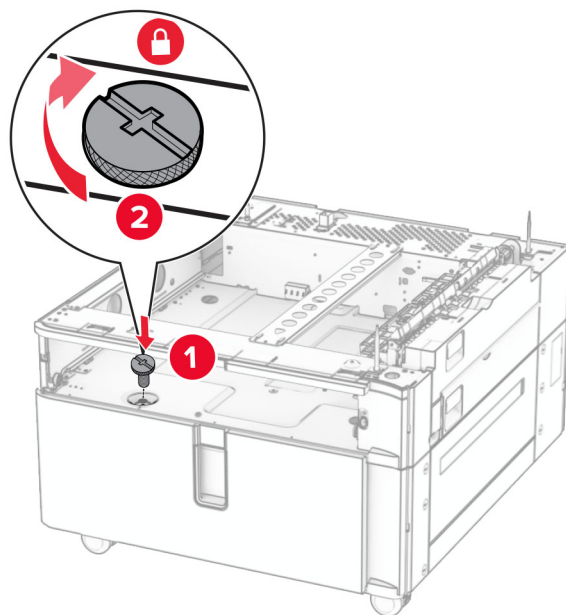
Lưu ý: Để tránh làm hỏng khay, hãy nhớ giữ phía trước và phía sau khi nâng khay.



6 Kéo bộ chèn khay 550 tờ ra.

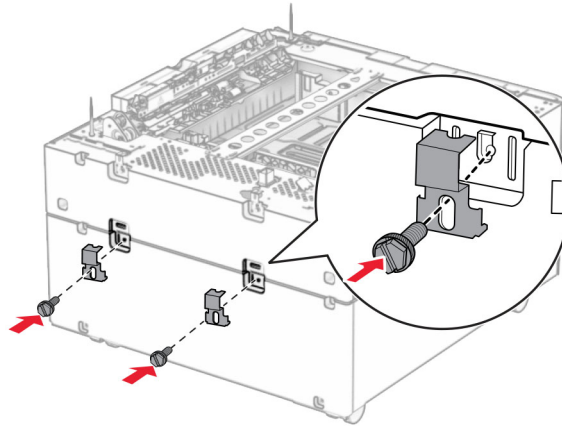


7 Gắn cố định khay 550 tờ với khay song song.

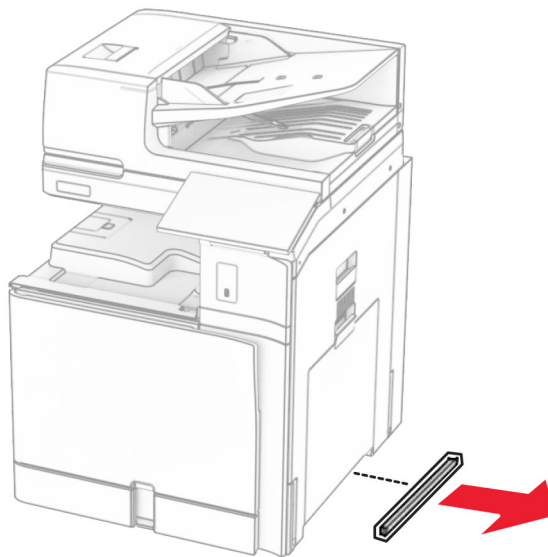


8 Lắp bộ chèn khay vào.

9 Gắn cố định phần phía sau của khay 550 tờ với khay song song.



10 Tháo nắp phía dưới bên phải của máy in.

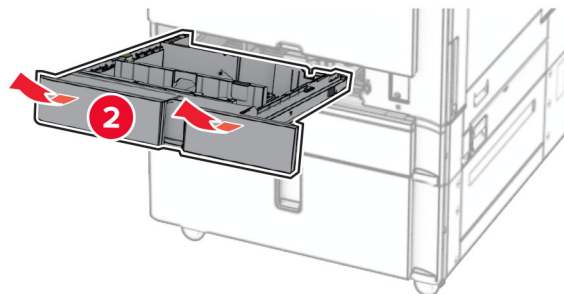
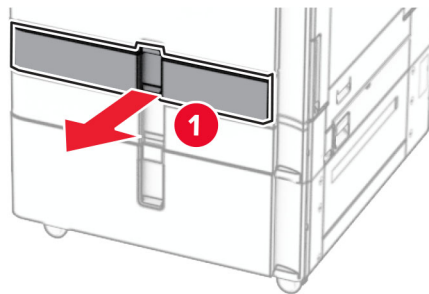


11 Căn chỉnh máy in với khay tùy chọn, sau đó hạ máy in xuống đúng vị trí.

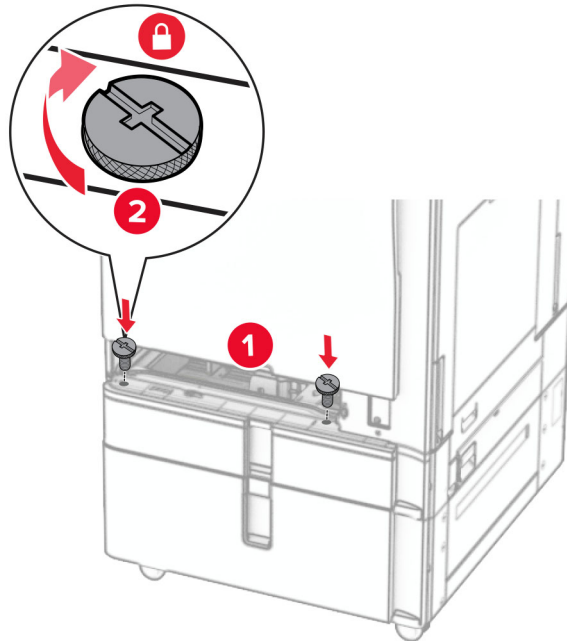
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Nếu máy in nặng hơn 20kg (44lb), có thể sẽ cần có hai người trở lên để nâng máy in lên một cách an toàn.



12 Kéo khay tiêu chuẩn ra.

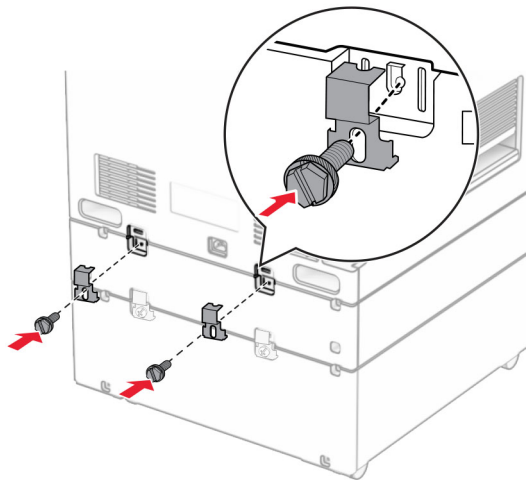


13 Cố định khay 550 tờ vào máy in.



14 Lắp khay vào.

15 Gắn cố định phần phía sau của khay 550 tờ vào máy in.



16 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

17 Bật máy in.

Thêm khay vào trình điều khiển in để sẵn sàng thực hiện lệnh in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in” trên trang 91](#).

Lắp tử

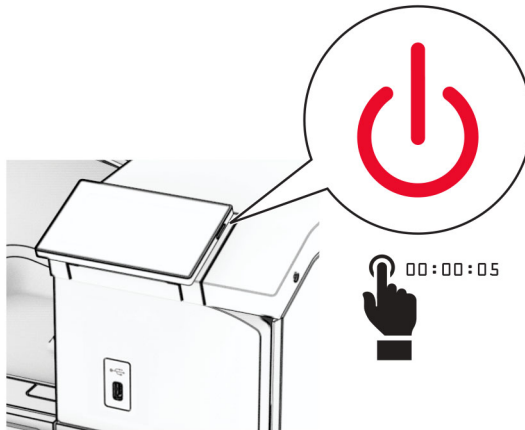
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

Lưu ý:

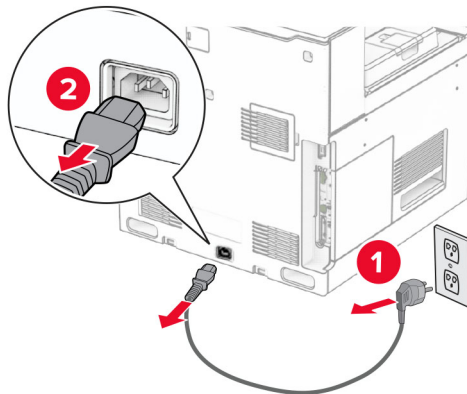
- Bạn phải lắp bộ phận tùy chọn này cùng với khay 550 tờ. Đặt bộ phận tùy chọn này ở cuối cấu hình.
- Nếu bạn đã lắp khay 550 tờ, hãy tháo khay ra, tháo nắp dưới của khay và đặt lên trên bộ phận tùy chọn này.
- Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

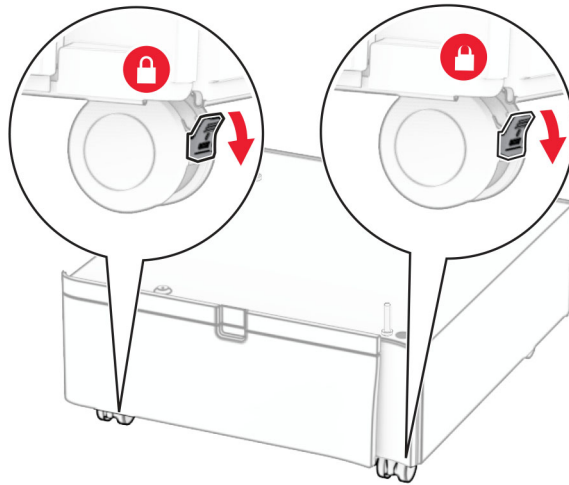
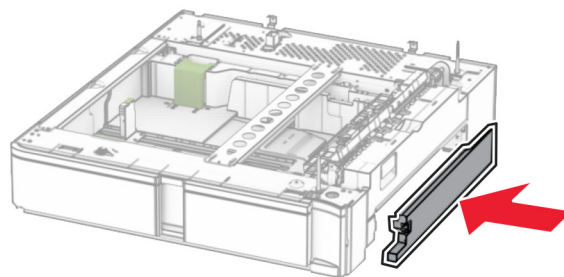
1 Mở bao bì, sau đó lắp tử.

2 Tắt máy in.

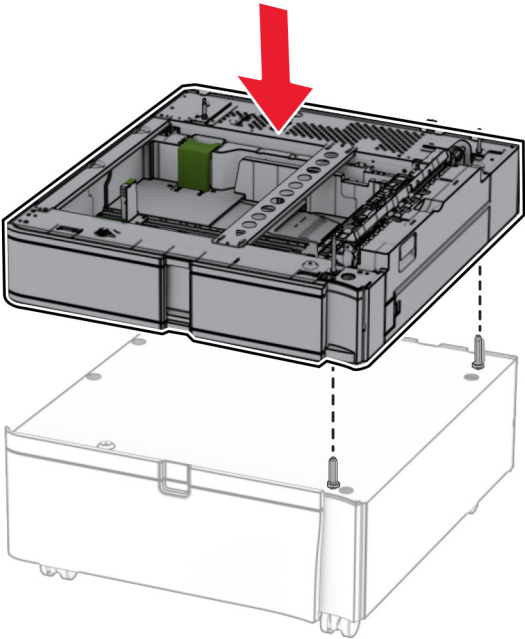


3 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.

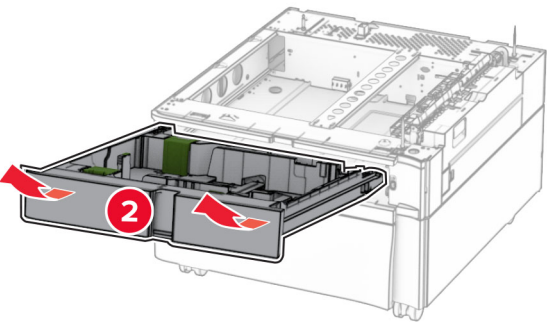
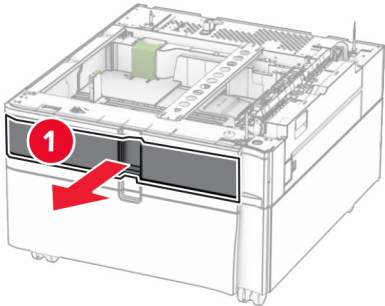


4 Khóa bánh xe để ngăn tủ di chuyển.**5** Gắn nắp hông của khay 550 tờ.**6** Căn chỉnh khay với tủ rồi hạ khay vào đúng vị trí.

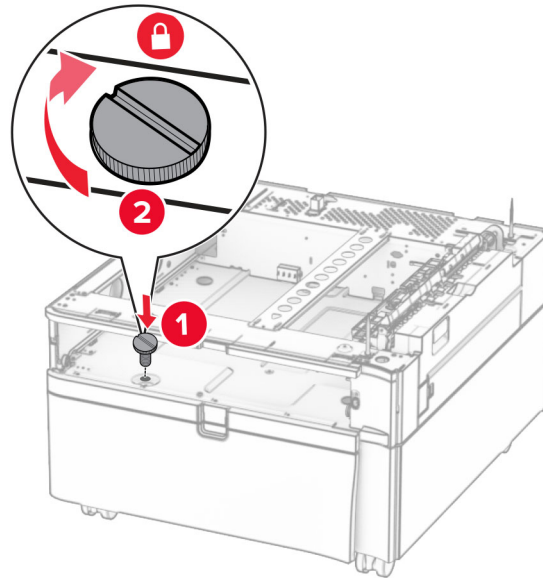
Lưu ý: Để tránh làm hỏng khay, hãy nhớ giữ phía trước và phía sau khi nâng khay.



7 Kéo bộ chèn khay ra.

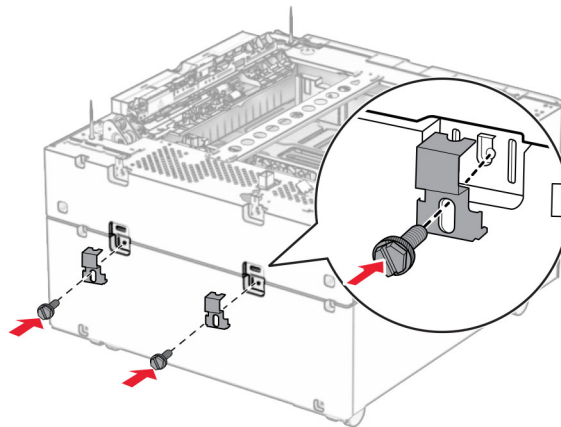


8 Cố định khay vào tủ.

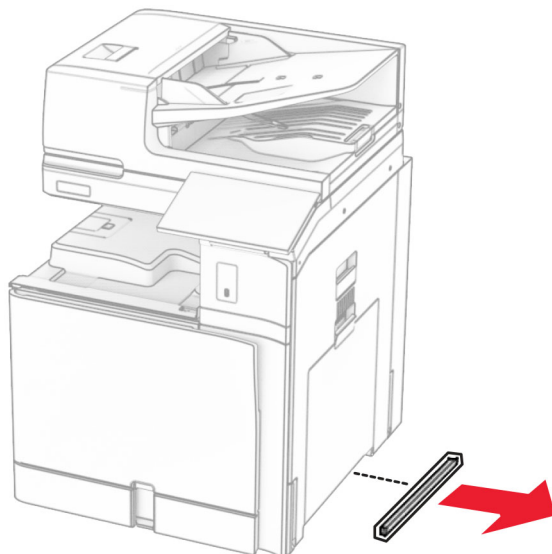


9 Lắp bộ chèn khay vào.

10 Cố định phần phía sau của khay vào tủ.



11 Tháo nắp phía dưới bên phải của máy in.



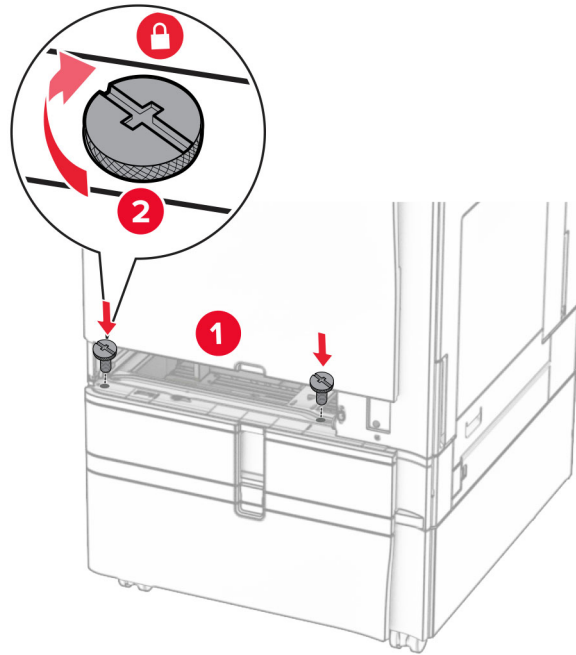
12 Căn chỉnh máy in với tủ và khay, sau đó hạ máy in xuống đúng vị trí.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Nếu máy in nặng hơn 20kg (44lb), có thể sẽ cần có hai người trở lên để nâng máy in lên một cách an toàn.



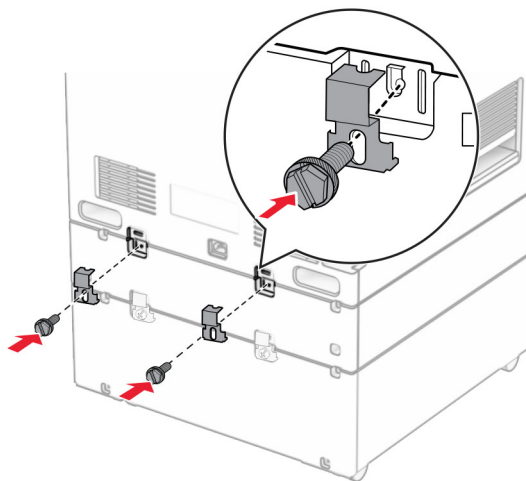
13 Kéo bộ chèn khay tiêu chuẩn ra.

14 Cố định khay 550 tờ vào máy in.



15 Lắp bộ chèn khay tiêu chuẩn vào.

16 Gắn cố định phần phía sau của khay 550 tờ vào máy in.



17 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỬN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

18 Bật máy in.

Lắp khay 1500 tờ

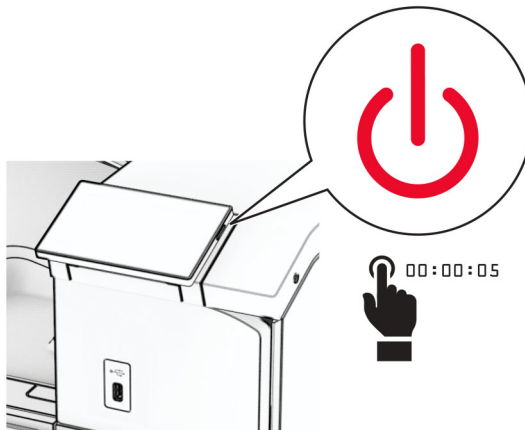
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

Lưu ý:

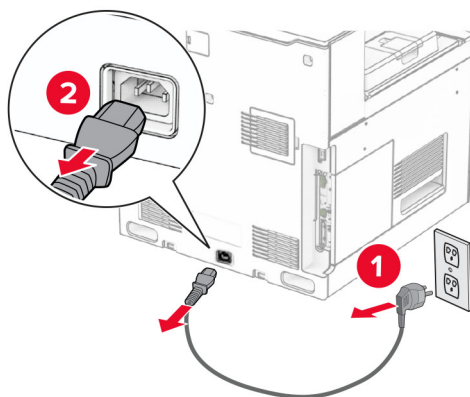
- Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đảm bảo rằng bạn đã lắp khay 550 tờ tùy chọn và khay 2 x 500 tờ hoặc khay 2000 tờ.
- Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

Lưu ý:

1 Tắt máy in.

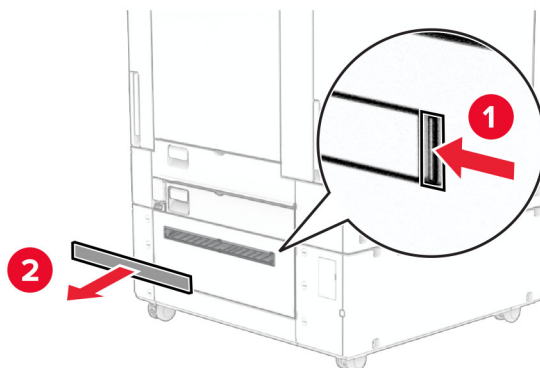


2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



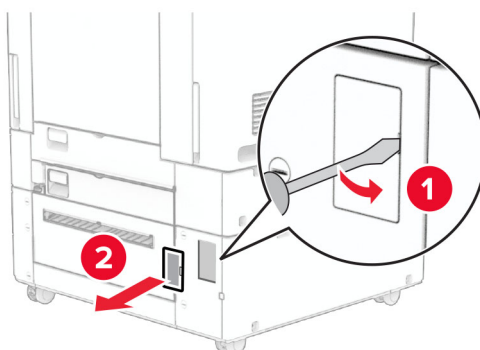
3 Tháo nắp nối.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.



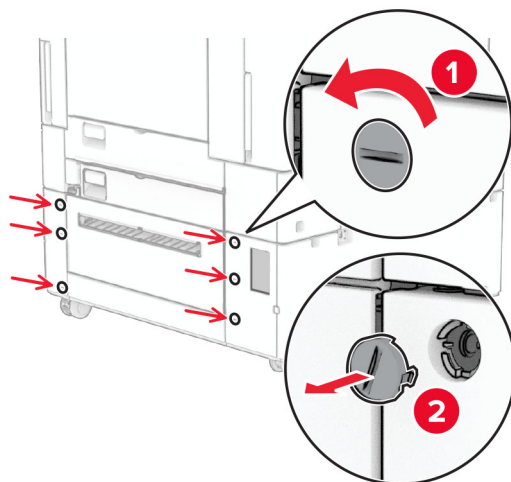
4 Tháo nắp cổng.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.



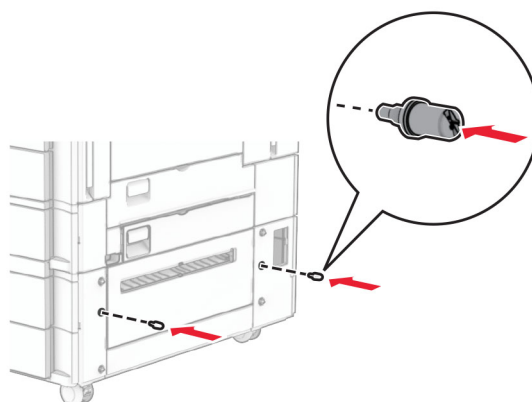
5 Tháo mũ vít khỏi máy in.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ mũ vít.



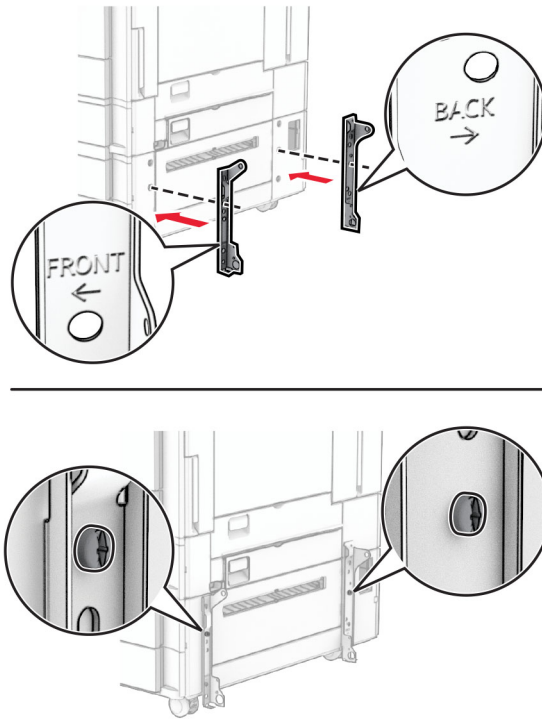
6 Mở bao bì của khay 1500 tờ, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

7 Lắp vít vào giá đỡ.

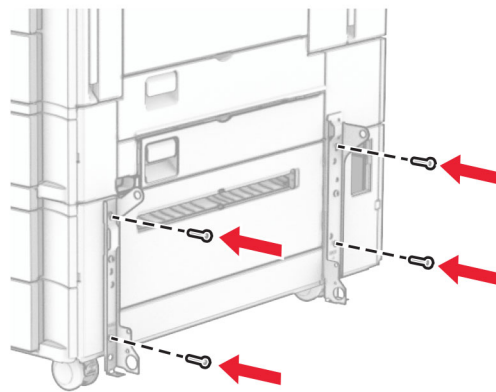


8 Lắp giá đỡ vào máy in.

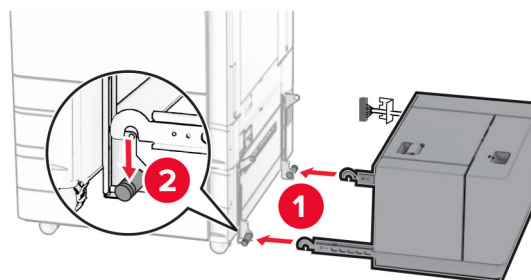
Lưu ý: Sử dụng giá đỡ và vít đi kèm theo khay 1500 tờ.



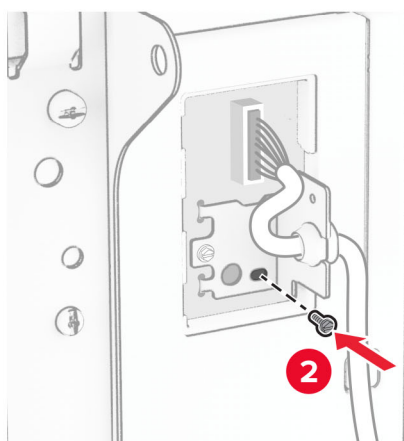
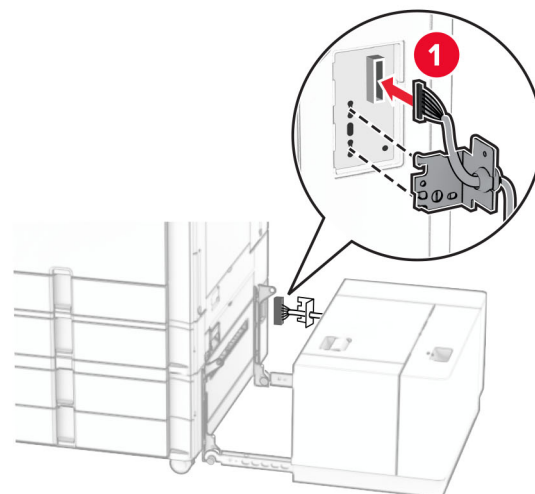
9 Lắp các vít còn lại.



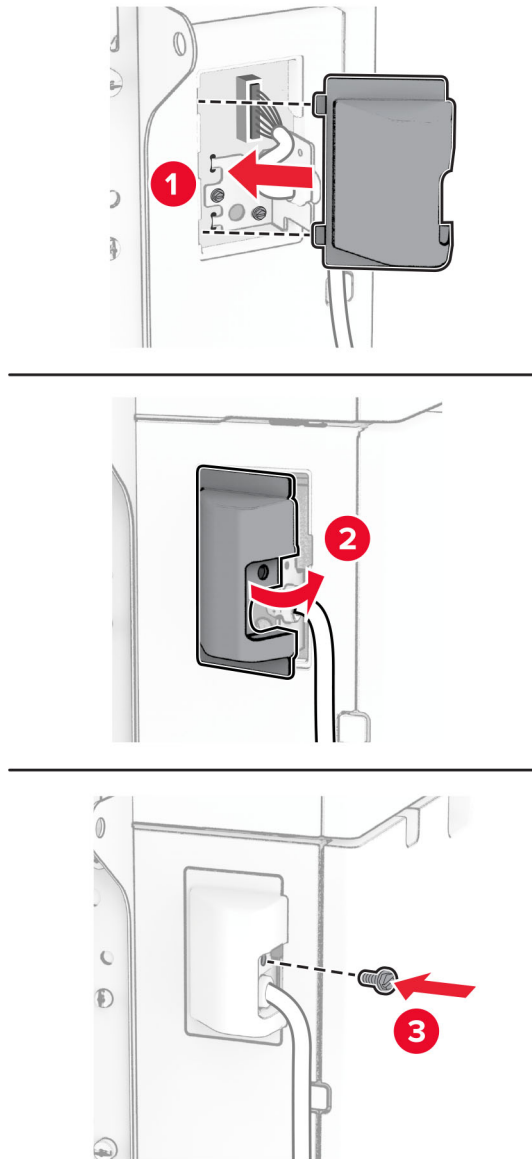
10 Lắp khay 1500 tờ.



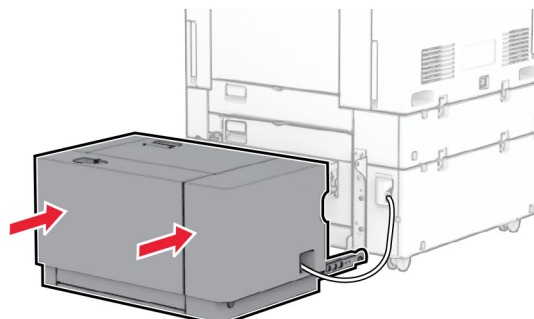
11 Kết nối cáp nối của khay với máy in.



12 Lắp nắp che cáp nối của khay.



13 Trượt khay 1500 tờ về phía máy in.



14 Cắm một đầu dây nguồn của máy in với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỬN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

15 Bật máy in.

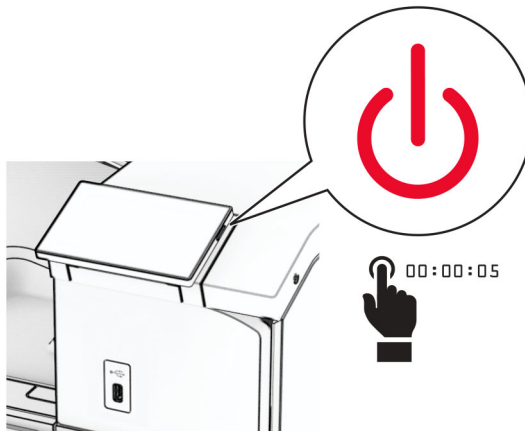
Thêm khay vào trình điều khiển in để sẵn sàng thực hiện lệnh in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in”](#) trên trang 91.

Lắp bộ hoàn thiện đập ghim

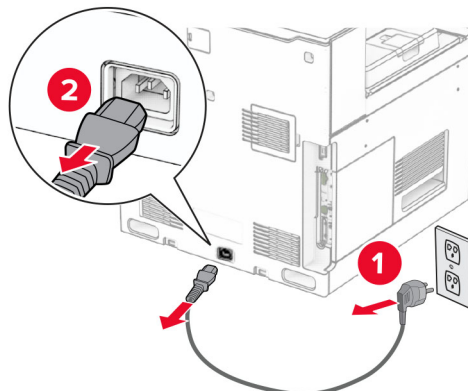
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

Lưu ý: Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

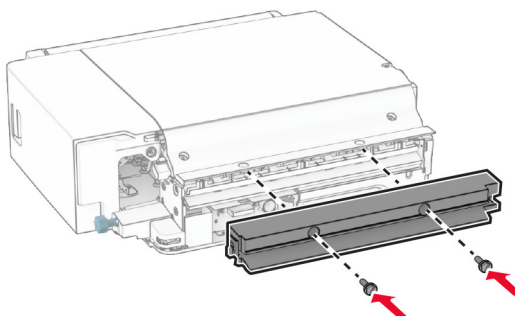
1 Tắt máy in.



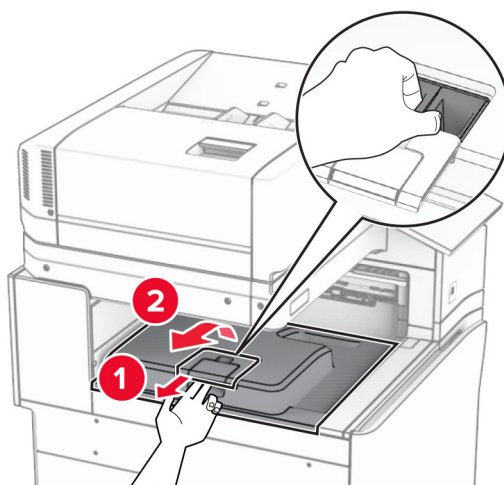
2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



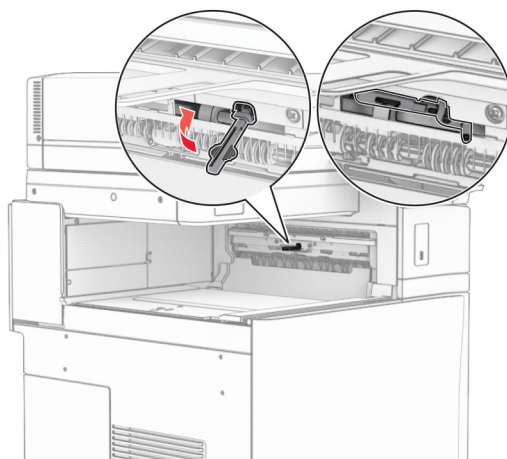
- 3 Mở bao bì của bộ hoàn thiện dập ghim, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.
- 4 Lắp thanh dẫn hướng nạp giấy.



- 5 Tháo ngăn giấy chuẩn.
Lưu ý: Đừng rút bỏ ngăn giấy.

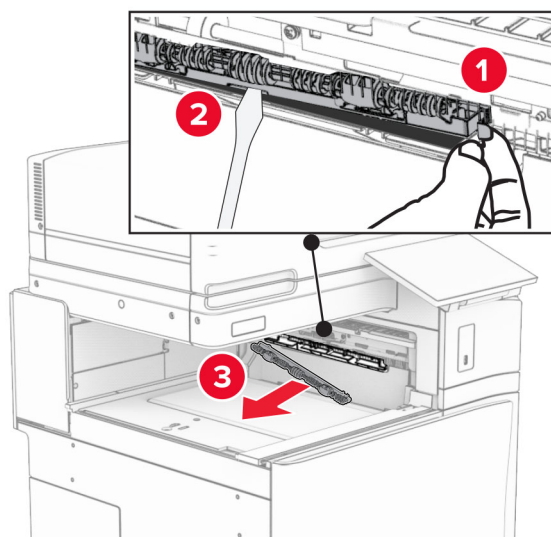


- 6 Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí đóng.
Lưu ý: Sau khi tháo bộ phận tùy chọn, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí mở.

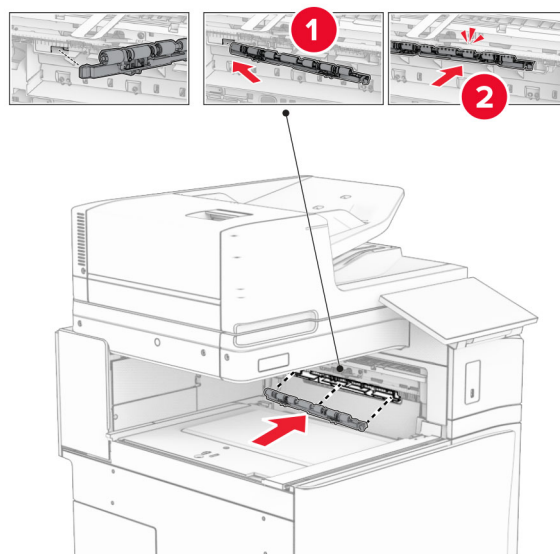


7 Tháo trực dự phòng.

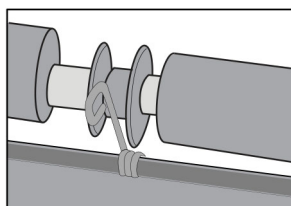
Lưu ý: Đừng rút bỏ trực.



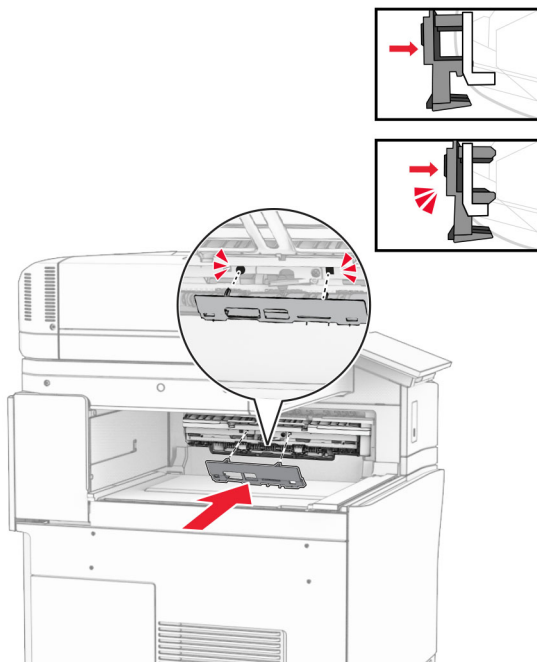
8 Lắp trực nạp đi kèm theo bộ hoàn thiện dập ghim cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



Lưu ý: Đảm bảo rằng lò xo kim loại ở phía trước trực nạp.

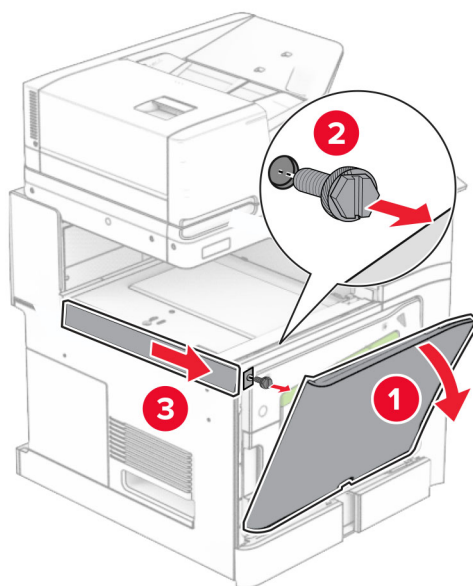


9 Gắn nắp trực cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



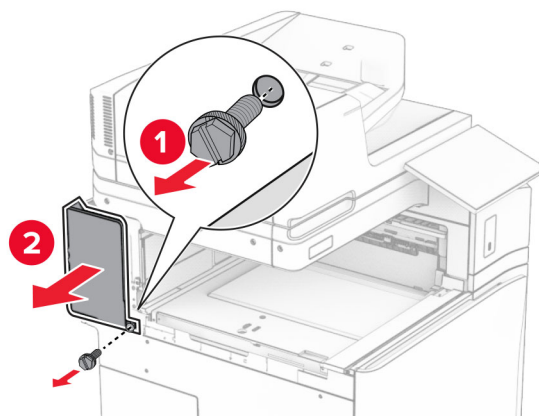
10 Mở cửa trước, sau đó tháo nắp ở bên trái của máy in.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



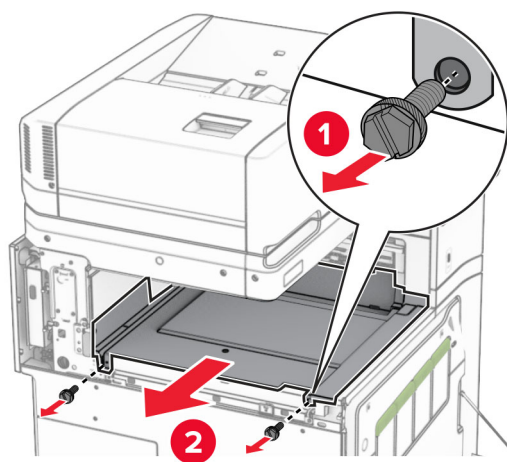
11 Tháo nắp phía sau bên trái.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.

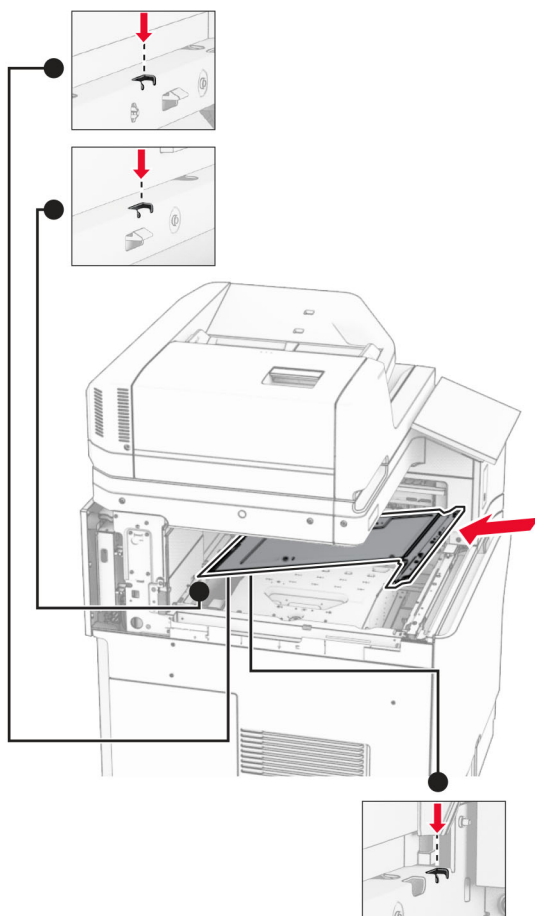


12 Tháo nắp trong của ngăn giấy.

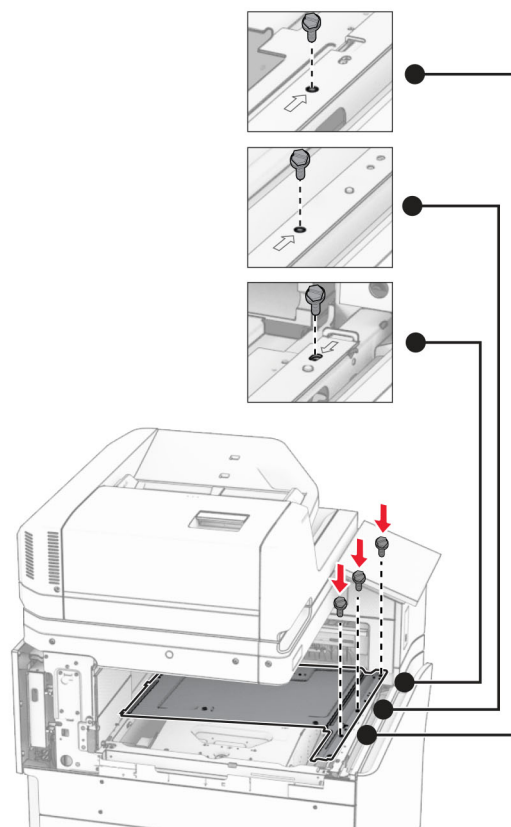
Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.

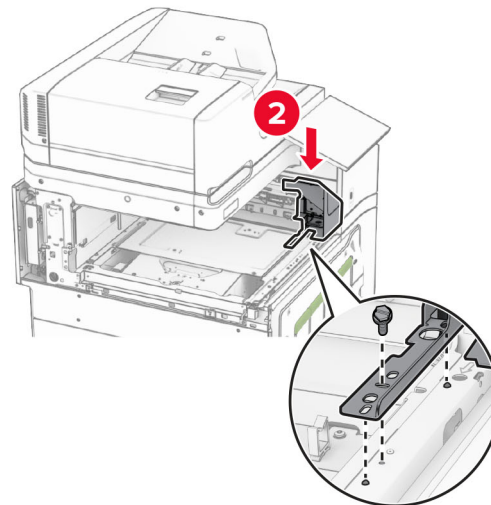
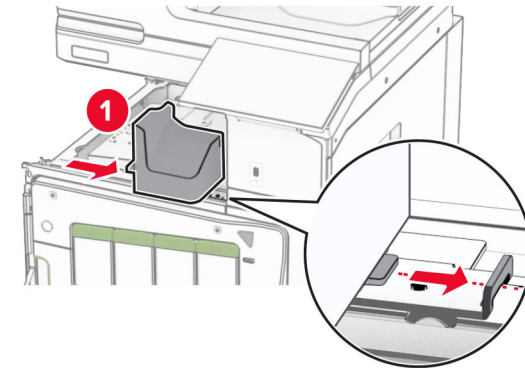
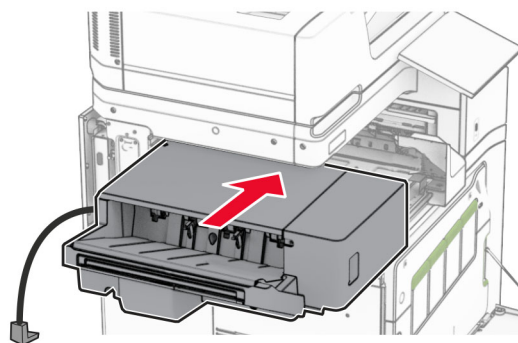


13 Căn chỉnh, rồi lắp nắp trong cửa ngăn giấy đi kèm theo bộ hoàn thiện dập ghim.

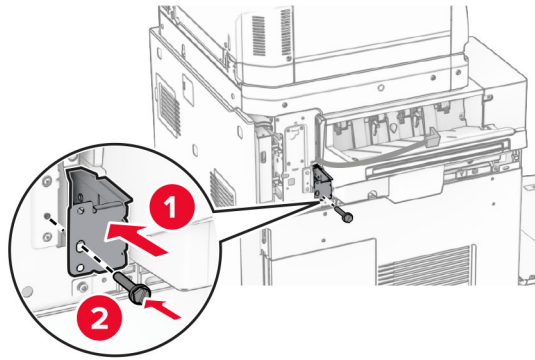


14 Lắp vít vào nắp trong cửa ngăn giấy.

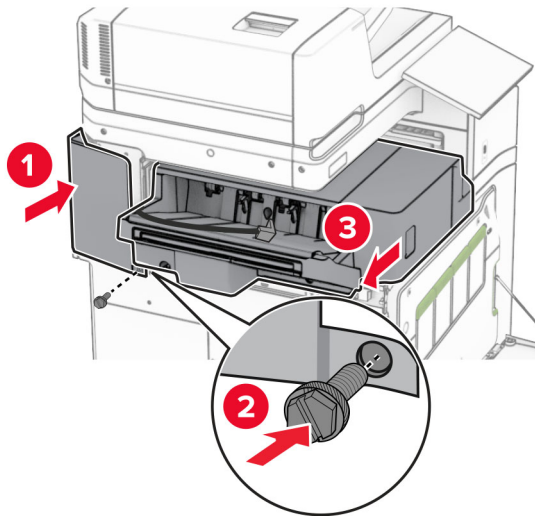


15 Gắn thanh trượt bộ hoàn thiện dập ghim.**16** Lắp bộ hoàn thiện dập ghim.**17** Lắp giá đỡ để cố định bộ hoàn thiện vào máy in.

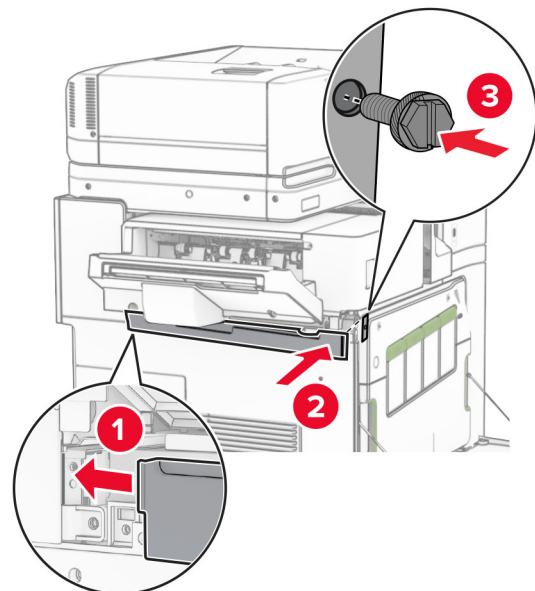
Lưu ý: Sử dụng vít đi kèm theo bộ hoàn thiện.



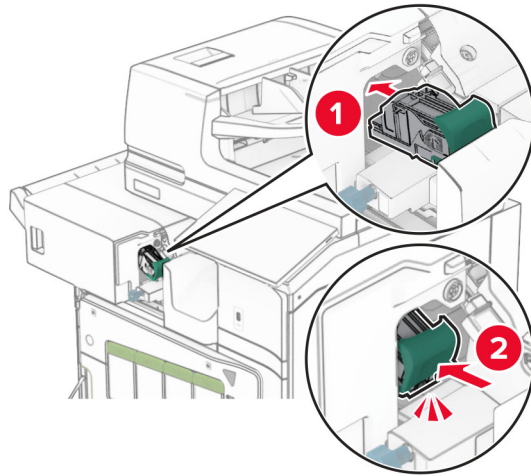
18 Gắn nắp phía sau bên trái, sau đó trượt bộ hoàn thiện đập ghim sang trái.



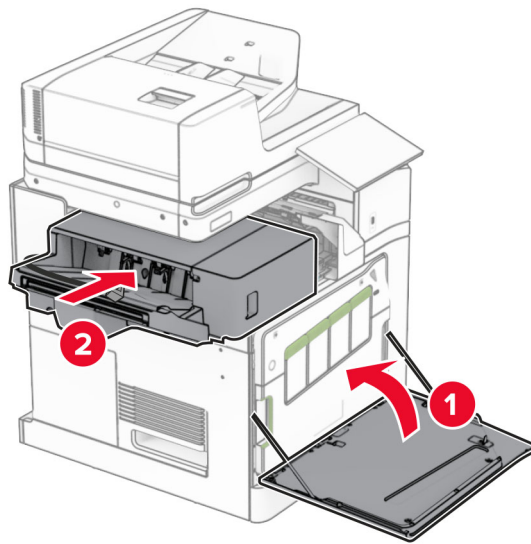
19 Gắn nắp trang trí phía trên bên trái đi kèm theo bộ hoàn thiện.



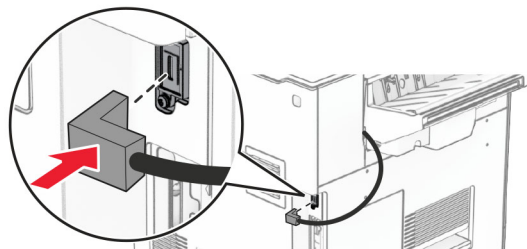
20 Lắp hộp ghim vào bộ hoàn thiện cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



21 Đóng cửa trước, sau đó trượt bộ hoàn thiện về phía máy in.



22 Kết nối cáp của bộ phận tùy chọn với máy in.



23 Cắm một đầu dây nguồn của máy in với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỬN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

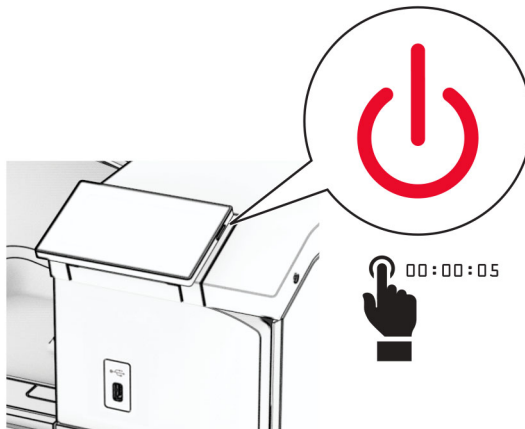
24 Bật máy in.

Thêm bộ hoàn thiện vào trình điều khiển in để sẵn sàng thực hiện lệnh in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in” trên trang 91](#).

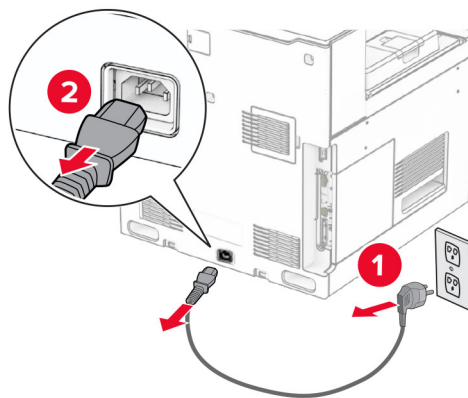
Lắp ngăn xếp offset

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

1 Tắt máy in.

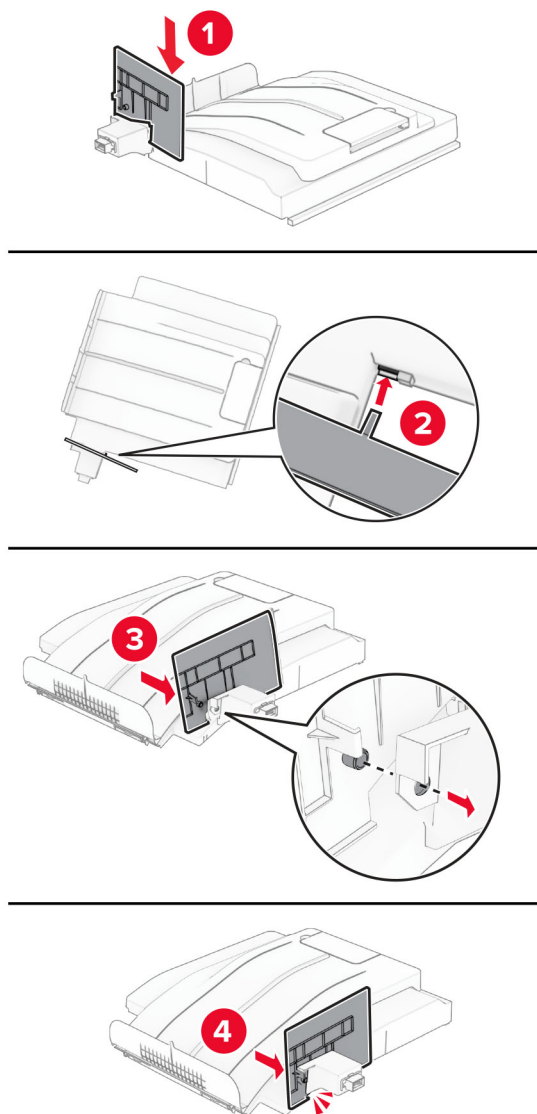


2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



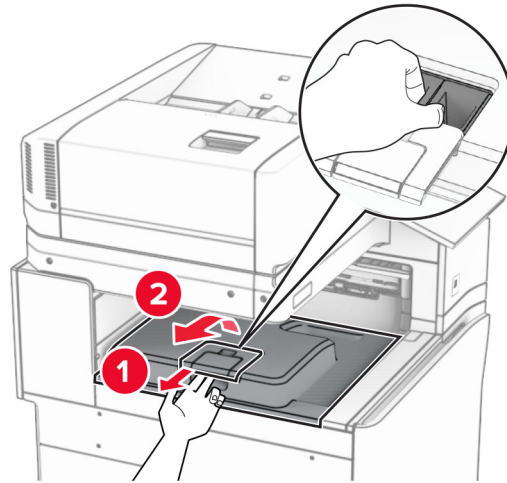
3 Mở bao bì của ngăn xếp offset, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

4 Lắp nắp trong phía sau vào ngăn xếp offset.



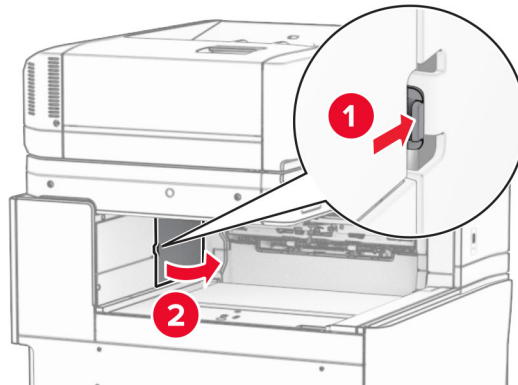
5 Tháo ngăn giấy chuẩn.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ ngăn giấy.

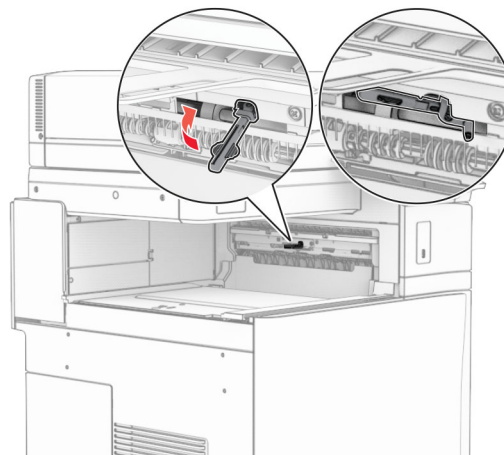


6 Tháo nắp đầu nối bộ phận vận chuyển giấy.

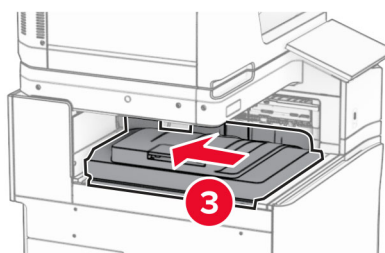
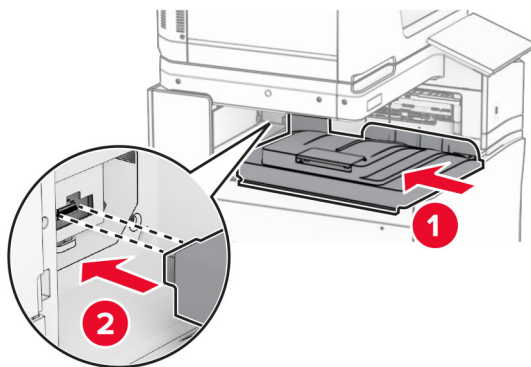
Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.



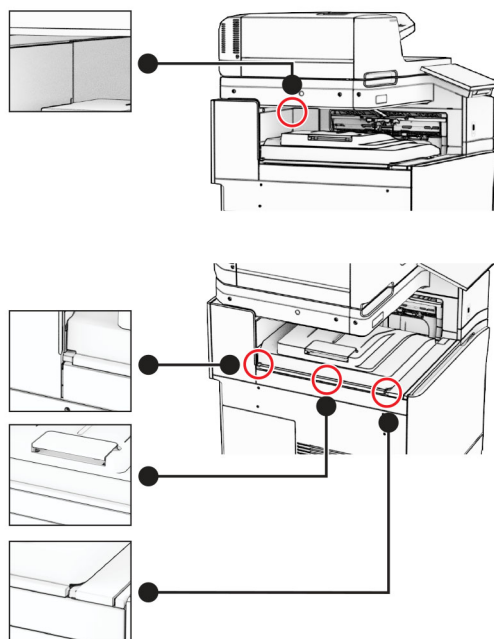
7 Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí đóng.



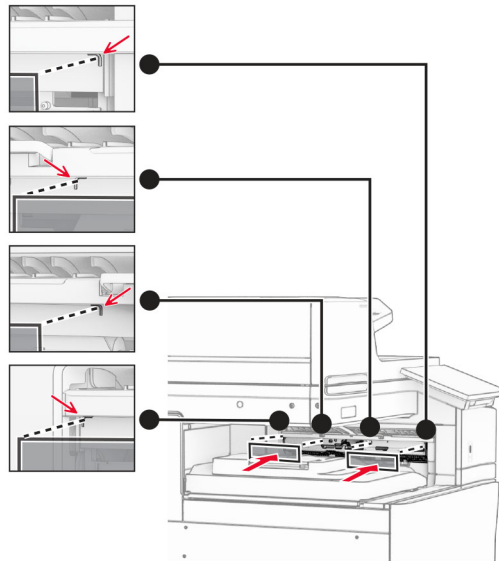
8 Căn chỉnh, sau đó lắp ngăn xếp offset vào máy in.



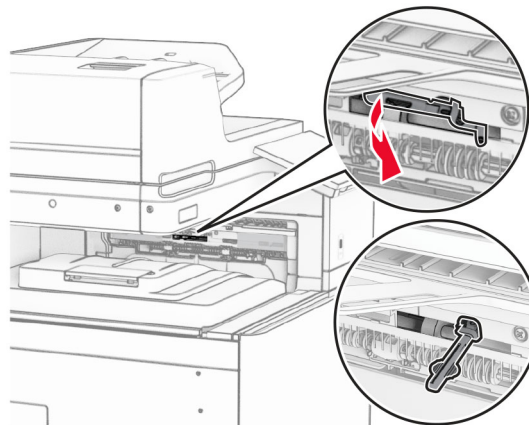
Lưu ý: Đảm bảo rằng các bộ phận được gắn chắc chắn và khớp với máy in.



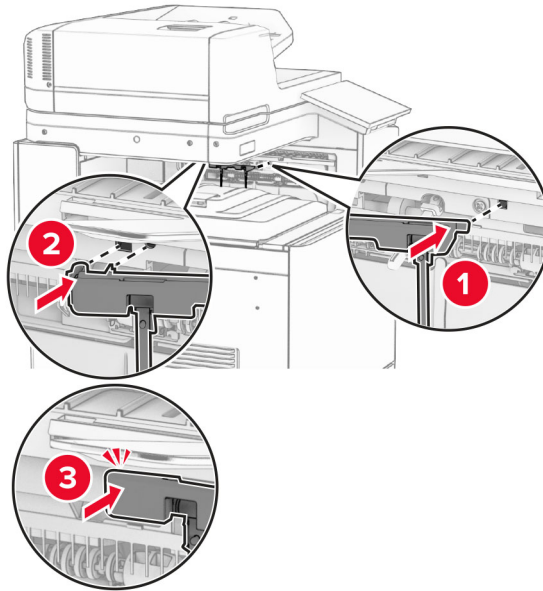
9 Gắn các dải bảo vệ của ngăn xếp offset vào máy in.



10 Đặt vấu của ngăn giấy thoát vào vị trí mở.



11 Lắp nắp che vấu của ngăn giấy cho đến khi *khớp* vào đúng vị trí.



12 Cắm một đầu dây nguồn của máy in với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỬN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

13 Bật máy in.

Thêm ngăn xếp offset vào trình điều khiển in để sẵn sàng thực hiện lệnh in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in” trên trang 91](#).

Lắp tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy

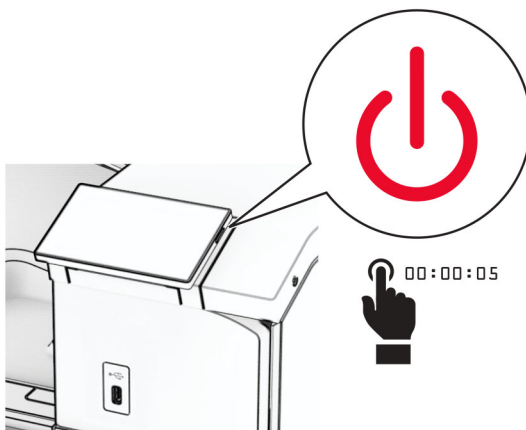
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

Lưu ý:

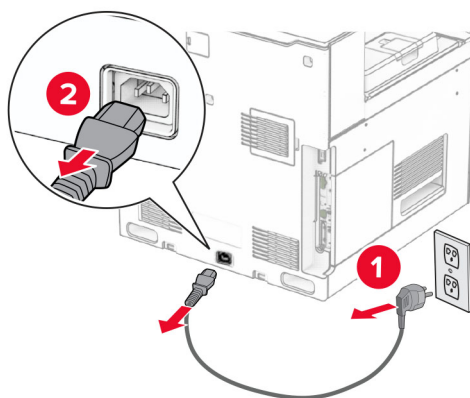
- Bạn cũng có thể lắp tùy chọn này cùng với bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hoặc bộ hoàn thiện tập sách.

- Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

1 Tắt máy in.



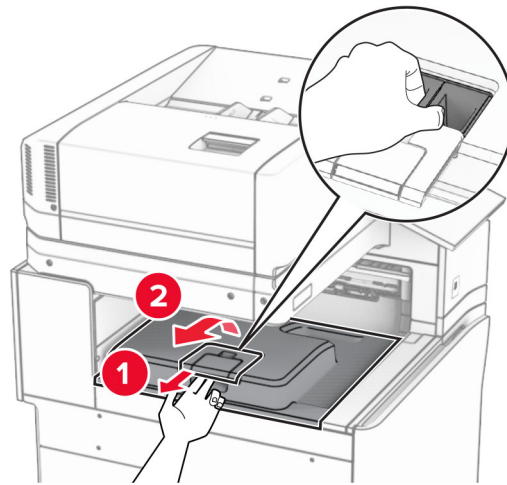
2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



3 Mở bao bì của tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

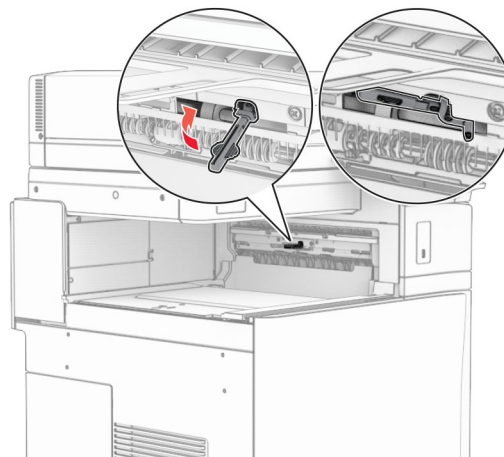
4 Tháo ngăn giấy chuẩn.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ ngăn giấy.



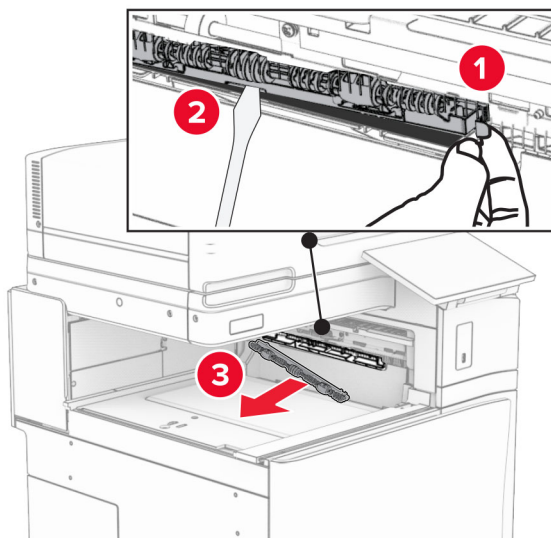
5 Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí đóng.

Lưu ý: Sau khi tháo bộ phận tùy chọn, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí mở.

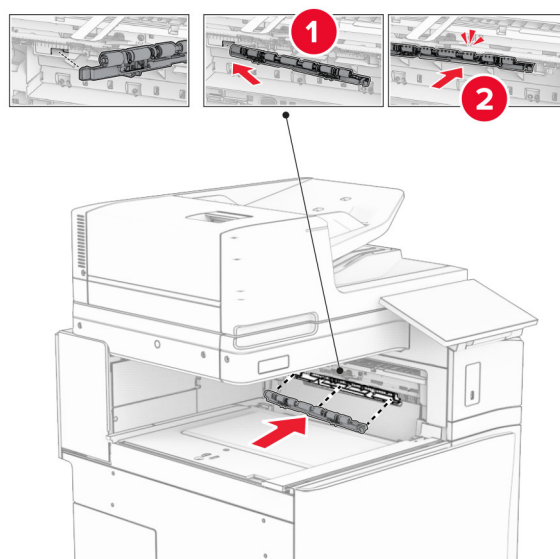


6 Tháo trục dự phòng.

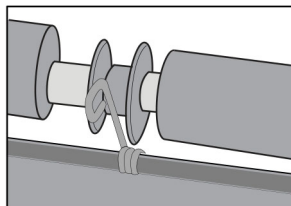
Lưu ý: Đừng vứt bỏ trục.



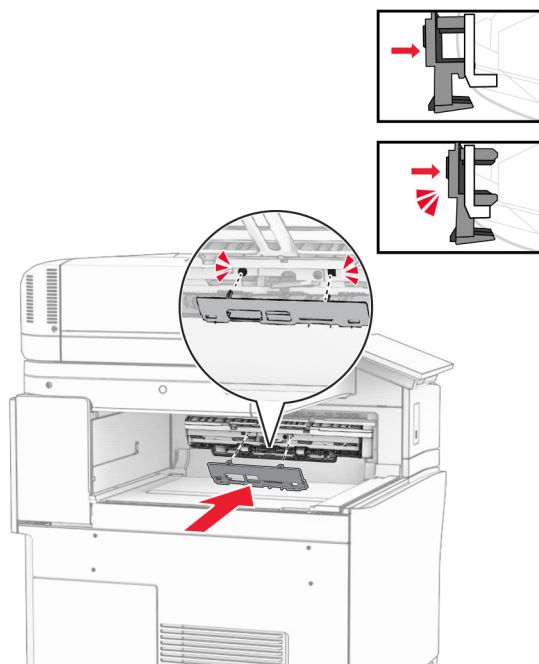
7 Lắp trục nạp đi kèm theo tùy chọn cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



Lưu ý: Đảm bảo rằng lò xo kim loại ở phía trước trục nạp.

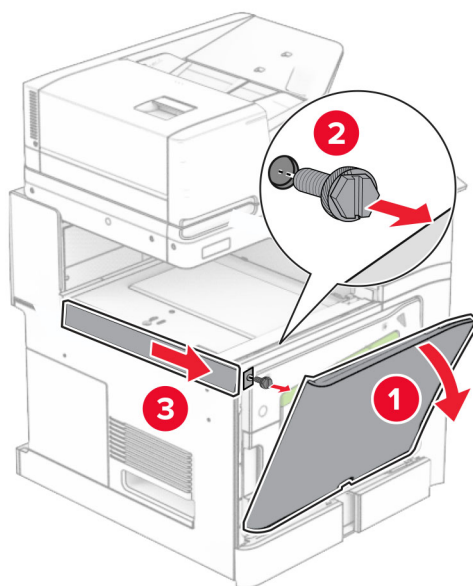


8 Gắn nắp trực cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



9 Mở cửa trước, sau đó tháo nắp ở bên trái của máy in.

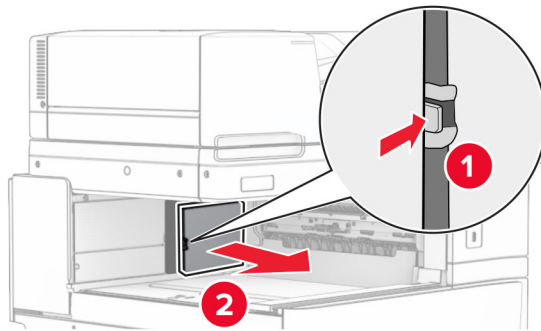
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



10 Đóng cửa trước.

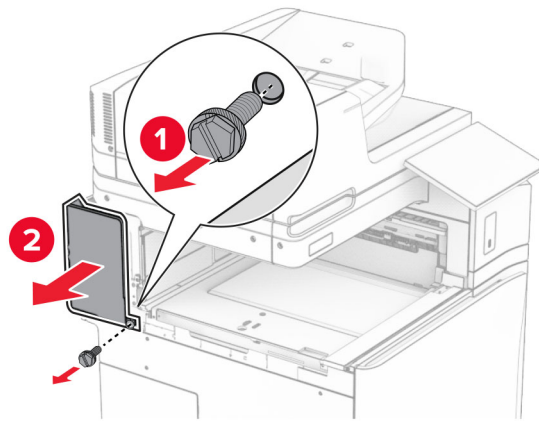
11 Tháo nắp đầu nối bộ phận vận chuyển giấy.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.



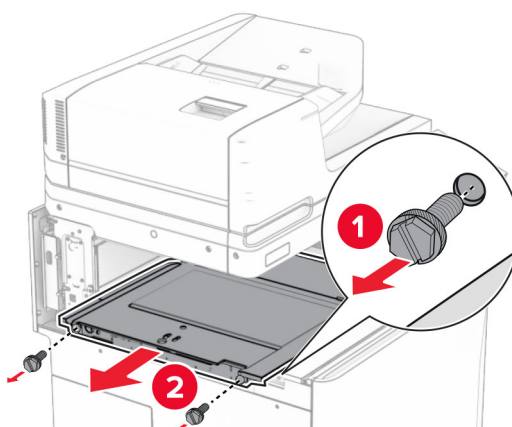
12 Tháo nắp phía sau bên trái.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.

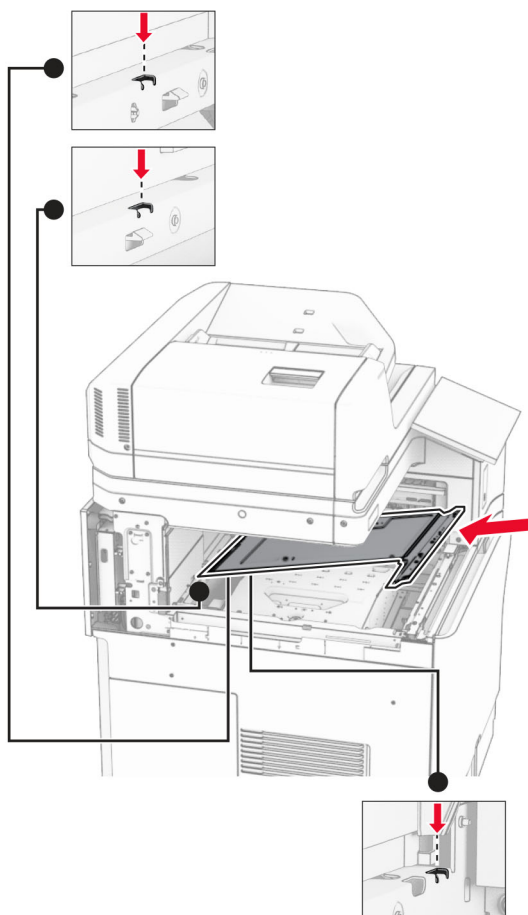


13 Tháo nắp trong cửa ngăn giấy.

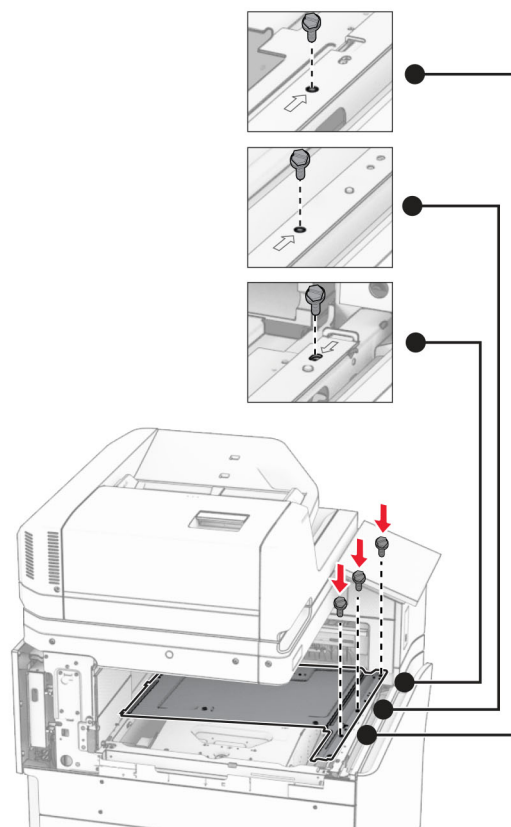
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



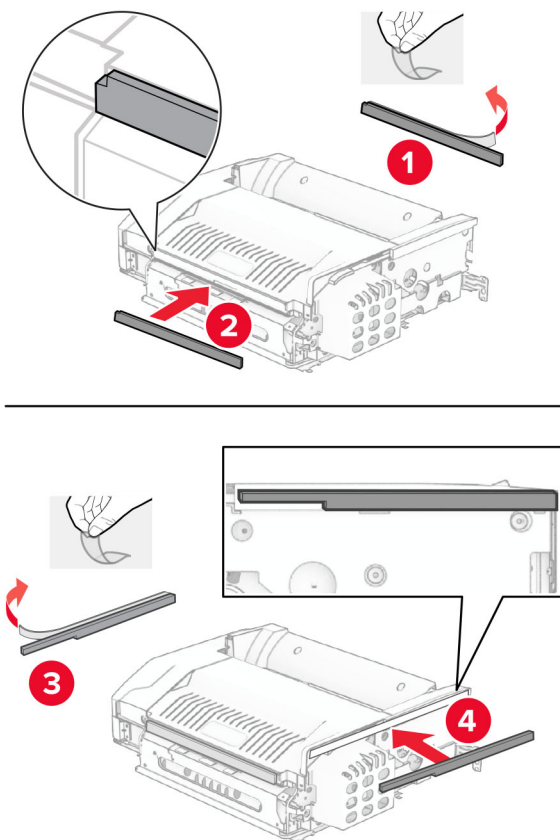
14 Căn chỉnh, rồi lắp nắp trong cửa ngăn giấy đi kèm theo tùy chọn.



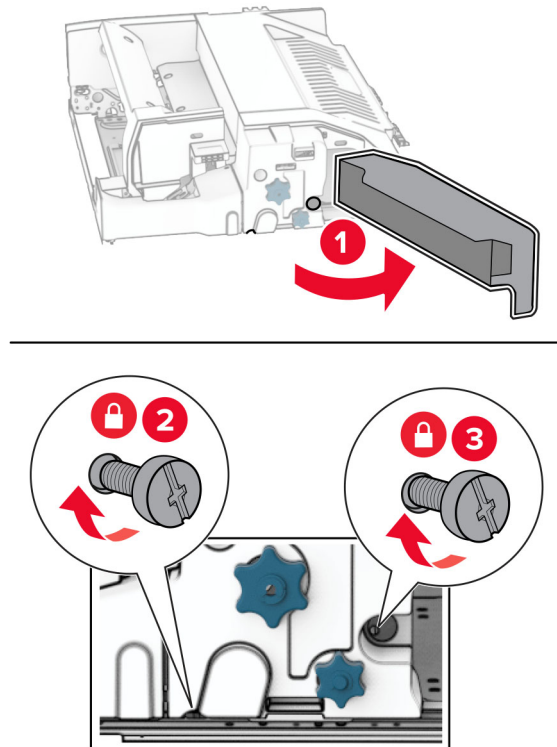
15 Lắp vít vào nắp trong cửa ngăn giấy.



16 Gắn các miếng băng keo xốp vào tùy chọn.

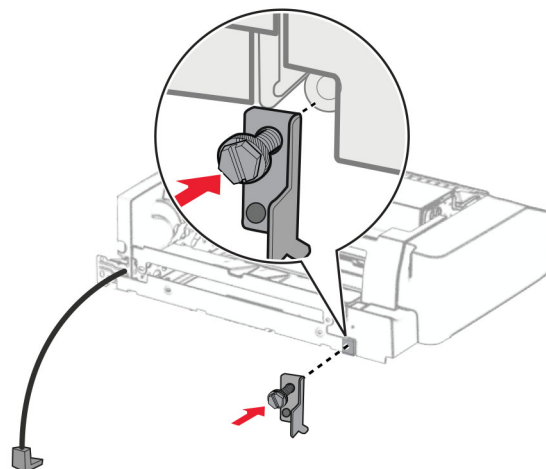


17 Mở cửa F, rồi siết chặt vít.



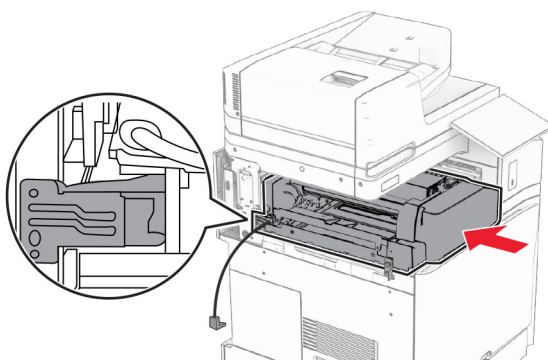
18 Đóng cửa F.

19 Lắp khung kim loại vào tùy chọn.

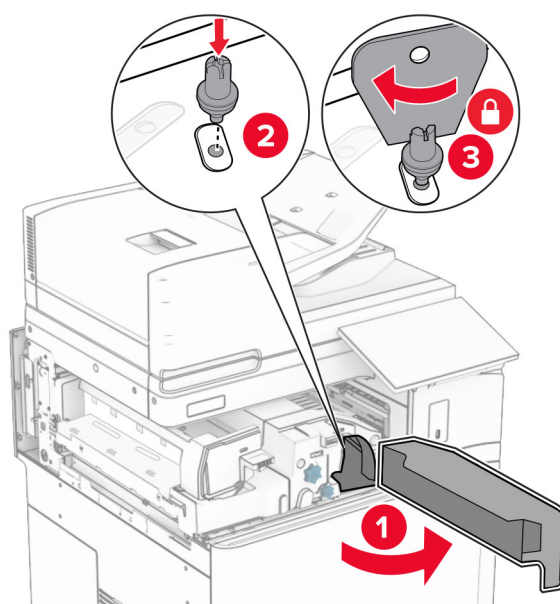


20 Lắp tùy chọn.

Lưu ý: Đảm bảo rằng khung kim loại ở phía trước máy in.

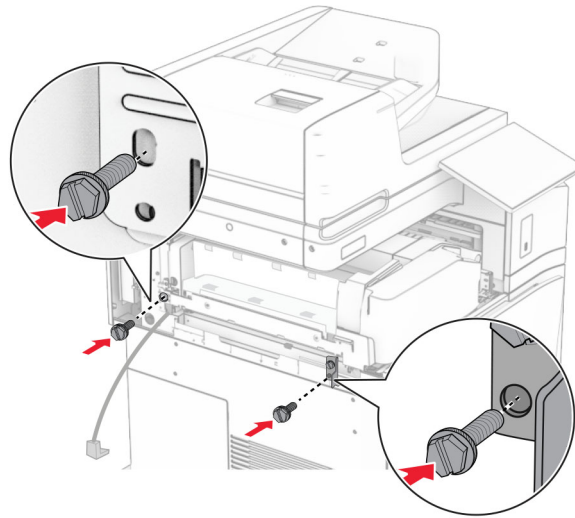


21 Mở cửa F, rồi dùng tua vít đi kèm theo tùy chọn để lắp vít.

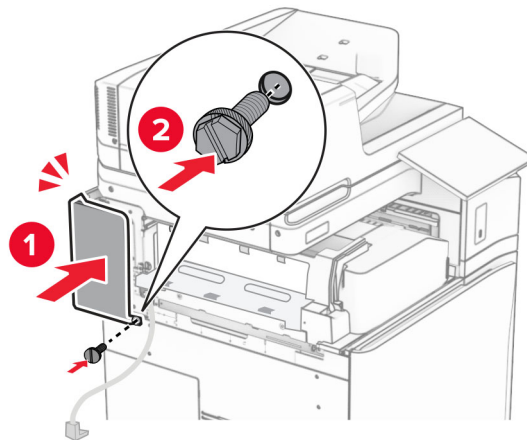


22 Đóng cửa F.

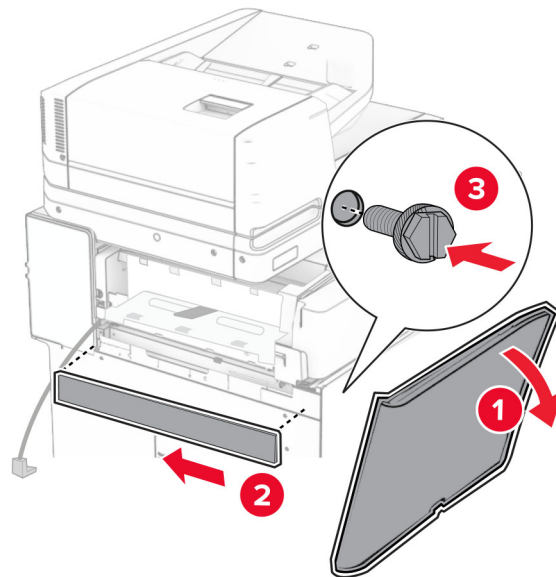
23 Lắp vít vào tùy chọn.



24 Gắn nắp sau bên trái.

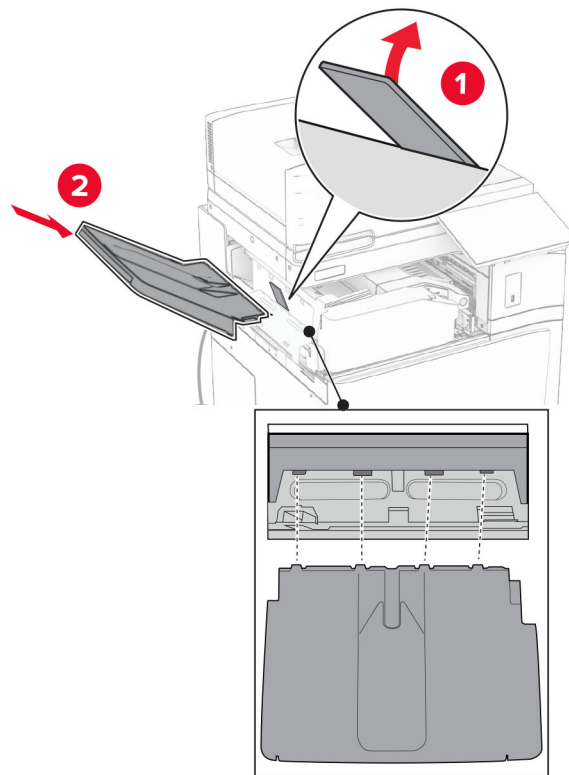


25 Mở cửa trước, rồi gắn nắp vào bên trái máy in.

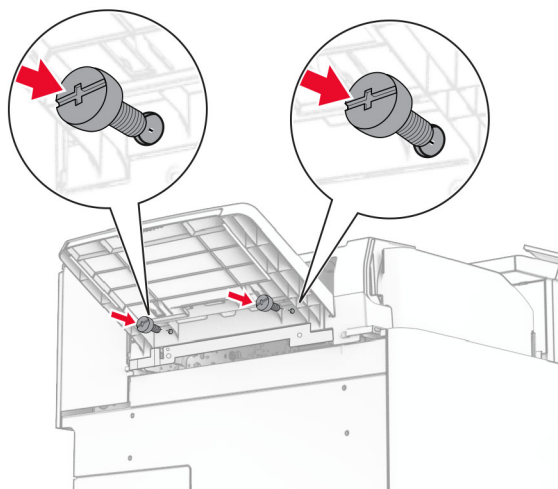


26 Đóng cửa trước.

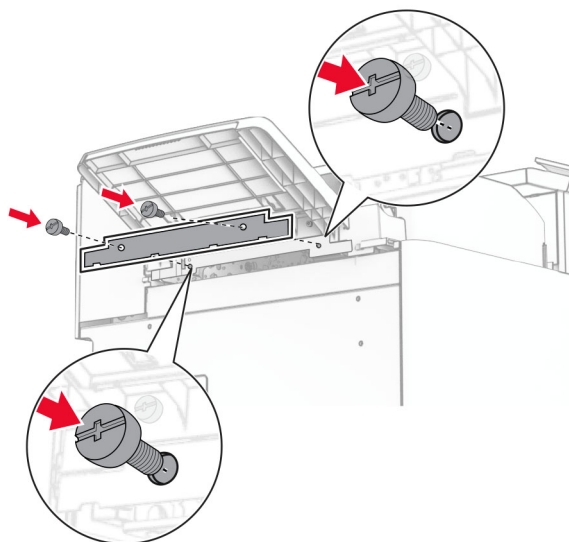
27 Nâng nắp lật của ngăn giấy lên, rồi căn chỉnh và lắp ngăn giấy của tùy chọn.



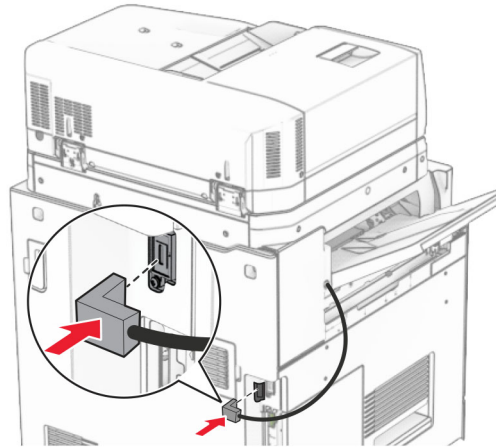
28 Lắp vít vào ngăn giấy của tùy chọn.



29 Gắn nắp xen.



30 Kết nối cáp của bộ phận tùy chọn với máy in.



31 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

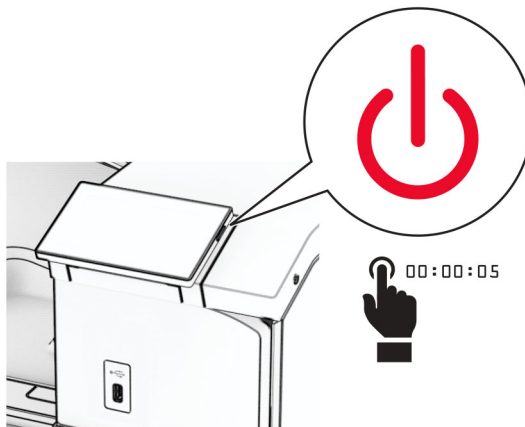
32 Bật máy in.

Lắp bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ và tùy chọn vận chuyển giấy

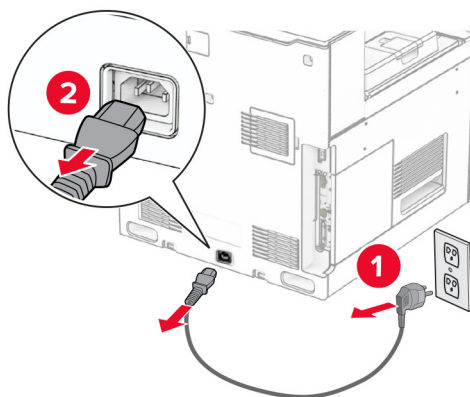
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

Lưu ý: Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

1 Tắt máy in.



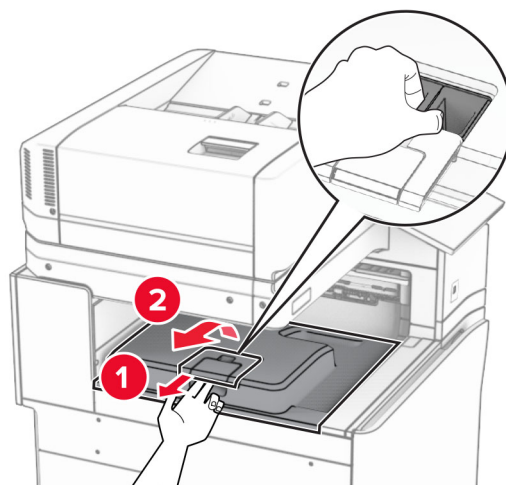
2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



3 Mở bao bì của bộ phận vận chuyển giấy.

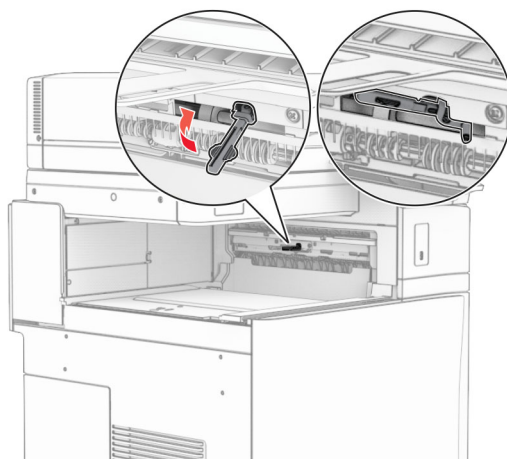
4 Tháo ngăn giấy chuẩn.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ ngăn giấy.



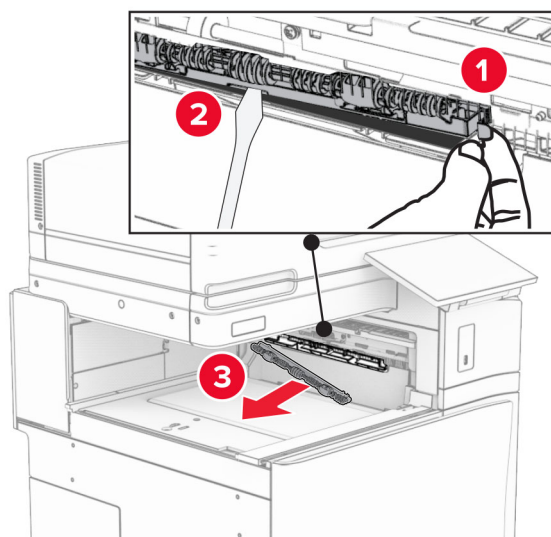
5 Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí đóng.

Lưu ý: Sau khi tháo bộ phận tùy chọn, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí mở.

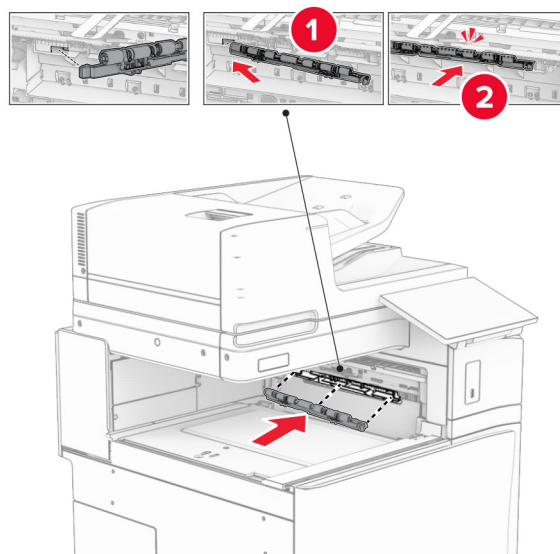


6 Tháo trực dự phòng.

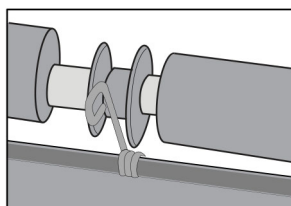
Lưu ý: Đừng rút bỏ trực.



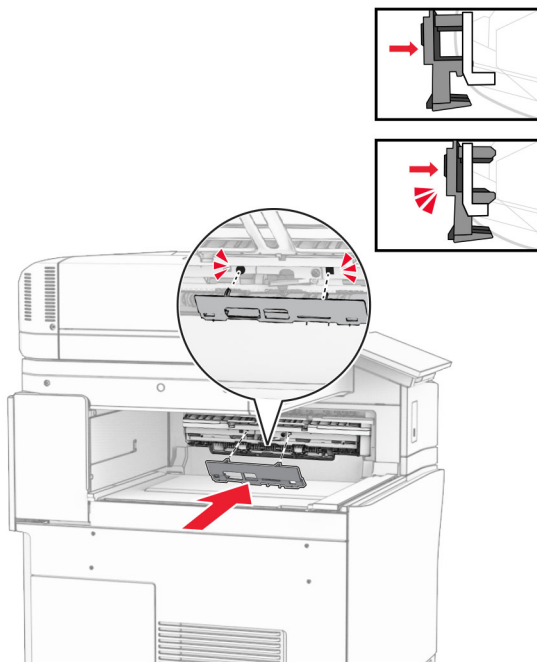
7 Lắp trực nạp đi kèm theo bộ phận vận chuyển giấy cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



Lưu ý: Đảm bảo rằng lò xo kim loại ở phía trước trực nạp.

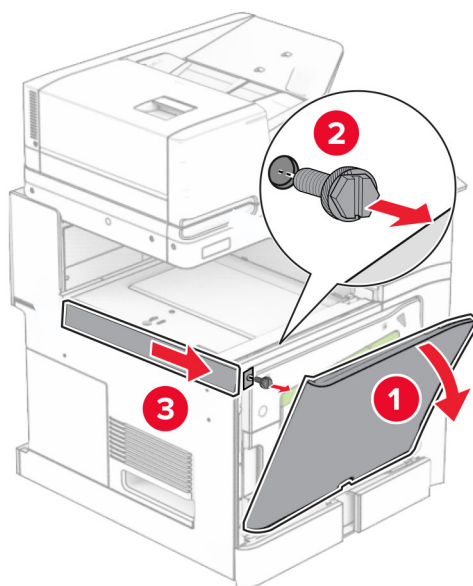


8 Lắp nắp cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



9 Mở cửa trước, sau đó tháo nắp ở bên trái của máy in.

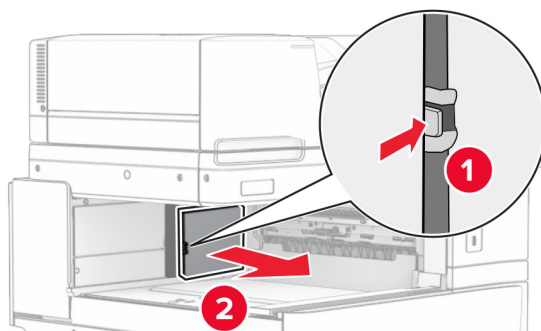
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



10 Đóng cửa trước.

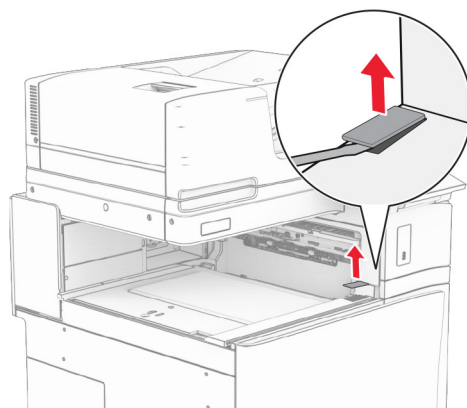
11 Tháo nắp đầu nối bộ phận vận chuyển giấy.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.

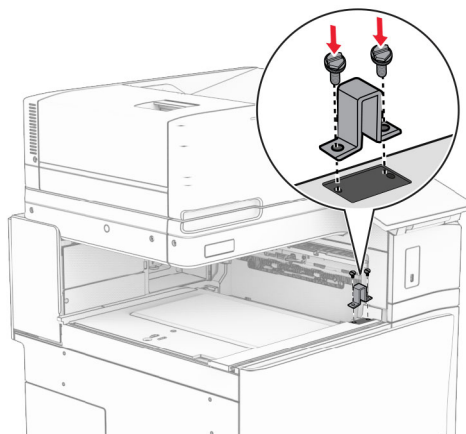


12 Tháo nắp.

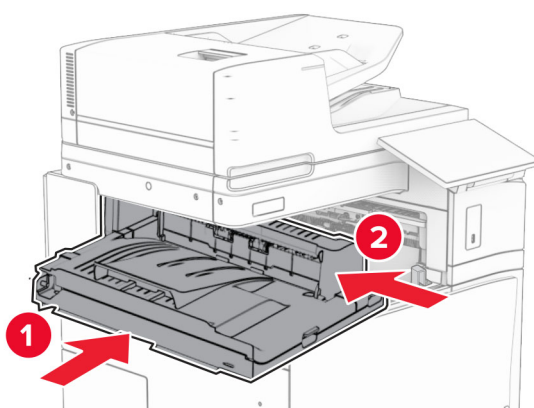
Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.



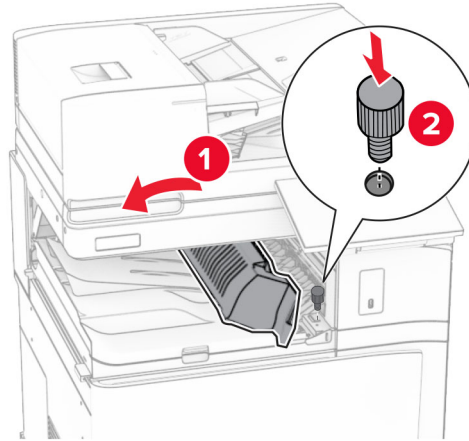
13 Gắn khung kim loại.



14 Lắp bộ phận vận chuyển giấy.

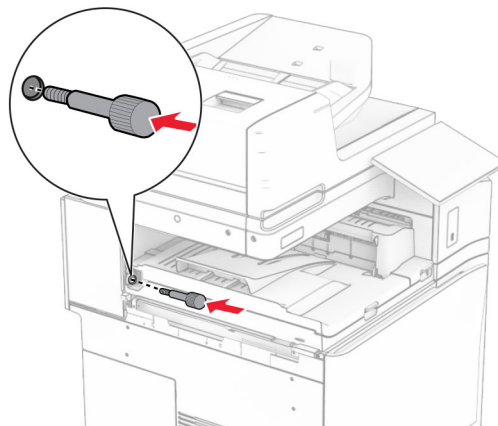


15 Mở tay cầm G, sau đó lắp vít vào phía trước bộ phận vận chuyển giấy.

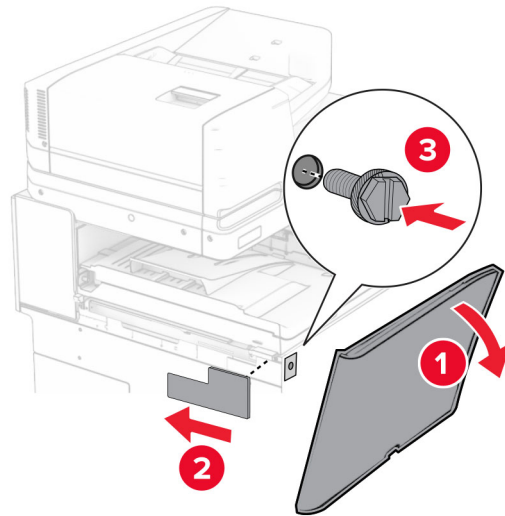


16 Đóng tay cầm G.

17 Lắp vít vào phía sau bộ phận vận chuyển giấy.



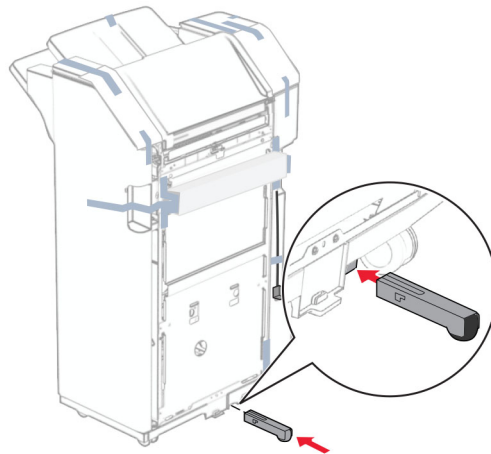
18 Mở cửa trước, sau đó gắn nắp đi kèm theo bộ phận vận chuyển giấy vào bên trái của máy in.



19 Đóng cửa trước.

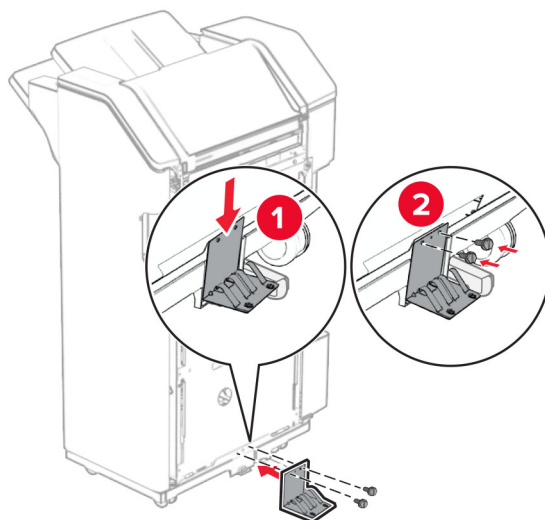
20 Mở bao bì của bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ.

21 Lắp bộ ổn định.

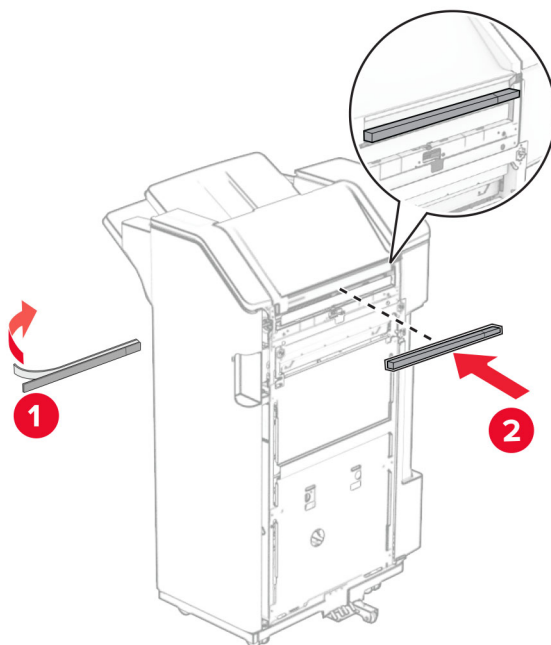


22 Loại bỏ băng dính xung quanh bộ hoàn thiện.

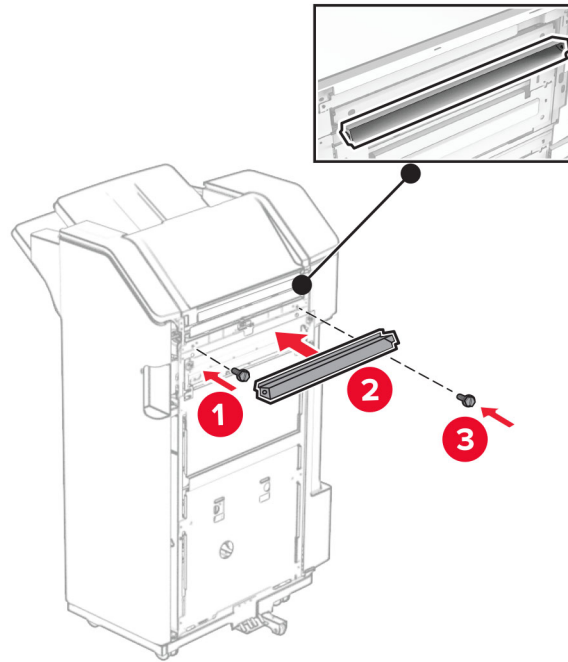
23 Gắn khung vào bộ hoàn thiện.



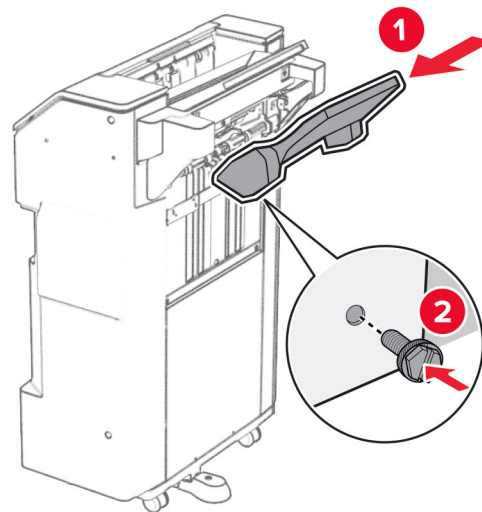
24 Gắn băng keo xốp vào bộ hoàn thiện.



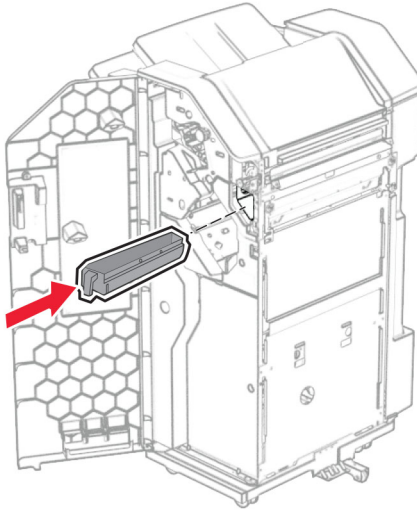
25 Gắn thanh dẫn hướng nạp giấy vào bộ hoàn thiện.



26 Gắn ngăn giấy vào bộ hoàn thiện.



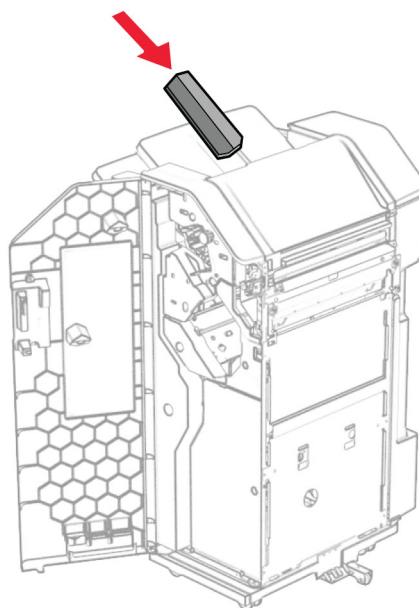
27 Mở cửa bộ hoàn thiện, sau đó lắp hộp đục lỗ vào.



28 Đặt bộ mở rộng ngăn giấy vào ngăn giấy của bộ hoàn thiện.

Lưu ý:

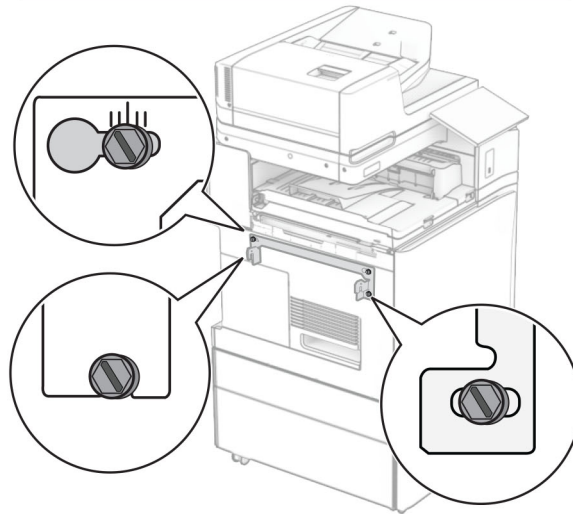
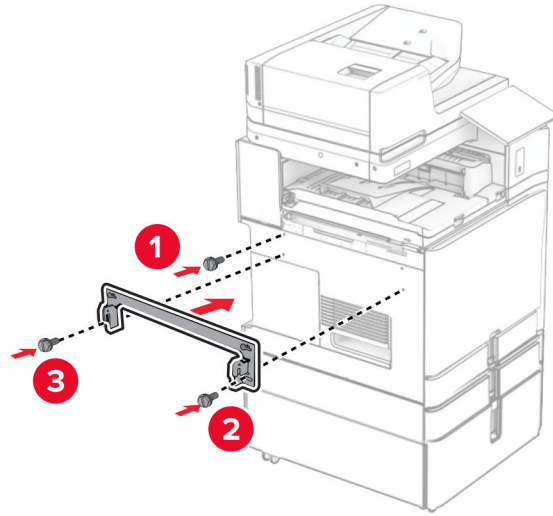
- Bộ mở rộng ngăn giấy được dùng cho giấy khổ A3 trở lên và trong điều kiện độ ẩm cao để hỗ trợ xếp giấy.
- Dung lượng ngăn giấy sẽ giảm khi bạn sử dụng bộ mở rộng ngăn giấy.



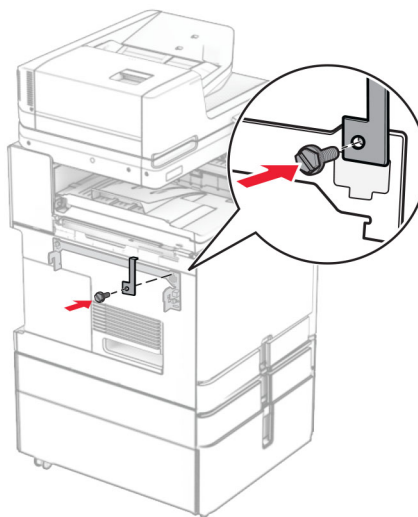
29 Đóng cửa bộ hoàn thiện.

30 Lắp giá đỡ vào máy in.

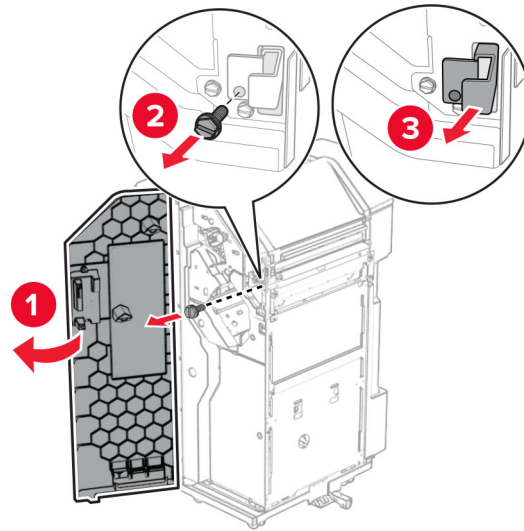
Lưu ý: Đảm bảo căn chỉnh vít với các điểm đánh dấu trên giá đỡ.



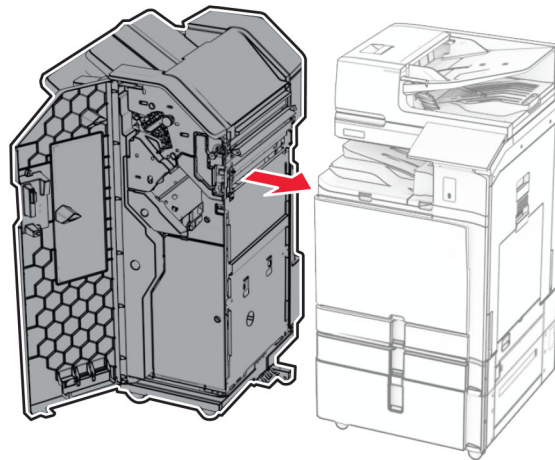
31 Gắn giá đỡ kim loại đi kèm theo bộ phận vận chuyển giấy vào máy in.



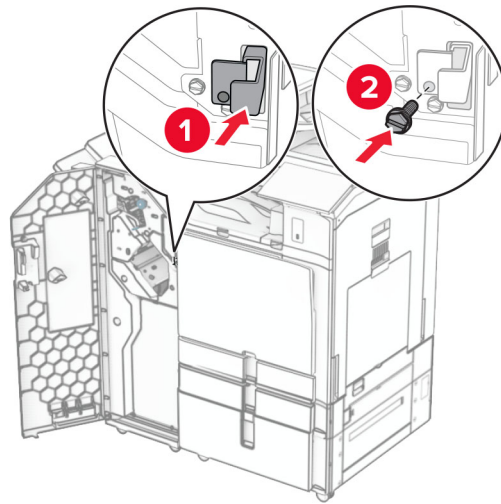
32 Mở cửa bộ hoàn thiện, tháo vít, sau đó kéo khóa cửa bộ hoàn thiện.



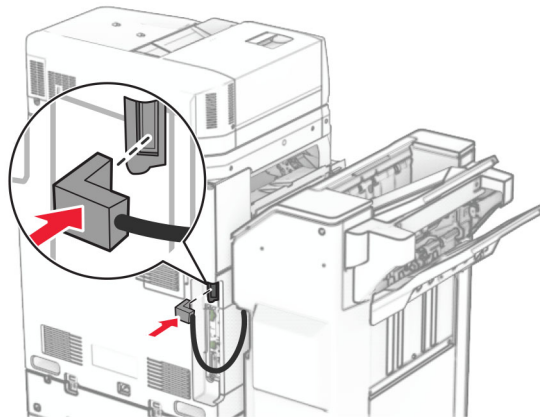
33 Gắn bộ hoàn thiện vào máy in.



34 Khóa bộ hoàn thiện với máy in, sau đó lắp vít.



35 Kết nối cáp của bộ hoàn thiện với máy in.



36 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

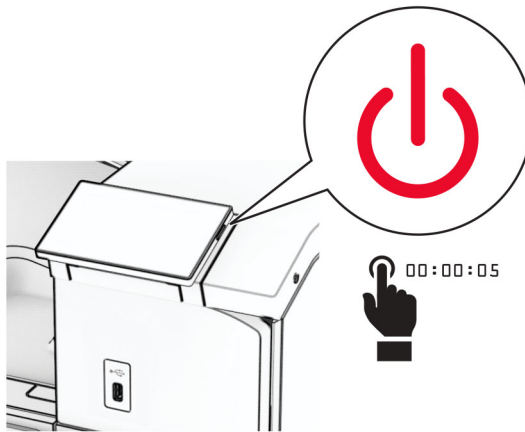
37 Bật máy in.

Lắp đặt bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ và tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy

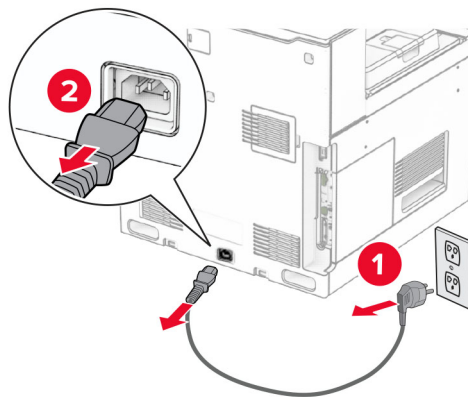
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

Lưu ý: Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

1 Tắt máy in.



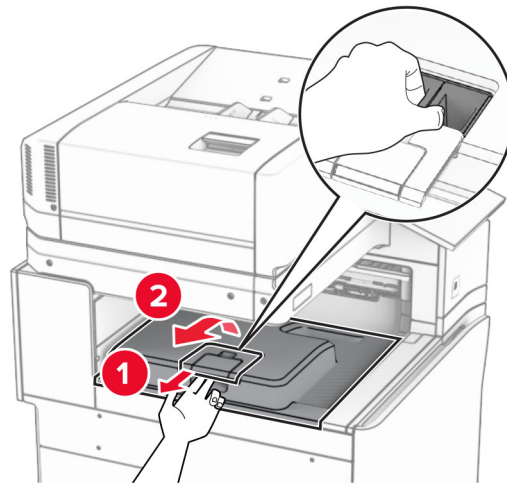
2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



3 Mở bao bì của tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

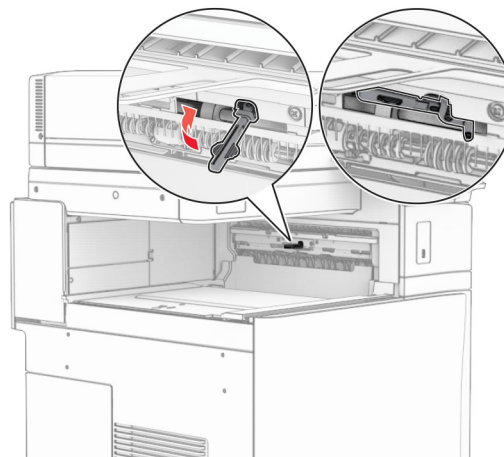
4 Tháo ngăn giấy chuẩn.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ ngăn giấy.



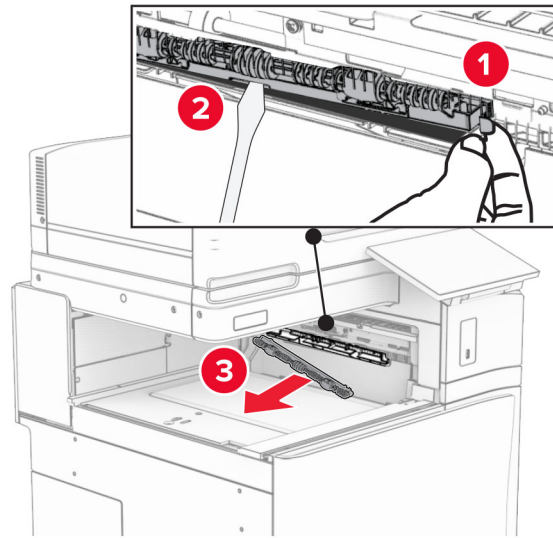
5 Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí đóng.

Lưu ý: Sau khi tháo bộ phận tùy chọn, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí mở.

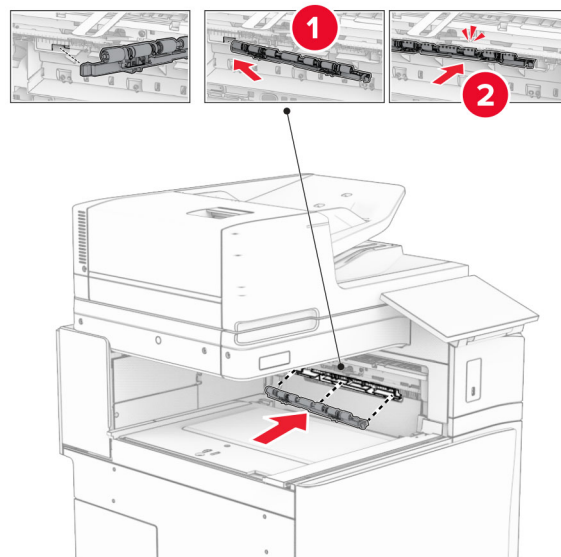


6 Tháo trục dự phòng.

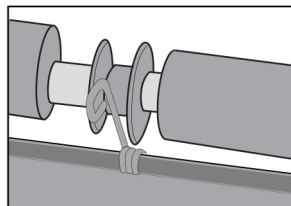
Lưu ý: Đừng vứt bỏ trục.



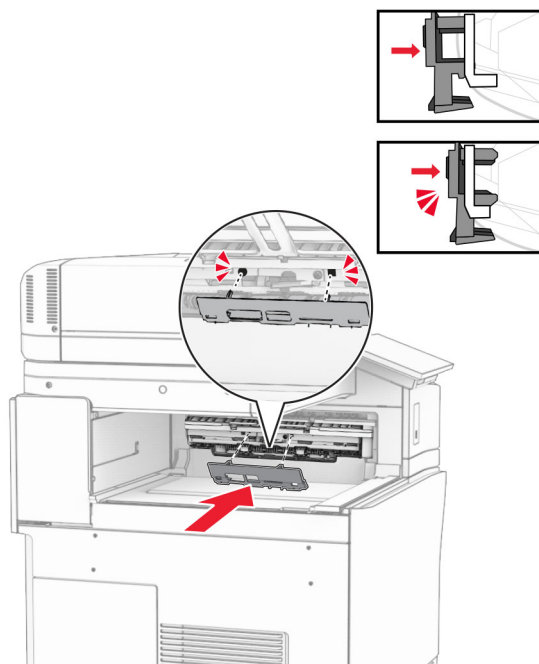
7 Lắp trục nạp đi kèm theo tùy chọn cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



Lưu ý: Đảm bảo rằng lò xo kim loại ở phía trước trục nạp.

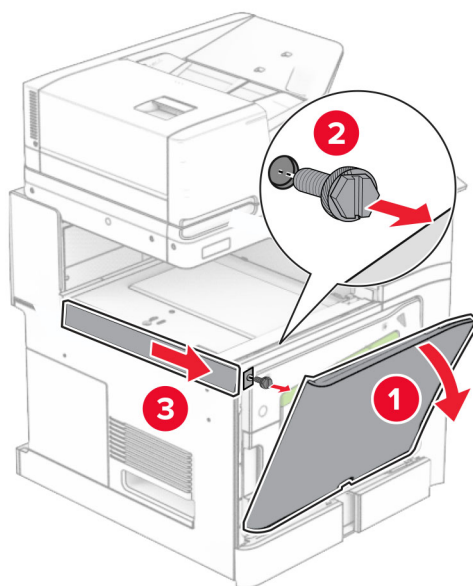


8 Lắp nắp cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



9 Mở cửa trước, sau đó tháo nắp ở bên trái của máy in.

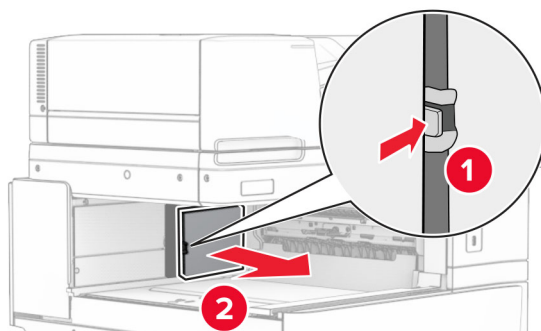
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



10 Đóng cửa trước.

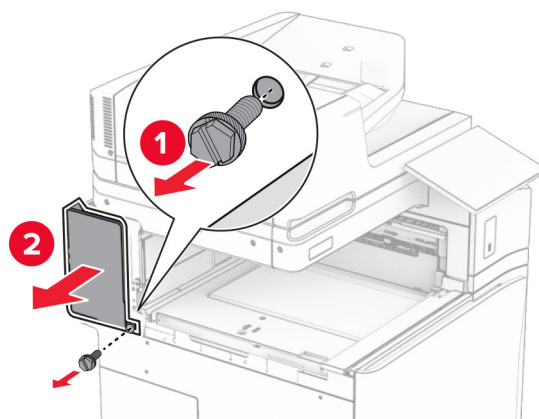
11 Tháo nắp đầu nối bộ phận vận chuyển giấy.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.



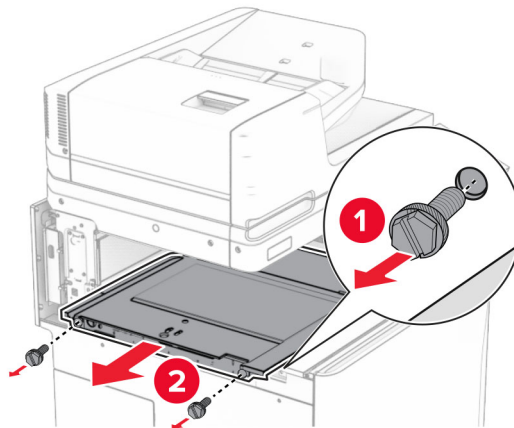
12 Tháo nắp phía sau bên trái.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.

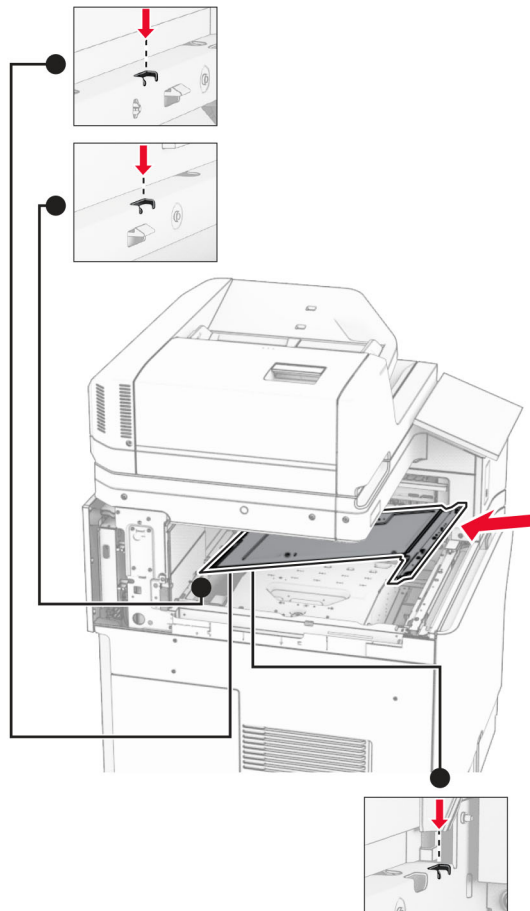


13 Tháo nắp trong cửa ngăn giấy.

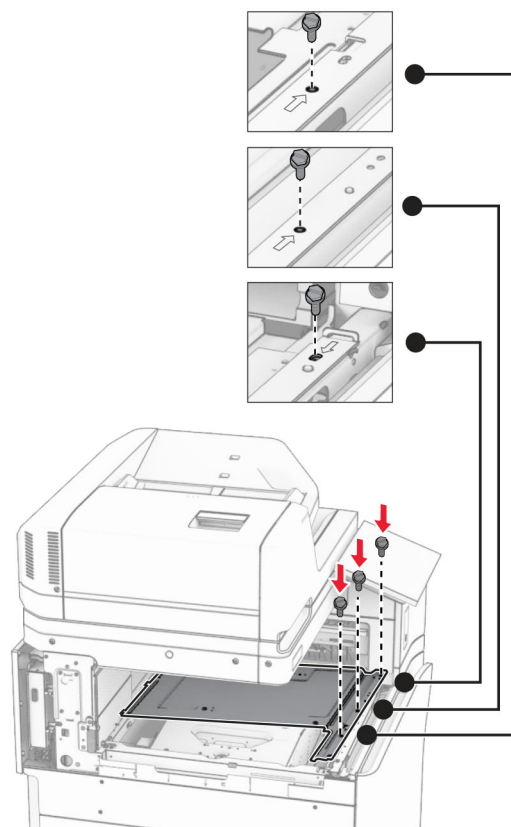
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



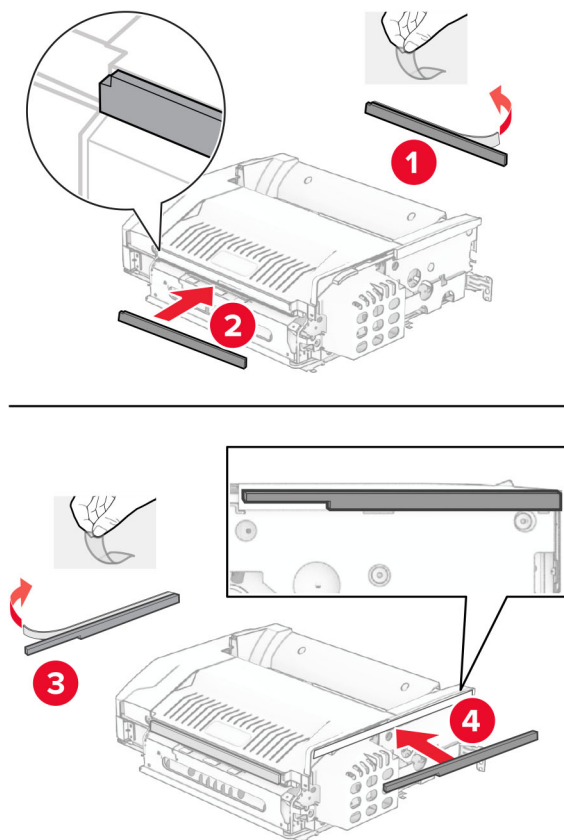
14 Căn chỉnh, rồi lắp nắp trong của ngăn giấy đi kèm theo tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy.



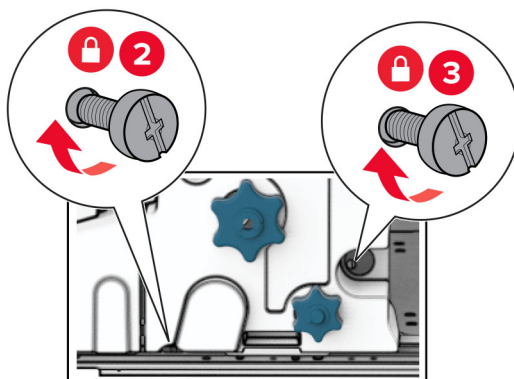
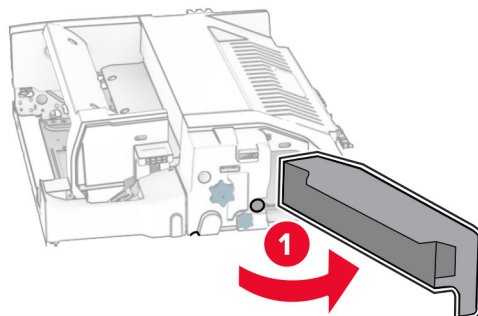
15 Lắp vít vào nắp trong cửa ngăn giấy.



16 Gắn các miếng băng keo xốp vào tùy chọn.

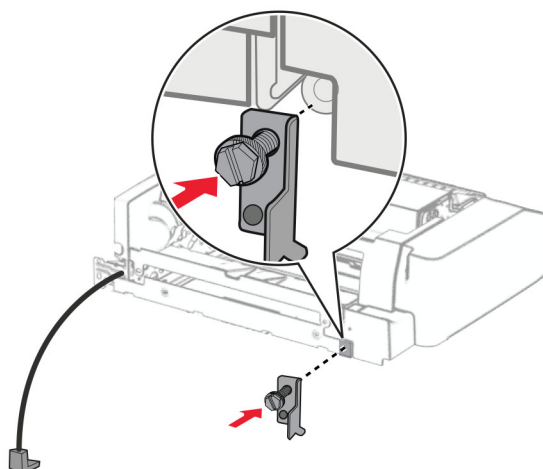


17 Mở cửa F, rồi siết chặt vít.



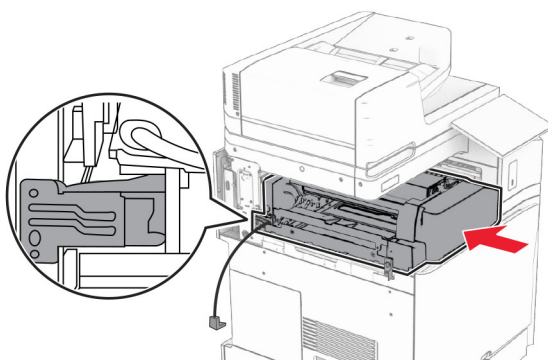
18 Đóng cửa F.

19 Gắn khung vào tùy chọn.

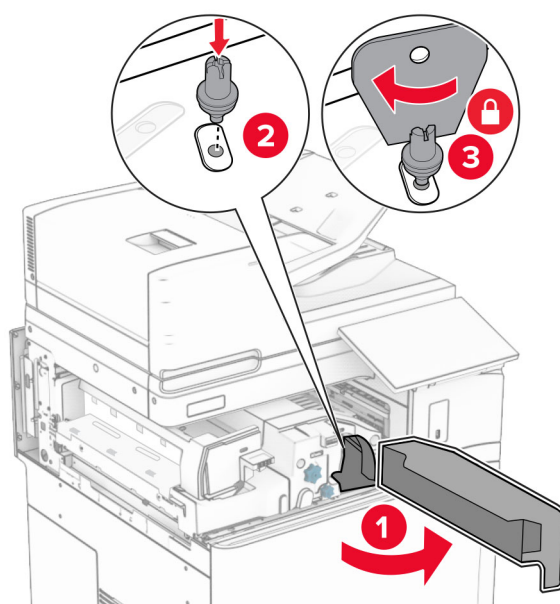


20 Lắp tùy chọn.

Lưu ý: Đảm bảo rằng khung kim loại ở phía trước máy in.

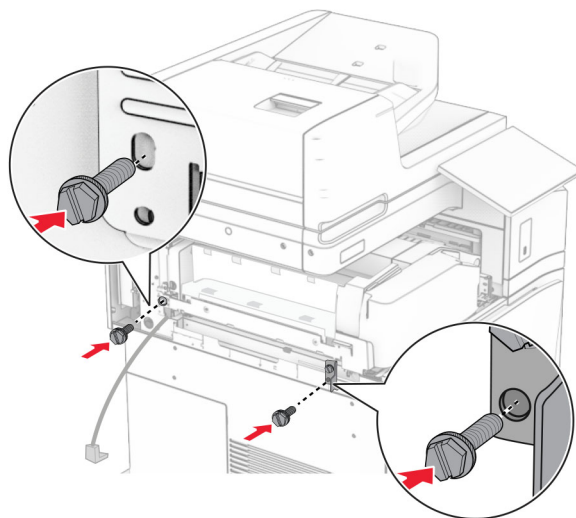


21 Mở cửa F, rồi dùng tua vít đi kèm theo tùy chọn để lắp vít.

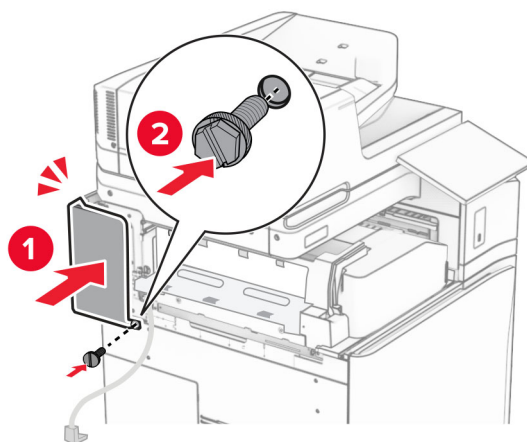


22 Đóng cửa F.

23 Lắp vít vào tùy chọn.

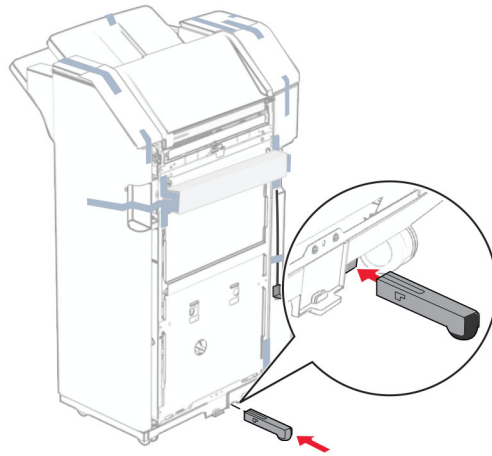


24 Gắn nắp sau bên trái.



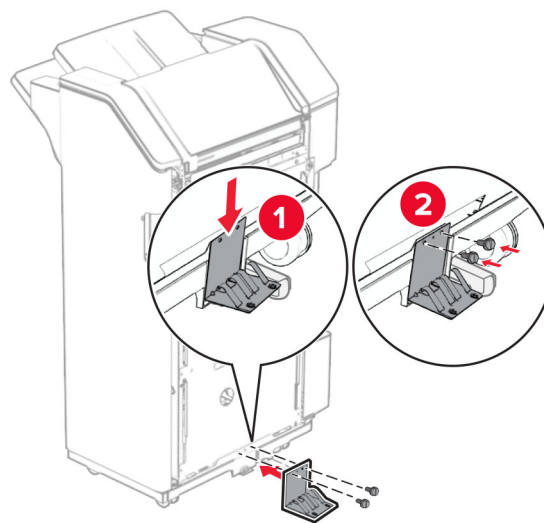
25 Mở bao bì của bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ.

26 Lắp bộ ổn định.

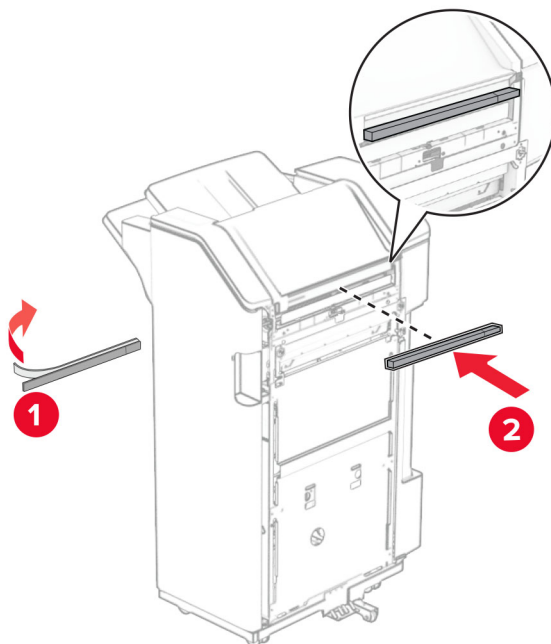


27 Loại bỏ băng dính xung quanh bộ hoàn thiện.

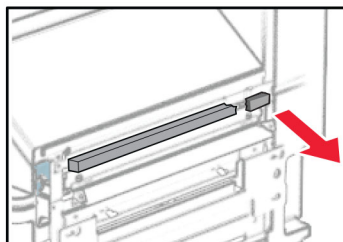
28 Gắn khung vào bộ hoàn thiện.



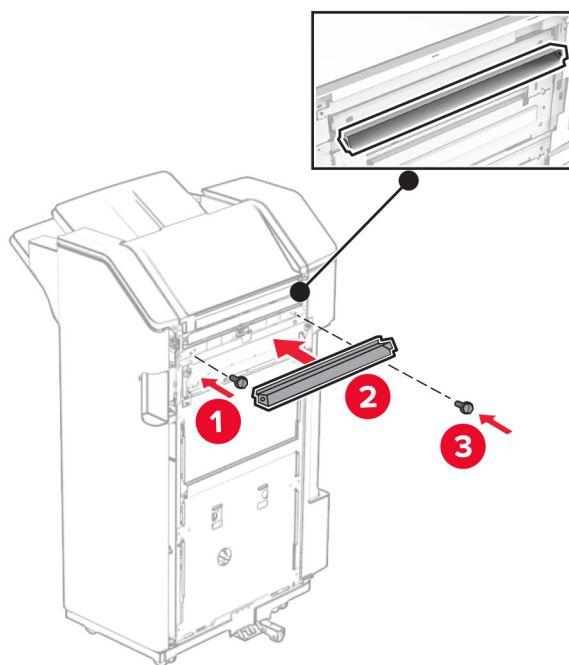
29 Gắn băng keo xốp vào bộ hoàn thiện.



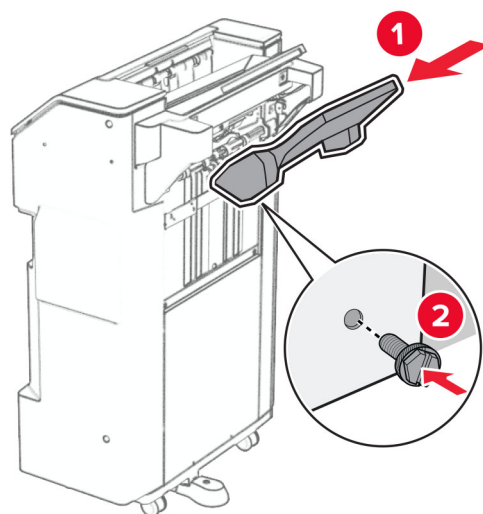
Lưu ý: Loại bỏ phần xốp nhỏ ở bên phải của bộ hoàn thiện.



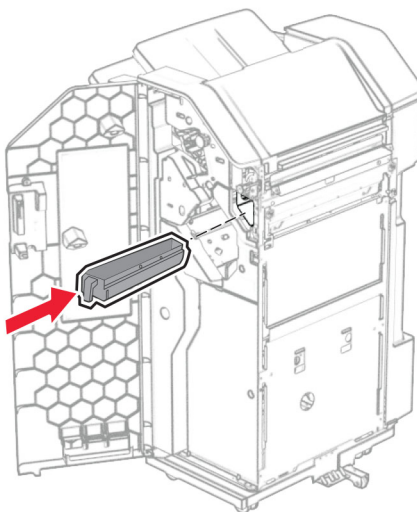
30 Gắn thanh dẫn hướng nạp giấy vào bộ hoàn thiện.



31 Gắn ngăn giấy vào bộ hoàn thiện.



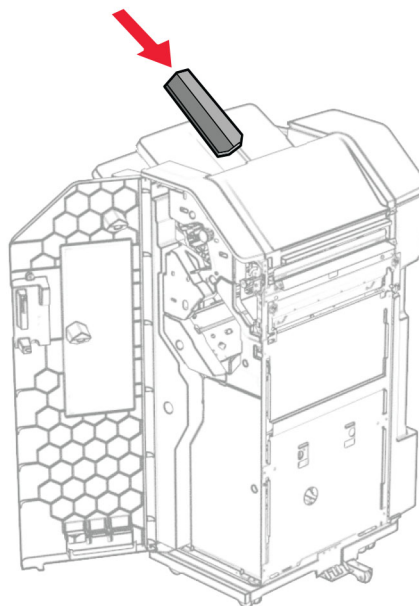
32 Mở cửa bộ hoàn thiện, sau đó lắp hộp đục lỗ vào.



33 Đặt bộ mở rộng ngăn giấy vào ngăn giấy của bộ hoàn thiện.

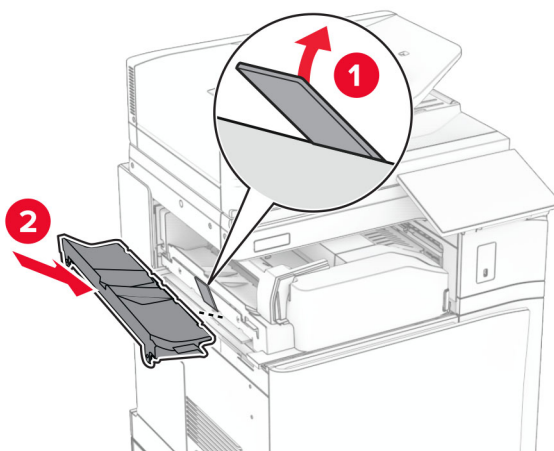
Lưu ý:

- Bộ mở rộng ngăn giấy được dùng cho giấy khổ A3 trở lên và trong điều kiện độ ẩm cao để hỗ trợ xếp giấy.
- Dung lượng ngăn giấy sẽ giảm khi bạn sử dụng bộ mở rộng ngăn giấy.

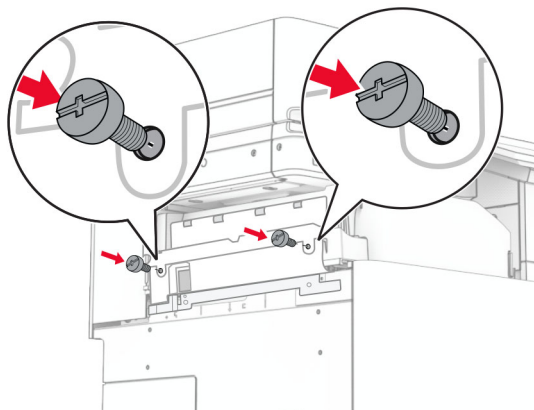


34 Đóng cửa bộ hoàn thiện.

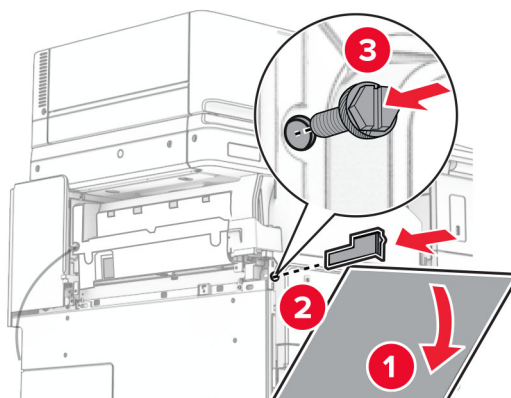
35 Nâng nắp lật của ngăn giấy lên, rồi căn chỉnh và gắn nắp vào tùy chọn.



36 Lắp vít.

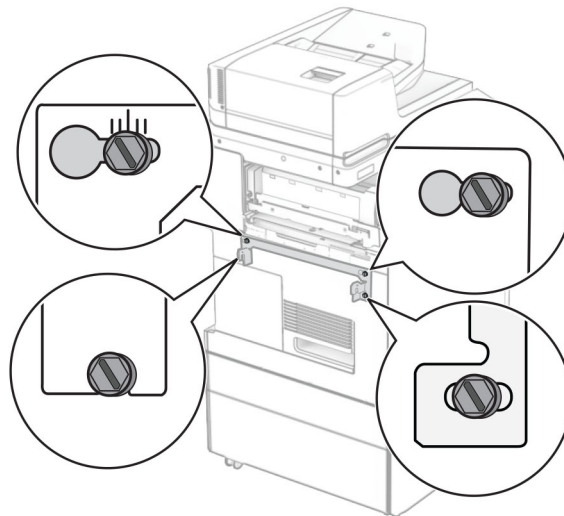
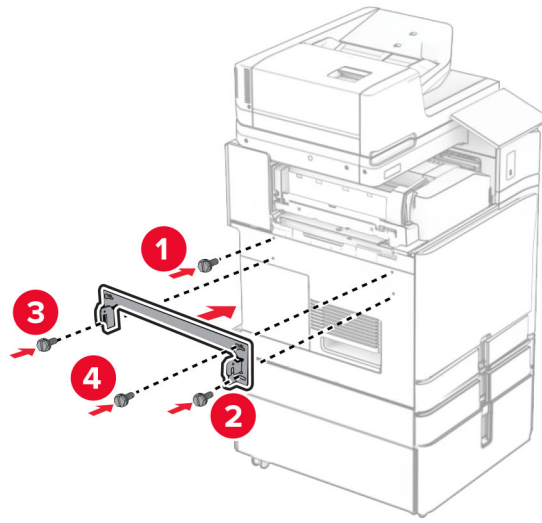


37 Mở cửa trước, sau đó gắn nắp trang trí đi kèm theo tùy chọn.

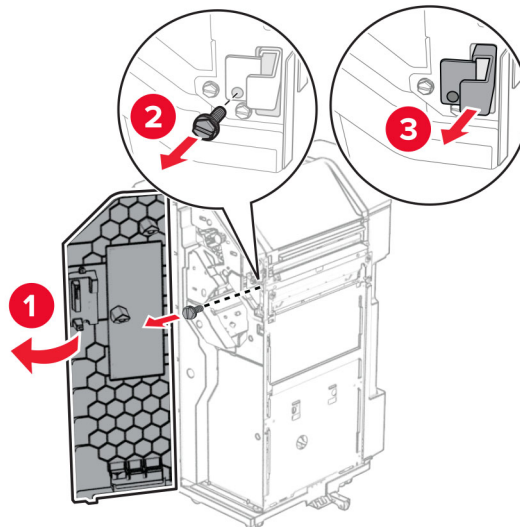


38 Lắp giá đỡ vào máy in.

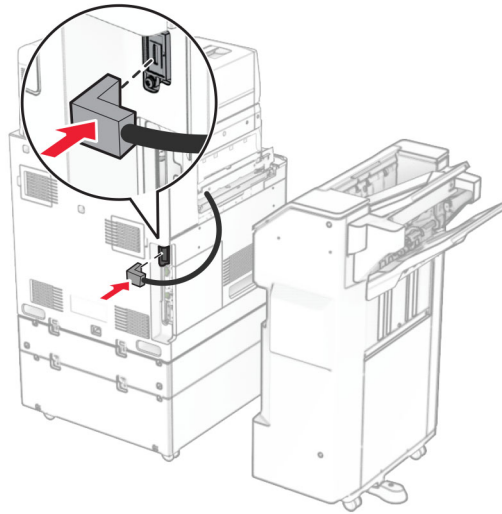
Lưu ý: Đảm bảo căn chỉnh vít với các điểm đánh dấu trên giá đỡ.



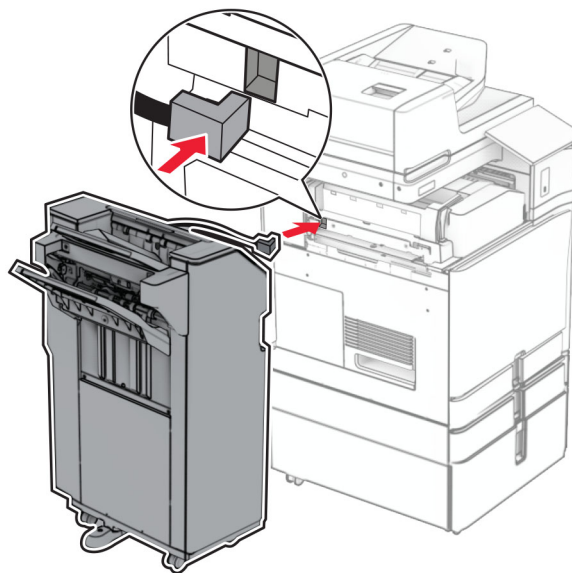
39 Mở cửa bộ hoàn thiện, tháo vít, sau đó kéo khóa của bộ hoàn thiện.



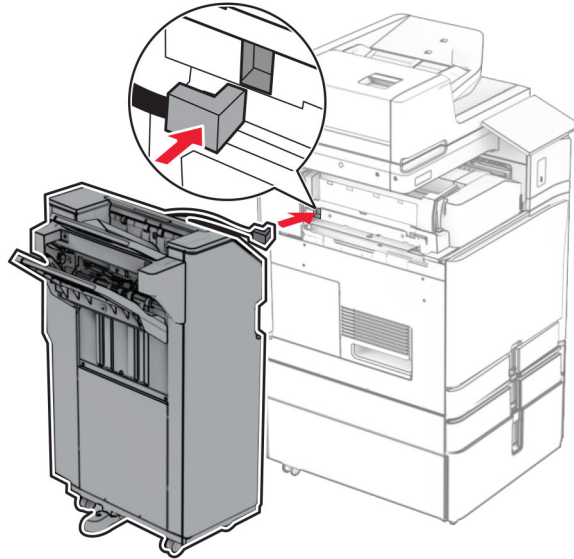
40 Kết nối cáp của bộ phận tùy chọn với máy in.



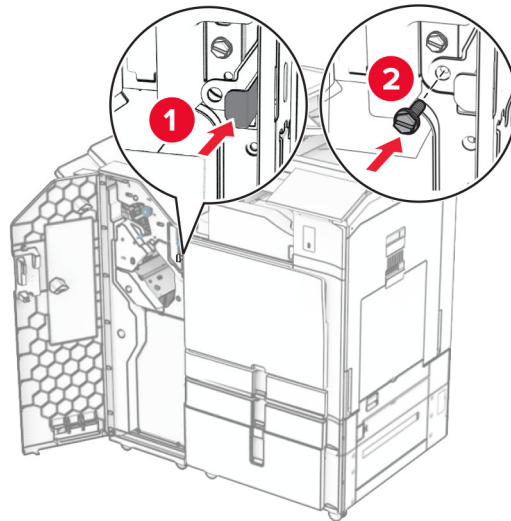
41 Kết nối cáp bộ của hoàn thiện với tùy chọn.



42 Gắn bộ hoàn thiện vào máy in.



43 Khóa bộ hoàn thiện với máy in, sau đó lắp vít.



44 Đóng cửa bộ hoàn thiện.

45 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

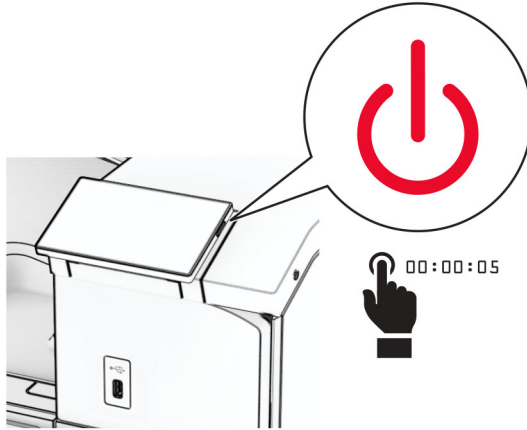
46 Bật máy in.

Lắp bộ hoàn thiện tập sách và tùy chọn vận chuyển giấy

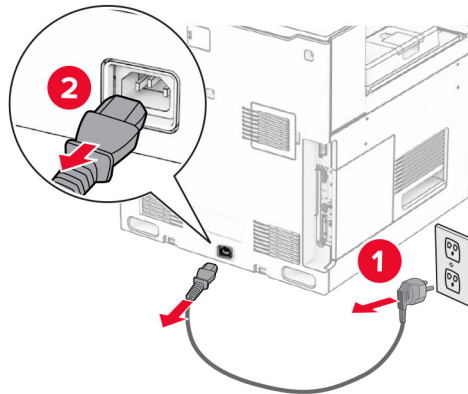
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

Lưu ý: Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

1 Tắt máy in.



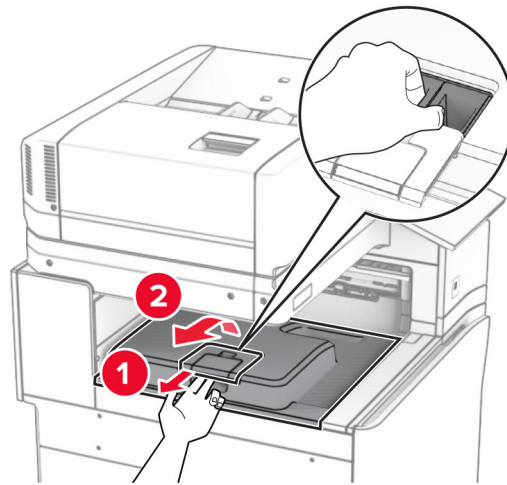
2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



3 Mở bao bì của bộ phận vận chuyển giấy.

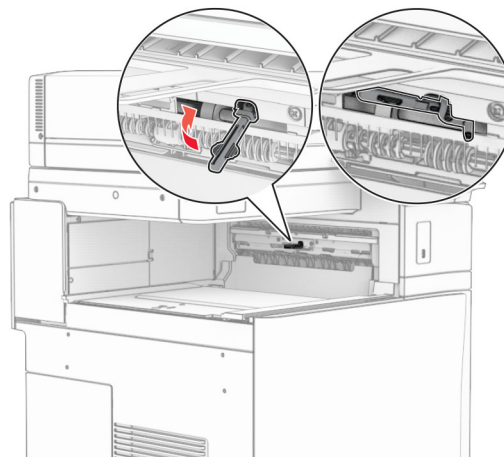
4 Tháo ngăn giấy chuẩn.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ ngăn giấy.



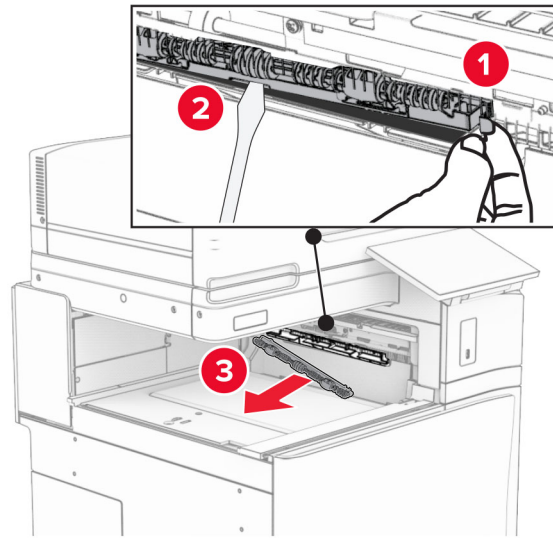
5 Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí đóng.

Lưu ý: Sau khi tháo bộ phận tùy chọn, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí mở.

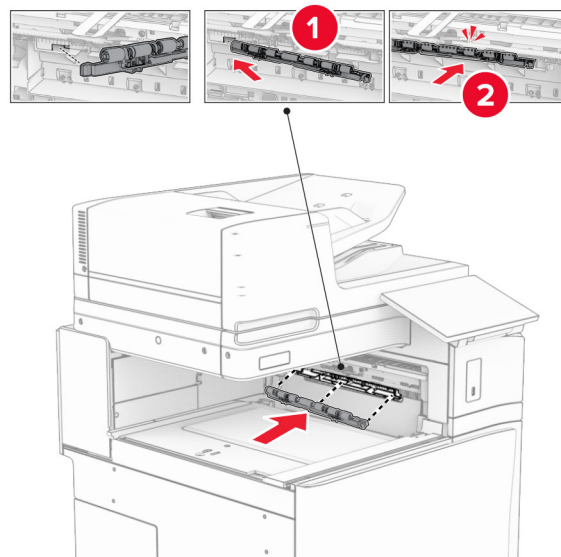


6 Tháo trục dự phòng.

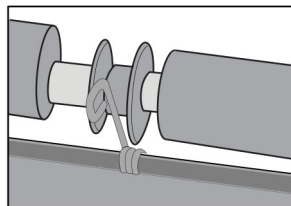
Lưu ý: Đừng vứt bỏ trục.



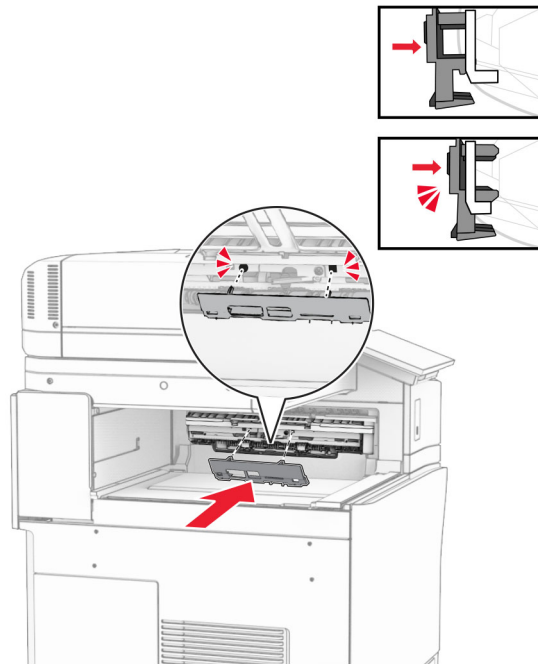
7 Lắp trực nạp đi kèm theo bộ phận vận chuyển giấy cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



Lưu ý: Đảm bảo rằng lò xo kim loại ở phía trước trực nạp.

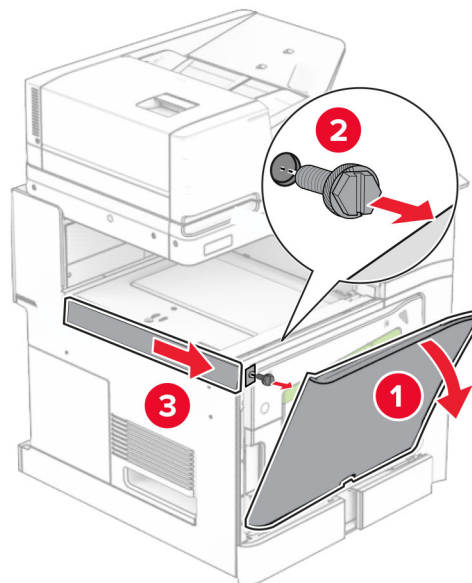


8 Gắn nắp trực cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



9 Mở cửa trước, sau đó tháo nắp ở bên trái của máy in.

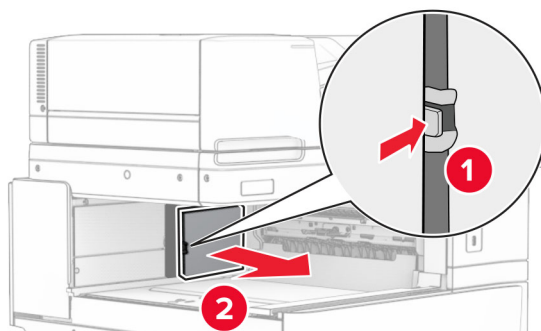
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



10 Đóng cửa trước.

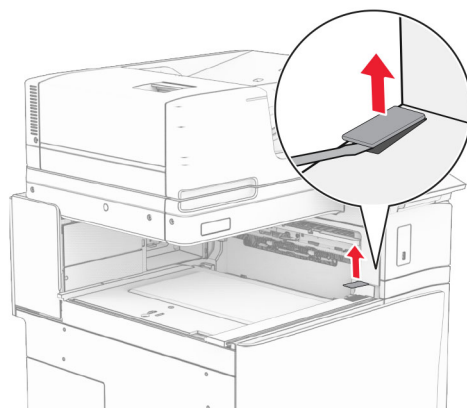
11 Tháo nắp đầu nối bộ phận vận chuyển giấy.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.

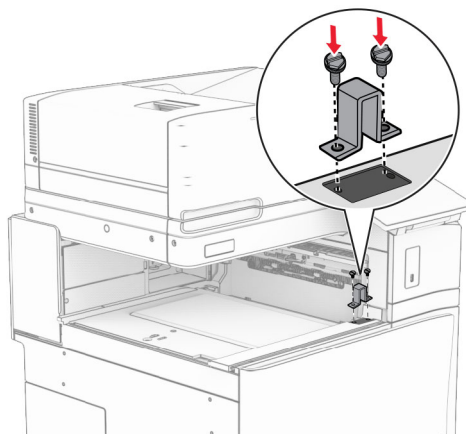


12 Tháo nắp.

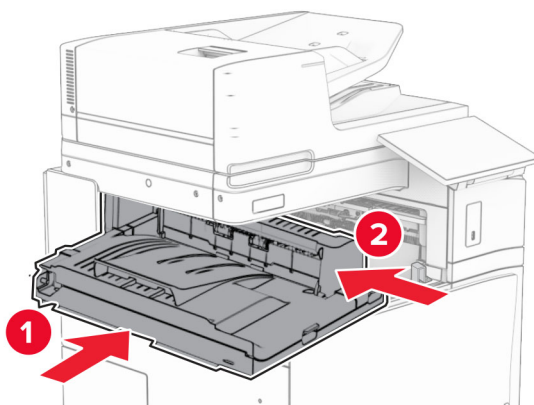
Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.



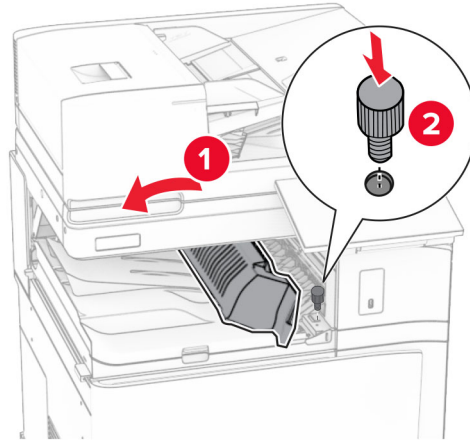
13 Gắn khung kim loại.



14 Lắp bộ phận vận chuyển giấy.

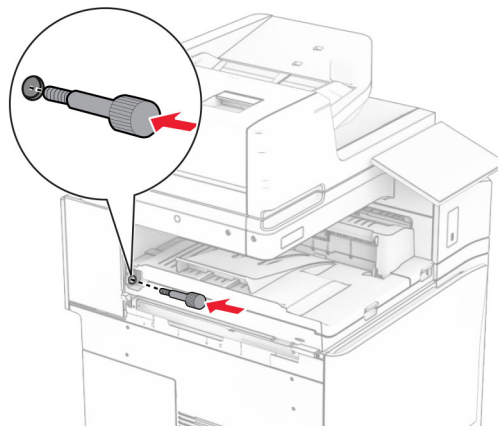


15 Mở tay cầm G, sau đó lắp vít vào phía trước bộ phận vận chuyển giấy.

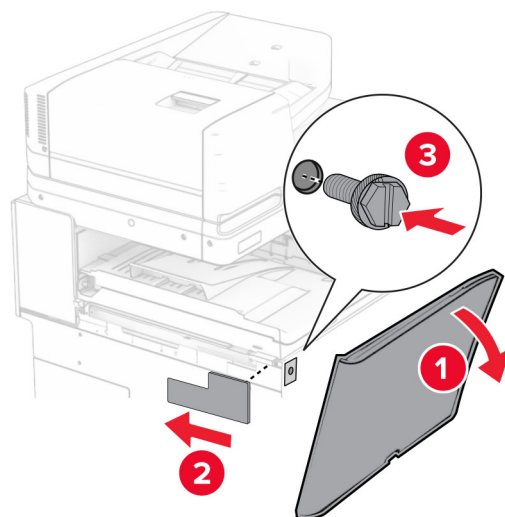


16 Đóng tay cầm G.

17 Lắp vít vào phía sau bộ phận vận chuyển giấy.



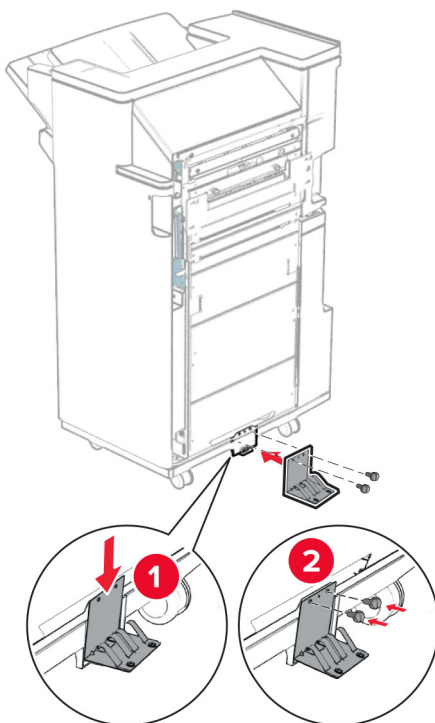
18 Mở cửa trước, sau đó gắn nắp đi kèm theo bộ phận vận chuyển giấy vào bên trái của máy in.



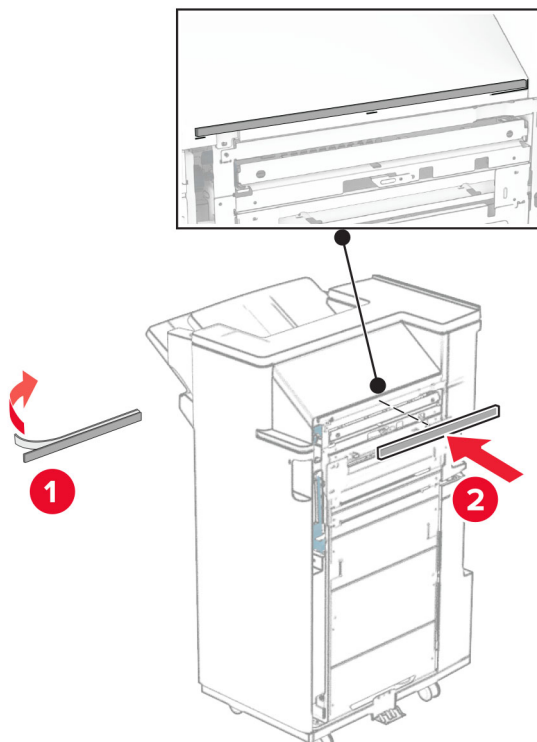
19 Đóng cửa trước.

20 Mở bao bì của bộ hoàn thiện tập sách, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

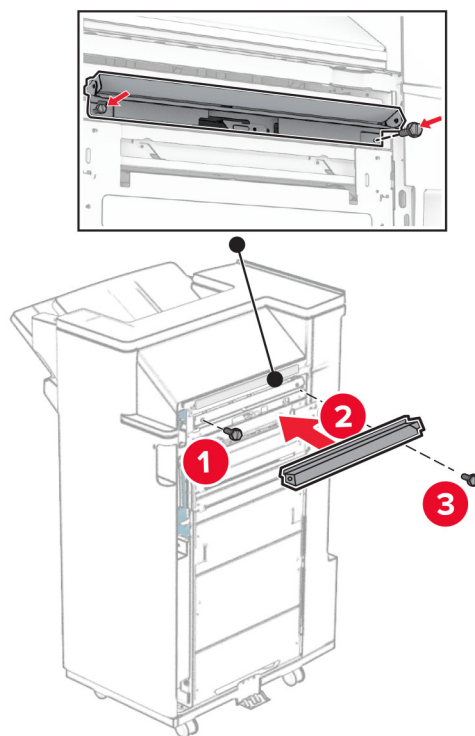
21 Gắn khung vào bộ hoàn thiện.



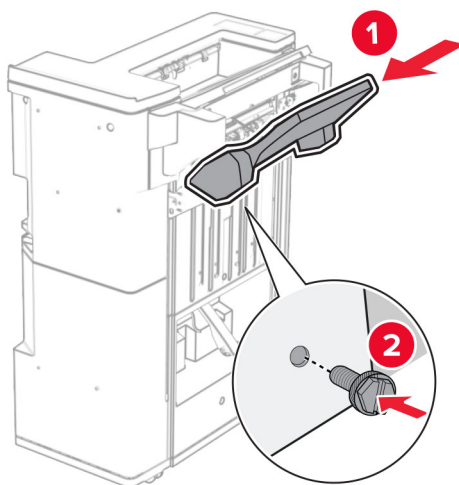
22 Gắn băng keo xốp vào bộ hoàn thiện.



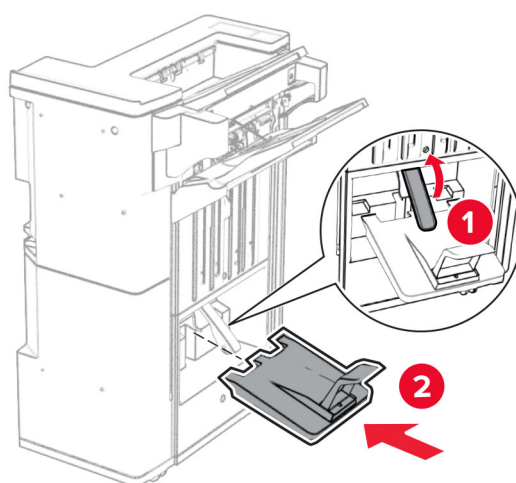
23 Gắn thanh dẫn hướng nạp giấy vào bộ hoàn thiện.



24 Gắn ngăn giấy trên vào bộ hoàn thiện.

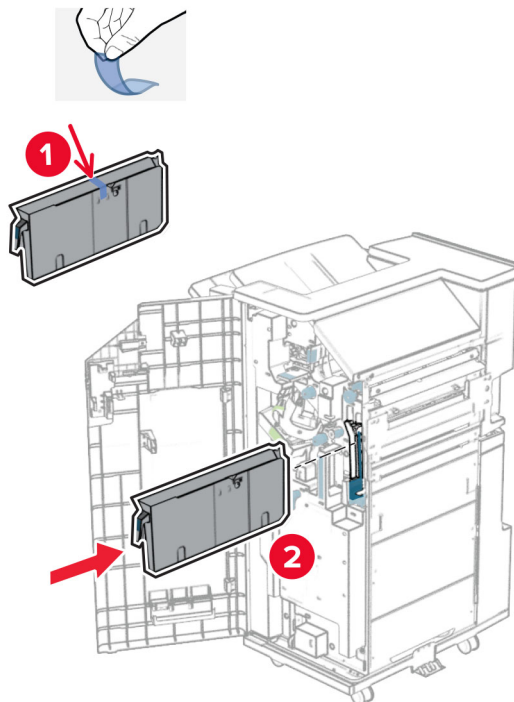


25 Nâng nắp lật của ngăn giấy lên, sau đó gắn ngăn giấy dưới vào bộ hoàn thiện.



26 Mở cửa bộ hoàn thiện.

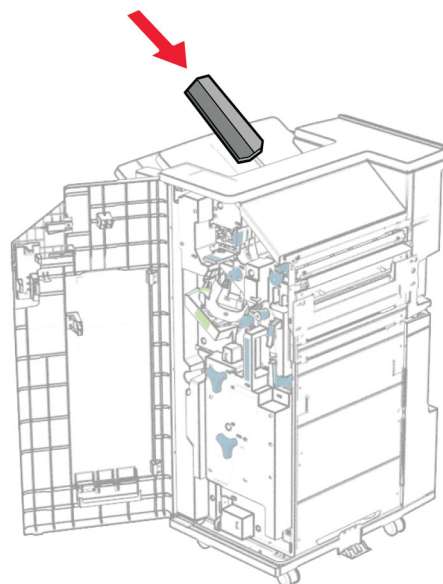
27 Lấy vật liệu đóng gói ra khỏi hộp đục lỗ, sau đó lắp hộp đục lỗ vào bộ hoàn thiện.



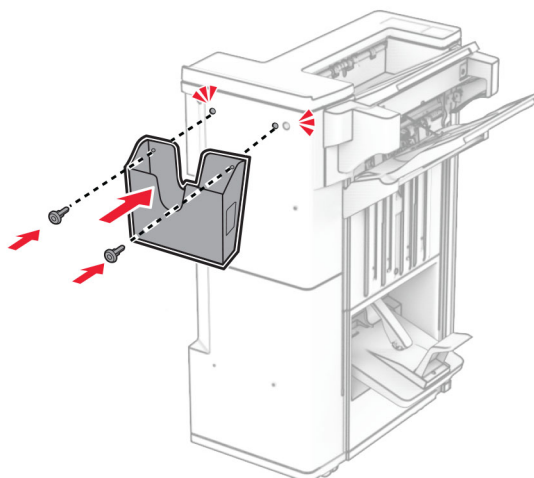
28 Đặt bộ mở rộng ngăn giấy vào ngăn giấy của bộ hoàn thiện.

Lưu ý:

- Bộ mở rộng ngăn giấy được dùng cho giấy khổ A3 trở lên và trong điều kiện độ ẩm cao để hỗ trợ xếp giấy.
- Dung lượng ngăn giấy sẽ giảm khi bạn sử dụng bộ mở rộng ngăn giấy.



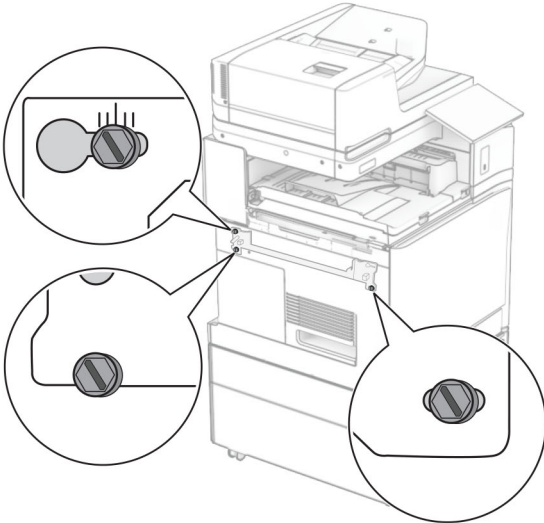
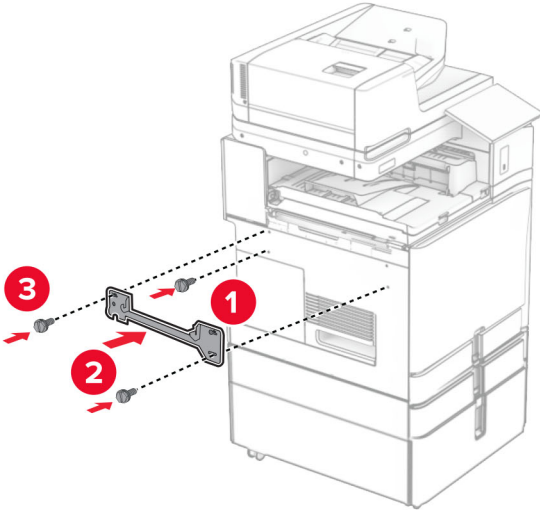
29 Gắn giỏ vào phía sau bộ hoàn thiện.



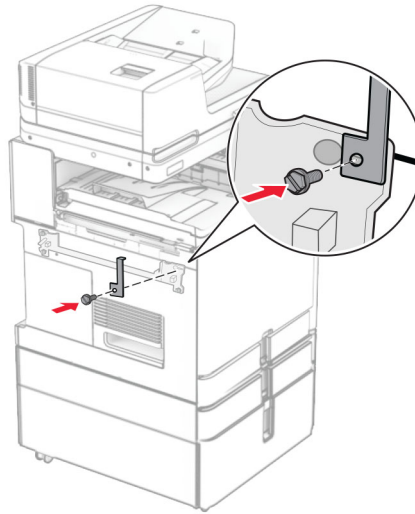
30 Đóng cửa bộ hoàn thiện.

31 Lắp giá đỡ vào máy in.

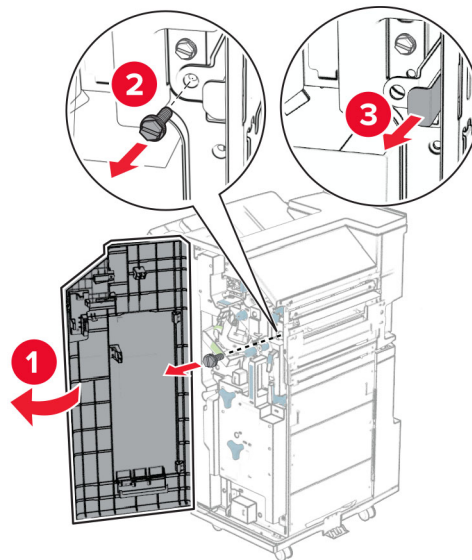
Lưu ý: Đảm bảo căn chỉnh vít với các điểm đánh dấu trên giá đỡ.



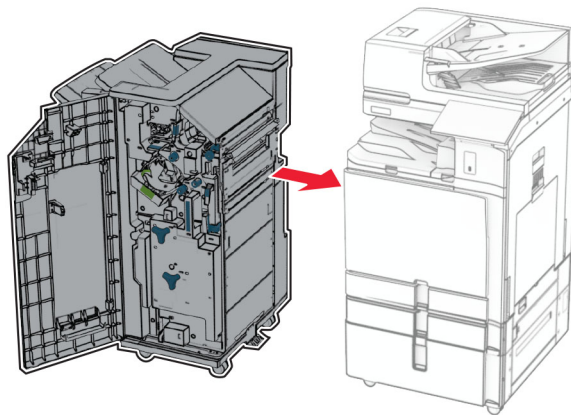
32 Gắn khung đi kèm theo bộ phận vận chuyển giấy vào máy in.



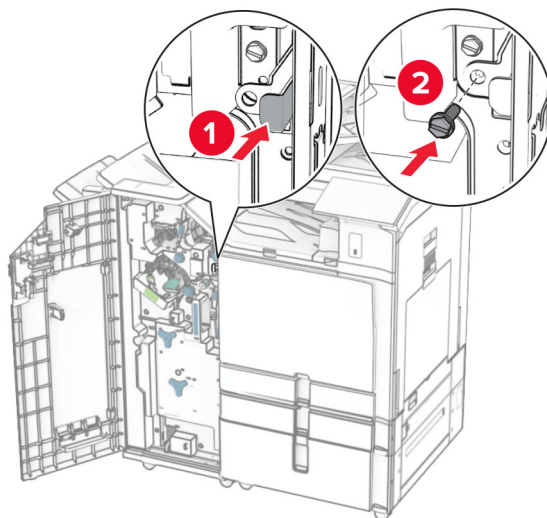
33 Mở cửa bộ hoàn thiện, tháo vít, sau đó kéo khóa của bộ hoàn thiện.



34 Gắn bộ hoàn thiện vào máy in.

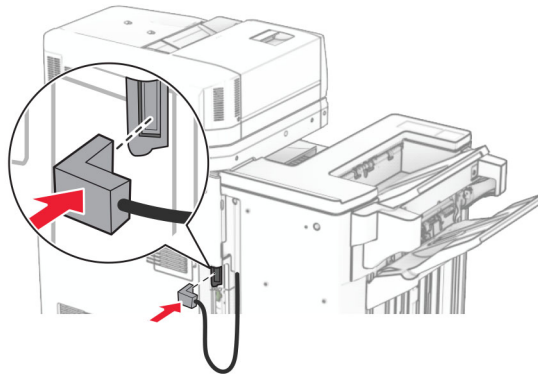


35 Khóa bộ hoàn thiện với máy in, sau đó lắp vít.



36 Đóng cửa bộ hoàn thiện.

37 Kết nối cáp của bộ hoàn thiện với máy in.



38 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

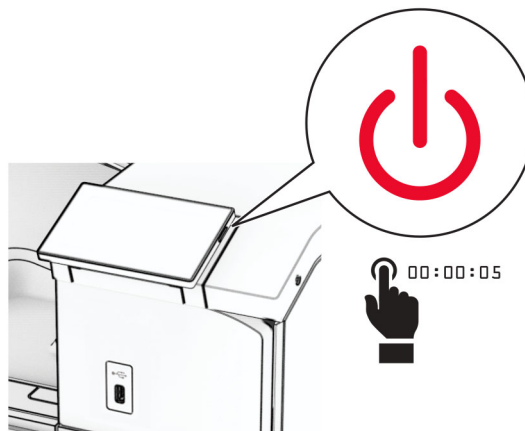
39 Bật máy in.

Lắp bộ hoàn thiện tập sách và tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy

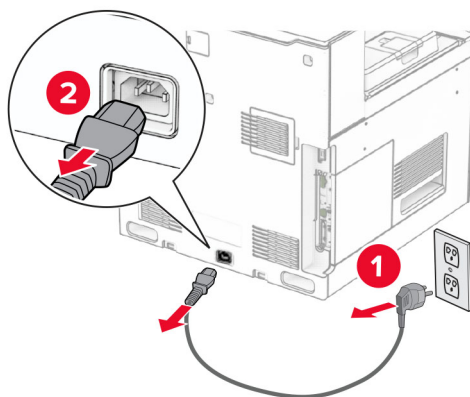
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

Lưu ý: Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

1 Tắt máy in.



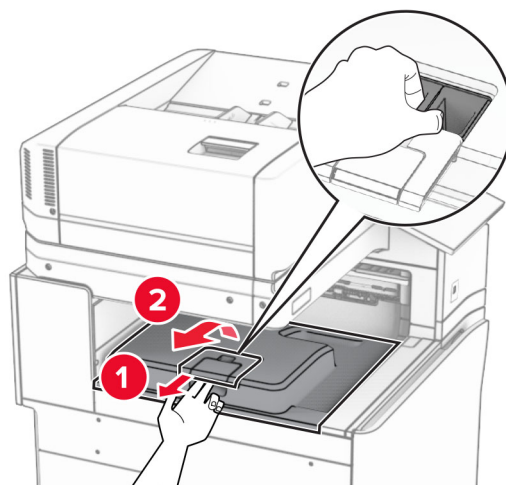
2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



3 Mở bao bì của tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy.

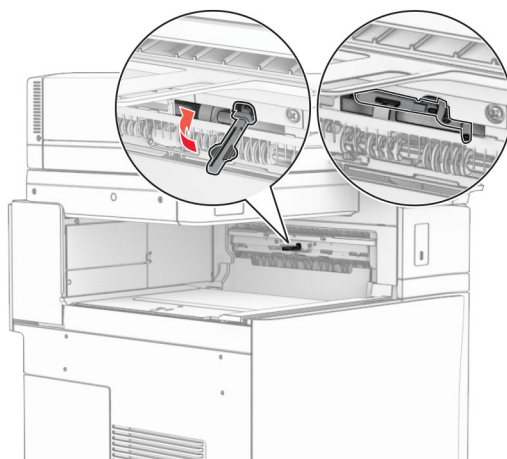
4 Tháo ngăn giấy chuẩn.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ ngăn giấy.



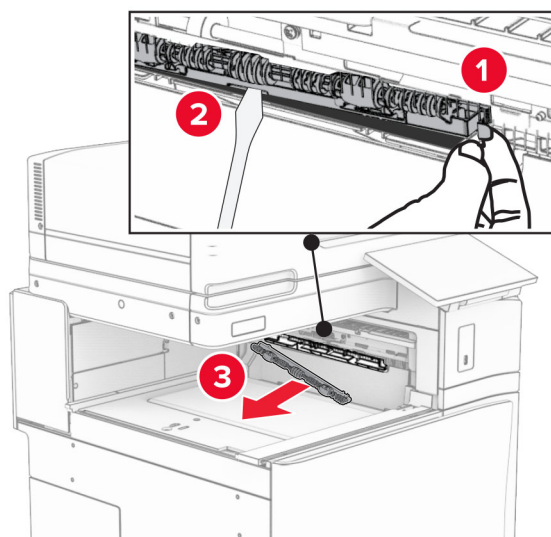
5 Trước khi lắp bộ phận tùy chọn này, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí đóng.

Lưu ý: Sau khi tháo bộ phận tùy chọn, hãy đặt cờ báo ngăn giấy thoát vào vị trí mở.

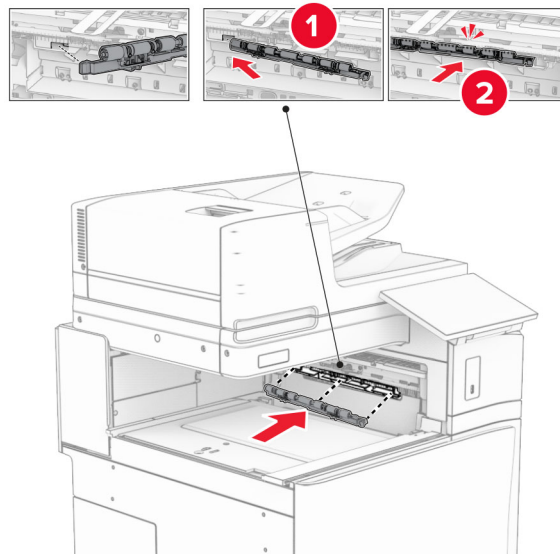


6 Tháo trực dự phòng.

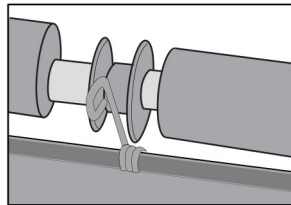
Lưu ý: Đừng rút bỏ trực.



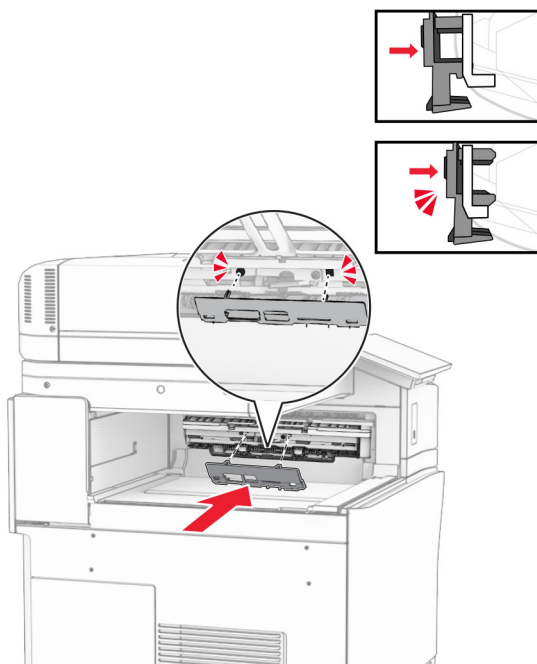
7 Lắp trực nạp đi kèm theo tùy chọn cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



Lưu ý: Đảm bảo rằng lò xo kim loại ở phía trước trực nạp.

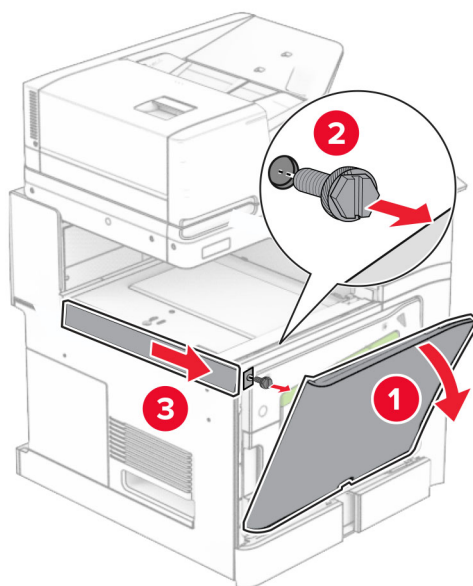


8 Gắn nắp trực cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



9 Mở cửa trước, sau đó tháo nắp ở bên trái của máy in.

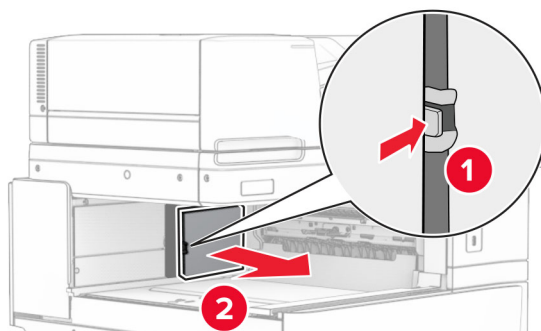
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



10 Đóng cửa trước.

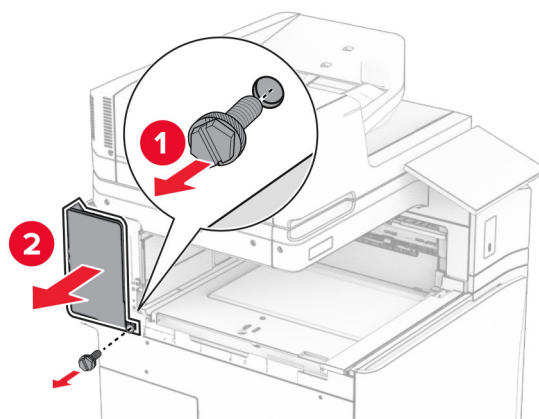
11 Tháo nắp đầu nối bộ phận vận chuyển giấy.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ nắp.



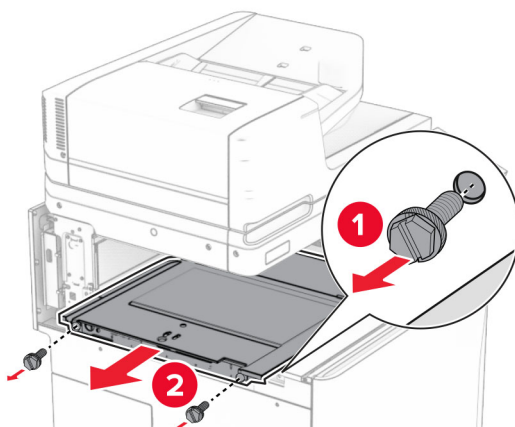
12 Tháo nắp phía sau bên trái.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.

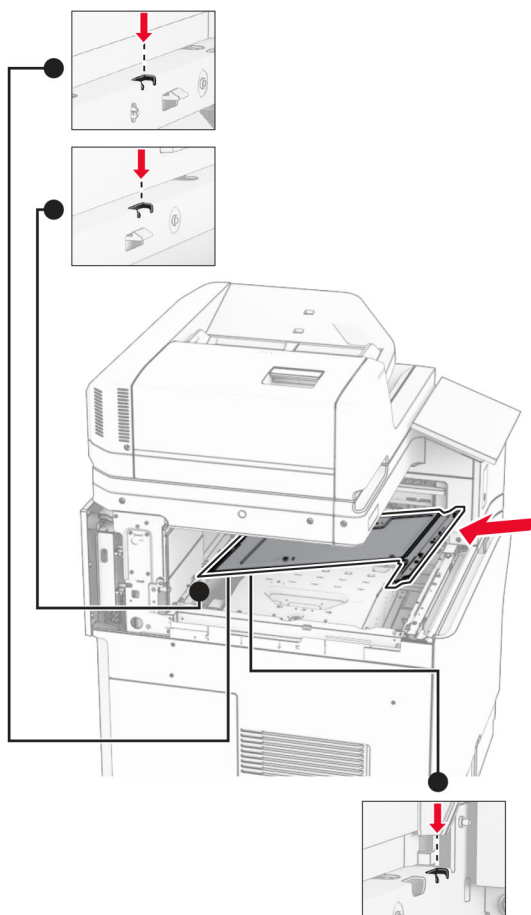


13 Tháo nắp trong cửa ngăn giấy.

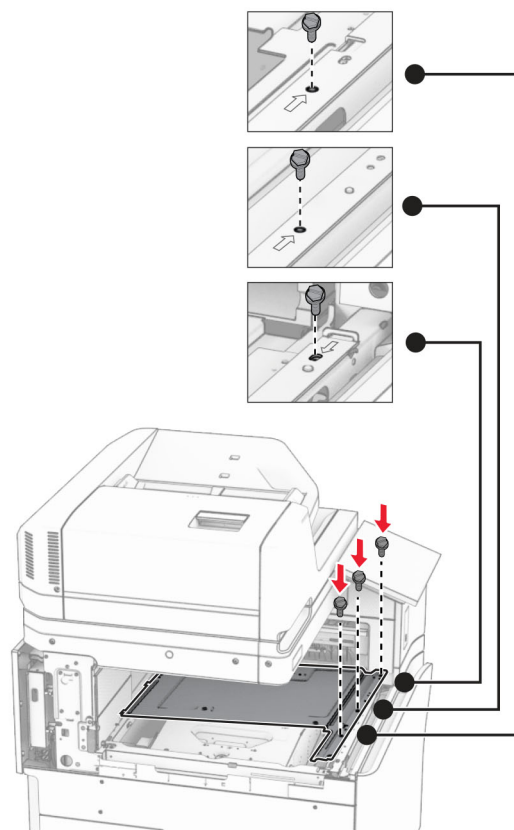
Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.



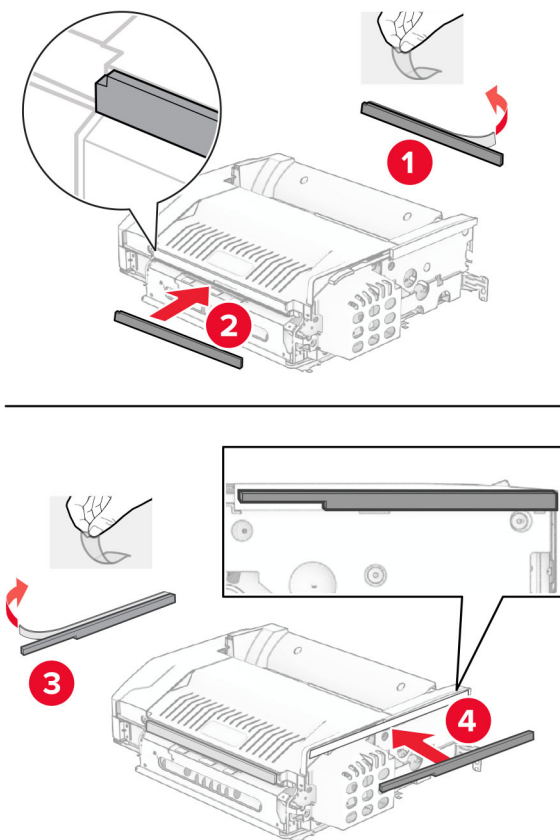
14 Căn chỉnh, rồi lắp nắp trong cửa ngăn giấy đi kèm theo tùy chọn.



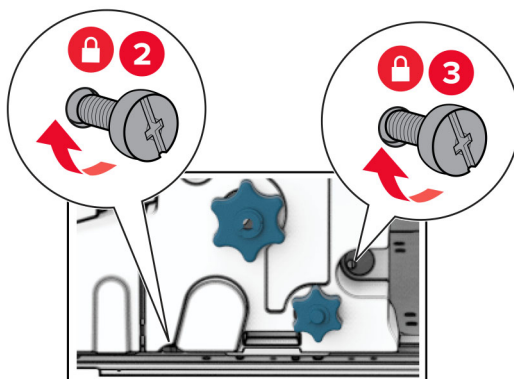
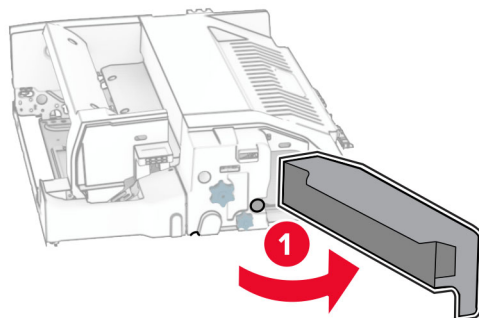
15 Lắp vít vào nắp trong cửa ngăn giấy.



16 Gắn các miếng băng keo xốp vào tùy chọn.

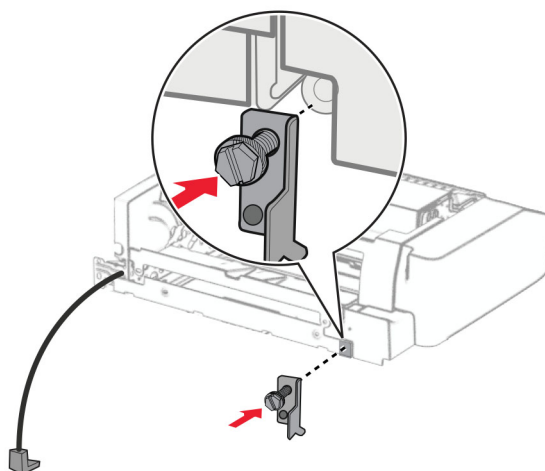


17 Mở cửa F, rồi siết chặt vít.



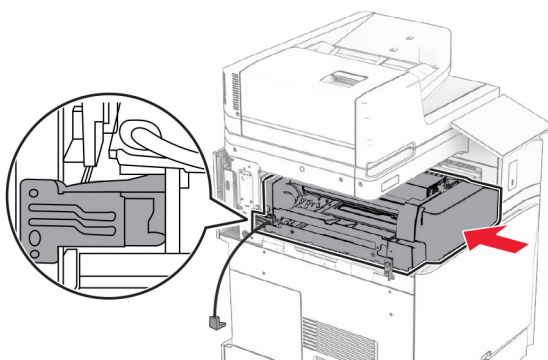
18 Đóng cửa F.

19 Gắn khung vào tùy chọn.

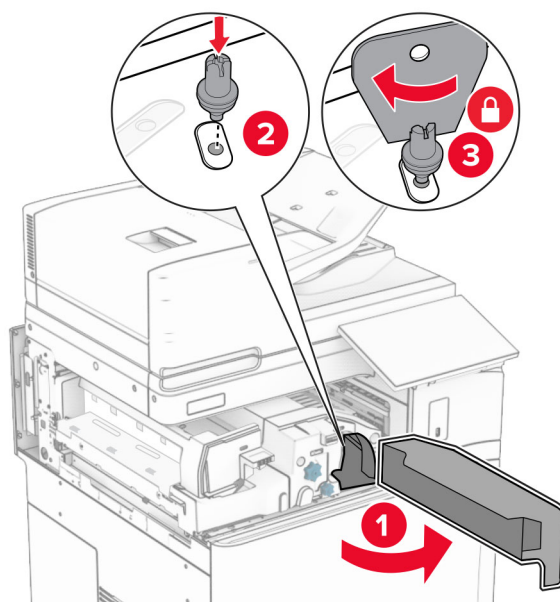


20 Lắp tùy chọn.

Lưu ý: Đảm bảo rằng khung kim loại ở phía trước máy in.

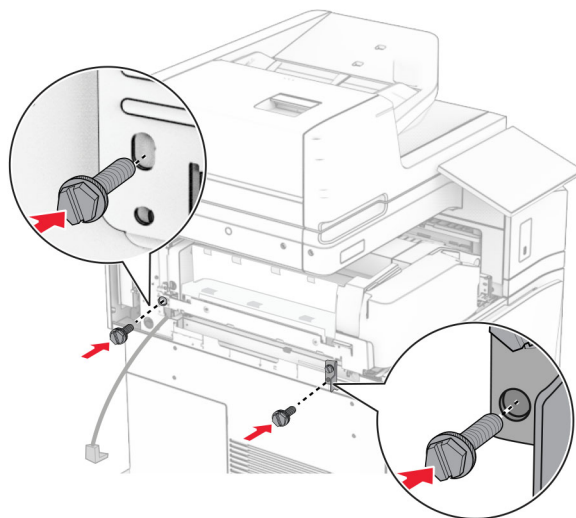


21 Mở cửa F, rồi dùng tua vít đi kèm theo tùy chọn để lắp vít.

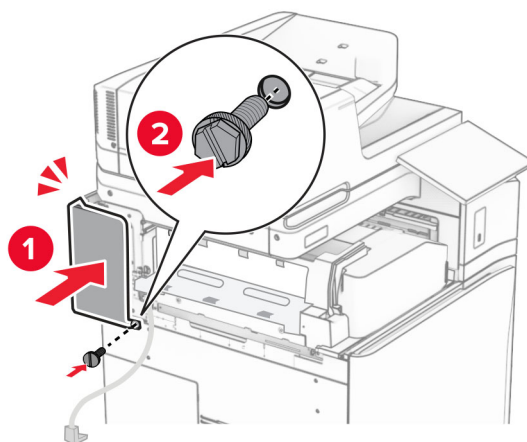


22 Đóng cửa F.

23 Lắp vít vào tùy chọn.

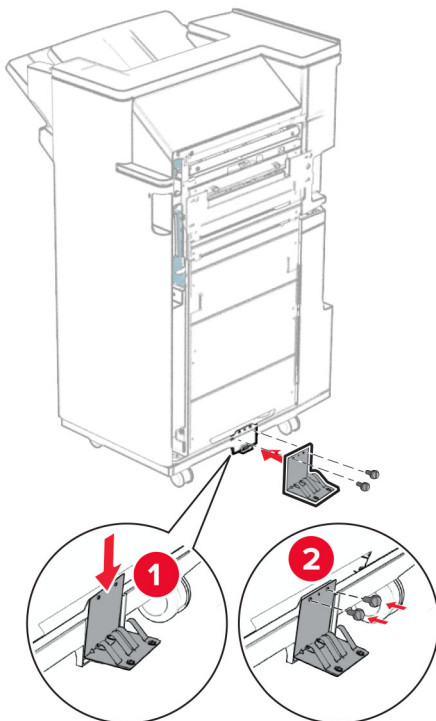


24 Gắn nắp sau bên trái.

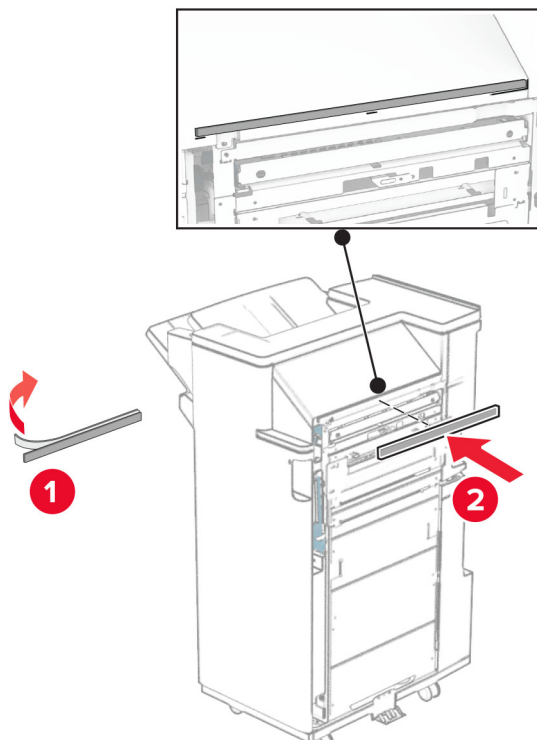


25 Mở bao bì của bộ hoàn thiện tập sách, sau đó lấy tất cả vật liệu đóng gói ra.

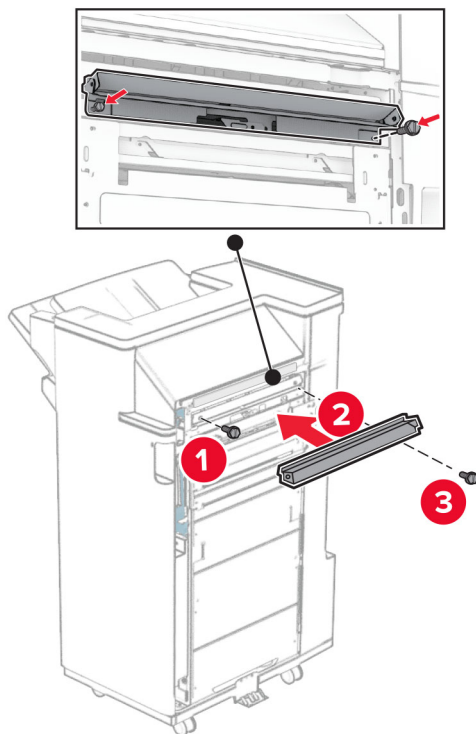
26 Gắn khung vào bộ hoàn thiện.



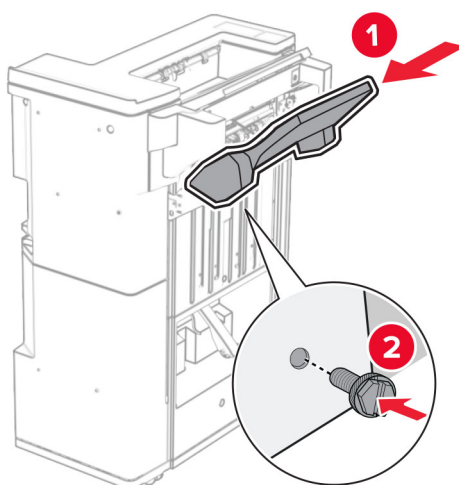
27 Gắn băng keo xốp vào bộ hoàn thiện.



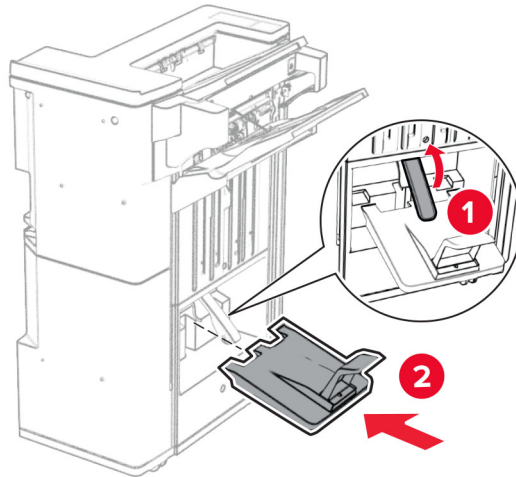
28 Gắn thanh dẫn hướng nạp giấy vào bộ hoàn thiện.



29 Gắn ngăn giấy trên vào bộ hoàn thiện.

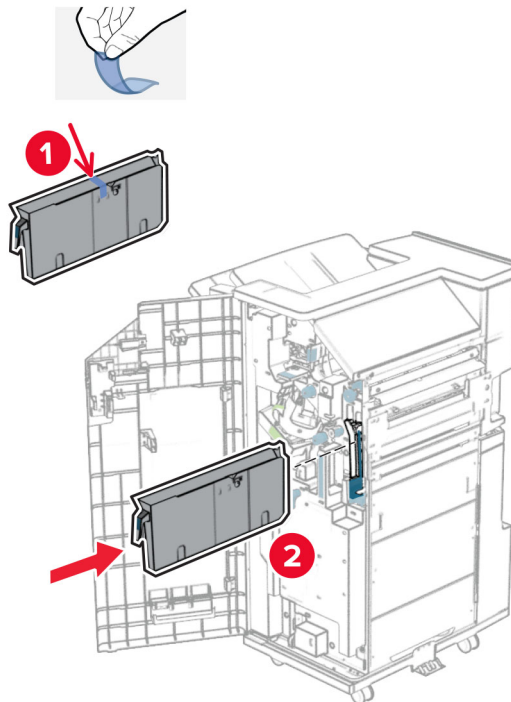


30 Nâng nắp lật của ngăn giấy lên, sau đó gắn ngăn giấy dưới vào bộ hoàn thiện.



31 Mở cửa bộ hoàn thiện.

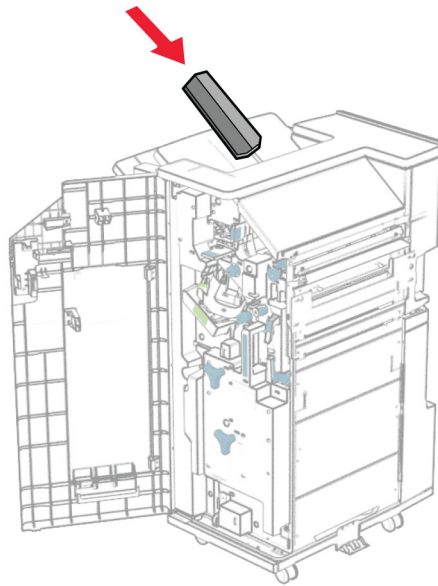
32 Lấy vật liệu đóng gói ra khỏi hộp đục lỗ, sau đó lắp hộp đục lỗ vào bộ hoàn thiện.



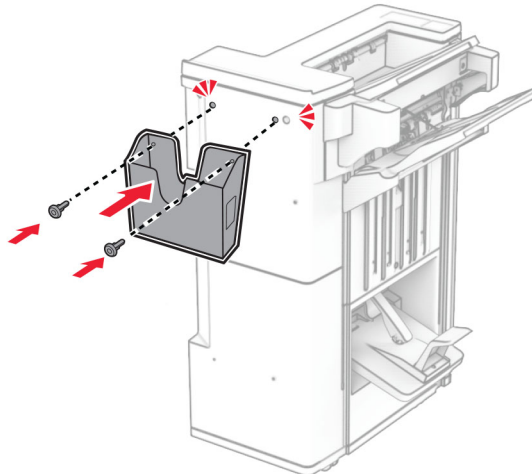
33 Đặt bộ mở rộng ngăn giấy vào ngăn giấy của bộ hoàn thiện.

Lưu ý:

- Bộ mở rộng ngăn giấy được dùng cho giấy khổ A3 trở lên và trong điều kiện độ ẩm cao để hỗ trợ xếp giấy.
- Dung lượng ngăn giấy sẽ giảm khi bạn sử dụng bộ mở rộng ngăn giấy.

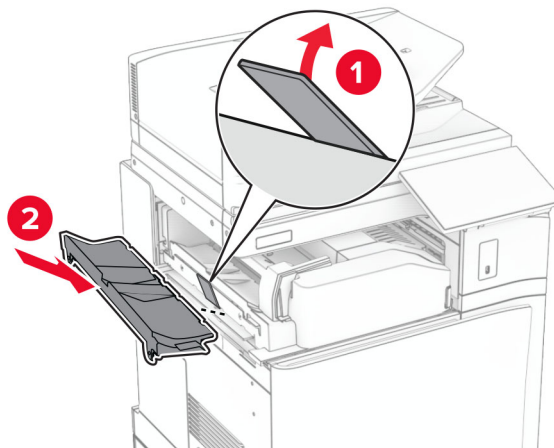


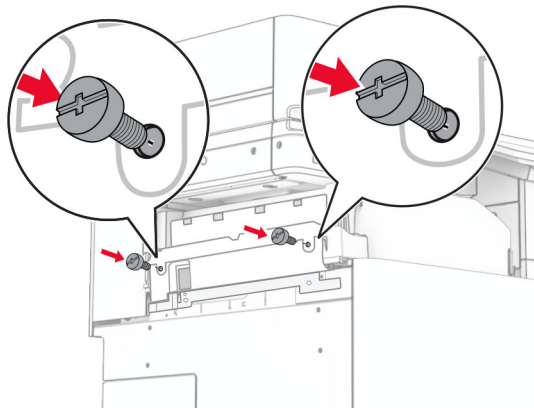
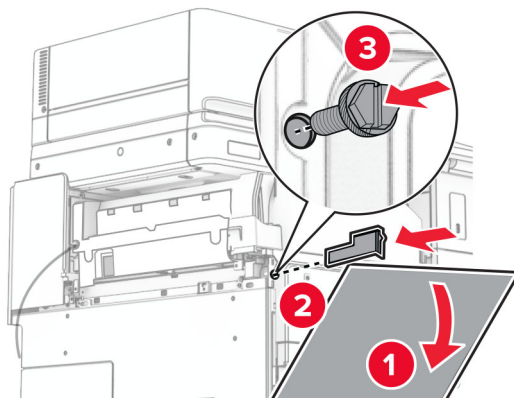
34 Gắn giỏ vào phía sau bộ hoàn thiện.



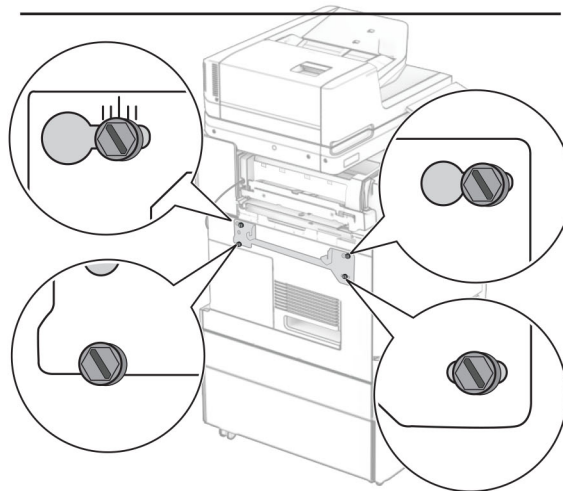
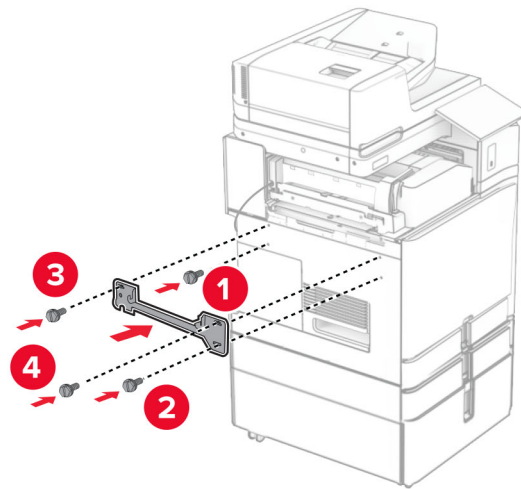
35 Đóng cửa bộ hoàn thiện.

36 Nâng nắp lật của ngăn giấy lên, rồi căn chỉnh và gắn nắp vào tùy chọn.

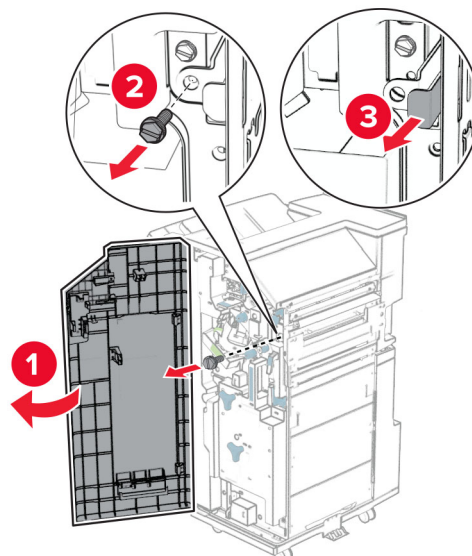


37 Lắp vít.**38** Mở cửa trước, sau đó gắn nắp trang trí đi kèm theo tùy chọn.**39** Lắp giá đỡ vào máy in.

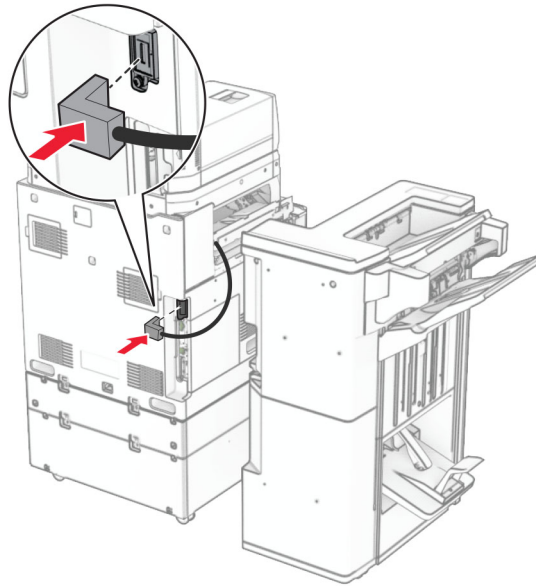
Lưu ý: Đảm bảo căn chỉnh vít với các điểm đánh dấu trên giá đỡ.



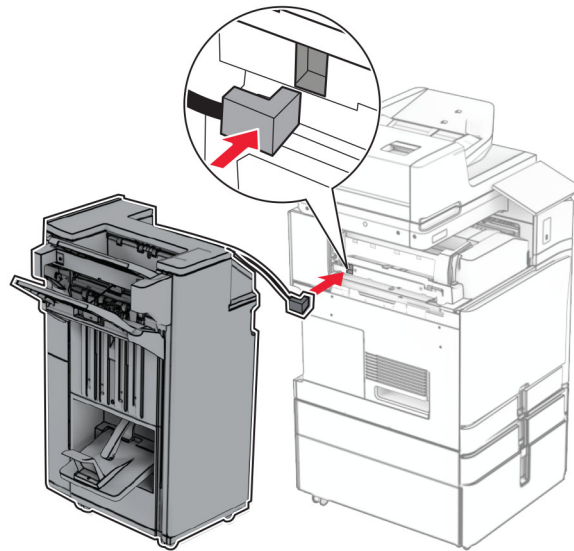
40 Mở cửa bộ hoàn thiện, tháo vít, sau đó kéo khóa của bộ hoàn thiện.



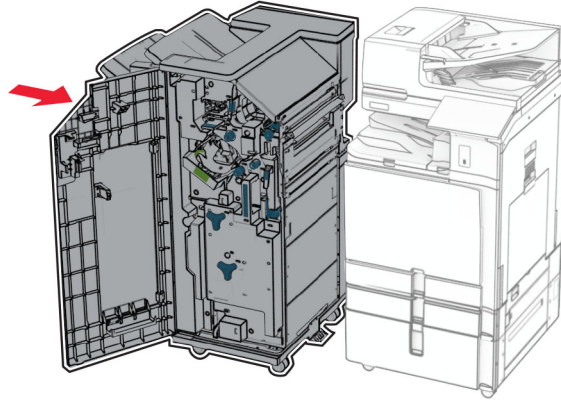
41 Kết nối cáp của bộ phận tùy chọn với máy in.



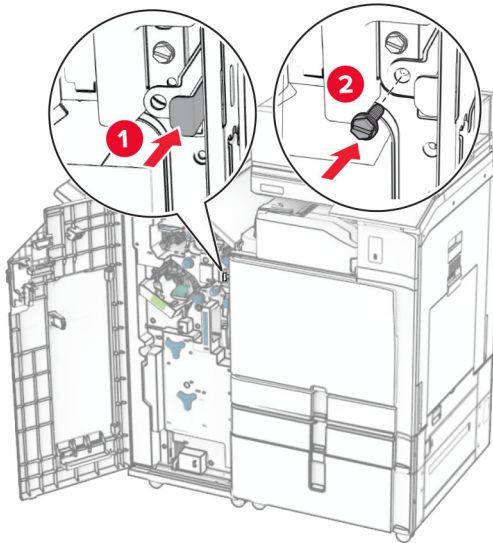
42 Kết nối cáp bộ của hoàn thiện với tùy chọn.



43 Gắn bộ hoàn thiện vào máy in.



44 Khóa bộ hoàn thiện với máy in, sau đó lắp vít.



45 Đóng cửa bộ hoàn thiện.

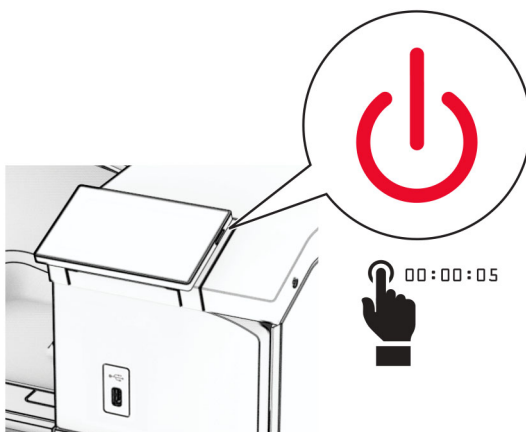
46 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

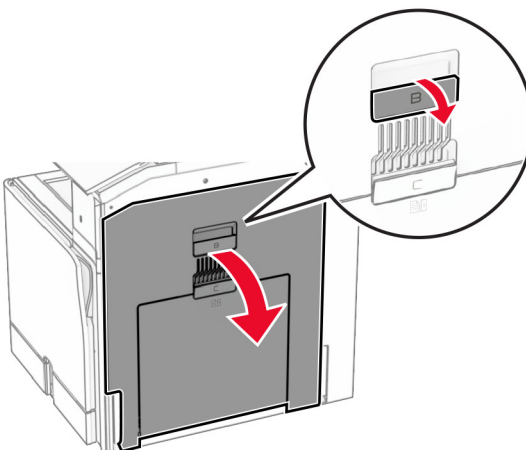
47 Bật máy in.

Lắp kệ để bàn phím

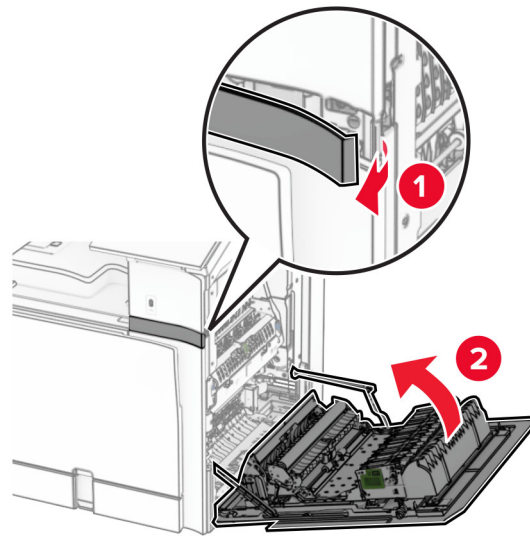
1 Tắt máy in.



2 Mở cửa B.

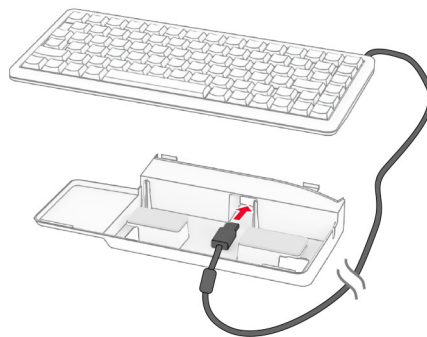


3 Tháo nắp trước, rồi đóng cửa B.

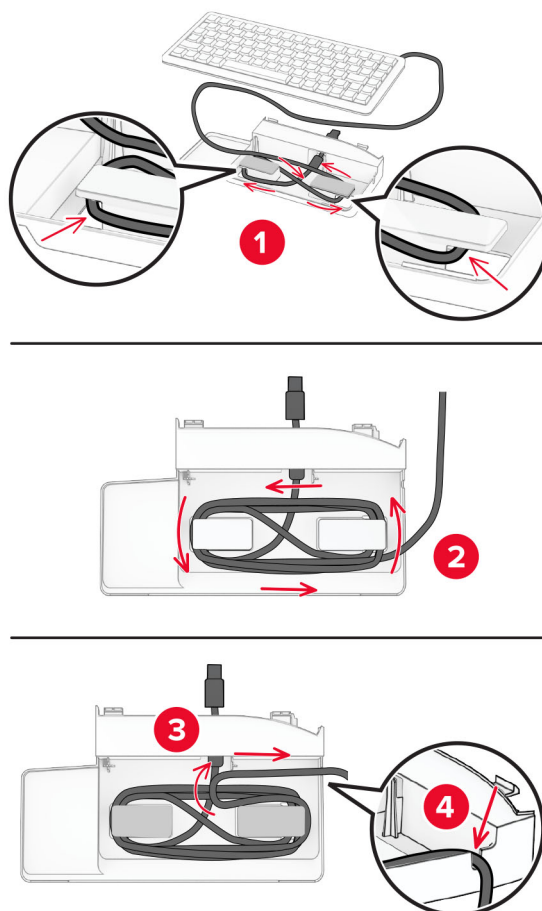


4 Mở bao bì của kệ để bàn phím.

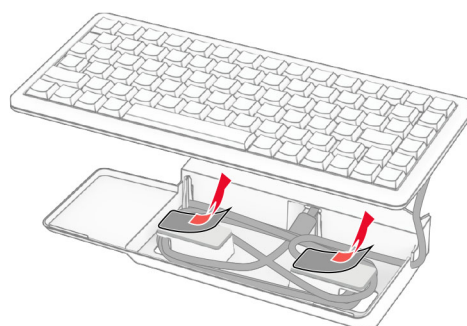
5 Cắm dây nối bàn phím vào kệ.



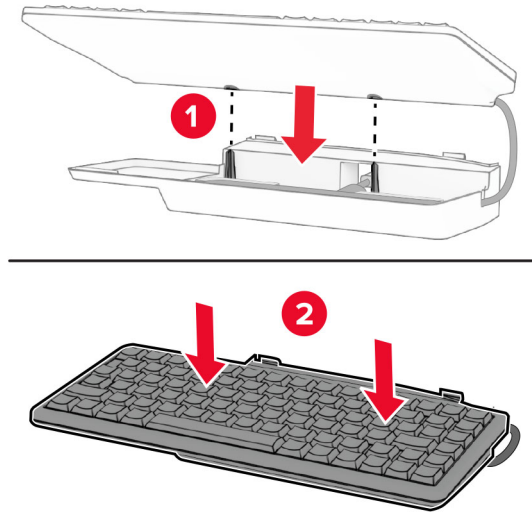
6 Lồng dây nối vào bên trong kệ.



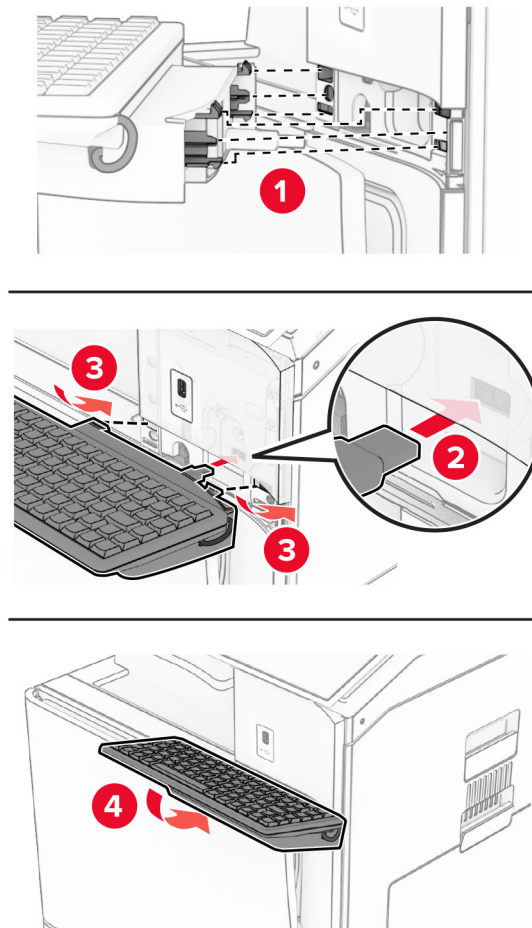
7 Bóc miếng dán.



8 Căn chỉnh, sau đó gắn bàn phím vào bộ.



9 Căn chỉnh kệ, kết nối dây nối bàn phím với máy in, lắp kệ, rồi gắn kệ vào máy in.



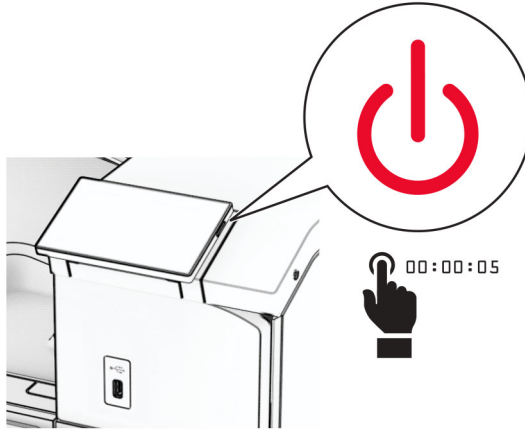
10 Bật máy in.

Lắp thẻ fax

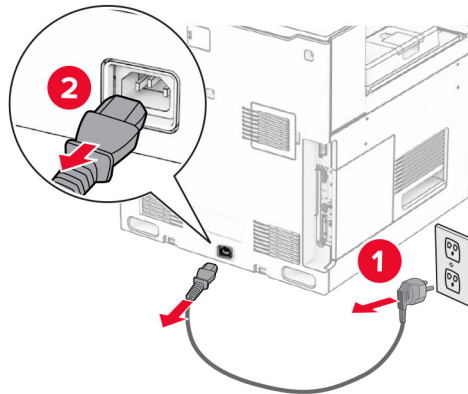
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

Lưu ý: Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

- 1 Tắt máy in.

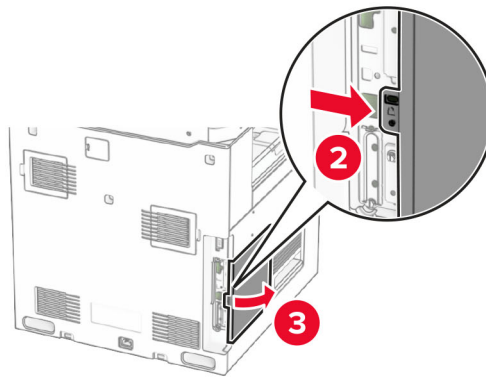
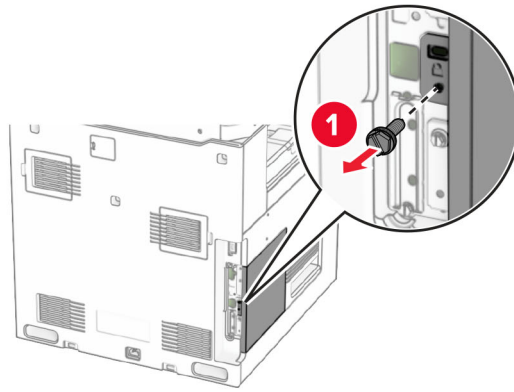


- 2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



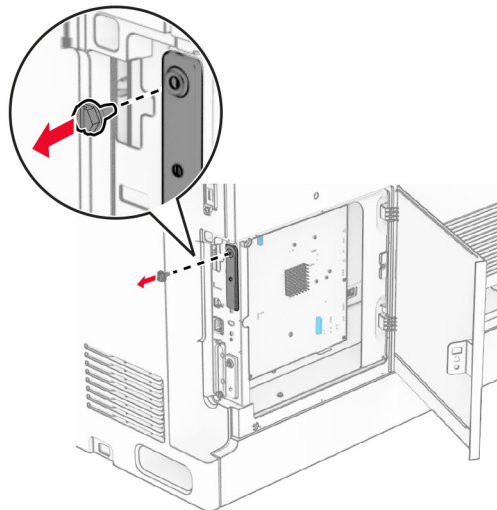
- 3 Mở nắp tiếp cận bảng mạch điều khiển.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Các linh kiện điện tử của bảng mạch điều khiển dễ bị hư hỏng do tĩnh điện. Chạm vào bề mặt kim loại trên máy in trước khi chạm vào bất kỳ linh kiện hoặc đầu nối nào của bảng mạch điều khiển.



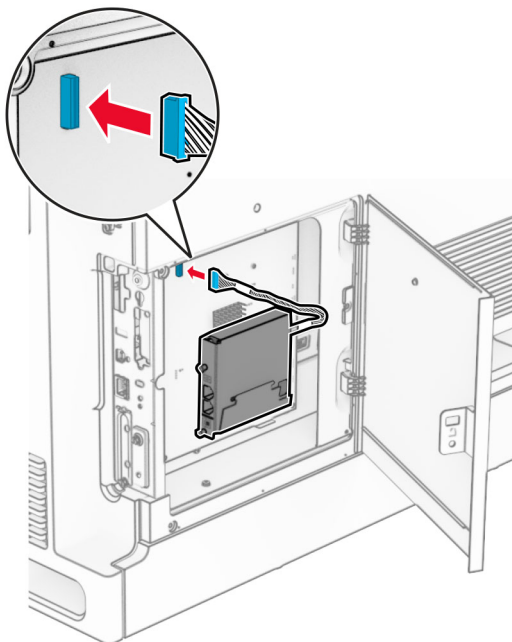
4 Tháo nắp cổng fax.

Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.

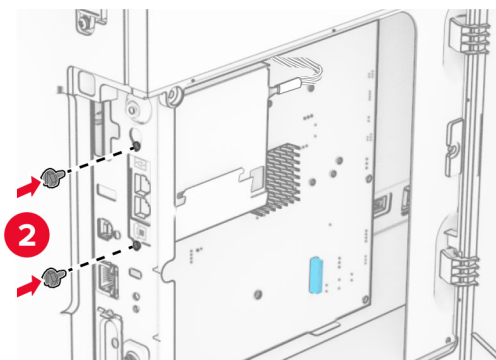
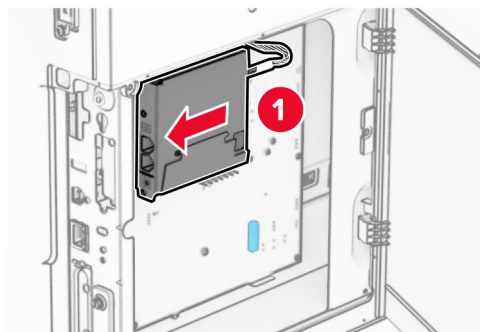


5 Mở bao bì của thẻ fax.

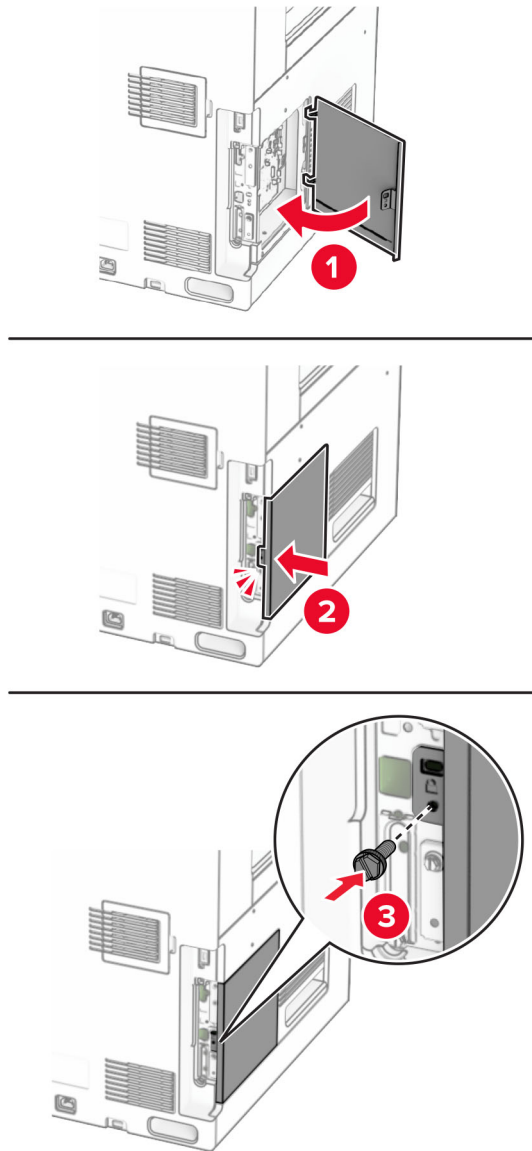
6 Cắm cáp nối máy fax vào bảng điều khiển.



7 Căn chỉnh, sau đó lắp thẻ fax vào máy in.



8 Đóng nắp che khe cắm bảng điều khiển cho đến khi *khớp* vào đúng vị trí, sau đó lắp vít vào.



9 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

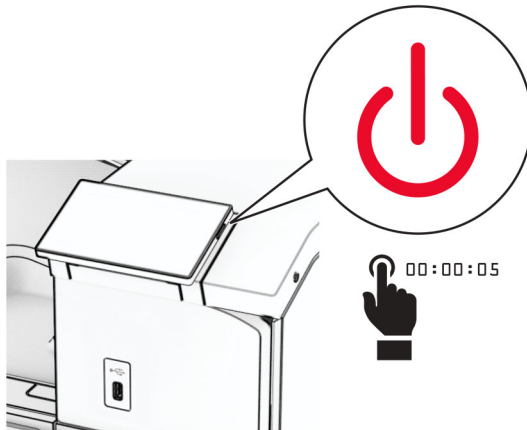
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

10 Bật máy in.

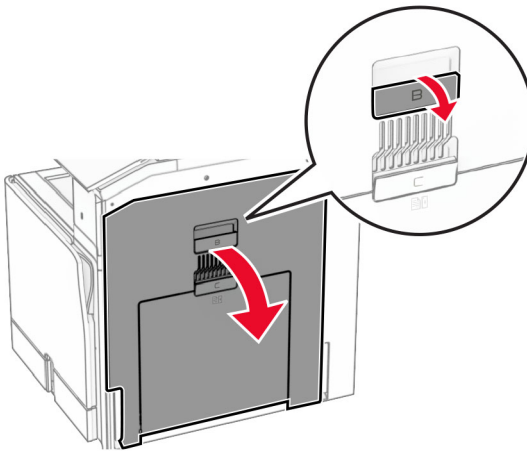
Lắp đầu đọc thẻ

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

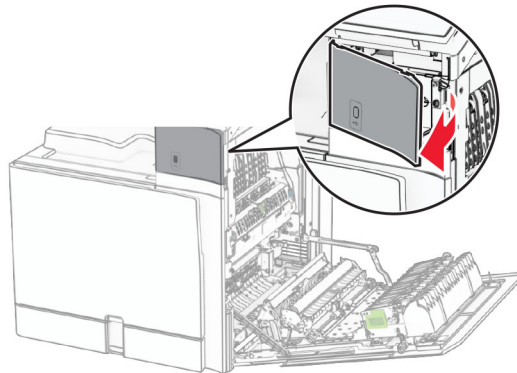
1 Tắt máy in.



2 Mở cửa B.

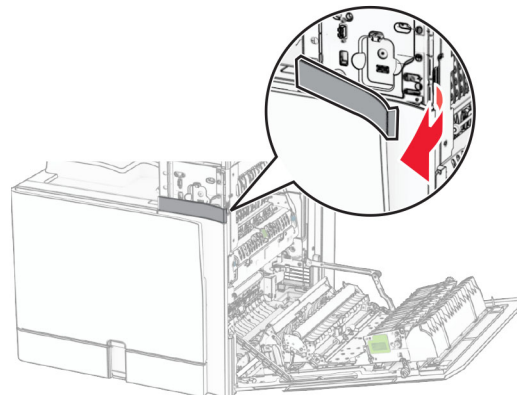


3 Mở nắp cổng USB trước.

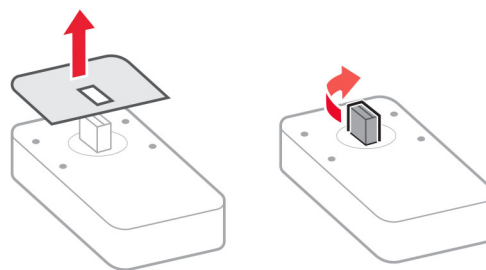


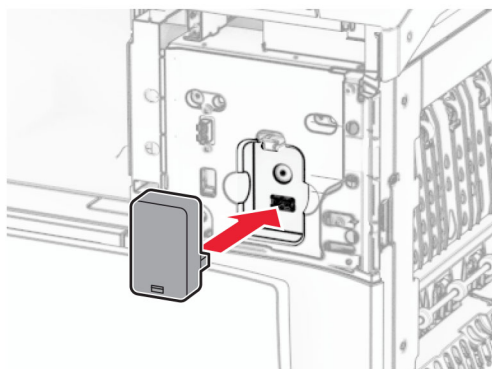
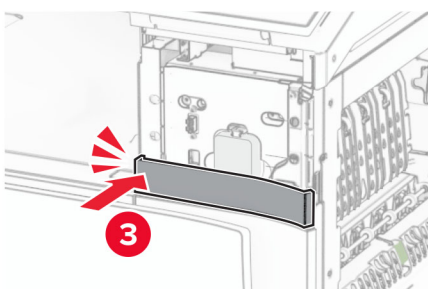
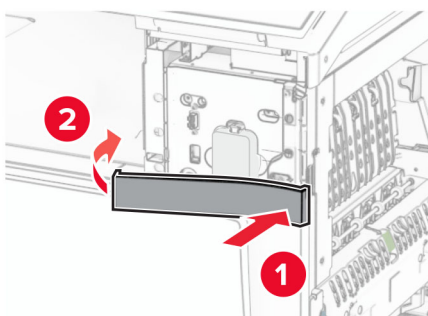
4 Tháo nắp cổng USB dưới.

Lưu ý: Nếu máy in của bạn không có bộ phận này, hãy chuyển sang bước tiếp theo.

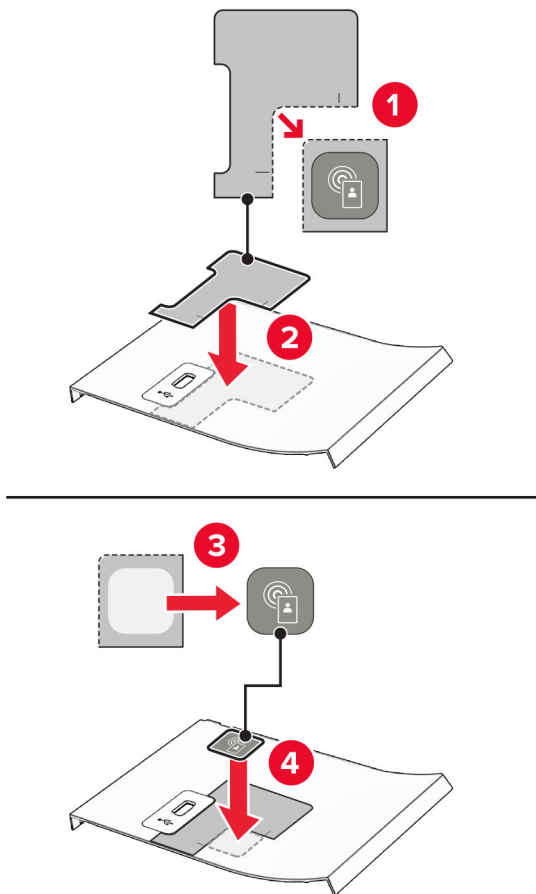


5 Tháo vỏ bảo vệ khỏi đầu đọc thẻ.

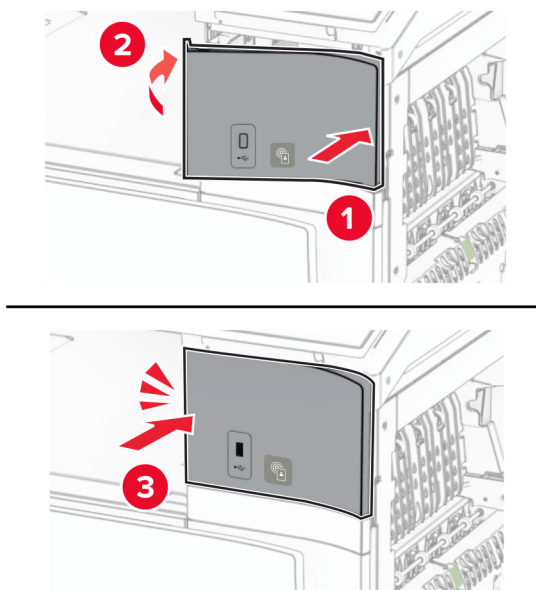


6 Lắp đầu đọc thẻ.**7** Lắp nắp cổng dưới cho đến khi khớp vào đúng vị trí.

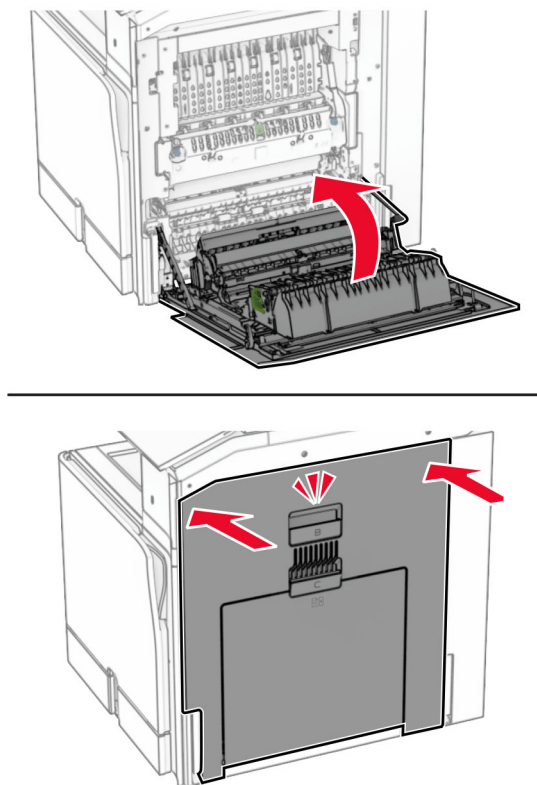
8 Lắp thanh dẫn nhãn dán.



9 Lắp nắp cổng USB trước cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



10 Đóng cửa B cho đến khi cửa khớp vào vị trí.



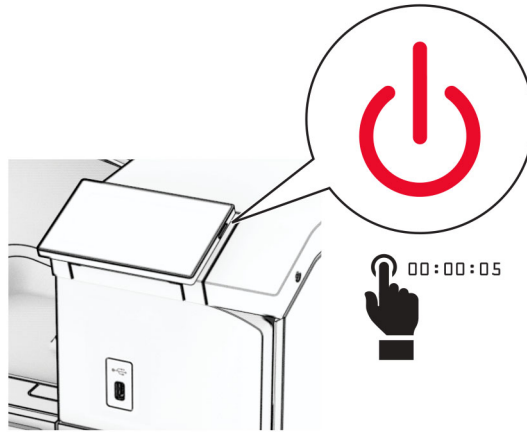
11 Bật máy in.

Lắp đặt cổng giải pháp nội bộ

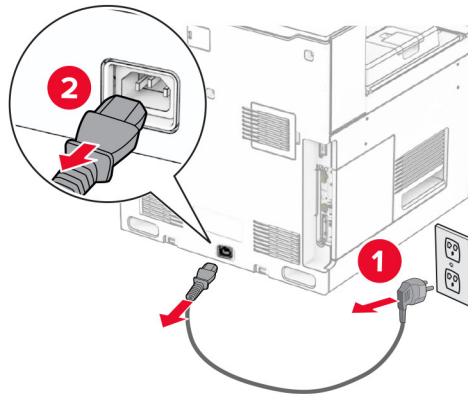
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật, nếu bạn tiếp cận bảng mạch điều khiển hoặc lắp đặt phần cứng hoặc thiết bị bộ nhớ tùy chọn sau khi cài đặt máy in, thì hãy tắt máy in, và rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện trước khi tiếp tục. Nếu có thiết bị khác gắn liền với máy in thì hãy tắt chúng, và rút mọi dây cáp kết nối với máy in.

Lưu ý: Nhiệm vụ này cần tua vít đầu dẹt.

1 Tắt máy in.

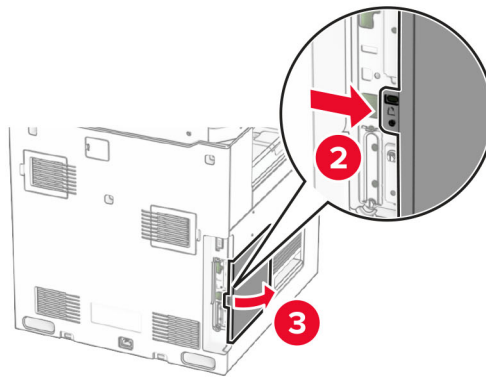
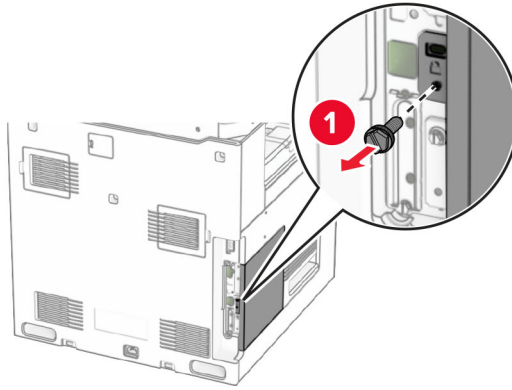


2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.



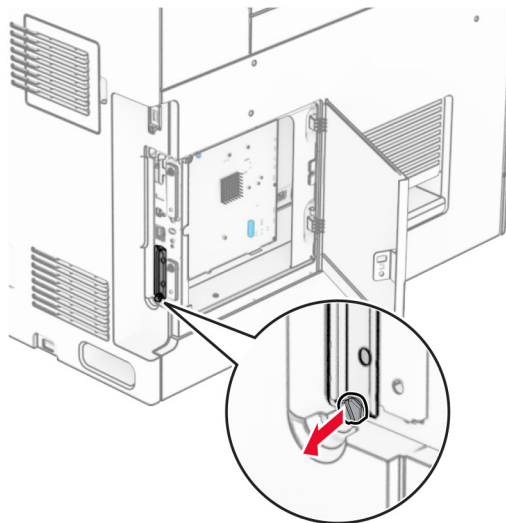
3 Mở nắp tiếp cận bảng điều khiển.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Các linh kiện điện tử của bảng mạch điều khiển dễ bị hư hỏng do tĩnh điện. Chạm vào bề mặt kim loại trên máy in trước khi chạm vào bất kỳ linh kiện hoặc đầu nối nào của bảng mạch điều khiển.

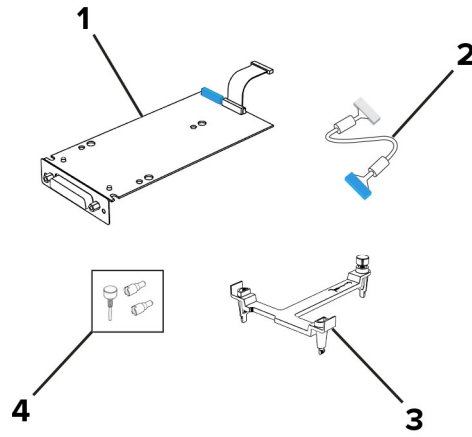


4 Tháo nắp cổng giải pháp nội bộ (ISP).

Lưu ý: Đừng vứt bỏ vít và nắp.

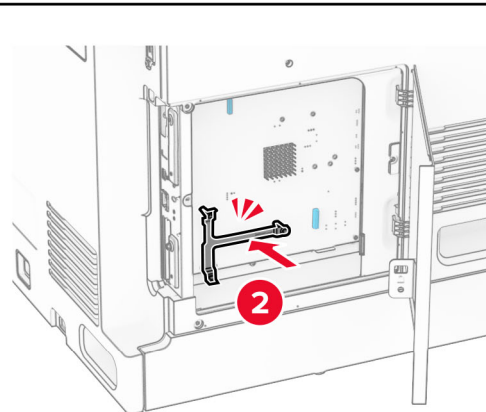
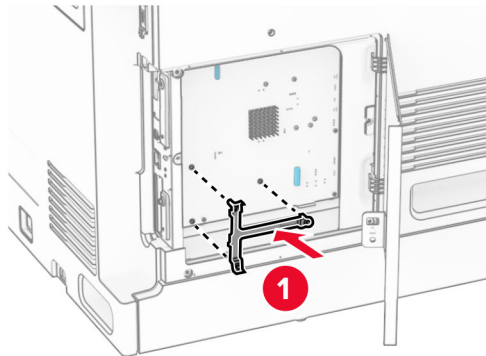


5 Mở bao bì của bộ ISP.

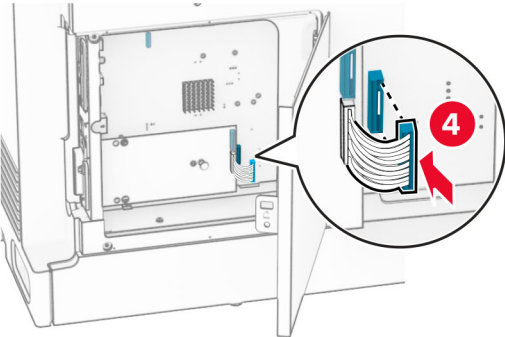
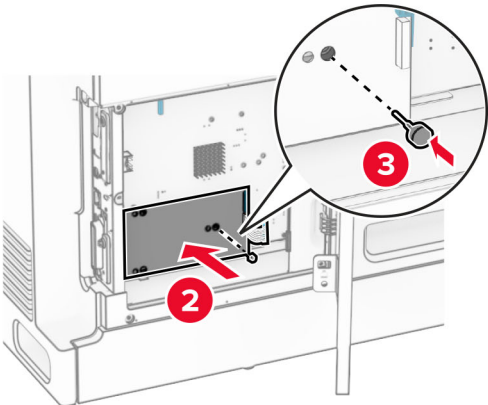
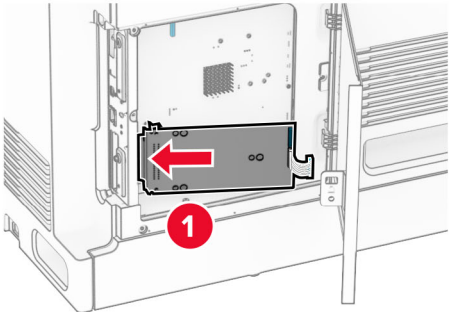


1	ISP
2	Cáp kéo dài cho ISP
3	Giá đỡ
4	Tua vít

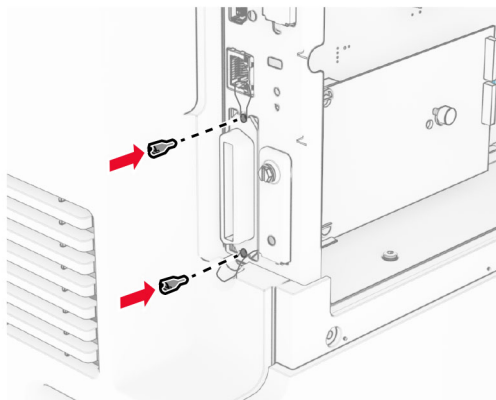
6 Lắp giá đỡ vào bảng điều khiển cho đến khi khớp vào đúng vị trí.

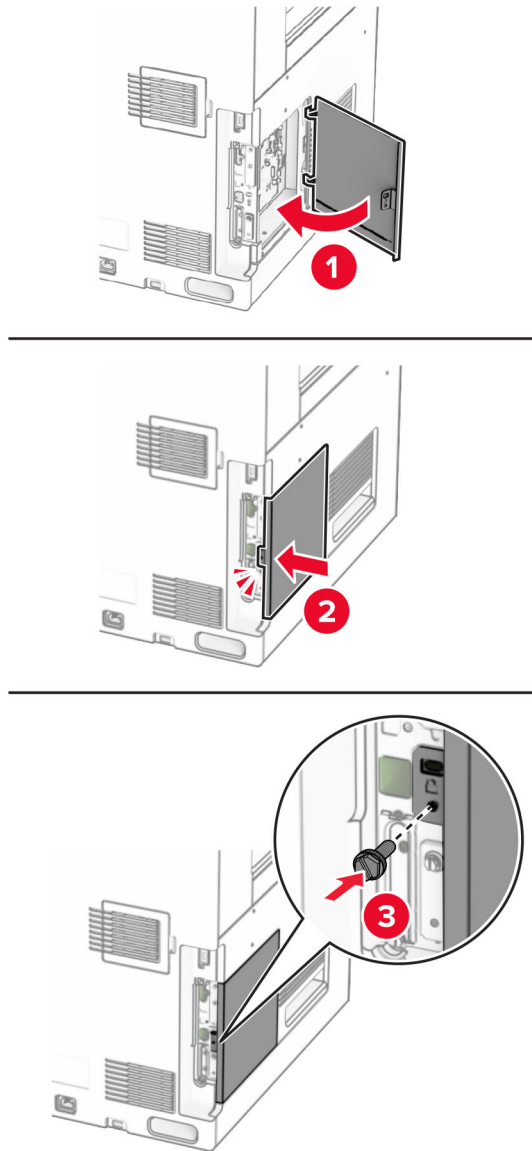


7 Lắp ISP vào giá đỡ, sau đó kết nối cáp nối dài ISP với đầu nối trên bảng điều khiển.



8 Gắn cố định ISP vào máy in.



9 Đóng nắp tiếp cận bảng điều khiển.**10** Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

11 Bật máy in.

Thay đổi cài đặt cổng máy in sau khi cài đặt cổng giải pháp nội bộ

Lưu ý:

- Nếu máy in có địa chỉ IP tĩnh thì đừng thay đổi cấu hình.
- Nếu máy tính được cấu hình để sử dụng tên mạng thay vì địa chỉ IP thì đừng thay đổi cấu hình.
- Nếu bạn thêm cổng giải pháp nội bộ (ISP) không dây vào máy in đã được cấu hình trước đó cho kết nối Ethernet, hãy ngắt kết nối máy in khỏi mạng Ethernet.

Đối với người dùng Windows

- 1 Mở thư mục máy in.
- 2 Từ menu phím tắt của máy in có ISP mới, mở thuộc tính máy in.
- 3 Cấu hình cổng từ danh sách.
- 4 Cập nhật địa chỉ IP.
- 5 Áp dụng thay đổi.

Đối với người dùng Macintosh

- 1 Từ Tùy chọn hệ thống trong menu Apple, chuyển đến danh sách máy in, sau đó chọn **+ > IP**.
- 2 Nhập địa chỉ IP vào trường địa chỉ.
- 3 Áp dụng thay đổi.

Kết nối mạng

Kết nối máy in với mạng Wi-Fi

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo rằng:

- Bộ điều hợp hoạt động được đặt thành Tự động. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/cổng > Tổng quan về mạng > Kích hoạt bộ điều hợp**.
- Cáp Ethernet không được kết nối với máy in.

Sử dụng bảng điều khiển

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/cổng > Không dây > Thiết lập trên bảng điều khiển máy in > Chọn mạng**.
- 2 Chọn mạng Wi-Fi, rồi nhập mật khẩu mạng.

Lưu ý: Đối với máy in có tích hợp tính năng Wi-Fi, lời nhắc thiết lập mạng Wi-Fi sẽ xuất hiện trong quá trình thiết lập ban đầu.

Kết nối máy in với mạng không dây qua Thiết lập Wi-Fi bảo mật (WPS)

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo rằng:

- Điểm truy cập (bộ định tuyến không dây) được WPS chứng nhận hoặc tương thích với WPS. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem tài liệu đính kèm với điểm truy cập.
- Bộ điều hợp kết nối mạng không dây được cài đặt trong máy in của bạn. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem hướng dẫn đính kèm với bộ điều hợp.
- Bộ điều hợp hoạt động được đặt thành Tự động. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/cổng > Tổng quan về mạng > Kích hoạt bộ điều hợp**.

Sử dụng phương thức Nút nhấn

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/cổng > Không dây > Thiết lập Wi-Fi bảo mật > Bắt đầu phương thức nút nhấn**.
- 2 Làm theo hướng dẫn trên màn hình.

Sử dụng phương thức mã số nhận dạng cá nhân (PIN)

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/cổng > Không dây > Thiết lập Wi-Fi bảo mật > Bắt đầu phương thức PIN**.
- 2 Sao chép mã PIN WPS tám chữ số.
- 3 Mở trình duyệt web, rồi nhập địa chỉ IP của điểm truy cập vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Để biết địa chỉ IP, vui lòng xem tài liệu đính kèm với điểm truy cập của bạn.
 - Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.
- 4 Truy cập cài đặt WPS. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem tài liệu đính kèm với điểm truy cập.
 - 5 Nhập mã PIN tám chữ số, rồi lưu các thay đổi.

Đặt cấu hình Wi-Fi Direct

Wi-Fi Direct® cho phép các thiết bị Wi-Fi kết nối trực tiếp với nhau mà không cần có điểm truy cập (bộ định tuyến không dây).

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/Cổng > Wi-Fi Direct**.
- 2 Đặt cấu hình cài đặt.
 - **Bật Wi-Fi Direct**—Cho phép máy in phát mạng Wi-Fi Direct của máy in.
 - **Tên Wi-Fi Direct**—Gán tên cho mạng Wi-Fi Direct.
 - **Mật khẩu Wi-Fi Direct**—Gán mật khẩu để thỏa thuận bảo mật không dây khi sử dụng kết nối ngang hàng.
 - **Hiển thị mật khẩu trên trang thiết lập**—Hiển thị mật khẩu trên Trang thiết lập mạng.
 - **Mã kênh ưu tiên** - Chỉ định kênh ưu tiên của mạng Wi-Fi Direct.
 - **Địa chỉ IP chủ nhóm** - Chỉ định địa chỉ IP của chủ nhóm.
 - **Tự động chấp nhận yêu cầu nút nhấn**—Cho phép máy in tự động chấp nhận yêu cầu kết nối.

Lưu ý: Tự động chấp nhận yêu cầu nút nhấn không được bảo mật.

Lưu ý:

- Theo mặc định, mật khẩu mạng Wi-Fi Direct không hiển thị trên màn hình máy in. Để hiển thị mật khẩu, hãy bật biểu tượng xem mật khẩu. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Bảo mật > Khác > Bật hiển thị mật khẩu/mã PIN**.
- Để biết mật khẩu mạng Wi-Fi Direct mà không hiển thị mật khẩu trên màn hình máy in, hãy in **Trang thiết lập mạng**. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > Mạng > Trang thiết lập mạng**.

Kết nối thiết bị di động với máy in

Trước khi kết nối thiết bị di động của bạn, hãy đảm bảo Wi-Fi Direct đã được cấu hình. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Đặt cấu hình Wi-Fi Direct” trên trang 246](#).

Sử dụng Wi-Fi Direct

Lưu ý: Những hướng dẫn sau chỉ áp dụng cho thiết bị di động chạy trên nền tảng Android™.

- 1 Từ thiết bị di động, đi đến menu **Cài đặt**.
- 2 Bật **Wi-Fi**, sau đó nhấn vào **Wi-Fi Direct**.
- 3 Chọn tên Wi-Fi Direct của máy in.
- 4 Xác nhận kết nối trên bảng điều khiển của máy in.

Sử dụng Wi-Fi

- 1 Từ thiết bị di động, đi đến menu **Cài đặt**.
- 2 Nhấn **Wi-Fi**, sau đó chọn tên Wi-Fi Direct của máy in.

Lưu ý: Chuỗi DIRECT-xy (trong đó x và y là hai ký tự ngẫu nhiên) được thêm vào trước tên Wi-Fi Direct.

- 3 Nhập mật khẩu Wi-Fi Direct.

Kết nối máy tính với máy in

Trước khi kết nối máy tính, đảm bảo là đã cấu hình Wi-Fi Direct. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Đặt cấu hình Wi-Fi Direct” trên trang 246](#).

Đối với người dùng Windows

- 1 Mở **Máy in & máy quét**, rồi nhấp vào **Thêm máy in hoặc máy quét**.
- 2 Nhấp vào **Hiển thị máy in Wi-Fi Direct**, rồi chọn tên Wi-Fi Direct của máy in.
- 3 Từ màn hình máy in, ghi lại mã PIN tám chữ số của máy in.
- 4 Nhập mã PIN vào máy tính.

Lưu ý: Nếu chưa cài đặt trình điều khiển in, Windows sẽ tải về trình điều khiển thích hợp.

Đối với người dùng Macintosh

1 Nhấp vào biểu tượng không dây, rồi chọn tên Wi-Fi Direct của máy in.

Lưu ý: Chuỗi DIRECT-xy (trong đó x và y là hai ký tự ngẫu nhiên) được thêm vào trước tên Wi-Fi Direct.

2 Nhập mật khẩu Wi-Fi Direct.

Lưu ý: Chuyển máy tính của bạn về mạng trước đó sau khi ngắt kết nối khỏi mạng Wi-Fi Direct.

Hủy kích hoạt mạng Wi-Fi

1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/cổng > Tổng quan về mạng > Kích hoạt bộ điều hợp > Mạng chuẩn**.

2 Chọn **Có** để khởi động lại máy in.

Kiểm tra kết nối máy in

1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > Mạng > Trang thiết lập mạng**.

2 Kiểm tra phần đầu tiên của trang và xác nhận trạng thái đã được kết nối.

Nếu trạng thái là không kết nối thì có thể do rớt mạng LAN hoặc cáp mạng có thể bị trục trặc. Hãy liên hệ với quản trị viên để được trợ giúp.

Thiết lập in nối tiếp (chỉ dành cho Windows)

1 Cài đặt các thông số trong máy in.

a Từ bảng điều khiển, điều hướng đến menu cài đặt cổng.

b Tìm menu để cài đặt cổng nối tiếp, sau đó điều chỉnh cài đặt, nếu cần.

c Áp dụng thay đổi.

2 Từ máy tính, mở thư mục máy in, sau đó chọn máy in của bạn.

3 Mở thuộc tính máy in, sau đó chọn cổng COM từ danh sách.

4 Cài đặt các thông số cổng COM trong Trình quản lý thiết bị.

Lưu ý:

- In nối tiếp sẽ giảm tốc độ in.
- Đảm bảo cáp nối tiếp được nối với cổng nối tiếp trên máy in của bạn.

Bảo vệ máy in

Xóa bộ nhớ máy in

Để xóa bộ nhớ khả biến hoặc dữ liệu đệm trong máy in của bạn, hãy tắt máy in.

Để xóa bộ nhớ bất biến, cài đặt thiết bị và mạng, cài đặt bảo mật và giải pháp nhúng, hãy thực hiện như sau:

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Xóa ngoài dịch vụ**.
- 2 Chọn **Dọn dẹp tất cả thông tin trong bộ nhớ bất biến**, rồi chọn **XÓA**.
- 3 Chọn **Bắt đầu trình hướng dẫn thiết lập ban đầu** hoặc **Đế máy in ngoại tuyến**, sau đó chọn **Tiếp theo**.
- 4 Bắt đầu quy trình.

Lưu ý: Quá trình này cũng phá hủy khóa mã hóa được dùng để bảo vệ dữ liệu người dùng. Phá hủy khóa mã hóa khiến dữ liệu không thể khôi phục được.

Xóa ổ lưu trữ máy in

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Xóa ngoài dịch vụ**.
- 2 Tùy thuộc vào ổ lưu trữ được cài đặt trên máy in của bạn, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:
 - Đối với đĩa cứng, hãy chọn **Dọn dẹp tất cả thông tin trên đĩa cứng**, chọn **XÓA**, sau đó chọn một phương thức để xóa dữ liệu.

Lưu ý: Quá trình dọn dẹp đĩa cứng này có thể mất từ vài phút đến hơn một giờ, khiến cho máy in không sẵn dùng cho các tác vụ khác.

 - Đối với ổ lưu trữ thông minh, chọn **Xóa tất cả dữ liệu người dùng trên ISD bằng mật mã**, rồi chọn **XÓA**.

Khôi phục cài đặt mặc định gốc

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Khôi phục cài đặt mặc định gốc**.
- 2 Chọn **Khôi phục cài đặt**.
- 3 Chọn cài đặt bạn muốn khôi phục, sau đó chọn **KHÔI PHỤC**.

Báo cáo biến động

Loại bộ nhớ	Mô tả
Bộ nhớ khả biến	Máy in sử dụng bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (RAM) tiêu chuẩn để tạm thời lưu trữ dữ liệu người dùng trong khi thực hiện lệnh in và sao chép đơn giản.
Bộ nhớ bất biến	Máy in có thể sử dụng hai dạng bộ nhớ bất biến: EEPROM và NAND (bộ nhớ cực nhanh). Cả hai loại đều lưu trữ hệ điều hành, cài đặt máy in và thông tin mạng. Bộ nhớ cũng lưu trữ cài đặt máy quét và dấu trang cũng như các giải pháp nhúng.

Loại bộ nhớ	Mô tả
Ổ lưu trữ đĩa cứng	Một số máy in có thể đã cài đặt ổ đĩa cứng. Đĩa cứng máy in được thiết kế cho chức năng dành riêng cho máy in. Đĩa cứng cho phép máy in lưu giữ dữ liệu người dùng được đệm từ các lệnh in phức tạp, dữ liệu biểu mẫu, và dữ liệu phông chữ.
Ổ lưu trữ thông minh (ISD)	Một số máy in có thể đã cài đặt ISD. ISD sử dụng bộ nhớ flash bất biến để lưu trữ dữ liệu người dùng từ các lệnh in phức tạp, dữ liệu biểu mẫu và dữ liệu phông chữ.

Xóa nội dung của mọi bộ nhớ máy in đã cài đặt trong các trường hợp sau đây:

- Máy in bị ngừng hoạt động.
- Đĩa cứng máy in hoặc ISD được thay thế.
- Máy in được di chuyển đến bộ phận hoặc vị trí khác.
- Máy in được một người nào đó bên ngoài tổ chức của bạn bảo dưỡng.
- Máy in được di chuyển khỏi cơ sở của bạn để bảo dưỡng.
- Máy in được bán cho một tổ chức khác.

Lưu ý: Để thải bỏ một ổ lưu trữ, hãy làm theo các chính sách và quy trình của tổ chức bạn.

In

In từ máy tính

Đối với người dùng Windows

- 1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính, Tùy chỉnh, Tùy chọn**, hoặc **Thiết lập**.
Nếu cần, hãy điều chỉnh cài đặt.
- 3 Nhấp vào **OK**, rồi nhấp vào **In**.

Đối với người dùng Macintosh

- 1 Với tài liệu đang mở, chọn **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in, rồi chọn một cài đặt từ mục **Cài đặt trước**.
Nếu cần, hãy điều chỉnh cài đặt.
- 3 Nhấp vào **In**.

In từ thiết bị di động

In từ thiết bị di động bằng cách sử dụng Lexmark Print

Lexmark Print là giải pháp in di động cho các thiết bị di động chạy trên nền tảng Android phiên bản 6.0 trở lên. Giải pháp này cho phép bạn gửi tài liệu và hình ảnh đến máy in được kết nối mạng và máy chủ quản lý in.



Lưu ý:

- Hãy đảm bảo bạn đã tải xuống ứng dụng Lexmark Print từ cửa hàng Google Play™ và bật ứng dụng trên thiết bị di động.
 - Đảm bảo đã kết nối máy in và thiết bị di động với cùng một mạng.
- 1 Từ thiết bị di động của bạn, chọn một tài liệu từ trình quản lý tập tin.
 - 2 Gửi hoặc chia sẻ tài liệu tới Lexmark Print.
Lưu ý: Một số ứng dụng bên thứ ba có thể sẽ không hỗ trợ tính năng gửi và chia sẻ. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem tài liệu đi kèm với ứng dụng.
 - 3 Chọn máy in.
Nếu cần, hãy điều chỉnh cài đặt.
 - 4 In tài liệu.

In từ thiết bị di động bằng Dịch vụ in Mopria™

Dịch vụ in Mopria là giải pháp in di động cho các thiết bị di động chạy trên Android phiên bản 5.0 trở lên. Dịch vụ này cho phép bạn in trực tiếp đến bất kỳ máy in nào được Mopria™ chứng nhận.


Lưu ý: Hãy đảm bảo bạn đã tải xuống Dịch vụ in Mopria từ cửa hàng Google Play và bật dịch vụ trên thiết bị di động.

- 1 Từ thiết bị di động, hãy khởi chạy ứng dụng tương thích hoặc chọn tài liệu từ trình quản lý tập tin.
- 2 Chạm vào  > In.
- 3 Chọn máy in, sau đó điều chỉnh các cài đặt nếu cần thiết.
- 4 Chạm .

In từ thiết bị di động bằng AirPrint

Tính năng phần mềm AirPrint là giải pháp in di động cho phép bạn in trực tiếp từ các thiết bị Apple tới máy in được chứng nhận AirPrint.



Lưu ý:

- Đảm bảo đã kết nối thiết bị Apple và máy in với cùng một mạng. Nếu mạng có nhiều hub không dây, hãy đảm bảo cả hai thiết bị được kết nối với cùng một mạng phụ.
 - Ứng dụng này chỉ được hỗ trợ trong một số thiết bị Apple.
- 1 Từ thiết bị di động của bạn, chọn tài liệu từ trình quản lý tập tin hoặc khởi chạy ứng dụng tương thích.
 - 2 Chạm vào  > In.
 - 3 Chọn máy in, sau đó điều chỉnh các cài đặt nếu cần thiết.
 - 4 In tài liệu.

In từ thiết bị di động sử dụng Wi-Fi Direct®

Wi-Fi Direct® là dịch vụ in cho phép bạn in với mọi máy in có Wi-Fi Direct.

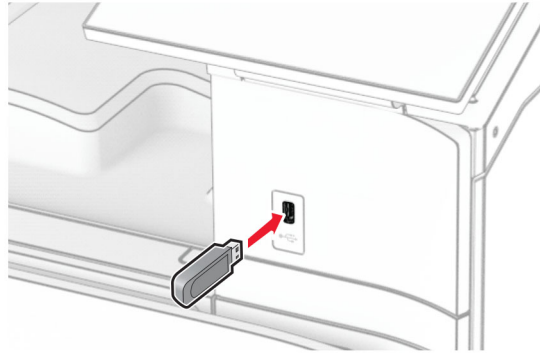
Lưu ý: Đảm bảo đã kết nối thiết bị di động với mạng không dây của máy in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Kết nối thiết bị di động với máy in” trên trang 247](#).

- 1 Từ thiết bị di động, hãy khởi chạy ứng dụng tương thích hoặc chọn tài liệu từ trình quản lý tập tin.
- 2 Tùy thuộc vào thiết bị di động, hãy thực hiện một trong các thao tác sau:
 - Chạm vào  > In.
 - Chạm vào  > In.
 - Chạm vào ... > In.
- 3 Chọn máy in, rồi điều chỉnh các cài đặt nếu cần thiết.
- 4 In tài liệu.

In từ ổ flash

- 1 Lắp ổ flash.

Để biết thêm thông tin về ổ flash được hỗ trợ, hãy xem [“Ổ đĩa flash và loại tập tin được hỗ trợ” trên trang 57.](#)



Lưu ý:

- Nếu bạn lắp ổ flash khi xuất hiện thông báo lỗi, máy in sẽ bỏ qua ổ flash.
- Nếu bạn lắp ổ flash trong khi máy in đang xử lý các lệnh in khác, thì thông báo **Bận** sẽ xuất hiện trên màn hình.

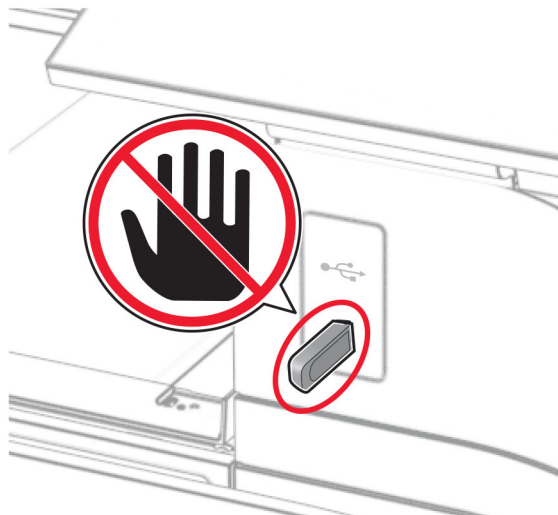
2 Từ bảng điều khiển, chọn **In**.

3 Chọn **Ổ USB**, rồi chọn tài liệu bạn muốn in.

Nếu cần thiết, hãy đặt cấu hình cài đặt.

4 In tài liệu.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Để tránh mất dữ liệu hoặc trục trặc máy in, không chạm vào ổ flash hoặc máy in ở khu vực được hiển thị trong khi đang in, đọc hoặc ghi từ thiết bị bộ nhớ.



Đặt cấu hình lệnh in bảo mật

1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Bảo mật > Thiết lập in bảo mật.**

2 Đặt cấu hình cài đặt.

Cài đặt	Mô tả
PIN không hợp lệ tối đa	Đặt giới hạn nhập mã PIN không hợp lệ. Lưu ý: Khi đạt đến giới hạn, các lệnh in cho tên người dùng đó sẽ bị xóa.
Thời hạn của lệnh bảo mật	Đặt thời gian hết hạn riêng cho từng lệnh tạm dừng trước khi tự động bị xóa khỏi bộ nhớ máy in, đĩa cứng hoặc ổ lưu trữ thông minh. Lưu ý: Lệnh tạm dừng là các lệnh Bảo mật , Lập lại , Lưu trữ hoặc Xác minh .
Thời hạn của lệnh lập lại	Đặt thời gian hết hạn cho lệnh in bạn muốn lập lại.
Thời hạn của lệnh xác minh	Đặt thời gian hết hạn để in một bản sao từ một lệnh cho bạn để kiểm tra chất lượng trước khi in các bản sao còn lại.
Thời hạn của lệnh lưu trữ	Đặt thời gian hết hạn cho các lệnh in mà bạn muốn lưu trong máy in để in sau.
Yêu cầu tạm dừng tất cả lệnh	Đặt máy in tạm dừng tất cả lệnh in.
Giữ tài liệu trùng lặp	Đặt máy in giữ tất cả tài liệu có cùng tên tập tin.

In các lệnh bí mật và lệnh tạm dừng khác

Đối với người dùng Windows

- Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.
- Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính**, **Tùy chỉnh**, **Tùy chọn**, hoặc **Thiết lập**.
- Nhấp vào **In và giữ**.
- Nhấp vào **Sử dụng in và giữ**, rồi gán tên người dùng.
- Chọn trong các loại lệnh in sau:
 - In bảo mật** - Máy in hỏi mã số nhận dạng cá nhân trước khi cho phép bạn in lệnh.
Lưu ý: Nếu bạn chọn loại lệnh này, hãy nhập mã số nhận dạng cá nhân (PIN) có 4 chữ số.
 - In xác minh** - Máy in sẽ in một bản và giữ các bản sao còn lại mà bạn yêu cầu từ trình điều khiển trong bộ nhớ máy in.
 - In lưu trữ** - Máy in lưu lệnh vào bộ nhớ để bạn có thể thực hiện lệnh in trong tương lai.
 - In lập lại** - Máy in sẽ in tất cả các bản sao được yêu cầu của lệnh in và lưu lệnh in đó vào bộ nhớ để bạn có thể in các bản sao bổ sung trong tương lai.
- Nhấp vào **OK**.
- Nhấp vào **In**.
- Từ bảng điều khiển máy in, xuất lệnh in.
 - Chọn **In**.
 - Chọn **Lệnh tạm dừng**, rồi chọn tên người dùng.
Lưu ý: Đối với lệnh in bảo mật, chọn **Bảo mật**, nhập mã PIN, rồi chọn **OK**.
 - Chọn lệnh in, rồi chọn **In**.

Đối với người dùng Macintosh

- Với tài liệu đang mở, chọn **Tập tin > In**.
- Chọn máy in.

- 3 Từ menu thả xuống **Bảo mật lệnh in**, bật **In bằng mã PIN**, rồi nhập mã PIN có 4 chữ số.
- 4 Nhấn vào **In**.
- 5 Từ bảng điều khiển máy in, xuất lệnh in.
 - a Chọn **Lệnh tạm dừng**, rồi chọn tên máy tính.
 - b Chọn **Bảo mật**, rồi nhập mã PIN.
 - c Chọn lệnh in, rồi chọn **In**.

In danh sách mẫu phong chữ

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > In > In phong chữ**.
- 2 Chọn loại phong chữ.

In danh sách thư mục

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > In**.
- 2 Chọn **In thư mục**.

Đặt trang phân cách trong lệnh in

- 1 Với tài liệu đang mở, nhấn vào **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in, rồi nhấn vào **Thuộc tính, Tùy chỉnh, Tùy chọn, hoặc Thiết lập**.
- 3 Nhấn vào **Giấy/Hoàn thiện**.
- 4 Trong menu **Trang phân cách**, hãy chọn một cài đặt.
- 5 Nhấn vào **OK**, rồi nhấn vào **In**.

Hủy lệnh in

- 1 Từ bảng điều khiển, chọn **Hàng đợi lệnh**.
- 2 Chọn **In**, rồi chọn lệnh cần hủy.

Lưu ý: Nếu tài liệu đang được in, hãy chọn **Hủy lệnh** ở góc dưới bên phải của màn hình để dừng in.

Điều chỉnh độ tối của mực

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng**.
- 2 Điều chỉnh cài đặt **Độ tối của mực**.

Sao chép

Sao chép

1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.

Lưu ý: Để tránh ảnh bị cắt, đảm bảo rằng tài liệu gốc và giấy ra có cùng khổ giấy.

2 Từ bảng điều khiển, chọn **Sao chép**, và sau đó xác định số lượng bản sao.

Nếu cần, hãy điều chỉnh cài đặt sao chép.

3 Sao chép tài liệu.

Sao chép ảnh

1 Đặt ảnh lên kính máy quét.

2 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Sao chép > Cài đặt khác > Nội dung > Loại nội dung > Ảnh**.

3 Chọn **Nguồn nội dung**, sau đó chọn cài đặt phù hợp nhất với ảnh gốc.

4 Sao chép ảnh.

Sao chép trên giấy tiêu đề

1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.

2 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Sao chép > Sao chép từ**.

3 Chọn kích thước của tài liệu gốc.

4 Chọn **Sao chép vào**, rồi chọn nguồn giấy chứa giấy tiêu đề.

Nếu bạn đã nạp giấy tiêu đề vào khay nạp giấy đa năng, hãy chọn **Khay nạp giấy đa năng**, chọn khổ giấy, rồi chọn **Giấy tiêu đề**.

5 Sao chép tài liệu.

Sao chép trên cả hai mặt giấy

1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.

2 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Sao chép > Cài đặt khác > Mặt giấy**.

3 Chọn cài đặt.

4 Sao chép tài liệu.

Thu nhỏ hoặc phóng to bản sao

- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.
- 2 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Sao chép > Cài đặt khác > Tỷ lệ**.
- 3 Chọn cài đặt.

Lưu ý: Thay đổi kích thước của tài liệu gốc hoặc bản in ra sau khi đặt **Tỷ lệ** sẽ khôi phục giá trị tỷ lệ thành **Tự động**.

- 4 Sao chép tài liệu.

In bản sao theo bộ

- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.
- 2 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Sao chép > Cài đặt khác > In theo bộ > Bộ [1,2,1,2,1,2]**.
- 3 Sao chép tài liệu.

Đặt trang phân cách giữa các bản sao

- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.
- 2 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Sao chép > Cài đặt khác > Trang phân cách**.
- 3 Bật menu, rồi chọn một cài đặt.
- 4 Sao chép tài liệu.


Sao chép nhiều trang vào một trang

- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.
- 2 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Sao chép > Cài đặt khác > Số trang trên mỗi mặt**.
- 3 Bật menu, rồi chọn một cài đặt.
- 4 Sao chép tài liệu.

Sao chép thẻ

- 1 Nạp thẻ lên kính máy quét.
- 2 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Sao chép > Sao chép từ > CMND**.
- 3 Sao chép thẻ.

Tạo phím tắt sao chép

- 1 Từ bảng điều khiển, chọn **Sao chép**.
- 2 Đặt cấu hình cài đặt, rồi chọn .
- 3 Tạo phím tắt.

Email

Thiết lập cấu hình cài đặt SMTP

Thiết lập cấu hình cài đặt Giao thức truyền tải thư tín đơn giản (SMTP) để gửi tài liệu đã quét qua email. Các mục cài đặt này sẽ khác nhau tùy vào từng nhà cung cấp dịch vụ email.

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo rằng máy in đã được kết nối mạng và mạng đã được kết nối với Internet.

Sử dụng bảng điều khiển

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Email > Thiết lập email**.
- 2 Đặt cấu hình cài đặt.

Sử dụng Máy chủ web nhúng

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

- 2 Nhấp vào **Cài đặt > Email**.
- 3 Trong menu **Thiết lập email**, thiết lập cấu hình cài đặt.
- 4 Nhấp vào **Lưu**.

Nhà cung cấp dịch vụ email

- [AOL Mail](#)
- [Comcast Mail](#)
- [Gmail](#)
- [iCloud Mail](#)
- [Mail.com](#)
- [NetEase Mail \(mail.126.com\)](#)
- [NetEase Mail \(mail.163.com\)](#)
- [NetEase Mail \(mail.yeah.net\)](#)
- [Outlook Live hoặc Microsoft 365](#)
- [QQ Mail](#)
- [Sina Mail](#)
- [Sohu Mail](#)
- [Yahoo! Mail](#)
- [Zoho Mail](#)

Lưu ý:

- Nếu gặp lỗi khi sử dụng cài đặt được cung cấp, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ email.

- Nếu nhà cung cấp dịch vụ của bạn không có trong danh sách, hãy liên hệ với nhà cung cấp.

AOL Mail

Cài đặt	Giá trị
Cổng SMTP chính	smtp.aol.com
Cổng nối cổng SMTP chính	587
Sử dụng SSL/TLS	Bắt buộc
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Đã tắt
Địa chỉ trả lời	Địa chỉ email của bạn
Xác thực máy chủ SMTP	Đăng nhập/Đơn giản
Email do thiết bị khởi tạo	Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị
Mã người dùng thiết bị	Địa chỉ email của bạn
Mật khẩu thiết bị	Mật khẩu ứng dụng Lưu ý: Để tạo mật khẩu ứng dụng, hãy truy cập trang Bảo mật tài khoản AOL , đăng nhập vào tài khoản của bạn, sau đó nhấp vào Tạo và quản lý mật khẩu ứng dụng .

Comcast Mail

Cài đặt	Giá trị
Cổng SMTP chính	smtp.comcast.net
Cổng nối cổng SMTP chính	587
Sử dụng SSL/TLS	Bắt buộc
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Đã tắt
Địa chỉ trả lời	Địa chỉ email của bạn
Xác thực máy chủ SMTP	Đăng nhập/Đơn giản
Email do thiết bị khởi tạo	Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị
Mã người dùng thiết bị	Địa chỉ email của bạn
Mật khẩu thiết bị	Mật khẩu tài khoản

Lưu ý: Đảm bảo đã bật dịch vụ Bảo mật truy cập bên thứ ba trên tài khoản của bạn. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập [trang trợ giúp Comcast Xfinity Connect](#).

Gmail™

Lưu ý: Đảm bảo đã bật xác minh hai bước trên tài khoản của bạn. Để bật xác minh hai bước, hãy truy cập trang [Bảo mật tài khoản Google](#), đăng nhập vào tài khoản của bạn, sau đó từ phần Cách bạn đăng nhập vào Google, nhấp vào **Xác minh 2 bước**.

Cài đặt	Giá trị
Cổng SMTP chính	smtp.gmail.com
Cổng nối cổng SMTP chính	587
Sử dụng SSL/TLS	Bắt buộc

Cài đặt	Giá trị
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Đã tắt
Địa chỉ trả lời	Địa chỉ email của bạn
Xác thực máy chủ SMTP	Đăng nhập/Đơn giản
Email do thiết bị khởi tạo	Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị
Mã người dùng thiết bị	Địa chỉ email của bạn
Mật khẩu thiết bị	Mật khẩu ứng dụng Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Để tạo mật khẩu ứng dụng, hãy truy cập trang Bảo mật tài khoản Google, đăng nhập vào tài khoản của bạn, sau đó từ phần Cách bạn đăng nhập vào Google, nhấp vào Xác minh 2 bước > Mật khẩu ứng dụng. • “Mật khẩu ứng dụng” chỉ hiển thị nếu xác minh hai bước đã được bật.

iCloud Mail

Lưu ý: Đảm bảo đã bật xác minh hai bước trên tài khoản của bạn.

Cài đặt	Giá trị
Cổng SMTP chính	smtp.mail.me.com
Cổng nối cổng SMTP chính	587
Sử dụng SSL/TLS	Bắt buộc
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Đã tắt
Địa chỉ trả lời	Địa chỉ email của bạn
Xác thực máy chủ SMTP	Đăng nhập/Đơn giản
Email do thiết bị khởi tạo	Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị
Mã người dùng thiết bị	Địa chỉ email của bạn
Mật khẩu thiết bị	Mật khẩu ứng dụng Lưu ý: Để tạo mật khẩu ứng dụng, hãy truy cập trang Quản lý tài khoản iCloud , đăng nhập vào tài khoản của bạn, sau đó từ phần Đăng nhập và Bảo mật, nhấp vào Mật khẩu dành riêng cho ứng dụng > Tạo mật khẩu dành riêng cho ứng dụng .

Mail.com

Cài đặt	Giá trị
Cổng SMTP chính	smtp.mail.com
Cổng nối cổng SMTP chính	587
Sử dụng SSL/TLS	Bắt buộc
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Đã tắt
Địa chỉ trả lời	Địa chỉ email của bạn
Xác thực máy chủ SMTP	Đăng nhập/Đơn giản
Email do thiết bị khởi tạo	Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị

Cài đặt	Giá trị
Mã người dùng thiết bị	Địa chỉ email của bạn
Mật khẩu thiết bị	Mật khẩu tài khoản

NetEase Mail (mail.126.com)

Lưu ý: Đảm bảo đã bật dịch vụ SMTP trên tài khoản của bạn. Để bật dịch vụ, từ trang chủ NetEase Mail, nhấp vào **Cài đặt > POP3/SMTP/IMAP**, rồi bật **Dịch vụ IMAP/SMTP** hoặc **Dịch vụ POP3/SMTP**.

Cài đặt	Giá trị
Cổng SMTP chính	smtp.126.com
Cổng nối cổng SMTP chính	465
Sử dụng SSL/TLS	Bắt buộc
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Đã tắt
Địa chỉ trả lời	Địa chỉ email của bạn
Xác thực máy chủ SMTP	Đăng nhập/Đơn giản
Email do thiết bị khởi tạo	Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị
Mã người dùng thiết bị	Địa chỉ email của bạn
Mật khẩu thiết bị	Mật khẩu ủy quyền Lưu ý: Mật khẩu ủy quyền được cung cấp khi bật Dịch vụ IMAP/SMTP hoặc Dịch vụ POP3/SMTP.

NetEase Mail (mail.163.com)

Lưu ý: Đảm bảo đã bật dịch vụ SMTP trên tài khoản của bạn. Để bật dịch vụ, từ trang chủ NetEase Mail, nhấp vào **Cài đặt > POP3/SMTP/IMAP**, rồi bật **Dịch vụ IMAP/SMTP** hoặc **Dịch vụ POP3/SMTP**.

Cài đặt	Giá trị
Cổng SMTP chính	smtp.163.com
Cổng nối cổng SMTP chính	465
Sử dụng SSL/TLS	Bắt buộc
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Đã tắt
Địa chỉ trả lời	Địa chỉ email của bạn
Xác thực máy chủ SMTP	Đăng nhập/Đơn giản
Email do thiết bị khởi tạo	Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị
Mã người dùng thiết bị	Địa chỉ email của bạn
Mật khẩu thiết bị	Mật khẩu ủy quyền Lưu ý: Mật khẩu ủy quyền được cung cấp khi bật Dịch vụ IMAP/SMTP hoặc Dịch vụ POP3/SMTP.

NetEase Mail (mail.yeah.net)

Lưu ý: Đảm bảo đã bật dịch vụ SMTP trên tài khoản của bạn. Để bật dịch vụ, từ trang chủ NetEase Mail, nhấp vào **Cài đặt > POP3/SMTP/IMAP**, rồi bật **Dịch vụ IMAP/SMTP** hoặc **Dịch vụ POP3/SMTP**.

Cài đặt	Giá trị
Cổng SMTP chính	smtp.yeah.net
Cổng nối cổng SMTP chính	465
Sử dụng SSL/TLS	Bắt buộc
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Đã tắt
Địa chỉ trả lời	Địa chỉ email của bạn
Xác thực máy chủ SMTP	Đăng nhập/Đơn giản
Email do thiết bị khởi tạo	Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị
Mã người dùng thiết bị	Địa chỉ email của bạn
Mật khẩu thiết bị	Mật khẩu ủy quyền Lưu ý: Mật khẩu ủy quyền được cung cấp khi bật Dịch vụ IMAP/SMTP hoặc Dịch vụ POP3/SMTP.

Outlook Live hoặc Microsoft 365

Các cài đặt này áp dụng cho tên miền email outlook.com và hotmail.com và các tài khoản Microsoft 365.

Cài đặt	Giá trị
Cổng SMTP chính	smtp.office365.com
Cổng nối cổng SMTP chính	587
Sử dụng SSL/TLS	Bắt buộc
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Đã tắt
Địa chỉ trả lời	Địa chỉ email của bạn
Xác thực máy chủ SMTP	Đăng nhập/Đơn giản
Email do thiết bị khởi tạo	Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị
Mã người dùng thiết bị	Địa chỉ email của bạn
Mật khẩu thiết bị	Mật khẩu tài khoản hoặc mật khẩu ứng dụng Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Đối với tài khoản đã tắt xác minh hai bước, hãy sử dụng mật khẩu tài khoản của bạn. • Đối với tài khoản outlook.com hoặc hotmail.com đã bật xác minh hai bước, hãy sử dụng mật khẩu ứng dụng. Để tạo mật khẩu ứng dụng, hãy truy cập trang Quản lý tài khoản Outlook Live, đăng nhập vào tài khoản của bạn, sau đó nhấp vào Tạo mật khẩu ứng dụng mới.

Lưu ý: Để biết thêm các tùy chọn thiết lập dành cho doanh nghiệp sử dụng Microsoft 365, hãy truy cập [trang trợ giúp Microsoft 365](#).

QQ Mail

Lưu ý: Đảm bảo đã bật dịch vụ SMTP trên tài khoản của bạn. Để bật dịch vụ này, từ trang chủ QQ Mail, hãy nhấp vào **Cài đặt > Tài khoản**. Từ phần POP3/IMAP/SMTP/Exchange/CardDAV/CalDAV Service, bật **Dịch vụ POP3/SMTP** hoặc **Dịch vụ IMAP/SMTP**.

Cài đặt	Giá trị
Cổng SMTP chính	smtp.qq.com
Cổng nối cổng SMTP chính	587
Sử dụng SSL/TLS	Bắt buộc
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Đã tắt
Địa chỉ trả lời	Địa chỉ email của bạn
Xác thực máy chủ SMTP	Đăng nhập/Đơn giản
Email do thiết bị khởi tạo	Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị
Mã người dùng thiết bị	Địa chỉ email của bạn
Mật khẩu thiết bị	Mã ủy quyền Lưu ý: Để tạo mã ủy quyền, từ trang chủ QQ Mail, nhấp vào Cài đặt > Tài khoản , rồi từ phần Dịch vụ POP3/IMAP/SMTP/Exchange/CardDAV/CalDAV, nhấp vào Tạo mã ủy quyền .

Sina Mail

Lưu ý: Đảm bảo đã bật dịch vụ POP3/SMTP trên tài khoản của bạn. Để bật dịch vụ, từ trang chủ Sina Mail, nhấp vào **Cài đặt > Cài đặt khác > POP/IMAP/SMTP người dùng cuối**, rồi bật **Dịch vụ POP3/SMTP**.

Cài đặt	Giá trị
Cổng SMTP chính	smtp.sina.com
Cổng nối cổng SMTP chính	587
Sử dụng SSL/TLS	Bắt buộc
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Đã tắt
Địa chỉ trả lời	Địa chỉ email của bạn
Xác thực máy chủ SMTP	Đăng nhập/Đơn giản
Email do thiết bị khởi tạo	Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị
Mã người dùng thiết bị	Địa chỉ email của bạn
Mật khẩu thiết bị	Mã ủy quyền Lưu ý: Để tạo mã ủy quyền, từ trang chủ email, nhấp vào Cài đặt > Cài đặt khác > POP/IMAP/SMTP người dùng cuối , sau đó bật Trạng thái mã ủy quyền .

Sohu Mail

Lưu ý: Đảm bảo đã bật dịch vụ SMTP trên tài khoản của bạn. Để bật dịch vụ, từ trang chủ Sohu Mail, nhấp vào **Tùy chọn > Cài đặt > POP3/SMTP/IMAP**, rồi bật **Dịch vụ IMAP/SMTP** hoặc **Dịch vụ POP3/SMTP**.

Cài đặt	Giá trị
Cổng SMTP chính	smtp.sohu.com
Cổng nối cổng SMTP chính	465
Sử dụng SSL/TLS	Bắt buộc
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Đã tắt
Địa chỉ trả lời	Địa chỉ email của bạn
Xác thực máy chủ SMTP	Đăng nhập/Đơn giản
Email do thiết bị khởi tạo	Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị
Mã người dùng thiết bị	Địa chỉ email của bạn
Mật khẩu thiết bị	Mật khẩu độc lập Lưu ý: Mật khẩu độc lập được cung cấp khi bật Dịch vụ IMAP/SMTP hoặc Dịch vụ POP3/SMTP.

Yahoo! Mail

Cài đặt	Giá trị
Cổng SMTP chính	smtp.mail.yahoo.com
Cổng nối cổng SMTP chính	587
Sử dụng SSL/TLS	Bắt buộc
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Đã tắt
Địa chỉ trả lời	Địa chỉ email của bạn
Xác thực máy chủ SMTP	Đăng nhập/Đơn giản
Email do thiết bị khởi tạo	Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị
Mã người dùng thiết bị	Địa chỉ email của bạn
Mật khẩu thiết bị	Mật khẩu ứng dụng Lưu ý: Để tạo mật khẩu ứng dụng, hãy truy cập trang Bảo mật tài khoản Yahoo , đăng nhập vào tài khoản của bạn, sau đó từ phần Mật khẩu ứng dụng, nhấp vào Tạo mật khẩu ứng dụng .

Zoho Mail

Cài đặt	Giá trị
Cổng SMTP chính	smtp.zoho.com
Cổng nối cổng SMTP chính	587
Sử dụng SSL/TLS	Bắt buộc
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Đã tắt
Địa chỉ trả lời	Địa chỉ email của bạn

Cài đặt	Giá trị
Xác thực máy chủ SMTP	Đăng nhập/Đơn giản
Email do thiết bị khởi tạo	Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị
Mã người dùng thiết bị	Địa chỉ email của bạn
Mật khẩu thiết bị	Mật khẩu tài khoản hoặc mật khẩu ứng dụng Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Đối với tài khoản đã tắt xác minh hai bước, hãy sử dụng mật khẩu tài khoản của bạn. • Đối với tài khoản đã bật xác minh hai bước, hãy sử dụng mật khẩu ứng dụng. Để tạo mật khẩu ứng dụng, hãy truy cập trang Bảo mật tài khoản Zoho Mail, đăng nhập vào tài khoản của bạn, rồi từ phần Mật khẩu dành riêng cho ứng dụng, nhấp vào Tạo mật khẩu mới.


Gửi email

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo đã cấu hình cài đặt SMTP. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thiết lập cấu hình cài đặt SMTP” trên trang 259](#).

- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.
- 2 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Quét > Email**.
- 3 Nhập thông tin cần thiết, rồi chọn **Tiếp theo**.
Nếu cần thiết, hãy đặt cấu hình cài đặt.
- 4 Chọn **Quét**, rồi chọn gửi email.

Tạo phím tắt email

Sử dụng bảng điều khiển

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Quét > Email**.
- 2 Nhập thông tin cần thiết, rồi chọn .
- 3 Tạo phím tắt.

Sử dụng Máy chủ web nhúng

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

- 2 Nhấp **Phím tắt > Thêm phím tắt**.
- 3 Đặt cấu hình cài đặt.
- 4 Nhấp vào **Lưu**.

Fax

Gửi fax

Sử dụng bảng điều khiển

- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.
- 2 Từ bảng điều khiển, chọn **Fax**.
- 3 Chọn **Thêm người nhận** hoặc **Số địa chỉ**.
Nếu cần, hãy điều chỉnh cài đặt.
- 4 Gửi fax.

Sử dụng máy tính

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo đã cài đặt trình điều khiển fax. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Cài đặt trình điều khiển fax” trên trang 89](#).

Đối với người dùng Windows

- 1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính, Tùy chỉnh, Tùy chọn**, hoặc **Thiết lập**.
- 3 Nhấp vào **Fax > Bật fax > Luôn hiển thị cài đặt trước khi fax**, rồi nhập mã số người nhận.
Nếu cần thiết, hãy đặt cấu hình cài đặt.
- 4 Gửi fax.


Đối với người dùng Macintosh

- 1 Với tài liệu đang mở, chọn **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in có - **Fax** được thêm sau tên máy in.
- 3 Trong trường **Đến**, nhập mã số người nhận.
Nếu cần thiết, hãy đặt cấu hình cài đặt.
- 4 Gửi fax.

Lên lịch fax

- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.
- 2 Từ bảng điều khiển, chọn **Fax**.
- 3 Chọn **Thêm người nhận** hoặc **Số địa chỉ**, rồi nhập thông tin cần thiết.
- 4 Chọn **Thời gian gửi**, đặt cấu hình ngày và giờ, rồi chọn **Xong**.
Nếu cần, hãy thiết lập cấu hình cài đặt fax khác.
- 5 Gửi fax.

Tạo phím tắt cho đích fax

- 1 Từ bảng điều khiển, chọn **Fax**.
- 2 Chọn **Thêm người nhận** hoặc **Số địa chỉ**, rồi nhập thông tin cần thiết.
Nếu cần, hãy điều chỉnh cài đặt.
- 3 Chọn .
- 4 Tạo phím tắt.

Thay đổi độ phân giải fax

- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.
- 2 Từ bảng điều khiển, chọn **Fax**.
- 3 Chọn **Thêm người nhận** hoặc **Số địa chỉ**, rồi nhập thông tin cần thiết.
- 4 Chọn **Độ phân giải** rồi chọn một cài đặt.
- 5 Gửi fax.

Điều chỉnh độ tối của fax

- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.
- 2 Từ bảng điều khiển, chọn **Fax**.
- 3 Chọn **Thêm người nhận** hoặc **Số địa chỉ**, rồi nhập thông tin cần thiết.
- 4 Chọn **Cài đặt khác > Độ tối**, rồi điều chỉnh cài đặt.
- 5 Gửi fax.

In nhật ký fax

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > In**.
- 2 Chọn nhật ký fax.

Chặn fax rác

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Fax > Thiết lập fax > Cài đặt nhận fax > Kiểm soát quản trị**.
- 2 Bật menu **Chặn fax không có tên**.

Tạm dừng fax

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Fax > Thiết lập fax > Cài đặt nhận fax > Tạm dừng fax**.
- 2 Chọn cài đặt.

Chuyển tiếp fax

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Fax > Thiết lập fax > Cài đặt nhận fax > Kiểm soát quản trị**.
- 2 Chọn **Chuyển tiếp fax**, rồi chọn **In và chuyển tiếp** hoặc **Chuyển tiếp**.
- 3 Trong menu **Chuyển tiếp đến**, chọn điểm đích rồi đặt cấu hình cài đặt.

Quét

Quét vào máy tính

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo đã kết nối máy tính và máy in với cùng một mạng.

Đối với người dùng Windows

Sử dụng Lexmark ScanBack Utility

- 1 Từ máy tính, chạy **Lexmark ScanBack Utility**, sau đó nhấp vào **Tạo cấu hình**.

Lưu ý:

- Để tải về tiện ích, hãy truy cập www.lexmark.com/downloads.
- Nếu bạn muốn sử dụng cấu hình quét hiện có, hãy nhấp vào **Cấu hình hiện có**.

- 2 Nhấp vào **Thiết lập**, sau đó thêm địa chỉ IP của máy in.

Lưu ý: Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.

- 3 Nhấp vào **OK**, sau đó nhấp vào **Đóng**.

- 4 Chọn định dạng và kích thước của tài liệu cần quét.

- 5 Chọn định dạng tập tin và độ phân giải quét, sau đó nhấp vào **Tiếp theo**.

- 6 Nhập tên cấu hình quét duy nhất.

- 7 Duyệt đến vị trí bạn muốn lưu tài liệu đã quét, sau đó tạo tên tập tin.

Lưu ý: Để sử dụng lại cấu hình quét, bật **Tạo phím tắt**, sau đó tạo tên phím tắt duy nhất.

- 8 Nhấp vào **Kết thúc**.

- 9 Nạp tài liệu gốc vào khay nạp tài liệu tự động hoặc trên kính máy quét.

- 10 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cấu hình quét > Quét vào máy tính**, sau đó chọn một cấu hình quét.

- 11 Trên máy tính của bạn, nhấp vào **Hoàn tất lượt quét**.

Sử dụng Windows Fax và Scan

Lưu ý: Đảm bảo đã thêm máy in vào máy tính. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm máy in vào máy tính” trên trang 89](#).

- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay nạp tài liệu tự động hoặc trên kính máy quét.

- 2 Từ máy tính, mở **Windows Fax và Scan**.

- 3 Nhấp vào **Lượt quét mới**, sau đó chọn nguồn máy quét.

- 4 Nếu cần thiết, hãy thay đổi cài đặt quét.

- 5 Quét tài liệu.

- 6 Nhấp vào **Lưu dưới dạng**, nhập tên tập tin, sau đó nhấp vào **Lưu**.

Đối với người dùng Macintosh

Lưu ý: Đảm bảo đã thêm máy in vào máy tính. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm máy in vào máy tính” trên trang 89](#).


- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay nạp tài liệu tự động hoặc trên kính máy quét.
- 2 Từ máy tính, hãy thực hiện một trong hai thao tác sau:
 - Mở **Chụp ảnh**.
 - Mở **Máy in & máy quét**, rồi chọn một máy in. Nhấp vào **Quét > Mở máy quét**.
- 3 Từ cửa sổ **Máy quét**, hãy thực hiện một hoặc nhiều thao tác sau đây:
 - Chọn vị trí mà bạn muốn lưu tài liệu đã quét.
 - Chọn kích thước của tài liệu gốc.
 - Để quét từ ADF, hãy chọn **Khay nạp tài liệu** từ **Menu quét** hoặc bật **Sử dụng khay nạp tài liệu**.
 - Nếu cần thiết, hãy đặt cấu hình cài đặt quét.
- 4 Nhấp vào **Quét**.

Quét đến máy chủ FTP

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo máy in được kết nối với máy chủ FTP.

- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.
- 2 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Quét > FTP**.
- 3 Nhập thông tin cần thiết, rồi chọn **Tiếp theo**.
Nếu cần thiết, hãy đặt cấu hình cài đặt FTP.
- 4 Quét tài liệu.

Tạo phím tắt FTP

- 1 Từ bảng điều khiển, chọn **Quét > FTP**.
- 2 Nhập địa chỉ máy chủ FTP, sau đó nhấp .
- 3 Tạo phím tắt.

Quét đến thư mục mạng

Trước khi bắt đầu, hãy đảm bảo rằng bạn đã đặt cấu hình cho thư mục mạng sẽ quét tài liệu vào.

- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.
- 2 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Trung tâm quét > Thư mục mạng**.
- 3 Chọn thư mục mạng áp dụng.

Lưu ý: Để thêm thư mục mạng, hãy xem [“Thiết lập cấu hình điểm đích thư mục mạng” trên trang 272](#).

- 4 Quét tài liệu.

Thiết lập cấu hình điểm đích thư mục mạng

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Trung tâm quét > Thư mục mạng > Tạo thư mục mạng**.
- 2 Thiết lập cấu hình các cài đặt cần thiết.
- 3 Đăng nhập vào mạng, rồi chọn **Tiếp theo**.
- 4 Thiết lập cấu hình cài đặt thư mục mạng, rồi chọn **Xong**.

Lưu ý: Hãy xem [“Quét đến thư mục mạng” trên trang 271](#) để biết cách quét tài liệu vào thư mục mạng.

Tạo phím tắt thư mục mạng

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

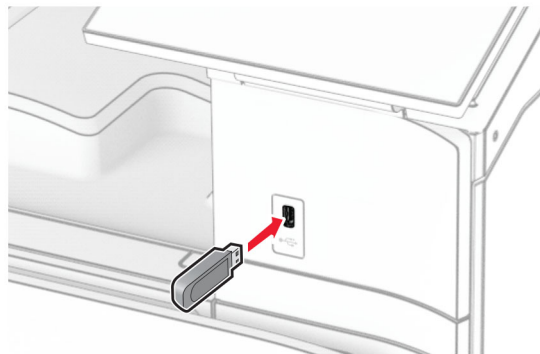
Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

- 2 Nhấp **Phím tắt > Thêm phím tắt**.
- 3 Từ menu **Kiểu phím tắt**, chọn **Thư mục mạng**, rồi thiết lập cấu hình cài đặt.
- 4 Áp dụng thay đổi.

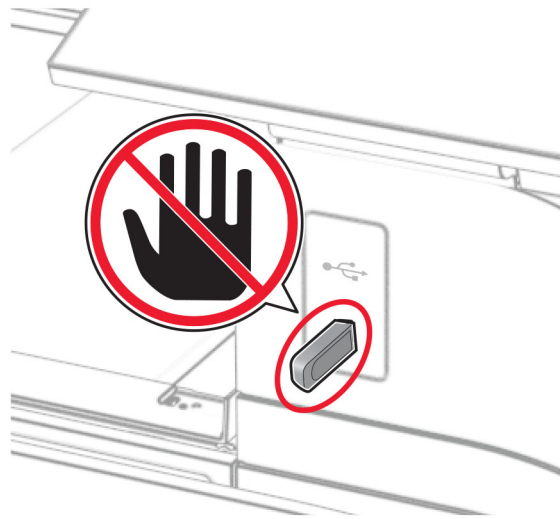
Quét vào ổ flash

- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.
- 2 Lắp ổ flash.



- 3 Từ bảng điều khiển, chọn **Quét**, rồi chọn **Ổ USB**.
- 4 Chọn vị trí để lưu tập tin, đặt tên tập tin rồi chọn **Tiếp theo**.
- 5 Đặt cấu hình các cài đặt quét.
- 6 Quét tài liệu.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Để tránh mất dữ liệu hoặc trục trặc máy in, không chạm vào ổ flash hoặc máy in ở khu vực được hiển thị trong khi đang in, đọc hoặc ghi từ thiết bị bộ nhớ.



Menu máy in

Sơ đồ menu

Thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> Tùy chọn Chế độ tiết kiệm Bảng điều khiển từ xa Thông báo Quản lý nguồn điện Chia sẻ dữ liệu với Lexmark 	<ul style="list-style-type: none"> Trợ năng Khôi phục cài đặt mặc định gốc Bảo trì Cập nhật phần mềm cơ sở Giới thiệu về máy in
In	<ul style="list-style-type: none"> Bố cục Hoàn thiện¹ Thiết lập Chất lượng Kiểm tra lệnh 	<ul style="list-style-type: none"> PDF PostScript PCL Hình ảnh
Giấy	<ul style="list-style-type: none"> Cấu hình khay Cấu hình giấy 	<ul style="list-style-type: none"> Cấu hình ngăn giấy¹
Sao chép	Cài đặt mặc định sao chép	
Fax	Cài đặt mặc định fax	
Email	<ul style="list-style-type: none"> Thiết lập email Cài đặt mặc định email 	<ul style="list-style-type: none"> Thiết lập liên kết web
FTP	Cài đặt mặc định FTP	
Ổ USB	<ul style="list-style-type: none"> Quét ổ flash 	<ul style="list-style-type: none"> In ổ flash
Mạng/Cổng	<ul style="list-style-type: none"> Tổng quan về mạng Không dây Wi-Fi Direct Quản lý dịch vụ di động Ethernet TCP/IP SNMP 	<ul style="list-style-type: none"> IPSec 802.1x Cấu hình LPD Cài đặt HTTP/FTP ThinPrint USB Hạn chế quyền truy cập mạng bên ngoài
Bảo mật	<ul style="list-style-type: none"> Phương thức đăng nhập Lên lịch thiết bị USB Nhật ký kiểm tra bảo mật Giới hạn đăng nhập Thiết lập in bảo mật 	<ul style="list-style-type: none"> Mã hóa Xóa tập tin dữ liệu tạm thời Cài đặt giải pháp LDAP Khác
Dịch vụ đám mây	Đăng ký dịch vụ đám mây	
¹ Chỉ xuất hiện khi lắp bộ hoàn thiện. ² Chỉ xuất hiện khi lắp ổ lưu trữ.		

Báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> • Trang cài đặt menu • Thiết bị • In 	<ul style="list-style-type: none"> • Phím tắt • Fax • Mạng
Khắc phục sự cố	Trang kiểm tra chất lượng in	Vệ sinh máy quét
Hợp nhất biểu mẫu ²	Hợp nhất biểu mẫu	
¹ Chỉ xuất hiện khi lắp bộ hoàn thiện. ² Chỉ xuất hiện khi lắp ổ lưu trữ.		

Thiết bị

Tùy chọn

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Ngôn ngữ hiển thị	Không áp dụng	[Danh sách ngôn ngữ]	Đặt ngôn ngữ của văn bản hiển thị trên màn hình.
Quốc gia/khu vực	Không áp dụng	[Danh sách quốc gia hoặc khu vực]	Xác định quốc gia hoặc khu vực đặt cấu hình vận hành máy in.
Chạy thiết lập ban đầu	Không áp dụng	Tắt* Bật	Chạy trình hướng dẫn thiết lập.
Bàn phím	Loại bàn phím	[Danh sách ngôn ngữ]	Chọn ngôn ngữ làm loại bàn phím. Lưu ý: Tất cả giá trị Loại bàn phím có thể không hiển thị hoặc có thể yêu cầu phần cứng đặc biệt để hiển thị.
Ngày và giờ	Đặt cấu hình	Ngày và giờ hiện tại Đặt ngày và giờ thủ công Định dạng ngày (MM-DD-YYYY*) Định dạng giờ (12 giờ SA/CH*) Múi giờ Chênh lệch DST (GMT) Bắt đầu DST Kết thúc DST Chênh lệch DST	Thiết lập cấu hình ngày và giờ và giao thức thời gian mạng của máy in. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • MM-DD-YYYY là cài đặt mặc định gốc tại Hoa Kỳ. DD-MM- YYYY là cài đặt mặc định gốc quốc tế. • Chênh lệch UTC (GMT), Bắt đầu DST, Kết thúc DST và Chênh lệch DST chỉ xuất hiện khi đặt Múi giờ là Tùy chỉnh (UTC+người dùng). • Mã khóa và Mật khẩu chỉ xuất hiện khi đặt Bật xác thực là Khóa MD5.
	Giao thức thời gian mạng	Bật NTP (Bật*) Máy chủ NTP Bật xác thực (Không*) Mã khóa Mật khẩu	
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Khổ giấy	Không áp dụng	Hoa Kỳ* Hệ mét	Xác định đơn vị đo lường cho khổ giấy. Lưu ý: Quốc gia hoặc khu vực được chọn trong trình hướng dẫn thiết lập ban đầu xác định cài đặt khổ giấy ban đầu.
Độ sáng màn hình	Không áp dụng	20–100% (100*)	Điều chỉnh độ sáng màn hình.
Truy cập ổ flash	Không áp dụng	Đã tắt Đã bật*	Cho phép truy cập chức năng ổ flash của máy in.
Cho phép loại bỏ nền	Không áp dụng	Tắt Bật*	Xác định có cho phép loại bỏ nền không.
Cho phép quét lệnh tùy chỉnh	Không áp dụng	Tắt Bật*	Xác định cài đặt Quét lệnh tùy chỉnh có xuất hiện cho sao chép, quét và fax hay không. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
Quét phẳng một trang	Không áp dụng	Tắt* Bật	Đặt máy in để thực hiện bất kỳ lệnh quét nào có sử dụng kính máy quét dưới dạng một trang duy nhất. Lưu ý: Máy in quay lại màn hình chính sau khi thực hiện lệnh quét phẳng một trang thay vì hiển thị các lời nhắc.
Âm thanh thiết bị	Tắt tất cả âm thanh	Tắt* Bật	Đặt cấu hình cài đặt âm thanh của máy in.
	Phản hồi của nút	Tắt Bật*	
	Âm lượng	0–10 (5*)	
	Tiếng bíp khi đã nạp ADF	Tắt Bật*	
	Kiểm soát cảnh báo	Tắt Một* Liên tục	
	Cảnh báo hộp mực	Tắt Một* Liên tục	
	Chế độ loa	Luôn tắt* Luôn bật Bật cho đến khi được kết nối	
	Âm lượng chuông	Tắt* Bật	
Thời gian chờ màn hình	Không áp dụng	5–300 giây (60*)	Đặt thời gian rỗi tính bằng giây trước khi màn hình hiển thị màn hình chính, hoặc trước khi máy in tự động đăng xuất tài khoản người dùng.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Chế độ tiết kiệm

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
In	Mặt	1 mặt 2 mặt*	Xác định in trên một mặt hoặc cả hai mặt giấy.
	Số trang trên mỗi mặt	Tắt* 2 trang mỗi mặt 3 trang mỗi mặt 4 trang mỗi mặt 6 trang mỗi mặt 9 trang mỗi mặt 12 trang mỗi mặt 16 trang mỗi mặt	Xác định số lượng trang để in trên một mặt của tờ giấy.
	Độ tối của mực	1–5 (4*)	Xác định độ nhạt hoặc độ đậm của hình ảnh văn bản.
	Trình tiết kiệm màu	Tắt* Bật	Đặt máy in để giảm lượng mực sử dụng khi in đồ họa và hình ảnh.
Sao chép	Mặt	1 mặt:1 mặt* 1 mặt:2 mặt 2 mặt:1 mặt 2 mặt:2 mặt	Xác định hành vi quét dựa trên tài liệu gốc.
	Số trang trên mỗi mặt	Tắt* 2 trang dọc 4 trang dọc 2 trang ngang 4 trang ngang	Xác định số lượng trang để sao chép trên một mặt của tờ giấy.
	Độ tối	1–9 (5*)	Xác định độ tối của hình ảnh chữ được quét.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Bảng điều khiển từ xa

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Kết nối VNC bên ngoài	Không cho phép* Cho phép	Kết nối máy khách Điện toán mạng ảo (VNC) bên ngoài với bảng điều khiển từ xa.
Loại xác thực	Không có* Xác thực tiêu chuẩn	Đặt loại xác thực khi truy nhập máy chủ khách VNC.
Mật khẩu VNC	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định mật khẩu để kết nối với máy chủ khách VNC. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện nếu cài đặt Loại xác thực được đặt thành Xác thực tiêu chuẩn .

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Thông báo

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Tiếng bíp khi đã nạp ADF	Không áp dụng	Tắt Bật*	Xác định xem máy in có phát ra tiếng bíp tùy chỉnh khi nạp tài liệu gốc vào ADF hay không.
Kiểm soát cảnh báo	Không áp dụng	Tắt Một* Liên tục	Đặt số lần âm báo khi máy in cần sự can thiệp của người dùng.
Vật tư	Hiển thị ước tính vật tư	Hiển thị ước tính* Không hiển thị ước tính	Hiển thị trạng thái ước tính của vật tư.
	Cảnh báo hộp mực	Tắt Một* Liên tục	Đặt số lần âm báo khi hộp mực còn ít.
	Cảnh báo dập ghim	Tắt* Một Liên tục	Đặt số lần phát âm báo khi hộp ghim rỗng. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim.
	Cảnh báo dập lỗ	Tắt* Một Liên tục	Đặt số lần phát âm báo khi hộp đục lỗ đầy hoặc bị thiếu. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ.
Thiết lập cảnh báo email	Cổng SMTP chính	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của máy chủ SMTP chính.
	Cổng nối cổng SMTP chính	1–65535 (25*)	Nhập số cổng của máy chủ SMTP chính.
	Cổng SMTP phụ	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của máy chủ SMTP phụ.
	Cổng nối cổng SMTP phụ	1–65535 (25*)	Nhập số cổng máy chủ của máy chủ SMTP phụ.
	Thời gian chờ SMTP	5–30 giây (30*)	Xác định thời gian mà máy chủ SMTP chờ trước khi ngừng gửi email.
	Địa chỉ trả lời	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ trả lời trong email.
	Luôn sử dụng Địa chỉ trả lời mặc định SMTP	Bật Tắt*	Luôn sử dụng địa chỉ trả lời mặc định trong máy chủ SMTP.
	Sử dụng SSL/TLS	Đã tắt* Thương lượng Bắt buộc	Gửi email bằng liên kết được mã hóa.
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Bật* Tắt	Yêu cầu chứng chỉ tin cậy khi truy cập máy chủ SMTP.	

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Thiết lập cảnh báo email	Xác thực máy chủ SMTP	Không yêu cầu xác thực* Đăng nhập/Đơn giản NTLM CRAM-MD5 Digest-MD5 Kerberos 5	Đặt loại xác thực cho máy chủ SMTP.
	Email do thiết bị khởi tạo	Không có* Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị	Đặt xem có cần thông tin đăng nhập cho email do thiết bị khởi tạo hay không.
	Email do người dùng khởi tạo	Không có* Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị Sử dụng ID người dùng và mật khẩu phiên Sử dụng địa chỉ email và mật khẩu phiên Nhắc người dùng	Đặt xem có cần thông tin đăng nhập cho email do người dùng khởi tạo hay không.
	Sử dụng thông tin đăng nhập thiết bị Active Directory	Bật Tắt*	Bật thông tin đăng nhập người dùng và chỉ định nhóm để kết nối với máy chủ SMTP.
	Mã người dùng thiết bị	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định ID người dùng để đăng nhập vào máy chủ SMTP.
	Mật khẩu thiết bị	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định mật khẩu để đăng nhập vào máy chủ SMTP.
	VÙNG Kerberos 5	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định vùng cho giao thức xác thực Kerberos 5.
	Tên miền NTLM	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên miền cho giao thức bảo mật NTLM.
	Tắt lỗi "Máy chủ SMTP không được thiết lập"	Bật Tắt*	Tắt thông báo lỗi về thiết lập máy chủ SMTP.
Thiết lập danh sách email và cảnh báo	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ email và bật cảnh báo email. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện trong Máy chủ web nhúng.	

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Phòng tránh lỗi	Cảm biến nạp giấy đa năng ADF	Tắt Bật*	Đặt máy in để phát hiện khi ADF lấy nhiều tờ giấy cùng một lúc.
	Tự động tiếp tục	Tắt Bật*	Để máy in tiếp tục xử lý hoặc in một lệnh in tự động sau khi xóa một số điều kiện bảo dưỡng nhất định. Lưu ý: Khi được đặt thành Bật , cài đặt mặc định là 5 giây.
	Tự động khởi động lại	Khởi động lại khi rảnh Luôn khởi động lại* Không bao giờ khởi động lại	Đặt máy in khởi động lại khi phát sinh lỗi.
	Số lần tự khởi động lại tối đa	1–20 (2*)	Đặt số lần khởi động lại tự động mà máy in có thể thực hiện.
	Cửa sổ tự động khởi động lại	1–525600 (720*)	Đặt số giây trước khi máy in thực hiện khởi động lại tự động.
	Bộ đếm tự động khởi động lại	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị số lần máy in đã tự động khởi động lại.
	Hiển thị lỗi giấy ngăn	Bật Tự động xóa*	Đặt máy in hiển thị thông báo khi xảy ra lỗi giấy ngăn. Lưu ý: Giấy ngăn chỉ kích thước của giấy đã nạp.
	Bảo vệ trang	Tắt* Bật	Đặt máy in xử lý toàn bộ trang vào bộ nhớ trước khi in.
Khôi phục nội dung kẹt giấy	Khôi phục kẹt giấy	Tắt Bật Tự động*	Đặt máy in để in lại giấy bị kẹt.
	Khôi phục kẹt máy quét	Cấp độ lệnh Cấp độ trang*	Xác định cách khởi động lại lệnh quét sau khi xử lý kẹt giấy.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Quản lý nguồn điện

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Hồ sơ chế độ ngủ	In từ chế độ ngủ	Vẫn thức sau khi in Vào chế độ ngủ sau khi in*	Đặt máy in ở chế độ thức hoặc chuyển sang Chế độ ngủ sau khi in.
	Chạm để bật máy in từ Chế độ ngủ sâu	Tắt Bật*	Bật máy in từ Chế độ ngủ sâu .

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Thời gian chờ	Chế độ ngủ	1–114 phút (15*)	Đặt thời gian ngừng hoạt động trước khi máy in bắt đầu hoạt động ở Chế độ ngủ .
	Thời gian chờ ngủ đông	Đã tắt 1 giờ 2 giờ 3 giờ 6 giờ 1 ngày 2 ngày 3 ngày* 1 tuần 2 tuần 1 tháng	Đặt thời gian trước khi máy in tắt.
	Thời gian chờ ngủ đông khi kết nối	Ngủ đông Không ngủ đông*	Đặt Thời gian chờ ngủ đông để tắt máy in trong khi vẫn kết nối Ethernet hoạt động.
Lên lịch chế độ điện năng	Lịch	Thêm lịch mới	Lên lịch thời gian máy in sẽ vào Chế độ ngủ hoặc Ngủ đông .
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Chia sẻ dữ liệu với Lexmark

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Chia sẻ dữ liệu với Lexmark	Có Không*	Gửi thông tin về hiệu suất và mức sử dụng máy in đến Lexmark.
Chia sẻ thời gian gửi dữ liệu	Thời gian bắt đầu Thời gian dừng	Chọn khoảng thời gian để thu thập và truyền dữ liệu. Lưu ý: Mục Chia sẻ thời gian gửi dữ liệu chỉ xuất hiện khi bạn chọn Có trong Chia sẻ dữ liệu với Lexmark .
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Trợ năng

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Khoảng thời gian nhấn phím trùng lặp	0,00–5,00 (0,00*)	Đặt khoảng thời gian tính bằng giây máy in bỏ qua thao tác nhấn phím trùng lặp trên bàn phím đính kèm.
Độ trễ ban đầu lặp lại phím	0,25–5,00 (1,00*)	Đặt độ trễ ban đầu tính bằng giây trước khi phím lặp bắt đầu lặp lại.
Tốc độ lặp lại phím	0,5–30,0 (30,0*)	Đặt số lần nhấn phím mỗi giây cho một phím lặp lại.
Kéo dài thời gian chờ màn hình	Tắt* Bật	Cho phép người dùng giữ nguyên vị trí và đặt lại bộ hẹn giờ Thời gian chờ màn hình khi hết hạn thời gian chờ màn hình thay vì trở về màn hình chính.
Âm lượng tai nghe	1–10 (5*)	Điều chỉnh âm lượng tai nghe.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bật Hướng dẫn bằng giọng nói khi cắm tai nghe	Tắt* Bật	Bật Hướng dẫn bằng giọng nói khi cắm tai nghe vào giắc cắm tai nghe.
Nói mật khẩu/mã PIN	Tắt* Bật	Cài đặt máy in đọc to mật khẩu hoặc số nhận dạng cá nhân.
Tốc độ nói	Rất chậm Chậm Thường* Nhanh Nhanh hơn Rất nhanh Gấp gáp Rất gấp gáp Nhanh nhất	Đặt tốc độ nói của Hướng dẫn bằng giọng nói.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Khôi phục cài đặt mặc định gốc

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Khôi phục cài đặt	Khôi phục tất cả cài đặt Khôi phục cài đặt máy in Khôi phục cài đặt mạng Khôi phục cài đặt fax Khôi phục cài đặt ứng dụng	Khôi phục cài đặt mặc định gốc của máy in.

Bảo trì

Menu cấu hình

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cấu hình USB	USB PnP	1* 2	Thay đổi chế độ trình điều khiển USB của máy in để cải thiện khả năng tương thích của máy in với máy tính cá nhân.
	Quét USB vào ổ đĩa cục bộ	Bật* Tắt	Đặt trình điều khiển thiết bị USB liệt kê dưới dạng thiết bị USB đơn giản (giao diện đơn) hoặc thiết bị USB phức hợp (nhiều giao diện).
	Tốc độ USB	Tối đa Tự động*	Đặt cổng USB chạy ở tốc độ tối đa và tắt khả năng tốc độ cao.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cấu hình khay	Cảm biến khổ giấy	Khay [x] Cảm biến (Bật*)	Đặt khay để tự động cảm biến khổ giấy được nạp vào khay.
	Liên kết khay	Tự động* Tắt	Đặt máy in liên kết các khay có cùng cài đặt loại giấy và khổ giấy.
	Hiển thị thông báo lắp khay	Tắt Chỉ với kích thước không xác định* Luôn luôn	Hiển thị thông báo cho phép người dùng thay đổi cài đặt khổ giấy và loại giấy sau khi đưa khay vào.
	Lời nhắc giấy	Tự động* Khay nạp giấy đa năng Giấy thủ công	Đặt nguồn giấy mà người dùng nạp khi xuất hiện lời nhắc nạp giấy. Lưu ý: Để Khay nạp giấy đa năng xuất hiện, trong menu Giấy , hãy đặt Đặt cấu hình khay nạp giấy đa năng thành Cassette .
	Lời nhắc phong bì	Tự động* Khay nạp giấy đa năng Phong bì thủ công	Đặt nguồn giấy mà người dùng nạp khi xuất hiện lời nhắc nạp phong bì. Lưu ý: Để Khay nạp giấy đa năng xuất hiện, trong menu Giấy , hãy đặt Đặt cấu hình khay nạp giấy đa năng thành Cassette .
	Hành động cho lời nhắc	Nhắc người dùng* Tiếp tục Sử dụng khay hiện tại	Đặt máy in xử lý lời nhắc thay giấy hoặc phong bì.
	Nhiều khổ giấy thông dụng	Tắt* Bật	Đặt khay để hỗ trợ nhiều khổ giấy thông dụng.
Báo cáo	Không áp dụng	Trang cài đặt menu Nhật ký sự kiện Tóm tắt nhật ký sự kiện	In báo cáo về các cài đặt menu máy in, trạng thái và nhật ký sự kiện.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả	
Thông tin sử dụng vật tư và bộ đếm	Xóa lịch sử sử dụng vật tư	Bắt đầu	Đặt lại lịch sử sử dụng vật tư về mức vận chuyển từ nhà máy.	
	Đặt lại ITM	Bắt đầu	Đặt lại bộ đếm sau khi lắp mực vật tư hoặc bộ bảo trì mới.	
	Đặt lại bộ đếm hộp mực đen	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm hộp mực lục lam	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm hộp mực đỏ tím	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm hộp mực vàng	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm hộp quang đen	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm bộ quang màu	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm bộ trục MPF	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm bộ trục 1500 tờ	Bắt đầu		
	Đặt lại bộ đếm bộ trục	Bắt đầu		
	Phạm vi độ bao phủ phân cấp	Chỉ số độ bao phủ phân cấp(Hiển thị*)	Chỉ số độ bao phủ phân cấp	Hiển thị phần Thanh toán độ bao phủ phân cấp trên báo cáo Thống kê thiết bị.
		Phạm vi độ bao phủ phân cấp		
Điều chỉnh giấy khổ lớn	Tắt* Bật		Cho phép điều chỉnh khi in giấy khổ lớn hoặc dày.	

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả	
Mô phỏng máy in	Mô phỏng PPDS	Tắt* Bật	Đặt máy in nhận dạng và sử dụng luồng dữ liệu PPDS.	
	Mô phỏng PS	Tắt Bật*	Cài đặt máy in để nhận dạng và sử dụng luồng dữ liệu PS.	
	Bật Hợp nhất biểu mẫu	Tắt* Bật	Kích hoạt Hợp nhất biểu mẫu. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Phải cài đặt giấy phép Hợp nhất biểu mẫu. • Phải cài đặt bộ nhớ flash của người dùng. 	
	Bật Chỉ định	Tắt* Bật	Kích hoạt ngôn ngữ máy in PRESCRIBE. Lưu ý: Phải cài đặt giấy phép PRESCRIBE.	
	Bảo mật bộ mô phỏng	Thời gian chờ trang (60*)		Đặt thời gian chờ trang trong khi mô phỏng.
		Đặt lại bộ mô phỏng sau lệnh (Tắt*)		Đặt lại bộ mô phỏng sau lệnh in.
Tắt truy cập thông báo máy in (Bật*)			Xác định xem bộ mô phỏng có thể truy cập vào thiết lập máy in ban đầu hay không.	
Cấu hình fax	Hỗ trợ điện năng thấp khi fax	Tắt chế độ Ngủ Cho phép chế độ Ngủ Tự động*	Xác định xem máy in có hỗ trợ phần fax của thiết kế điện năng thấp hay không.	
	Vị trí lưu trữ fax	Đĩa* NAND	Đặt vị trí lưu trữ cho tất cả các bản fax. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.	
Cấu hình in	Chế độ chỉ đen	Tắt* Bật	In các lệnh không sao chép ở thang độ xám.	
	Giảm thiểu chùng màu	Tắt 1 2* 3 4 5	Cải thiện bản in ra để cân chỉnh vùng đăng ký sai trong máy in.	
	Làm sắc phong	0–150 (24*)	Đặt giá trị kích thước điểm văn bản dưới giá trị mà màn hình tần số cao được sử dụng khi in dữ liệu phong. Ví dụ: nếu giá trị là 24 thì tất cả phong chữ có kích cỡ từ 24 điểm trở xuống sẽ sử dụng màn hình tần số cao.	
	Sử dụng phong chữ ISD gốc	Bật* Tắt	Cho phép người dùng chọn có sử dụng phong chữ miễn phí có trong ổ lưu trữ thông minh (ISD) hay không. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi lắp đặt ISD.	
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.				

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Thao tác thiết bị	Chế độ im lặng	Tắt* Bật	Điều chỉnh độ ồn mà máy in tạo ra. Lưu ý: Bật cài đặt này sẽ làm chậm hiệu suất tổng thể của máy in.
	Bật chế độ tăng tốc	Bật* Tắt	Đặt máy in để tăng tốc độ in một trang và có thể là trang đầu tiên của lệnh in nhiều trang để hoàn thành lệnh nhanh hơn. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện ở một số model máy in.
	Chế độ an toàn	Tắt* Bật	Đặt máy in để hoạt động ở chế độ đặc biệt, theo đó máy in sẽ cung cấp nhiều chức năng nhất có thể mặc dù đã nhận biết được các sự cố. Ví dụ: khi được đặt thành Bật và động cơ in hai mặt không hoạt động, máy in vẫn tiến hành in một mặt ngay cả khi lệnh được đặt là in hai mặt. Lưu ý: Nếu bật cài đặt này, máy in chỉ có thể in từ khay nạp giấy đa năng.
	Bộ nhớ sao chép tối thiểu	20 MB 30 MB 50 MB 80 MB* 100 MB	Đặt mức phân bổ bộ nhớ tối thiểu để lưu trữ lệnh sao chép.
	Xóa trạng thái tùy chỉnh	Bắt đầu	Xóa các chuỗi do người dùng xác định cho thông báo tùy chỉnh Mặc định hoặc Thay thế .
	Xóa tất cả thông báo được cài đặt từ xa	Bắt đầu	Xóa thông báo đã được cài đặt từ xa.
	Tự động hiển thị màn hình lỗi	Tắt Bật*	Hiển thị thông báo lỗi hiện có trên màn hình sau khi máy in vẫn không hoạt động ở màn hình chính trong một khoảng thời gian.
	Giữ nguyên hướng giấy trên bản sao nhanh	Tắt* Bật	Bật máy in sử dụng cài đặt hướng giấy dưới menu Sao chép khi gửi các lệnh sao chép nhanh.
	Bộ nhớ dịch vụ bất biến	Trạng thái mã hóa	Hiển thị trạng thái mã hóa của ổ lưu trữ.
Mã hóa bộ nhớ dịch vụ bất biến		Bật mã hóa nhân bản theo cách thủ công.	
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Thiết lập cảm biến mật độ mực	Tùy chọn tần suất hiệu chỉnh	Đã tắt Điều chỉnh màu ít nhất Điều chỉnh màu ít hơn Thường* Độ chính xác màu tốt hơn Độ chính xác màu tốt nhất	Cài đặt máy in dùng lượng mực phù hợp để duy trì độ đồng nhất của màu sắc.
	Hiệu chỉnh đầy đủ	Bắt đầu	Chạy hiệu chỉnh màu đầy đủ.
	In trang thông tin TPS	Bắt đầu	In trang chẩn đoán chứa thông tin về hiệu chỉnh cảm biến mật độ mực.
Cấu hình ứng dụng	Ứng dụng LES	Tắt Bật*	Bật các ứng dụng Giải pháp nhúng Lexmark (LES).
Cấu hình máy quét	Vùng đăng ký máy quét thủ công	Kiểm tra nhanh chức năng in Vùng đăng ký ADF trước Vùng đăng ký ADF sau Vùng đăng ký phẳng	In trang đích Kiểm tra nhanh hoặc đăng ký thủ công khay nạp tài liệu phẳng và tự động (ADF) sau khi thay ADF, kính máy quét hoặc bảng mạch điều khiển. Lưu ý: Khi in trang đích Kiểm tra nhanh, đảm bảo giãn cách lề trên trang đích đồng nhất trong toàn bộ trang đích. Nếu không, lề của máy in phải được đặt lại.
	Đặt lại bộ đếm bảo trì	Đặt lại bộ đếm bảo trì ADF (Bắt đầu)	Đặt lại bộ đếm sau khi thay thế bộ bảo trì ADF.
	Xóa cạnh	Xóa cạnh phẳng (3*) Xóa cạnh ADF (3*)	Đặt kích thước vùng không in (theo milimét) xung quanh lệnh quét phẳng hoặc ADF.
	Khử nghiêng ADF	Khử nghiêng điện tử ADF (Bật*)	Giảm độ lệch của tài liệu được quét từ ADF.
	Tắt máy quét	Không* Có Chỉ ADF	Tắt máy quét nếu không hoạt động bình thường.
	Thứ tự byte Tiff	CPU Endianness Little Endian Big Endian	Đặt thứ tự byte của kết quả quét định dạng TIFF.
	Số hàng Tiff chính xác trên mỗi dải	Bật* Tắt	Đặt giá trị thẻ RowsPerStrip của kết quả quét định dạng TIFF.
	Ngưỡng vệ sinh kính máy quét	1000–30000 (10000*)	Đặt số lần quét trước khi người dùng nhận được lời nhắc vệ sinh kính máy quét.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Xóa ngoài dịch vụ

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Xóa ngoài dịch vụ	Lần dọn dẹp bộ nhớ gần nhất	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Cho biết thời điểm xóa bộ nhớ máy in gần đây nhất.
	Lần dọn dẹp đĩa cứng gần nhất	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Cho biết thời điểm xóa đĩa cứng gần đây nhất. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi lắp đặt đĩa cứng.
	Lần xóa ISD gần nhất	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Cho biết thời điểm xóa ổ lưu trữ thông minh (ISD) gần đây nhất. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi lắp đặt ISD.
	Dọn dẹp tất cả thông tin trong bộ nhớ bất biến	Xóa tất cả cài đặt mạng và máy in Xóa tất cả ứng dụng và cài đặt ứng dụng Xóa tất cả phím tắt và cài đặt phím tắt	Xóa tất cả thông tin trong bộ nhớ bất biến.
	Dọn dẹp tất cả thông tin trên đĩa cứng	Xóa các bản tải xuống (Xóa tất cả macro, phong chữ, PFO, v.v.) Xóa các lệnh được lưu trữ trong vùng đệm Xóa lệnh tạm dừng	Xóa tất cả thông tin trên đĩa cứng. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi lắp đặt đĩa cứng.
	Xóa ổ lưu trữ thông minh	Xóa	Xóa tất cả thông tin trên ISD. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi lắp đặt ISD.

Cập nhật phần mềm cơ sở

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Phiên bản hiện tại	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị phiên bản phần mềm cơ sở hiện tại được cài đặt trên máy in.
Kiểm tra các bản cập nhật ngay	Cài đặt ngay Cài đặt sau	Kiểm tra các bản cập nhật phần mềm cơ sở.
Tự động kiểm tra các bản cập nhật	Bật Tắt*	Đặt máy in tự động kiểm tra các bản cập nhật phần mềm cơ sở.

Giới thiệu về máy in

Mục menu	Mô tả
Mã thiết bị	Xác định danh tính của máy in.
Vị trí máy in	Xác định vị trí máy in.
Liên hệ	Xác định thông tin liên hệ cho máy in.
Phiên bản phần mềm cơ sở	Hiển thị phiên bản phần mềm cơ sở được cài đặt trên máy in.

Mục menu	Mô tả
Động cơ	Hiển thị số động cơ của máy in.
Số sê-ri	Hiển thị số sê-ri của máy in.
Xuất tập tin cấu hình sang USB	Xuất tập tin cấu hình sang ổ flash.
Xuất nhật ký nén sang USB	Xuất tập tin nhật ký nén sang ổ flash.
Gửi nhật ký	Gửi thông tin nhật ký máy in đến Lexmark.

In

Bố cục

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Mặt	1 mặt 2 mặt*	Xác định in trên một mặt hoặc cả hai mặt giấy.
Kiểu lật	Cạnh dài* Cạnh ngắn	Xác định sẽ kẹp mặt nào của giấy khi thực hiện in hai mặt.
Trang trống	In Không in*	In các trang trống có trong lệnh in.
In theo bộ	Tắt (1,1,1,2,2,2) Bật (1,2,1,2,1,2)*	Xếp chồng các trang của một lệnh in theo trình tự, đặc biệt khi in nhiều bản sao của lệnh in.
Trang phân cách	Không có* Giữa các bản sao Giữa các lệnh Giữa các trang	Chèn trang phân cách trống khi in.
Nguồn in trang phân cách	Khay [x] (1*) Khay nạp giấy đa năng	Xác định nguồn giấy cho trang phân cách.
Số trang trên mỗi mặt	Tất* 2 trang mỗi mặt 3 trang mỗi mặt 4 trang mỗi mặt 6 trang mỗi mặt 9 trang mỗi mặt 12 trang mỗi mặt 16 trang mỗi mặt	In nhiều hình ảnh trang trên một mặt của một tờ giấy.
Điều chỉnh vị trí số trang mỗi mặt	Ngang* Đảo chiều ngang Dọc Đảo chiều dọc	Xác định vị trí hình ảnh của nhiều trang khi sử dụng menu Số trang mỗi mặt .

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Hướng số trang mỗi mặt	Tự động* Khổ ngang Khổ dọc	Xác định hướng hình ảnh của nhiều trang khi sử dụng menu Số trang mỗi mặt .
Viền trang mỗi mặt	Không có* Đồng màu	In viền quanh mỗi hình ảnh trang khi sử dụng menu Số trang mỗi mặt .
Bản sao	1–9999 (1*)	Xác định số lượng bản sao cho mỗi lệnh in.
Vùng in	Thường* Vừa với trang Toàn trang	Cài đặt vùng có thể in trên một tờ giấy.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Hoàn thiện

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Lệnh dập ghim	Tất* 1 ghim, góc trên bên trái 2 ghim, trái 1 ghim, góc trên bên phải 2 ghim, trên cùng 1 ghim, góc dưới bên trái 2 ghim, dưới cùng 1 ghim, góc dưới bên phải 2 ghim, phải	Xác định vị trí dập ghim cho tất cả các lệnh in. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim.
Kiểm tra ghim dập	Bắt đầu	Xác định bộ hoàn thiện dập ghim có hoạt động đúng hay không. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim.
Dập lỗ	Tất* Bật	Dập lỗ dọc cạnh của bản in. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ.
Chế độ dập lỗ	2 lỗ 3 lỗ 4 lỗ	Đặt chế độ dập lỗ cho bản in. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • 3 lỗ là cài đặt mặc định gốc tại Hoa Kỳ. 4 lỗ là cài đặt mặc định gốc quốc tế. • Mục này trong menu chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hoặc bộ hoàn thiện tập sách.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Trang offset	Không có* Giữa các bản sao Giữa các lệnh	Offset giấy ra của mỗi lệnh in hoặc mỗi bản sao của một lệnh in. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Giữa các bản sao sẽ in offset mỗi bản sao của một lệnh in nếu tùy chọn In theo bộ được đặt thành Bật [1,2,1,2,1,2]. Nếu tùy chọn In theo bộ được đặt thành Tắt [1,1,1,2,2,2], thì mỗi bộ trang được in sẽ được offset, chẳng hạn như tất cả các trang được chỉ định là 1 và tất cả các trang được chỉ định là 2. Giữa các lệnh đặt cùng một vị trí offset cho toàn bộ lệnh in bất kể số lượng bản in.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Thiết lập

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Ngôn ngữ máy in	Mô phỏng PCL Mô phỏng PS*	Đặt ngôn ngữ máy in. Lưu ý: Cài đặt mặc định ngôn ngữ máy in không ngăn chương trình phần mềm gửi lệnh in sử dụng ngôn ngữ máy in khác.
Lệnh đang chờ	Tắt* Bật	Lưu trữ lệnh in yêu cầu vật tư để có thể in các lệnh không yêu cầu vật tư bị thiếu. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
Thời gian chờ hoãn lệnh	0–255 (30*)	Đặt thời gian tính bằng giây máy in chờ người dùng can thiệp trước khi máy tạm dừng lệnh in yêu cầu tài nguyên không khả dụng. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
Đích tải xuống	RAM* Flash Đĩa	Xác định nơi lưu tất cả tài nguyên cố định đã được tải xuống máy in. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
Mức sử dụng máy in	Tốc độ tối đa Công suất tối đa*	Xác định xem phần cứng rút lại có tách ra hoặc gắn vào bộ từ màu trong khi in hay không. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Khi được đặt thành Năng suất tối đa, phần cứng vẫn gắn vào bộ từ màu khi máy in không hoạt động. Khi được đặt thành Tốc độ tối đa, phần cứng vẫn gắn vào bộ từ màu bất kể lệnh đó là lệnh in đơn sắc hay in màu.
Mức sử dụng máy in ở tốc độ thấp	Công suất tối đa* Tốc độ tối đa	Cho phép máy in chuyển đổi giữa năng suất cao (chế độ chỉ màu đen) và tốc độ cao (chế độ màu) khi chạy ở tốc độ thấp. Lưu ý: Cài đặt này chỉ thay đổi hoạt động của máy in khi động cơ in chạy ở tốc độ xử lý 25 trang mỗi phút. Cài đặt này sẽ không có ảnh hưởng gì khi động cơ in chạy ở tốc độ xử lý nhanh hơn.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Lưu tài nguyên	Tắt* Bật	Xác định thao tác máy in thực hiện với tài nguyên được tải xuống khi máy nhận được lệnh cần nhiều hơn bộ nhớ có sẵn. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Khi được đặt thành Tắt, máy in chỉ giữ lại tài nguyên được tải xuống cho đến khi cần bộ nhớ. Tài nguyên liên quan đến ngôn ngữ máy in không hoạt động sẽ bị xóa. Khi được đặt thành Bật, máy in giữ nguyên tất cả tài nguyên được tải xuống cố định trên tất cả bộ chuyển ngôn ngữ. Khi cần thiết, máy in sẽ hiển thị thông báo bộ nhớ đầy thay vì xóa tài nguyên cố định.
In tất cả các lệnh	Theo thứ tự bảng chữ cái* Mới nhất trước Cũ nhất trước	Xác định thứ tự dùng để in tất cả lệnh in tạm dừng và bảo mật.
Tự động xóa các lệnh in bị treo	Tắt* Bật	Đặt máy in để tự động hủy lệnh in trong hàng đợi bị gián đoạn do các lỗi như kẹt giấy và thiếu vật tư.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Chất lượng

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Chế độ in	Không áp dụng	Đen trắng Màu sắc*	Đặt cách máy in tạo nội dung màu.
Độ phân giải in	Không áp dụng	4800 CQ* 1200 dpi	Đặt độ phân giải cho bản in ra. Lưu ý: 4800 CQ cung cấp bản in ra chất lượng cao ở tốc độ tối đa.
Độ tối của mực	Không áp dụng	1 đến 5 (4*)	Xác định độ nhạt hoặc độ đậm của hình ảnh văn bản.
Nửa sắc	Không áp dụng	Thường* Chi tiết	Cải thiện bản in ra để có các đường thẳng đều hơn với cạnh sắc nét hơn.
Trình tiết kiệm màu	Không áp dụng	Tắt* Bật	Giảm lượng mực cần dùng để in đồ thị và hình ảnh. Lưu ý: Khi được đặt thành Bật , cài đặt này sẽ ghi đè giá trị của cài đặt Độ tối của mực .
Độ sáng RGB	Không áp dụng	-6 đến 6 (0*)	Điều chỉnh độ sáng của mọi đối tượng RGB và màu xám trên trang. Lưu ý: Cài đặt này không ảnh hưởng đến các tập tin sử dụng thông số màu CMYK.
Độ tương phản RGB	Không áp dụng	0 đến 5 (0*)	Điều chỉnh độ tương phản của mọi đối tượng RGB và màu xám trên một trang. Lưu ý: Cài đặt này không ảnh hưởng đến các tập tin sử dụng thông số màu CMYK.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Độ bão hòa RGB	Không áp dụng	0 đến 5 (0*)	Giữ nguyên các giá trị đen trắng trong khi điều chỉnh các giá trị màu của mọi đối tượng trên trang. Lưu ý: Cài đặt này không ảnh hưởng đến các tập tin sử dụng thông số màu CMYK.
Quét ảnh nâng cao	Cân bằng màu	Lục lam (0*)	Điều chỉnh lượng mực dùng cho mỗi màu.
		Đỏ tươi (0*)	
	Vàng (0*)	Đặt lại tất cả các cài đặt màu về giá trị mặc định.	
	Đen (0*)		
		Đặt lại cài đặt mặc định	
	Hiệu chỉnh màu	Tắt Tự động* Thủ công	Điều chỉnh cài đặt màu dùng để in tài liệu. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Tắt - đặt máy in để nhận hiệu chỉnh màu từ phần mềm. • Tự động - đặt máy in để áp dụng các cấu hình màu khác nhau cho từng đối tượng trên trang in. • Thủ công - cho phép tùy chỉnh chuyển đổi màu RGB hoặc CMYK áp dụng cho từng đối tượng trên trang in.
Mẫu màu	In mẫu màu	In các trang mẫu cho mỗi bảng chuyển đổi màu RGB và CMYK được dùng trong máy in.	
Điều chỉnh màu	Điều chỉnh màu	Hiệu chỉnh máy in để điều chỉnh các biến thể màu trong bản in.	
Thay màu vết	Cài đặt CMYK tùy chỉnh	Gán giá trị CMYK cụ thể cho 20 màu vết được đặt tên.	

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Kiểm tra lệnh

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Kiểm tra lệnh	Tắt* Bật	Đặt máy in tạo nhật ký lệnh in mà máy in nhận được.
Tần suất nhật ký kiểm tra	Hàng ngày Hàng tuần Hàng tháng*	Xác định tần suất máy in tạo tập tin nhật ký.
Thao tác nhật ký khi Kết thúc tần suất	Không có* Gửi email nhật ký hiện tại Gửi email và xóa nhật ký hiện tại Đăng nhật ký hiện tại Đăng và xóa nhật ký hiện tại	Xác định cách máy in phản hồi khi ngưỡng tần suất hết hạn. Lưu ý: Giá trị được chỉ định trong Tần suất nhật ký kiểm tra xác định khi nào thao tác này được kích hoạt.
Nhật ký gần đây	Bật* (5MB) Tắt	Xác định kích thước tối đa của tập tin nhật ký trước khi máy in thực hiện Thao tác nhật ký khi gần đây . Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Thao tác nhật ký khi gần đầy	Không có* Gửi email nhật ký hiện tại Gửi email và xóa nhật ký hiện tại Gửi email và xóa nhật ký cũ nhất Đăng nhật ký hiện tại Đăng và xóa nhật ký hiện tại Đăng và xóa nhật ký cũ nhất Xóa nhật ký hiện tại Xóa nhật ký cũ nhất Xóa tất cả trừ nhật ký hiện tại Xóa tất cả nhật ký	Xác định cách máy in phản hồi khi ổ lưu trữ gần đầy. Lưu ý: Giá trị chỉ định trong Nhật ký gần đầy xác định khi nào thao tác này được kích hoạt.
Thao tác nhật ký khi đầy	Không có* Gửi email và xóa nhật ký hiện tại Gửi email và xóa nhật ký cũ nhất Đăng và xóa nhật ký hiện tại Đăng và xóa nhật ký cũ nhất Xóa nhật ký hiện tại Xóa nhật ký cũ nhất Xóa tất cả trừ nhật ký hiện tại Xóa tất cả nhật ký	Xác định cách máy in phản hồi khi mức sử dụng ổ lưu trữ đạt đến giới hạn tối đa (100MB).
URL để đăng nhật ký	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định vị trí máy in đăng nhật ký kiểm tra lệnh in.
Địa chỉ email để gửi nhật ký	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ email mà máy in gửi nhật ký kiểm tra lệnh in.
Tiền tố tập tin nhật ký	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tiền tố cho tập tin nhật ký. Lưu ý: Tên máy chủ hiện tại được xác định trong menu TCP/IP được dùng làm tiền tố tập tin nhật ký mặc định.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

PDF

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Thay đổi tỷ lệ cho vừa	Tắt* Bật	Thay đổi tỷ lệ nội dung trang cho vừa với khổ giấy đã chọn.
Chú giải	In Không in*	Xác định có in chú giải trong PDF hay không.
Lỗi in PDF	Tắt Bật*	Bật in lỗi PDF.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

PostScript

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Lỗi in PS	Tắt* Bật	In trang mô tả lỗi mô phỏng PostScript®. Lưu ý: Khi xảy ra lỗi, quá trình xử lý lệnh dừng lại, máy in sẽ in một thông báo lỗi, và phần còn lại của lệnh in sẽ được xóa.
Độ rộng dòng tối thiểu	1–30 (2*)	Đặt độ rộng nét gạch tối thiểu. Lưu ý: Các lệnh in ở 1200 dpi sử dụng giá trị này trực tiếp.
Khóa chế độ khởi động PS	Tắt Bật*	Tắt tập tin SysStart. Lưu ý: Việc kích hoạt tập tin SysStart sẽ khiến máy in hoặc mạng của bạn gặp rủi ro về bảo mật.
Làm mịn ảnh	Tắt* Bật	Nâng cao độ tương phản và độ sắc nét của hình ảnh có độ phân giải thấp. Lưu ý: Cài đặt này không ảnh hưởng đến các hình ảnh có độ phân giải từ 300 dpi trở lên.
Ưu tiên phong chữ	Có sẵn* Flash/Đĩa	Thiết lập thứ tự tìm kiếm phong chữ. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Có sẵn - đặt máy in để tìm kiếm phong chữ được yêu cầu trong bộ nhớ của máy in trước khi tìm kiếm ổ lưu trữ. • Flash/Đĩa - đặt máy in để tìm kiếm phong chữ được yêu cầu trong ổ lưu trữ trước khi tìm kiếm bộ nhớ máy in. • Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
Thời gian chờ	Tắt Bật*	Để máy in chờ thêm dữ liệu trước khi hủy lệnh in. Lưu ý: Khi bạn đặt thành Bật , giá trị mặc định gốc của cài đặt này là 40 giây.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

PCL

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Nguồn phong chữ	Có sẵn* Đĩa Tải xuống Flash Thẻ phong chữ Tất cả	Chọn nguồn có các lựa chọn phong chữ mặc định. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Đĩa - chỉ xuất hiện nếu bạn lắp đĩa cứng chống ghi/chống đọc không bị lỗi và có chứa các phong chữ. • Tải xuống - chỉ xuất hiện nếu phong chữ được tải xuống đã có trong bộ nhớ máy in. • Flash - chỉ xuất hiện nếu bạn lắp bộ nhớ flash chống ghi/chống đọc không bị lỗi và có chứa các phong chữ. • Thẻ phong chữ - chỉ xuất hiện nếu bạn lắp thẻ phong chữ hợp lệ hoặc đặt cấu hình ổ lưu trữ thông minh.
Tên phong chữ	[Danh sách phong chữ sẵn dụng] (Courier*)	Chọn phong chữ từ nguồn phong chữ đã xác định.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bộ ký hiệu	[Danh sách bộ ký hiệu có sẵn] (10U PC-8*)	Xác định bộ ký hiệu cho mỗi tên phông chữ. Lưu ý: Bộ ký hiệu là một bộ ký tự chữ cái và số, dấu câu và ký hiệu đặc biệt. Bộ ký hiệu hỗ trợ nhiều ngôn ngữ khác nhau hoặc chương trình cụ thể như ký hiệu toán học cho văn bản khoa học.
Pitch	0,08–100,00 (10,00*)	Xác định khoảng cách cho phông cố định hoặc đơn cách. Lưu ý: Mục menu này chỉ số lượng ký tự có khoảng cách cố định trong một inch ngang của kiểu chữ.
Hướng	Khổ dọc* Khổ ngang Đảo chiều dọc Đảo chiều ngang	Xác định hướng văn bản và đồ họa trên trang.
Số dòng mỗi trang	1–255	Xác định số dòng văn bản cho mỗi trang in qua luồng dữ liệu PCL®. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Mục menu này kích hoạt tính năng thoát dọc làm cho số dòng yêu cầu đã chọn in giữa các lề mặc định của trang. 60 là cài đặt mặc định gốc tại Hoa Kỳ. 64 là cài đặt mặc định gốc quốc tế.
Độ rộng dòng tối thiểu PCL5	1–30 (2*)	Đặt giá trị độ rộng nét gạch tối thiểu ban đầu của mọi lệnh in được in ở 1200 dpi thông qua bộ mô phỏng áp dụng.
Độ rộng dòng tối thiểu PCLXL	1–30 (2*)	
Chiều rộng A4	198 mm* 203 mm	Đặt chiều rộng của trang logic trên giấy A4. Lưu ý: Trang logic là khoảng trống trên trang vật lý in dữ liệu.
Tự động trở về đầu dòng sau khi nhảy dòng	Bật Tắt*	Đặt máy in thực hiện chuyển dòng sau lệnh điều khiển nhảy dòng. Lưu ý: Trở về đầu dòng là cơ chế ra lệnh cho máy in di chuyển vị trí của con trỏ đến vị trí đầu tiên trên cùng một dòng.
Tự động nhảy dòng sau khi trở về đầu dòng	Bật Tắt*	Đặt máy in thực hiện nhảy dòng sau lệnh điều khiển chuyển dòng.
Đánh số lại khay	Gán khay nạp giấy đa năng Gán khay [x] Gán giấy thủ công Gán phong bì thủ công	Thiết lập cấu hình máy in để hoạt động với trình điều khiển in hoặc ứng dụng tùy chỉnh khác sử dụng bộ gán nguồn khác để yêu cầu một nguồn giấy nhất định. Chọn trong số các tùy chọn sau: Tắt* —Máy in sử dụng gán nguồn giấy mặc định gốc. Không có —Nguồn giấy bỏ qua lệnh Chọn nạp giấy. 0–199 - Chọn giá trị số để gán giá trị tùy chỉnh cho nguồn giấy.
	Xem cài đặt mặc định gốc	Hiển thị giá trị mặc định gốc được gán cho từng nguồn giấy.
	Khôi phục cài đặt mặc định	Khôi phục giá trị đánh số lại khay về cài đặt mặc định gốc.
Thời gian chờ in	Tắt Bật* (90)	Đặt máy in để kết thúc lệnh in sau khi máy in không hoạt động trong một khoảng thời gian xác định.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Hình ảnh

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Tự động điều chỉnh cho vừa	Bật Tắt*	Chọn cài đặt hướng và khổ giấy tốt nhất có sẵn cho hình ảnh. Lưu ý: Khi được đặt thành Bật , mục menu này sẽ ghi đè cài đặt tỷ lệ và hướng cho ảnh.
Đảo ngược	Tắt* Bật	Đảo ngược hình ảnh đơn sắc lưỡng tông. Lưu ý: Mục menu này không áp dụng cho định dạng ảnh GIF hoặc JPEG.
Điều chỉnh tỷ lệ	Vừa nhất* Neo trên bên trái Neo giữa Vừa với chiều cao/chiều rộng Vừa với chiều cao Vừa với chiều rộng	Điều chỉnh hình ảnh cho vừa với vùng in. Lưu ý: Khi Tự động điều chỉnh cho vừa được đặt thành Bật , Thay đổi tỷ lệ được tự động đặt thành Vừa nhất .
Hướng	Khổ dọc* Khổ ngang Đảo chiều dọc Đảo chiều ngang	Xác định hướng văn bản và đồ họa trên trang.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Giấy

Cấu hình khay

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Nguồn mặc định	Không áp dụng	Khay [x] (1*) Khay nạp giấy đa năng Giấy thủ công Phong bì thủ công	Đặt nguồn giấy mặc định cho tất cả lệnh in.
Khổ giấy/Loại giấy	Khay [x] Khay nạp giấy đa năng Giấy thủ công Phong bì thủ công	Khổ giấy Loại	Xác định khổ giấy hoặc loại giấy được nạp vào mỗi nguồn giấy.
Khổ giấy thay thế	Không áp dụng	Tắt Statement/A5 Letter/A4 11 x 17/A3 Tất cả khổ giấy được liệt kê*	Đặt máy in để thay thế khổ giấy đã xác định nếu khổ giấy yêu cầu không được nạp vào nguồn giấy bất kỳ. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Tắt - nhắc người dùng nạp khổ giấy yêu cầu. Tất cả khổ giấy được liệt kê - cho phép tất cả các tùy chọn thay thế có sẵn.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Đặt cấu hình khay nạp giấy đa năng	Không áp dụng	Cassette* Thủ công Đầu tiên	Xác định hành vi của khay nạp giấy đa năng. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Cassette - đặt cấu hình khay nạp giấy đa năng làm nguồn giấy tự động. • Thủ công - chỉ đặt khay nạp giấy đa năng cho các lệnh in nạp thủ công. • Đầu tiên - đặt cấu hình khay nạp giấy đa năng làm nguồn giấy chính.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Cấu hình giấy

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Đơn vị đo	Không áp dụng	Inch Millimét	Xác định đơn vị đo cho giấy thông dụng. Lưu ý: Inch là cài đặt mặc định gốc tại Hoa Kỳ. Millimét là cài đặt mặc định gốc quốc tế.
Thiết lập chung	Tất cả khay nạp giấy	Chiều rộng dọc	Đặt chiều rộng dọc của giấy thông dụng.
		Chiều cao dọc	Đặt chiều cao dọc của giấy thông dụng.
		Hướng nạp (Cạnh ngắn*)	Đặt máy in nhận giấy từ hướng cạnh ngắn hoặc cạnh dài. Lưu ý: Cạnh dài chỉ xuất hiện khi cạnh dài nhất ngắn hơn chiều rộng tối đa được hỗ trợ.
Kích thước quét tùy chỉnh	Tên kích thước quét	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Gán tên cho mục quét tùy chỉnh.
	Chiều rộng	1–8,5 inch (8,5*) 25–215,9 mm (215,9*)	Xác định chiều rộng của tài liệu gốc.
	Chiều cao	1–25 inch (11*) 25–635 mm (279,4*)	Xác định chiều cao của tài liệu gốc.
	Hướng	Khổ dọc* Khổ ngang	Xác định hướng của nội dung trên tài liệu gốc.
	Quét 2 lần mỗi mặt	Tắt* Bật	Đặt số lần quét mặt định trên mỗi mặt của máy in.
Thiết lập loại giấy	[Danh sách loại giấy]	Kết cấu Trọng lượng Hướng nạp Gửi đến ngăn giấy	Xác định họa tiết, trọng lượng và hướng của giấy.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Cấu hình ngăn giấy

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Ngăn giấy đầu ra	Ngăn giấy chuẩn* Ngăn giấy [x]	Xác định ngăn giấy đầu ra cho lệnh trên máy in.
Đặt cấu hình ngăn giấy	Hộp thư* Liên kết Liên kết tùy chọn Chỉ định loại	Đặt cấu hình chế độ hoạt động của ngăn giấy đầu ra. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Hộp thư - cho phép chọn riêng ngăn giấy chuẩn và ngăn giấy tùy chọn bất kỳ. • Liên kết - cho phép liên kết tất cả ngăn giấy đầu ra với nhau thành một ngăn giấy lớn. • Liên kết ngăn giấy tùy chọn - xem tất cả các ngăn giấy tùy chọn như một ngăn giấy đầu ra lớn. • Chỉ định loại - chỉ định mỗi loại giấy cho một ngăn giấy hoặc nhóm ngăn giấy được liên kết.
Tên ngăn giấy tùy chỉnh	Ngăn giấy chuẩn Ngăn giấy [x]	Gán tên cho mỗi ngăn giấy.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Sao chép

Cài đặt mặc định sao chép

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Loại nội dung	Không áp dụng	Văn bản Văn bản/ảnh* Ảnh Đồ họa	Cải thiện kết quả xuất dựa trên nội dung của tài liệu gốc.
Nguồn nội dung	Không áp dụng	Laser đen trắng Laser màu* Phun mực Ảnh/phim Tạp chí Báo chí In ấn Khác	Cải thiện bản in ra dựa trên nguồn tài liệu gốc.
Mặt	Không áp dụng	1 mặt:1 mặt* 1 mặt:2 mặt 2 mặt:1 mặt 2 mặt:2 mặt	Xác định hành vi quét dựa trên tài liệu gốc.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Trang phân cách	Không áp dụng	Không có* Giữa các bản sao Giữa các lệnh Giữa các trang	Xác định liệu có chèn trang phân cách trống khi in hay không.
Nguồn in trang phân cách	Không áp dụng	Khay [x] (1*) Khay nạp giấy đa năng	Xác định nguồn giấy cho trang phân cách.
Màu	Không áp dụng	Tắt Bật* Tự động	Đặt máy in tạo ra bản in màu từ lệnh quét.
Số trang trên mỗi mặt	Không áp dụng	Tắt* 2 trang dọc 4 trang dọc 2 trang ngang 4 trang ngang	Xác định số lượng hình ảnh trang để in trên một mặt của tờ giấy.
In viền trang	Không áp dụng	Tắt* Bật	Đặt viền quanh mỗi hình ảnh khi in nhiều trang trên một trang đơn.
In theo bộ	Không áp dụng	Tắt [1,1,1,2,2,2] Bật [1,2,1,2,1,2]*	In nhiều bản sao theo trình tự.
Trang offset	Không áp dụng	Không có* Giữa các bản sao Giữa các lệnh	Offset giấy ra của mỗi lệnh in hoặc mỗi bản sao của một lệnh in. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Giữa các bản sao mỗi bản sao của một lệnh in nếu tùy chọn In theo bộ được đặt thành Bật [1,2,1,2,1,2]. Nếu tùy chọn In theo bộ được đặt thành Tắt [1,1,1,2,2,2], thì mỗi bộ trang in sẽ được in offset, chẳng hạn như tất cả các trang 1 và tất cả các trang 2. • Giữa các lệnh - đặt cùng một vị trí offset cho toàn bộ lệnh in bất kể số lượng bản in. • Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn nhấp ngăn xếp offset hoặc bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ.
Dập ghim	Không áp dụng	Tắt* 1 ghim, góc trên bên trái 2 ghim, trái 1 ghim, góc trên bên phải 2 ghim, trên cùng 1 ghim, góc dưới bên trái 2 ghim, dưới cùng 1 ghim, góc dưới bên phải 2 ghim, phải 4 ghim	Xác định vị trí dập ghim cho tất cả các lệnh in. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn nhấp bộ hoàn thiện dập ghim.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Dập lỗ	Không áp dụng	Tắt* 2 lỗ 3 lỗ 4 lỗ	Lỗ dập trên bản in đầu ra. Lưu ý: Mục này trong menu chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hoặc bộ hoàn thiện tập sách.
Kích thước “Sao chép từ”		[Danh sách khổ giấy]	Chọn khổ giấy của tài liệu gốc. Lưu ý: Thư là cài đặt mặc định gốc tại Hoa Kỳ. A4 là cài đặt mặc định gốc quốc tế.
Nguồn “Sao chép vào”	Không áp dụng	Khay [x] (1*) Khay nạp giấy đa năng Tự động điều chỉnh kích thước trùng khớp	Xác định nguồn giấy cho lệnh sao chép.
Nhiệt độ	Không áp dụng	-4 đến 4 (0*)	Xác định tạo ra bản in dịu hơn hoặc ấm hơn.
Độ tối	Không áp dụng	1 đến 9 (5*)	Điều chỉnh độ tối của ảnh đã quét.
Số lượng bản sao	Không áp dụng	1–9999 (1*)	Xác định số lượng bản sao.
Đầu trang/chân trang	Không áp dụng	Đầu trang bên trái Đầu trang ở giữa Đầu trang bên phải Chân trang bên trái Chân trang ở giữa Chân trang bên phải	Xác định thông tin đầu trang hoặc chân trang trên hình ảnh đã quét.
Lớp phủ	Không áp dụng	Bảo mật Sao chép Bản thảo Khẩn cấp Tùy chỉnh Tắt*	Xác định văn bản phủ để in trên mỗi bản sao.
Lớp phủ tùy chỉnh	Không áp dụng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Nhập văn bản cho lựa chọn Tùy chỉnh trong menu Lớp phủ .

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Quét ảnh nâng cao	Cân bằng màu	Lục lam đến Đỏ (0*) Đỏ tươi đến Xanh lá (0*) Vàng đến Xanh dương (0*)	Điều chỉnh cường độ màu cho màu lục lam, đỏ tươi và vàng.
	Mất màu	Mất màu (Không áp dụng*) Ngưỡng đỏ mặc định (128*) Ngưỡng xanh lá mặc định (128*) Ngưỡng xanh dương mặc định (128*)	Xác định màu sẽ được loại bỏ trong quá trình quét và điều chỉnh cài đặt mất màu cho màu đó.
	Tự động phát hiện màu	Độ nhạy màu (5*) Độ nhạy diện tích (5*)	Đặt cấu hình cài đặt tự động phát hiện màu.
	Độ tương phản	Tốt nhất cho nội dung* 0–5	Xác định độ tương phản cho hình ảnh đã quét.
	Loại bỏ nền	Phát hiện nền (Dựa trên nội dung*) Cấp độ (0*)	Loại bỏ màu nền hoặc nhiễu hình ảnh khỏi tài liệu gốc. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Dựa trên nội dung - loại bỏ màu nền của tài liệu gốc. • Cố định - loại bỏ nhiễu ảnh cho ảnh.
	Tự động căn giữa	Tắt* Bật	Căn chỉnh nội dung ở giữa trang.
	Ảnh phản chiếu	Tắt* Bật	Tạo ảnh phản chiếu của tài liệu gốc.
	Ảnh âm bản	Tắt* Bật	Tạo ảnh âm bản của tài liệu gốc.
	Chi tiết bóng	-4 đến 4 (0*)	Điều chỉnh chi tiết bóng trong tài liệu gốc.
	Quét từ cạnh đến cạnh	Tắt* Bật	Quét tài liệu gốc từ cạnh này sang cạnh kia.
Độ sắc nét	1–5 (3*)	Điều chỉnh độ sắc nét của hình ảnh đã quét.	
Kiểm soát quản trị	Cho phép bản sao màu	Tắt Bật*	In các bản sao màu.
	Cho phép bản sao ưu tiên	Tắt Bật*	Gián đoạn lệnh in để tạo bản sao.
	Quét lệnh tùy chỉnh	Tắt* Bật	Đặt máy in quét bộ tài liệu gốc đầu tiên bằng cách sử dụng các cài đặt đã xác định, sau đó quét bộ tiếp theo với cùng cài đặt hoặc khác cài đặt.
	Cho phép lưu dưới dạng phím tắt	Tắt Bật*	Lưu cài đặt sao chép dưới dạng phím tắt.
	Bản sao mẫu	Tắt* Bật	In bản sao mẫu để kiểm tra chất lượng trước khi in các bản sao còn lại.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Fax

Cài đặt mặc định fax

Chế độ fax

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Chế độ fax	Fax* Máy chủ fax Đã tắt	Chọn chế độ fax.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Thiết lập fax

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cài đặt fax chung	Tên fax	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định mã fax của bạn.
	Số fax	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định số fax của bạn.
	Mã fax	Tên fax Số fax*	Đặt mã fax để sử dụng trong quá trình đàm phán qua fax.
	Bật fax thủ công	Tắt* Bật	Bật chức năng fax thủ công trong máy in. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Mục menu này yêu cầu bộ chia đường dây và điện thoại cầm tay. Sử dụng đường dây điện thoại thông thường để trả lời lệnh fax đến và quay số fax. Để chuyển trực tiếp đến chức năng fax thủ công, hãy chạm vào # và 0 trên bàn phím.
	Sử dụng bộ nhớ	Tất cả nhận được Hầu hết nhận Cân bằng* Hầu hết gửi Tất cả gửi	Đặt dung lượng bộ nhớ trong của máy in được phân bổ cho việc gửi fax. Lưu ý: Mục menu này ngăn tình trạng đệm bộ nhớ và fax không thành công.
	Hủy fax	Cho phép* Không cho phép	Hủy các bản fax gửi đi hoặc gửi đến.
	Ẩn số fax	Tắt* Từ bên trái Từ bên phải	Xác định định dạng để ẩn số fax đi.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cài đặt fax chung	Chữ số cần ẩn	0–58 (0*)	Xác định số chữ số cần ẩn trong số fax đi.
	Bật phát hiện kết nối đường truyền	Tắt Bật*	Xác định xem đường dây điện thoại có được kết nối với máy in hay không. Lưu ý: Các sự kiện được phát hiện ngay lập tức.
	Bật phát hiện giắc cắm đường truyền vào sai	Tắt Bật*	Xác định xem đường dây điện thoại có được kết nối đúng cổng trên máy in hay không. Lưu ý: Các sự kiện được phát hiện ngay lập tức.
	Bật hỗ trợ điểm mở rộng được sử dụng	Tắt Bật*	Xác định xem thiết bị khác có đang sử dụng đường dây điện thoại, chẳng hạn như điện thoại khác trên cùng một đường dây hay không. Lưu ý: Các sự kiện được phát hiện ngay lập tức.
	Tối ưu hóa tương thích fax	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt cấu hình chức năng fax của máy in để tương thích tối ưu với các máy fax khác.
	Truyền fax	T.38 Analog G.711 etherFAX	Đặt phương thức truyền fax. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện nếu cài đặt gói giấy phép etherFAX hoặc Fax qua IP (FoIP) trong máy in.
Cài đặt fax HTTPS Lưu ý: Menu này chỉ xuất hiện nếu Truyền fax được đặt thành etherFAX.	URL dịch vụ HTTPS	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định URL dịch vụ etherFAX.
	Proxy HTTPS	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định một URL máy chủ proxy.
	Người dùng proxy HTTPS	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên người dùng và mật khẩu cho máy chủ proxy.
	Mật khẩu proxy HTTPS		
	Mã hóa gửi fax	Đã tắt Đã bật* Bắt buộc	Bật mã hóa cho thông báo fax đi.
	Mã hóa nhận fax	Đã tắt Đã bật* Bắt buộc	Bật mã hóa cho thông báo fax đến.
	Trạng thái fax HTTPS	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị trạng thái giao tiếp etherFAX.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cài đặt gửi fax	Độ phân giải	Tiêu chuẩn* Mịn Siêu mịn Cực mịn	Đặt độ phân giải của ảnh quét. Lưu ý: Độ phân giải cao hơn làm tăng thời gian truyền fax và yêu cầu bộ nhớ lớn hơn.
	Kích thước gốc	[Danh sách khổ giấy] (Kích thước chung*)	Xác định khổ của tài liệu gốc.
	Hướng	Khổ dọc* Khổ ngang	Xác định hướng của tài liệu gốc.
	Mặt	Tất* Cạnh ngắn Cạnh dài	Xác định hướng của tài liệu gốc khi quét trên cả hai mặt của tài liệu.
	Loại nội dung	Chữ* Văn bản/ảnh Ảnh Đồ họa	Cải thiện kết quả xuất dựa trên nội dung của tài liệu gốc.
	Nguồn nội dung	Laser đen trắng Laser màu* Phun mực Ảnh/phim Tạp chí Báo chí In ấn Khác	Cải thiện bản in ra dựa trên nguồn tài liệu gốc.
	Độ tối	1–9 (5*)	Điều chỉnh độ tối của ảnh đã quét.
	Phía sau PABX	Bật Tắt*	Đặt máy in quay số fax mà không cần chờ nhận ra âm quay số. Lưu ý: Tổng đài nhánh tự động riêng (PABX) là mạng điện thoại cho phép một số truy cập duy nhất cung cấp nhiều đường dây cho người gọi bên ngoài.
Chế độ quay số	Âm thanh* Xung	Xác định chế độ quay số cho các fax đến hoặc đi.	
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Quét ảnh nâng cao	Cân bằng màu	Lục lam - Đỏ (0*) Đỏ tươi - Xanh lá (0*) Vàng - Xanh dương (0*)	Điều chỉnh cường độ màu trong khi quét.
	Mất màu	Tốt nhất cho nội dung* 0 1 2 3 4 5	Đặt độ tương phản của đầu ra.
	Ảnh phản chiếu	Tắt* Bật	Tạo ảnh phản chiếu của tài liệu gốc.
	Chi tiết bóng	-4 đến 4 (0*)	Điều chỉnh lượng chi tiết bóng hiển thị trên ảnh quét.
	Quét từ cạnh đến cạnh	Tắt Bật*	Cho phép quét từ cạnh này đến cạnh kia của tài liệu gốc.
	Độ sắc nét	1-5 (3*)	Điều chỉnh độ sắc nét của hình ảnh đã quét.
	Nhiệt độ	-4 đến 4 (0*)	Xác định tạo ra bản in dịu hơn hoặc ấm hơn.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Kiểm soát quản trị	Tự động quay số lại	0–9 (5*)	Xác định số lần thử mà máy in quay số lại trước khi hủy gửi fax đến đích đã xác định.
	Tần suất quay số lại	1–200 phút (3*)	Tăng thời gian giữa các lần thử quay số lại để tăng cơ hội gửi fax thành công.
	Bật ECM	Bật* Tắt	Kích hoạt Chế độ sửa lỗi (ECM) cho lệnh fax. Lưu ý: ECM phát hiện và sửa các lỗi trong quá trình truyền fax do nhiễu đường dây điện thoại và cường độ tín hiệu kém.
	Bật quét fax	Bật* Tắt	Tạo fax bằng máy quét của máy in.
	Trình điều khiển tới fax	Bật* Tắt	Cho phép trình điều khiển in gửi fax.
	Cho phép lưu dưới dạng phím tắt	Bật* Tắt	Lưu số fax dưới dạng phím tắt trên máy in.
	Tốc độ tối đa	33600* 14400 9600 4800 2400	Đặt tốc độ tối đa để gửi fax.
	Quét lệnh tùy chỉnh	Tắt* Bật	Bật quét các lệnh tùy chỉnh theo mặc định.
	Xem trước khi quét	Tắt* Bật	Hiển thị bản quét xem trước trên màn hình.
	Điều chỉnh độ lệch ADF	Tắt Bật*	Chỉnh sửa độ lệch nhẹ trong hình ảnh đã quét.
	Bật quét fax màu	Tắt theo mặc định* Bật theo mặc định Không bao giờ sử dụng Luôn sử dụng	Bật quét màu cho fax.
	Tự động chuyển đổi fax màu thành fax một màu	Bật* Tắt	Chuyển đổi tất cả fax màu gửi đi thành đen trắng.
	Xác nhận số fax	Tắt* Bật	Yêu cầu người dùng xác nhận số fax.
	Tiền tố quay số	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt tiền tố quay số.
Quy tắc tiền tố quay số	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Thiết lập quy tắc tiền tố quay số.	

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cài đặt nhận fax	Lệnh fax đang chờ	Không có* Hộp mực Hộp mực và vật tư	Xóa lệnh fax yêu cầu các tài nguyên không khả dụng cụ thể khỏi hàng chờ in.
	Số lần đổ chuông để trả lời	1–25 (3*)	Đặt số lần đổ chuông cần thiết trước khi máy in trả lời các cuộc gọi đến.
	Tự động giảm	Bật* Tắt	Thu phóng fax đến cho vừa với trang.
	Nguồn giấy	Khay [x] Tự động*	Đặt nguồn giấy để in fax đến.
	Mặt	Bật Tắt*	In trên cả hai mặt giấy.
	Trang phân cách	Không có* Trước lệnh Sau lệnh	Xác định liệu có chèn trang phân cách trống khi in hay không.
	Nguồn in trang phân cách	Khay [x] (1*)	Xác định nguồn giấy cho trang phân cách.
	Ngăn giấy đầu ra	Ngăn giấy chuẩn	Xác định ngăn giấy đầu ra cho các bản fax đã nhận.
	Chân trang fax	Bật Tắt*	In thông tin truyền tải ở cuối mỗi trang từ bản fax đã nhận.
	Dấu thời gian chân trang fax	Nhận* In	In dấu thời gian ở cuối mỗi trang từ bản fax đã nhận.
	Tạm dừng fax	Chế độ fax tạm dừng (Tắt*)	Tạm dừng bản fax đã nhận từ khi in cho đến khi bỏ tạm dừng.
Lịch tạm dừng fax		Chỉ định lịch để tạm dừng fax. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện nếu đặt Chế độ fax tạm dừng thành Theo lịch .	

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Kiểm soát quản trị	Bật nhận fax	Bật* Tắt	Đặt máy in để nhận fax.
	Bật nhận fax màu	Bật* Tắt	Đặt máy in để nhận fax theo màu.
	Bật mã người gọi	Bật Tắt*	Hiển thị thông tin mã người gọi của cuộc gọi đến trên màn hình máy in.
	Chặn fax không có tên	Bật Tắt*	Chặn fax đến mà không có mã fax.
	Danh sách fax bị cấm	Thêm fax bị cấm	Xác định các số điện thoại mà bạn muốn chặn.
	Trả lời bật	Tắt cả chuông* Chỉ đổ chuông một lần Chỉ đổ chuông hai lần Chỉ đổ chuông ba lần Chỉ đổ chuông một lần hoặc hai lần Chỉ đổ chuông một lần hoặc ba lần Chỉ đổ chuông hai lần hoặc ba lần	Đặt kiểu đổ chuông đặc biệt cho fax đến.
	Trả lời tự động	Bật* Tắt	Đặt máy in để tự động nhận fax.
	Mã trả lời thủ công	0–9 (9*)	Nhập thủ công một mã trên bảng số điện thoại để bắt đầu nhận fax. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Mục menu này chỉ xuất hiện khi máy in dùng chung đường dây với một điện thoại. Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn cài đặt máy in để nhận fax thủ công.
	Chuyển tiếp fax	In* In và chuyển tiếp Chuyển tiếp	Xác định có chuyển tiếp bản fax đã nhận không.
Chuyển tiếp đến	Điểm đích 1 Điểm đích 2	Xác định nơi chuyển tiếp bản fax đã nhận. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi Chuyển tiếp fax được cài đặt thành In và Chuyển tiếp hoặc Chuyển tiếp .	
Tốc độ tối đa	33600* 14400 9600 4800 2400	Đặt tốc độ tối đa để truyền fax.	

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Trang bìa fax	Trang bìa fax	Tắt theo mặc định* Bật theo mặc định Không bao giờ sử dụng Luôn sử dụng	Đặt cấu hình cài đặt cho trang bìa fax.
	Bao gồm vào trường	Tắt* Bật	
	Bao gồm từ trường	Tắt* Bật	
	Từ	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	Bao gồm trường thông báo	Tắt* Bật	
	Nội dung:	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	Bao gồm logo	Tắt* Bật	
	Bao gồm chân trang [x]	Tắt* Bật	
	Chân trang [x]	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
Cài đặt nhật ký fax	Tần suất nhật ký truyền	Luôn luôn* Không bao giờ Chỉ với lỗi	Xác định tần suất máy in tạo nhật ký truyền.
	Hành động nhật ký truyền	In (Tắt*) Email (Tắt*)	In hoặc gửi email nhật ký truyền fax thành công hoặc lỗi truyền.
	Nhật ký lỗi nhận	Không bao giờ in* In khi có lỗi	In nhật ký về lỗi nhận fax.
	Tự động in nhật ký	Bật* Tắt	In tất cả hoạt động fax.
	Lưu lại nguồn giấy	Khay [x] (1*)	Xác định nguồn giấy để in nhật ký.
	Hiển thị nhật ký	Tên fax từ xa* Số đã quay	Xác định người gửi bằng tên fax hoặc số fax từ xa.
	Bật nhật ký lệnh	Bật* Tắt	Xem tóm tắt tất cả lệnh fax.
	Bật nhật ký cuộc gọi	Bật* Tắt	Xem tóm tắt lịch sử cuộc gọi fax.
	Lưu lại ngăn giấy đầu ra	Ngăn giấy chuẩn* Ngăn giấy [x]	Xác định ngăn giấy đầu ra cho nhật ký đã in.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cài đặt loa	Chế độ loa	Luôn tắt* Luôn bật Bật cho đến khi được kết nối	Đặt chế độ loa fax.
	Âm lượng loa	Thấp* Cao	Điều chỉnh âm lượng loa fax.
	Âm lượng chuông	Tắt* Bật	Bật âm lượng chuông.
Cài đặt VoIP	Giao thức VoIP	SIP* H.323	Đặt giao thức Truyền giọng nói qua giao thức Internet (VoIP).
	Máy chủ STUN	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định máy chủ STUN để vượt qua tường lửa.
	Chế độ fax bắt buộc	Tắt Bật*	Chuyển cổng VoIP từ analog sang T.38 khi bắt đầu cuộc gọi fax.
	Trì hoãn chế độ fax bắt buộc	0–15 (7*)	Đặt thời gian trễ tính bằng giây khi gửi lời mời khác của Chế độ fax bắt buộc .

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cài đặt SIP	Proxy	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ IP của hệ thống chuyển đổi số điện thoại thành địa chỉ IP nơi gửi fax.
	Nhà đăng ký	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên hoặc địa chỉ IP của hệ thống xử lý đăng ký máy khách Giao thức khởi tạo phiên (SIP).
	Người dùng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên của người dùng cho SIP.
	Mật khẩu	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định mật khẩu được dùng để đăng ký với Nhà đăng ký SIP.
	Mã xác thực	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Tên người dùng được sử dụng khi đăng ký. Lưu ý: Nếu không thiết lập cài đặt Mã xác thực , thì cài đặt sẽ sử dụng tên người dùng của trường Người dùng.
	Truyền để đăng ký	UDP* TCP	Đặt loại truyền SIP để đăng ký.
	Truyền cho cuộc gọi đến	UDP* TCP UDP và TCP	Đặt loại truyền SIP cho cuộc gọi đến.
	Truyền cho cuộc gọi đi	UDP* TCP	Đặt loại truyền SIP cho cuộc gọi đi.
	Proxy gửi đi	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định một proxy gửi đi để chuyển tiếp tất cả giao tiếp SIP.
	Liên hệ	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên liên hệ cho SIP.
	Vùng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên vùng cho SIP. Lưu ý: Nếu không đặt cài đặt Vùng, thì cài đặt sẽ sử dụng tên của Liên hệ .
	Trạng thái đăng ký SIP	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị trạng thái Đăng ký SIP.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cài đặt H.323	Cổng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ IP cổng H.323.
	Gatekeeper	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định gatekeeper H.323.
	Người dùng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên người dùng được sử dụng với cổng H.323.
	Mật khẩu	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định mật khẩu cho cổng H.323.
	Bật khởi động nhanh	Tắt* Bật	Bật khởi động nhanh.
	Tắt đường hầm H.245	Tắt* Bật	Tắt đường hầm H.323.
	Tắt Gatekeeper Discovery	Tắt* Bật*	Tắt Gatekeeper Discovery H.323.
Cài đặt T.38	Dự phòng chỉ số	0-5 (3*)	Đặt số lần lặp lại chỉ báo fax trong giao tiếp T.38.
	Dự phòng tốc độ thấp	0-5 (3*)	Đặt số lần lặp lại dữ liệu tốc độ thấp trong giao tiếp T.38.
	Dự phòng tốc độ cao	0-5 (1*)	Đặt số lần lặp lại dữ liệu tốc độ cao trong giao tiếp T.38.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Thiết lập máy chủ fax

Cài đặt fax chung

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Định dạng gửi đến	Không áp dụng	Xác định một người nhận fax. Lưu ý: Nếu bạn muốn sử dụng số fax, hãy nhập dấu thăng (#) trước một số.
Địa chỉ trả lời	Không áp dụng	Xác định một địa chỉ trả lời để gửi fax.
Chủ đề	Không áp dụng	Xác định chủ đề fax và thông báo.
Thông báo	Không áp dụng	
Bật nhận analog	Tắt* Bật	Đặt máy in nhận fax analog.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Cài đặt email máy chủ fax

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Sử dụng máy chủ email SMTP	Bật Tắt*	Sử dụng cài đặt Giao thức truyền tải thư tín đơn giản (SMTP) cho email khi nhận và gửi fax. Lưu ý: Khi được đặt thành Bật , tất cả các mục cài đặt khác của menu Cài đặt email máy chủ fax sẽ không được hiển thị.
Cổng SMTP chính	Không áp dụng	Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của máy chủ SMTP chính.
Cổng nối cổng SMTP chính	1 – 65535 (25*)	Nhập số cổng của máy chủ SMTP chính.
Cổng SMTP phụ	Không áp dụng	Nhập địa chỉ IP máy chủ hoặc tên máy chủ của máy chủ SMTP phụ hoặc dự phòng.
Cổng nối cổng SMTP phụ	1 – 65535 (25*)	Nhập số cổng máy chủ của máy chủ SMTP phụ hoặc dự phòng.
Thời gian chờ SMTP	5 – 30 (30*)	Đặt thời gian trước khi máy in hết thời gian chờ nếu máy chủ SMTP không phản hồi.
Địa chỉ trả lời	Không áp dụng	Xác định một địa chỉ trả lời để gửi fax.
Sử dụng SSL/TLS	Đã tắt* Thương lượng Bắt buộc	Xác định có gửi fax bằng liên kết mã hóa hay không.
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Tắt Bật*	Xác định chứng chỉ tin cậy khi truy cập máy chủ SMTP.
Xác thực máy chủ SMTP	Không yêu cầu xác thực* Đăng nhập/Đơn giản NTLM CRAM-MD5 Digest-MD5 Kerberos 5	Đặt loại xác thực cho máy chủ SMTP.
Email do thiết bị khởi tạo	Không có* Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị	Xác định xem có cần thông tin đăng nhập cho email do thiết bị khởi tạo hay không.
Email do người dùng khởi tạo	Không có* Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị Sử dụng ID người dùng và mật khẩu phiên Sử dụng địa chỉ email và mật khẩu phiên Nhắc người dùng	Xác định xem có cần thông tin đăng nhập cho email do người dùng khởi tạo hay không.
Sử dụng thông tin đăng nhập thiết bị Active Directory	Tắt* Bật	Bật thông tin đăng nhập người dùng và đích nhóm để kết nối với máy chủ SMTP.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Mã người dùng thiết bị	Không áp dụng	Xác định Mã người dùng và mật khẩu để kết nối với máy chủ SMTP.
Mật khẩu thiết bị	Không áp dụng	
VÙNG Kerberos 5	Không áp dụng	Xác định vùng cho giao thức xác thực Kerberos 5.
Tên miền NTLM	Không áp dụng	Xác định tên miền cho giao thức bảo mật NTLM.
Tắt lỗi "Máy chủ SMTP không được thiết lập"	Tắt* Bật	Ẩn thông báo lỗi "Máy chủ SMTP không được thiết lập".
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Cài đặt quét máy chủ fax

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Định dạng ảnh	TIFF (.tif) PDF (.pdf)* XPS (.xps) TXT (.txt) RTF (.rtf) DOCX (.docx) XLSX (.xlsx) CSV (.csv)	Xác định định dạng tập tin cho ảnh quét.
Loại nội dung	Chữ* Văn bản/ảnh Ảnh Đồ họa	Cải thiện kết quả xuất dựa trên nội dung của tài liệu gốc.
Nguồn nội dung	Laser đen trắng Laser màu* Phun mực Ảnh/phim Tạp chí Báo chí In ấn Khác	Cải thiện bản in ra dựa trên nguồn tài liệu gốc.
Độ phân giải fax	Tiêu chuẩn* Mịn Siêu mịn Cực mịn	Đặt độ phân giải fax.
Mặt	Tắt* Cạnh ngắn Cạnh dài	Xác định hướng của tài liệu gốc khi quét trên cả hai mặt của tài liệu.
Độ tối	1 – 9 (5*)	Đặt độ tối của bản in.
Hướng	Khổ dọc* Khổ ngang	Xác định hướng văn bản và đồ họa trên trang.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Kích thước gốc	[Danh sách khổ giấy]	Chọn khổ giấy của tài liệu gốc. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Kích thước chung là cài đặt mặc định gốc tại Hoa Kỳ. A4 là cài đặt mặc định gốc quốc tế. • Cài đặt này có thể sẽ khác tùy vào model máy in của bạn.
Sử dụng TIFF nhiều trang	Tắt Bật*	Chọn giữa các tập tin TIFF một trang và nhiều trang.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Email

Thiết lập email

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Cổng SMTP chính	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Nhập địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của máy chủ SMTP chính để gửi email.
Cổng nối cổng SMTP chính	1–65535(25*)	Nhập số cổng của máy chủ SMTP chính.
Cổng SMTP phụ	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Nhập địa chỉ IP máy chủ hoặc tên máy chủ của máy chủ SMTP phụ hoặc dự phòng.
Cổng nối cổng SMTP phụ	1–65535 (25*)	Nhập số cổng máy chủ của máy chủ SMTP phụ hoặc dự phòng.
Thời gian chờ SMTP	5–30 giây (30*)	Đặt thời gian trước khi máy in hết thời gian chờ nếu máy chủ SMTP không phản hồi.
Địa chỉ trả lời	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ trả lời trong email.
Luôn sử dụng Địa chỉ trả lời mặc định SMTP	Bật Tắt*	Luôn sử dụng địa chỉ trả lời mặc định trong máy chủ SMTP.
Sử dụng SSL/TLS	Đã tắt* Thương lượng Bắt buộc	Xác định có gửi email bằng liên kết mã hóa hay không.
Yêu cầu chứng chỉ tin cậy	Tắt Bật*	Yêu cầu chứng chỉ tin cậy khi truy cập máy chủ SMTP.
Xác thực máy chủ SMTP	Không yêu cầu xác thực* Đăng nhập/Đơn giản NTLM CRAM-MD5 Digest-MD5 Kerberos 5	Đặt loại xác thực cho máy chủ SMTP.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Email do thiết bị khởi tạo	Không có* Không có* Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị	Xác định xem có cần thông tin đăng nhập cho email do thiết bị khởi tạo hay không.
Email do người dùng khởi tạo	Không có* Sử dụng thông tin đăng nhập SMTP của thiết bị Sử dụng ID người dùng và mật khẩu phiên Sử dụng địa chỉ email và mật khẩu phiên Nhắc người dùng	Xác định xem có cần thông tin đăng nhập cho email do người dùng khởi tạo hay không.
Sử dụng thông tin đăng nhập thiết bị Active Directory	Tắt* Bật	Xác định xem có cần thông tin đăng nhập cho email do người dùng khởi tạo hay không.
Mã người dùng thiết bị	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định Mã người dùng và mật khẩu để kết nối với máy chủ SMTP.
Mật khẩu thiết bị	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
VÙNG Kerberos 5	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định vùng cho giao thức xác thực Kerberos 5.
Tên miền NTLM	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên miền cho giao thức bảo mật NTLM.
Tắt lỗi "Máy chủ SMTP không được thiết lập"	Tắt* Bật	Ẩn thông báo lỗi "Máy chủ SMTP không được thiết lập".
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Cài đặt mặc định email

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Tiêu đề:	Không áp dụng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định chủ đề email và thông báo.
Nội dung:	Không áp dụng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
Tên tập tin	Không áp dụng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên tập tin cho tài liệu đã quét.
Định dạng	Không áp dụng	JPEG (.jpg) PDF (.pdf)* TIFF (.tif) XPS (.xps) TXT (.txt) RTF (.rtf) DOCX (.docx) CSV (.csv)	Xác định định dạng tập tin cho tài liệu đã quét. Lưu ý: Các mục menu này có thể khác nhau tùy vào model máy in.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cài đặt OCR toàn cục	Ngôn ngữ được nhận dạng	[Danh sách ngôn ngữ]	Đặt cấu hình cài đặt cho nhận dạng ký tự quang học (OCR). Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện nếu bạn đã mua và cài đặt giải pháp OCR.
	Tự động xoay	Tắt* Bật	
	Khử nhiễu	Tắt* Bật	
	Tăng cường độ tương phản tự động	Tắt* Bật	
Cài đặt PDF	Phiên bản PDF	1,3 1,4 1,5* 1,6 1,7	Đặt cấu hình cài đặt PDF của hình ảnh đã quét. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Phiên bản lưu trữ và Lưu trữ (PDF/A) chỉ được hỗ trợ khi đặt Phiên bản PDF thành 1.4 hoặc 1.7. • Tùy chọn Nén cao chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ. • Tùy chọn Bảo mật chỉ được hỗ trợ khi đặt Phiên bản PDF thành 1.4 trở lên.
	Lưu trữ (PDF/A)	Tắt* Bật	
	Phiên bản lưu trữ	A-1a* A-1b A-2u	
	Nén cao	Tắt* Bật	
	Bảo mật	Tắt* Bật	
	Có thể tìm kiếm	Tắt* Bật	
	Chia lệnh theo trang	0*	
	Loại nội dung	Không áp dụng	
Nguồn nội dung	Không áp dụng	Laser đen trắng* Laser màu Phun mực Ảnh/phim Tạp chí Báo chí In ấn Khác	Xác định nguồn của tài liệu gốc.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Màu	Không áp dụng	Đen trắng Xám Màu sắc* Tự động	Xác định cách thu thập tài liệu gốc.
Độ phân giải	Không áp dụng	75 dpi 150 dpi* 200 dpi 300 dpi 400 dpi 600 dpi	Đặt độ phân giải của ảnh quét.
Độ tối	Không áp dụng	1–9 (5*)	Điều chỉnh độ tối của ảnh đã quét.
Hướng	Không áp dụng	Khổ dọc* Khổ ngang	Xác định hướng của tài liệu gốc.
Kích thước gốc	Không áp dụng	Kết hợp nhiều khổ giấy*	Chọn khổ giấy của tài liệu gốc.
Mặt	Không áp dụng	Tất* Cạnh ngắn Cạnh dài	Xác định hướng của tài liệu gốc khi quét trên cả hai mặt của tài liệu.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Quét ảnh nâng cao

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cân bằng màu	Lục lam Đỏ tím Vàng	-4-4 (0*) -4-4 (0*) -4-4 (0*)	Điều chỉnh cường độ màu cho màu lục lam, đỏ tươi và vàng.
Mất màu	Mất màu	Không có* Đỏ Xanh lá Xanh dương	Xác định màu sẽ được loại bỏ trong quá trình quét và điều chỉnh cài đặt mất màu cho màu đó.
	Ngưỡng đỏ mặc định	0–255 (128*)	
	Ngưỡng xanh lá mặc định	0–255 (128*)	
	Ngưỡng xanh dương mặc định	0–255 (128*)	

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Tự động phát hiện màu	Độ nhạy màu	1–9 (5*)	Đặt cấu hình cài đặt tự động phát hiện màu.
	Độ nhạy diện tích	1–9 (5*)	
	Độ sâu bit email	1 bit* 8 bit	
	Độ phân giải quét tối thiểu	75 dpi 150 dpi 200 dpi 300 dpi*	
Chất lượng JPEG	Không áp dụng	Tốt nhất cho nội dung* 5–95	Đặt chất lượng JPEG của hình ảnh đã quét.
Độ tương phản	Không áp dụng	Tốt nhất cho nội dung* 0–5	Xác định độ tương phản cho hình ảnh đã quét.
Loại bỏ nền	Phát hiện nền	Dựa trên nội dung* Cố định Cấp độ -4 đến 4 (0*)	Loại bỏ màu nền hoặc nhiễu hình ảnh khỏi tài liệu gốc.
Ảnh phản chiếu	Không áp dụng	Tắt* Bật	Tạo ảnh phản chiếu của tài liệu gốc.
Ảnh âm bản	Không áp dụng	Tắt* Bật	Tạo ảnh âm bản của tài liệu gốc.
Chi tiết bóng	Không áp dụng	-4 đến 4 (0*)	Điều chỉnh chi tiết bóng trong hình ảnh đã quét.
Quét từ cạnh đến cạnh	Không áp dụng	Tắt* Bật	Quét tài liệu gốc từ cạnh này sang cạnh kia.
Độ sắc nét	Không áp dụng	1–5 (3*)	Điều chỉnh độ sắc nét trong hình ảnh đã quét.
Nhiệt độ	Không áp dụng	-4 đến 4 (0*)	Tạo giấy ra của tài liệu gốc có màu xanh dương hoặc màu đỏ đậm hơn.
Trang trống	Xóa trang trống	Không xóa* Xóa	Xóa trang trống khỏi tài liệu gốc.
	Độ nhạy trang trống	1–9 (5*)	Đặt độ nhạy của bản quét tương quan với trang trống trong tài liệu gốc.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Kiểm soát quản trị

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Dung lượng email tối đa	0–65535 (0*)	Đặt kích thước tập tin cho phép cho mỗi email.
Thông báo lỗi dung lượng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định thông báo lỗi mà máy in gửi khi email vượt quá kích thước tập tin cho phép. Lưu ý: Bạn có thể nhập tối đa 1024 ký tự.
Đích giới hạn	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Giới hạn chỉ gửi email đến danh sách tên miền đã xác định. Lưu ý: Sử dụng dấu phẩy để phân tách từng tên miền.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Gửi cho tôi một bản sao	Không bao giờ xuất hiện* Bật theo mặc định Tắt theo mặc định Luôn bật	Gửi bản sao email cho chính bạn.
Chỉ cho phép email tự gửi	Tắt* Bật	Đặt máy in chỉ gửi email cho chính bạn.
Sử dụng cc:/bcc:	Tắt* Bật	Kích hoạt tính năng đồng gửi và đồng gửi bí mật trong email.
Sử dụng TIFF nhiều trang	Tắt* Bật	Cho phép quét nhiều hình ảnh TIFF trong một tập tin TIFF.
Nén TIFF	JPEG LZW*	Xác định loại nén cho tập tin TIFF.
Cài đặt mặc định văn bản	5–95 (75*)	Đặt chất lượng văn bản trong nội dung đã quét.
Cài đặt mặc định văn bản/ảnh	5–95 (75*)	Đặt chất lượng văn bản và ảnh trong nội dung đã quét.
Cài đặt mặc định của ảnh	5–95 (50*)	Đặt chất lượng ảnh trong nội dung đã quét.
Điều chỉnh độ lệch ADF	Tắt* Bật	Đặt máy in điều chỉnh hình ảnh bị lệch trong tài liệu đã quét từ ADF.
Nhật ký truyền	In nhật ký* Không in nhật ký Chỉ in lỗi	In nhật ký truyền cho các bản quét email.
Lưu lại nguồn giấy	Khay [x] (1*) Khay nạp giấy đa năng	Xác định nguồn giấy để in nhật ký.
Quét lệnh tùy chỉnh	Tắt* Bật	Đặt máy in quét bộ tài liệu gốc đầu tiên bằng cách sử dụng các cài đặt đã xác định, sau đó quét bộ tiếp theo với cùng cài đặt hoặc khác cài đặt. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
Xem trước khi quét	Tắt Bật*	Hiển thị bản xem trước khi quét của tài liệu gốc. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
Cho phép lưu dưới dạng phím tắt	Tắt Bật*	Lưu địa chỉ email làm phím tắt.
Gửi hình ảnh qua email dưới dạng	Tập tin đính kèm* Liên kết web	Xác định cách gửi hình ảnh được bao gồm trong email.
Đặt lại thông tin email sau khi gửi	Tắt Bật*	Đặt lại các trường Đến, Chủ đề, Thông báo và Tên tập tin về giá trị mặc định sau khi gửi email.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Thiết lập liên kết web

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Máy chủ	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định thông tin xác thực của máy chủ đang lưu trữ hình ảnh có trong email.
Đăng nhập	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
Mật khẩu	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
Đường dẫn	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
Tên tập tin	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
Liên kết web	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	

FTP

Cài đặt mặc định FTP

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Định dạng	Không áp dụng	JPEG (.jpg) PDF (.pdf)* TIFF (.tif) XPS (.xps) TXT (.txt) RTF (.rtf) DOCX (.docx) CSV (.csv)	Xác định định dạng tập tin cho ảnh quét.
Cài đặt OCR toàn cục	Ngôn ngữ được nhận dạng	[Danh sách ngôn ngữ]	Đặt cấu hình cài đặt cho nhận dạng ký tự quang học (OCR). Lưu ý: Menu này chỉ xuất hiện nếu bạn đã mua và cài đặt giải pháp OCR.
	Tự động xoay	Tắt* Bật	
	Khử nhiễu	Tắt* Bật	
	Tăng cường độ tương phản tự động	Tắt* Bật	
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cài đặt PDF	Phiên bản PDF	1,3 1,4 1,5* 1,6 1,7	Đặt cấu hình cài đặt PDF cho hình ảnh đã quét. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Phiên bản lưu trữ và Lưu trữ (PDF/A) chỉ được hỗ trợ khi đặt Phiên bản PDF thành 1.4 hoặc 1.7. • Tùy chọn Nén cao chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ. • Tùy chọn Bảo mật chỉ được hỗ trợ khi đặt Phiên bản PDF thành 1.4 trở lên.
	Lưu trữ (PDF/A)	Tắt* Bật	
	Phiên bản lưu trữ	A-1a* A-1b A-2u	
	Nén cao	Tắt* Bật	
	Bảo mật	Tắt* Bật	
	Có thể tìm kiếm	Tắt* Bật	
	Chia lệnh theo trang	0*	
Loại nội dung	Không áp dụng	Văn bản Văn bản/ảnh* Đồ họa Ảnh	Cải thiện kết quả giấy ra dựa trên loại nội dung của tài liệu gốc.
Nguồn nội dung	Không áp dụng	Laser đen trắng Laser màu* Phun mực Ảnh/phim Tạp chí Báo chí In ấn Khác	Cải thiện kết quả giấy ra dựa trên nguồn nội dung của tài liệu gốc.
Màu	Không áp dụng	Đen trắng Xám Màu sắc* Tự động	Đặt máy in chụp nội dung tập tin ở chế độ màu hoặc đơn sắc.
Độ phân giải	Không áp dụng	75 dpi 150 dpi* 200 dpi 300 dpi 400 dpi 600 dpi	Đặt độ phân giải của ảnh quét.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Độ tối	Không áp dụng	1–9 (5*)	Điều chỉnh độ tối của ảnh đã quét.
Hướng	Không áp dụng	Khổ dọc* Khổ ngang	Xác định hướng của tài liệu gốc.
Kích thước gốc	Không áp dụng	Kích thước chung*	Chọn khổ giấy của tài liệu gốc.
Mặt	Không áp dụng	Tất* Cạnh dài Cạnh ngắn	Xác định hướng khi quét trên cả hai mặt của tài liệu.
Tên tập tin	Không áp dụng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên tập tin của ảnh quét.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Quét ảnh nâng cao

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cân bằng màu	Lục lam Đỏ tím Vàng	-4-4 (0*) -4-4 (0*) -4-4 (0*)	Điều chỉnh cường độ màu cho màu lục lam, đỏ tươi và vàng.
Mất màu	Mất màu	Không có* Đỏ Xanh lá Xanh dương	Xác định màu sẽ được loại bỏ trong quá trình quét và điều chỉnh cài đặt mất màu cho màu đó.
	Ngưỡng đỏ mặc định	0–255 (128*)	
	Ngưỡng xanh lá mặc định	0–255 (128*)	
	Ngưỡng xanh dương mặc định	0–255 (128*)	
Tự động phát hiện màu	Độ nhạy màu	1–9 (5*)	Đặt cấu hình cài đặt tự động phát hiện màu.
	Độ nhạy diện tích	1–9 (5*)	
	Độ sâu bit email	1 bit* 8 bit	
	Độ phân giải quét tối thiểu	75 dpi 150 dpi 200 dpi 300 dpi*	
Chất lượng JPEG	Không áp dụng	Tốt nhất cho nội dung* 5–95	Đặt chất lượng JPEG của hình ảnh đã quét.
Độ tương phản	Không áp dụng	Tốt nhất cho nội dung* 0–5	Xác định độ tương phản cho hình ảnh đã quét.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Loại bỏ nền	Phát hiện nền	Dựa trên nội dung* Cố định Cấp độ -4 đến 4 (0*)	Loại bỏ màu nền hoặc nhiều hình ảnh khỏi tài liệu gốc.
Ảnh phản chiếu	Không áp dụng	Tắt* Bật	Tạo ảnh phản chiếu của tài liệu gốc.
Ảnh âm bản	Không áp dụng	Tắt* Bật	Tạo ảnh âm bản của tài liệu gốc.
Chi tiết bóng	Không áp dụng	-4 đến 4 (0*)	Điều chỉnh chi tiết bóng trong hình ảnh đã quét.
Quét từ cạnh đến cạnh	Không áp dụng	Tắt* Bật	Quét tài liệu gốc từ cạnh này sang cạnh kia.
Độ sắc nét	Không áp dụng	1-5 (3*)	Điều chỉnh độ sắc nét trong hình ảnh đã quét.
Nhiệt độ	Không áp dụng	-4 đến 4 (0*)	Tạo giấy ra của tài liệu gốc có màu xanh dương hoặc màu đỏ đậm hơn.
Trang trống	Xóa trang trống	Không xóa* Xóa	Xóa trang trống khỏi tài liệu gốc.
	Độ nhạy trang trống	1-9 (5*)	Đặt độ nhạy của bản quét tương quan với trang trống trong tài liệu gốc.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Kiểm soát quản trị

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Cài đặt mặc định văn bản	5-95 (75*)	Đặt chất lượng văn bản trên hình ảnh đã quét.
Cài đặt mặc định văn bản/ảnh	5-95 (75*)	Đặt chất lượng văn bản và ảnh trên hình ảnh đã quét.
Cài đặt mặc định của ảnh	5-95 (50*)	Đặt chất lượng của ảnh trên hình ảnh đã quét.
Sử dụng TIFF nhiều trang	Bật* Tắt	Cho phép quét nhiều hình ảnh TIFF trong một tập tin TIFF.
Nén TIFF	LZW* JPEG	Xác định loại nén cho tập tin TIFF.
Nhật ký truyền	In nhật ký* Không in nhật ký Chỉ in lỗi	In nhật ký truyền cho các bản quét qua FTP.
Lưu lại nguồn giấy	Khay [x] (1*) Khay nạp giấy đa năng	Xác định nguồn giấy để in nhật ký FTP.
Quét lệnh tùy chỉnh	Tắt* Bật	Đặt máy in quét bộ tài liệu gốc đầu tiên bằng cách sử dụng các cài đặt đã xác định, sau đó quét bộ tiếp theo với cùng cài đặt hoặc khác cài đặt. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
Xem trước khi quét	Tắt Bật*	Hiển thị bản xem trước của tài liệu gốc. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Cho phép lưu dưới dạng phím tắt	Tắt Bật*	Lưu địa chỉ FTP dưới dạng phím tắt.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Ổ USB

Quét ổ flash

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Định dạng	Không áp dụng	JPEG (.jpg) PDF (.pdf)* TIFF (.tif) XPS (.xps) TXT (.txt) RTF (.rtf)* DOCX (.doc) XLSX (.xlsx) CSV (.csv)	Xác định định dạng tập tin cho ảnh quét. Lưu ý: TXT (.txt), RTF (.rtf), DOCX (.docx), XLSX (.xlsx) và CSV (.csv) chỉ xuất hiện nếu bạn đã mua và cài đặt giải pháp nhận dạng ký tự quang học (OCR).
Cài đặt OCR toàn cục	Ngôn ngữ được nhận dạng	[Danh sách ngôn ngữ]	Đặt cấu hình cài đặt cho OCR. Lưu ý: Menu này chỉ xuất hiện nếu bạn đã mua và cài đặt giải pháp OCR.
	Tự động xoay	Tắt* Bật	
	Khử nhiễu	Tắt* Bật	
	Tăng cường độ tương phản tự động	Tắt* Bật	
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cài đặt PDF	Phiên bản PDF	1,3 1,4 1.5* 1,6 1,7	Đặt cấu hình cài đặt PDF của hình ảnh đã quét. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Lưu trữ (PDF/A) và Phiên bản lưu trữ - chỉ được hỗ trợ khi đặt Phiên bản PDF thành 1.4 hoặc 1.7. • Nén cao - chỉ xuất hiện khi bạn lắp đĩa cứng. • Bảo mật - chỉ được hỗ trợ khi đặt Phiên bản PDF thành 1.4 trở lên.
	Lưu trữ (PDF/A)	Tắt* Bật	
	Phiên bản lưu trữ	A-1a* A-1b A-2u	
	Nén cao	Tắt* Bật	
	Bảo mật	Tắt* Bật	
	Có thể tìm kiếm	Tắt* Bật	
Loại nội dung	Không áp dụng	Văn bản Văn bản/ảnh* Ảnh Đồ họa	Cải thiện kết quả giấy ra dựa trên loại nội dung của tài liệu gốc.
Nguồn nội dung	Không áp dụng	Laser đen trắng Laser màu* Phun mực Ảnh/phim Tạp chí Báo chí In ấn Khác	Cải thiện kết quả giấy ra dựa trên nguồn nội dung của tài liệu gốc.
Màu	Không áp dụng	Đen trắng Xám Màu sắc* Tự động	Đặt máy in chụp nội dung tập tin ở chế độ màu hoặc đơn sắc.
Độ phân giải	Không áp dụng	75 dpi 150 dpi* 200 dpi 300 dpi 400 dpi 600 dpi	Đặt độ phân giải của ảnh quét.
Độ tối	Không áp dụng	1–9 (5*)	Điều chỉnh độ tối của ảnh đã quét.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Hướng	Không áp dụng	Khổ dọc* Khổ ngang	Xác định hướng của tài liệu gốc.
Kích thước gốc	Không áp dụng	Kích thước chung*	Chọn khổ giấy của tài liệu gốc.
Mặt	Không áp dụng	Tất* Cạnh ngắn Cạnh dài	Xác định hướng của tài liệu gốc khi quét trên cả hai mặt của tài liệu.
Tên tập tin	Không áp dụng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên tập tin của ảnh quét.
Quét ảnh nâng cao	Cân bằng màu	Lục lam (0*) Đỏ tươi (0*) Vàng (0*)	Điều chỉnh cường độ màu cho màu lục lam, đỏ tươi và vàng.
	Mất màu	Mất màu (Không áp dụng*) Ngưỡng đỏ mặc định (128*) Ngưỡng xanh lá mặc định (128*) Ngưỡng xanh dương mặc định (128*)	Xác định màu sẽ được loại bỏ trong quá trình quét và điều chỉnh cài đặt mất màu cho màu đó.
	Tự động phát hiện màu	Độ nhạy màu (5*) Độ nhạy diện tích (5*) Độ sâu bit quét (1 bit*) Độ phân giải quét tối thiểu (300 dpi*)	Đặt cấu hình cài đặt tự động phát hiện màu.
	Chất lượng JPEG	Tốt nhất cho nội dung* 5–95	Đặt chất lượng JPEG của hình ảnh đã quét.
	Độ tương phản	Tốt nhất cho nội dung* 0–5	Xác định độ tương phản cho hình ảnh đã quét.
	Loại bỏ nền	Phát hiện nền (Dựa trên nội dung*) Cấp độ (0*)	Loại bỏ màu nền hoặc nhiễu hình ảnh khỏi tài liệu gốc.
	Ảnh phản chiếu	Tất* Bật	Tạo ảnh phản chiếu của tài liệu gốc.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Quét ảnh nâng cao	Ảnh âm bản	Tắt* Bật	Tạo ảnh âm bản của tài liệu gốc.
	Chi tiết bóng	-4 đến 4 (0*)	Điều chỉnh chi tiết bóng trong hình ảnh đã quét.
	Quét từ cạnh đến cạnh	Tắt* Bật	Quét tài liệu gốc từ cạnh này sang cạnh kia.
	Độ sắc nét	1–5 (3*)	Điều chỉnh độ sắc nét trong hình ảnh đã quét.
	Nhiệt độ	-4 đến 4 (0*)	Tạo giấy ra của tài liệu gốc có màu xanh dương hoặc màu đỏ đậm hơn.
	Trang trống	Xóa trang trống (Không xóa*) Độ nhạy trang trống (5*)	Đặt độ nhạy của bản quét tương quan với trang trống trong tài liệu gốc.
Kiểm soát quản trị	Cài đặt mặc định văn bản	5–95 (75*)	Đặt chất lượng văn bản trên hình ảnh đã quét.
	Cài đặt mặc định văn bản/ảnh	5–95 (75*)	Đặt chất lượng văn bản và ảnh trên hình ảnh đã quét.
	Cài đặt mặc định của ảnh	5–95 (50*)	Đặt chất lượng của ảnh trên hình ảnh đã quét.
	Sử dụng TIFF nhiều trang	Tắt Bật*	Cho phép quét nhiều hình ảnh TIFF trong một tập tin TIFF.
	Nén TIFF	JPEG LZW*	Xác định loại nén cho tập tin TIFF.
	Quét lệnh tùy chỉnh	Tắt* Bật	Đặt máy in quét bộ tài liệu gốc đầu tiên bằng cách sử dụng các cài đặt đã xác định, sau đó quét bộ tiếp theo với cùng cài đặt hoặc khác cài đặt. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
	Xem trước khi quét	Tắt* Bật	Hiển thị bản xem trước khi quét của tài liệu gốc. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
	Điều chỉnh độ lệch ADF	Tắt Bật*	Đặt máy in để điều chỉnh hình ảnh bị lệch trong tài liệu được quét từ khay nạp tài liệu tự động.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

In ổ flash

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Số lượng bản sao	1–9999 (1*)	Đặt số lượng bản sao trong một lệnh in.
Nguồn giấy	Khay [x] (1*) Khay nạp giấy đa năng Giấy thủ công Phong bì thủ công	Đặt nguồn giấy cho lệnh in.
Màu	Tắt Bật*	In màu ổ flash.
In theo bộ	Tắt [1,1,1,2,2,2] Bật [1,2,1,2,1,2]*	Xếp chồng các trang của một lệnh in theo trình tự, đặc biệt khi in nhiều bản sao của lệnh in.
Mặt	1 mặt* 2 mặt	Xác định in trên một mặt hoặc cả hai mặt giấy.
Dập ghim	Tắt* 1 ghim, góc trên bên trái 2 ghim, trái 1 ghim, góc trên bên phải 2 ghim, trên cùng 1 ghim, góc dưới bên trái 2 ghim, dưới cùng 1 ghim, góc dưới bên phải 2 ghim, phải	Xác định vị trí dập ghim cho tất cả các lệnh in. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim.
Dập lỗ	Tắt* 2 lỗ 3 lỗ 4 lỗ	Đặt chế độ đục lỗ cho tất cả lệnh in. Lưu ý: Mục này trong menu chỉ xuất hiện khi bạn lắp bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ hoặc bộ hoàn thiện tập sách.
Trang offset	Không có* Giữa các bản sao Giữa các lệnh	Offset giấy ra của mỗi lệnh in hoặc mỗi bản sao của một lệnh in. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Giữa các bản sao mỗi bản sao của một lệnh in nếu tùy chọn In theo bộ được đặt thành Bật [1,2,1,2,1,2]. Nếu tùy chọn In theo bộ được đặt thành Tắt [1,1,1,2,2,2], thì mỗi bộ trang được in sẽ được offset, chẳng hạn như tất cả các trang được chỉ định là 1 và tất cả các trang được chỉ định là 2. Giữa các lệnh - đặt cùng một vị trí offset cho toàn bộ lệnh in bất kể số lượng bản in.
Kiểu lật	Cạnh dài* Cạnh ngắn	Xác định sẽ kẹp mặt nào của giấy khi thực hiện in hai mặt.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Số trang trên mỗi mặt	Tắt* 2 trang mỗi mặt 3 trang mỗi mặt 4 trang mỗi mặt 6 trang mỗi mặt 9 trang mỗi mặt 12 trang mỗi mặt 16 trang mỗi mặt	In nhiều hình ảnh trang trên một mặt của một tờ giấy.
Điều chỉnh vị trí số trang mỗi mặt	Ngang* Đảo chiều ngang Đảo chiều dọc Dọc	Xác định vị trí hình ảnh của nhiều trang khi sử dụng menu Số trang mỗi mặt .
Hướng số trang mỗi mặt	Tự động* Khổ ngang Khổ dọc	Xác định hướng hình ảnh của nhiều trang khi sử dụng menu Số trang mỗi mặt .
Viền trang mỗi mặt	Không có* Đồng màu	In viền quanh mỗi hình ảnh trang khi sử dụng menu Số trang mỗi mặt .
Trang phân cách	Tắt* Giữa các bản sao Giữa các lệnh Giữa các trang	Chèn trang phân cách trống khi in.
Nguồn in trang phân cách	Khay [x] (1*) Khay nạp giấy đa năng	Xác định nguồn giấy cho trang phân cách.
Trang trống	Không in* In	In trang trống trong lệnh in.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mạng/công

Tổng quan về mạng

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bộ điều hợp đang hoạt động	Tự động* Mạng chuẩn Không dây	Chỉ định loại kết nối mạng. Lưu ý: Không dây chỉ khả dụng trong các máy in được kết nối với mạng không dây.
Trạng thái mạng	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị trạng thái kết nối của mạng máy in.
Hiển thị trạng thái mạng trên máy in	Tắt Bật*	Hiển thị trạng thái mạng trên màn hình.
Tốc độ, hai mặt	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị tốc độ của thẻ mạng hiện đang hoạt động.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
IPv4	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị địa chỉ IPv4.
Tất cả địa chỉ IPv6	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị tất cả địa chỉ IPv6.
Đặt lại máy chủ in	Bắt đầu	Đặt lại tất cả kết nối mạng đang hoạt động với máy in. Lưu ý: Cài đặt này xóa tất cả cài đặt cấu hình mạng.
Thời gian chờ lệnh mạng	Tắt Bật* (90 giây)	Đặt thời gian trước khi máy in hủy lệnh in qua mạng.
Phần đầu trang	Tắt Bật*	In phần đầu trang.
Quét theo phạm vi cổng PC	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định phạm vi cổng hợp lệ cho máy in có tường lửa chặn cổng.
Bật kết nối mạng	Tắt Bật*	Cho phép máy in kết nối mạng.
Bật LLDP	Tắt* Bật	Hiển thị trạng thái mạng trên màn hình chính.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Không dây

Lưu ý: Menu này chỉ khả dụng ở các máy in được kết nối với mạng Wi-Fi hoặc máy in có bộ điều hợp mạng không dây.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Thiết lập trên bảng điều khiển máy in	Chọn mạng	[Danh sách các mạng không dây khả dụng]	Xác định mạng không dây mà máy in kết nối.
	Thêm mạng Wi-Fi	Tên mạng Chế độ mạng (Cơ sở hạ tầng*) Chế độ bảo mật không dây (Đã tắt*)	Nhập thủ công tên mạng và loại mạng.
Thiết lập Wi-Fi bảo mật	Không áp dụng	Bắt đầu phương pháp nút nhấn Bắt đầu phương pháp mã PIN	Thiết lập mạng Wi-Fi và bật bảo mật mạng. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Bắt đầu phương pháp nút nhấn kết nối máy in với mạng Wi-Fi khi các nút trên cả máy in và điểm truy cập (bộ định tuyến không dây) được ấn trong một khoảng thời gian nhất định. Bắt đầu phương pháp mã PIN kết nối máy in với mạng Wi-Fi khi một mã PIN trên máy in được nhập vào cài đặt không dây của điểm truy cập.
Chế độ mạng	Không áp dụng	Loại BSS Cơ sở hạ tầng*	Xác định chế độ mạng.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Khả năng tương thích	Không áp dụng	802.11b/g/n (2.4GHz)* 802.11a/b/g/n/ac (2,4GHz/5GHz) 802.11a/n/ac (5GHz)	Xác định tiêu chuẩn cho mạng Wi-Fi. Lưu ý: 802.11a/b/g/n/ac (2.4GHz/5GHz) và 802.11a/n/ac (5GHz) chỉ xuất hiện khi một tùy chọn Wi-Fi được cài đặt.
Chế độ bảo mật không dây	Không áp dụng	Đã tắt* WPA2/WPA - Cá nhân WPA2 - Cá nhân WPA3/WPA - Cá nhân WPA3 - Cá nhân 802.1x - BÁN KÍNH	Đặt chế độ bảo mật để kết nối máy in với thiết bị Wi-Fi.
WPA2/WPA Cá nhân	Không áp dụng	AES	Bật bảo mật Wi-Fi thông qua Wi-Fi Protected Access (WPA). Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi chế độ bảo mật không dây được đặt thành WPA2/WPA - Cá nhân .
Đặt PSK	Không áp dụng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt mật khẩu cho kết nối Wi-Fi an toàn.
WPA2 - Cá nhân	Không áp dụng	AES	Bật bảo mật Wi-Fi thông qua WPA2. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi chế độ bảo mật không dây được đặt thành WPA2 - Cá nhân .
Chế độ mã hóa 802.1x	Không áp dụng	WPA+ WPA2*	Bật bảo mật Wi-Fi thông qua chuẩn 802.1x. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Mục menu này chỉ xuất hiện khi chế độ bảo mật không dây được đặt thành 802.1x - BÁN KÍNH. Chỉ có thể đặt cấu hình 802.1x - BÁN KÍNH từ Máy chủ web nhúng.
IPv4	Bật DHCP	Bật* Tắt	Bật và đặt cấu hình cài đặt IPv4 trong máy in.
	Đặt địa chỉ IP tĩnh	Địa chỉ IP Mật nạ mạng Cổng	

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
IPv6	Bật IPv6	Bật* Tắt	Bật và đặt cấu hình cài đặt IPv6 trong máy in.
	Bật DHCPv6	Bật Tắt*	
	Tự động cấu hình địa chỉ không giữ trạng thái	Bật* Tắt	
	Địa chỉ máy chủ DNS	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	Địa chỉ IPv6 được gán thủ công	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	Bộ định tuyến IPv6 được gán thủ công	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	Tiền tố địa chỉ	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	Tắt cả địa chỉ IPv6	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	Tắt cả địa chỉ bộ định tuyến IPv6	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
Địa chỉ mạng	Không áp dụng	UAA LAA	Xem địa chỉ mạng.
PCL SmartSwitch	Không áp dụng	Tắt Bật*	Đặt máy in tự động chuyển sang mô phỏng PCL khi một lệnh in yêu cầu, không phụ thuộc vào ngôn ngữ máy in mặc định. Lưu ý: Nếu PCL SmartSwitch được đặt thành Tắt, máy in sẽ không kiểm tra dữ liệu đến và sử dụng ngôn ngữ mặc định của máy in được xác định trong menu Thiết lập .
PS SmartSwitch	Không áp dụng	Tắt Bật*	Đặt máy in tự động chuyển sang mô phỏng PS khi một lệnh in yêu cầu, không phụ thuộc vào ngôn ngữ máy in mặc định. Lưu ý: Nếu PS SmartSwitch được đặt thành Tắt, máy in sẽ không kiểm tra dữ liệu đến và sử dụng ngôn ngữ mặc định của máy in được xác định trong menu Thiết lập .
Lưu lệnh vào vùng đệm	Không áp dụng	Bật Tắt*	Tạm thời lưu trữ lệnh in trong ổ lưu trữ trước khi in. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp thiết bị lưu trữ.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Mac Binary PS	Không áp dụng	Tự động* Bật Tắt	Đặt máy in để xử lý lệnh in mô phỏng PostScript nhị phân Macintosh. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Nếu Bật, máy in sẽ xử lý lệnh in mô phỏng PostScript nhị phân thô. Tắt lọc lệnh in bằng giao thức tiêu chuẩn.

Wi-Fi Direct

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bật Wi-Fi Direct	Bật Tắt*	Đặt máy in để kết nối trực tiếp với các thiết bị Wi-Fi.
Tên Wi-Fi Direct	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên của mạng Wi-Fi Direct.
Mật khẩu Wi-Fi Direct	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt mật khẩu để xác thực người dùng kết nối Wi-Fi.
Hiển thị mật khẩu trên trang thiết lập	Tắt Bật*	Hiển thị mật khẩu Wi-Fi Direct trên Trang thiết lập mạng .
Mã kênh ưu tiên	1–11 Tự động*	Đặt kênh ưu tiên của mạng Wi-Fi.
Địa chỉ IP chủ nhóm	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ IP của chủ nhóm.
Tự động chấp nhận yêu cầu nút nhấn	Tắt* Bật	Tự động chấp nhận yêu cầu kết nối mạng. Lưu ý: Việc tự động chấp nhận máy khách không đảm bảo an toàn.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Quản lý dịch vụ di động

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bật IPP Print	Bật* Tắt	Cho phép máy in mạng thực hiện lệnh in bằng Giao thức in Internet (IPP).
Bật IPP Fax	Bật* Tắt	Cho phép máy in USB gửi lệnh fax bằng IPP.
Bật IPP qua USB	Bật* Tắt	Cho phép máy in USB thực hiện tác vụ in bằng IPP. Lưu ý: IPP thường được thiết kế dành cho máy in mạng.
Bật quét	Bật* Tắt	Cho phép máy in mạng thực hiện lệnh in bằng giao thức eSCL.
Bật khám phá Mopria	Bật* Tắt	Cho phép thiết bị di động khám phá máy in được Mopria™ chứng nhận.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Ethernet

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Tốc độ mạng	Không áp dụng	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị tốc độ của bộ điều hợp mạng hoạt động.
IPv4	Bật DHCP	Bật* Tắt	Đặt cấu hình cài đặt IPv4. Lưu ý: Đây là cài đặt do người dùng xác định.
	Đặt địa chỉ IP tĩnh	Địa chỉ IP Mặt nạ mạng Cổng	
IPv6	Bật IPv6	Bật* Tắt	Đặt cấu hình cài đặt IPv6.
	Bật DHCPv6	Tắt* Bật	
	Tự động cấu hình địa chỉ không giữ trạng thái	Bật* Tắt	
	Địa chỉ máy chủ DNS	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	Địa chỉ IPv6 được gán thủ công	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	Bộ định tuyến IPv6 được gán thủ công	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
	Tiền tố địa chỉ (64*)	0–128 (64*)	
	Tắt cả địa chỉ IPv6	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	
	Tắt cả địa chỉ bộ định tuyến IPv6	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	
Địa chỉ mạng	Không áp dụng	UAA LAA	Xác định địa chỉ mạng.
PCL SmartSwitch	Không áp dụng	Tắt Bật*	Đặt máy in tự động chuyển sang mô phỏng PCL khi một lệnh in yêu cầu, không phụ thuộc vào ngôn ngữ máy in mặc định. Lưu ý: Nếu cài đặt này đã tắt, máy in sẽ không kiểm tra dữ liệu đến và sử dụng ngôn ngữ mặc định của máy in được xác định trong menu Thiết lập .
PS SmartSwitch	Không áp dụng	Tắt Bật*	Đặt máy in tự động chuyển sang mô phỏng PostScript khi lệnh in yêu cầu, bất kể ngôn ngữ mặc định của máy in là gì. Lưu ý: Nếu cài đặt này đã tắt, máy in sẽ không kiểm tra dữ liệu đến và sử dụng ngôn ngữ mặc định của máy in được xác định trong menu Thiết lập .
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Lưu lệnh vào vùng đệm	Không áp dụng	Tắt* Bật	Tạm thời lưu trữ lệnh trong ổ lưu trữ trước khi in. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
Mac Binary PS	Không áp dụng	Tự động* Tắt Bật	Đặt máy in để xử lý lệnh in mô phỏng PostScript nhị phân Macintosh. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Tự động xử lý các lệnh in từ máy tính sử dụng hệ điều hành Windows hoặc Macintosh. • Tùy chọn Tắt sẽ lọc các lệnh in mô phỏng PostScript sử dụng giao thức tiêu chuẩn.
Ethernet tiết kiệm năng lượng	Không áp dụng	Bật Tắt Tự động*	Giảm mức tiêu thụ điện khi máy in không nhận dữ liệu từ mạng Ethernet.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

TCP/IP

Lưu ý: Menu này chỉ xuất hiện trong các máy in mạng hoặc máy in kết nối với máy chủ in.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Đặt tên máy chủ	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt tên máy chủ TCP/IP hiện tại.
Tên miền	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt tên miền.
Cho phép DHCP/BOOTP cập nhật máy chủ NTP	Bật* Tắt	Cho phép máy khách Dynamic Host Configuration Protocol (DHCP) và BOOTstrap Protocol (BOOTP) cập nhật cài đặt NTP của máy in.
Tên cấu hình không	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên dịch vụ cho mạng cấu hình không.
Bật IP tự động	Tắt Bật*	Gán địa chỉ IP tự động.
Địa chỉ máy chủ DNS	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ máy chủ Hệ thống phân giải tên miền (DNS) hiện tại.
Sao lưu địa chỉ máy chủ DNS	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ máy chủ DNS dự phòng.
Sao lưu địa chỉ máy chủ DNS 2		
Sao lưu địa chỉ máy chủ DNS 3		
Thứ tự tìm kiếm tên miền	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định danh sách tên miền để định vị máy in và tài nguyên của máy in nằm trong các tên miền khác nhau trên mạng.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bật DDNS	Tắt* Bật	Cập nhật cài đặt DNS động.
DDNS TTL	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định cài đặt DDNS hiện tại.
TTL mặc định		
Thời gian làm mới DDNS		
Bật mDNS	Tắt Bật*	Cập nhật cài đặt DNS đa hướng.
Địa chỉ máy chủ WINS	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ máy chủ cho Dịch vụ tên Internet Windows (WINS).
Bật BOOTP	Tắt* Bật	Cho phép BOOTP gán địa chỉ IP máy in.
Danh sách máy chủ bị hạn chế	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định các địa chỉ IP được phép giao tiếp với máy in qua TCP/IP. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Sử dụng dấu phẩy để phân tách từng địa chỉ IP. Bạn có thể thêm tối đa 50 địa chỉ IP.
Tùy chọn danh sách máy chủ bị hạn chế	Chặn tất cả các cổng* Chỉ chặn in Chỉ chặn in và HTTP	Xác định tùy chọn truy cập cho các địa chỉ IP không có trong danh sách.
MTU	256-1500 Ethernet (1500*)	Xác định tham số đơn vị truyền tối đa (MTU) cho các kết nối TCP.
Cổng in thô	1-65535 (9100*)	Xác định số cổng thô cho các máy in được kết nối trên một mạng.
Tốc độ tối đa lưu lượng đi	Tắt* Bật	Đặt tốc độ truyền tối đa của máy in. Lưu ý: Khi được bật, tùy chọn cho cài đặt này là 100 – 1000000 Kilobit/giây.
Hỗ trợ TLS	Bật TLSv1.0 (Tắt*) Bật TLSv1.1 (Tắt*) Bật TLSv1.2 (Bật*)	Bật giao thức Bảo mật tầng truyền tải.
Danh sách mật mã SSL	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định thuật toán mã hóa để sử dụng cho kết nối SSL hoặc TLS.
Danh sách mật mã TLSv1.3 SSL		
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

SNMP

Lưu ý: Menu này chỉ xuất hiện trong các máy in mạng hoặc máy in kết nối với máy chủ in.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
SNMP phiên bản 1 và 2c	Đã bật	Tắt Bật*	Đặt cấu hình Giao thức quản lý mạng đơn giản (SNMP) phiên bản 1 và 2c để cài đặt trình điều khiển và ứng dụng in.
	Cho phép cài đặt SNMP	Tắt Bật*	
	Bật PPM MIB	Tắt Bật*	
	Cộng đồng SNMP	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	
SNMP phiên bản 3	Đã bật	Tắt Bật*	Cho phép SNMP phiên bản 3 cài đặt và cập nhật bảo mật máy in.
	Tên ngữ cảnh	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Nhập tên ngữ cảnh.
	Cài đặt thông tin đăng nhập đọc/ghi	Tên người dùng Mật khẩu xác thực Mật khẩu riêng tư	Nhập thông tin đăng nhập đọc và ghi cho SNMP phiên bản 3.
	Cài đặt thông tin đăng nhập chỉ đọc	Tên người dùng Mật khẩu xác thực Mật khẩu riêng tư	Nhập thông tin đăng nhập chỉ đọc cho SNMP phiên bản 3.
	Hàm băm xác thực	MD5 SHA1*	Đặt hàm băm xác thực áp dụng.
	Cấp xác thực tối thiểu	Không xác thực, không bảo mật Xác thực, không bảo mật Xác thực, bảo mật*	Đặt cấp xác thực tối thiểu áp dụng.
	Thuật toán bảo mật	DES AES-128*	Đặt thuật toán bảo mật áp dụng.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

IPSec

Lưu ý: Menu này chỉ xuất hiện trong các máy in mạng hoặc máy in kết nối với máy chủ in.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bật IPSec	Tắt* Bật	Bật Bảo mật giao thức internet (IPSec).
Cấu hình cơ sở	Mặc định* Khả năng tương thích Bảo mật	Cài đặt cấu hình cơ sở IPSec. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi cài đặt Bật IPSec thành Bật .
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Đề xuất nhóm DH (Diffie-Hellman)	modp2048 (14)* modp3072 (15) modp4096 (16) modp6144 (17)	Cài đặt cấu hình cơ sở IPSec. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt Cấu hình cơ sở thành Khả năng tương thích .
Phương pháp mã hóa đề xuất	3DES AES*	Đặt phương pháp mã hóa. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt Cấu hình cơ sở thành Khả năng tương thích .
Phương pháp xác thực đề xuất	SHA1 SHA256* SHA512	Đặt phương thức xác thực. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt Cấu hình cơ sở thành Khả năng tương thích .
Tuổi thọ IKE SA (giờ)	1 2 4 8 24*	Xác định thời hạn IKE SA. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt Cấu hình cơ sở thành Bảo mật .
Tuổi thọ IPSec SA (giờ)	1 2 4 8 24*	Xác định thời hạn IPSec SA. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt Cấu hình cơ sở thành Bảo mật .
Chứng chỉ thiết bị IPSec	mặc định*	Xác định chứng chỉ IPSec. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi cài đặt Bật IPSec thành Bật .
Kết nối được xác thực bằng khóa chia sẻ trước	Máy chủ [x]	Đặt cấu hình kết nối đã xác thực của máy in. Lưu ý: Các mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt Bật IPSec thành Bật .
Kết nối được xác thực bằng chứng chỉ	Máy chủ [x] Địa chỉ/mạng phụ]	
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

802.1x

Lưu ý: Menu này chỉ xuất hiện trong các máy in mạng hoặc máy in kết nối với máy chủ in.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Hoạt động	Không áp dụng	Tắt* Bật	Cho phép máy in kết nối với các mạng cần xác thực trước khi cho phép truy cập.
Xác thực 802.1x	Tên đăng nhập thiết bị	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên đăng nhập duy nhất.
	Mật khẩu đăng nhập thiết bị	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định mật khẩu duy nhất.
	Xác thực chứng chỉ máy chủ	Bật* Tắt	Bật tùy chọn này để yêu cầu xác minh chứng chỉ bảo mật trên máy chủ xác thực.
	Bật ghi nhật ký sự kiện	Bật Tắt*	Cho phép máy in ghi nhật ký kết nối.
	Chứng chỉ thiết bị 802.1x	mặc định*	Chọn chứng chỉ kỹ thuật số mà bạn muốn sử dụng. Lưu ý: Nếu bạn chỉ cài đặt một chứng chỉ thì tùy chọn mặc định sẽ là tùy chọn duy nhất xuất hiện.
Cơ chế xác thực	EAP - MD5	Bật* Tắt	Bật khuôn khổ Extensible Authentication Protocol (EAP) MD5.
	EAP - MSCHAPv2	Bật* Tắt	Bật phương pháp xác thực EAP Microsoft Challenge Handshake Authentication Protocol (MSCHAP) phiên bản 2.
	LEAP	Bật* Tắt	Bật Lightweight Extensible Authentication Protocol (LEAP), phiên bản sửa đổi của MSCHAP.
	PEAP	Bật* Tắt	Bật Protected Extensible Authentication Protocol (PEAP), một phương pháp xác thực an toàn hơn cho 802.11 WLAN. PEAP hỗ trợ kiểm soát quyền truy cập cổng 802.1x.
	EAP - TLS	Bật* Tắt	Bật EAP Transport Layer Security (TLS), một giao thức trong đó máy khách và máy chủ xác thực lẫn nhau bằng chứng chỉ kỹ thuật số.
	EAP - TTLS	Bật* Tắt	Bật EAP tunneled Transport Layer Security (TLS), một giao thức tương tự như EAP_TLS ngoại trừ việc chỉ máy chủ mới có chứng chỉ để xác thực chính nó với máy khách trước.
	Phương pháp xác thực TTLS	CHAP MSCHAP MSCHAPv2* PAP	Chọn phương pháp EAP TTLS sẽ sử dụng cho thiết bị của bạn.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Cấu hình LPD

Lưu ý: Menu này chỉ xuất hiện trong các máy in mạng hoặc máy in kết nối với máy chủ in.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Thời gian chờ LPD	0–65535 giây (90*)	Đặt giá trị thời gian chờ để dừng máy chủ Daemon máy in dòng (LPD) chờ vô thời hạn đối với các lệnh in bị treo hoặc không hợp lệ.
Phần đầu trang LPD	Tắt* Bật	In phần đầu trang cho tất cả lệnh in LPD. Lưu ý: Phần đầu trang là trang đầu tiên của lệnh in được sử dụng làm trang phân tách cho các lệnh in và xác định người khởi tạo yêu cầu lệnh in.
Trang cuối LPD	Tắt* Bật	In trang cuối cho tất cả lệnh in LPD. Lưu ý: Trang cuối là trang cuối cùng của một lệnh in.
Chuyển đổi trở về đầu dòng LPD	Tắt* Bật	Bật chuyển đổi trở về đầu dòng. Lưu ý: Trở về đầu dòng là cơ chế ra lệnh cho máy in di chuyển vị trí của con trỏ đến vị trí đầu tiên trên cùng một dòng.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Cài đặt HTTP/FTP

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Proxy	Địa chỉ IP proxy HTTP	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt cấu hình cài đặt máy chủ HTTP.
	Cổng IP mặc định HTTP	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt cấu hình địa chỉ cổng IP mặc định HTTP. Lưu ý: Cổng mặc định gốc cho HTTP là 80.
	Địa chỉ IP proxy FTP	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Cấu hình cài đặt FTP.
	Cổng IP mặc định FTP	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Đặt cấu hình địa chỉ cổng IP mặc định FTP. Lưu ý: Cổng mặc định gốc cho HTTP là 21.
	Xác thực	Không có Tự động* Cơ bản Tóm tắt NTLM	Xác định thông tin đăng nhập xác thực.
	Tên người dùng	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên người dùng duy nhất.
	Mật khẩu	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định mật khẩu duy nhất.
	Tên miền cục bộ	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định tên miền cho máy chủ HTTP và FTP.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cài đặt khác	Bật máy chủ HTTP	Bật* Tắt	Truy cập Máy chủ web nhúng để giám sát và quản lý máy in.
	Bật HTTPS	Bật* Tắt	Bật Bảo mật giao thức truyền siêu văn bản (HTTPS) để mã hóa dữ liệu truyền đến và từ máy chủ in.
	Buộc kết nối HTTPS	Bật Tắt*	Bắt buộc máy in sử dụng kết nối HTTPS.
	Bật FTP/TFTP	Bật* Tắt	Gửi tập tin bằng FTP/TFTP.
	Chứng chỉ thiết bị HTTPS	mặc định*	Xem chứng chỉ thiết bị HTTP được sử dụng trên máy in.
	Thời gian chờ yêu cầu HTTP/FTP	1–299 giây (30*)	Xác định khoảng thời gian trước khi kết nối máy chủ dừng lại.
	Lần thử lại cho yêu cầu HTTP/FTP	1–299 giây (3*)	Đặt số lần thử lại để kết nối với máy chủ HTTP/FTP.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

ThinPrint

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bật ThinPrint	Tắt* Bật	In bằng ThinPrint.
Số cổng	4000–4999 (4000*)	Đặt số cổng cho máy chủ ThinPrint.
Băng thông (bit/giây)	100–1000000 (0*)	Đặt tốc độ truyền dữ liệu trong môi trường ThinPrint.
Kích thước gói (kbyte)	0–64000 (0*)	Đặt kích thước gói để truyền dữ liệu.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

USB

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
PCL SmartSwitch	Tắt Bật*	Đặt máy in chuyển sang mô phỏng PCL khi có yêu cầu từ một lệnh in nhận được qua cổng USB, bất kể ngôn ngữ mặc định của máy in. Lưu ý: Nếu cài đặt này đã tắt, máy in sẽ không kiểm tra dữ liệu đến và sử dụng ngôn ngữ mặc định của máy in được xác định trong menu Thiết lập .
PS SmartSwitch	Tắt Bật*	Đặt máy in chuyển sang mô phỏng PostScript khi nhận được lệnh in qua cổng USB yêu cầu chuyển, bất kể ngôn ngữ mặc định của máy in là gì. Lưu ý: Nếu cài đặt này đã tắt, máy in sẽ không kiểm tra dữ liệu đến và sử dụng ngôn ngữ mặc định của máy in được xác định trong menu Thiết lập .
Lưu lệnh vào vùng đệm	Tắt* Bật	Tạm thời lưu trữ lệnh trong ổ lưu trữ trước khi in. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Mac Binary PS	Tự động* Bật Tắt	Đặt máy in để xử lý lệnh in mô phỏng PostScript nhị phân Macintosh. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Tự động xử lý các lệnh in từ máy tính sử dụng hệ điều hành Windows hoặc Macintosh. • Tùy chọn Tắt sẽ lọc các lệnh in mô phỏng PostScript sử dụng giao thức tiêu chuẩn.
Bật cổng USB	Tắt Bật*	Bật cổng ổ USB phía trước và phía sau.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Hạn chế quyền truy cập mạng bên ngoài

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Hạn chế quyền truy cập mạng bên ngoài	Tắt* Bật	Hạn chế quyền truy cập vào các trang mạng.
Địa chỉ mạng bên ngoài	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định các địa chỉ mạng có quyền truy cập bị hạn chế.
Địa chỉ email để thông báo	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ email để gửi thông báo về các sự kiện đã ghi nhật ký.
Tần suất ping	1–300 (10*)	Xác định khoảng thời gian truy vấn mạng tính bằng giây.
Chủ đề	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định chủ đề và nội dung email thông báo.
Thông báo		
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Bảo mật

Phương thức đăng nhập

Quản lý quyền

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Truy cập chức năng	Truy cập số địa chỉ trong ứng dụng Sửa đổi số địa chỉ Quản lý phím tắt Tạo hồ sơ Quản lý dấu trang In ổ flash In màu ổ flash Quét ổ flash Chức năng sao chép In màu bản sao Mất màu Chức năng email Chức năng fax Chức năng FTP Bỏ tạm dừng fax Quyền truy cập lệnh đã tạm dừng Sử dụng hồ sơ Hủy lệnh trên thiết bị Thay đổi ngôn ngữ Giao thức in Internet (IPP) Khởi tạo quét từ xa In đen trắng In màu Thư mục mạng - Quét Đĩa cứng - In Đĩa cứng - In màu Đĩa cứng - Quét	Xác định chức năng máy in mà người dùng có thể truy cập. Lưu ý: Một số mục menu chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.
Menu quản trị	Menu bảo mật Menu mạng/cổng Menu giấy Menu báo cáo Menu cấu hình chức năng Menu vật tư Menu thẻ tùy chọn Menu SE Menu thiết bị	Xác định menu máy in mà người dùng có thể truy cập.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Quản lý thiết bị	Quản lý từ xa Cập nhật phần mềm cơ sở Cấu hình ứng dụng Khóa bảng điều khiển của người vận hành Truy cập máy chủ web nhúng Nhập/xuất tất cả cài đặt Xóa ngoài dịch vụ Đăng ký dịch vụ đám mây	Xác định chức năng Quản lý thiết bị mà người dùng có thể truy cập.
Ứng dụng	Ứng dụng mới Bản trình chiếu Thay đổi hình nền Trình bảo vệ màn hình Sao chép thẻ Trung tâm quét Tùy chỉnh trung tâm quét [x]	Kiểm soát quyền truy cập vào các ứng dụng máy in.

Tài khoản cục bộ

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Quản lý nhóm/quyền	Thêm nhóm	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định nhóm có quyền truy cập vào các chức năng của máy in, menu quản trị, tùy chọn quản lý máy in và ứng dụng.
	Tất cả người dùng	Nhập kiểm soát quyền truy cập	Nhập kiểm soát quyền truy cập từ tài khoản đã đăng ký trong máy in.
Thêm người dùng	Tên người dùng/mật khẩu Tên người dùng Mật khẩu PIN	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Thêm người dùng và xác định phương thức đăng nhập vào máy in.

Phương thức đăng nhập mặc định

Lưu ý: Menu này chỉ xuất hiện khi bạn đặt cấu hình menu **Tài khoản cục bộ**.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bảng điều khiển	Tên người dùng/mật khẩu Tên người dùng Mật khẩu PIN	Chỉ định phương thức đăng nhập mặc định để truy cập bảng điều khiển.
Trình duyệt	Tên người dùng/mật khẩu Tên người dùng Mật khẩu PIN	Chỉ định phương thức đăng nhập mặc định để truy cập trình duyệt.

Lên lịch thiết bị USB

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Lịch	Thêm lịch mới	Lưu lịch Thao tác Ngày Thời gian	Lên lịch truy cập vào cổng USB phía trước.

Nhật ký kiểm tra bảo mật

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bật kiểm tra	Tắt* Bật	Đặt máy in để ghi lại các sự kiện trong nhật ký kiểm tra bảo mật và nhật ký hệ thống từ xa.
Bật nhật ký hệ thống từ xa	Tắt* Bật	Đặt máy in để gửi nhật ký kiểm tra đến máy chủ từ xa.
Máy chủ nhật ký hệ thống từ xa	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định máy chủ nhật ký hệ thống từ xa.
Cổng nhật ký hệ thống từ xa	1-65535 (514*)	Xác định cổng mà máy in gửi các sự kiện đã ghi nhật ký đến máy chủ từ xa.
Phương pháp nhật ký hệ thống từ xa	UDP thông thường* Stunnel	Xác định giao thức mà máy in sử dụng để truyền các sự kiện đã ghi nhật ký đến máy chủ từ xa.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Cơ sở nhật ký hệ thống từ xa	0 - Thông báo chính 1 - Thông báo cấp người dùng 2 - Hệ thống thư 3 - Daemon hệ thống 4 - Thông báo bảo mật/ủy quyền* 5 - Thông báo do nhật ký hệ thống tạo nội bộ 6 - Hệ thống con máy in dòng 7 - Hệ thống con tin tức mạng 8 - Hệ thống con UUCP 9 - Daemon đồng hồ 10 - Thông báo bảo mật/ủy quyền 11 - Daemon FTP 12 - Hệ thống con NTP 13 - Kiểm tra nhật ký 14 - Cảnh báo nhật ký 15 - Daemon đồng hồ 16 - Sử dụng cục bộ 0 (local0) 17 - Sử dụng cục bộ 1 (local1) 18 - Sử dụng cục bộ 2 (local2) 19 - Sử dụng cục bộ 3 (local3) 20 - Sử dụng cục bộ 4 (local4) 21 - Sử dụng cục bộ 5 (local5) 22 - Sử dụng cục bộ 6 (local6) 23 - Sử dụng cục bộ 7 (local7)	Xác định giá trị Cơ sở mà máy in sử dụng khi gửi sự kiện nhật ký đến máy chủ nhật ký hệ thống từ xa.
Mức độ nghiêm trọng của sự kiện cần ghi nhật ký	0 - Khẩn cấp 1 - Cảnh báo 2 - Nghiêm trọng 3 - Lỗi 4 - Cảnh báo* 5 - Lưu ý 6 - Thông tin 7 - Gỡ lỗi	Xác định giá trị mức độ nghiêm trọng của từng sự kiện.
Sự kiện không được ghi bởi nhật ký hệ thống từ xa	Tắt* Bật	Đặt máy in để gửi các sự kiện liên quan.
Địa chỉ email của quản trị viên	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xác định địa chỉ email của quản trị viên máy in để nhận thông báo về một số sự kiện nhật ký cụ thể.
Gửi email cảnh báo xóa nhật ký	Tắt* Bật	Đặt máy in để gửi email đến quản trị viên mỗi khi xóa nhật ký.
Gửi email cảnh báo ghi đè nhật ký	Tắt* Bật	Đặt máy in để gửi email đến quản trị viên khi ghi đè các mục nhật ký.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Thao tác khi đầy nhật ký	Ghi đè mục nhập cũ nhất* Gửi email nhật ký, sau đó xóa tất cả mục nhập	Xác định cách máy in giải quyết sự cố lưu trữ nhật ký khi bộ nhớ được phân bổ để lưu trữ nhật ký đầy.
Gửi email cảnh báo % đầy	Tắt* Bật	Đặt máy in để gửi email đến quản trị viên khi bộ nhớ được phân bổ để lưu trữ nhật ký đầy.
Mức cảnh báo % lấp đầy	1–99 (90*)	Xác định xem dung lượng lưu trữ nhật ký có bằng hoặc vượt quá giá trị của mức cảnh báo đầy hay không.
Gửi email cảnh báo xuất nhật ký	Tắt* Bật	Gửi email thông báo đến quản trị viên khi xuất nhật ký.
Gửi email cảnh báo thay đổi cài đặt nhật ký	Tắt* Bật	Đặt máy in để gửi email đến quản trị viên khi giá trị của menu Bật kiểm tra thay đổi.
Kết thúc dòng nhật ký	LF (\n)* CR (\r) CRLF (\r\n)	Xác định cách máy in xử lý kết thúc dòng trong tập tin nhật ký, tùy thuộc vào hệ điều hành dùng để phân tích cú pháp hoặc xem tập tin.
Xuất chữ ký số	Tắt* Bật	Đặt máy in để tự động ký vào nhật ký bảo mật đã xuất.
Xóa nhật ký	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	Xóa tất cả nhật ký kiểm tra.
Xuất nhật ký	Nhật ký hệ thống (RFC 5424) Nhật ký hệ thống (RFC 3164) CSV	Xuất nhật ký từ máy in hoặc ổ flash.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Giới hạn đăng nhập

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Số lần đăng nhập không thành công	1–10 (3*)	Xác định số lần đăng nhập không thành công trước khi người dùng bị khóa.
Khung thời gian đăng nhập không thành công	1–60 phút (5*)	Xác định khung thời gian cho phép giữa các lần đăng nhập không thành công trước khi người dùng bị khóa.
Thời gian khóa	1–60 phút (5*)	Xác định khoảng thời gian không được phép đăng nhập.
Thời gian chờ đăng nhập web	1–120 phút (10*)	Xác định khoảng thời gian mà một giao diện từ xa như trang web có thể không hoạt động trước khi người dùng tự động đăng xuất.

Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.

Thiết lập in bảo mật

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
PIN không hợp lệ tối đa	2–10	Đặt giới hạn nhập mã PIN không hợp lệ. Lưu ý: Khi đạt đến giới hạn, các lệnh in cho tên người dùng đó sẽ bị xóa.
Thời hạn của lệnh bảo mật	Tắt* 1 giờ 4 giờ 24 giờ 72 giờ 1 tuần	Đặt thời gian hết hạn riêng cho từng lệnh tạm dừng trước khi máy in tự động xóa lệnh khỏi bộ nhớ. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Các loại lệnh tạm dừng bao gồm lệnh Bảo mật, Lập lại, Lưu trữ và Xác minh. Nếu bạn thay đổi cài đặt thời gian hết hạn trong khi lệnh in bảo mật nằm trong bộ nhớ hoặc đĩa cứng của máy in, thì thời gian hết hạn cho các lệnh in đó sẽ không thay đổi thành giá trị mặc định mới. Nếu máy in bị tắt, tất cả lệnh in bí mật được giữ trong bộ nhớ máy in sẽ bị xóa.
Thời hạn của lệnh lập lại	Tắt* 1 giờ 4 giờ 24 giờ 72 giờ 1 tuần	Đặt thời gian hết hạn cho lệnh in bạn muốn lập lại.
Thời hạn của lệnh xác minh	Tắt* 1 giờ 4 giờ 24 giờ 72 giờ 1 tuần	Đặt thời gian hết hạn để in một bản sao từ một lệnh cho bạn để kiểm tra chất lượng trước khi in các bản san còn lại.
Thời hạn của lệnh lưu trữ	Tắt* 1 giờ 4 giờ 24 giờ 72 giờ 1 tuần	Đặt thời gian hết hạn cho các lệnh in mà bạn muốn lưu trong máy in để in sau.
Yêu cầu tạm dừng tất cả lệnh	Tắt* Bật	Đặt máy in tạm dừng tất cả lệnh in.
Giữ tài liệu trùng lặp	Tắt* Bật	Đặt máy in giữ tất cả tài liệu có cùng tên tập tin.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mã hóa

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Bộ nhớ trong	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị trạng thái mã hóa của bộ nhớ trong.
Đĩa cứng	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị trạng thái mã hóa của đĩa cứng. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi lắp đặt đĩa cứng.

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Ổ lưu trữ thông minh	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Hiển thị trạng thái mã hóa của ổ lưu trữ thông minh (ISD). Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi lắp đặt ISD.

Xóa tập tin dữ liệu tạm thời

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Được lưu trong bộ nhớ trên bo mạch	Tắt* Bật	Đặt máy in để xóa tất cả dữ liệu của lệnh in khỏi bộ nhớ sau khi lệnh in hoàn tất.
Được lưu trên đĩa cứng	Xóa 1 lần* Xóa 3 lần Xóa 7 lần	Xác định phương thức máy in sẽ dùng để xóa tất cả dữ liệu của lệnh in khỏi đĩa cứng sau khi lệnh in hoàn tất. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi đĩa cứng của máy in được cài đặt.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Cài đặt giải pháp LDAP

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Theo dõi chuyển tiếp LDAP	Tắt* Bật	Tìm kiếm các máy chủ khác nhau trong miền đối với tài khoản người dùng đã đăng nhập.
Xác minh chứng chỉ LDAP	Có Không*	Bật xác minh chứng chỉ LDAP.

Khác

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Tính năng được bảo vệ	Hiển thị* Ẩn	Hiển thị tất cả tính năng được bảo vệ bởi Kiểm soát truy cập chức năng (FAC) dù cho có quyền bảo mật của người dùng. Lưu ý: Ẩn chỉ hiển thị các tính năng được FAC bảo vệ mà người dùng có quyền truy cập.
Quyền in	Tắt* Bật	Yêu cầu người dùng đăng nhập trước khi in.
Đăng nhập quyền in mặc định	Tên người dùng/mật khẩu* Tên người dùng	Cài đặt đăng nhập mặc định cho Quyền in .
Jumper đặt lại bảo mật	Bật quyền truy cập "Khách"* Không hiệu lực	Xác định quyền truy cập của người dùng vào máy in. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Bật quyền truy cập "Khách" cho phép mọi người truy cập vào tất cả khóa cạnh của máy in. Không hiệu lực khiến bạn không thể truy cập vào máy in khi không có thông tin bảo mật cần thiết.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Sử dụng ổ lưu trữ thông minh cho dữ liệu người dùng	Tắt Bật*	Bật ổ lưu trữ thông minh để lưu trữ dữ liệu người dùng. Lưu ý: Mục menu này sẽ bị vô hiệu hóa khi bạn lắp đĩa cứng.
Độ dài mật khẩu tối thiểu	0–32 (0*)	Xác định độ dài mật khẩu tối thiểu dùng cho các tài khoản nội bộ, chẳng hạn như tài khoản sử dụng Mật khẩu và Tên người dùng/mật khẩu .
Bật hiển thị mật khẩu/mã PIN	Tắt Bật*	Hiển thị mật khẩu hoặc số nhận dạng cá nhân.
Cho phép mã hóa bộ nhớ dịch vụ bất biến	Tắt* Bật	Bật tính năng mã hóa bộ nhớ dịch vụ bất biến trong thiết bị của bạn. Lưu ý: Cài đặt này khả dụng nếu bạn tắt tùy chọn Mã hóa bộ nhớ dịch vụ bất biến .
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Dịch vụ đám mây

Đăng ký dịch vụ đám mây

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
Xem thêm thông tin	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Xem thêm thông tin về việc sử dụng Dịch vụ đám mây của Lexmark.
Cho phép giao tiếp với Dịch vụ đám mây của Lexmark	Tắt* Bật	Cho phép máy in giao tiếp với Dịch vụ đám mây của Lexmark.
Xem trạng thái hiện tại	Cài đặt này là thông tin chỉ đọc.	Xem trạng thái kết nối giữa máy in và Dịch vụ đám mây của Lexmark.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.		

Báo cáo

Trang cài đặt menu

Mục menu	Mô tả
Trang cài đặt menu	In báo cáo có các menu của máy in.

Thiết bị

Mục menu	Mô tả
Thông tin thiết bị	In báo cáo chứa thông tin về máy in.
Thống kê thiết bị	In báo cáo về tình trạng vật tư, số lượng giấy, thông tin lệnh, v.v.
Danh sách hồ sơ	In danh sách hồ sơ được lưu trữ trong máy in.

Mục menu	Mô tả
Báo cáo thiết bị	In công cụ chẩn đoán cho các sự cố in. Lưu ý: Để tránh cắt xén nội dung, hãy in báo cáo trên giấy Letter hoặc giấy khổ A4.

In

Mục menu	Cài đặt	Mô tả
In phông chữ	Phông chữ PCL Phông chữ PS	In các mẫu và thông tin về phông chữ có sẵn trong mỗi ngôn ngữ máy in.
In bản demo	Trang demo	In công cụ chẩn đoán cho các sự cố in. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> • Để tránh cắt xén nội dung, hãy in báo cáo trên giấy Letter hoặc giấy khổ A4. • Mục menu này chỉ xuất hiện khi máy in đã cài đặt trang demo.
In thư mục	Đây là cài đặt do người dùng xác định.	In báo cáo liệt kê các tài nguyên được lưu trữ trong ổ flash hoặc đĩa cứng của máy in.

Phím tắt

Mục menu	Mô tả
Tất cả phím tắt	In báo cáo liệt kê các phím tắt được lưu trữ trong máy in. Lưu ý: Phím tắt fax chỉ xuất hiện khi máy fax được lắp đặt.
Phím tắt fax	
Phím tắt sao chép	
Phím tắt email	
Phím tắt FTP	
Phím tắt thư mục mạng	

Fax

Lưu ý: Menu này chỉ xuất hiện nếu bạn đặt cấu hình Fax và đặt **Bật nhật ký lệnh** được đặt thành **Bật**.

Mục menu	Mô tả
Nhật ký lệnh fax	In báo cáo về 200 lệnh fax được hoàn thành gần đây.
Nhật ký cuộc gọi fax	In báo cáo về 100 cuộc gọi đã thực hiện, đã nhận và đã chặn gần đây nhất.

Mạng

Mục menu	Mô tả
Trang thiết lập mạng	In trang hiển thị các cài đặt mạng và không dây đã cấu hình trên máy in. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện trong các máy in mạng hoặc máy in được kết nối với máy chủ in.
Máy khách Wi-Fi Direct đã kết nối	In trang hiển thị danh sách các thiết bị kết nối với máy in bằng Wi-Fi Direct. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt Bật Wi-Fi Direct là Bật .

Khắc phục sự cố

Mục menu	Mô tả
Trang kiểm tra chất lượng in	In các trang mẫu để xác định và khắc phục lỗi chất lượng in.
Vệ sinh máy quét	In hướng dẫn về cách vệ sinh máy quét.

Hợp nhất biểu mẫu

Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ lưu trữ.

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Chế độ hợp nhất	Không áp dụng	In* Thu thập dữ liệu Đã tắt	Xác định phương thức hoạt động cho Hợp nhất biểu mẫu.
Đích thu thập dữ liệu	Không áp dụng	Flash*	Đặt đích chuyển tiếp dữ liệu đã thu thập được. Lưu ý: Mục menu này chỉ xuất hiện khi đặt Chế độ hợp nhất thành Thu thập dữ liệu .
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

Mục menu	Mục menu con	Cài đặt	Mô tả
Cài đặt cổng in và bộ lọc	Cổng mạng	Bật* Tắt	Bật Hợp nhất biểu mẫu để xử lý tất cả dữ liệu được gửi đến cổng mạng.
	Bộ lọc mạng	Đã tắt* NULL OFIS OFIS+NULL OFIS+AS400 AS400 PCL ZPL ZPLF	Xác định bộ lọc mạng cho tất cả dữ liệu được gửi đến máy in.
	Cổng USB	Bật* Tắt	Bật Hợp nhất biểu mẫu để xử lý tất cả dữ liệu được gửi đến cổng USB.
	Bộ lọc USB	Đã tắt* NULL OFIS OFIS+NULL OFIS+AS400 AS400 PCL ZPL ZPLF	Xác định bộ lọc USB cho tất cả dữ liệu được gửi đến máy in.
	Thời gian chờ cổng cục bộ	1–100 (10*)	Xác định giá trị thời gian chờ cho các lệnh Hợp nhất biểu mẫu được gửi đến cổng cục bộ.
Khác	In tất cả biểu mẫu	Bắt đầu	In tất cả các bộ biểu mẫu được lưu trữ trong ổ lưu trữ thông minh hoặc đĩa cứng.
	In trang lỗi	Bật* Tắt	Cho phép in trang lỗi khi gặp lỗi trong lệnh Hợp nhất biểu mẫu.
Lưu ý: Dấu hoa thị (*) cạnh một giá trị cho biết cài đặt mặc định gốc.			

In Trang cài đặt menu

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo**.
- 2 Chọn **Trang cài đặt menu**.

Tùy chọn bộ hoàn thiện máy in

Sử dụng bộ hoàn thiện dập ghim

Dập ghim bằng trình điều khiển in

Đối với người dùng Windows

- 1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính, Tùy chỉnh, Tùy chọn, hoặc Thiết lập**.
- 3 Nhấp vào **Giấy/Hoàn thiện**, rồi đặt cấu hình cài đặt **Giấy**.
- 4 Trong menu **Dập ghim**, hãy chọn cài đặt.
- 5 Nhấp vào **OK**, rồi nhấp vào **In**.

Đối với người dùng Macintosh

- 1 Với tài liệu đang mở, chọn **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in.
- 3 Từ menu **Tùy chọn hoàn thiện**, chọn **Áp dụng lớp hoàn thiện > Tùy chọn máy in**.
- 4 Nhấp vào **Dập ghim** rồi chọn một cài đặt.
- 5 Nhấp vào **In**.

Dập ghim bằng bảng điều khiển

- 1 Từ bảng điều khiển, chọn **In**, rồi chọn nguồn cho lệnh in.
- 2 Chọn tài liệu.
- 3 Chọn **Cài đặt khác**, rồi chọn **Tùy chọn hoàn thiện**.
- 4 Chọn **Dập ghim** rồi chọn một cài đặt.
- 5 In tài liệu.

Sử dụng bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ

Dập ghim hoặc dập lỗ giấy bằng trình điều khiển in

Đối với người dùng Windows

- 1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính, Tùy chỉnh, Tùy chọn, hoặc Thiết lập**.
- 3 Nhấp vào **Giấy/Hoàn thiện**, rồi đặt cấu hình cài đặt **Giấy**.

4 Tùy theo thao tác hoàn thiện cần thiết, hãy chọn cài đặt để **Dập ghim** hoặc **Dập lỗ**.

Lưu ý: Bạn có thể chọn một cài đặt cho cả hai thao tác nếu muốn dập ghim và dập lỗ cho tài liệu in.

5 Nhấp vào **OK**, rồi nhấp vào **In**.

Đối với người dùng Macintosh

1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.

2 Chọn máy in.

3 Từ menu **Tùy chọn hoàn thiện**, chọn **Áp dụng lớp hoàn thiện > Tùy chọn máy in**.

4 Nhấp vào **Dập ghim** hoặc **Dập lỗ**, rồi chọn một cài đặt.

5 Nhấp vào **In**.

Dập ghim hoặc dập lỗ giấy bằng bảng điều khiển

1 Từ bảng điều khiển, chọn **In**, rồi chọn nguồn cho lệnh in.

2 Chọn tài liệu.

3 Chọn **Cài đặt khác**, rồi chọn **Tùy chọn hoàn thiện**.

4 Tùy theo thao tác hoàn thiện cần thiết, hãy chọn cài đặt để **Dập ghim** hoặc **Dập lỗ**.

Lưu ý: Bạn có thể chọn một cài đặt cho cả hai thao tác nếu muốn dập ghim và dập lỗ cho tài liệu in.

5 In tài liệu.

Sử dụng ngăn xếp offset

Xếp offset bằng trình điều khiển in

Đối với người dùng Windows

1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.

2 Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính**, **Tùy chỉnh**, **Tùy chọn**, hoặc **Thiết lập**.

3 Nhấp vào **Giấy/Hoàn thiện**, rồi đặt cấu hình cài đặt **Giấy**.

4 Trong menu **Offset**, hãy chọn cài đặt.

5 Nhấp vào **OK**, rồi nhấp vào **In**.

Đối với người dùng Macintosh

1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.

2 Chọn máy in.

3 Từ menu **Tùy chọn hoàn thiện**, chọn **Áp dụng lớp hoàn thiện > Tùy chọn máy in**.

4 Nhấp vào **Offset** rồi chọn một cài đặt.

5 Nhấp vào **In**.

Xếp offset bằng bảng điều khiển

1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.

Lưu ý: Để tránh ảnh bị cắt, đảm bảo rằng tài liệu gốc và giấy ra có cùng khổ giấy.

2 Từ bảng điều khiển, chọn **Sao chép**, và sau đó xác định số lượng bản sao.

3 Chọn **Cài đặt khác**, rồi chọn **Trang offset**.

4 Bật menu, rồi chọn một cài đặt.

5 In tài liệu.

Sử dụng bộ hoàn thiện tập sách

Lưu ý: Trước khi tạo tập sách, hãy nạp giấy với cạnh ngắn hướng về phía bên phải của khay.

Tạo tập sách bằng trình điều khiển in

Đối với người dùng Windows

1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.

2 Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính**, **Tùy chỉnh**, **Tùy chọn**, hoặc **Thiết lập**.

3 Chọn **Tập sách**.

4 Nhấp vào tab **Giấy/Hoàn thiện**, rồi đặt cấu hình cài đặt giấy.

5 Trong menu **Gấp**, hãy chọn cài đặt.

6 Nhấp vào **OK**, rồi nhấp vào **In**.

Đối với người dùng Macintosh

1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.

2 Chọn máy in.

3 Từ menu **Tùy chọn hoàn thiện**, chọn **Áp dụng lớp hoàn thiện > Tùy chọn máy in**.

4 Chọn **Tập sách** rồi chọn cài đặt **Gấp**.

5 Nhấp vào **OK**.

Tạo tập sách bằng bảng điều khiển

1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.

Lưu ý: Để tránh ảnh bị cắt, đảm bảo rằng tài liệu gốc và giấy ra có cùng khổ giấy.

2 Từ bảng điều khiển, chọn **Sao chép**, rồi đặt cấu hình cài đặt.

3 Chọn **Cài đặt khác**, rồi chọn **Tạo tập sách**.

4 Bật **Hoàn thiện tập sách**, rồi chọn một cài đặt.

5 Sao chép tài liệu.

Sử dụng tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy

Gấp giấy bằng trình điều khiển in

Đối với người dùng Windows

- 1 Với tài liệu đang mở, nhấp vào **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính, Tùy chỉnh, Tùy chọn, hoặc Thiết lập**.
- 3 Nhấp vào **Giấy/Hoàn thiện**, rồi đặt cấu hình cài đặt giấy.
- 4 Trong menu **Gấp**, hãy chọn cài đặt.
- 5 Nhấp vào **OK**, rồi nhấp vào **In**.

Đối với người dùng Macintosh

- 1 Với tài liệu đang mở, chọn **Tập tin > In**.
- 2 Chọn máy in.
- 3 Từ menu **Tùy chọn hoàn thiện**, chọn **Áp dụng lớp hoàn thiện > Tùy chọn máy in**.
- 4 Nhấp vào **Gấp** rồi chọn một cài đặt.
- 5 Nhấp vào **In**.


Gấp giấy bằng bảng điều khiển


- 1 Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.
Lưu ý: Để tránh ảnh bị cắt, đảm bảo rằng tài liệu gốc và giấy ra có cùng khổ giấy.
- 2 Từ bảng điều khiển, chọn **Sao chép**, và sau đó xác định số lượng bản sao.
- 3 Chọn **Cài đặt khác**, rồi chọn **Tùy chọn hoàn thiện**.
- 4 Chọn **Gấp** rồi chọn một cài đặt.
- 5 Sao chép tài liệu.

Bảo trì máy in

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không thể duy trì hiệu suất máy in tối ưu hoặc thay thế các bộ phận và vật tư có thể gây hư hỏng cho máy in.

Kiểm tra trạng thái của các bộ phận và vật tư

- 1 Từ góc trên bên phải của bảng điều khiển, chọn .
- 2 Xem trạng thái của các bộ phận máy in và vật tư.

Lưu ý: Bạn cũng có thể chọn  để kiểm tra thông báo cần sự can thiệp của người dùng.

Đặt cấu hình thông báo vật tư

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

- 2 Nhấp vào **Cài đặt > Thiết bị > Thông báo**.
- 3 Nhấp vào **Thông báo vật tư tùy chỉnh**.
- 4 Chọn thông báo cho từng mục vật tư.
- 5 Áp dụng thay đổi.

Thiết lập cảnh báo email

- 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

- 2 Nhấp vào **Cài đặt > Thiết bị > Thông báo**.
- 3 Nhấp vào **Thiết lập cảnh báo email**, sau đó đặt cấu hình cài đặt.

Lưu ý: Để biết thêm thông tin về cài đặt SMTP, hãy liên hệ với nhà cung cấp email.

- 4 Áp dụng thay đổi.
- 5 Nhấp vào **Thiết lập danh sách email và cảnh báo**, sau đó đặt cấu hình cài đặt.
- 6 Áp dụng thay đổi.

Tạo báo cáo và nhật ký

1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo**.

2 Chọn báo cáo hoặc nhật ký bạn muốn in.

- **Trang cài đặt menu** - Hiển thị các tùy chọn, cài đặt và cấu hình hiện tại của máy in.

- **Thiết bị**

Thông tin thiết bị - Hiển thị số sê-ri máy in, giải pháp đã cài đặt và fax.

Thống kê thiết bị - Hiển thị trạng thái vật tư, tổng số tờ đã in và thông tin lệnh in của máy in.

Danh sách cấu hình - Hiển thị danh sách cấu hình hoặc phím tắt được lưu trữ trong máy in.

Báo cáo thiết bị - Hiển thị báo cáo chứa thông tin thiết bị máy in, chẳng hạn như số sê-ri và tên model.

- **In**

Phông chữ in - Hiển thị phông chữ có sẵn trong mỗi ngôn ngữ máy in.

In bản demo - Hiển thị các tập tin demo có sẵn trong phần mềm cơ sở, tùy chọn flash và tùy chọn đĩa.

Thư mục in - Hiển thị tài nguyên được lưu trữ trong ổ flash, đĩa cứng hoặc ổ lưu trữ thông minh (ISD).

Lưu ý: Báo cáo này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ flash, đĩa cứng máy in hoặc ISD.

- **Phím tắt**

Tất cả phím tắt - Hiển thị danh sách tất cả các phím tắt được lưu trữ trên máy in.

Phím tắt fax - Hiển thị danh sách các phím tắt fax được lưu trữ trên máy in.

Phím tắt sao chép - Hiển thị danh sách các phím tắt sao chép được lưu trữ trên máy in.

Phím tắt email - Hiển thị danh sách các phím tắt email được lưu trữ trên máy in.

Phím tắt FTP - Hiển thị danh sách các phím tắt Giao thức truyền tập tin (FTP) được lưu trữ trên máy in.

Phím tắt thư mục mạng - Hiển thị danh sách các phím tắt thư mục mạng được lưu trữ trên máy in.

- **Fax**

Nhật ký lệnh fax - Liệt kê 200 lệnh fax đã hoàn thành gần đây.

Lưu ý: Báo cáo này chỉ xuất hiện khi bật **Bật nhật ký lệnh**.

Nhật ký cuộc gọi fax - Hiển thị tài nguyên được lưu trữ trên ổ flash hoặc ổ lưu trữ.

Lưu ý: Báo cáo này chỉ xuất hiện khi bạn lắp ổ flash hoặc ổ lưu trữ.

- **Mạng**

Trang thiết lập mạng - Hiển thị cài đặt mạng và không dây đã đặt cấu hình trên máy in.

Lưu ý: Báo cáo này chỉ xuất hiện trong máy in mạng và máy in được kết nối với máy chủ in.

Máy khách được kết nối Wi-Fi Direct - Hiển thị danh sách thiết bị được kết nối với máy in bằng Wi-Fi Direct.

Lưu ý: Báo cáo này chỉ xuất hiện khi bạn đặt **Bật Wi-Fi Direct** thành **Bật**.

Đặt mua các bộ phận và vật tư

Để đặt mua vật tư tại Hoa Kỳ, vui lòng liên hệ với Lexmark theo số 1-800-539-6275 để biết thông tin về các đại lý cung cấp vật tư được ủy quyền của Lexmark trong khu vực của bạn. Tại các quốc gia hoặc khu vực khác, vui lòng truy cập www.lexmark.com hoặc liên hệ với nơi bạn đã mua máy in.

Lưu ý: Tất cả ước tính về tuổi thọ của vật tư máy in đều giả sử in trên giấy thường khổ thư hoặc A4.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không thể duy trì hiệu suất máy in tối ưu hoặc thay thế các bộ phận và vật tư có thể gây hư hỏng cho máy in.

Sử dụng các bộ phận và vật tư chính hãng Lexmark

Máy in Lexmark được thiết kế để hoạt động tốt nhất với các bộ phận và vật tư chính hãng của Lexmark. Sử dụng vật tư hoặc bộ phận của bên thứ ba có thể ảnh hưởng đến hiệu suất, độ tin cậy, hoặc tuổi thọ của máy in cũng như các bộ phận tạo ảnh của máy in. Điều này cũng có thể ảnh hưởng đến việc bảo hành. Hư hỏng do sử dụng các bộ phận và vật tư của bên thứ ba không được bảo hành. Tất cả chỉ báo tuổi thọ được thiết kế để hoạt động với các bộ phận và vật tư của Lexmark, và có thể dẫn đến kết quả không lường trước được nếu sử dụng các bộ phận và vật tư của bên thứ ba. Sử dụng bộ phận tạo ảnh quá thời hạn sử dụng dự kiến có thể làm hỏng máy in Lexmark hoặc các bộ phận liên quan của máy in.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Các vật tư và bộ phận không có điều khoản thỏa thuận về Chương trình trả lại có thể được cài đặt lại và tái sản xuất. Tuy nhiên, bảo hành của nhà sản xuất không bao gồm hư hỏng do sử dụng vật tư hoặc bộ phận không chính hãng. Việc đặt lại bộ đếm vật tư hoặc bộ phận không được tái sản xuất đúng cách có thể gây hư hỏng cho máy in của bạn. Sau khi đặt lại bộ đếm vật tư hoặc bộ phận, máy in của bạn có thể hiển thị lỗi cho biết sự hiện diện của mực đặt lại.

Đặt mua hộp mực

Lưu ý:

- Hiệu suất hộp mực ước tính dựa trên tiêu chuẩn ISO/IEC 19798.
- Độ phủ bản in quá thấp trong thời gian dài có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu suất thực tế.

Hộp mực trong Chương trình hoàn trả

Mực	Hoa Kỳ, Canada, Úc và New Zealand	Liên minh Châu Âu, Khu vực kinh tế Châu Âu, Iceland, Liechtenstein, Na Uy, Thụy Sĩ	Các nước còn lại ở châu Á Thái Bình Dương	Châu Mỹ Latinh, Puerto Rico và Mexico	Các nước còn lại ở Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi, Trung Đông Âu, Cộng đồng các Quốc gia Độc lập
Lục lam	77L10C0	77L20C0	77L30C0	77L40C0	77L50C0
Đỏ tím	77L10M0	77L20M0	77L30M0	77L40M0	77L50M0
Vàng	77L10Y0	77L20Y0	77L30Y0	77L40Y0	77L50Y0
Đen	77L10K0	77L20K0	77L30K0	77L40K0	77L50K0

Để biết thêm thông tin về các quốc gia ở mỗi khu vực, hãy truy cập www.lexmark.com/regions.

Hộp mực hiệu suất cao trong Chương trình hoàn trả

Mục	Hoa Kỳ, Canada, Úc và New Zealand	Liên minh Châu Âu, Khu vực kinh tế Châu Âu, Iceland, Liechtenstein, Na Uy, Thụy Sĩ	Các nước còn lại ở châu Á Thái Bình Dương	Châu Mỹ Latinh, Puerto Rico và Mexico	Các nước còn lại ở Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi, Trung Đông Âu, Cộng đồng các Quốc gia Độc lập
Lục lam	79L10K0	79L20K0	79L30K0	79L40K0	79L50K0
Đỏ tím	79L1HM0	79L2HM0	79L3HM0	79L4HM0	79L5HM0
Vàng	79L1HY0	79L2HY0	79L3HY0	79L4HY0	79L5HY0
Đen	79L1HK0	79L2HK0	79L3HK0	79L4HK0	79L5HK0

Để biết thêm thông tin về các quốc gia ở mỗi khu vực, hãy truy cập www.lexmark.com/regions.

Mục	Hoa Kỳ, Canada, Úc và New Zealand	Liên minh Châu Âu, Khu vực kinh tế Châu Âu, Iceland, Liechtenstein, Na Uy, Thụy Sĩ	Các nước còn lại ở châu Á Thái Bình Dương	Châu Mỹ Latinh, Puerto Rico và Mexico	Các nước còn lại ở Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi, Trung Đông Âu, Cộng đồng các Quốc gia Độc lập
Lục lam	77L10K0	77L20K0	77L30K0	77L40K0	77L50K0
Đỏ tím	77L1HM0	77L2HM0	77L3HM0	77L4HM0	77L5HM0
Vàng	77L1HY0	77L2HY0	77L3HY0	77L4HY0	77L5HY0
Đen	77L1HK0	77L2HK0	77L3HK0	77L4HK0	77L5HK0

Để biết thêm thông tin về các quốc gia ở mỗi khu vực, hãy truy cập www.lexmark.com/regions.

Mục	Hoa Kỳ, Canada, Úc, New Zealand	Các nước còn lại ở Châu Âu, Trung Đông và Châu Phi
Lục lam	24B7574	24B7582
Đỏ tím	24B7575	24B7583
Vàng	24B7576	24B7584
Đen	24B7577	24B7585

Để biết thêm thông tin về các quốc gia ở mỗi khu vực, hãy truy cập www.lexmark.com/regions.

Mục	Hoa Kỳ, Canada, Úc và New Zealand	Các nước còn lại ở Châu Âu, Trung Đông và Châu Phi
Lục lam	24B7570	24B7578
Đỏ tím	24B7571	24B7579
Vàng	24B7572	24B7580
Đen	24B7573	24B7581

Để biết thêm thông tin về các quốc gia ở mỗi khu vực, hãy truy cập www.lexmark.com/regions.

Hộp mực chuẩn hiệu suất cao

Mục	Trên toàn thế giới
Lục lam	77L0H20
Đỏ tím	77L0H30

Để biết thêm thông tin về các quốc gia ở mỗi khu vực, hãy truy cập www.lexmark.com/regions.

Mục	Trên toàn thế giới
Vàng	77L0H40
Đen	77L0H10

Để biết thêm thông tin về các quốc gia ở mỗi khu vực, hãy truy cập www.lexmark.com/regions.

Mục	Trên toàn thế giới
Lục lam	79L0H20
Đỏ tím	79L0H30
Vàng	79L0H40
Đen	79L0H10

Để biết thêm thông tin về các quốc gia ở mỗi khu vực, hãy truy cập www.lexmark.com/regions.

Đặt mua hộp quang đen

Mục	Mã số bộ phận
Hộp quang đen trong Chương trình hoàn trả	77L0ZK0
Hộp quang đen	77L0Z10

Đặt mua bộ quang màu

Mục	Mã số bộ phận
Bộ quang màu trong Chương trình hoàn trả	77L0ZV0
Bộ quang màu thông thường	77L0Z50

Đặt mua hộp mực thải

Mục	Mã số bộ phận
Hộp mực thải	77LOW00

Đặt mua hộp ghim

Mục	Mã số bộ phận
Hộp ghim (4 gói) ¹	20L7500
Hộp ghim (3 gói) ²	25A0013

¹ Chỉ dành cho máy đóng tập sách.
² Chỉ dành cho bộ hoàn thiện tập sách, bộ hoàn thiện dập ghim, bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ.

Đặt mua bộ bảo trì

Tìm bộ bảo trì phù hợp với điện áp máy in.

Lưu ý:

- Sử dụng một số loại giấy nhất định có thể cần phải thay thế bộ bảo trì thường xuyên hơn.
- Bộ bảo trì bao gồm bộ sấy và bộ cao su kéo giấy. Các bộ phận này có thể được đặt mua riêng lẻ và thay thế nếu cần.

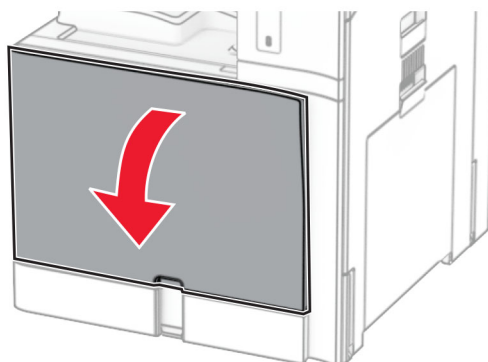
Mục	Mã số bộ phận
Bộ dụng cụ bảo dưỡng bộ sấy 100 V trong Chương trình hoàn trả, Loại 02	41X5654
Bộ dụng cụ bảo dưỡng bộ sấy 110-120 V trong Chương trình hoàn trả, Loại 00	41X5655
Bộ dụng cụ bảo dưỡng bộ sấy 220-240 V trong Chương trình hoàn trả, Loại 01	41X5656
Bộ dụng cụ bảo dưỡng bộ sấy 100 V thông dụng, Loại 12	41X6053
Bộ dụng cụ bảo dưỡng bộ sấy 110-120 V thông dụng, Loại 10	41X6051
Bộ dụng cụ bảo dưỡng bộ sấy 220-240 V thông dụng, Loại 11	41X6052

Lưu ý: Chỉ kỹ thuật viên dịch vụ được ủy quyền mới có thể thay thế bộ bảo trì. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

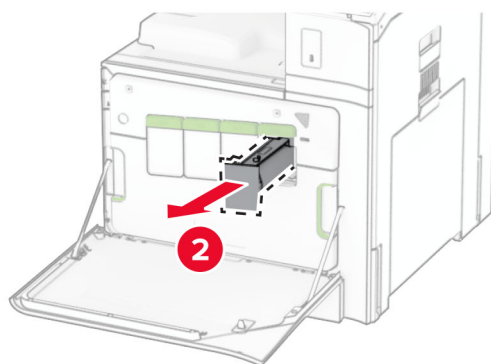
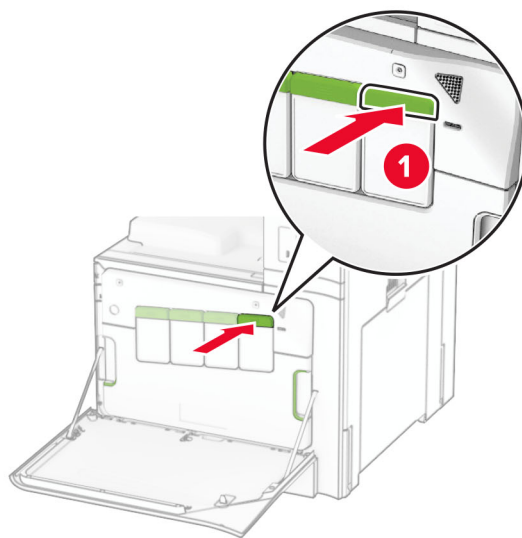
Thay thế các bộ phận và vật tư

Thay hộp mực

- 1 Mở cửa trước.

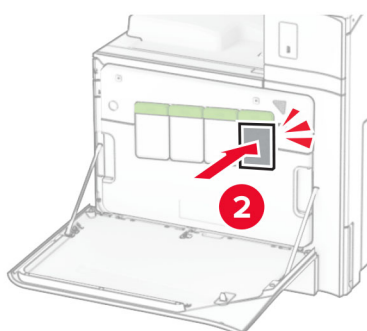
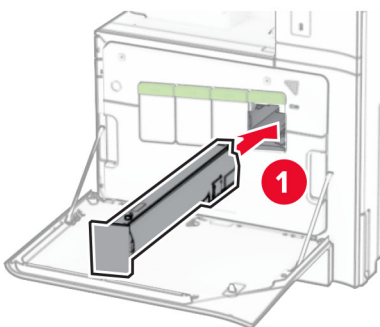


2 Tháo hộp mực đã sử dụng.



3 Mở hộp mực mới.

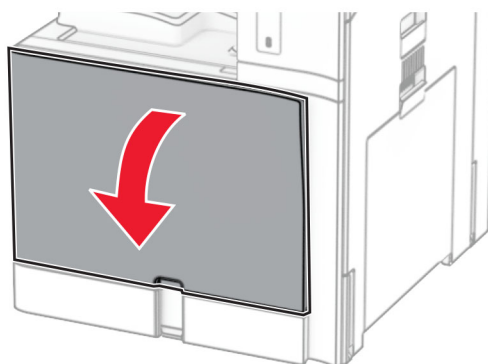
4 Lắp hộp mực mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



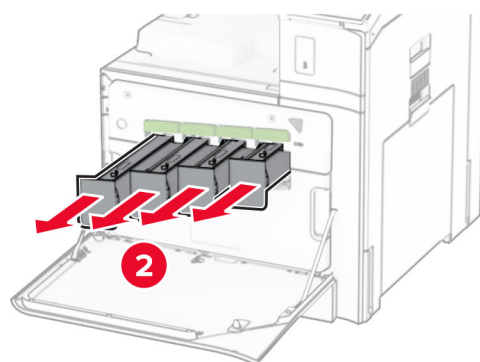
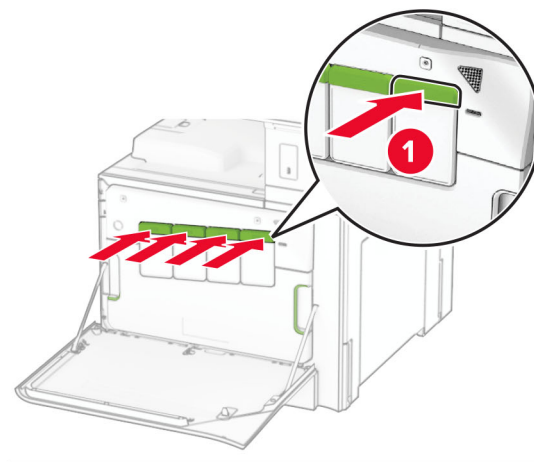
5 Đóng cửa.

Thay hộp quang đen

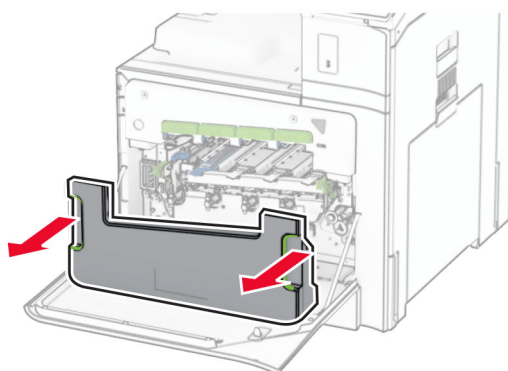
1 Mở cửa trước.



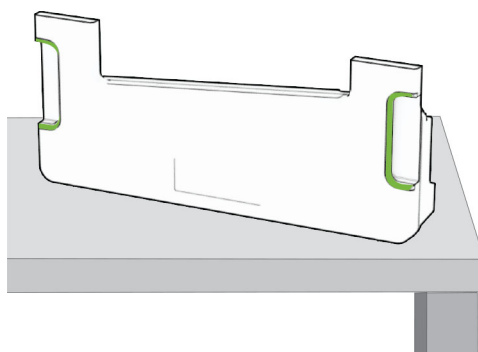
2 Tháo hộp mực.



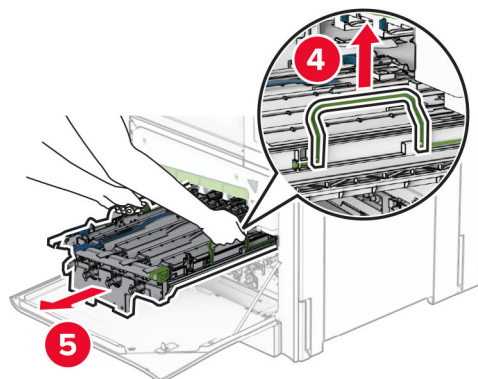
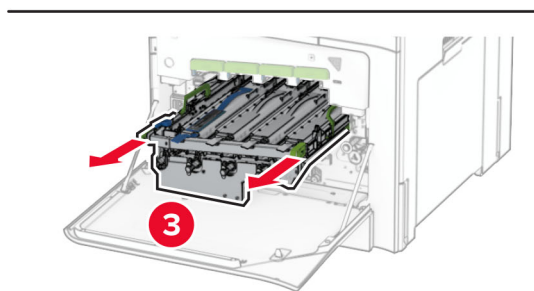
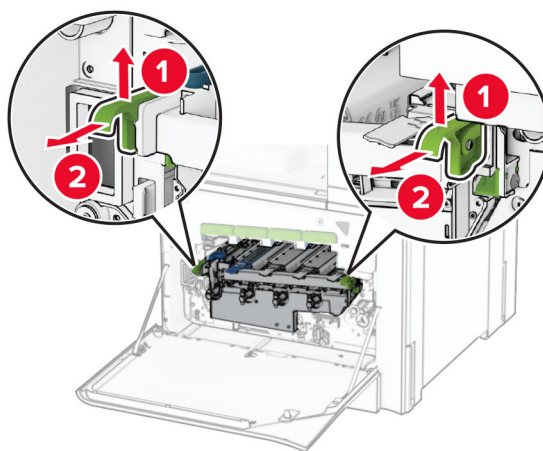
3 Tháo hộp mực thải.



Lưu ý: Để tránh làm đổ mực, hãy đặt hộp mực ở vị trí thẳng đứng.

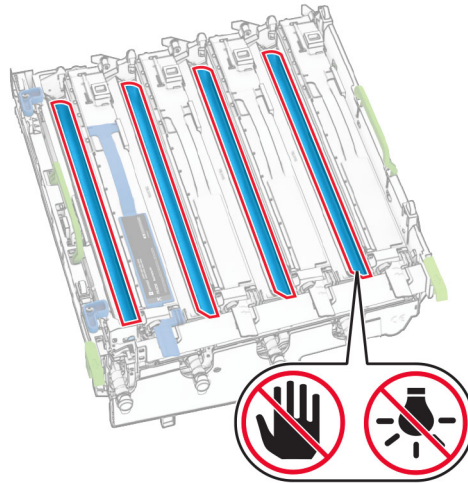


4 Tháo bộ quang.

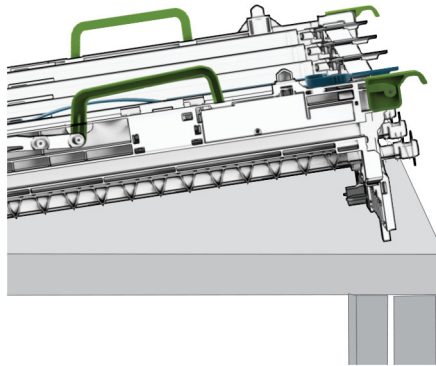


Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

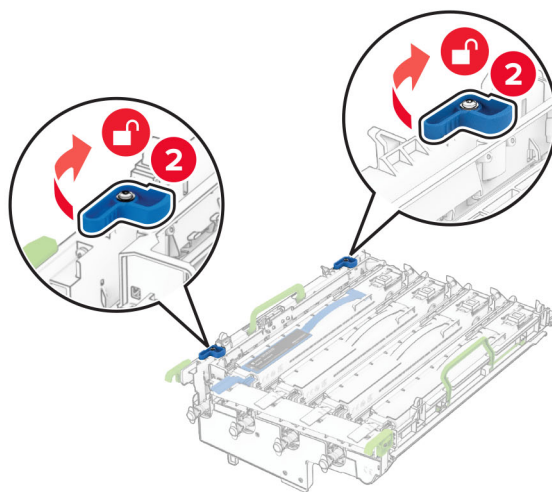
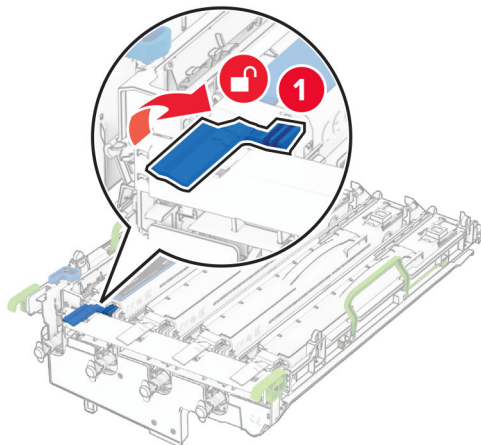
Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.



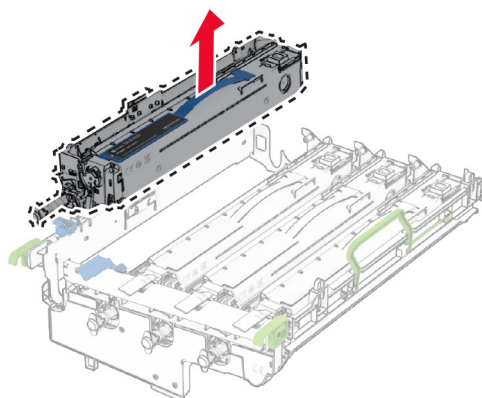
Lưu ý: Đặt bộ quang trên bề mặt sạch, bằng phẳng và ở vị trí thẳng đứng để tránh trầy xước hoặc làm hỏng trống quang dẫn.



5 Mở khóa hộp quang đen đã sử dụng.

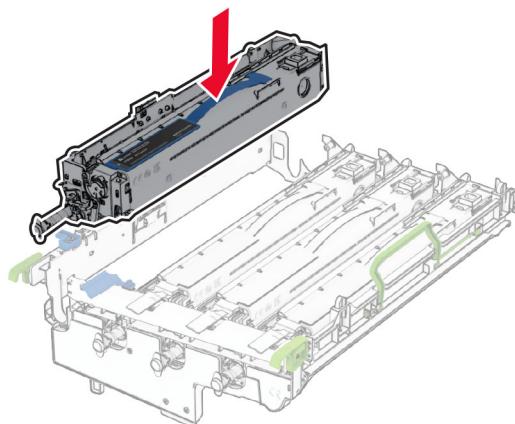


6 Tháo hộp quang đen đã sử dụng.

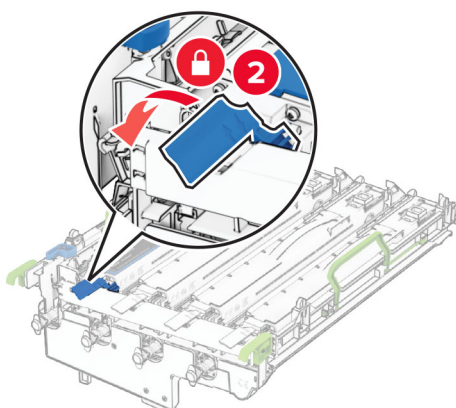
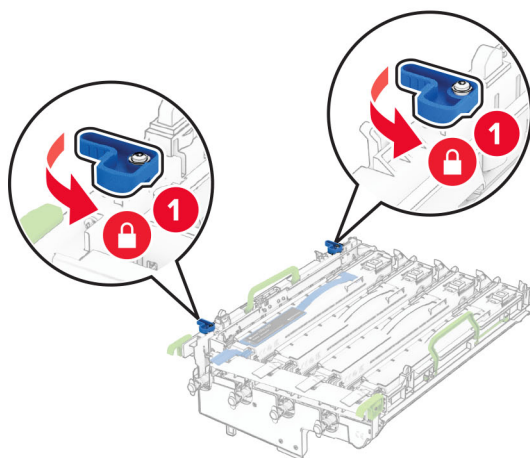


7 Mở bao bì của hộp quang đen mới.

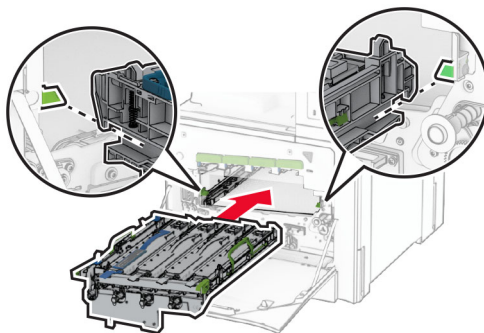
8 Lắp hộp quang đen mới.



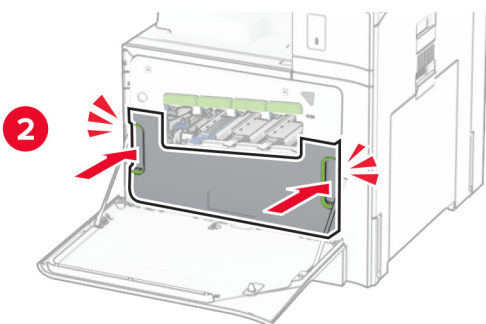
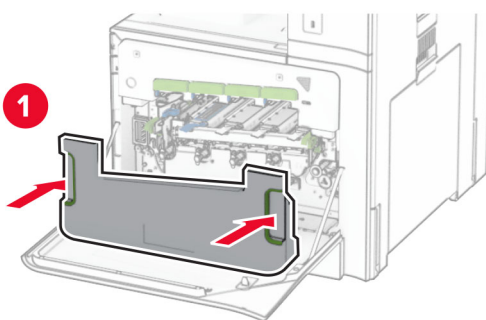
9 Khóa hộp quang đen mới vào đúng vị trí.



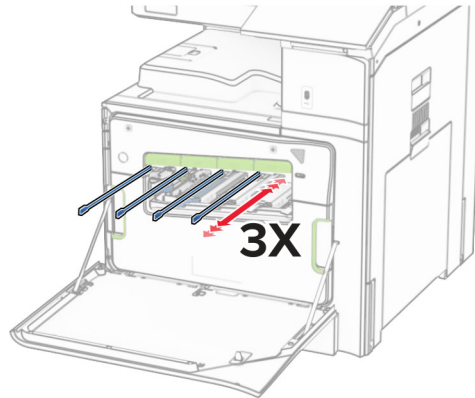
10 Lắp bộ quang vào cho đến khi nó nằm đúng vị trí.



11 Lắp hộp mực thải cho đến khi khớp vào đúng vị trí.

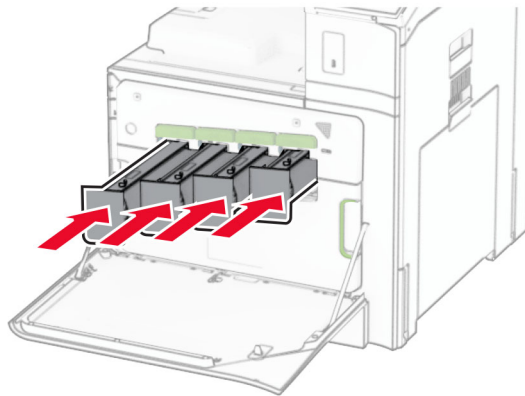


12 Kéo nhẹ thanh gạt mực đầu in ra, sau đó làm sạch kính đầu in.



Để biết thêm thông tin về cách vệ sinh kính đầu in, hãy xem [“Vệ sinh thấu kính đầu in” trên trang 415.](#)

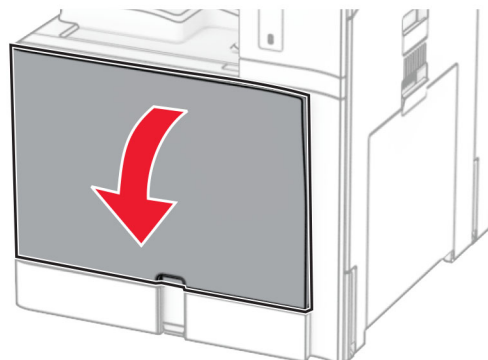
13 Lắp hộp mực.



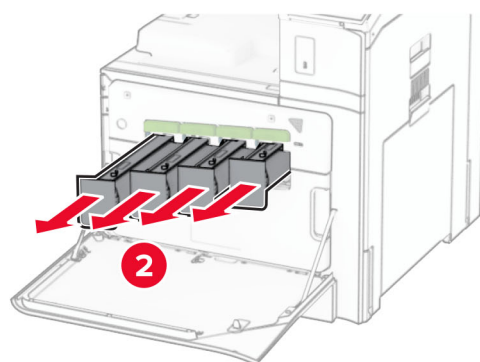
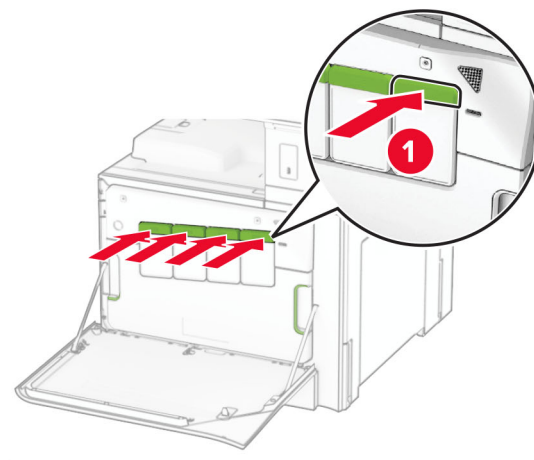
14 Đóng cửa.

Thay bộ quang màu

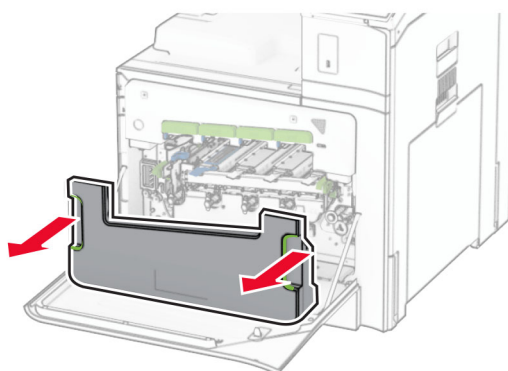
1 Mở cửa trước.



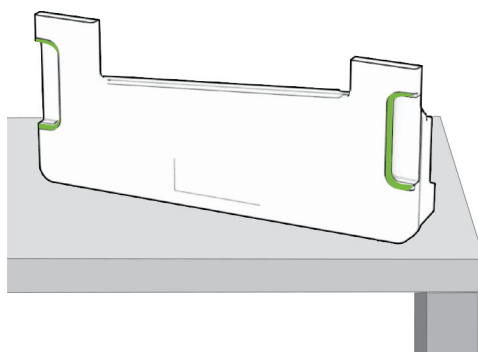
2 Tháo hộp mực.



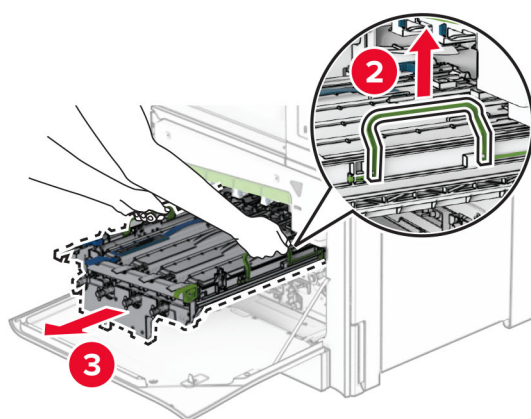
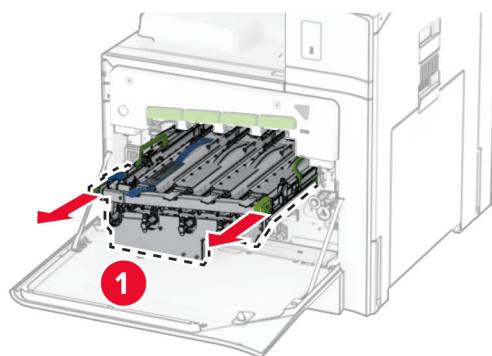
3 Tháo hộp mực thải.



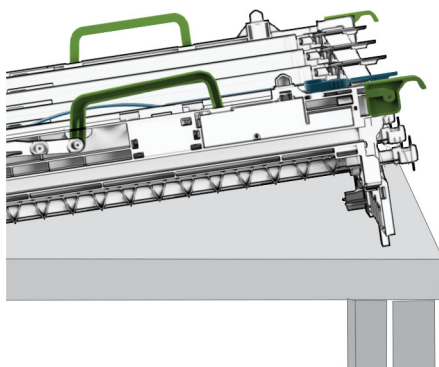
Lưu ý: Để tránh làm đổ mực, hãy đặt hộp mực ở vị trí thẳng đứng.



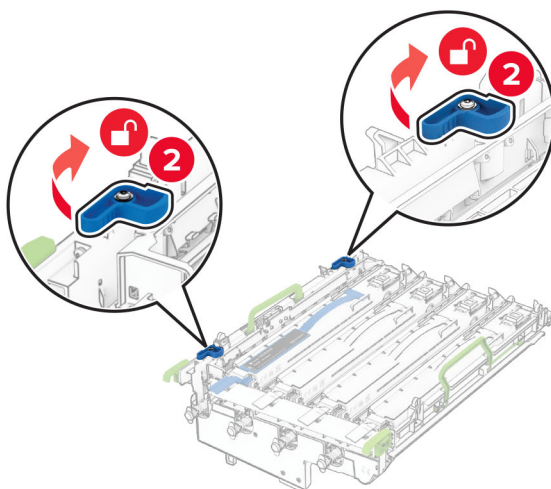
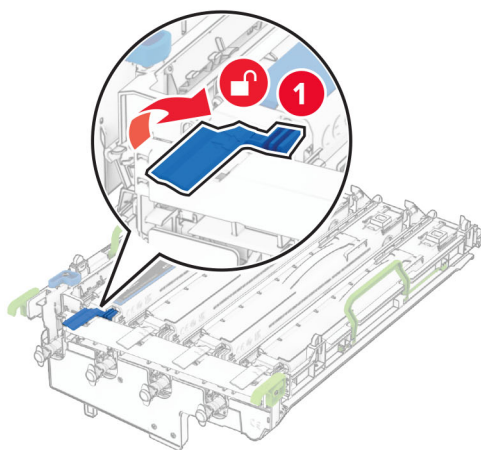
4 Tháo bộ quang đã sử dụng.



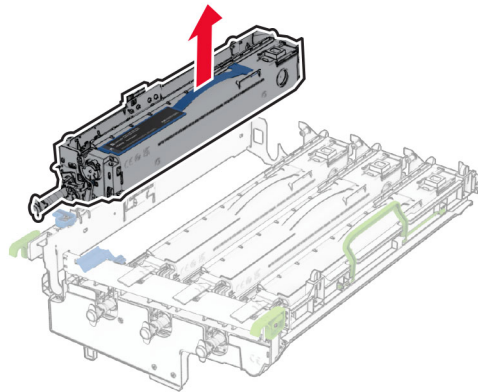
Lưu ý: Đặt bộ quang trên bề mặt sạch, bằng phẳng và ở vị trí thẳng đứng để tránh trầy xước hoặc làm hỏng trống quang dẫn.



5 Mở khóa hộp quang đen.



6 Tháo hộp quang đen.



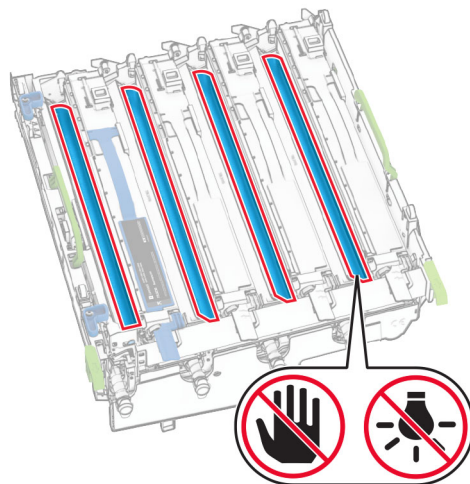
Lưu ý: Không vứt bỏ hộp quang đen. Bạn sẽ lắp hộp quang đen vào bộ quang mới.

7 Mở gói bộ quang mới.

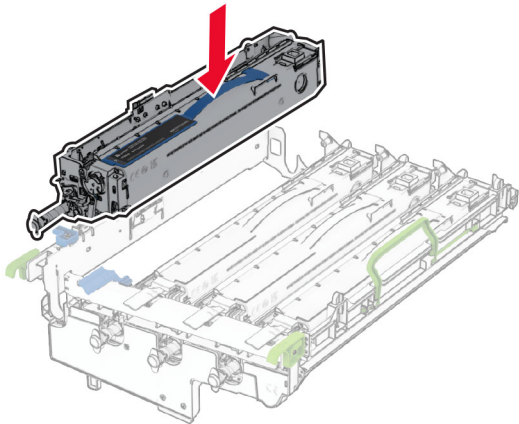
Lưu ý: Bộ quang bao gồm giá hộp quang và các bộ từ màu lục lam, đỏ tím và vàng.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

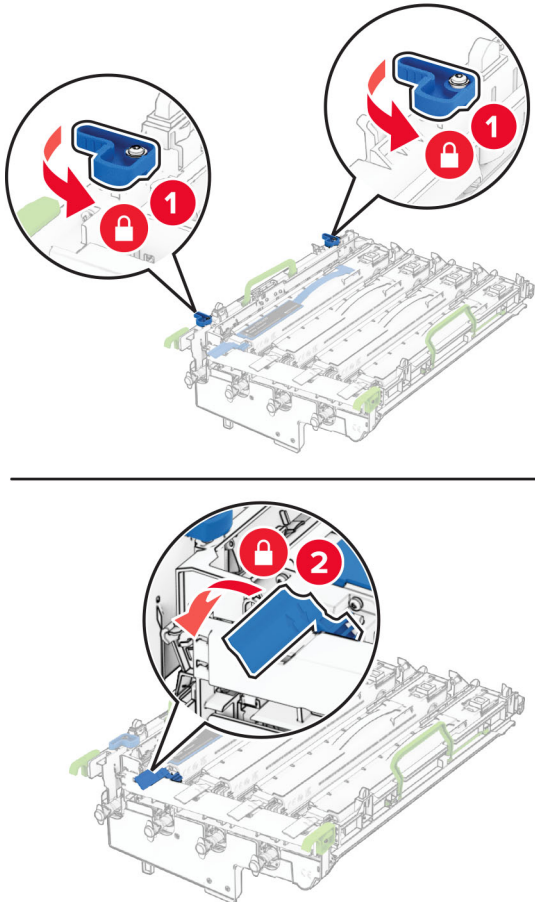
Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.



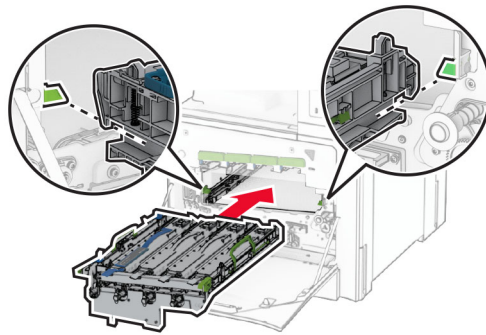
8 Lắp hộp quang đen vào bộ quang mới.



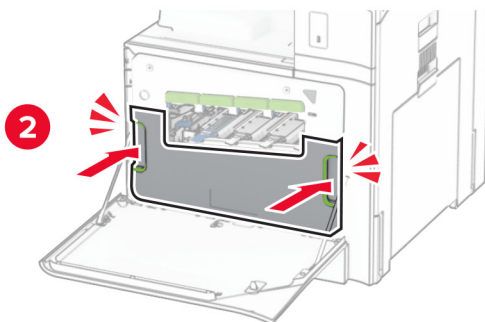
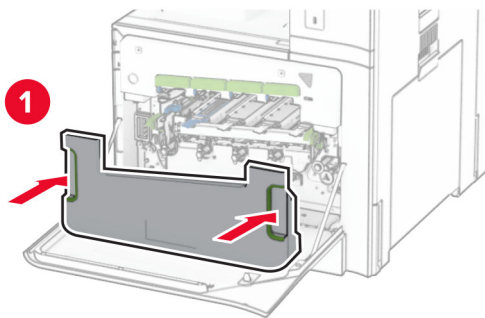
9 Khóa hộp quang đen vào đúng vị trí.



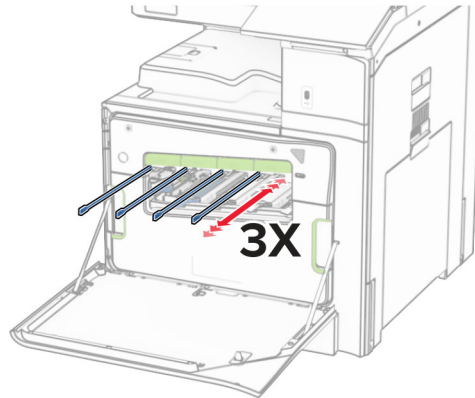
10 Lắp bộ quang mới vào cho đến khi nó nằm đúng vị trí.



11 Lắp hộp mực thải cho đến khi khớp vào đúng vị trí.

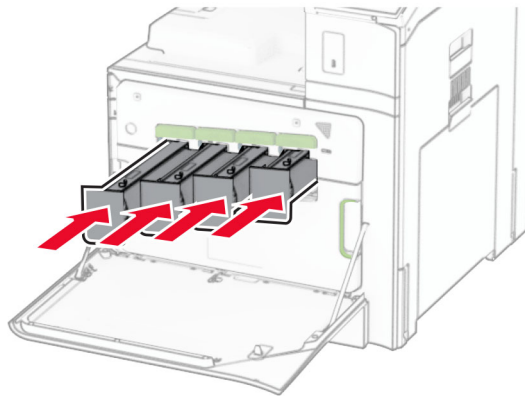


12 Kéo nhẹ thanh gạt mực đầu in ra, sau đó làm sạch kính đầu in.



Để biết thêm thông tin về cách vệ sinh kính đầu in, hãy xem [“Vệ sinh thấu kính đầu in” trên trang 415.](#)

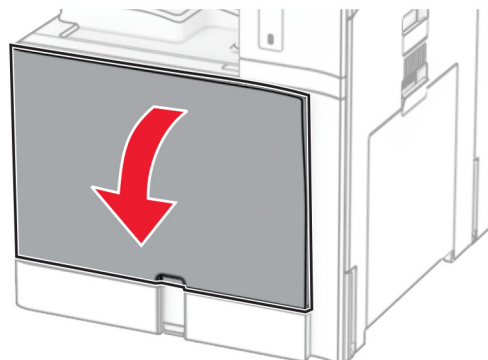
13 Lắp hộp mực.



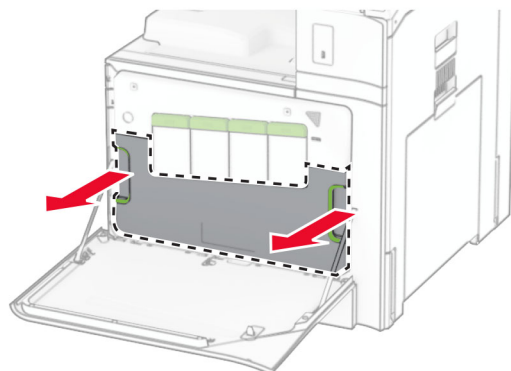
14 Đóng cửa.

Thay hộp mực thải

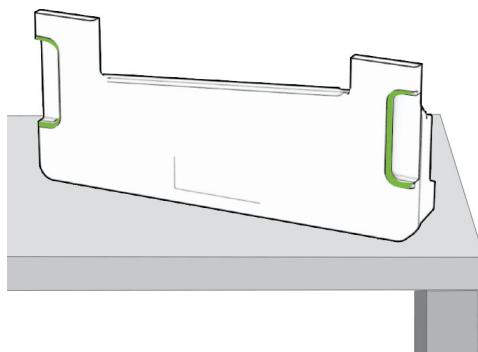
1 Mở cửa trước.



2 Tháo hộp mực thải đã qua sử dụng.

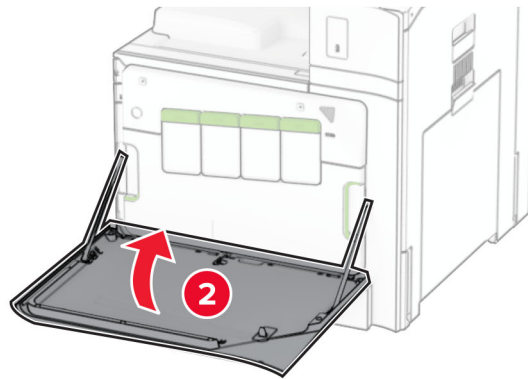
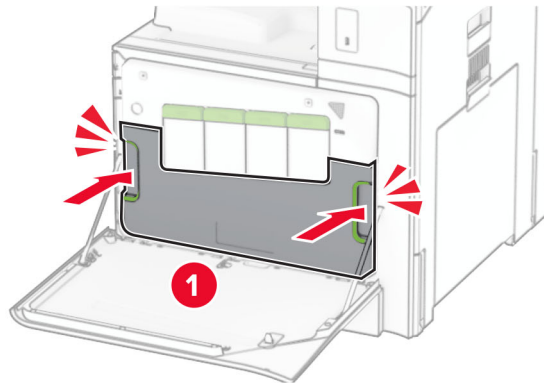


Lưu ý: Để tránh làm đổ mực, hãy đặt hộp mực ở vị trí thẳng đứng.



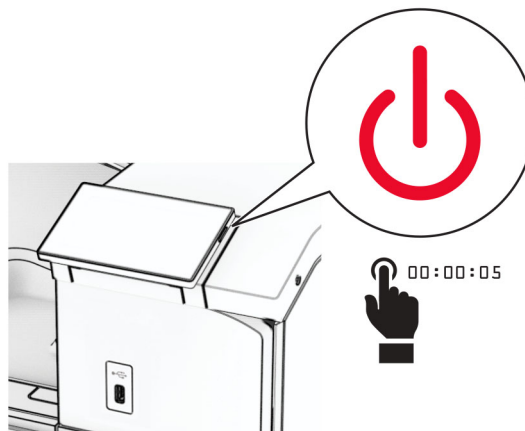
3 Mở gói hộp mực thải mới.

4 Lắp hộp mực thải mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí, sau đó đóng cửa.



Thay bộ sấy

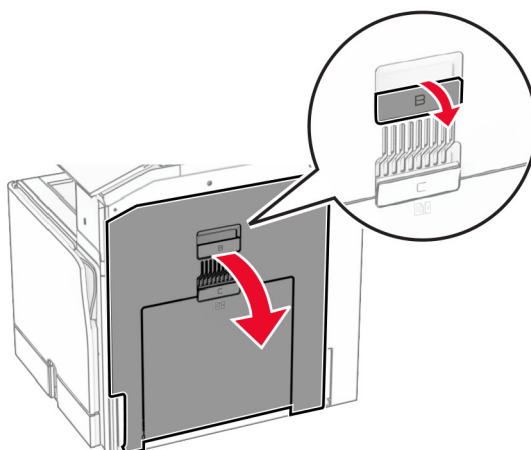
1 Tắt máy in.



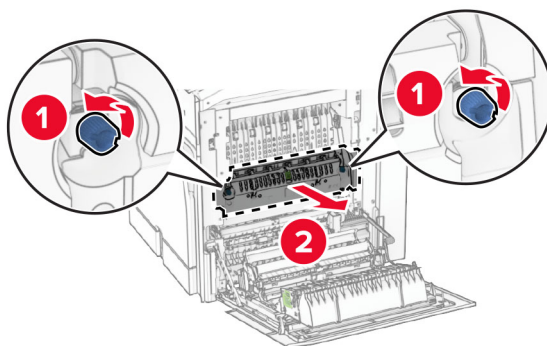
2 Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện và máy in.

3 Mở cửa B.

⚠ CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG: Bên trong máy in có thể nóng. Để giảm rủi ro chấn thương do bộ phận máy bị nóng, hãy để cho bề mặt nguội xuống trước khi chạm vào.

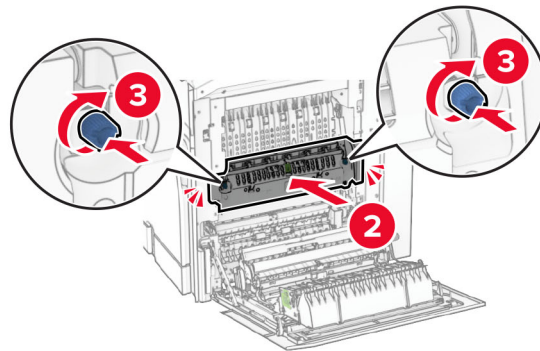
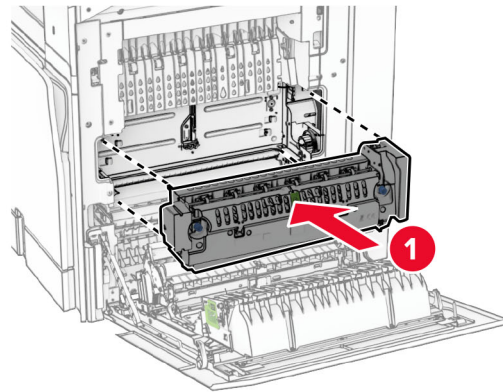


4 Mở khóa, sau đó tháo bộ sấy đã sử dụng.



5 Mở bao bì của bộ sấy mới.

6 Lắp bộ sấy mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí, sau đó khóa lại.



7 Đóng cửa B.

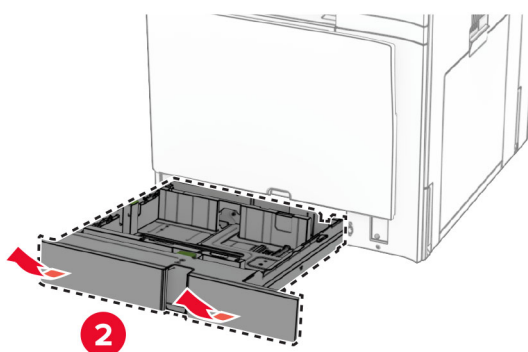
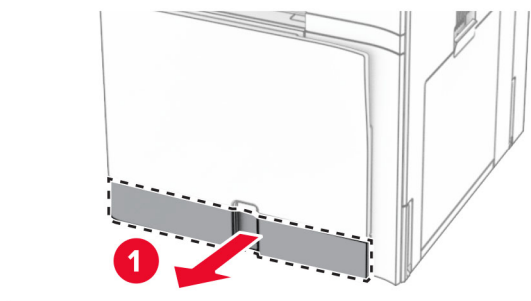
8 Cắm một đầu dây nguồn với máy in, sau đó cắm đầu còn lại vào ổ cắm điện.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

9 Bật máy in.

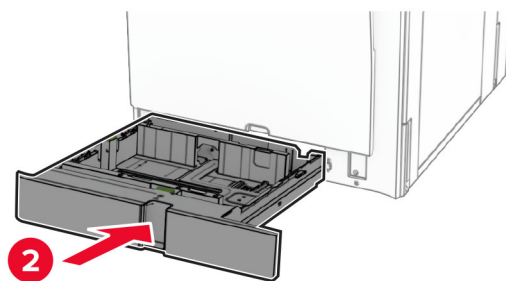
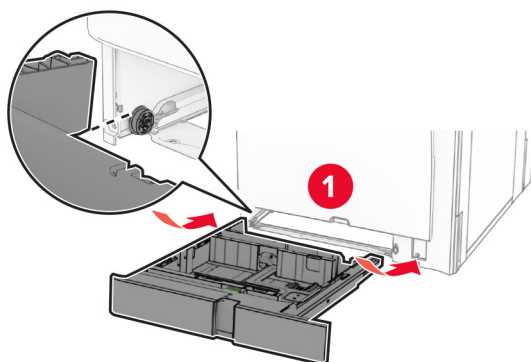
Thay bộ chèn khay

1 Kéo bộ chèn khay đã sử dụng ra.



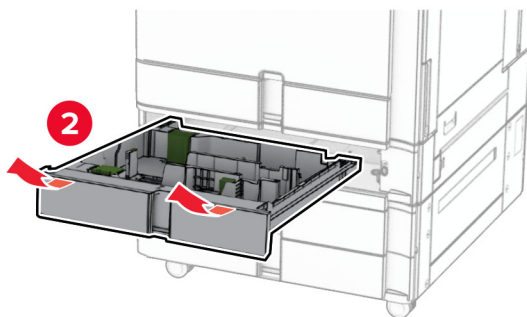
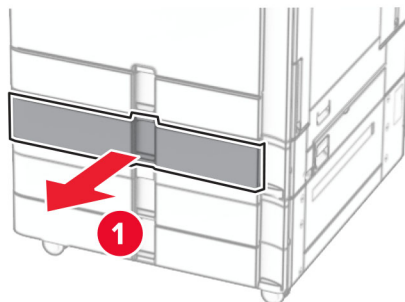
2 Mở bao bì của bộ chèn khay mới.

3 Lắp bộ chèn khay mới.

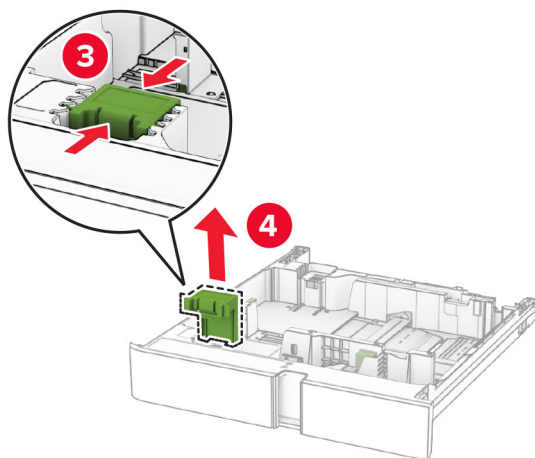
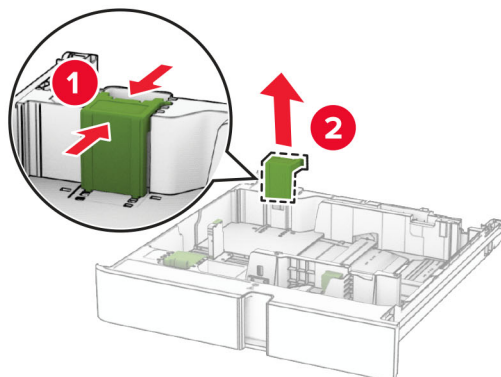


Thay thanh dẫn mặt bên trong khay 550 tờ tùy chọn

1 Kéo khay ra.

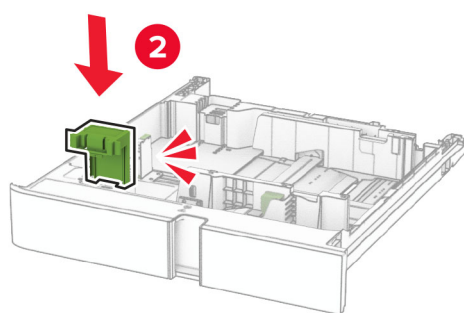
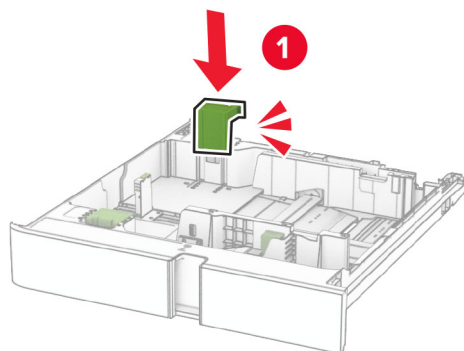


2 Tháo thanh dẫn mặt bên đã sử dụng.



3 Mở bao bì của thanh dẫn mặt bên mới.

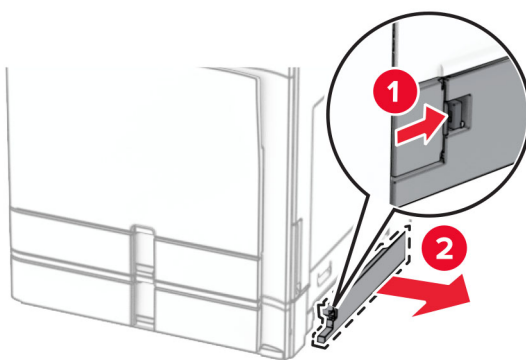
4 Lắp thanh dẫn mặt bên mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



5 Lắp khay vào.

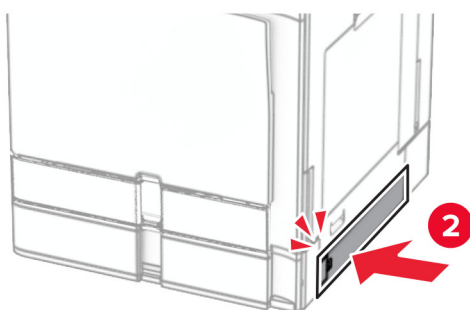
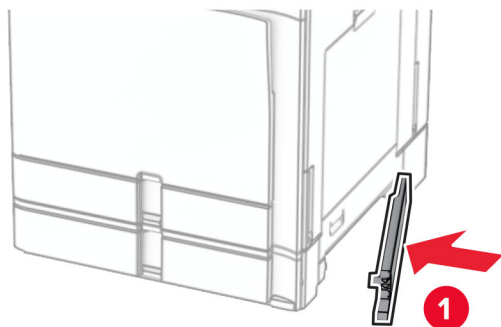
Thay nắp trong khay 550 tùy chọn

1 Tháo nắp khay đã sử dụng.



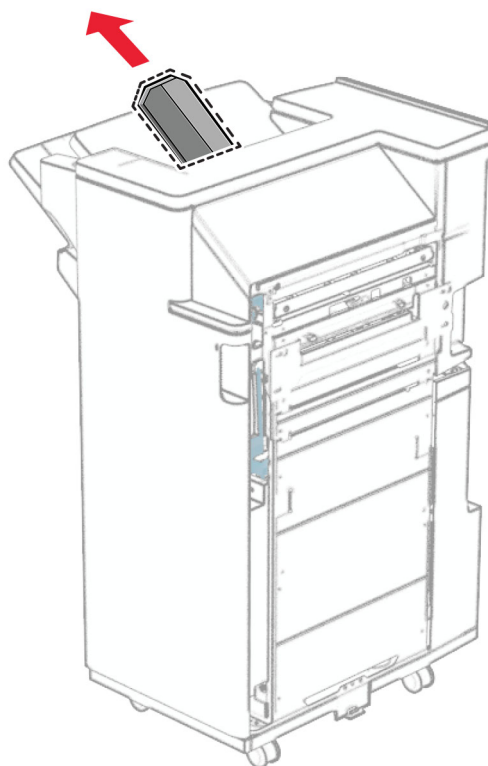
2 Mở bao bì của nắp khay mới.

3 Lắp nắp khay mới cho đến khi khớp vào đúng chỗ.



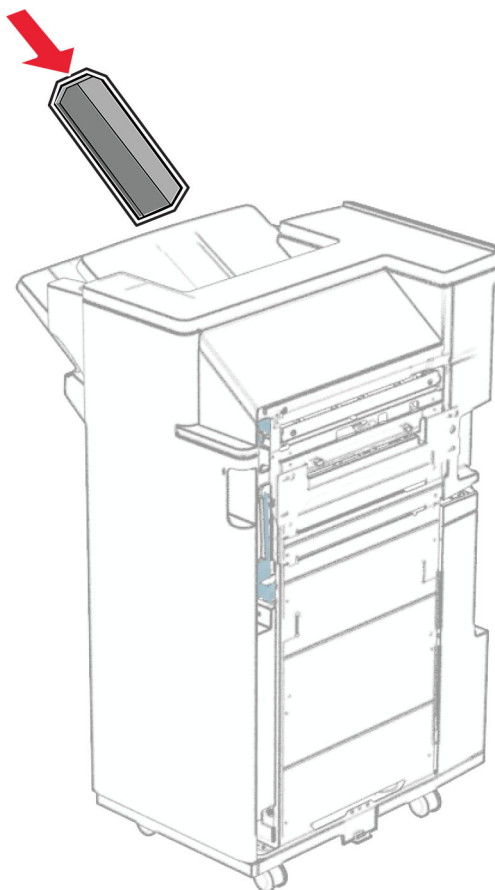
Thay khay mở rộng ngăn giấy trên của bộ hoàn thiện tập sách

1 Tháo khay mở rộng ngăn giấy trên đã sử dụng.



2 Mở bao bì của khay mở rộng ngăn giấy trên mới.

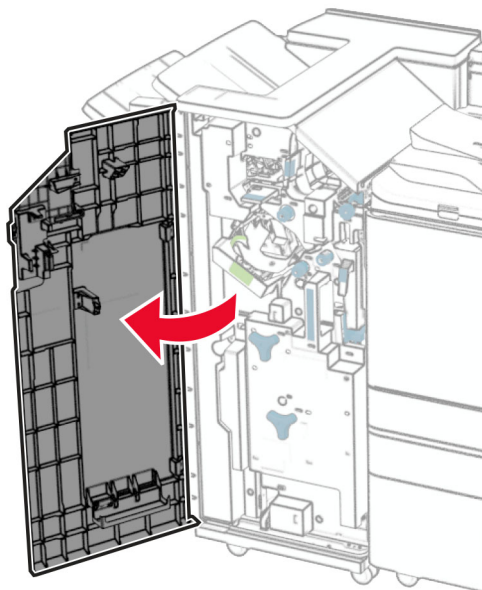
3 Lắp khay mở rộng ngăn giấy trên mới.



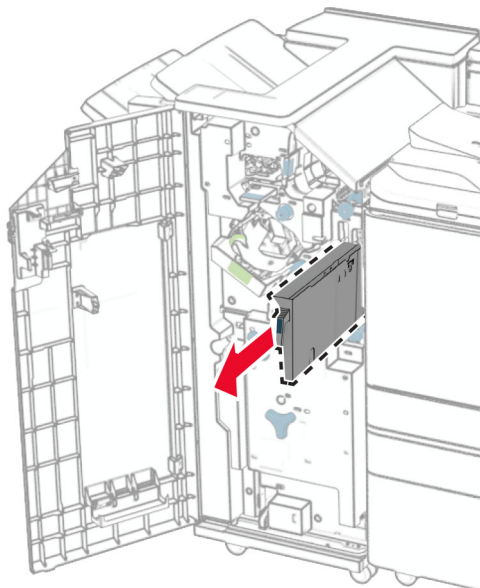
Thay hộp mực lỗi

Lưu ý: Tùy theo bộ hoàn thiện được lắp, hình dạng của hộp mực lỗi có thể khác nhau.

1 Mở cửa bộ hoàn thiện.

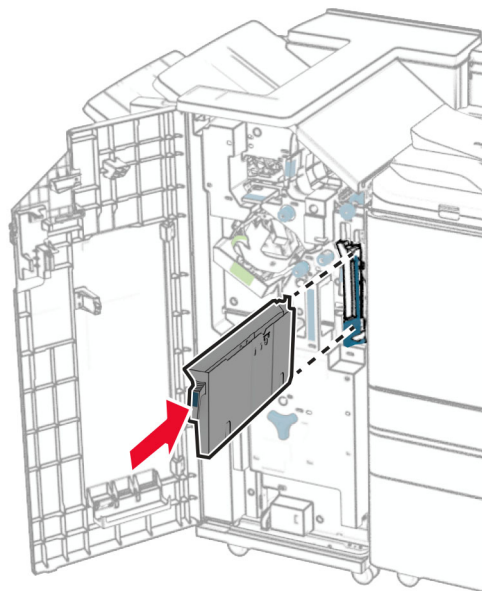


2 Tháo hộp mực lỗi đã sử dụng.



3 Mở bao bì của hộp mực lỗi mới.

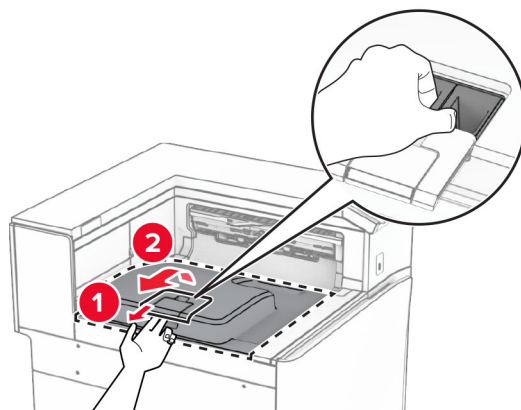
4 Lắp hộp đựng lõi mới.



5 Đóng cửa bộ hoàn thiện.

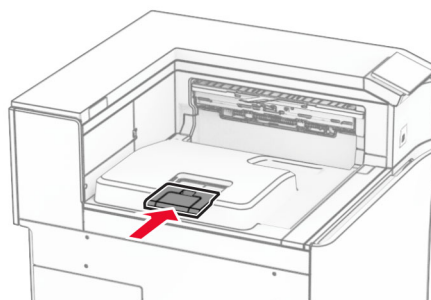
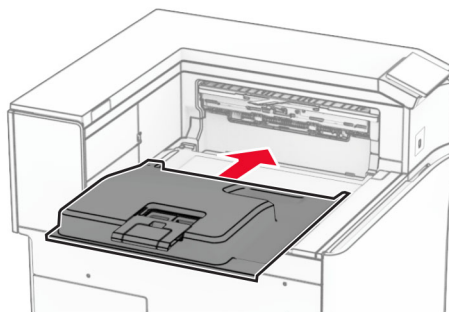
Thay ngăn giấy chuẩn

1 Tháo ngăn giấy chuẩn đã sử dụng.



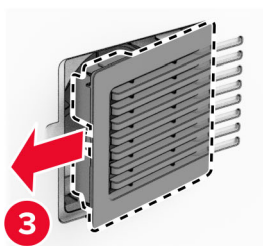
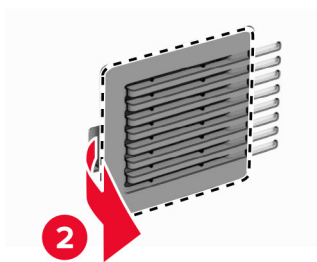
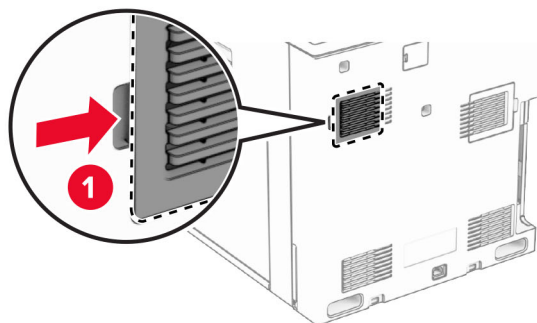
2 Mở bao bì của ngăn giấy chuẩn mới.

3 Lắp ngăn giấy chuẩn mới.



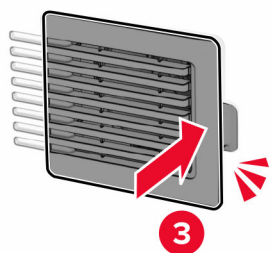
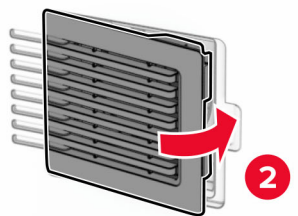
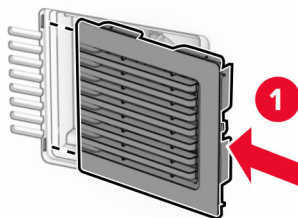
Thay nắp quạt

1 Tháo nắp quạt đã sử dụng.



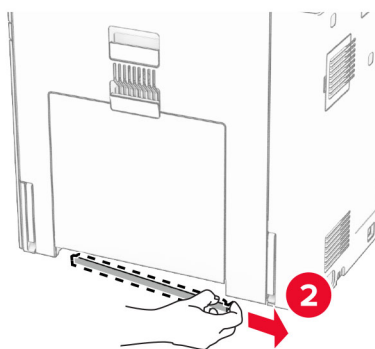
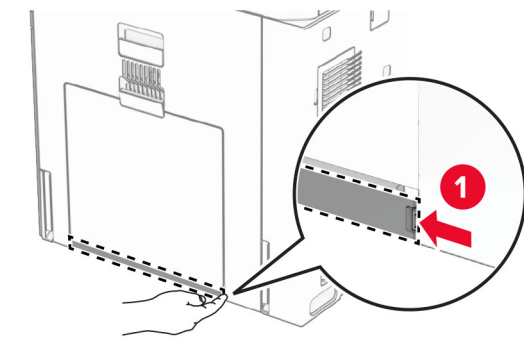
2 Mở bao bì nắp quạt mới.

3 Lắp nắp quạt mới cho đến khi khớp vào đúng chỗ.



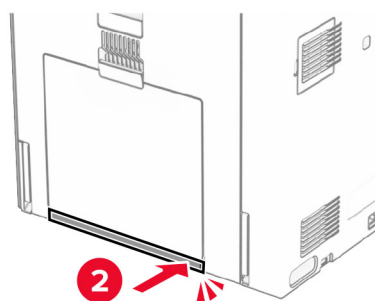
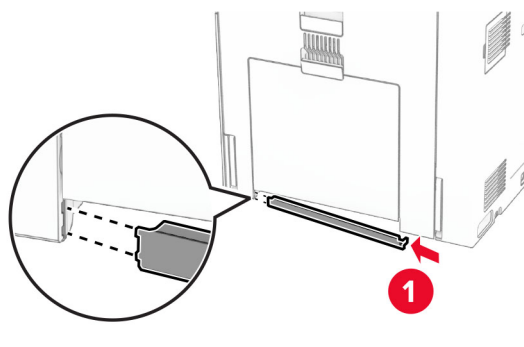
Thay nắp bên phải

1 Tháo nắp bên phải đã qua sử dụng.



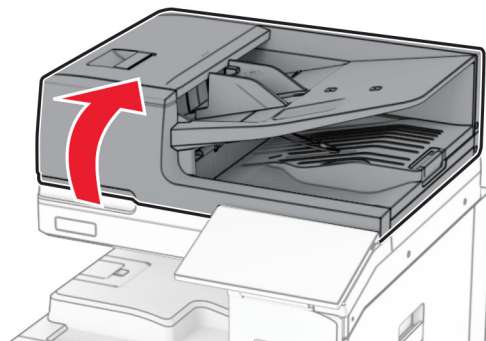
2 Mở bao bì nắp quạt mới.

3 Lắp nắp quạt mới cho đến khi khớp vào đúng chỗ.

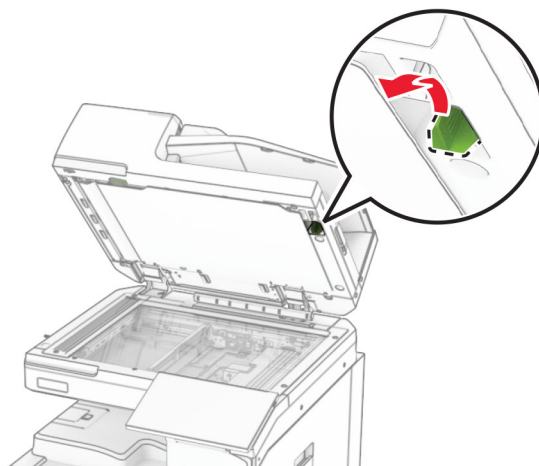


Thay công cụ vệ sinh kính

1 Mở nắp máy quét.

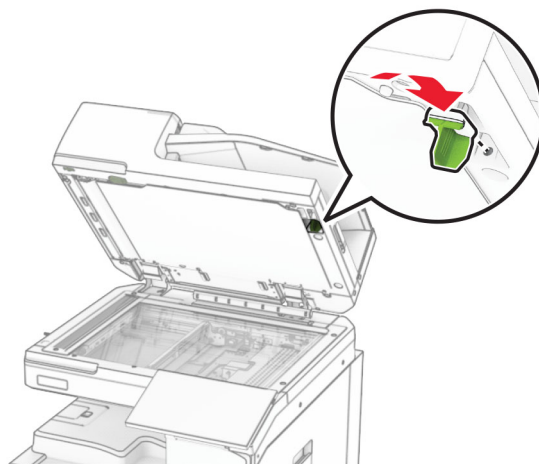


2 Tháo công cụ vệ sinh kính đã sử dụng.



3 Mở bao bì của công cụ vệ sinh kính mới.

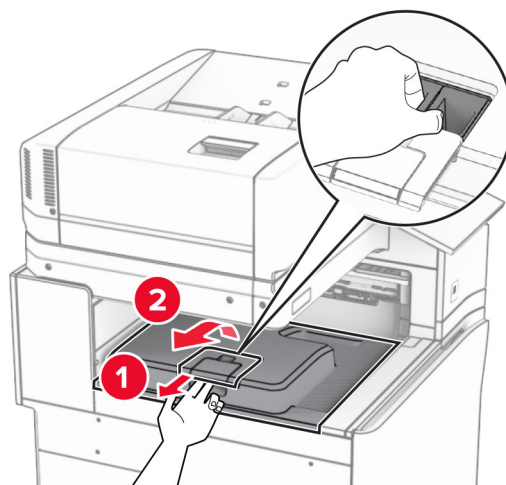
4 Lắp công cụ vệ sinh kính mới.



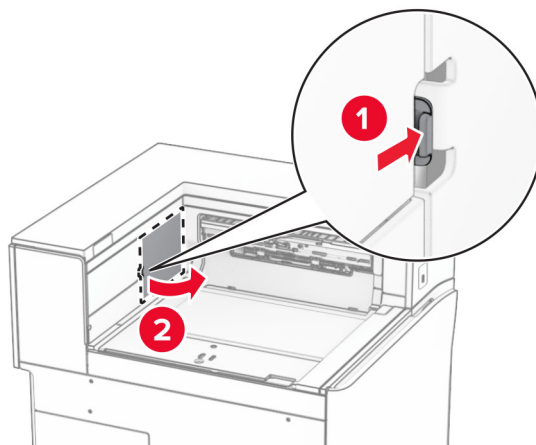
5 Đóng nắp máy quét.

Thay nắp của đầu nối bộ phận vận chuyển giấy

1 Tháo ngăn giấy chuẩn.

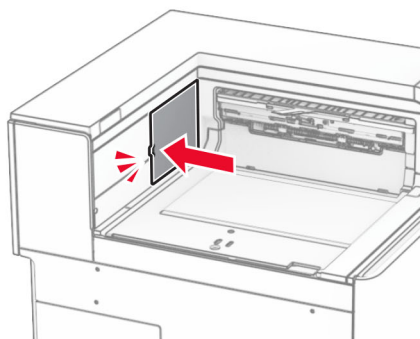
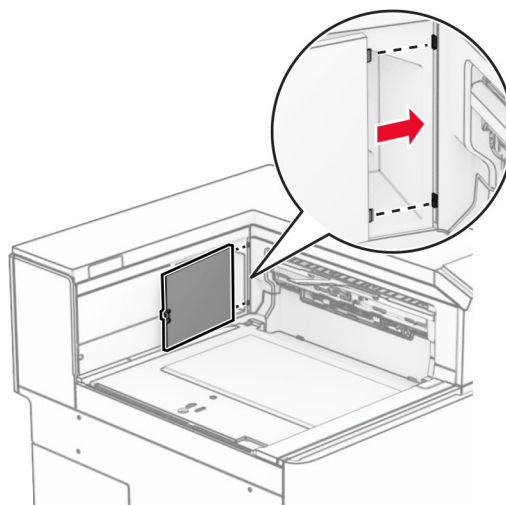


2 Tháo nắp đã sử dụng của đầu nối bộ phận vận chuyển giấy.

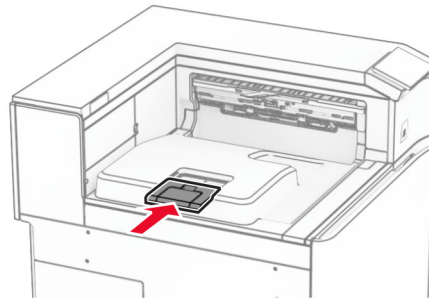
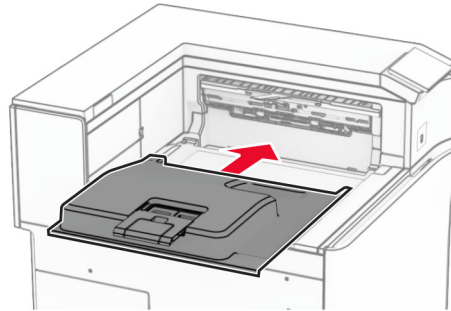


3 Mở bao bì của nắp đầu nối mới.

4 Lắp nắp đầu nối mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



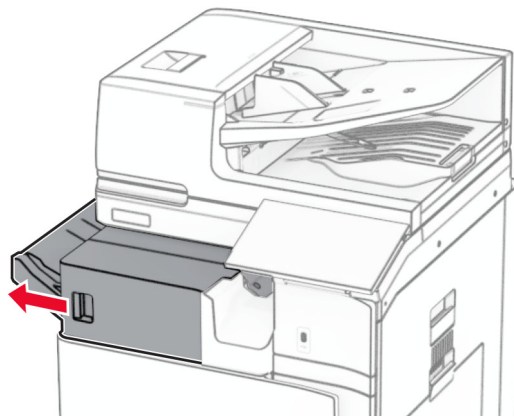
5 Lắp ngăn giấy chuẩn.



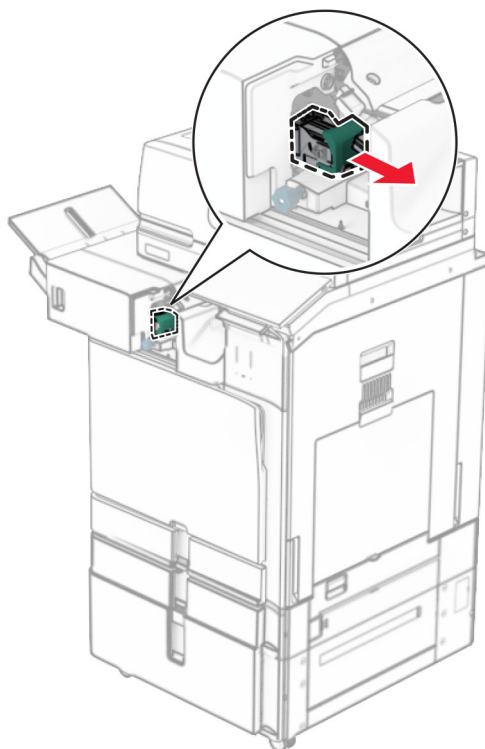
Thay thế hộp ghim

Thay hộp ghim trong bộ hoàn thiện dập ghim

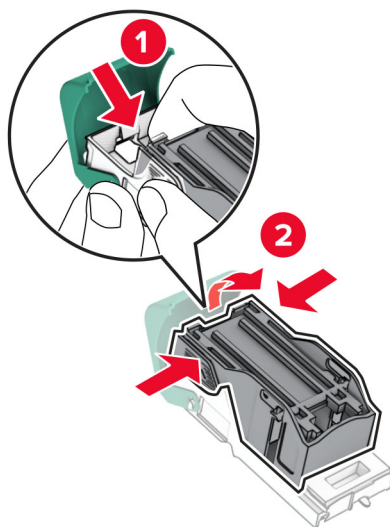
- 1 Nắm tay cầm F rồi trượt bộ hoàn thiện dập ghim sang bên trái.



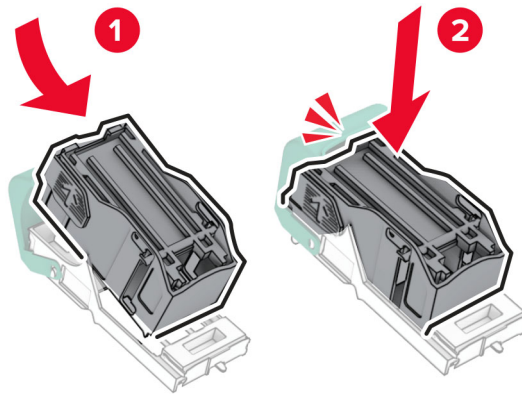
2 Tháo bộ đỡ hộp ghim.



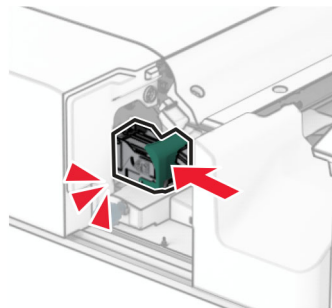
3 Tháo hộp ghim đã hết.



4 Lắp hộp ghim mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



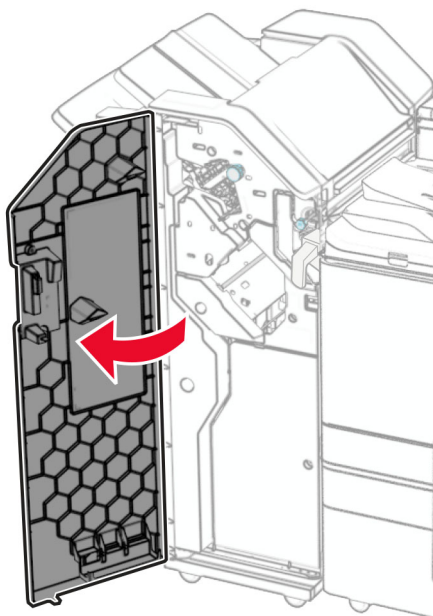
5 Lắp bộ đỡ hộp ghim cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



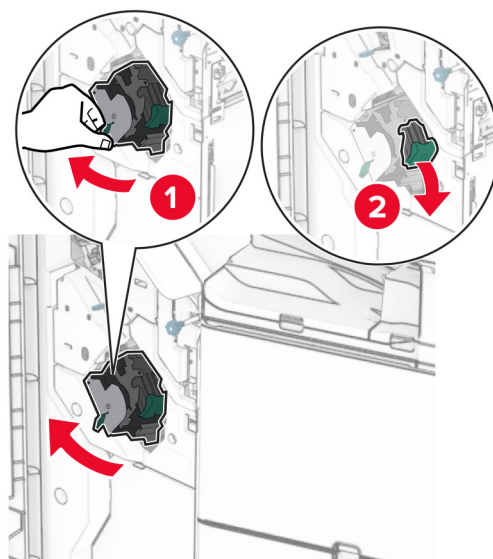
6 Trượt bộ hoàn thiện dập ghim sang bên phải.

Thay hộp ghim trong bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ

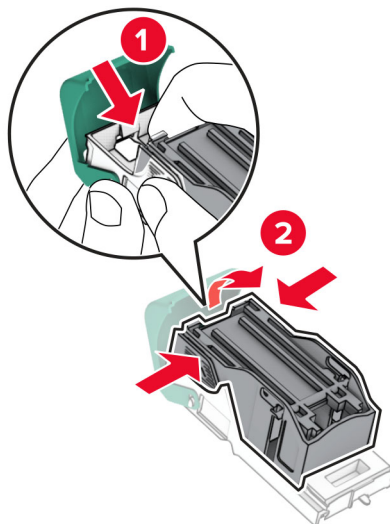
1 Mở cửa H.



2 Kéo tay cầm màu xanh lá ra, rồi tháo bộ đỡ hộp ghim.

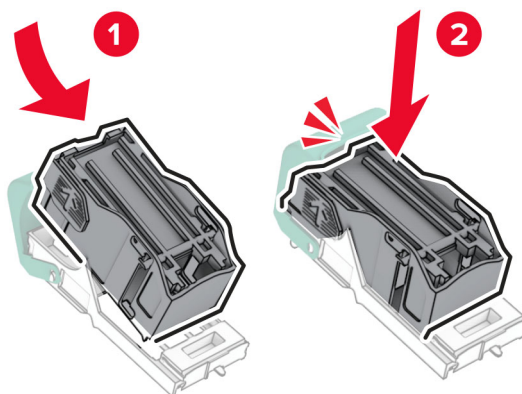


3 Tháo hộp ghim đã hết.

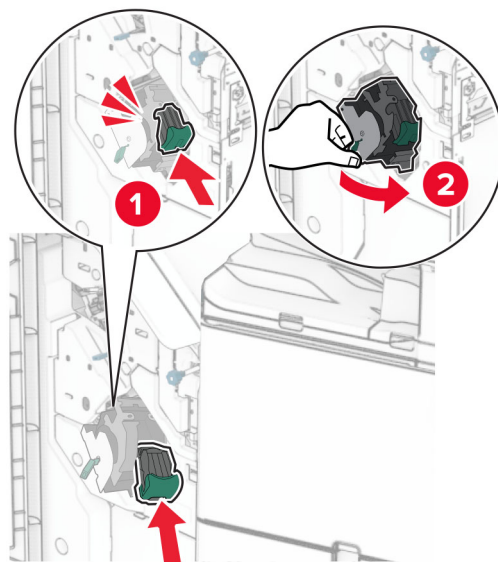


4 Mở bao bì của hộp ghim mới.

5 Lắp hộp ghim mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



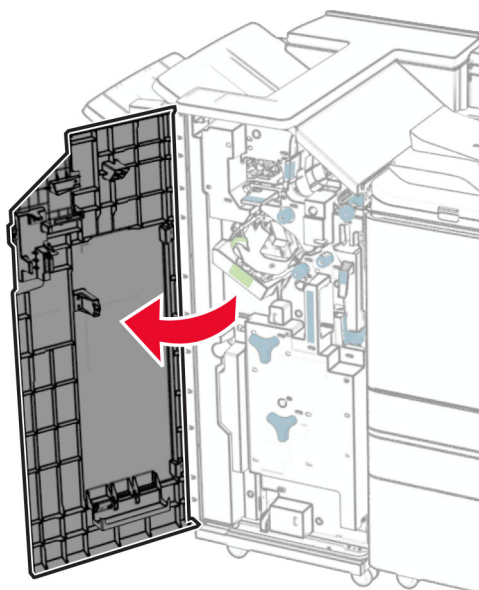
6 Lắp bộ đỡ hộp ghim cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



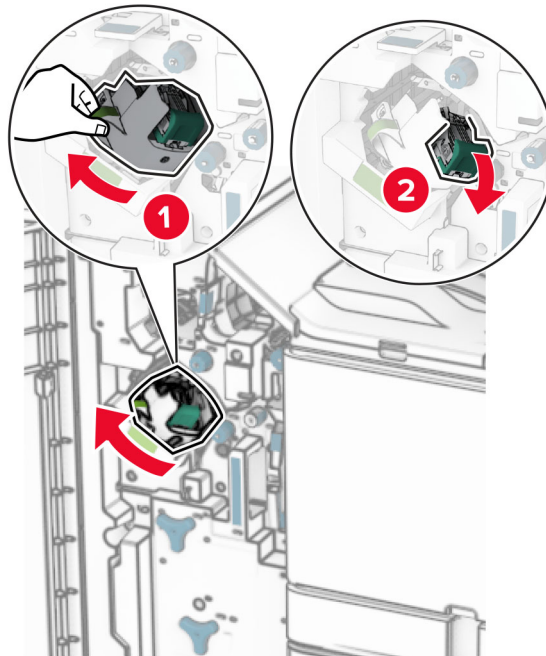
7 Đóng cửa H.

Thay hộp ghim trong bộ hoàn thiện tập sách

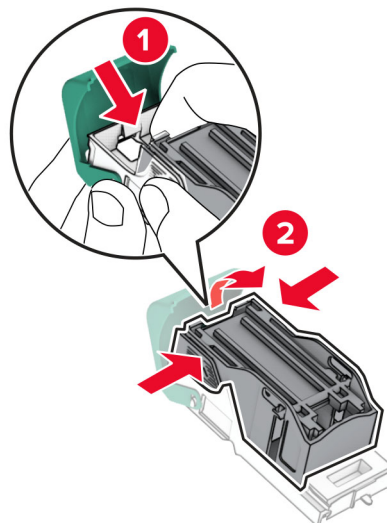
1 Mở cửa H.



2 Kéo tay cầm màu xanh lá ra, rồi tháo bộ đỡ hộp ghim.

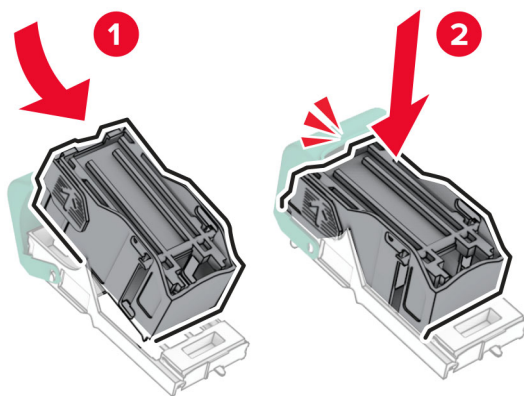


3 Tháo hộp ghim đã hết.

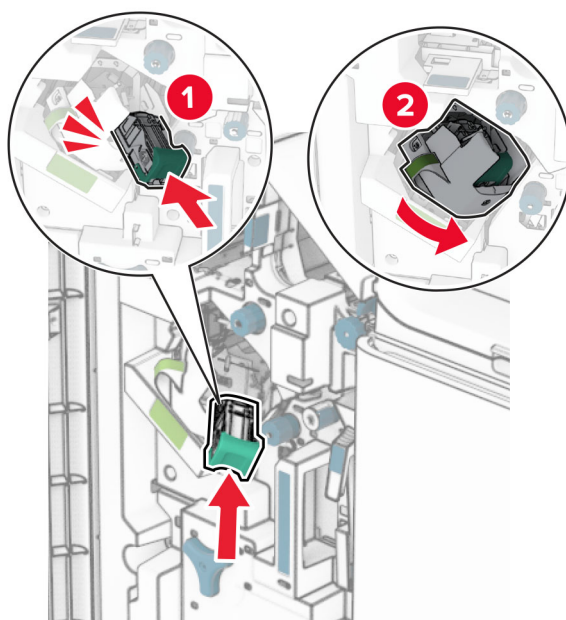


4 Mở bao bì của hộp ghim mới.

5 Lắp hộp ghim mới cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



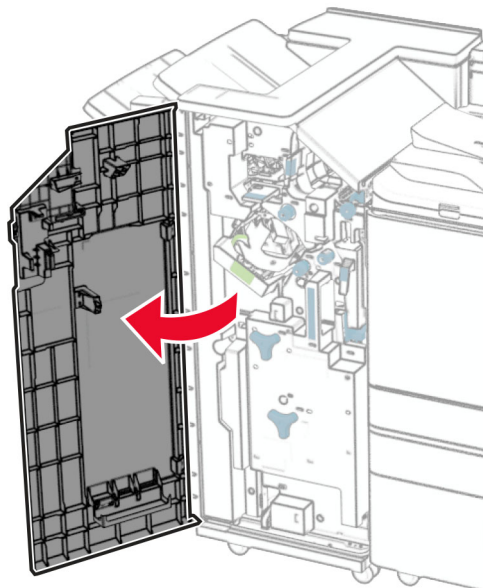
6 Lắp bộ đỡ hộp ghim cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



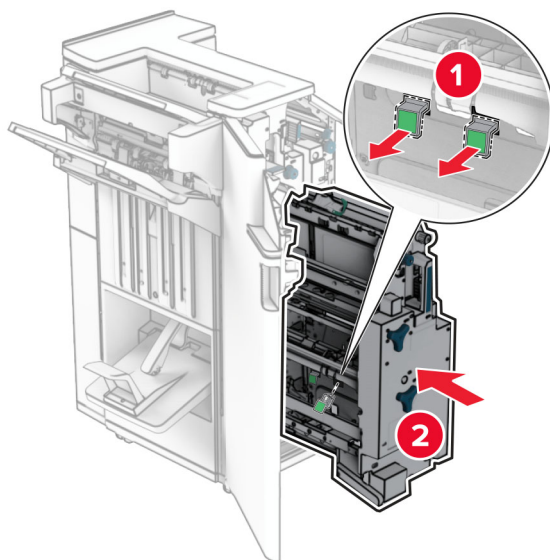
7 Đóng cửa H.

Thay bộ đỡ hộp ghim trong bộ hoàn thiện tập sách

1 Mở cửa bộ hoàn thiện.

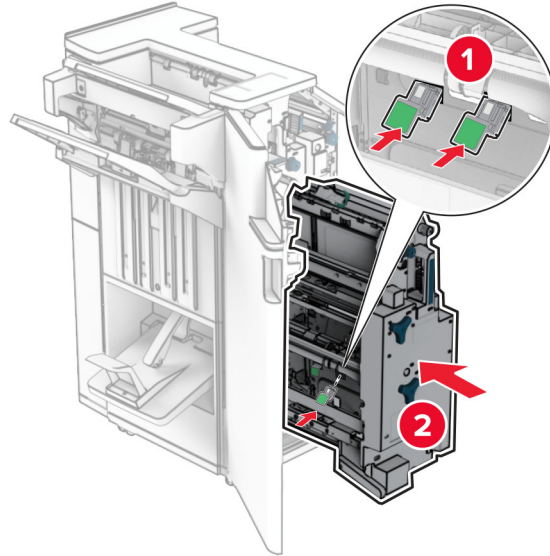


2 Kéo máy đóng tập sách ra, rồi tháo bộ đỡ hộp ghim đã sử dụng.



3 Mở bao bì của bộ đỡ hộp ghim mới.

4 Lắp bộ đỡ hộp ghim mới.



5 Lắp máy đóng tập sách rồi đóng cửa bộ hoàn thiện.

đặt lại bộ đếm sử dụng vật tư

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Menu cấu hình > Mức sử dụng vật tư và bộ đếm**.
- 2 Chọn bộ đếm mà bạn muốn đặt lại.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Có thể đặt lại và tái sản xuất các vật tư và bộ phận không có điều khoản thỏa thuận về Chương trình hoàn trả. Tuy nhiên, bảo hành của nhà sản xuất không bao gồm hư hỏng do sử dụng vật tư hoặc bộ phận không chính hãng. Việc đặt lại bộ đếm vật tư hoặc bộ phận không được tái sản xuất đúng cách có thể gây hư hỏng cho máy in của bạn. Sau khi đặt lại bộ đếm vật tư hoặc bộ phận, máy in của bạn có thể hiển thị lỗi cho biết sự hiện diện của mực đặt lại.

Vệ sinh các bộ phận của máy in

Vệ sinh máy in

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh rủi ro điện giật khi vệ sinh bên ngoài máy in, hãy rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và rút toàn bộ cáp khỏi máy in trước khi tiến hành.

Lưu ý:

- Thực hiện tác vụ này một lần sau vài tháng.
- Hư hỏng máy in do xử lý không đúng cách sẽ không được bảo hành.

- 1 Tắt máy in, sau đó rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện.
- 2 Lấy giấy ra khỏi ngăn giấy chuẩn và khay nạp giấy đa năng.

- Sử dụng bàn chải lông mềm hoặc máy hút bụi để loại bỏ bụi, xơ vải và mảnh giấy xung quanh máy in.
- Sử dụng vải ẩm, mềm, không xơ để lau sạch mặt ngoài của máy in.

Lưu ý:

- Không sử dụng các chất làm sạch hoặc chất tẩy rửa dùng trong gia đình, vì chúng có thể làm hỏng lớp hoàn thiện của máy in.
- Đảm bảo tất cả khu vực của máy in khô sau khi vệ sinh.

- Cắm dây nguồn vào ổ cắm điện, sau đó bật máy in.

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỬN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

Vệ sinh màn hình cảm ứng

⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ GIẬT ĐIỆN: Để tránh nguy cơ bị điện giật khi vệ sinh bên ngoài máy in, hãy rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và ngắt kết nối tất cả các dây cáp khỏi máy in trước khi thực hiện vệ sinh.

- Tắt máy in, sau đó rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện.
- Sử dụng vải ẩm, mềm, không xơ để lau sạch màn hình cảm ứng.

Lưu ý:

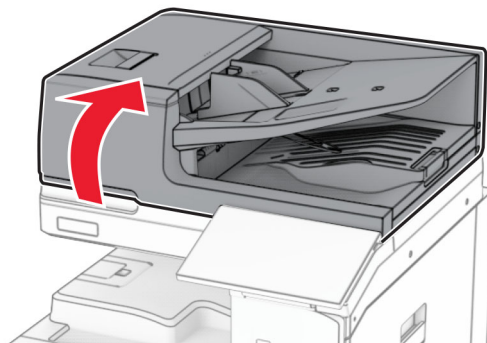
- Không được sử dụng dung dịch tẩy rửa gia dụng hoặc chất tẩy rửa vì những chất này có thể làm hỏng màn hình cảm ứng.
- Đảm bảo làm khô màn hình cảm ứng sau khi vệ sinh.

- Cắm dây nguồn vào ổ cắm điện, sau đó bật máy in.

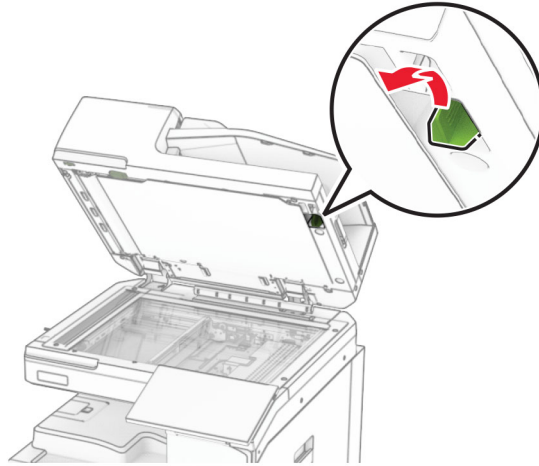
⚠ CHÚ Ý—NGUY CƠ TỬN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

Vệ sinh máy quét

- Mở nắp máy quét.

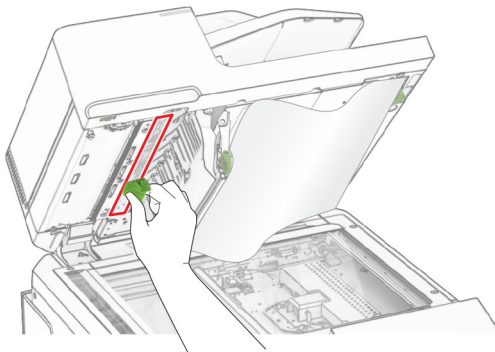


2 Tháo công cụ vệ sinh kính.



3 Mở cửa A1.

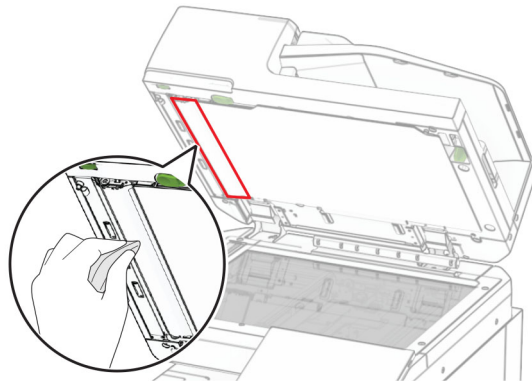
4 Sử dụng công cụ này để lau kính ADF.



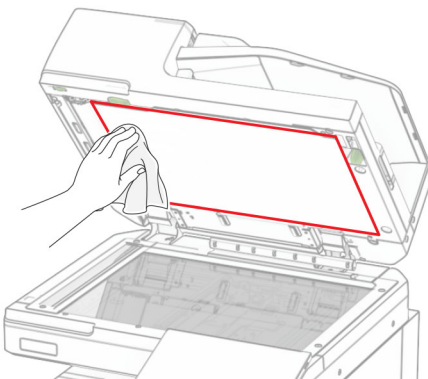
5 Đóng cửa A1.

6 Sử dụng vải ẩm, mềm, không xơ để lau sạch các khu vực sau:

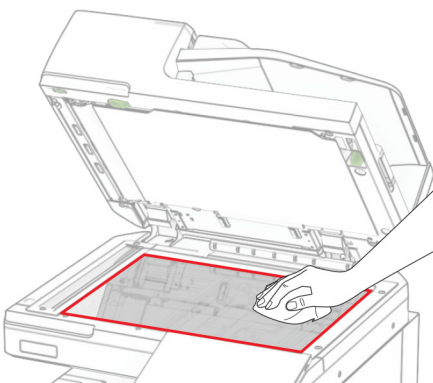
- Miếng đệm kính ADF



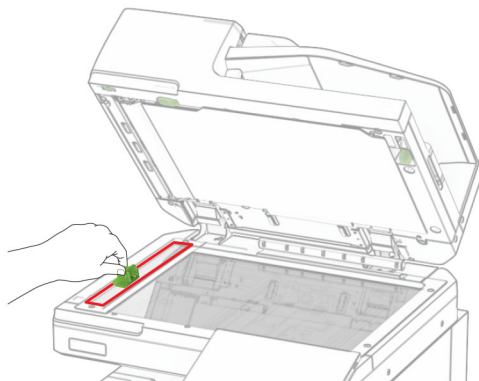
- Miếng đệm kính máy quét



- Kính máy quét



7 Sử dụng công cụ này để lau kính ADF.



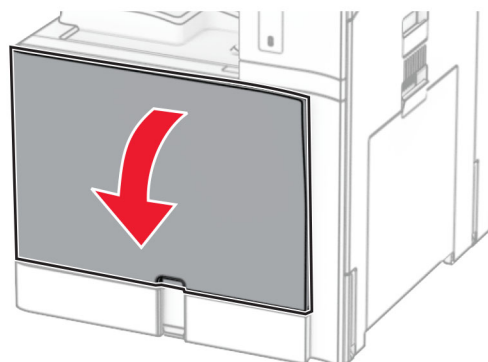
8 Đặt lại công cụ về vị trí.



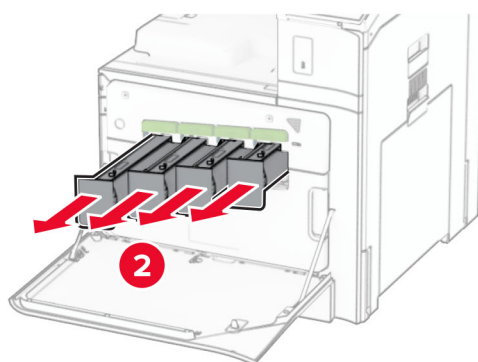
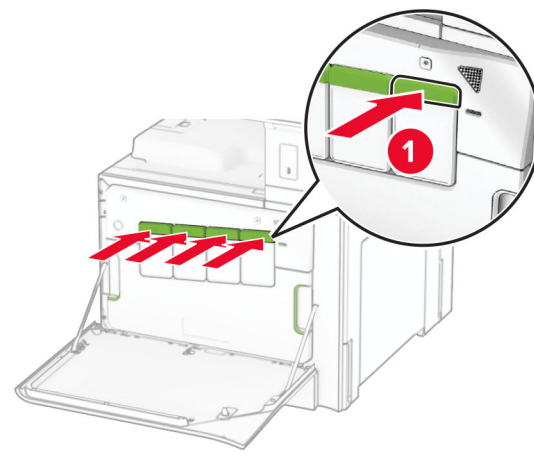
9 Đóng nắp máy quét.

Vệ sinh thấu kính đầu in

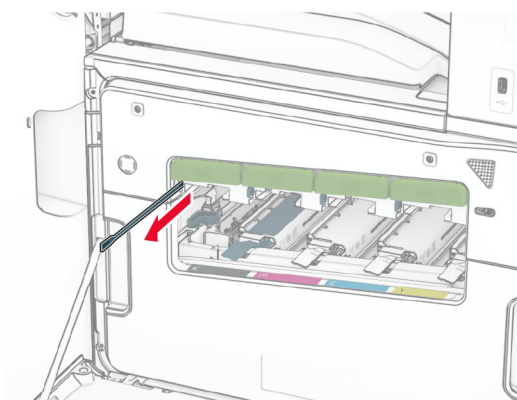
1 Mở cửa trước.



2 Tháo hộp mực.

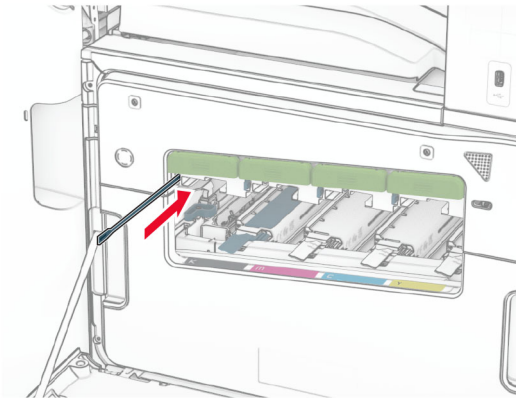


3 Kéo nhẹ thanh gạt mực ra cho đến khi dừng.



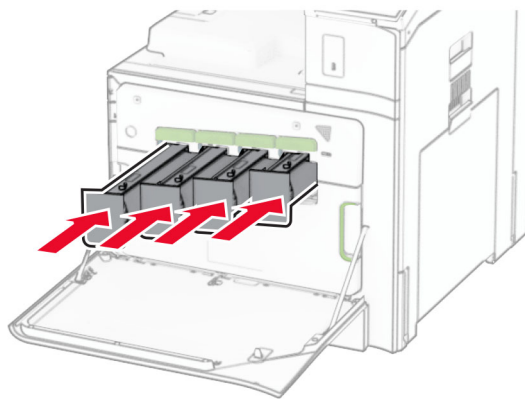
Lưu ý: Không tháo thanh gạt mực khỏi máy in.

4 Đẩy thanh gạt mực trở lại đầu in cho đến khi dừng.



5 Lặp lại [bước 3](#) và [bước 4](#) ba lần cho mỗi đầu in.

6 Lắp hộp mực.

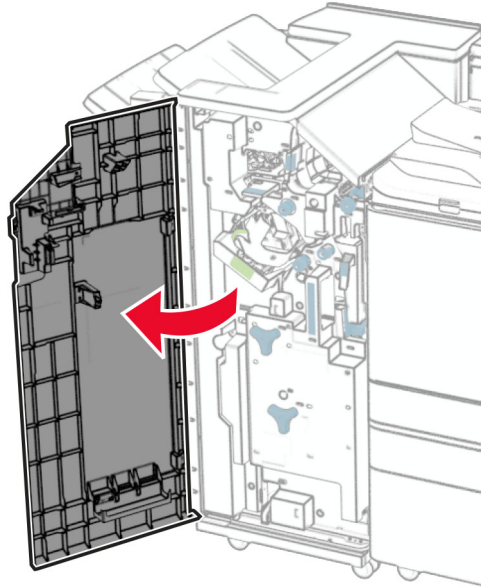


7 Đóng cửa trước.

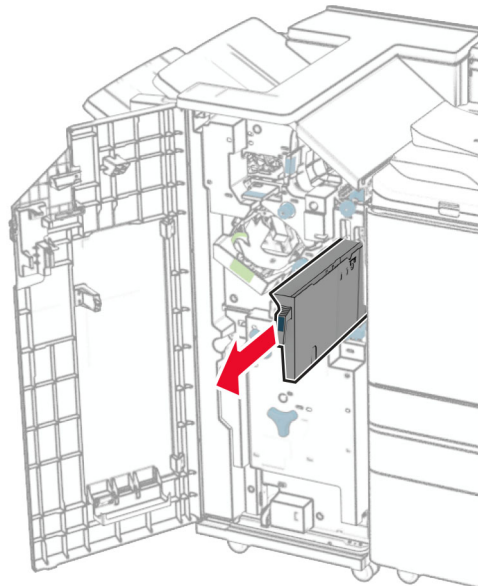
Lấy hết giấy khỏi hộp đực lỗ

Lưu ý: Tùy theo bộ hoàn thiện được lắp, hình dạng của hộp đực lỗ có thể khác nhau.

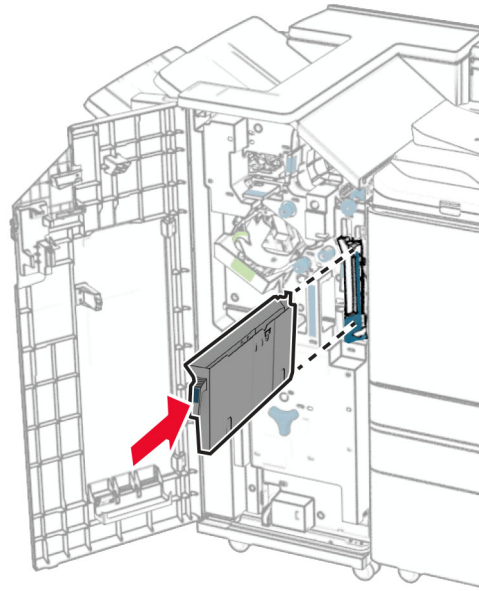
1 Mở cửa bộ hoàn thiện.



2 Tháo, sau đó lấy hết giấy khỏi hộp đực lỗ.



3 Lắp hộp mực lổ.



4 Đóng cửa bộ hoàn thiện.

Tiết kiệm năng lượng và giấy

Cấu hình cài đặt chế độ tiết kiệm điện

chế độ Ngủ

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Quản lý năng lượng > Thời gian chờ > Chế độ ngủ**.
- 2 Đặt khoảng thời gian máy in không hoạt động trước khi chuyển sang **Chế độ ngủ**.

chế độ Ngủ đông

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Quản lý năng lượng > Thời gian chờ > Thời gian chờ ngủ đông**.
- 2 Đặt khoảng thời gian máy in không hoạt động trước khi chuyển sang chế độ ngủ đông.

Lưu ý:

- Để chế độ **Thời gian chờ ngủ đông** hoạt động, hãy đặt **Thời gian chờ ngủ đông** khi kết nối là **Ngủ đông**.
- Máy chủ web nhúng bị tắt khi máy in ở chế độ ngủ đông.

Điều chỉnh độ sáng màn hình

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Tùy chọn**.
- 2 Trong menu **Độ sáng màn hình**, hãy điều chỉnh cài đặt.


Bảo quản vật tư


- In trên cả hai mặt giấy.


Lưu ý: In hai mặt là cài đặt mặc định trong máy in.

- In nhiều trang trên một tờ giấy.
- Sử dụng tính năng xem trước để xem tài liệu trông như thế nào trước khi in.
- In một bản sao của tài liệu để kiểm tra nội dung và định dạng có chính xác không.

Di chuyển máy in đến vị trí khác

 **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Nếu máy in nặng hơn 20 kg (44 lb), có thể sẽ cần có hai người trở lên để nâng máy in lên một cách an toàn.

 **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, chỉ sử dụng dây điện được cung cấp cùng với sản phẩm này hoặc phụ kiện thay thế được ủy quyền của nhà sản xuất.

 **CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG:** Khi di chuyển máy in, hãy làm theo các hướng dẫn sau đây để tránh thương tích cá nhân hoặc hư hỏng máy in:

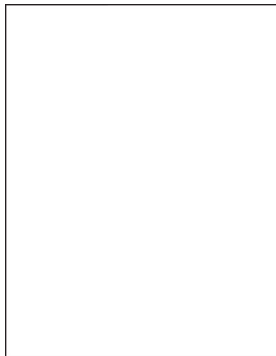
- Đảm bảo tất cả các cửa và khay đã được đóng.
- Tắt máy in, sau đó rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện.
- Ngắt kết nối tất cả dây điện và cáp ra khỏi máy in.
- Nếu máy in có các khay tùy chọn đặt riêng trên sàn hoặc các tùy chọn đầu ra được gắn vào máy in, hãy ngắt kết nối chúng trước khi di chuyển máy in.
- Nếu máy in có đế bánh xe, hãy cẩn thận di chuyển máy đến vị trí mới. Hãy cẩn trọng khi di chuyển qua các bậc cửa và các khe nứt trên nền nhà.
- Nếu máy in không có đế bánh xe nhưng được thiết lập cấu hình bằng các khay tùy chọn hoặc tùy chọn đầu ra, hãy tháo các tùy chọn đầu ra và nhấc máy in ra khỏi khay. Không cố gắng nâng máy in và các tùy chọn bất kỳ cùng lúc.
- Luôn sử dụng tay cầm trên máy in để nâng máy in lên.
- Xe đẩy dùng để di chuyển máy in phải có bề mặt đỡ được toàn bộ khung máy in.
- Các xe đẩy dùng để di chuyển các tùy chọn phần cứng đều phải có bề mặt có thể hỗ trợ kích thước của các tùy chọn.
- Giữ máy in ở vị trí thẳng đứng.
- Tránh va chạm mạnh.
- Đảm bảo không để tay bên dưới máy in khi đặt máy xuống.
- Đảm bảo có đủ khoảng trống xung quanh máy in.

Lưu ý: Hư hỏng máy in do di chuyển không đúng cách sẽ không được bảo hành.

Khắc phục sự cố

Sự cố chất lượng in

Tìm hình ảnh giống với sự cố chất lượng in bạn đang gặp phải, và sau đó nhấp vào liên kết bên dưới để đọc các bước giải quyết vấn đề.



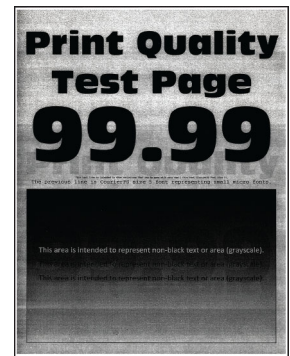
[“Trang trống hoặc trang trắng” trên trang 435](#)



[“In tối màu” trên trang 436](#)



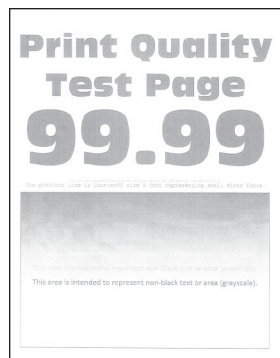
[“Bóng ảnh” trên trang 437](#)



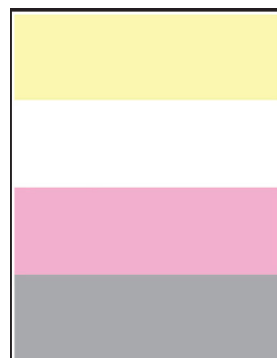
[“Nền màu hoặc màu xám” trên trang 437](#)



[“Lề không chính xác” trên trang 438](#)



[“In nhạt” trên trang 438](#)



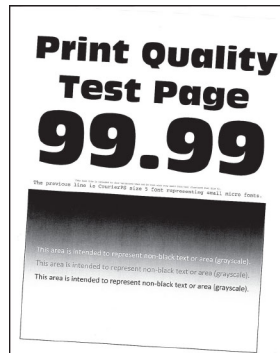
[“Thiếu màu sắc” trên trang 439](#)



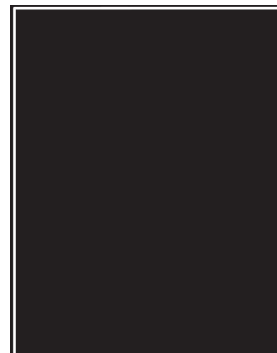
[“bản in bị nhiều đốm và dấu chấm” trên trang 440](#)



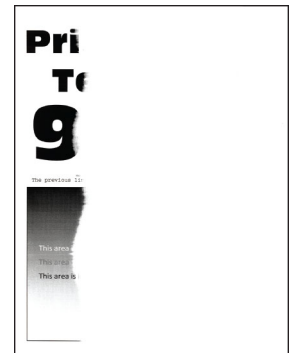
[“Giấy bị uốn” trên trang 505](#)



[“Bản in bị cong hoặc lệch” trên trang 441](#)



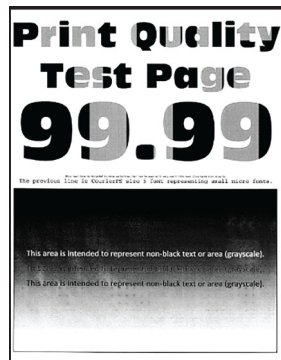
[“Hình ảnh chỉ có một màu hoặc toàn màu đen” trên trang 441](#)



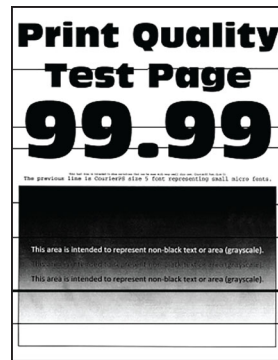
[“Văn bản hoặc hình ảnh bị cắt bỏ” trên trang 442](#)



“Mức dễ bị bong ra” trên trang 443



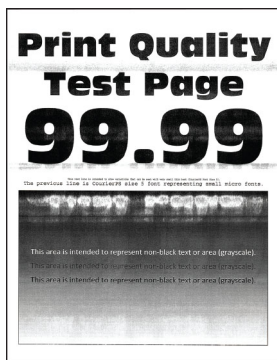
“Mật độ in không đều” trên trang 443



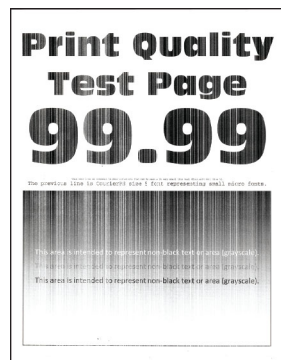
“Các đường kẻ ngang đậm” trên trang 444



“Các đường tối dọc” trên trang 445



“Đường kẻ ngang màu trắng” trên trang 445



“Đường kẻ dọc màu trắng” trên trang 446




“Lỗi lặp lại” trên trang 447

Mã lỗi máy in

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
2.01	Vật tư cần thiết.	Chọn Hủy lệnh và đặt mua vật tư cần thiết. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Đặt mua các bộ phận và vật tư” trên trang 362.
3.01	Ngăn giấy đầu ra tiêu chuẩn đã đầy.	Loại bỏ giấy khỏi ngăn giấy, sau đó chọn Tiếp tục .
3.02, 3.03, 3.04	Loại bỏ giấy khỏi ngăn giấy [x].	Loại bỏ giấy khỏi ngăn giấy, sau đó chọn Tiếp tục .
7.13, 7.23, 7.33, 7.43	Lắp khay [x].	Lắp khay được chỉ định.
8.01	Đóng cửa trước.	Giữ cửa trước đóng trừ khi bạn tiến hành bảo trì.
8.02, 8.03, 8.04, 8.05, 8.08, 8.10, 8.11	Đóng cửa [x].	Giữ cửa được chỉ định đóng trừ khi bạn tiến hành bảo trì.
8.06	Gắn lại khay 1500 tờ.	Đảm bảo khay được gắn vào máy in đúng cách.
8.07	Gắn lại bộ hoàn thiện dập ghim.	Đảm bảo bộ hoàn thiện được gắn vào máy in đúng cách.
8.08	Đóng nắp F của bộ phận vận chuyển giấy.	Giữ nắp đóng trừ khi bạn tiến hành bảo trì.
8.09	Đóng nắp G của bộ phận vận chuyển giấy.	

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
9	Máy in phải khởi động lại. Lệnh cuối cùng có thể chưa hoàn tất.	Chọn Tiếp tục để xóa tin nhắn và tiếp tục in.
11.11, 11.21, 11.31, 11.41, 11.51, 11.81, 11.91	Tải <source/> bằng <type/> <size/>.	Nạp giấy vào khay được chỉ định. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "Nạp giấy và giấy chuyên dụng" trên trang 75.
11.12, 11.22, 11.32, 11.42, 11.82, 11.92	Tải <source/> bằng <type/> <size/> <orientation/>.	
12.11, 12.21, 12.31, 12.41, 12.51, 12.91	Thay đổi <source/> thành <type/> <size/>.	Kéo khay được chỉ định ra, lấy giấy ra, sau đó nạp đúng loại và khổ giấy. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "Nạp giấy và giấy chuyên dụng" trên trang 75.
12.12, 12.22, 12.32, 12.42, 12.92	Thay đổi <source/> thành <type/> <size/> <orientation/>.	
31.00	Hộp đục lỗ bị thiếu hoặc đầy.	<ol style="list-style-type: none"> Mở cửa H. Tháo hộp đục lỗ. Lưu ý: Nếu hộp đục lỗ đầy, hãy làm rỗng hộp. Lắp hộp đục lỗ. Đóng cửa H.
31.35, 31.35A, 31.35B	Lắp lại hộp mực thải bị thiếu hoặc không phản hồi.	<ol style="list-style-type: none"> Mở cửa trước. Tháo hộp mực thải. Lưu ý: Để tránh làm đổ mực, hãy đặt hộp mực ở vị trí thẳng đứng. Lắp hộp mực thải. Đóng cửa trước.
31.40z, 31.41z, 31.42z, 31.43z	Lắp lại hộp mực [màu] bị thiếu hoặc không phản hồi.	<ol style="list-style-type: none"> Mở cửa trước. Tháo hộp mực. Lắp hộp mực. Đóng cửa trước.

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
31.60z	Lắp lại hộp quang đen bị thiếu hoặc không phản hồi.	<ol style="list-style-type: none"> 1 Mở cửa trước. 2 Tháo hộp mực. 3 Tháo hộp mực thải. Lưu ý: Để tránh làm đổ mực, hãy đặt hộp mực ở vị trí thẳng đứng. 4 Tháo bộ quang. Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in. Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai. 5 Mở khóa, sau đó tháo hộp quang đen. 6 Lắp hộp quang đen, sau đó khóa hộp quang vào đúng vị trí. 7 Lắp bộ quang vào cho đến khi nó nằm đúng vị trí. 8 Lắp hộp mực thải. 9 Lắp hộp mực. 10 Đóng cửa trước.
31.64z	Lắp lại bộ quang màu bị thiếu, bị rút ra hoặc không phản hồi.	<ol style="list-style-type: none"> 1 Mở cửa trước. 2 Tháo hộp mực. 3 Tháo hộp mực thải. Lưu ý: Để tránh làm đổ mực, hãy đặt hộp mực ở vị trí thẳng đứng. 4 Tháo bộ quang. Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in. Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai. 5 Lắp bộ quang vào cho đến khi nó nằm đúng vị trí. 6 Lắp hộp mực thải. 7 Lắp hộp mực. 8 Đóng cửa trước.
31.80z	Lắp lại bộ sấy bị thiếu hoặc không phản hồi.	<ol style="list-style-type: none"> 1 Mở cửa B.  CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG: Bên trong máy in có thể nóng. Để giảm rủi ro chấn thương do bộ phận máy bị nóng, hãy để cho bề mặt nguội xuống trước khi chạm vào. 2 Mở khóa, sau đó tháo bộ sấy. 3 Lắp bộ sấy, sau đó khóa vào vị trí. 4 Đóng cửa B.
32.40z, 32.41z, 32.42z, 32.43z	Thay thế hộp mực [màu] không được hỗ trợ.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Thay hộp mực” trên trang 365.
32.60z	Thay thế hộp quang đen không được hỗ trợ.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Thay hộp quang đen” trên trang 367.

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
32.65z	Thay thế bộ quang màu không được hỗ trợ.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Thay bộ quang màu” trên trang 374.
33.40z, 33.41z, 33.42z, 33.43z	Nạp lại hộp mực [màu] chuẩn	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Đã nạp lại hộp mực [màu] chuẩn” trên trang 504.
33.60z	Hộp quang đen không chính hãng, xem Hướng dẫn sử dụng.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Vật tư không phải của Lexmark” trên trang 504.
33.64z	Bộ quang màu không chính hãng, vui lòng xem Hướng dẫn sử dụng.	
34.00	Giấy quá ngắn.	Đặt cài đặt khổ giấy phù hợp với giấy được nạp vào khay. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến Cài đặt > Giấy > Khay > Cấu hình > Khổ giấy/Loại giấy.
34.10, 34.20, 34.30, 34.40, 34.50	Kiểm tra [nguồn], điều chỉnh thanh dẫn hướng và hướng.	Kéo khay được chỉ định ra, sau đó đảm bảo giấy được nạp đúng cách. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Nạp giấy và giấy chuyên dụng” trên trang 75.
34.90	Kiểm tra khay nạp giấy đa năng, điều chỉnh thanh dẫn hướng và hướng.	Đảm bảo giấy được nạp đúng cách. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Nạp khay nạp giấy đa năng” trên trang 86.
37.1	Không đủ bộ nhớ để đối chiếu lệnh in.	Hãy thử một trong những cách sau: <ul style="list-style-type: none"> • Chọn Tiếp tục để in phần lệnh được lưu trữ và bắt đầu đối chiếu phần còn lại của lệnh in. • Hủy lệnh in hiện tại.
37.3	Không đủ bộ nhớ, một số lệnh tạm dừng đã bị xóa.	Chọn Tiếp tục để xóa tin nhắn và tiếp tục in.
38.1	Bộ nhớ đầy.	Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây: <ul style="list-style-type: none"> • Chọn Tiếp tục để xóa tin nhắn và tiếp tục in. • Hủy lệnh in hiện tại. • Cài đặt thêm bộ nhớ máy in. • Giảm số trang trong lệnh in.
39.1	Trang phức tạp, một số dữ liệu có thể không được in.	Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây: <ul style="list-style-type: none"> • Chọn Tiếp tục để xóa tin nhắn và tiếp tục in. • Hủy lệnh in hiện tại. • Cài đặt thêm bộ nhớ máy in. • Giảm độ phức tạp và kích thước của lệnh in trước khi gửi đi in lại. • Giảm số trang trong lệnh in. • Giảm số lượng và kích thước của bất kỳ phông chữ nào đã tải xuống. • Xóa mọi phông chữ hoặc macro không cần thiết khỏi lệnh in. • Giảm số lượng đồ họa trong lệnh in.
42.yyC, 42.yyK, 42.yyM, 42.yyY	Thay thế hộp mực [màu], khu vực máy in không khớp.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Thay hộp mực, khu vực máy in không khớp” trên trang 503.

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
43.40Y, 43.41Y, 43.42Y, 43.43Y	Lắp đặt lại hộp mực [màu].	<ol style="list-style-type: none"> Mở cửa trước. Tháo hộp mực. Lắp hộp mực. Đóng cửa trước.
43.40Z, 43.41Z, 43.42Z, 43.43Z	Thay thế hộp mực [màu].	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "Thay hộp mực" trên trang 365 .
50	Lỗi phong chữ PPDS.	Cài đặt phong chữ PPDS được chỉ định trong lệnh in, sau đó chọn Tiếp tục để cho phép máy in tìm kiếm phong chữ thay thế.
51	Đã phát hiện bộ nhớ flash bị lỗi.	Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây: <ul style="list-style-type: none"> Thay bộ nhớ flash. Chọn Tiếp tục để xóa tin nhắn và tiếp tục in. Hủy lệnh in hiện tại.
52	Không đủ dung lượng trống trong bộ nhớ flash để chứa tài nguyên.	Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây: <ul style="list-style-type: none"> Chọn Tiếp tục để xóa tin nhắn và tiếp tục in. Xóa phong chữ, macro và các dữ liệu khác được lưu trữ trong bộ nhớ flash. Lắp ổ lưu trữ. <p>Lưu ý: Các phong chữ và macro đã tải về chưa được lưu trữ trong bộ nhớ flash trước đây sẽ bị xóa.</p>
58.4	Cấu hình tùy chọn đầu ra không chính xác.	Tắt máy in, sau đó lắp đúng ngăn giấy hoặc bộ hoàn thiện.
61	Loại bỏ đĩa bị lỗi.	Thay thế ổ lưu trữ bị lỗi.
62	Đĩa đầy.	Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây: <ul style="list-style-type: none"> Chọn Tiếp tục để xóa tin nhắn và tiếp tục in. Xóa phong chữ, macro và các dữ liệu khác được lưu trữ trong ổ lưu trữ. Lắp ổ lưu trữ.
63	Định dạng đĩa.	Định dạng bây giờ sẽ xóa tất cả thông tin khỏi ổ lưu trữ. Để định dạng đĩa, hãy thực hiện như sau: <ol style="list-style-type: none"> Từ bảng điều khiển, điều hướng đến Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Xóa ngoài dịch vụ. Chọn Dọn dẹp tất cả thông tin trên đĩa cứng, sau đó chọn XÓA.
71.01	Tên Trạm Fax chưa được thiết lập. Liên hệ quản trị viên hệ thống.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "Thiết lập chức năng fax bằng cách sử dụng analog fax" trên trang 68 .
71.02	Số Trạm Fax chưa được thiết lập. Liên hệ quản trị viên hệ thống.	
71.03	Không có đường dây điện thoại tương tự nào kết nối với modem, fax bị tắt.	Kiểm tra kết nối và đường dây để tìm tín hiệu. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "Thiết lập chức năng fax bằng cách sử dụng analog fax" trên trang 68 .
71.04	Đường dây điện thoại analog kết nối sai cổng.	Rút phích cắm đường dây điện thoại, sau đó kết nối với cổng LINE.

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
71.06	Không thể kết nối với Máy chủ Fax HTTPS.	Kết nối với Máy chủ Fax HTTPS bị ngắt kết nối. Kiểm tra kết nối Internet của máy in.
71.07	Máy in chưa được đăng ký với Máy chủ Fax HTTPS.	Đảm bảo máy in được thêm vào danh sách thiết bị trong cổng Máy chủ Fax HTTPS. Liên hệ với quản trị viên hệ thống.
71.11	Phân vùng fax.	Phân vùng fax không hoạt động. Liên hệ với quản trị viên hệ thống.
71.12	Bộ nhớ đầy, không thể in fax.	Chọn In tất cả để in số bản fax đã được lưu.
71.13	Bộ nhớ đầy. Không thể gửi fax.	Hãy thử một trong những cách sau: <ul style="list-style-type: none"> • Tiếp tục và thử gửi lại fax. • Quét từng trang tài liệu gốc, quay số fax, sau đó fax tài liệu.
71.4	Thời gian của máy in không chính xác.	Đặt cấu hình thời gian máy in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến Cài đặt > Thiết bị > Tùy chọn > Ngày và giờ > Đặt cấu hình .
72.01	Máy chủ email SMTP chưa được thiết lập. Liên hệ quản trị viên hệ thống.	Hãy thử một trong những cách sau: <ul style="list-style-type: none"> • Thiết lập chức năng email. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "Thiết lập cấu hình cài đặt SMTP" trên trang 259. • Tắt thông báo lỗi. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "Tắt thông báo lỗi 'Máy chủ SMTP không được thiết lập'" trên trang 506.
72.02	Máy chủ Liên kết web chưa được thiết lập. Liên hệ quản trị viên hệ thống.	Hãy liên hệ với quản trị viên hệ thống của bạn.
72.04	Định dạng gửi đến của máy chủ fax chưa được thiết lập. Liên hệ quản trị viên hệ thống.	Hãy thử một trong những cách sau: <ul style="list-style-type: none"> • Đặt cấu hình Định dạng gửi đến. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến Cài đặt > Fax > Thiết lập máy chủ fax > Cài đặt fax chung. • Hãy liên hệ với quản trị viên hệ thống của bạn.
75.01	Đã phát hiện thấy phần tử bảo mật.	Thực hiện một trong hai thao tác sau đây: <ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng Phần tử bảo mật đã cài đặt.
75.02	Không nhận dạng được Phần tử bảo mật.	<p>Lưu ý: Máy in sẽ xóa tất cả các chứng chỉ hiện có, đồng thời có thể xóa và định dạng lại ổ lưu trữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tắt máy in, sau đó gỡ Phần tử bảo mật.
75.03	Lỗi giao tiếp với Phần tử bảo mật.	Thực hiện một trong hai thao tác sau đây: <ul style="list-style-type: none"> • Dừng sử dụng Phần tử bảo mật. <p>Lưu ý: Máy in sẽ xóa tất cả các chứng chỉ hiện có, đồng thời có thể xóa và định dạng lại ổ lưu trữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tắt máy in, tháo, sau đó lắp Phần tử bảo mật.
75.11	Cập nhật Phần tử bảo mật không thành công.	Thực hiện một trong hai thao tác sau đây: <ul style="list-style-type: none"> • Hãy thử cập nhật lại. • Hủy cập nhật. <p>Lưu ý: Máy in có thể xóa tất cả các chứng chỉ và nội dung ổ lưu trữ hiện có.</p>

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
75.12	Quá trình cập nhật Phần tử bảo mật chưa hoàn tất.	Thực hiện một trong hai thao tác sau đây: <ul style="list-style-type: none"> • Khởi động lại máy in. Lưu ý: Đợi 10 giây để hoàn tất cập nhật. <ul style="list-style-type: none"> • Hủy cập nhật. Lưu ý: Máy in có thể xóa tất cả các chứng chỉ và nội dung ổ lưu trữ hiện có.
80.01, 80.09	Bộ dụng cụ bảo trì ở mức gần thấp.	Chọn Tiếp tục để xóa tin nhắn.
80.11, 80.19	Bộ dụng cụ bảo trì ở mức thấp.	
80.21, 80.29	Bộ dụng cụ bảo trì ở mức rất thấp.	
80.31	Thay bộ dụng cụ bảo trì để tiếp tục in.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Thay bộ sấy” trên trang 383 .
80.31	Thay bộ dụng cụ bảo trì, đã vượt quá tuổi thọ khuyến nghị.	
81.11	Bộ trục khay 1500 tờ ở mức thấp.	Chọn Tiếp tục để xóa tin nhắn.
81.31	Thay bộ trục khay 1500 tờ, đã vượt quá tuổi thọ khuyến nghị..	Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ khách hàng .
82.00, 82.02, 82.09	Hộp mực thải gần đầy.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Thay hộp mực thải” trên trang 381 .
82.3, 82.32, 82.33, 82.39	Thay hộp mực thải.	
83.1y	Khối băng truyền ở mức thấp.	Chọn Tiếp tục để xóa tin nhắn.
83.3y	Thay khối băng truyền, đã vượt quá tuổi thọ khuyến nghị.	Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ khách hàng .
83.4y	Thay khối băng truyền.	
83.20	Hộp ghim sắp hết.	Chọn Tiếp tục để xóa tin nhắn.
83.20	Ghim S2 bên trong sắp hết.	
83.20	Ghim S2 bên ngoài sắp hết.	
83.30	Hộp ghim hết hoặc thiếu.	Hãy thử một trong những cách sau: <ul style="list-style-type: none"> • Tháo, sau đó lắp hộp ghim. • Thay thế hộp ghim. Để biết thêm thông tin, hãy xem “Thay hộp ghim trong bộ hoàn thiện đập ghim” trên trang 402 hoặc “Thay hộp ghim trong bộ hoàn thiện đập ghim, đập lỗ” trên trang 405.
83.30	Hộp ghim S1 hết hoặc thiếu.	Hãy thử một trong những cách sau: <ul style="list-style-type: none"> • Tháo, sau đó lắp hộp ghim. • Thay thế hộp ghim. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Thay hộp ghim trong bộ hoàn thiện tập sách” trên trang 407.
83.30	Hộp ghim bên trong S2 hết hoặc thiếu.	Hãy thử một trong những cách sau: <ul style="list-style-type: none"> • Tháo, sau đó lắp hộp ghim. • Thay thế hộp ghim. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Thay bộ đỡ hộp ghim trong bộ hoàn thiện tập sách” trên trang 410.
83.30	Hộp ghim bên ngoài S2 hết hoặc thiếu.	

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
84.01K, 84.03K, 84.09K	Hộp quang đen ở mức gần thấp.	Chọn Tiếp tục để xóa tin nhắn.
84.11K, 84.13K, 84.19K	Hộp quang đen ở mức thấp.	
84.21C, 84.03C, 84.09C	Hộp quang đen ở mức rất thấp.	
84.01C, 84.03C, 84.09C	Bộ quang màu ở mức gần thấp.	
84.11C, 84.13C, 84.19C	Bộ quang màu ở mức thấp.	
84.21C, 84.23C, 84.29C	Bộ quang đen ở mức rất thấp.	
84.31, 84.33	Thay hộp quang đen, đã vượt quá tuổi thọ khuyến nghị.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "Thay hộp quang đen" trên trang 367 .
84.31, 84.33	Thay bộ quang màu, đã vượt quá tuổi thọ khuyến nghị.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "Thay bộ quang màu" trên trang 374 .
84.41, 84.43, 84.48	Thay hộp quang để tiếp tục in.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "Thay hộp quang đen" trên trang 367 .
84.41, 84.43, 84.48	Thay bộ quang màu để tiếp tục in.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "Thay bộ quang màu" trên trang 374 .
86.23	Cần sớm bảo trì máy quét.	Chọn Tiếp tục để xóa tin nhắn.
86.33	Thay bộ ADF, đã vượt quá tuổi thọ khuyến nghị.	Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ khách hàng .
88.00[x], 88.07[x], 88.08[x], 88.09[x]	Hộp mực [màu] ở mức gần thấp.	Chọn Tiếp tục để xóa tin nhắn.
88.10[x], 88.17[x], 88.18[x], 88.19[x]	Hộp mực [màu] ở mức thấp.	
88.20[x], 88.27[x], 88.28[x], 88.29[x]	Hộp mực [màu] ở mức rất thấp.	

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
88.30[x], 88.37[x], 88.38[x]	Thay hộp mực [màu], vẫn còn <NUM/> trang ước tính.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "Thay hộp mực" trên trang 365 .
88.30[x], 88.37[x], 88.38[x]	Thay thế hộp mực [màu].	
88.40[x], 88.47[x], 88.48[x]	Thay hộp mực [màu], còn 0 trang.	
88.40[x], 88.47[x], 88.48[x]	Thay thế hộp mực [màu].	

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
200.03, 200.05, 200.12, 200.13, 200.14, 200.15, 200.22, 200.23, 200.24, 200.25, 200.26, 200.32, 200.33, 200.34, 200.35, 200.36, 200.42, 200.43, 200.44, 200.45, 200.46, 200.52, 200.53, 200.54, 200.55, 200.56, 200.91, 201.91, 202.02, 202.03, 202.04, 202.05, 202.12, 202.13, 202.14, 202.15, 202.22, 202.23, 202.24, 202.25, 202.32, 202.33, 202.34, 202.35, 202.42, 202.43, 202.44, 202.45, 202.52, 202.53, 202.54, 202.55, 202.91, 202.93, 202.95, 231.03, 231.05, 231.13, 231.15, 231.23, 231.25, 231.33, 231.35, 231.43, 231.45, 231.53, 231.55, 231.91, 232.03, 232.05, 232.13, 232.15, 232.23, 232.25, 232.33, 232.35, 232.43, 232.45, 232.53, 232.55, 232.93, 232.94, 232.95, 240.05, 240.25, 240.35, 240.45, 240.55, 240.91, 240.95, 241.12, 241.14, 241.15, 241.91	Kẹt giấy trong [LOCATION].	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem " Ket giấy ở cửa B " trên trang 462 .
240.06	Kẹt giấy trong [LOCATION].	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem " Ket giấy trong khay nạp giấy đa năng " trên trang 458 .

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
241.16, 241.82, 241.83, 241.84, 661.13, 661.84	Lỗi nạp giấy trong [LOCATION].	<ol style="list-style-type: none"> 1 Mở khay 1. 2 Lấy ra, sau đó điều chỉnh lại ngăn xếp giấy. 3 Nếu cần, hãy điều chỉnh thanh dẫn hướng giấy. 4 Nạp lại khay 1. 5 Đóng khay 1.
242.23, 242.25, 242.35, 242.45, 242.55, 242.91	Kẹt giấy trong [LOCATION].	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Kẹt giấy trong khay 550 tờ tùy chọn” trên trang 454.
242.33, 242.43, 243.33, 243.35, 243.36, 243.43, 243.35, 243.45, 243.45, 243.55, 243.91, 244.43, 244.45, 244.91	Kẹt giấy trong [LOCATION].	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem: <ul style="list-style-type: none"> • “Kẹt giấy trong khay 2 x 550 tờ” trên trang 459 • “Kẹt giấy trong khay song song 2000 tờ” trên trang 461
243.43, 243.53, 244.43, 244.45, 244.46, 244.91, 245.53, 245.56, 245.55, 245.91, 602.59, 664.43, 665.53	Kẹt giấy trong [LOCATION].	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Kẹt giấy trong khay 1500 tờ” trên trang 461.
28X.13K, 28X.93K, 28X.15K, 28X.95K, 281.16K, 281.96K, 680.20K, 680.40K	Thay thế tất cả bản gốc nếu bắt đầu lại lệnh.	Hãy thử một trong những cách sau: <ul style="list-style-type: none"> • Bắt đầu lại lệnh. • Hủy lệnh.
28X.13Q, 28X.93Q, 28X.15Q, 28X.95Q, 281.16Q, 281.96Q, 680.20Q	Thay thế tất cả bản gốc bị kẹt nếu tiếp tục lệnh.	Hãy thử một trong những cách sau: <ul style="list-style-type: none"> • Quét từ kính máy quét. • Quét từ khay nạp tài liệu tự động. • Hoàn thành lệnh mà không cần quét thêm. • Hủy lệnh.
280.06	Nạp lại bản gốc vào ADF và bắt đầu lại lệnh.	

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
280.06, 280.11, 280.13, 280.15, 280.91, 280.93, 280.95, 281.11, 281.15, 281.16, 281.91, 281.95, 281.96, 282.11, 282.13, 282.15, 282.91, 282.93, 282.95, 283.11, 283.13, 283.91, 283.15, 283.93, 284.11, 284.13, 284.15, 284.91, 284.93, 284.95, 295.01	Kẹt máy quét.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Kẹt giấy trong khay nạp tài liệu tự động” trên trang 456 .
291.06	Đóng nắp phẳng và nạp bản gốc nếu bắt đầu lại lệnh.	Thực hiện một trong các thao tác sau đây: <ul style="list-style-type: none"> • Quét từ kính máy quét. • Quét từ khay nạp tài liệu tự động. • Hoàn thành lệnh mà không cần quét thêm. • Hủy lệnh.
400.11, 400.13, 400.15, 401.11, 401.13, 401.15, 404.19, 438.11, 438.21, 444.66, 450.21, 450.23, 450.25, 450.98, 450.99, 451.21, 451.23, 451.25, 452.66, 453.21, 453.23, 454.21, 454.23, 454.25, 457.21, 457.23, 457.25, 460.66, 461.66, 464.66, 465.66, 466.66, 467.66, 468.66, 469.66, 472.66, 477.66, 480.66, 483.66, 486.29, 504.11, 504.15, 505.11, 505.15, 514.19, 698.29	Kẹt giấy trong [LOCATION/].	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Kẹt giấy trong bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ” trên trang 471 .

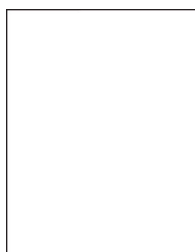
Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
400.11, 400.13, 400.15, 401.11, 401.13, 401.15, 404.19, 438.11, 438.21, 442.66, 444.66, 445.66, 450.21, 450.23, 450.25, 451.21, 451.23, 451.25, 451.98, 451.99, 452.66, 453.21, 453.23, 453.25, 454.21, 454.23, 454.25, 457.21, 457.23, 457.25, 459.66, 460.66, 461.66, 462.66, 463.66, 464.66, 465.66, 466.66, 467.66, 468.66, 469.66, 470.66, 472.66, 473.66, 476.66, 477.66, 480.66, 483.66, 486.29, 490.66, 491.21, 491.25, 491.66, 493.21, 494.21, 492.66, 494.66, 495.66, 496.66, 497.66, 504.11, 504.15, 505.11, 505.15, 514.19, 698.29	Kẹt giấy trong [LOCATION/].	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "Kẹt giấy trong bộ hoàn thiện tập sách" trên trang 482.
420.11, 420.13, 420.15, 420.99, 421.56, 422.56, 423.56, 424.56, 425.13, 425.15, 425.11, 426.11, 426.15, 428.56A, 428.56B, 431.56, 435.56, 438.11, 439.19, 461.56, 698.19	Kẹt giấy trong [LOCATION/].	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "Kẹt giấy trong bộ hoàn thiện dập ghim" trên trang 466.

Mã lỗi	Thông báo lỗi	Giải pháp
438.11, 500.11, 500.13, 500.15, 500.99, 502.11, 502.13, 502.15, 504.11, 504.13, 504.15, 505.13, 506.11, 506.13, 506.15, 507.11, 507.13, 507.15, 508.56, 509.56, 510.56, 511.56, 512.56, 513.56, 514.19, 698.19, 698.29	Kẹt giấy trong [LOCATION/].	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Kẹt giấy trong tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy” trên trang 468.
602.29, 662.23	Lỗi nạp giấy trong khay 2.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Nạp giấy vào khay 550 tờ” trên trang 76.
602.39, 663.33	Lỗi nạp giấy trong khay 3.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem: <ul style="list-style-type: none"> • “Nạp giấy vào khay 550 tờ” trên trang 76 • “Nạp giấy vào khay song song 2000 tờ” trên trang 79
602.49, 664.43	Lỗi nạp giấy trong khay 4.	Để biết thêm thông tin, vui lòng xem “Nạp giấy vào khay 550 tờ” trên trang 76.

Sự cố in

Chất lượng in kém

Trang trống hoặc trang trắng



Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in.**
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo bạn đã bóc toàn bộ vật liệu đóng gói khỏi bộ quang, hộp quang và hộp mực.
- Kiểm tra xem máy in có đang sử dụng hộp mực Lexmark chính hãng và được hỗ trợ không.

Lưu ý: Nếu hộp mực không được hỗ trợ, hãy lắp đặt hộp mực được hỗ trợ.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.

- 1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

- 2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

In tối màu



Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Quét ảnh nâng cao**, rồi chọn **Điều chỉnh màu**.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, hãy giảm độ tối của mực từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Độ tối của mực**.

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp vào khay.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Đảm bảo giấy không có lớp hoàn thiện ráp hoặc thô.
- Nạp giấy từ bao giấy mới.

Lưu ý: Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Bóng ảnh



Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

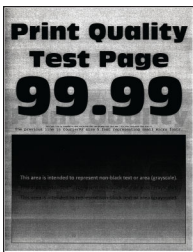
- Nạp khay với đúng loại giấy và trọng lượng giấy.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp vào khay.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Quét ảnh nâng cao**, rồi chọn **Điều chỉnh màu**.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Nền màu hoặc màu xám



Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, hãy tăng độ tối của mực từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Độ tối của mực**.

- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Quét ảnh nâng cao**, rồi chọn **Điều chỉnh màu**.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.

1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Lề không chính xác



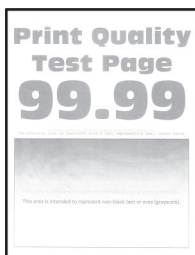
Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Điều chỉnh các thanh dẫn giấy trong khay đến đúng vị trí cho giấy đã nạp.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định khổ giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo cài đặt khớp với giấy đã nạp.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

In nhạt



Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo bạn đã bóc toàn bộ vật liệu đóng gói khỏi bộ quang, hộp quang và hộp mực.
- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Quét ảnh nâng cao**, rồi chọn **Điều chỉnh màu**.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, hãy tăng độ tối của mực từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Độ tối của mực**.

- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng**, sau đó tắt **Trình tiết kiệm màu**.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo cài đặt khớp với giấy đã nạp.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Đảm bảo giấy không có lớp hoàn thiện ráp hoặc thô.
- Nạp giấy từ bao giấy mới.

Lưu ý: Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.

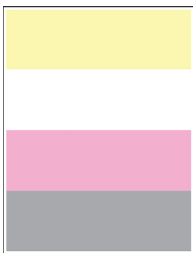
1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Thiếu màu sắc**Lưu ý:**

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dục.

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo bạn đã bóc toàn bộ vật liệu đóng gói khỏi bộ quang, hộp quang và hộp mực.
- Tháo bộ từ bị thiếu màu.
 - 1 Tháo bộ quang.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

- 2 Tháo, rồi lắp bộ từ của màu bị thiếu.
- 3 Lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

bản in bị nhiều đốm và dấu chấm**Lưu ý:**

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Kiểm tra xem máy in có bị rò rỉ mực không.
- Đảm bảo cài đặt khổ giấy và loại giấy phù hợp với giấy đã nạp. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ giấy/Loại giấy**.

Lưu ý: Đảm bảo giấy không có lớp hoàn thiện ráp hoặc thô.

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định khổ giấy và loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp vào khay.
- Nạp giấy từ bao giấy mới.

Lưu ý: Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.

1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

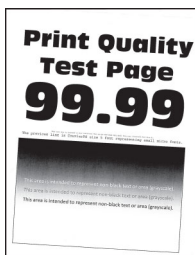
Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Bản in bị cong hoặc lệch



Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Nạp giấy từ bao giấy mới.

1 Mở khay rồi lấy hết giấy ra.

2 Nạp giấy từ bao giấy mới.

Lưu ý: Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

3 Điều chỉnh các thanh dẫn giấy trong khay đến đúng vị trí cho giấy đã nạp.

- Hãy đảm bảo bạn đang in trên loại giấy được hỗ trợ.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Hình ảnh chỉ có một màu hoặc toàn màu đen



Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Văn bản hoặc hình ảnh bị cắt bỏ**Lưu ý:**

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo bạn đã bóc toàn bộ vật liệu đóng gói khỏi bộ quang, hộp quang và hộp mực.
- Điều chỉnh các thanh dẫn giấy trong khay đến đúng vị trí cho giấy đã nạp.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định khổ giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp vào khay.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.

1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Mực dễ bị bong ra



Lưu ý:

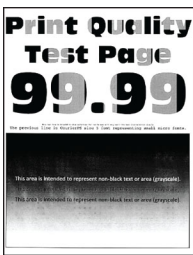
- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

Hãy thử một trong những cách sau:

- Đảm bảo rằng dây nguồn máy in được cắm vào ổ cắm điện có định mức phù hợp và được nối đất đúng cách.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo cài đặt khớp với giấy đã nạp.
- Đặt cấu hình loại giấy từ bảng điều khiển. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Mật độ in không đều



Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Mở cửa B, sau đó đảm bảo rằng trục kéo giấy thứ hai đã được khóa vào đúng vị trí.
- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.
 - 1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

- 2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Các đường kẻ ngang đậm**Lưu ý:**

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.
- Nếu các đường kẻ ngang tối màu tiếp tục xuất hiện trên bản in, hãy xem [“Lỗi lặp lại” trên trang 447](#).

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo cài đặt khớp với giấy đã nạp.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Đảm bảo giấy không có lớp hoàn thiện ráp hoặc thô.
- Nạp giấy từ bao giấy mới.

Lưu ý: Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.
 - 1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

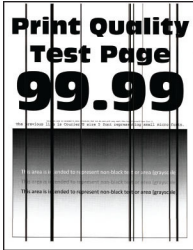
Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

- 2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Các đường tối dọc



Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp vào khay.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Đảm bảo giấy không có lớp hoàn thiện ráp hoặc thô.
- Nạp giấy từ bao giấy mới.

Lưu ý: Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.
 - 1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

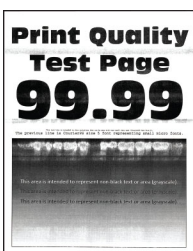
Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

- 2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Đường kẻ ngang màu trắng



Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.
- Nếu các đường kẻ ngang màu trắng tiếp tục xuất hiện trên bản in, hãy xem [“Lỗi lặp lại” trên trang 447](#).

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp vào khay.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Nạp nguồn giấy có loại giấy cụ thể được khuyến dùng.
- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.

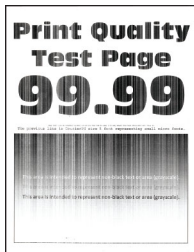
1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để trống quang dẫn tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Đường kẻ dọc màu trắng**Lưu ý:**

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp vào khay.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Kiểm tra xem bạn có đang sử dụng loại giấy được khuyến nghị không.
Đảm bảo nạp nguồn giấy chỉ định có loại giấy được khuyến dùng.

- Đảm bảo rằng bộ quang và hộp quang đen được lắp đúng cách.

- 1 Tháo bộ quang, sau đó tháo hộp quang đen.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không để bộ quang và hộp quang đen tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng quá 10 phút. Tiếp xúc lâu với ánh sáng có thể gây ra sự cố chất lượng bản in.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Không chạm vào trống quang dẫn bên dưới bộ quang và hộp quang đen. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến chất lượng của các lệnh in trong tương lai.

- 2 Lắp hộp quang đen, sau đó lắp bộ quang.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Lỗi lặp lại



Lưu ý:

- Trước khi giải quyết vấn đề, hãy in Trang kiểm tra chất lượng in. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
- Sử dụng khay 1 để in trang mẫu và đảm bảo bạn nạp giấy theo hướng dọc.
- Xác định số lượng màu bị lỗi.
 - 1 Đo khoảng cách giữa các lỗi lặp lại trên trang màu bị ảnh hưởng. Sử dụng Thước đo lỗi bảo trì để đo khoảng cách giữa các lỗi lặp lại trên trang màu bị ảnh hưởng.
 - 2 Thay thế vật tư hoặc bộ phận phù hợp với số đo trên trang màu bị ảnh hưởng.

Bộ quang màu hoặc bộ quang đen

- 94,5 mm (3,72 in.)
- 19,9 mm (1,18 in.)
- 23,2 mm (0,91 in.)

Bộ từ

- 43,6 mm (1,72 in.)
- 45,0 mm (1,77 in.)

Bộ sấy

- 95 mm (3,74 in.)
- 110 mm (4,33 in.)

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Lệnh in không in

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Từ tài liệu cần in, hãy mở hộp thoại Tùy chọn in hoặc In, rồi kiểm tra xem bạn đã chọn đúng máy in chưa.
- Kiểm tra xem bạn đã bật máy in chưa, sau đó xử lý tất cả thông báo lỗi xuất hiện trên màn hình.
- Kiểm tra xem các cổng có hoạt động không và các dây cáp có được kết nối chắc chắn với máy tính và máy in hay không. Để biết thêm thông tin, hãy xem tài liệu thiết lập đi kèm với máy in.
- Tắt máy in, chờ khoảng 10 giây, rồi bật máy in.
- Tháo, sau đó lắp lại trình điều khiển in.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Không in được tài liệu bảo mật và các tài liệu tạm dừng khác

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Từ bảng điều khiển, kiểm tra xem tài liệu có xuất hiện trong danh sách **Lệnh đã tạm dừng** không.
Lưu ý: Nếu các tài liệu này không được liệt kê, hãy in các tài liệu này bằng tùy chọn In và giữ.
- Xử lý các lỗi định dạng có thể có hoặc dữ liệu không hợp lệ trong lệnh in.
 - Xóa lệnh in, sau đó gửi lại.
 - Đối với tập tin PDF, hãy tạo tập tin mới rồi in tài liệu.
- Nếu in từ Internet, máy in có thể đọc nhiều tiêu đề lệnh in như các mục trùng lặp.
 - Đối với người dùng Windows, hãy đảm bảo chọn **Giữ tài liệu trùng lặp** trong hộp thoại Tùy chọn In hoặc In.
 - Đối với người dùng Macintosh, đặt tên khác nhau cho các lệnh.
- Xóa một số lệnh tạm dừng để giải phóng bộ nhớ máy in.
- Cài đặt thêm bộ nhớ máy in.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Lệnh in từ khay không chính xác hoặc trên loại giấy không phù hợp

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Hãy đảm bảo bạn đang in trên đúng loại giấy.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định khổ giấy và loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo các cài đặt khớp với giấy đã nạp.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Kiểm tra xem các khay có được liên kết không. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Liên kết các khay” trên trang 88](#).

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

In chậm

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo cáp máy in được nối chặt với máy in, máy tính, máy chủ in, tùy chọn hoặc thiết bị mạng khác.
- Đảm bảo máy in không ở **Chế độ im lặng**.
Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Menu cấu hình > Thao tác thiết bị > Chế độ im lặng**.

- Xác định độ phân giải của tài liệu mà bạn muốn in.

1 Tùy theo hệ điều hành, hãy truy cập hộp thoại Tùy chọn in hoặc In.

2 Đặt độ phân giải là **4800 CQ**.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển. Điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Độ phân giải in**.

- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In.

Lưu ý:

- Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.
- Giấy nặng hơn sẽ in chậm hơn.
- Giấy hẹp hơn khổ letter, A4 và khổ legal có thể in chậm hơn.

- Đảm bảo các cài đặt của máy in về kết cấu và trọng lượng phù hợp với giấy đang được nạp.
Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình giấy > Loại giấy**.

Lưu ý: Vân giấy thô và trọng lượng giấy nặng có thể in chậm hơn.

- Xóa lệnh tạm dừng.
- Đảm bảo máy in không quá nóng.

Lưu ý:

- Để máy in nguội xuống sau một lệnh in dài.
- Tuân thủ nhiệt độ môi trường khuyến nghị cho máy in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Chọn vị trí cho máy in” trên trang 58](#).

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Máy in không phản hồi

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Kiểm tra xem dây nguồn có được nối với ổ cắm điện không.



CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

- Đảm bảo ổ cắm điện không bị tắt bằng công tắc hoặc cầu dao.
- Kiểm tra xem máy in có đang bật không.
- Đảm bảo máy in không ở Chế độ ngủ hoặc Chế độ ngủ đông.
- Đảm bảo cáp kết nối máy in và máy tính được cắm vào đúng cổng.

- Tắt máy in, lắp các tùy chọn phần cứng, sau đó bật máy in. Để biết thêm thông tin, hãy xem tài liệu đi kèm với tùy chọn đó.
- Cài đặt đúng trình điều khiển in.
- Tắt máy in, chờ khoảng 10 giây, rồi bật máy in.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Không thể đọc ổ flash

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo rằng máy in hiện không bận xử lý nhiều lệnh.
- Đảm bảo rằng ổ flash đã được cắm vào cổng USB phía trước.

Lưu ý: Ổ flash không hoạt động khi được cắm vào cổng USB phía sau.

- Đảm bảo rằng ổ flash được hỗ trợ. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "[Ổ đĩa flash và loại tập tin được hỗ trợ](#)" trên trang 57.
- Tháo, sau đó lắp ổ flash.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Bật cổng USB

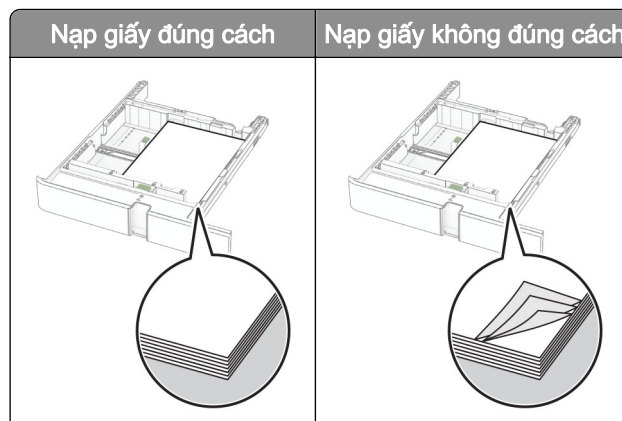
- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/Cổng > USB**.
- 2 Chọn **Bật cổng USB**.

Xử lý kẹt giấy

Tránh kẹt giấy

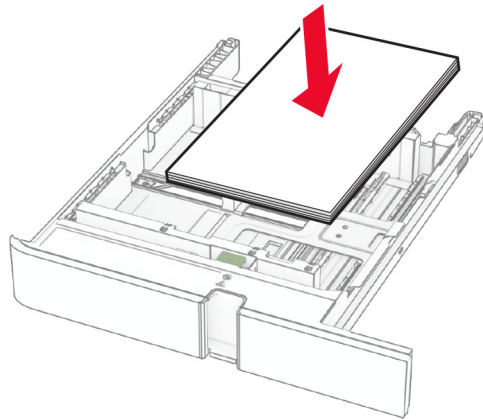
Nạp giấy đúng cách

- Đảm bảo giấy nằm phẳng trong khay.



- Không nạp hoặc tháo khay trong khi máy in đang in.
- Không nạp quá nhiều giấy. Đảm bảo chiều cao chồng giấy thấp hơn chỉ báo nạp giấy tối đa.

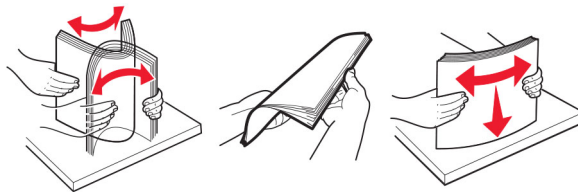
- Không trượt giấy vào khay. Nạp giấy như trong hình minh họa.



- Đảm bảo các thanh dẫn giấy được đặt đúng vị trí và không ấn chặt vào giấy hoặc phong bì.
- Đẩy chặt khay vào máy in sau khi nạp giấy.

Sử dụng giấy được khuyến nghị

- Chỉ sử dụng giấy hoặc giấy chuyên dụng được khuyến nghị.
- Không nạp giấy bị nhăn, nhàu, ẩm ướt, cong hoặc quăn.
- Gập, xòe và canh chỉnh các mép giấy trước khi nạp.

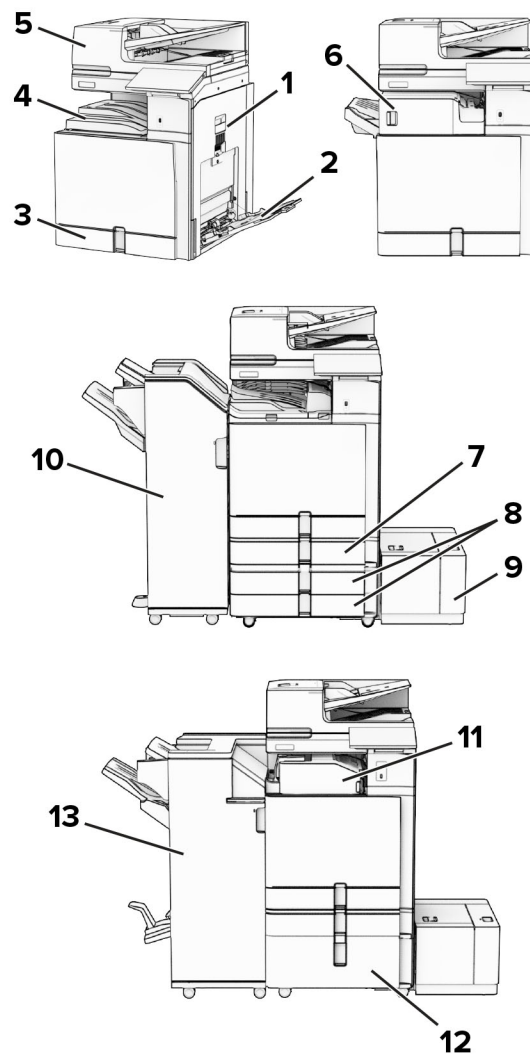


- Không dùng giấy đã bị cắt hoặc tĩa bằng tay.
- Không trộn các khổ giấy, trọng lượng hoặc loại giấy vào cùng khay.
- Đảm bảo khổ giấy và loại giấy được cài đặt chính xác trên máy tính hoặc bảng điều khiển máy in.
- Bảo quản giấy theo khuyến nghị của nhà sản xuất.

Xác định vị trí kẹt giấy

Lưu ý:

- Khi **Trợ giúp kẹt giấy** được đặt thành **Bật**, máy in sẽ xóa các trang trống hoặc các trang đã in một phần sau khi đã gỡ trang bị kẹt. Kiểm tra bản in ra để xem có trang trống không.
- Khi **Khôi phục kẹt giấy** được đặt thành **Bật** hoặc **Tự động**, máy in sẽ in lại các trang bị kẹt giấy.

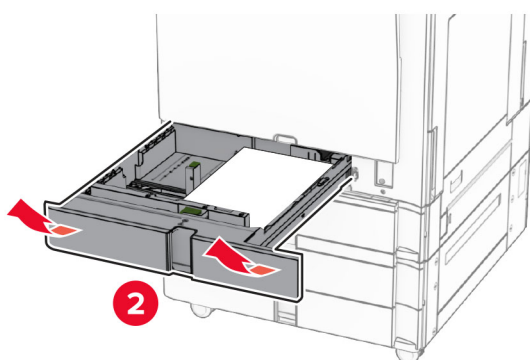
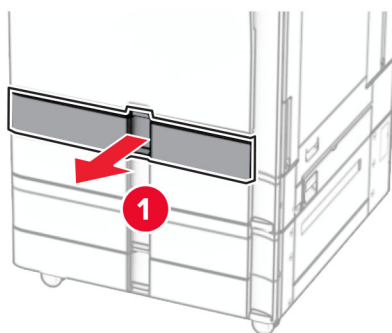


	Vị trí kệ giấy
1	Cửa B
2	Khay nạp giấy đa năng
3	Khay tiêu chuẩn
4	Ngăn giấy chuẩn
5	Khay nạp tài liệu tự động
6	Bộ hoàn thiện dập ghim
7	Khay 550 tờ tùy chọn
8	Khay 2 x 550 tờ
9	Khay 1500 tờ
10	Bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ
11	Tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy
12	khay song song 2000 tờ

Vị trí kẹt giấy	
13	Bộ hoàn thiện tập sách

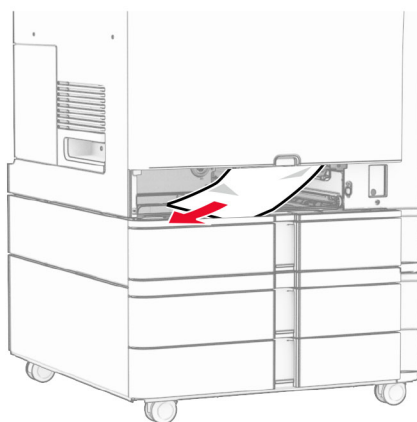
Kẹt giấy trong khay tiêu chuẩn

1 Kéo khay tiêu chuẩn ra.



2 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

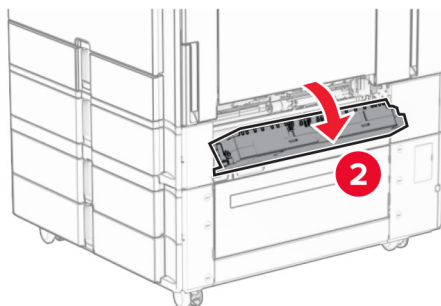
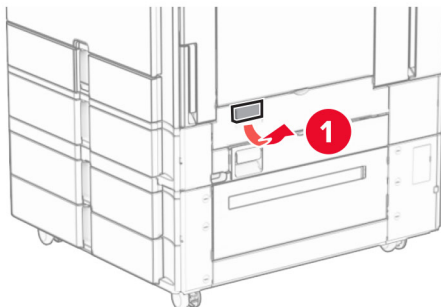
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



3 Lắp khay vào.

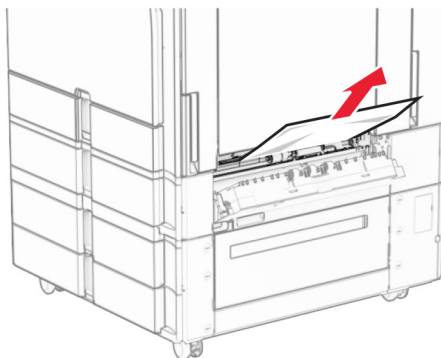
Kẹt giấy trong khay 550 tờ tùy chọn

1 Mở cửa D.



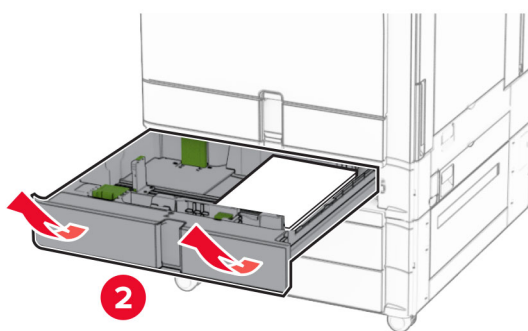
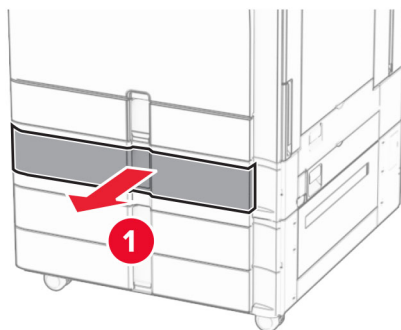
2 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



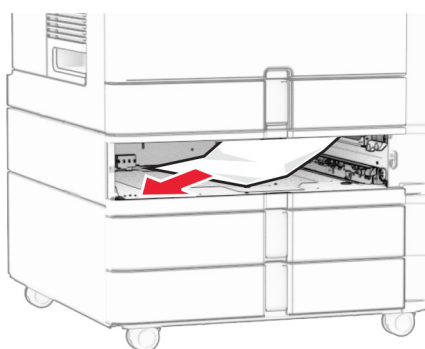
3 Đóng cửa.

4 Kéo khay 550 tờ tùy chọn ra.



5 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

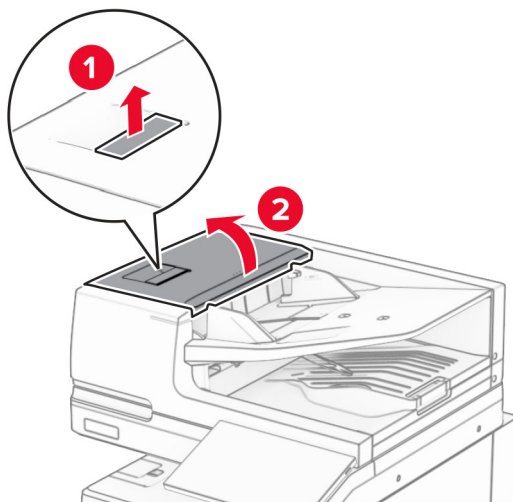


6 Lắp khay vào.

Kẹt giấy trong khay nạp tài liệu tự động

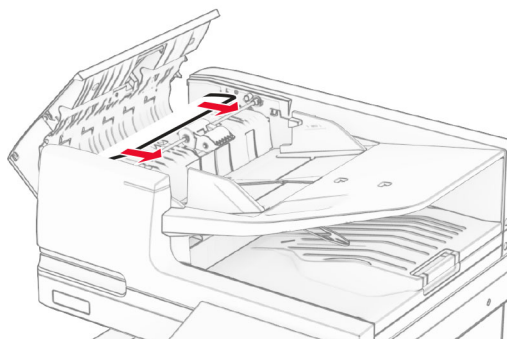
Kẹt giấy ở cửa A

1 Mở cửa A.



2 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

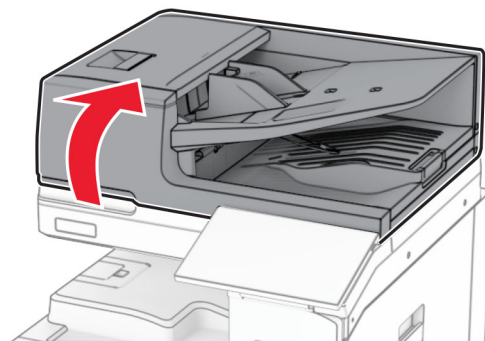
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



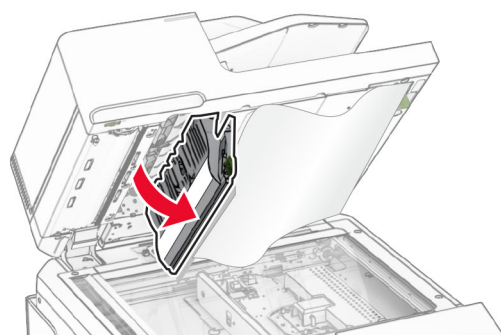
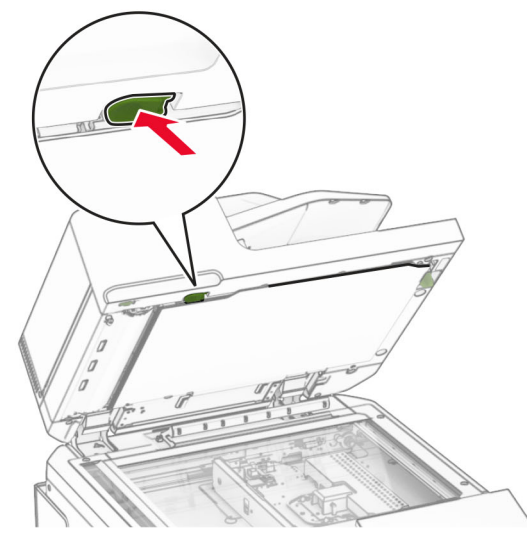
3 Đóng cửa A.

Kẹt giấy ở cửa A1

1 Mở nắp máy quét.

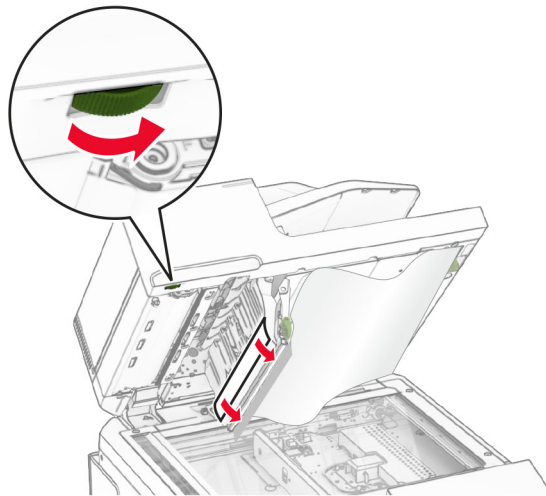


2 Nhấn vào chốt màu xanh lá để mở cửa A1.



3 Xoay núm màu xanh lá gần cửa A1 sang phải, sau đó loại bỏ hết giấy bị kẹt.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

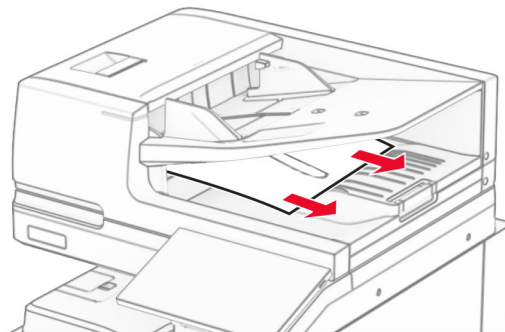


4 Đóng cửa A1, rồi đóng nắp máy quét.

Kẹt giấy trong ngăn giấy của khay nạp tài liệu tự động

- 1 Loại bỏ hết giấy khỏi ngăn giấy của khay nạp tài liệu tự động.
- 2 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

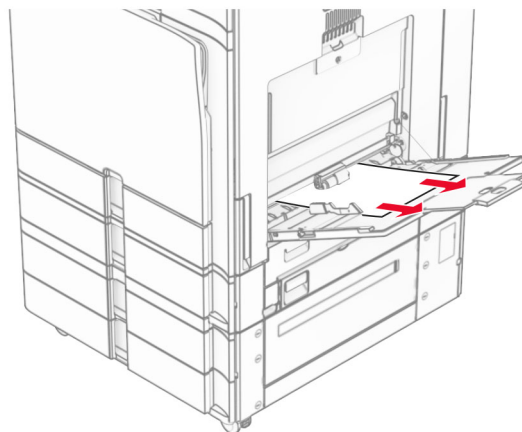
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



Kẹt giấy trong khay nạp giấy đa năng

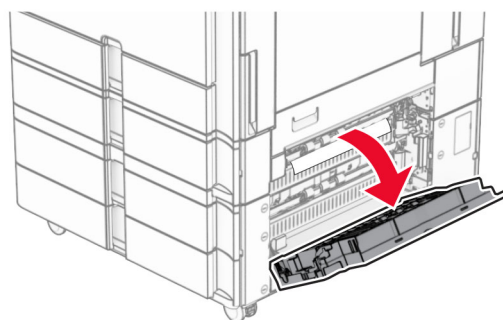
- 1 Lấy hết giấy ra khỏi khay nạp giấy đa năng.
- 2 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



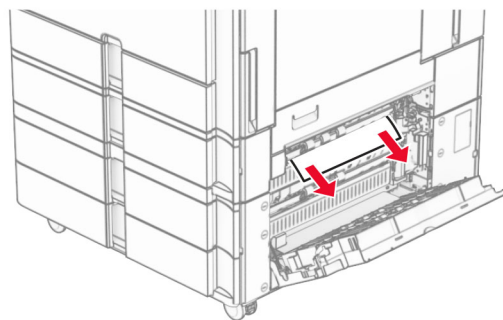
Kẹt giấy trong khay 2 x 550 tờ

1 Mở cửa E.



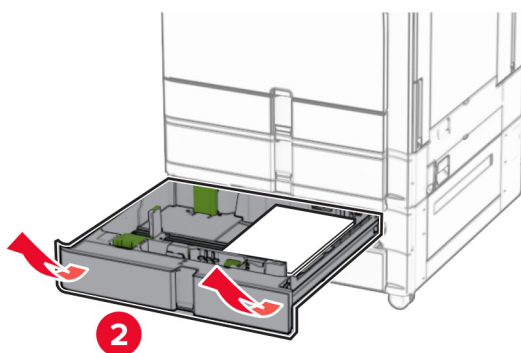
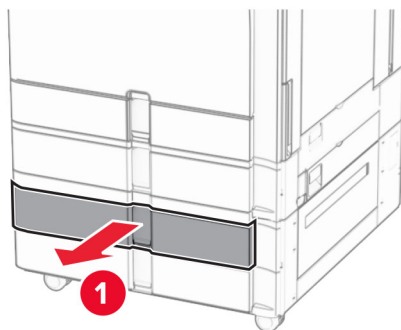
2 Lấy hết giấy bị kẹt trong cửa E.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



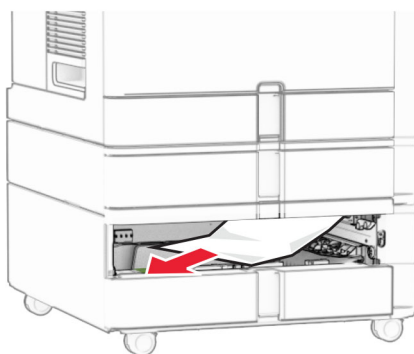
3 Đóng cửa E.

4 Kéo khay 3 ra.



5 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

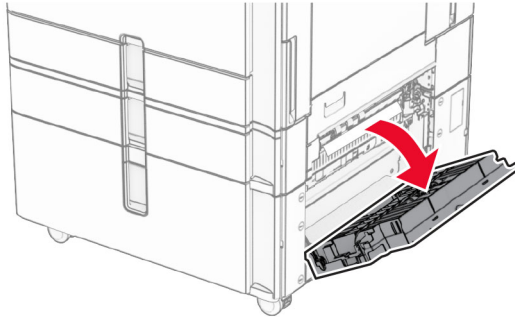


6 Lắp khay 3.

7 Lặp lại [bước 4](#) đến [bước 6](#) cho khay 4.

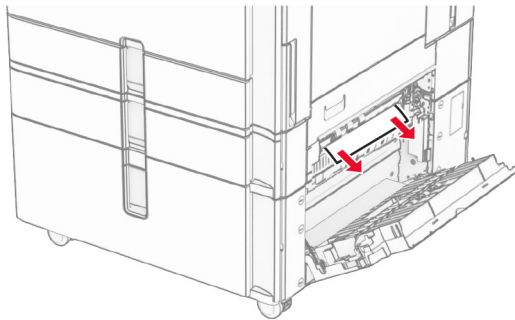
Kẹt giấy trong khay song song 2000 tờ

1 Mở cửa E.



2 Lấy hết giấy bị kẹt trong cửa E.

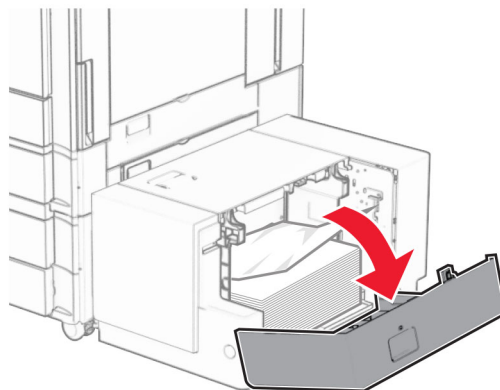
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



3 Đóng cửa E.

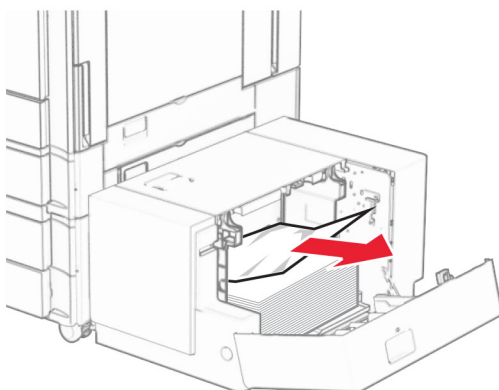
Kẹt giấy trong khay 1500 tờ

1 Mở cửa K.



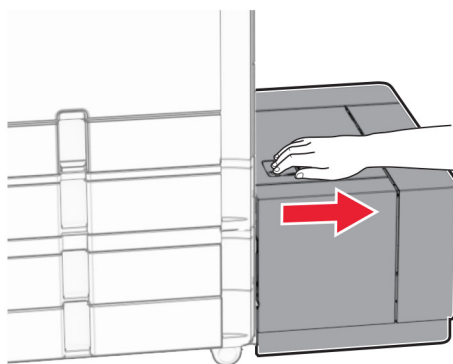
2 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



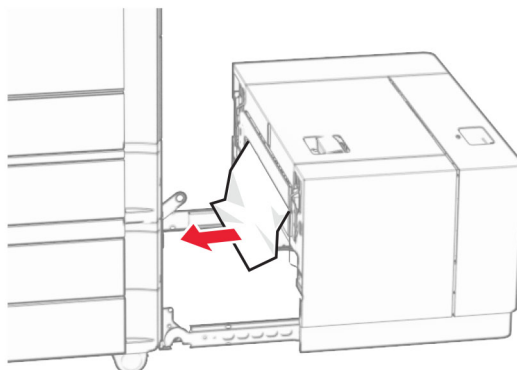
3 Đóng cửa K.

4 Nắm tay cầm J rồi trượt khay sang bên phải.



5 Lấy hết giấy bị kẹt ra.


Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



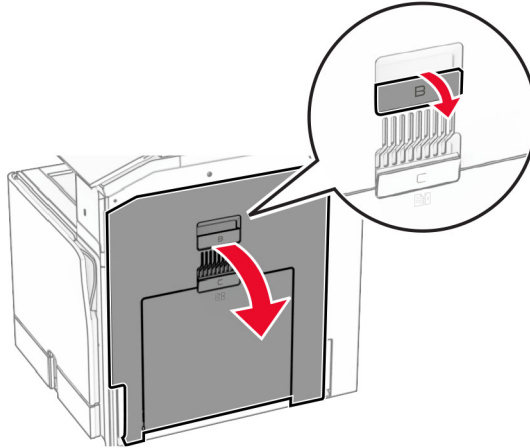
6 Trượt khay trở lại vị trí.

Kẹt giấy ở cửa B

1 Mở cửa B.

 **CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG:** Bên trong máy in có thể nóng. Để giảm rủi ro chấn thương do bộ phận máy bị nóng, hãy để cho bề mặt nguội xuống trước khi chạm vào.

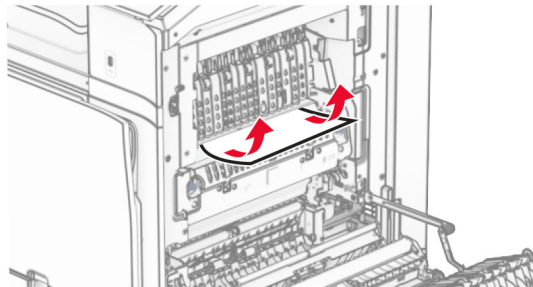
Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Để tránh hư hỏng do phóng tĩnh điện, hãy chạm vào mọi khung kim loại hở của máy in trước khi tiếp cận hoặc chạm vào các khu vực bên trong máy in.



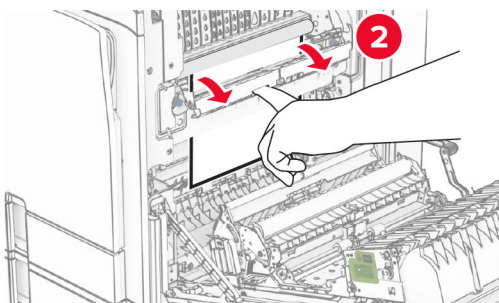
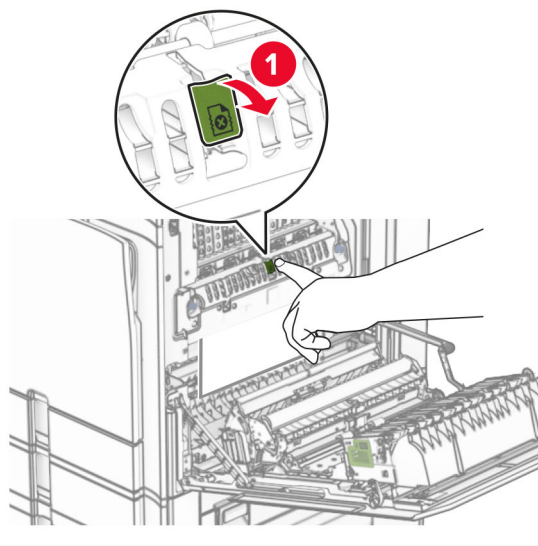
2 Loại bỏ giấy bị kẹt ở các vị trí sau:

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

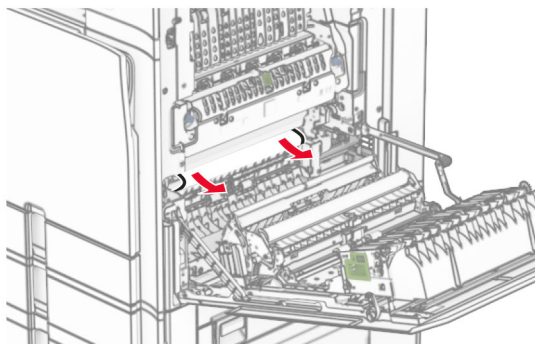
- Phía trên bộ sấy



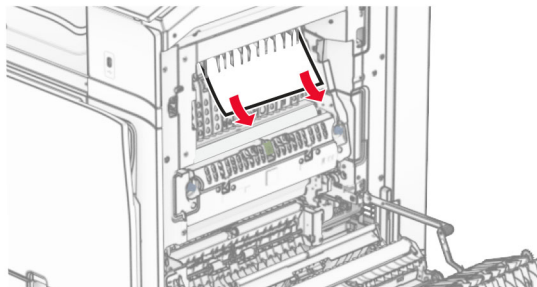
- Trong bộ sấy



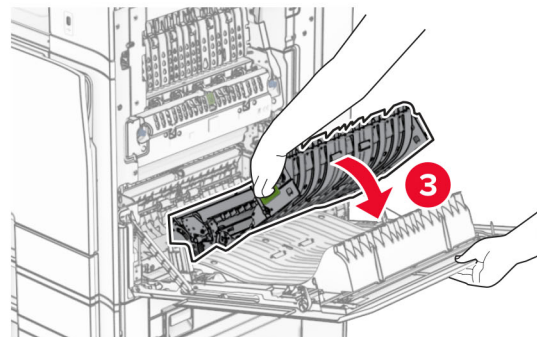
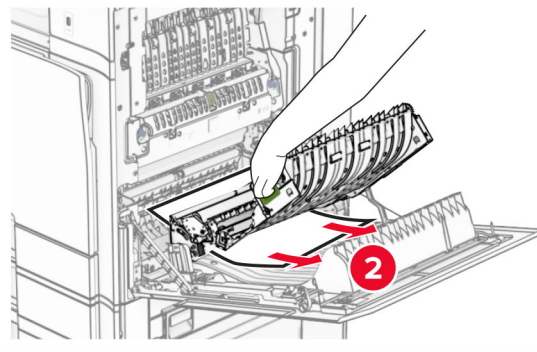
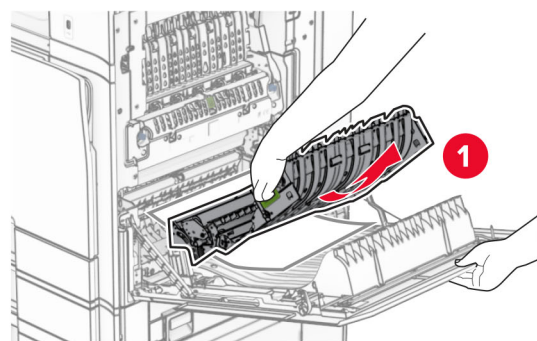
- Bên dưới bộ sấy



- Dưới lô ra giấy của ngăn giấy chuẩn



- Trong bộ đảo mặt

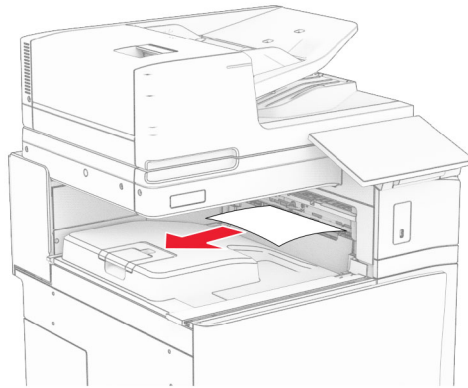


3 Đóng cửa B.

Kẹt giấy trong ngăn giấy chuẩn

- 1 Lấy hết giấy ra khỏi ngăn giấy chuẩn.
- 2 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

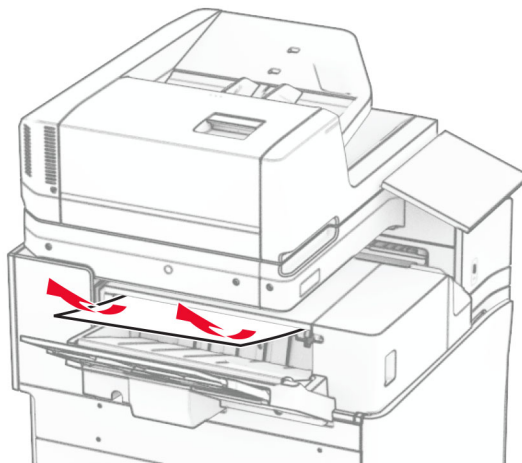
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



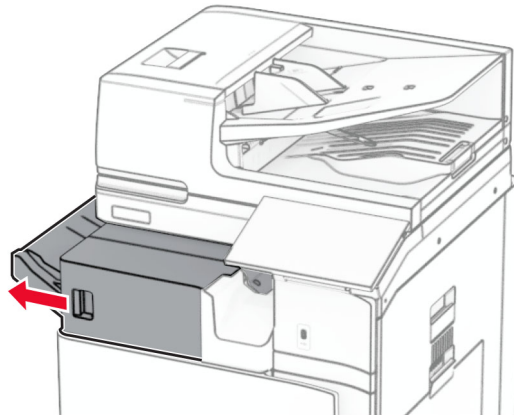
Kẹt giấy trong bộ hoàn thiện dập ghim

- 1 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy của bộ hoàn thiện dập ghim.

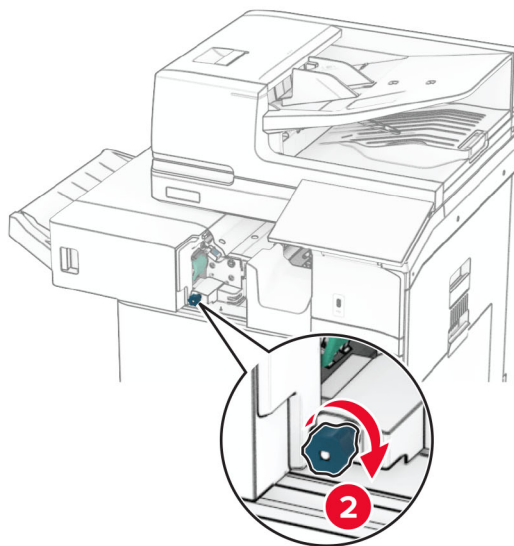
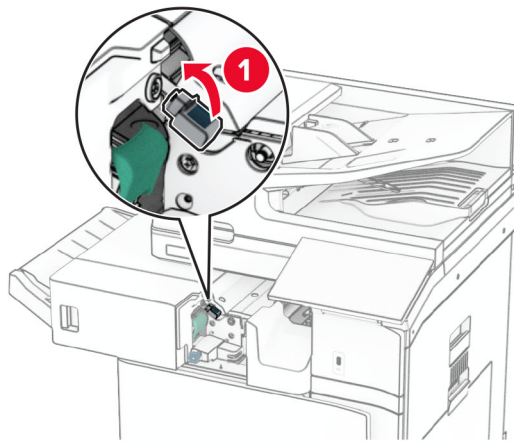
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



2 Nắm tay cầm F rồi trượt bộ hoàn thiện dập ghim sang bên trái.

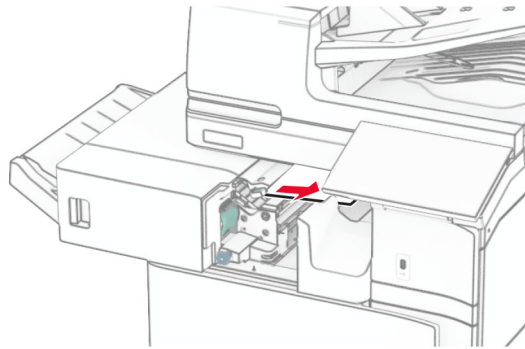


3 Mở cửa R1, rồi xoay núm R2 theo chiều kim đồng hồ.



4 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

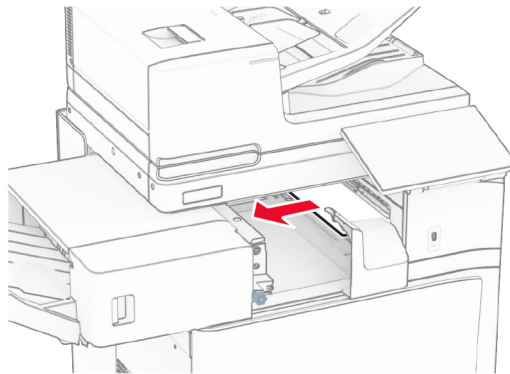
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



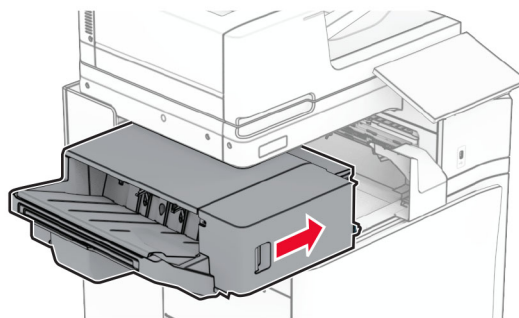
5 Đóng cửa R1.

6 Loại bỏ giấy bị kẹt trong lô ra giấy của ngăn giấy chuẩn.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



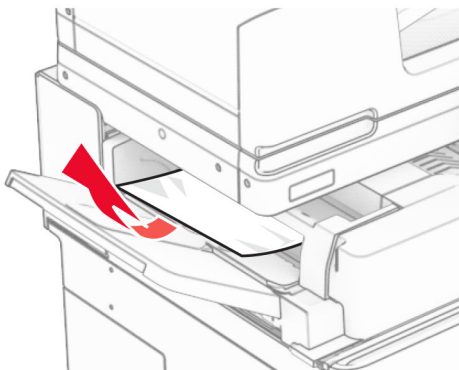
7 Trượt bộ hoàn thiện đập ghim trở lại vị trí.



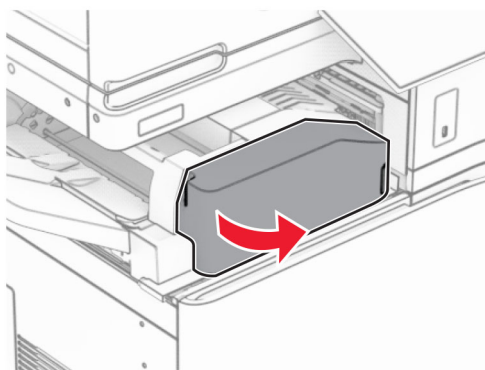
Kẹt giấy trong tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy

1 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

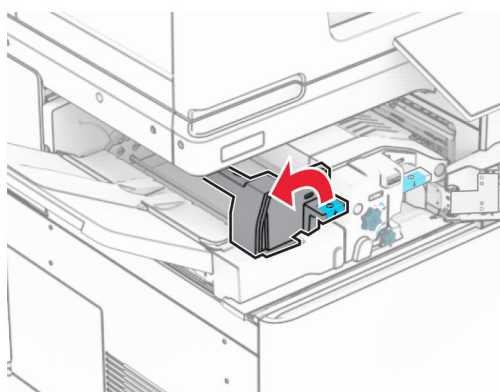
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



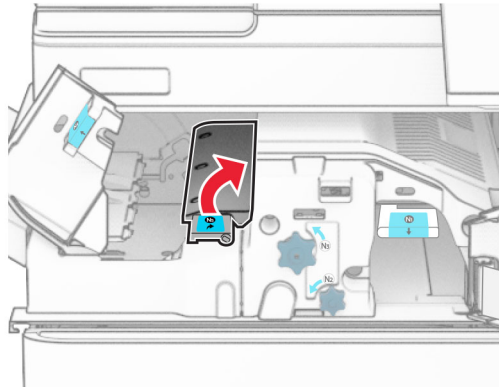
2 Mở cửa F.



3 Nâng tay cầm N4 lên.



4 Nâng tay cầm N5 lên.



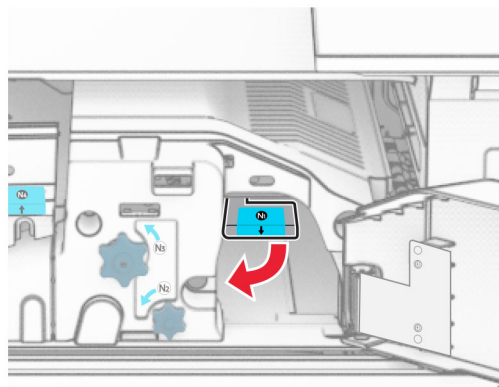
5 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



6 Đóng tay cầm N5, rồi đóng tay cầm N4.

7 Đẩy tay cầm N1 xuống.



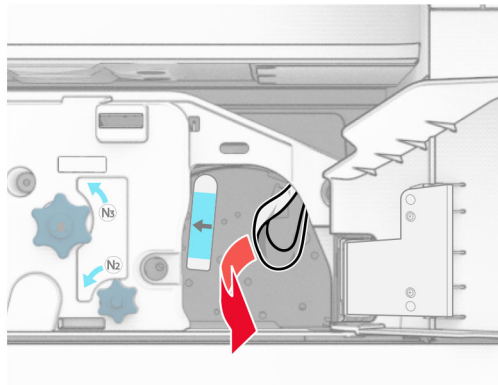
8 Xoay núm N2 ngược chiều kim đồng hồ.



9 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Để tránh làm hỏng máy in, hãy tháo mọi phụ kiện cầm tay trước khi loại bỏ giấy bị kẹt.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



10 Đặt lại tay cầm N1 vào đúng vị trí.

11 Đóng cửa F.

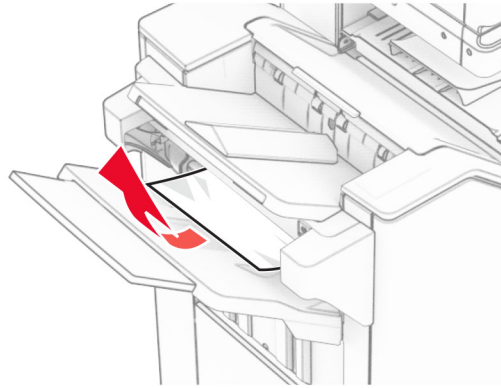
Kẹt giấy trong bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ

Nếu máy in của bạn được đặt cấu hình với bộ phận vận chuyển giấy, hãy thực hiện như sau:

1 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

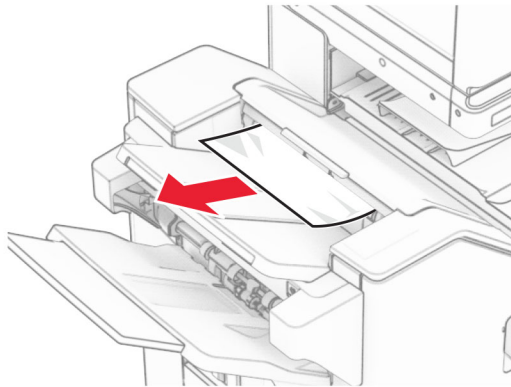
Lưu ý:

- Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.
- Không loại bỏ các trang in trong bộ soạn dập ghim để tránh bị thiếu trang.



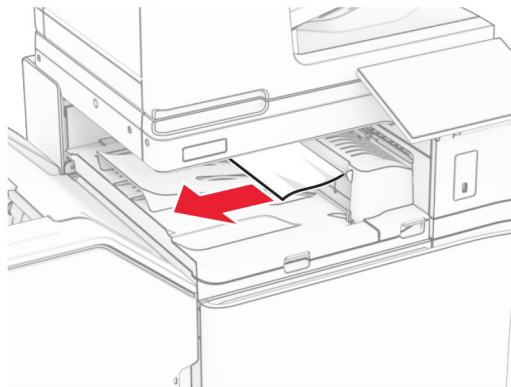
2 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy chuẩn của bộ hoàn thiện.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



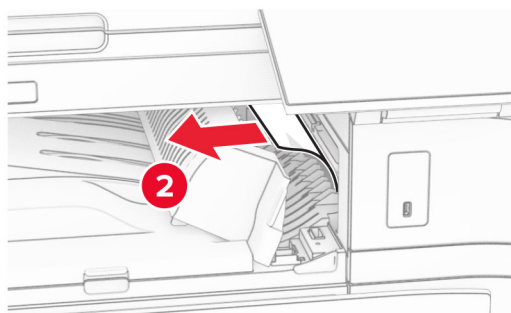
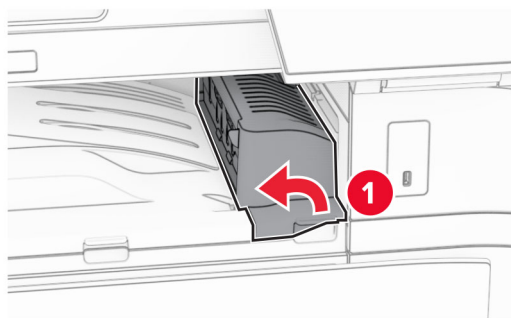
3 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 2.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



4 Mở nắp G của bộ phận vận chuyển giấy, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt.

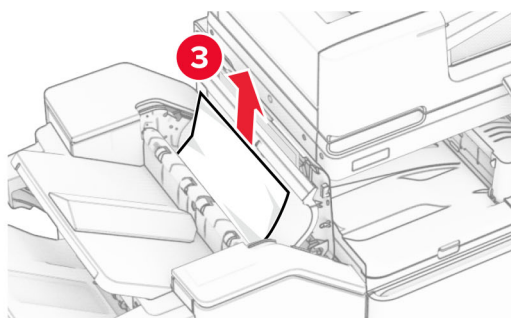
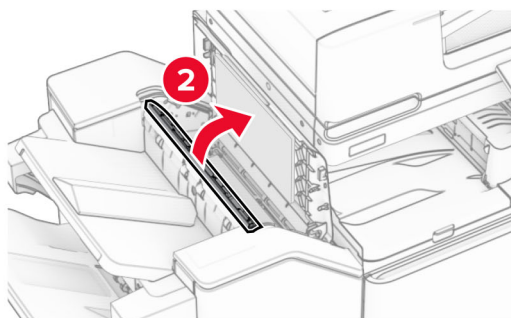
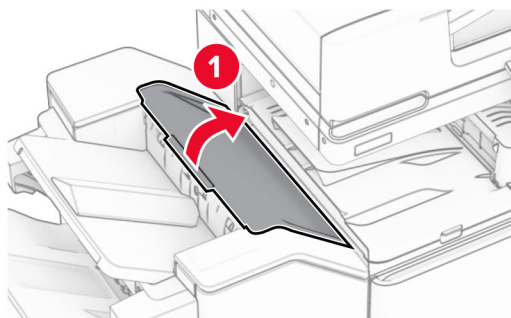
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



5 Đóng nắp G của bộ phận vận chuyển giấy.

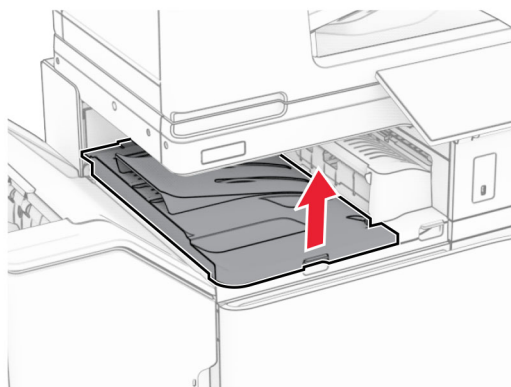
6 Mở cửa I, mở cửa R1, rồi loại bỏ giấy bị kẹt.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

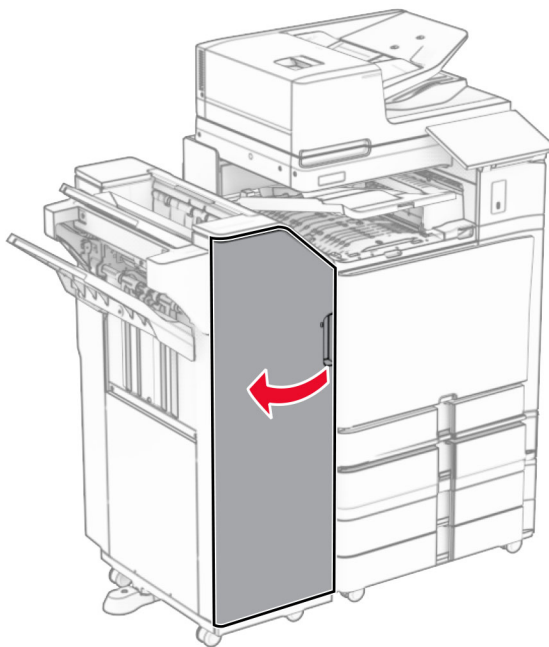


7 Đóng cửa R1, sau đó đóng cửa I.

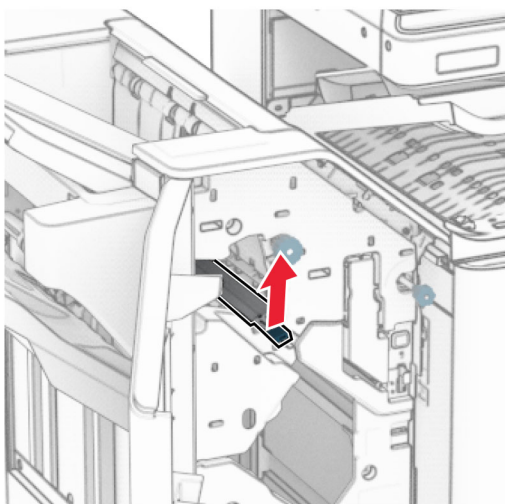
8 Mở nắp F của bộ phận vận chuyển giấy.



9 Mở cửa H.

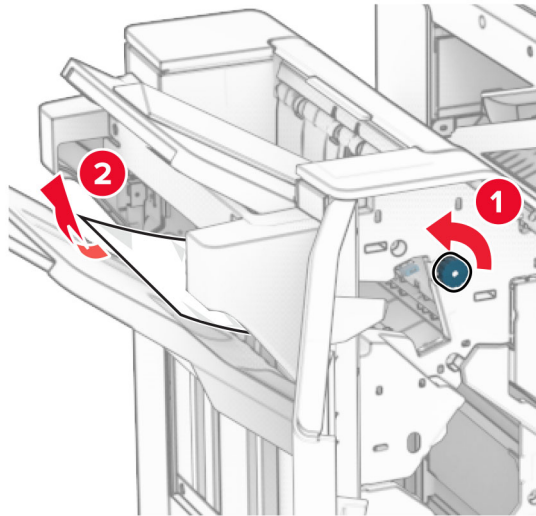


10 Nâng tay cầm R4 lên.



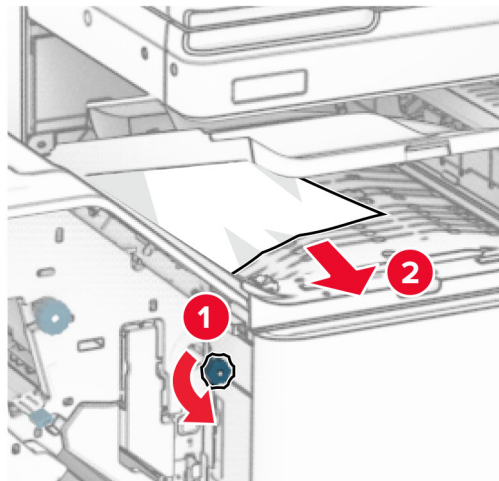
11 Xoay núm R3 ngược chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



12 Xoay núm R2 ngược chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt trong nắp F của bộ phận vận chuyển giấy.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



13 Đóng nắp F của bộ phận vận chuyển giấy.

14 Đưa tay cầm R4 về vị trí ban đầu.

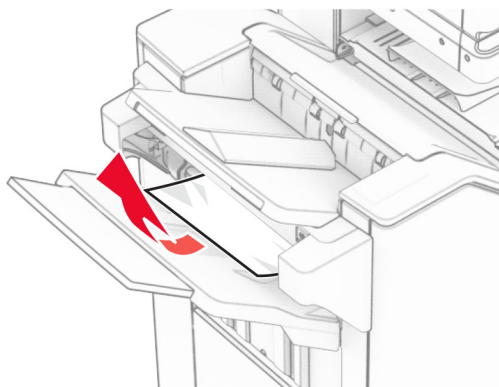
15 Đóng cửa H.

Nếu máy in của bạn được đặt cấu hình với tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy, hãy thực hiện như sau:

1 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

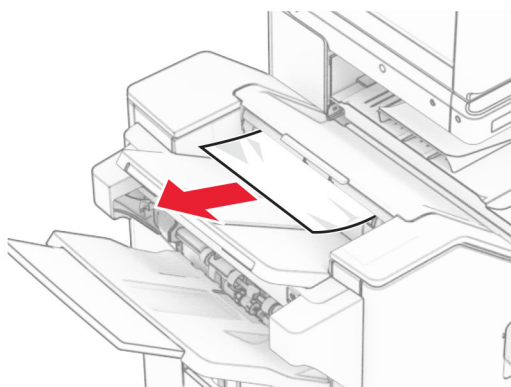
Lưu ý:

- Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.
- Không loại bỏ các trang in trong bộ soạn dập ghim để tránh bị thiếu trang.



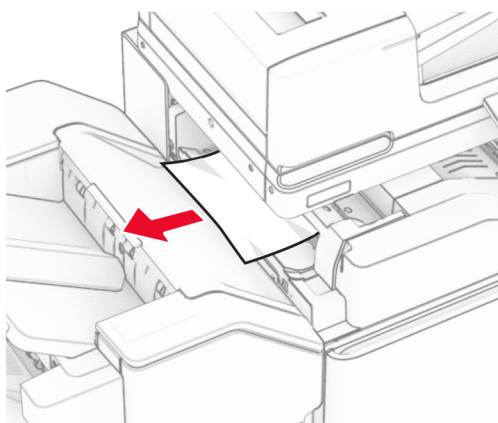
2 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy chuẩn của bộ hoàn thiện.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

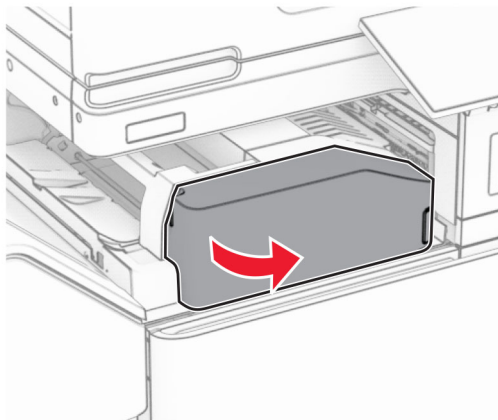


3 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 2.

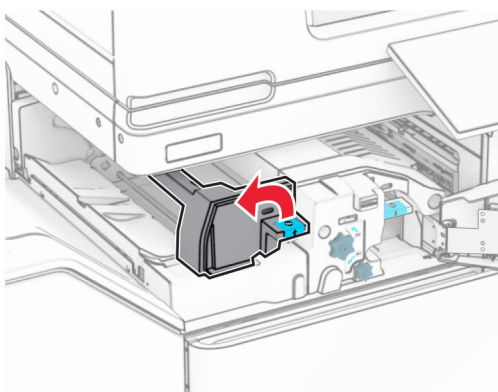
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



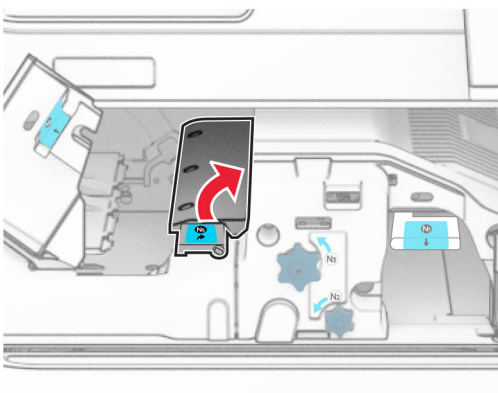
4 Mở cửa F.

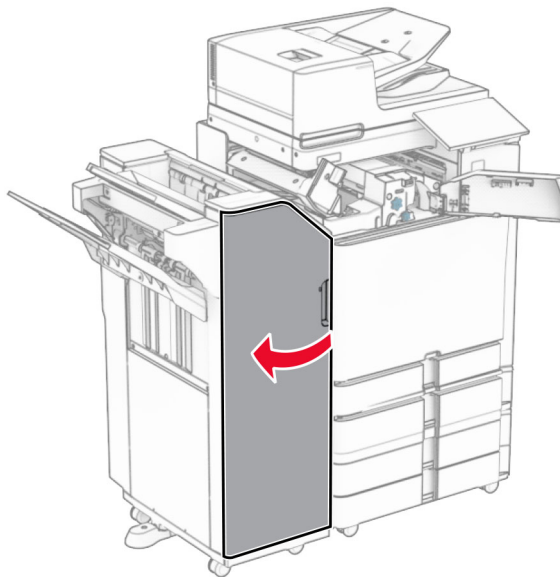
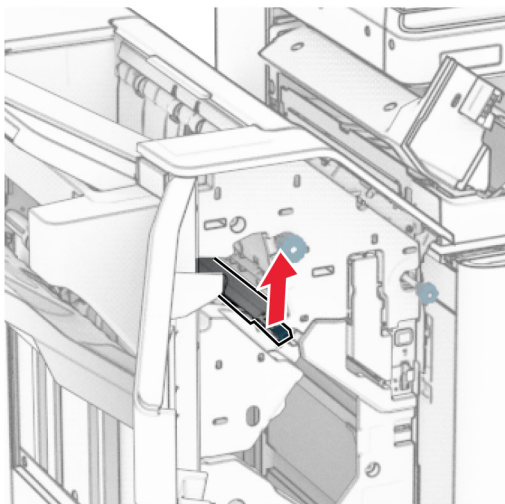


5 Mở cửa N4.

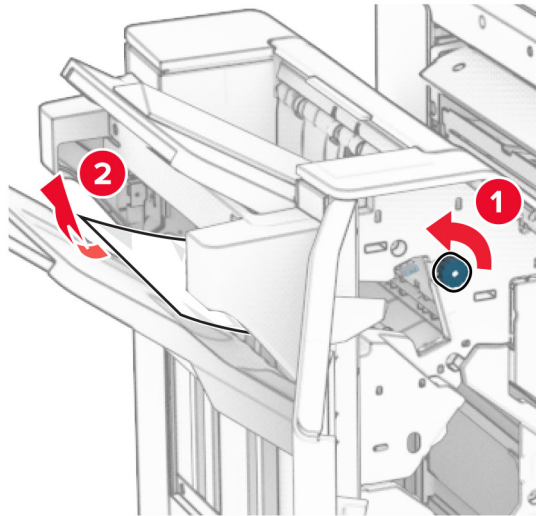


6 Mở cửa N5.

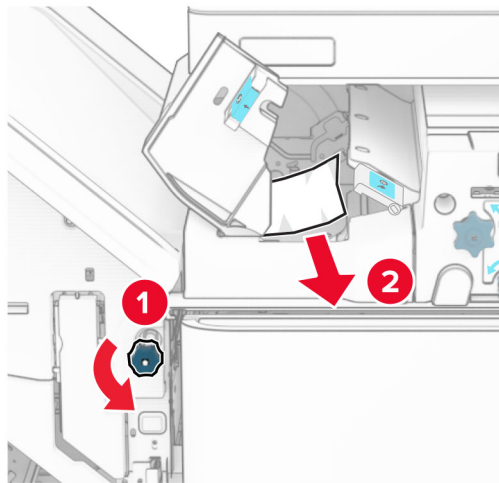


7 Mở cửa H.**8** Nâng tay cầm R4 lên.**9** Xoay núm R3 ngược chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



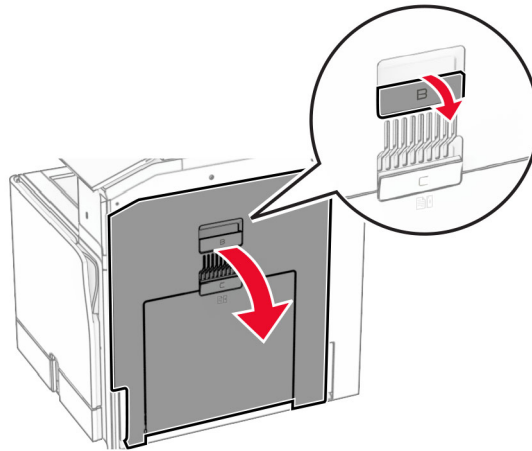
- 10 Xoay núm R2 ngược chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt giữa cửa N4 và N5.
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



- 11 Mở cửa B.

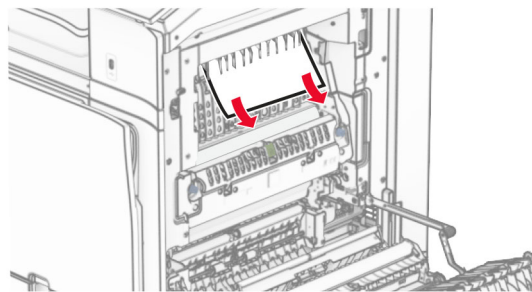
⚠ CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG: Bên trong máy in có thể nóng. Để giảm rủi ro chấn thương do bộ phận máy bị nóng, hãy để cho bề mặt nguội xuống trước khi chạm vào.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Để tránh hư hỏng do phóng tĩnh điện, hãy chạm vào mọi khung kim loại hở của máy in trước khi tiếp cận hoặc chạm vào các khu vực bên trong máy in.



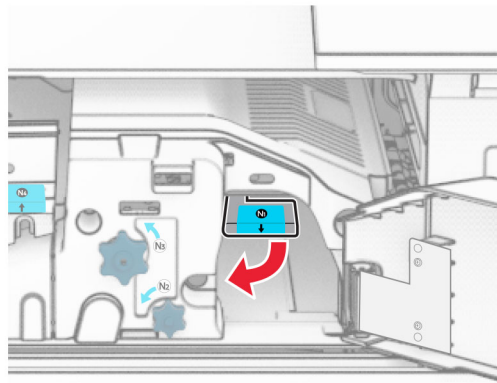
12 Loại bỏ giấy bị kẹt dưới lô ra giấy của ngăn giấy chuẩn.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



13 Đóng cửa B.

14 Đẩy tay cầm N1 xuống.



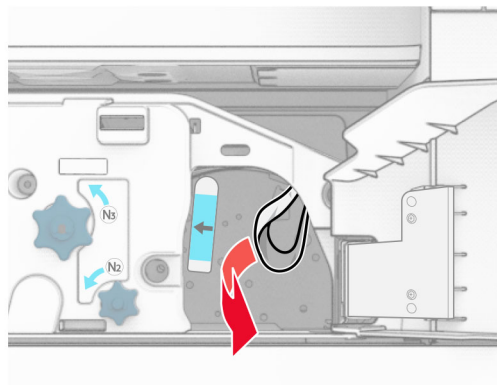
15 Xoay núm N2 ngược chiều kim đồng hồ.



16 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Để tránh làm hỏng máy in, hãy tháo mọi phụ kiện cầm tay trước khi loại bỏ giấy bị kẹt.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



17 Đặt lại tay cầm N1 vào đúng vị trí.

18 Đóng tay cầm N5, rồi đóng tay cầm N4.

19 Đóng cửa F.

20 Đưa tay cầm R4 về vị trí ban đầu.

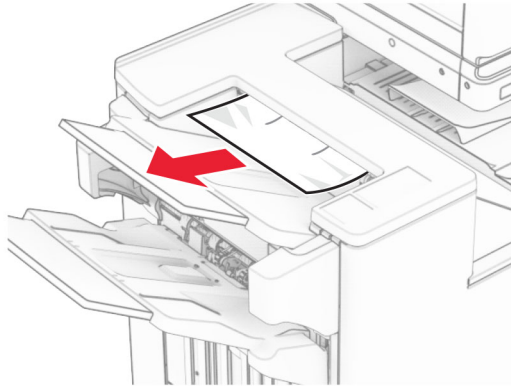
21 Đóng cửa H.

Kẹt giấy trong bộ hoàn thiện tập sách

Nếu máy in của bạn được đặt cấu hình với bộ phận vận chuyển giấy, hãy thực hiện như sau:

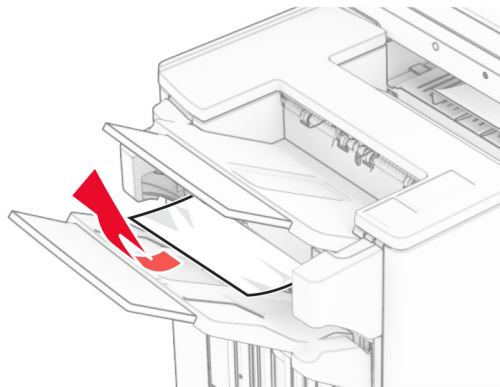
1 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy chuẩn của bộ hoàn thiện.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



2 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

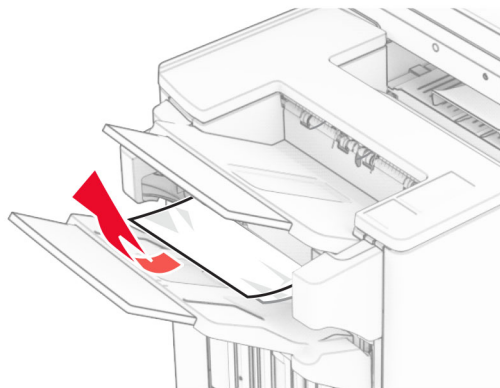
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



3 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

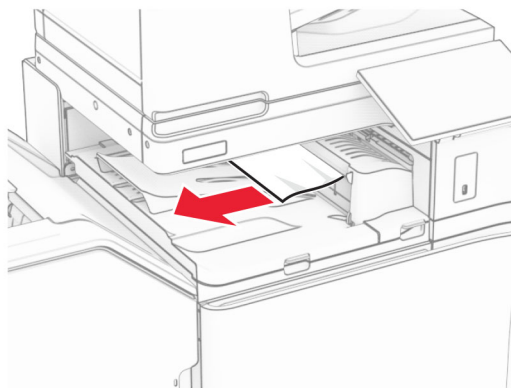
Lưu ý:

- Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.
- Không loại bỏ các trang in trong bộ soạn dập ghim để tránh bị thiếu trang.



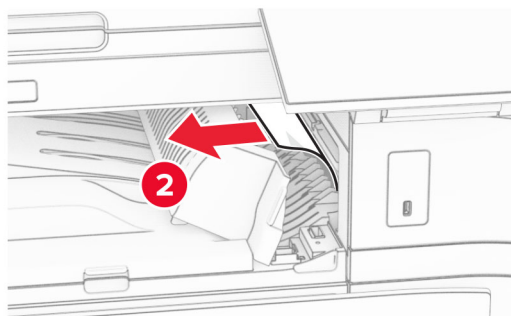
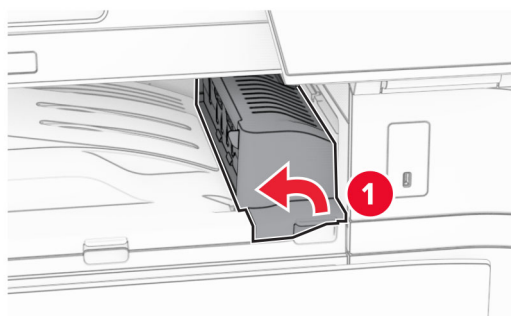
4 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 3.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



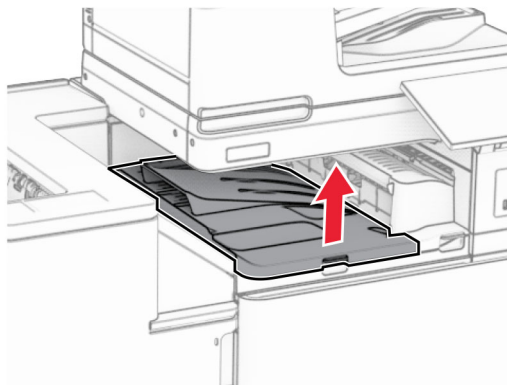
5 Mở nắp G của bộ phận vận chuyển giấy, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

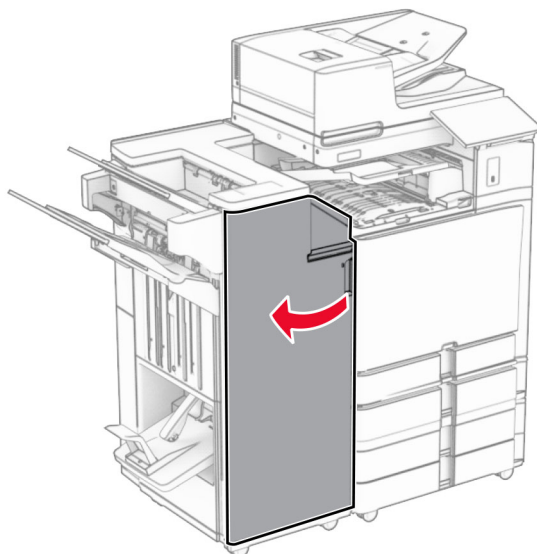


6 Đóng nắp G của bộ phận vận chuyển giấy.

7 Mở nắp F của bộ phận vận chuyển giấy.

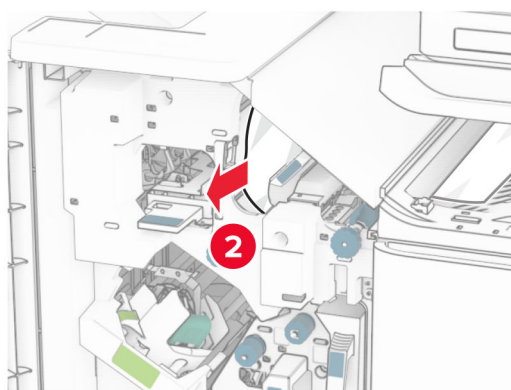


8 Mở cửa H.

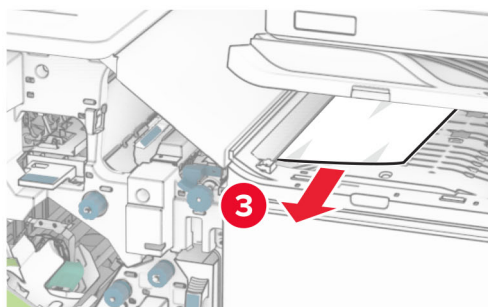


9 Di chuyển tay cầm R3 sang phải, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.

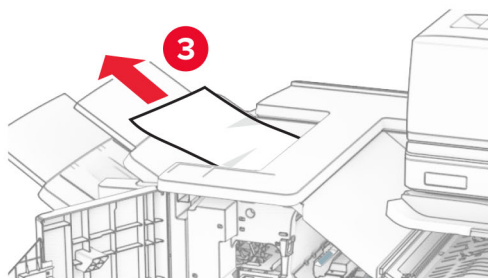
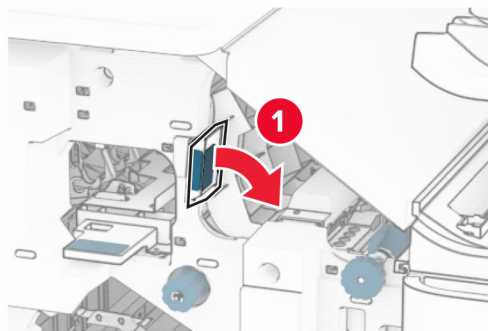


- 10** Di chuyển tay cầm R1 sang trái, xoay núm R2 ngược chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt.
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



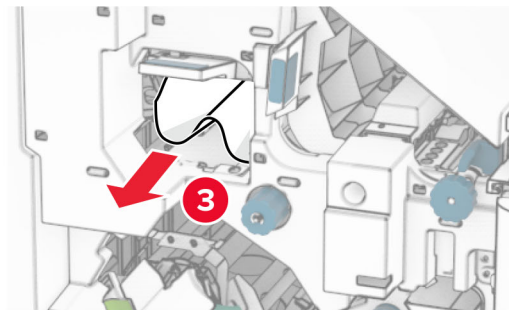
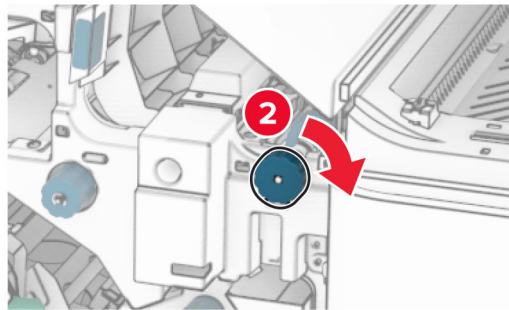
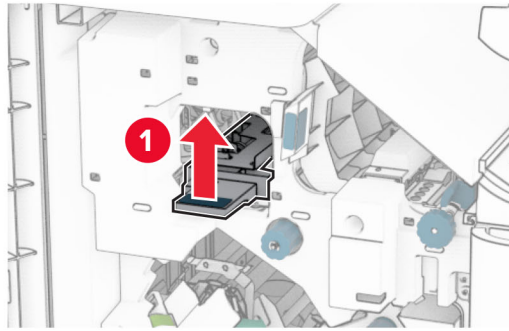
11 Xoay nút R5 ngược chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt khỏi ngăn giấy chuẩn của bộ hoàn thiện.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



12 Nhấc tay cầm R4 lên, xoay núm R2 theo chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



13 Đóng nắp F của bộ phận vận chuyển giấy.

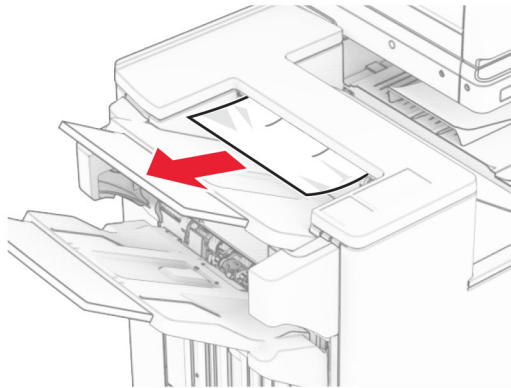
14 Đưa tay cầm R1, R3 và R4 về vị trí ban đầu.

15 Đóng cửa H.

Nếu máy in của bạn được đặt cấu hình với tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy, hãy thực hiện như sau:

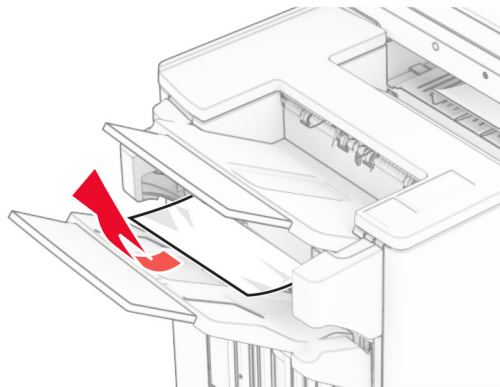
1 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy chuẩn của bộ hoàn thiện.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



2 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

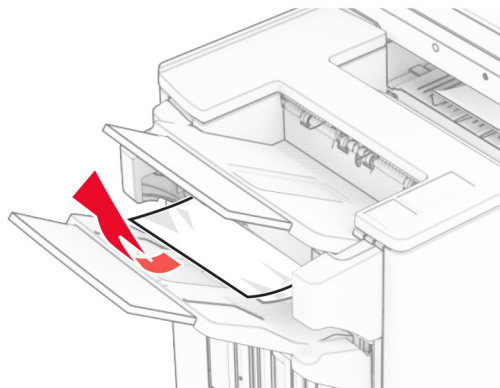
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



3 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 1.

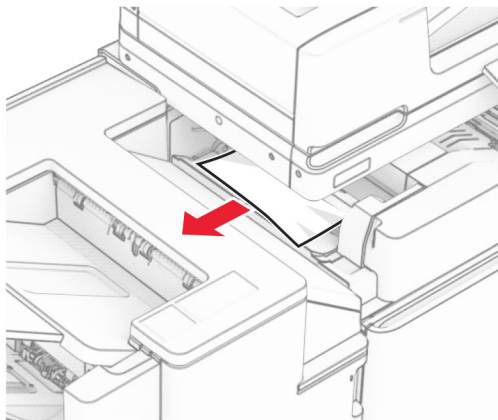
Lưu ý:

- Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.
- Không loại bỏ các trang in trong bộ soạn dập ghim để tránh bị thiếu trang.

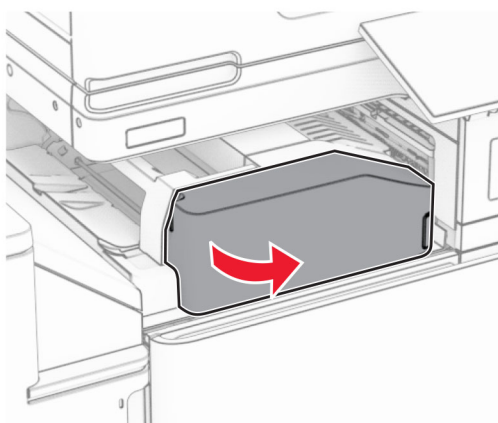


4 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 3.

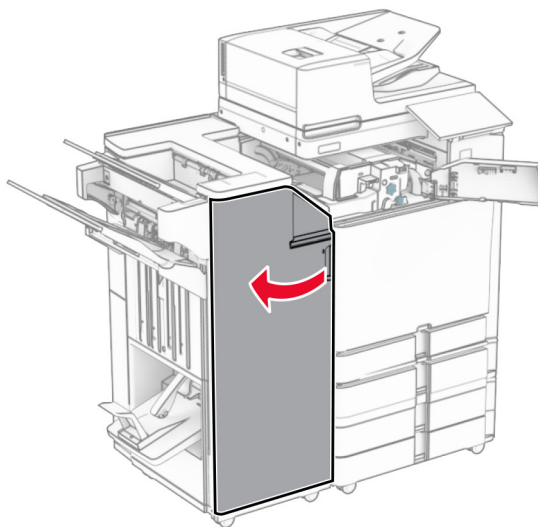
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



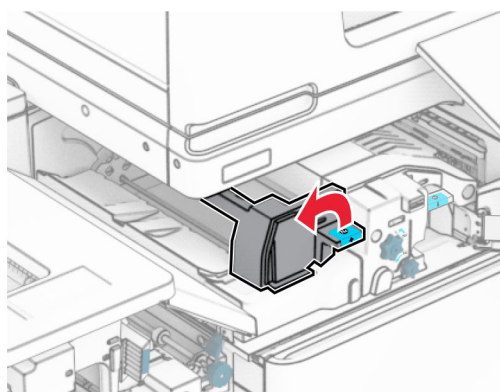
5 Mở cửa F.



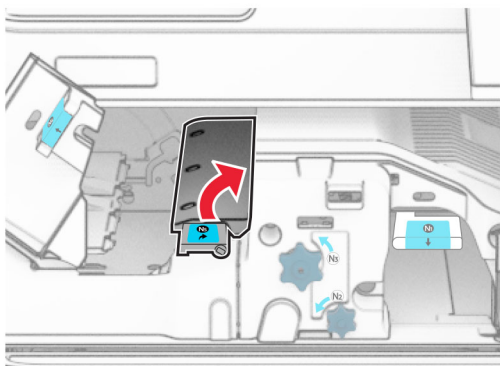
6 Mở cửa H.



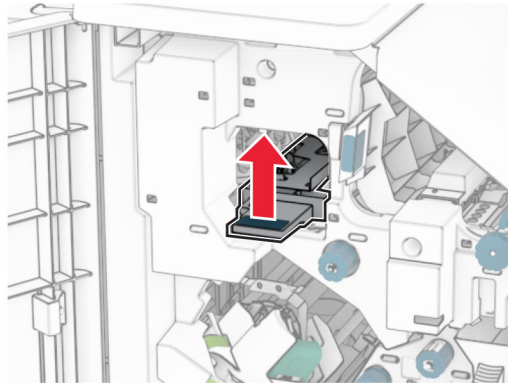
7 Mở cửa N4.



8 Mở cửa N5.

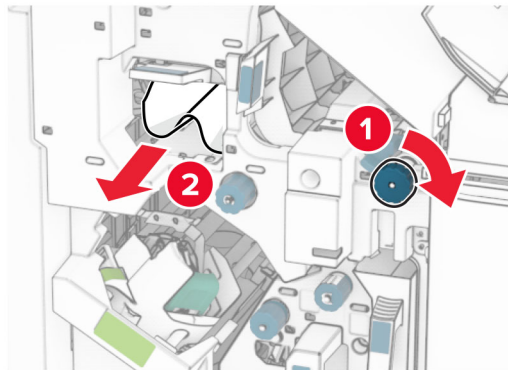


9 Nâng tay cầm R4 lên.



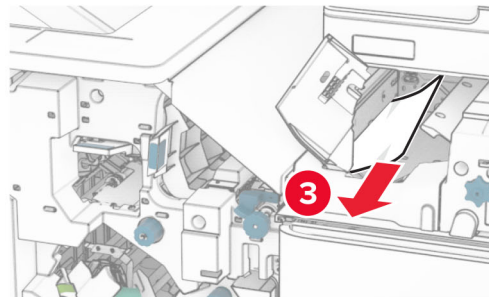
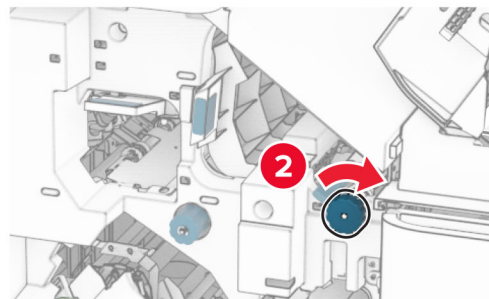
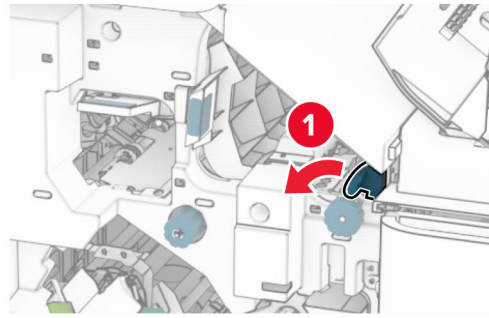
10 Xoay núm R2 theo chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt trong tay cầm R4.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.




11 Di chuyển tay cầm R1 sang trái, xoay núm R2 ngược chiều kim đồng hồ, sau đó loại bỏ giấy bị kẹt giữa cửa N4 và N5.

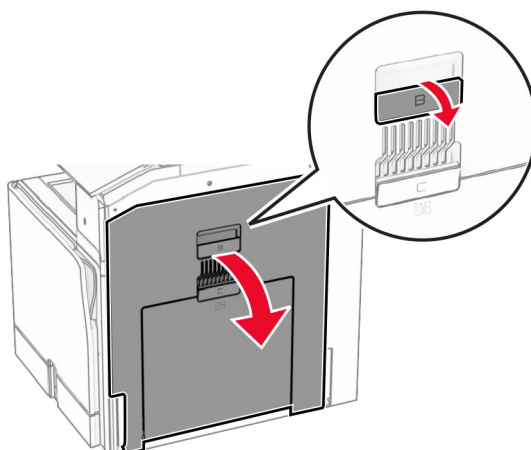
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



12 Mở cửa B.

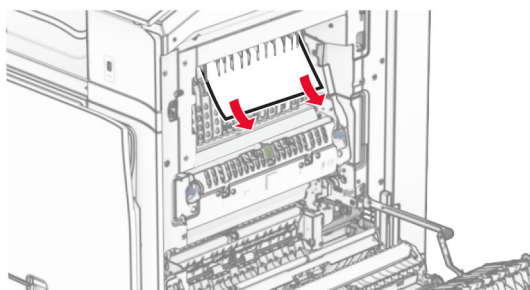
 **CHÚ Ý—BỀ MẶT NÓNG:** Bên trong máy in có thể nóng. Để giảm rủi ro chấn thương do bộ phận máy bị nóng, hãy để cho bề mặt nguội xuống trước khi chạm vào.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Để tránh hư hỏng do phóng tĩnh điện, hãy chạm vào mọi khung kim loại hở của máy in trước khi tiếp cận hoặc chạm vào các khu vực bên trong máy in.



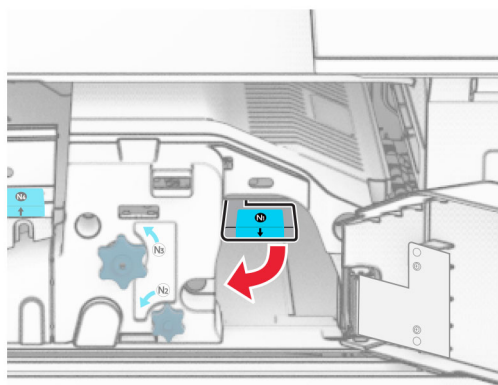
13 Loại bỏ giấy bị kẹt dưới lô ra giấy của ngăn giấy chuẩn.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



14 Đóng cửa B.

15 Đẩy tay cầm N1 xuống.



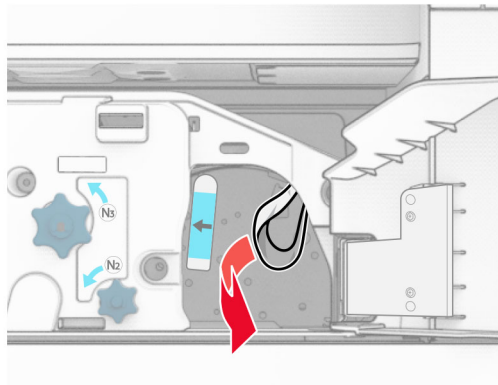
16 Xoay núm N2 ngược chiều kim đồng hồ.



17 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Để tránh làm hỏng máy in, hãy tháo mọi phụ kiện cầm tay trước khi loại bỏ giấy bị kẹt.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



18 Đặt lại tay cầm N1 vào đúng vị trí.

19 Đóng cửa N5, sau đó đóng cửa N4.

20 Đóng cửa F.

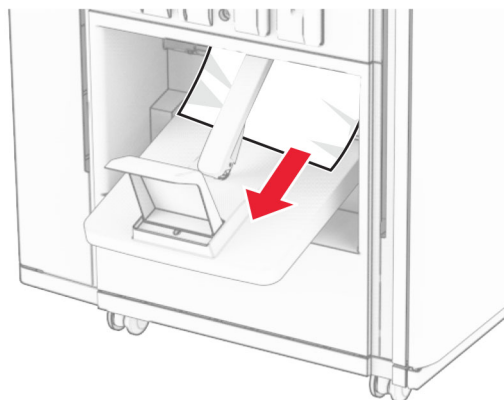
21 Đưa tay cầm R1 và R4 về vị trí ban đầu.

22 Đóng cửa H.

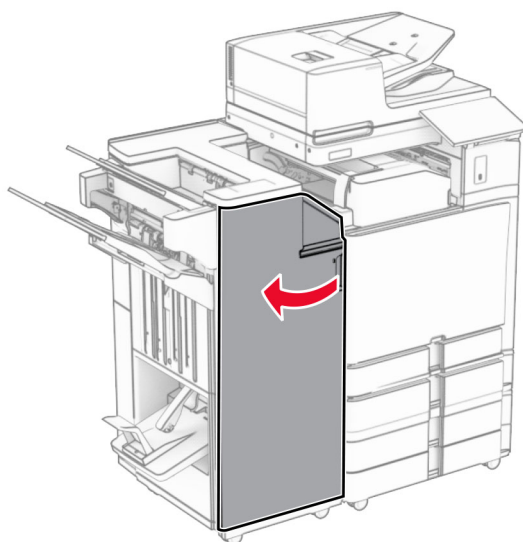
Kẹt giấy trong máy đóng tập sách

1 Loại bỏ giấy bị kẹt trong ngăn giấy 2.

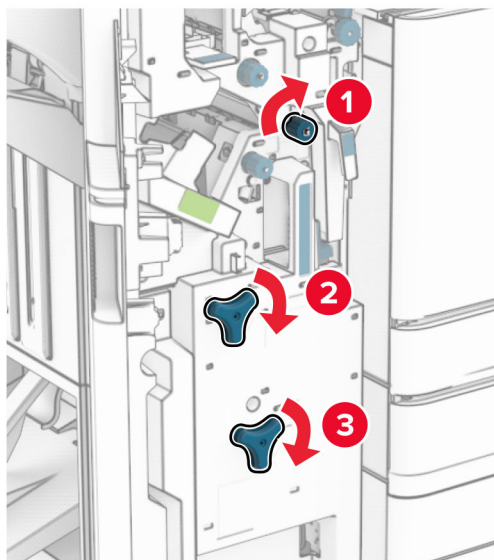
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



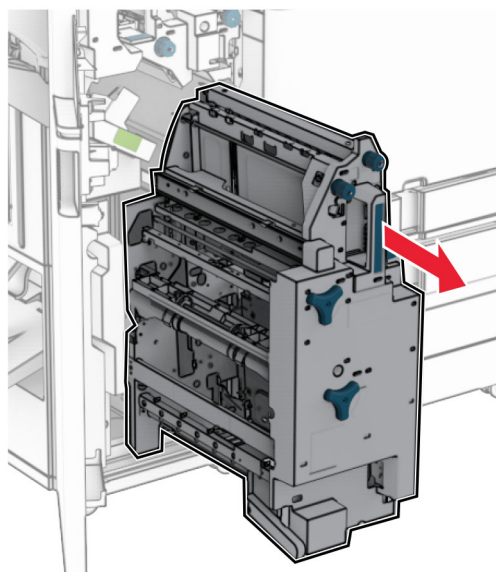
2 Mở cửa H.



3 Xoay núm R6, R11 và R10 theo chiều kim đồng hồ.

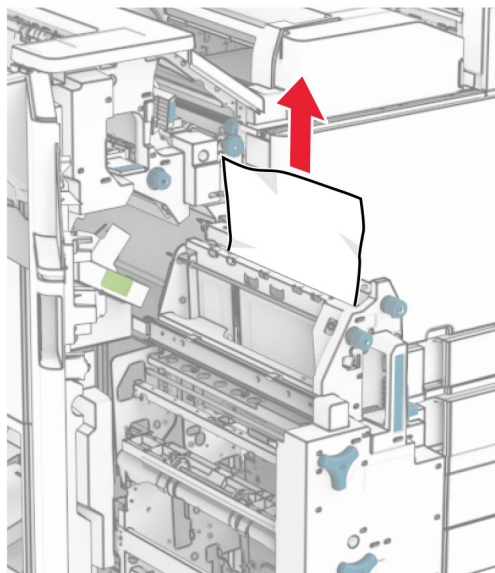


4 Kéo máy đóng tập sách ra.

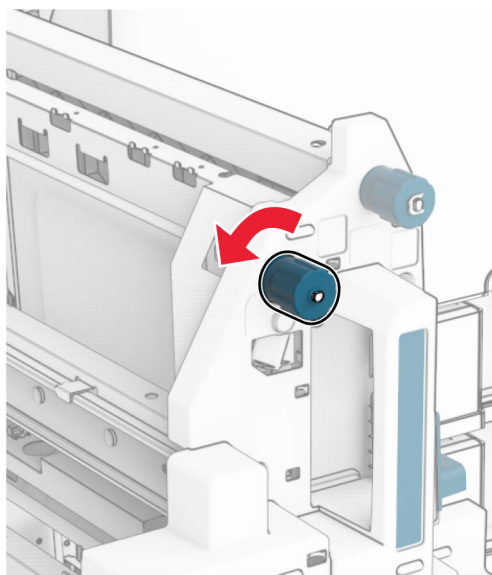


5 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

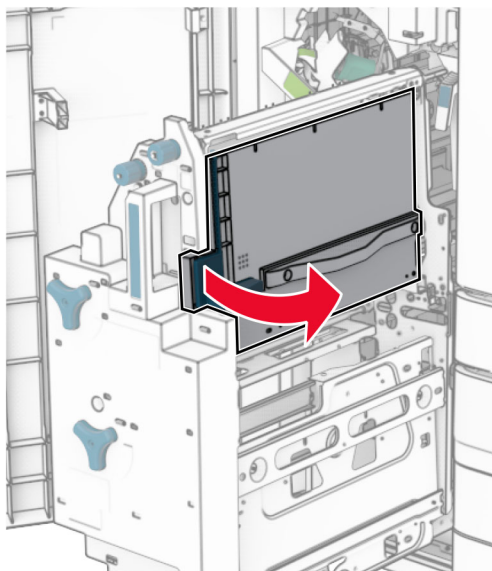
Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



6 Xoay núm R9 ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi dừng lại.

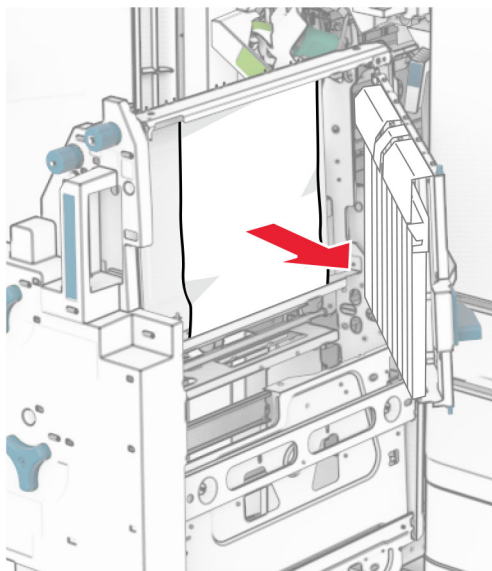


7 Mở cửa R8.



8 Lấy hết giấy bị kẹt ra.

Lưu ý: Đảm bảo đã loại bỏ tất cả mảnh giấy.



9 Đóng cửa R8.

10 Đưa máy đóng tập sách vào bộ hoàn thiện tập sách.

11 Đóng cửa H.

Sự cố kết nối mạng

Không thể mở Máy chủ web nhúng

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo máy in đang bật.
- Đảm bảo địa chỉ IP của máy in chính xác.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP trên bảng điều khiển.
- Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Đảm bảo bạn đã cài đặt trình duyệt được hỗ trợ.
 - Internet Explorer phiên bản 11 trở lên
 - Microsoft Edge
 - Safari phiên bản 6 trở lên
 - Google Chrome™ phiên bản 32 trở lên
 - Mozilla Firefox phiên bản 24 trở lên
- Kiểm tra xem kết nối mạng có hoạt động không.

Lưu ý: Nếu kết nối không hoạt động, hãy liên hệ với quản trị viên của bạn.

- Đảm bảo đã kết nối an toàn cáp với máy in và máy chủ in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem tài liệu đính kèm với máy chủ in.
- Kiểm tra xem máy chủ ủy nhiệm web có bị tắt không.

Lưu ý: Nếu máy chủ bị tắt, hãy liên hệ với quản trị viên của bạn.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Không thể kết nối máy in với mạng Wi-Fi

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/cổng > Tổng quan về mạng > Kích hoạt bộ điều hợp**, rồi chọn **Tự động**.
- Đảm bảo rằng máy tính đã được kết nối với đúng mạng Wi-Fi. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Kết nối máy in với mạng Wi-Fi” trên trang 245](#).

Lưu ý: Một số bộ định tuyến có thể dùng chung tên Wi-Fi mặc định.

- Đảm bảo đã nhập đúng mật khẩu mạng.

Lưu ý: Lưu ý khoảng trắng, số và cách viết hoa trong mật khẩu.

- Đảm bảo rằng bạn đã chọn đúng chế độ bảo mật không dây. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Mạng/Cổng > Không dây > Chế độ bảo mật không dây**.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Sự cố tùy chọn phần cứng

Không thể phát hiện tùy chọn nội bộ

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Tắt máy in, chờ khoảng 10 giây, rồi bật máy in.
- In **Trang cài đặt menu**, sau đó kiểm tra xem tùy chọn nội bộ có xuất hiện trong danh sách các Tính năng đã cài đặt hay không. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > Trang cài đặt menu**.
- Kiểm tra xem tùy chọn nội bộ đã được cài đặt đúng vào bảng điều khiển chưa.
 - 1 Tắt máy in, sau đó rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện.
 - 2 Đảm bảo rằng tùy chọn nội bộ được cài đặt vào đúng đầu nối trên bảng điều khiển.
 - 3 Cắm dây nguồn vào ổ cắm điện, sau đó bật máy in.



CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

- Kiểm tra xem tùy chọn nội bộ có sẵn trong trình điều khiển in không.

Lưu ý: Nếu cần, hãy thêm tùy chọn nội bộ vào trình điều khiển in theo cách thủ công để sử dụng cho các lệnh in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thêm các tùy chọn có sẵn vào trình điều khiển in” trên trang 91](#).

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Cổng giải pháp nội bộ không hoạt động đúng

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- In **Trang cài đặt menu**, sau đó kiểm tra xem cổng giải pháp nội bộ (ISP) có xuất hiện trong danh sách các Tính năng đã cài đặt hay không. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > Trang cài đặt menu**.
- Tháo rời lắp lại ISP. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Lắp đặt cổng giải pháp nội bộ” trên trang 239](#).
- Kiểm tra cáp và kết nối ISP.
 - 1 Sử dụng đúng cáp, sau đó đảm bảo cáp được nối chắc chắn với ISP.
 - 2 Kiểm tra xem dây kết nối cổng giao tiếp của giải pháp ISP có được cắm chắc vào khe trên bảng điều khiển không.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Thẻ giao diện nối tiếp hoặc song song không hoạt động đúng

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- In **Trang cài đặt menu**, sau đó kiểm tra xem thẻ giao diện song song hoặc nối tiếp có xuất hiện trong danh sách các Tính năng đã cài đặt hay không. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > Trang cài đặt menu**.
- Tháo, sau đó lắp lại thẻ giao diện nối tiếp hoặc song song. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Lắp đặt cổng giải pháp nội bộ” trên trang 239](#).
- Kiểm tra kết nối giữa cáp và thẻ giao diện nối tiếp hoặc song song.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Đã phát hiện bộ nhớ flash bị lỗi

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Thay bộ nhớ flash bị lỗi.
- Chọn **Tiếp tục** để bỏ qua tin nhắn và tiếp tục in.
- Hủy lệnh in hiện tại.

Không đủ dung lượng trống trong bộ nhớ flash để chứa tài nguyên

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Chọn **Tiếp tục** để xóa tin nhắn và tiếp tục in.
- Xóa phông chữ, macro và các dữ liệu khác được lưu trữ trong bộ nhớ flash.
- Lắp ổ lưu trữ.

Lưu ý: Các phông chữ và macro đã tải về chưa được lưu trữ trong bộ nhớ flash trước đây sẽ bị xóa.

Vấn đề về vật tư

Thay hộp mực, khu vực máy in không khớp

Để khắc phục vấn đề này, hãy mua hộp mực có đúng khu vực khớp với khu vực của máy in hoặc mua hộp mực áp dụng trên toàn cầu.

- Số đầu tiên trong thông báo sau số 42 cho biết khu vực của máy in.
- Số thứ hai trong thông báo sau số 42 cho biết khu vực của hộp mực.

Các khu vực của máy in và hộp mực

Khu vực	Mã số
Khu vực không xác định hoặc trên toàn thế giới	0
Bắc Mỹ (Hoa Kỳ, Canada)	1
Khu vực kinh tế Châu Âu, Tây Âu, các nước Bắc Âu, Thụy Sĩ	2
Châu Á Thái bình Dương	3

Khu vực	Mã số
Mỹ Latinh	4
Các nước còn lại ở châu Âu, Trung Đông, châu Phi	5
Úc, New Zealand	6
Khu vực không hợp lệ	9

Lưu ý: Để tìm các cài đặt khu vực của máy in và hộp mực, hãy in **Trang kiểm tra chất lượng in**. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.

Đã nạp lại hộp mực [màu] chuẩn

Máy in phát hiện một hộp mực chuẩn của Lexmark đã được nạp lại bằng mực không chính hãng từ một bên không phải Lexmark.

Chọn **OK** để tiếp tục.

Tất cả các chỉ báo tuổi thọ linh kiện máy in được thiết kế để tương thích với vật tư và bộ phận của Lexmark. Các chỉ báo này có thể cung cấp kết quả ngoài dự đoán khi bạn sử dụng vật tư hoặc bộ phận do các bên không phải Lexmark tái sản xuất trong máy in Lexmark.

Để biết thêm thông tin, hãy xem tuyên bố bảo hành giới hạn của máy in.

Vật tư không phải của Lexmark

Máy in đã phát hiện vật tư hoặc bộ phận không phải của Lexmark được lắp đặt trong máy in.

Máy in Lexmark được thiết kế để hoạt động tốt nhất với các vật tư và bộ phận chính hãng của Lexmark. Sử dụng vật tư hoặc bộ phận của bên thứ ba có thể ảnh hưởng đến hiệu suất, độ tin cậy, hoặc tuổi thọ của máy in cũng như các bộ phận tạo ảnh của máy in.

Tất cả chỉ báo tuổi thọ được thiết kế để hoạt động với các vật tư và bộ phận của Lexmark và có thể dẫn đến kết quả không lường trước được nếu sử dụng vật tư hoặc bộ phận của bên thứ ba. Sử dụng bộ phận tạo ảnh quá thời hạn sử dụng dự kiến có thể làm hỏng máy in Lexmark hoặc các bộ phận có liên quan.

Cảnh báo—Nguy cơ hỏng: Sử dụng vật tư hoặc bộ phận của bên thứ ba có thể ảnh hưởng đến việc bảo hành. Hư hỏng do sử dụng vật tư hoặc bộ phận của bên thứ ba có thể không được bảo hành.

Để chấp nhận bất kỳ và tất cả các rủi ro này và tiếp tục sử dụng vật tư hoặc bộ phận không chính hãng trong máy in của bạn, hãy chạm và giữ thông báo lỗi trên màn hình bằng hai ngón tay trong 15 giây. Khi hộp thoại xác nhận xuất hiện, hãy chạm vào **Tiếp tục**.

Nếu không muốn chấp nhận những rủi ro này, hãy loại bỏ vật tư hoặc bộ phận của bên thứ ba khỏi máy in và lắp đặt vật tư hoặc bộ phận chính hãng của Lexmark. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Sử dụng các bộ phận và vật tư chính hãng Lexmark” trên trang 362](#).

Nếu máy in không in sau khi xóa thông báo lỗi, hãy đặt lại bộ đếm mức sử dụng vật tư.

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Menu cấu hình > Mức sử dụng vật tư và bộ đếm**.
- 2 Chọn bộ phận hoặc vật tư bạn muốn đặt lại, sau đó chọn **Bắt đầu**.
- 3 Đọc thông báo cảnh báo, sau đó chọn **Tiếp tục**.
- 4 Sử dụng hai ngón tay, chạm vào màn hình trong 15 giây để xóa tin nhắn.

Lưu ý: Nếu không thể đặt lại bộ đếm mức sử dụng vật tư, hãy hoàn trả vật tư đó về nơi mua.

Sự cố nạp giấy

Giấy bị quấn



Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Điều chỉnh các thanh dẫn trong khay đến đúng vị trí cho giấy đã nạp.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành, xác định loại giấy từ hộp thoại Tùy chọn in hoặc In. Đảm bảo cài đặt khớp với giấy đã nạp.

Lưu ý: Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển máy in. Điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ/loại giấy**.

- Lấy giấy ra, lật ngược giấy, rồi nạp lại giấy.
- Nạp giấy từ bao giấy mới.

Lưu ý: Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Phong bì dán kín khi in

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Sử dụng phong bì được bảo quản trong môi trường khô ráo.

Lưu ý: In trên phong bì có độ ẩm cao có thể khiến nắp phong bì bị dán kín lại.

- Đảm bảo loại giấy được đặt thành **Phong bì**. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ giấy/Loại giấy**.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

In theo bộ không hoạt động

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Bố cục > In theo bộ**, rồi chọn **Bật [1,2,1,2,1,2]**.
- Từ tài liệu cần in, hãy mở hộp thoại Tùy chọn in hoặc In, rồi chọn **In theo bộ**.
- Giảm số trang để in.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Liên kết khay không hoạt động

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo rằng các khay được liên kết có cùng khổ giấy, hướng giấy và loại giấy.
- Đảm bảo các thanh dẫn giấy được đặt đúng vị trí.
- Đặt khổ giấy và loại giấy sao cho phù hợp với giấy đã nạp vào các khay liên kết. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ giấy/Loại giấy**.
- Đảm bảo rằng đã đặt **Liên kết khay** là **Tự động**. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Liên kết các khay” trên trang 88](#).

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Giấy thường xuyên bị kẹt

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Kiểm tra xem giấy có được nạp đúng cách không.

Lưu ý:

- Đảm bảo các thanh dẫn giấy được đặt đúng vị trí.
- Đảm bảo chiều cao chõng giấy thấp hơn chỉ báo nạp giấy tối đa.
- Đảm bảo in theo khổ giấy và loại giấy được khuyến nghị.
- Đặt đúng khổ giấy và loại giấy. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Giấy > Cấu hình khay > Khổ giấy/Loại giấy**.
- Nạp giấy từ bao giấy mới.

Lưu ý: Giấy hấp thụ hơi ẩm do độ ẩm cao. Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu cho đến khi sẵn sàng sử dụng.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Trang bị kẹt giấy không được in lại

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Thông báo > Khôi phục nội dung kẹt giấy**.
- 2 Trong menu **Khôi phục kẹt giấy**, chọn **Bật** hoặc **Tự động**.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Sự cố gửi email

Tắt thông báo lỗi “Máy chủ SMTP không được thiết lập”

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Email > Thiết lập email**.
- 2 Đặt Tắt lỗi “Máy chủ SMTP không được thiết lập” thành **Bật**.

Để ngăn ngừa lỗi xảy ra lần nữa, hãy thực hiện một hoặc nhiều thao tác sau đây:

- Cập nhật phần mềm cơ sở của máy in. Để biết thêm thông tin, hãy xem phần “Cập nhật phần mềm cơ sở”.
- Đặt cấu hình cài đặt SMTP email. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thiết lập cấu hình cài đặt SMTP” trên trang 259](#).

Không thể gửi email

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo các mục cài đặt email SMTP được đặt cấu hình đúng cách. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thiết lập cấu hình cài đặt SMTP” trên trang 259](#).
- Hãy đảm bảo rằng máy in đã được kết nối với mạng và mạng đã được kết nối với Internet.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Sự cố fax

Không hiển thị mã người gọi

Lưu ý: Hướng dẫn này chỉ áp dụng cho máy in có lắp thẻ fax.

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Fax > Thiết lập fax > Cài đặt nhận fax > Kiểm soát quản trị**.
- 2 Đặt **Bật mã người gọi** thành **Bật**.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Không thể gửi hoặc nhận fax bằng cách sử dụng fax analog

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Giải quyết mọi thông báo lỗi xuất hiện trên màn hình.
- Đảm bảo cáp dành cho điện thoại, thiết bị cầm tay hoặc máy trả lời điện thoại được kết nối chắc chắn.
- Kiểm tra âm quay số.
 - Gọi số fax để kiểm tra xem fax có hoạt động bình thường không.
 - Nếu bạn đang sử dụng tính năng Quay số gác máy, hãy tăng âm lượng để kiểm tra xem bạn có nghe thấy âm quay số hay không.
- Kiểm tra giắc cắm trên tường của điện thoại.
 - 1 Kết nối trực tiếp điện thoại analog với giắc cắm trên tường.
 - 2 Nghe âm quay số.
 - 3 Nếu bạn không nghe thấy âm quay số, hãy sử dụng cáp điện thoại khác.
 - 4 Nếu bạn vẫn không nghe thấy âm quay số, hãy kết nối điện thoại analog với một giắc cắm trên tường khác.
 - 5 Nếu bạn nghe thấy âm quay số, hãy kết nối máy in với giắc cắm trên tường đó.

- Kiểm tra xem máy in được kết nối với dịch vụ điện thoại analog hoặc với đúng đầu nối kỹ thuật số không.
 - Nếu bạn đang sử dụng dịch vụ điện thoại Dịch vụ tích hợp cho mạng kỹ thuật số (ISDN), hãy kết nối với một cổng điện thoại analog của bộ điều hợp đầu cuối ISDN. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với nhà cung cấp ISDN của bạn.
 - Nếu bạn đang sử dụng DSL, hãy kết nối với bộ lọc DSL hoặc bộ định tuyến hỗ trợ sử dụng analog. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với nhà cung cấp DSL của bạn.
 - Nếu bạn đang sử dụng dịch vụ điện thoại tổng đài nhánh riêng (PBX), đảm bảo bạn đang kết nối với kết nối analog trên PBX. Nếu không có dịch vụ điện thoại PBX, hãy xem xét lắp đặt một đường dây điện thoại analog cho máy fax.
- Tạm thời ngắt kết nối thiết bị khác và tắt các dịch vụ điện thoại khác.
 - 1 Ngắt kết nối thiết bị khác (như máy trả lời, máy tính, modem hoặc bộ chia đường dây điện thoại) giữa máy in và đường dây điện thoại.
 - 2 Tắt tính năng chờ cuộc gọi và hộp thư thoại. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với công ty điện thoại của bạn.
- Quét tài liệu gốc từng trang một.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Có thể nhận nhưng không thể gửi fax bằng cách sử dụng fax analog

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Nạp tài liệu gốc vào khay ADF hoặc trên kính máy quét.
- Thiết lập số phím tắt đúng cách.
 - Kiểm tra xem có cài đặt số phím tắt cho số điện thoại mà bạn muốn quay không.
 - Quay số điện thoại theo cách thủ công.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Có thể gửi nhưng không thể nhận fax bằng cách sử dụng fax analog

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo nguồn giấy không bị hết.
- Kiểm tra cài đặt độ trễ đếm chuông. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Fax > Thiết lập fax > Cài đặt nhận fax > Số lần đổ chuông để trả lời**.
- Nếu máy in đang in các trang trống, vui lòng xem ["Trang trống hoặc trang trắng" trên trang 435](#).

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Không thể thiết lập etherFAX

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Kiểm tra kết nối máy in.
 - 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > Mạng > Trang thiết lập mạng**.
 - 2 Kiểm tra trạng thái mạng trên trang đã in.
- Hãy đảm bảo rằng máy in đã được kết nối với mạng và mạng đã được kết nối với Internet.

- Đảm bảo etherFAX được thiết lập chính xác. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thiết lập chức năng fax bằng cách sử dụng etherFAX” trên trang 69](#).

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy truy cập <https://www.etherfax.net/lexmark>.

Không thể gửi hoặc nhận fax bằng cách sử dụng etherFAX

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Hãy đảm bảo rằng máy in đã được kết nối với mạng và mạng đã được kết nối với Internet.
- Đảm bảo etherFAX được thiết lập chính xác. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Thiết lập chức năng fax bằng cách sử dụng etherFAX” trên trang 69](#).
- Chia tài liệu lớn thành các tập tin có kích thước nhỏ hơn.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy truy cập <https://www.etherfax.net/lexmark>.

Chất lượng in fax kém

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Xử lý các lỗi chất lượng in.
 - 1 In **Trang kiểm tra chất lượng**. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Khắc phục sự cố > Trang kiểm tra chất lượng in**.
 - 2 Khắc phục lỗi chất lượng in. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Chất lượng in kém” trên trang 435](#).
- Nếu bạn đang sử dụng fax analog, hãy giảm tốc độ truyền fax đến.
 - 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Fax > Thiết lập fax > Cài đặt nhận fax > Kiểm soát quản trị**.
 - 2 Trong menu **Tốc độ tối đa**, chọn tốc độ truyền thấp hơn.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Thiếu thông tin trên trang bìa fax

- 1 Tắt máy in, chờ khoảng 10 giây, rồi bật máy in.
- 2 Gửi hoặc truy xuất fax.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Không thể gửi trang bìa fax từ máy tính

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo đã cập nhật trình điều khiển in. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập www.lexmark.com/downloads.
- Xóa cài đặt **Luôn hiển thị cài đặt trước khi fax**.
 - 1 Từ tài liệu bạn muốn gửi fax, hãy mở hộp thoại In.
 - 2 Chọn máy in, rồi nhấp vào **Thuộc tính, Tùy chỉnh, Tùy chọn, hoặc Thiết lập**.
 - 3 Nhấp vào **Fax**, sau đó xóa cài đặt **Luôn hiển thị cài đặt trước khi fax**.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Sự cố quét

không thể quét vào máy tính

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Thực hiện lệnh sao chép. Nếu lệnh bị lỗi, hãy tắt máy in, chờ khoảng 10 giây, rồi bật máy in.
- Kiểm tra kết nối máy in.
 - 1 In **Trang thiết lập mạng**. Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Báo cáo > Mạng**, rồi chọn **Trang thiết lập mạng**.
 - 2 Kiểm tra phần đầu tiên của trang và xác nhận trạng thái là đã kết nối.
- Đảm bảo đã kết nối máy in và máy tính với cùng một mạng.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Không thể quét vào thư mục mạng

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Tạo phím tắt thư mục mạng, rồi quét tài liệu bằng phím tắt đó. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem [“Quét đến thư mục mạng” trên trang 271](#).
- Đảm bảo đường dẫn thư và định dạng thư mục mạng là chính xác. Ví dụ, `\\server_hostname\foldername\path`, trong đó `server_hostname` là tên miền hoàn toàn đủ tiêu chuẩn (FQDN) hoặc địa chỉ IP.
- Đảm bảo bạn có quyền ghi vào thư mục mạng.
- Cập nhật phím tắt thư mục mạng.
 - 1 Mở trình duyệt web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in vào trường địa chỉ.

Lưu ý:

- Xem địa chỉ IP của máy in trên màn hình chính của máy in. Địa chỉ IP hiển thị dưới dạng bốn bộ số được phân tách bằng dấu chấm, chẳng hạn như 123.123.123.123.
- Nếu đang dùng máy chủ proxy, hãy tạm thời tắt đi để tải trang web chính xác.

2 Nhấp vào **Phím tắt** rồi chọn một phím tắt.

Lưu ý: Nếu bạn có nhiều kiểu phím tắt, hãy chọn **Thư mục mạng**.

3 Trong trường Đường dẫn chia sẻ, nhập đường dẫn thư mục mạng. Ví dụ: `\\server_hostname\foldername\path`.

Lưu ý: Luôn sử dụng dấu gạch chéo lên khi nhập đường dẫn chia sẻ.

4 Từ menu **Xác thực**, chọn phương pháp xác thực của bạn.

Lưu ý: Nếu **Xác thực** được đặt thành **Sử dụng tên người dùng và mật khẩu đã gán**, hãy nhập thông tin đăng nhập của bạn vào trường Tên người dùng và Mật khẩu.

5 Nhấp vào **Lưu**.

- Đảm bảo đã kết nối máy in và thư mục mạng với cùng một mạng.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Bản sao một phần của tài liệu hoặc ảnh

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo tài liệu hoặc hình ảnh được nạp úp xuống ở góc trên bên trái của kính máy quét.
- Điều chỉnh cho khớp cài đặt khổ giấy và giấy đã nạp vào khay.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Chất lượng bản sao kém

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

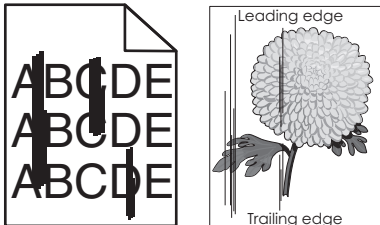
- Vệ sinh kính máy quét và kính ADF bằng khăn ẩm, mềm, không xơ.

Lưu ý: Nếu máy in của bạn có kính ADF thứ hai bên trong ADF thì bạn cũng hãy vệ sinh kính đó. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem "[Vệ sinh máy quét](#)" trên trang 412.

- Đảm bảo tài liệu hoặc hình ảnh được nạp úp xuống ở góc trên bên trái của kính máy quét.
- Kiểm tra chất lượng tài liệu hoặc ảnh ban đầu và điều chỉnh cài đặt chất lượng quét phù hợp.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Các vết sọc tối màu khi quét từ ADF

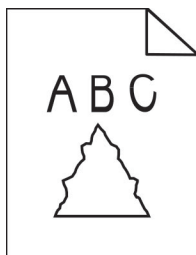


- 1 Nâng nắp máy quét lên rồi tháo công cụ vệ sinh kính.
- 2 Lau kính ADF bên cạnh kính máy quét.
- 3 Mở cửa A1, sau đó vệ sinh kính ADF.
- 4 Đặt lại công cụ về vị trí.
- 5 Đóng nắp máy quét.

Lưu ý: Để biết thêm thông tin về cách vệ sinh máy quét, hãy xem "[Vệ sinh máy quét](#)" trên trang 412.


Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Hình ảnh hoặc chữ bị răng cưa khi quét từ ADF



- 1 Nạp 50 tờ giấy thường sạch vào ADF.

Lưu ý: Giấy thường giúp làm sạch hoặc loại bỏ bụi và lớp phủ khác khỏi trục nạp ADF.

- 2 Từ bảng điều khiển, vuốt sang phải đến trung tâm điều khiển, rồi chọn .
- 3 Nạp tài liệu gốc vào ADF.
- 4 Quét tài liệu.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Lệnh quét không thành công

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Đảm bảo cáp Ethernet hoặc USB được kết nối chắc chắn với máy tính và máy in.
- Kiểm tra tập tin cần quét và đảm bảo rằng:
 - Tên tập tin chưa được sử dụng trong thư mục đích.
 - Tài liệu hoặc ảnh cần quét không mở trong ứng dụng khác.
- Đảm bảo hộp chọn **Thêm dấu thời gian** hoặc **Ghi đè tập tin hiện hữu** được chọn trong cài đặt cấu hình đích.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Máy quét không đóng lại được

- 1 Loại bỏ vật cản khiến nắp máy quét không đóng lại được.
- 2 Đóng máy quét.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Quá trình quét mất quá nhiều thời gian hoặc làm treo máy tính

- 1 Đóng tất cả ứng dụng đang cản trở quá trình quét.
- 2 Quét tài liệu lần nữa.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Máy quét không phản hồi

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Kiểm tra xem dây nguồn có được nối đúng cách với máy in và ổ cắm điện không.



CHÚ Ý—NGUY CƠ TỔN THƯƠNG: Để tránh rủi ro hỏa hoạn hoặc điện giật, hãy nối dây nguồn với ổ cắm điện có công suất định mức phù hợp, được nối đất đúng cách, gần với sản phẩm và dễ tiếp cận.

- Kiểm tra xem bạn đã bật máy in chưa, sau đó xử lý tất cả thông báo lỗi xuất hiện trên màn hình.
- Tắt máy in, chờ khoảng 10 giây, rồi bật máy in.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Điều chỉnh vùng đăng ký máy quét

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Menu cấu hình > Cấu hình máy quét > Đăng ký máy quét thủ công**.
- 2 Trong menu **Kiểm tra nhanh chức năng in**, chọn **Bắt đầu**.
- 3 Đặt trang kiểm tra lên kính máy quét, rồi chọn **Vùng đăng ký phẳng**.
- 4 Trong menu **Kiểm tra nhanh chức năng sao chép**, chọn **Bắt đầu**.
- 5 So sánh trang kiểm tra với tài liệu gốc.

Lưu ý: Nếu lề của trang kiểm tra khác với tài liệu gốc, hãy điều chỉnh cài đặt **Lề trái** và **Lề trên**.

- 6 Lặp lại [bước 4](#) và [bước 5](#) cho đến khi lề của trang **Kiểm tra nhanh chức năng sao chép** gần khớp với tài liệu gốc.

Điều chỉnh vùng đăng ký ADF

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > Thiết bị > Bảo trì > Menu cấu hình > Cấu hình máy quét > Đăng ký máy quét thủ công**.
- 2 Trong menu **Kiểm tra nhanh chức năng in**, chọn **Bắt đầu**.
- 3 Đặt trang kiểm tra lên khay ADF.
- 4 Chọn **Vùng đăng ký ADF trước** hoặc **Vùng đăng ký ADF sau**.

Lưu ý:

- Để căn chỉnh **Vùng đăng ký ADF trước**, hãy đặt trang kiểm tra ngửa lên, cạnh ngắn vào ADF trước.
- Để căn chỉnh **Vùng đăng ký ADF sau**, hãy đặt trang kiểm tra úp xuống, cạnh ngắn vào ADF trước.

- 5 Trong menu **Kiểm tra nhanh chức năng sao chép**, chọn **Bắt đầu**.
- 6 So sánh trang kiểm tra với tài liệu gốc.

Lưu ý: Nếu lề của trang kiểm tra khác với tài liệu gốc, hãy điều chỉnh cài đặt **Điều chỉnh ngang** và **Lề trên**.

- 7 Lặp lại [bước 5](#) và [bước 6](#) cho đến khi lề của trang **Kiểm tra nhanh chức năng sao chép** gần khớp với tài liệu gốc.

Sự cố chất lượng màu

Sửa đổi màu trong bản in

- 1 Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Quét ảnh nâng cao > Hiệu chỉnh màu**.
- 2 Trong menu **Hiệu chỉnh màu**, chọn **Thủ công**.
- 3 Trong menu **Nội dung hiệu chỉnh màu**, chọn cài đặt chuyển đổi màu phù hợp.

Loại đối tượng	Bảng chuyển đổi màu
Ảnh RGB Chữ RGB Đồ họa RGB	<ul style="list-style-type: none"> • Sống động - Tạo ra màu sáng hơn, bão hòa hơn và có thể áp dụng cho tất cả các định dạng màu vào. • sRGB Display—Tạo ra đầu ra đúng với màu sắc hiển thị trên màn hình máy tính. Tối ưu hóa sử dụng mực đen để in ảnh. • Hiển thị—đúng màu đen—Tạo ra đầu ra đúng với màu sắc hiển thị trên màn hình máy tính. Cài đặt này chỉ sử dụng mực đen để tạo ra tất cả cấp độ màu xám trung tính. • sRGB Vivid—Cung cấp độ bão hòa màu tăng lên để hiệu chỉnh màu của sRGB Display. Tối ưu hóa sử dụng mực đen để in đồ thị kinh doanh. • Tắt
Ảnh CMYK Chữ CMYK Đồ họa CMYK	<ul style="list-style-type: none"> • CMYK Hoa Kỳ—Áp dụng hiệu chỉnh màu gần đúng với Thông số kỹ thuật cho đầu ra màu Web Offset Publishing (SWOP). • CMYK Châu Âu—Áp dụng hiệu chỉnh màu gần đúng với đầu ra màu theo thang Châu Âu. • CMYK sống động—Tăng độ bão hòa màu của cài đặt hiệu chỉnh màu CMYK Hoa Kỳ. • Tắt

Câu hỏi thường gặp về in màu

Màu RGB là gì?

Màu RGB là phương pháp mô tả màu sắc bằng cách cho biết lượng màu đỏ, xanh lá cây hoặc xanh dương được dùng để tạo ra màu nhất định. Có thể thêm ánh đỏ, xanh lá cây và xanh dương ở nhiều mức độ khác nhau để tạo ra nhiều màu sắc đa dạng có thể quan sát được trong tự nhiên. Màn hình máy tính, máy quét, và máy ảnh kỹ thuật số sử dụng phương pháp này để hiển thị màu sắc.

Màu CMYK là gì?

Màu CMYK là phương pháp mô tả màu sắc bằng cách cho biết lượng màu lục lam, đỏ tím, vàng và đen được dùng để tái tạo một màu cụ thể. Bạn có thể in mực hoặc bột mực CMYK theo lượng khác nhau để tạo ra nhiều màu sắc đa dạng có trong tự nhiên. Máy in ép, máy in phun, và máy in laze màu tạo ra màu theo cách này.

Màu được xác định trong tài liệu cần in như thế nào?

Chúng tôi sử dụng các chương trình phần mềm để xác định và sửa đổi màu tài liệu bằng tổ hợp màu RGB hoặc CMYK. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem các chủ đề Trợ giúp về chương trình phần mềm.

Làm sao máy in biết cần in màu nào?

Khi in tài liệu, thông tin mô tả loại và màu sắc của từng đối tượng sẽ được gửi đến máy in. Sau đó, thông tin được chuyển qua các bảng chuyển đổi màu. Màu được chuyển thành lượng mực CMYK phù hợp dùng để tạo ra màu bạn muốn. Thông tin đối tượng xác định việc áp dụng bảng chuyển đổi màu. Ví dụ: bạn có thể áp dụng một loại bảng chuyển đổi màu cho văn bản và áp dụng bảng chuyển đổi màu khác cho ảnh.

Hiệu chỉnh màu thủ công là gì?

Khi bật hiệu chỉnh màu thủ công, máy in sẽ sử dụng các bảng chuyển đổi màu do người dùng chọn để xử lý đối tượng. Cài đặt hiệu chỉnh màu thủ công dành riêng cho loại đối tượng đang được in (văn bản, đồ thị hoặc hình ảnh). Đồng thời cũng dành riêng cho cách xác định màu của đối tượng trong chương trình phần mềm (tổ hợp RGB hoặc CMYK). Để áp dụng thủ công một bảng chuyển đổi màu khác, vui lòng xem [“Sửa đổi màu trong bản in” trên trang 514](#).

Nếu chương trình phần mềm không xác định màu bằng tổ hợp RGB hoặc CMYK, hiệu chỉnh màu thủ công sẽ không hữu dụng. Đồng thời cũng không hiệu quả nếu chương trình phần mềm hoặc hệ điều hành của máy tính kiểm soát điều chỉnh màu sắc. Trong hầu hết các trường hợp, cài đặt Hiệu chỉnh màu thành Tự động sẽ tạo ra màu ưa thích cho tài liệu.

Làm thế nào để tôi có thể đối sánh một màu cụ thể (chẳng hạn như logo công ty)?

Menu **Chất lượng** cung cấp sẵn chín kiểu bộ **Mẫu màu**. Ngoài ra, bạn có thể truy cập những bộ này từ trang **Mẫu màu** của Máy chủ web nhúng. Khi chọn bộ mẫu bất kỳ sẽ tạo ra các bản in nhiều trang bao gồm hàng trăm hộp màu. Mỗi hộp sẽ chứa tổ hợp CMYK hoặc RGB, tùy thuộc vào bảng được chọn. Bạn có thể lấy màu quan sát được của mỗi hộp bằng cách chuyển tổ hợp CMYK hoặc RGB được dán nhãn trên hộp.

Khi kiểm tra bộ **Mẫu màu**, bạn có thể xác định được hộp có màu gần với màu được đối chiếu nhất. Sau đó, bạn có thể sử dụng tổ hợp màu trên nhãn hộp để sửa đổi màu đối tượng trong chương trình phần mềm. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem các chủ đề Trợ giúp về chương trình phần mềm. Có thể cần phải hiệu chỉnh màu thủ công để sử dụng bảng chuyển đổi màu đã chọn cho đối tượng cụ thể.

Việc lựa chọn bộ **Mẫu màu** nào để sử dụng cho một trường hợp đối sánh màu cụ thể phụ thuộc vào:

- Cài đặt **Hiệu chỉnh màu** đang được sử dụng (**Tự động**, **Tắt**, hoặc **Thủ công**).
- Loại đối tượng đang được in (văn bản, đồ họa hoặc hình ảnh).
- Cách xác định màu của đối tượng trong chương trình phần mềm (tổ hợp RGB hoặc CMYK).

Nếu chương trình phần mềm không xác định màu bằng tổ hợp RGB hoặc CMYK, trang **Mẫu màu** sẽ không còn hữu ích. Một số chương trình phần mềm điều chỉnh tổ hợp RGB hoặc CMYK được xác định trong chương trình thông qua quản lý màu. Trong những trường hợp này, màu được in có thể không khớp chính xác với trang **Mẫu màu**.

Bản in bị nhuộm màu

Hãy thử một hoặc nhiều cách sau đây:

- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Quét ảnh nâng cao**, rồi chọn **Điều chỉnh màu**.
- Từ bảng điều khiển, điều hướng đến **Cài đặt > In > Chất lượng > Quét ảnh nâng cao**, chọn **Cân bằng màu** và điều chỉnh cài đặt.

Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với bộ phận [hỗ trợ khách hàng](#).

Liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng

Trước khi liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng, hãy đảm bảo đã thu thập những thông tin sau:

- Sự cố máy in
- Thông báo lỗi
- Số sê-ri và loại model máy in

Truy cập <https://support.lexmark.com> để nhận email hoặc hỗ trợ trò chuyện hoặc duyệt qua thư viện hướng dẫn sử dụng, tài liệu hỗ trợ, trình điều khiển và các bản tải xuống khác.

Hỗ trợ kỹ thuật qua điện thoại cũng có sẵn. Tại Hoa Kỳ hoặc Canada, vui lòng gọi số 1-800-539-6275. Đối với các quốc gia hoặc khu vực khác, hãy chuyển đến [danh bạ liên hệ hỗ trợ quốc tế](#).

Tái chế và thải bỏ

Tái chế sản phẩm Lexmark

- 1 Truy cập www.lexmark.com/recycle.
- 2 Chọn quốc gia hoặc khu vực của bạn.
- 3 Chọn chương trình tái chế.

Tái chế bao bì của Lexmark

Lexmark không ngừng nỗ lực giảm thiểu bao bì. Việc sử dụng ít bao bì hơn giúp đảm bảo máy in Lexmark được vận chuyển theo cách hiệu quả nhất và thân thiện nhất với môi trường, đồng thời ít phải thải bỏ bao bì hơn. Cách hiệu quả này giúp giảm khí thải nhà kính, tiết kiệm năng lượng và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. Lexmark cũng cung cấp dịch vụ tái chế các thành phần bao bì ở một số quốc gia hoặc khu vực. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập www.lexmark.com/recycle.

Thùng các-tông Lexmark có thể được tái chế 100% tại các cơ sở tái chế bao bì dạng uốn nếp. Các cơ sở này có thể không tồn tại trong khu vực của bạn.

Miếng xốp dùng trong bao bì của Lexmark có thể được tái chế tại các cơ sở tái chế xốp. Các cơ sở này có thể không tồn tại trong khu vực của bạn.

Khi gửi lại hộp mực đến Lexmark, bạn có thể tái sử dụng chiếc hộp chứa hộp mực. Lexmark tái chế chiếc hộp đó.

Thông báo

Thông tin sản phẩm

Tên sản phẩm:

Lexmark CX833se, Lexmark CX833xse; Lexmark CX961se, Lexmark CX961tse; Lexmark CX962se, Lexmark CX962tse; Lexmark CX963se, Lexmark CX963xse; Lexmark XC8355; Lexmark XC9635; Lexmark XC9645; Lexmark XC9655 MFPs

Loại máy:

7566

Model:

688, 698

Thông báo phiên bản

Tháng 6 năm 2024

Đoạn sau đây không áp dụng cho bất kỳ quốc gia nào có các điều khoản không phù hợp với luật pháp địa phương: LEXMARK INTERNATIONAL, INC., CUNG CẤP ẢN PHẨM NÀY "NGUYÊN TRẠNG" VÀ KHÔNG BẢO ĐẢM DƯỚI MỌI HÌNH THỨC, DÙ LÀ RÕ RÀNG HOẶC NGỤ Ý, BAO GỒM, NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN ĐỐI VỚI CÁC BẢO ĐẢM NGỤ Ý VỀ KHẢ NĂNG BÁN ĐƯỢC HOẶC TÍNH PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ. Một số bang không cho phép tuyên bố từ chối bảo đảm rõ ràng hoặc ngụ ý trong một số giao dịch nhất định; do đó, tuyên bố này có thể không áp dụng cho bạn.

Ấn phẩm này có thể có nhiều sai sót về kỹ thuật hoặc lỗi in. Các thay đổi được thực hiện định kỳ đối với thông tin trong tài liệu này sẽ được đưa vào các phiên bản sau. Mọi cải tiến hoặc thay đổi đối với sản phẩm hoặc chương trình được mô tả có thể được thực hiện vào bất kỳ lúc nào.

Mọi tham chiếu trong ấn phẩm này đến các sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ không ngụ ý rằng nhà sản xuất dự định cung cấp chúng ở tất cả quốc gia mà nhà sản xuất hoạt động. Mọi tham chiếu đến sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ không nhằm nêu rõ hoặc ngụ ý rằng chỉ có thể sử dụng sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ đó. Thay vào đó, mọi sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ tương đương về chức năng không vi phạm bất kỳ quyền sở hữu trí tuệ hiện hữu nào cũng có thể được sử dụng. Người dùng chịu trách nhiệm đánh giá và xác minh hoạt động cùng với các sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ khác, ngoại trừ những sản phẩm, chương trình hoặc dịch vụ được chỉ định rõ ràng bởi nhà sản xuất.

Để nhận hỗ trợ kỹ thuật của Lexmark, hãy truy cập trang <http://support.lexmark.com>.

Để biết thông tin về chính sách bảo mật của Lexmark chi phối việc sử dụng sản phẩm này, hãy truy cập trang www.lexmark.com/privacy.

Để biết thông tin về vật tư và các bản tải xuống, hãy truy cập trang www.lexmark.com.

© 2024 Lexmark International, Inc.

Tất cả các quyền được bảo lưu.

Thương hiệu

Lexmark, logo Lexmark và MarkNet là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Lexmark International, Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Gmail, Android, Google Play và Google Chrome là các thương hiệu của Google LLC.

Macintosh, macOS, Safari và AirPrint là các thương hiệu của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. iCloud là nhãn hiệu dịch vụ của Apple Inc., được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Việc sử dụng huy hiệu Hoạt động với Apple có nghĩa là phụ kiện đã được thiết kế để hoạt động cụ thể với công nghệ được xác định trong huy hiệu và đã được nhà phát triển chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn về hiệu suất của Apple.

Microsoft, Internet Explorer, Microsoft 365, Microsoft Edge, Outlook và Windows là các thương hiệu của tập đoàn Microsoft.

Nhãn từ Mopria™ là thương hiệu đã đăng ký và/hoặc chưa đăng ký của Mopria Alliance, Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Nghiêm cấm sử dụng trái phép.

PCL® là thương hiệu đã đăng ký của Hewlett-Packard Company. PCL là tên gọi của Hewlett-Packard Company về một bộ lệnh máy in (ngôn ngữ) và các chức năng có trong các sản phẩm máy in của công ty. Máy in này được sản xuất để tương thích với ngôn ngữ PCL. Điều này có nghĩa là máy in nhận các lệnh PCL sử dụng trong các chương trình ứng dụng khác nhau và máy in mô phỏng các chức năng tương ứng với các lệnh.

PostScript là thương hiệu đã đăng ký của Adobe Systems Incorporated tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Wi-Fi® và Wi-Fi Direct® là các thương hiệu đã đăng ký của Wi-Fi Alliance®.

Tất cả thương hiệu khác là tài sản của chủ sở hữu tương ứng.

Thông báo cấp phép

Có thể xem tất cả thông báo cấp phép liên quan đến sản phẩm này từ thư mục CD:\NOTICES của CD phần mềm cài đặt.

Mức độ phát ra tiếng ồn

Các phép đo sau đây được thực hiện theo ISO 7779 và được báo cáo phù hợp với ISO 9296.




Lưu ý: Một số chế độ có thể không áp dụng cho sản phẩm của bạn.

Áp suất âm thanh trung bình 1 mét, dBA	
In	Một mặt: 51 (CX833, CX963, XC8355, XC9655); 46 (CX961, XC9635); 50 (CX962, XC9645) Hai mặt: 52 (CX833, CX963, XC8355, XC9655); 48 (CX961, XC9635); 51 (CX962, XC9645)
Quét	50
Sao chép	52
Sẵn sàng	15

Giá trị có thể thay đổi. Vui lòng xem www.lexmark.com để biết giá trị hiện tại.

Environmental labeling for packaging

Per Commission Regulation Decision 97/129/EC Legislative Decree 152/2006, the product packaging may contain one or more of the following symbols.

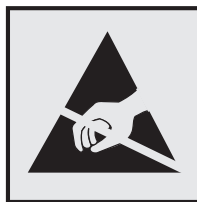
	<p>This symbol indicates that the packaging may contain corrugated fiberboard.</p>
	<p>This symbol indicates that the packaging may contain non-corrugated fiberboard.</p>
	<p>This symbol indicates that the packaging may contain paper.</p>

For more information, go to www.lexmark.com/recycle, and then choose your country or region. Information on available packaging recycling programs is included with the information on product recycling.

Thải bỏ sản phẩm

Không vứt bỏ máy in hoặc vật tư giống như rác thải sinh hoạt thông thường. Tham vấn chính quyền địa phương để có phương án xử lý và tái chế.

Thông báo độ nhạy tĩnh



Biểu tượng này xác định các bộ phận có độ nhạy tĩnh. Không chạm vào các khu vực gần những biểu tượng này khi chưa chạm vào bề mặt kim loại trước trong khu vực cách xa biểu tượng.

Để tránh hư hỏng do phóng tĩnh điện khi thực hiện nhiệm vụ bảo trì như gỡ giấy kẹt hoặc thay thế vật tư, hãy chạm vào mọi khung kim loại hở của máy in trước khi tiếp cận hoặc chạm vào các khu vực bên trong máy in ngay cả khi không có biểu tượng này.

ENERGY STAR

Bất kỳ sản phẩm Lexmark nào có biểu tượng ENERGY STAR® trên sản phẩm hoặc trên màn hình khởi động đều được chứng nhận tuân thủ các yêu cầu về ENERGY STAR của Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA) kể từ ngày sản xuất.



Thông tin nhiệt độ

Nhiệt độ hoạt động và độ ẩm tương đối (RH) ¹	10 đến 32,2°C (50 đến 90°F) và 15 đến 80% RH 15,6 đến 32,2°C (60 đến 90°F) và 8 đến 80% RH Nhiệt độ bầu ướt tối đa ² : 22,8°C (73°F) Môi trường không ngưng tụ
Bảo quản dài hạn máy in / hộp mực / hộp quang ²	15,6 đến 32,2°C (60 đến 90°F) và 8 đến 80% RH Nhiệt độ bầu ướt tối đa ² : 22,8°C (73°F)
Vận chuyển ngắn hạn máy in/hộp mực/hộp quang ³	-40 đến 40°C (-40 đến 104°F)
<p>¹ Trong một số trường hợp, bạn cần đo thông số kỹ thuật về hiệu suất (chẳng hạn như mức sử dụng hộp mực và tốc độ in trang đầu tiên) ở môi trường văn phòng tiêu chuẩn khoảng 22,2°C (72°F) và 45% RH.</p> <p>² Thời hạn sử dụng vật tư là khoảng 2 năm. Thời hạn này dựa trên điều kiện bảo quản trong môi trường văn phòng tiêu chuẩn ở 22°C (72°F) và độ ẩm 45%.</p> <p>³ Nhiệt độ bầu ướt được xác định bởi nhiệt độ không khí và độ ẩm tương đối.</p>	

Thông báo laser

Máy in được chứng nhận tại Hoa Kỳ tuân thủ các yêu cầu của DHHS 21 CFR, Chương I, Tiểu chương J cho các sản phẩm laser Loại I (1) và tại các nơi khác được chứng nhận là sản phẩm laser tiêu dùng Loại I tuân thủ các yêu cầu của IEC 60825-1:2014, EN 60825-1:2014+A11:2021 và EN 50689:2021.

Các sản phẩm laser Loại I không được xem là nguy hiểm. Hệ thống laser và máy in được thiết kế để con người không bao giờ tiếp cận với bức xạ laser trên mức Loại I trong khi vận hành thông thường, người dùng bảo trì, hoặc trong các điều kiện dịch vụ quy định. Máy in có bộ đầu in không khả dụng chứa laser có thông số kỹ thuật như sau:

Loại: IIIb (3b) AlGaAs

Công suất định danh (milliwatt): 25

Bước sóng (nanomet): 770–800

Mức tiêu thụ điện

Mức tiêu thụ điện của sản phẩm

Bảng dưới đây ghi lại đặc tính tiêu thụ điện của sản phẩm.

Lưu ý: Một số chế độ có thể không áp dụng cho sản phẩm của bạn.

Chế độ	Mô tả	Mức tiêu thụ điện (Watt)
In	Sản phẩm tạo ra bản sao cứng từ nguồn đầu vào điện tử.	Một mặt: 812 (CX833, CX963, XC8355, XC9655); 580 (CX961, XC9635); 695 (CX962, XC9645) Hai mặt: 780 (CX833, CX963, XC8355, XC9655); 555 (CX961, XC9635); 670 (CX962, XC9645)
Sao chép	Sản phẩm tạo ra bản sao cứng từ tài liệu gốc bản cứng.	940 (CX833, CX963, XC8355, XC9655); 669 (CX961, XC9635); 784 (CX962, XC9645)
Quét	Sản phẩm đang quét các tài liệu bản cứng.	99 (CX833, CX963, XC8355, XC9655); 101 (CX961, XC9635); 98 (CX962, XC9645)
Sẵn sàng	Sản phẩm đang chờ lệnh in.	47,5 (CX833, CX963, XC8355, XC9655); 48 (CX961, XC9635); 44 (CX962, XC9645)
Chế độ ngủ	Sản phẩm đang ở chế độ tiết kiệm năng lượng mức cao.	1,2
Ngủ đông	Sản phẩm đang ở chế độ tiết kiệm năng lượng mức thấp.	0,2
Tắt	Sản phẩm được cắm vào ổ cắm điện, nhưng công tắc nguồn đã tắt.	0,2

Các mức tiêu thụ điện được liệt kê trong bảng trước đó thể hiện phép đo trung bình theo thời gian. Mức rút điện tức thời có thể cao hơn đáng kể so với mức trung bình.

Giá trị có thể thay đổi. Vui lòng xem www.lexmark.com để biết giá trị hiện tại.

Chế độ ngủ

Sản phẩm này được thiết kế với chế độ tiết kiệm năng lượng gọi là *Chế độ ngủ*. Chế độ ngủ tiết kiệm năng lượng bằng cách giảm mức tiêu thụ điện trong thời gian dài không hoạt động. Chế độ ngủ được tự động kích hoạt sau khi sản phẩm không được sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định, được gọi là *Thời gian chờ chế độ ngủ*.

Thời gian chờ chế độ ngủ mặc định gốc cho sản phẩm này (tính bằng phút):	15
--	----

Bằng cách sử dụng menu cấu hình, bạn có thể thay đổi Thời gian chờ của chế độ ngủ trong khoảng từ 1 phút đến 120 phút, hoặc từ 1 phút đến 114 phút, tùy vào kiểu máy in. Nếu tốc độ in từ 30 trang/phút trở xuống, bạn chỉ có thể đặt thời gian chờ tối đa là 60 phút hoặc 54 phút, tùy vào kiểu máy in. Cài đặt Thời gian chờ chế độ ngủ ở giá trị thấp sẽ giảm mức tiêu thụ năng lượng, nhưng có thể tăng thời gian phản hồi của sản phẩm. Cài đặt Thời gian chờ chế độ ngủ ở giá trị cao duy trì phản hồi nhanh, nhưng sử dụng nhiều năng lượng hơn.

Một số mẫu máy hỗ trợ *Chế độ ngủ sâu* giúp giảm hơn nữa mức tiêu thụ điện năng sau một khoảng thời gian dài máy in không hoạt động.

Chế độ ngủ đông

Sản phẩm này được thiết kế với chế độ hoạt động tiêu thụ điện năng cực thấp được gọi là *Chế độ ngủ đông*. Khi hoạt động ở Chế độ ngủ đông, tất cả hệ thống và thiết bị khác đều được tắt nguồn an toàn.

Có thể bật Chế độ ngủ đông bằng bất kỳ phương pháp nào dưới đây:

- Sử dụng Thời gian chờ ngủ đông
- Sử dụng Lên lịch chế độ nguồn

Thời gian chờ ngủ đông mặc định gốc cho sản phẩm này ở tất cả quốc gia hoặc khu vực	3 ngày
---	--------

Khoảng thời gian máy in chờ sau khi đã in lệnh in trước khi máy in chuyển sang Chế độ ngủ đông có thể được sửa đổi trong khoảng từ một giờ cho đến một tháng.

Lưu ý về các sản phẩm thiết bị quét ảnh đã đăng ký EPEAT:

- Mức công suất dự phòng xảy ra ở chế độ Ngủ đông hoặc Tắt.
- Sản phẩm sẽ tự động giảm nguồn đến mức công suất dự phòng là ≤ 1 W. Chức năng tự động dự phòng (Ngủ đông hoặc Tắt) sẽ được kích hoạt khi vận chuyển sản phẩm.

Chế độ tắt

Nếu sản phẩm này có chế độ tắt mà vẫn tiêu thụ một lượng điện nhỏ, hãy ngắt kết nối dây nguồn khỏi ổ cắm điện để dừng hoàn toàn mức tiêu thụ điện của sản phẩm.

Tổng mức sử dụng năng lượng

Việc ước tính tổng mức sử dụng năng lượng của sản phẩm đôi lúc sẽ rất hữu ích. Vì công bố mức tiêu thụ điện năng được đưa ra theo đơn vị công suất là Watts, nên mức tiêu thụ điện năng phải được nhân với thời gian sử dụng sản phẩm ở mỗi chế độ để tính toán mức sử dụng năng lượng. Tổng mức sử dụng năng lượng của sản phẩm là tổng mức sử dụng năng lượng của từng chế độ.

Thông báo pháp lý về các sản phẩm không dây

Phần này chứa thông tin quy định chỉ áp dụng cho các kiểu máy không dây.

Nếu bạn không chắc rằng kiểu máy của bạn có phải là kiểu máy không dây hay không, hãy truy cập <http://support.lexmark.com>.

Thông báo thành phần mô-đun

Các kiểu máy không dây có thành phần mô-đun sau đây:

Lexmark MarkNet N8450 / AzureWave AW-CM467-SUR; FCC ID:TLZ-CM467; IC:6100A-CM467

Để xác định thành phần mô-đun nào được lắp đặt trong một sản phẩm cụ thể, hãy tham khảo nhãn trên sản phẩm thực tế của bạn.

Tiếp xúc với bức xạ tần số vô tuyến

Công suất đầu ra bức xạ phát ra của thiết bị này thấp hơn nhiều so với giới hạn tiếp xúc tần số vô tuyến của FCC và các cơ quan quản lý khác. Phải duy trì khoảng cách tối thiểu là 20 cm (8 inch) giữa ăng-ten và bất kỳ người nào cho thiết bị này để đáp ứng các yêu cầu tiếp xúc RF của FCC và các cơ quan quản lý khác.

Thông báo nhiễu sóng vô tuyến

Cảnh báo

Đây là sản phẩm tuân thủ các yêu cầu phát thải thuộc giới hạn EN 55032 Loại A và các yêu cầu miễn nhiễm EN 55035. Sản phẩm này không được thiết kế để sử dụng trong môi trường dân cư/trong nhà.

Đây là sản phẩm Loại A. Trong môi trường trong nhà, sản phẩm này có thể gây nhiễu sóng vô tuyến, và trong trường hợp này, người dùng có thể cần phải thực hiện đầy đủ các biện pháp.

Ký hiệu

Â

âm lượng loa
điều chỉnh 67
âm lượng tai nghe, điều
chỉnh 67

B

bàn phím trên màn hình
sử dụng 67
báo cáo biến động 249
báo cáo in 361
biểu mẫu in sẵn
chọn 17
biểu tượng màn hình chính 13
bóng ảnh 437
bản in bị cong 441
bản in bị nhiều đốm và dấu
chấm 440
bản in bị nhuộm màu 515
bản in nhạt 438
bản in tối màu 436
bản sao một phần của tài liệu
hoặc ảnh 511
bảng điều khiển
sử dụng 13
bảo mật dữ liệu máy in 249
bảo quản giấy 17
bảo quản vật tư 420
bật chế độ Phóng to 67
bật cổng USB 450
bệ đỡ hộp ghim
thay thế 410
bộ bảo trì bộ sấy
đặt mua 364
bộ chèn khay
thay thế 386
bộ hoàn thiện dập ghim
lắp 124
sử dụng 356
bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ
lắp 154, 170
sử dụng 356
bộ hoàn thiện tập sách
lắp 205
sử dụng 358
Bộ nhớ bất biến 249
bộ nhớ bất biến
xóa 249

bộ nhớ flash bị lỗi 503
bộ nhớ khả biến 249
xóa 249
bộ nhớ máy in
xóa 249
bộ phận hỗ trợ khách hàng 515
bộ phận vận chuyển giấy
lắp 154
bộ quang màu
thay thế 374
đặt mua 364
bộ sấy
thay thế 383
bộ đếm mức sử dụng vật tư
đặt lại 411, 504

C

các bộ phận và vật tư chính
hãng 362
các bộ phận và vật tư chính
hãng Lexmark 362
các đường kẻ ngang đậm 444
các đường tối dọc trên bản
in 445
cài đặt chức năng fax
sử dụng etherFAX 69
cài đặt máy chủ email
thiết lập cấu hình 259
cài đặt máy in
khôi phục cài đặt mặc định
gốc 249
cài đặt mặc định gốc
khôi phục 249
cài đặt phần mềm máy in 89
cài đặt SMTP
thiết lập cấu hình 259
cài đặt trình điều khiển fax 89
cài đặt trình điều khiển in 89
cài đặt tùy chọn nội bộ
thẻ fax 230
chuyển tiếp fax 269
chạy trình chiếu 60
chất lượng bản quét kém 511
chất lượng bản sao kém 511
chất lượng in
vệ sinh máy quét 412
chất lượng in fax kém 509
chặn fax rác 268

chế độ Ngủ
thiết lập cấu hình 419
chế độ Ngủ đông
thiết lập cấu hình 419
chế độ Phóng to
bật 67
chế độ tiết kiệm điện
thiết lập cấu hình 419
chỉ số đồng hồ, xem 361
chỉ định kiểu chuông cho máy
in 75
chọn vị trí
cho máy in 58
chức năng email
thiết lập 259
chữ bị răng cưa khi quét
ADF 512
công cụ vệ sinh kính
thay thế 399
cảnh báo email
thiết lập 360
cấu hình máy in 10
cập nhật phần mềm cơ sở
sử dụng bảng điều khiển 92
sử dụng Máy chủ web
nhúng 92
cổng Ethernet 59
cổng giải pháp nội bộ
lắp 239
cổng giải pháp nội bộ không
hoạt động đúng 502
cổng máy in 59
cổng USB 59
bật 450
cử chỉ trên màn hình 63
cử chỉ trên màn hình cảm
ứng 63

D

danh sách mẫu phong chữ
in 255
danh sách thư mục
in 255
di chuyển máy in 58, 420
dấu chấm trên trang đã in 440
dấu trang
tạo 61

dập ghim
 các tờ in 356
 tài liệu sao chép 356
 dập ghim các tờ in 356
 Dịch vụ in Mopria 251
 dịch vụ kiểu chuông riêng 75

E

email
 gửi 266
 etherFAX
 cài đặt chức năng fax 69

F

fax
 chuyển tiếp 269
 tạm dừng 268
 fax analog
 thiết lập 68
 fax rác
 chặn 268
 fax đã nhận
 tạm dừng 268
 fax, gửi 267
 fax, lập lịch 267

G

giấy
 biểu mẫu in sẵn 17
 chọn 15
 giấy tiêu đề 17
 tái chế 16
 giấy bị quăn 505
 giấy không được hỗ trợ 16
 giấy tái chế
 sử dụng 16
 giấy thường xuyên bị kẹt 506
 giấy tiêu đề
 chọn 17
 sao chép 256
 gấp bản in 359
 gấp tài liệu sao chép 359
 gửi email 266
 gửi fax 267
 cài đặt ngày và giờ 75

H

hình ảnh bị cắt bỏ trong bản
 in 442
 hình ảnh bị răng cưa khi quét
 ADF 512

hình ảnh đen 441
 hiệu chỉnh màu 514
 hiệu chỉnh màu thủ công 514
 Hướng dẫn bằng giọng nói
 hủy kích hoạt 63
 kích hoạt 62
 điều chỉnh tốc độ nói 67
 hướng dẫn về giấy 15
 hộp ghim
 thay thế 402, 405, 407
 đặt mua 364
 hộp mực
 thay thế 365
 đặt mua 362
 hộp mực thải
 thay thế 381
 đặt mua 364
 hộp mực, khu vực máy in không
 khớp 503
 hộp quang đen
 thay thế 367
 đặt mua 364
 hộp đục lỗ
 làm rỗng 418
 thay thế 393
 hủy kích hoạt Hướng dẫn bằng
 giọng nói 63
 hủy kích hoạt mạng Wi-Fi 248
 hủy liên kết các khay 88
 hủy liên kết khay 88
 hủy lệnh in 255

I

in
 danh sách mẫu phong chữ 255
 danh sách thư mục 255
 lệnh in bảo mật 254
 lệnh đã tạm dừng 254
 sử dụng Dịch vụ in Mopria 251
 sử dụng Wi-Fi Direct 252
 Trang cài đặt menu 355
 từ máy tính 251
 từ thiết bị di động 251, 252
 từ ổ flash 252
 in bản sao theo bộ 257
 in bị lệch 441
 in chậm 449
 in màu 514
 in nhật ký fax 268
 in nối tiếp
 thiết lập 248

in tài liệu
 từ thiết bị di động 251
 in theo bộ không hoạt động 505

K

Khay 1500 tờ
 lắp 118
 nạp 82
 Khay 2 x 550 tờ
 lắp 99
 Khay 550 tờ
 lắp 93
 nạp 76
 khay mở rộng ngăn giấy trên của
 bộ hoàn thiện tập sách
 thay thế 391
 khay song song 2000 tờ
 lắp 105
 nạp 79
 khe bảo mật
 xác định vị trí 15
 không hiển thị mã người gọi 507
 không in được các tài liệu đã tạm
 dừng 448
 không in được tài liệu mật 448
 không phát hiện tùy chọn nội
 bộ 502
 không thể gửi email 507
 không thể gửi fax bằng cách sử
 dụng fax analog 508
 không thể gửi hoặc nhận fax
 bằng cách sử dụng
 etherFAX 509
 không thể gửi hoặc nhận fax
 bằng cách sử dụng fax
 analog 507
 không thể gửi trang bìa fax từ
 máy tính 509
 không thể kết nối máy in với Wi-
 Fi 501
 không thể mở Máy chủ Web
 nhúng 501
 không thể nhận fax bằng cách
 sử dụng fax analog 508
 không thể phát hiện tùy chọn nội
 bộ 502
 không thể quét vào máy
 tính 510
 không thể quét vào thư mục
 mạng 510
 không thể thiết lập
 etherFAX 508

- không thể đọc ổ flash 450
 Không đủ dung lượng trống trong bộ nhớ flash để chứa tài nguyên 503
 khắc phục sự cố
 bản in bị nhuộm màu 515
 bộ nhớ flash bị lỗi 503
 chữ bị răng cưa khi quét ADF 512
 cổng giải pháp nội bộ 502
 hình ảnh bị răng cưa khi quét ADF 512
 không thể kết nối máy in với Wi-Fi 501
 không thể mở Máy chủ Web nhúng 501
 lệnh quét không thành công 512
 lỗi Máy chủ SMTP không được thiết lập 506
 thẻ giao diện nối tiếp 503
 thẻ giao diện song song 503
 khổ giấy
 được hỗ trợ 18, 20, 22, 30, 36, 45
 khổ giấy được hỗ trợ 18, 20, 22, 30, 36, 45
 kích hoạt Hướng dẫn bằng giọng nói 62
 kích thước bản sao điều chỉnh 257
 kiểm tra kết nối mạng 248
 kiểm tra, trạng thái vật tư 360
 kẹt giấy
 khay 2 x 550 tờ 459
 tránh 450
 trong bộ hoàn thiện dập ghim 466
 trong khay 1500 tờ 461
 trong khay 2000 tờ 461
 trong khay nạp tài liệu tự động 456
 trong tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy 468
 xác định vị trí 451
 kẹt giấy trong bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ 471
 kẹt giấy trong bộ hoàn thiện tập sách 482
 kẹt giấy trong bộ sấy 462
 kẹt giấy trong bộ đảo mặt 462
 kẹt giấy trong khay 550 tờ 454
 kẹt giấy trong khay nạp giấy đa năng 458
 kẹt giấy trong khay tiêu chuẩn 453
 kẹt giấy trong ngăn giấy chuẩn 466
 kẹt giấy ở cửa B 462
 kẹt, giấy
 tránh 450
 kết nối máy in với dịch vụ kiểu chuông riêng 75
 kết nối máy in với mạng kiểm tra 248
 kết nối máy in với mạng không dây 245
 kết nối máy in với Wi-Fi 245
 kết nối máy tính với máy in 247
 kết nối mạng không dây 245
 kết nối thiết bị di động với máy in 247
 kết nối với máy in sử dụng Wi-Fi Direct 247
 kết nối với mạng không dây sử dụng phương thức mã PIN 246
 sử dụng phương thức Nút nhấn 246
 kệ để bàn phím
 lắp 226
- L**
 làm rỗng hộp đục lỗ 418
 làm tập sách 358
 lên lịch fax 267
 Lexmark Print sử dụng 251
 Lexmark ScanBack Utility 270
 liên hệ bộ phận hỗ trợ khách hàng 515
 liên kết các khay 88
 liên kết khay 88
 liên kết khay không hoạt động 506
 loa fax
 đặt cấu hình cài đặt 75
 loại bỏ kẹt giấy
 khay 2 x 550 tờ 459
 trong bộ hoàn thiện dập ghim 466
 trong bộ hoàn thiện dập ghim, dập lỗ 471
- trong bộ hoàn thiện tập sách 482
 trong bộ sấy 462
 trong bộ đảo mặt 462
 trong khay 1500 tờ 461
 trong khay 550 tờ 454
 trong khay nạp giấy đa năng 458
 trong khay nạp tài liệu tự động 456
 trong khay song song 2000 tờ 461
 trong khay tiêu chuẩn 453
 trong ngăn giấy chuẩn 466
 trong tùy chọn vận chuyển giấy kết hợp với gấp giấy 468
 loại giấy
 được hỗ trợ 52
 loại giấy được hỗ trợ 52
 loại tập tin được hỗ trợ 57
 lưu trữ lệnh in 253
 lắp
 bộ hoàn thiện tập sách 190
 bộ phận vận chuyển giấy 190
 lắp kệ để bàn phím 226
 lắp đặt bộ hoàn thiện dập ghim 124
 lắp đặt bộ hoàn thiện tập sách 190
 lắp đặt bộ phận vận chuyển giấy 190
 lắp đặt các tùy chọn cổng giải pháp nội bộ 239
 lắp đặt khay 1500 tờ 118
 lắp đặt khay 2 x 550 tờ 99
 lắp đặt khay 550 tờ 93
 lắp đặt khay song song 2000 tờ 105
 lắp đặt ngăn xếp offset 135
 lắp đặt tủ 112
 lề không chính xác 438
 lệnh in
 hủy 255
 lệnh in bảo mật in 254
 thiết lập cấu hình 253
 lệnh in chưa in 448
 lệnh in không in 448
 lệnh in trên giấy không phù hợp 448
 lệnh in tạm dừng 253
 lệnh in từ khay sai 448

lệnh quét không thành công 512
 lệnh đã tạm dừng
 in 254
 thiết lập cấu hình 253
 lỗ dập
 trong các tờ in 356
 lỗi in lặp lại 447
 lỗi Máy chủ SMTP không được
 thiết lập
 tắt 506

M

mã lỗi 422
 mã lỗi máy in 422
 mã số nhận dạng cá nhân
 bật 68
 màn hình cảm ứng, vệ sinh 412
 máy chủ fax, sử dụng
 cài đặt chức năng fax 69
 máy chủ FTP
 quét vào 271
 máy in
 chọn vị trí cho 58
 khoảng hở tối thiểu 58
 máy in không phản hồi 449
 máy in, vệ sinh 411
 máy quét
 vệ sinh 412
 máy quét không phản hồi 513
 máy quét không đóng lại
 được 512
 máy tính, quét vào 270
 máy trả lời
 thiết lập 70
 menu
 802.1x 340
 Bảng điều khiển từ xa 277
 Bố cục 289
 Cài đặt giải pháp LDAP 351
 Cài đặt HTTP/FTP 342
 Cài đặt mặc định email 317
 Cài đặt mặc định FTP 322
 Cài đặt mặc định sao chép 299
 Chia sẻ dữ liệu với
 Lexmark 281
 Chất lượng 292
 Chế độ fax 303
 Chế độ tiết kiệm 277
 Cấu hình giấy 298
 Cấu hình khay 297
 Cấu hình LPD 341
 Cấu hình ngăn giấy 299

Cập nhật phần mềm cơ sở 288
 Ethernet 336
 Fax 353
 Giới hạn đăng nhập 349
 Giới thiệu về máy in này 288
 Hình ảnh 297
 Hoàn thiện 290
 Hạn chế quyền truy cập mạng
 bên ngoài 344
 Hợp nhất biểu mẫu 354
 In 353
 In ổ flash 330
 IPSec 339
 Khác 351
 Khôi phục cài đặt mặc định
 gốc 282
 Không dây 332
 Khắc phục sự cố 354
 Kiểm tra lệnh 293
 Lên lịch thiết bị USB 347
 Mã hóa 350
 Menu cấu hình 282
 Mạng 354
 Nhật ký kiểm tra bảo mật 347
 PCL 295
 PDF 294
 Phím tắt 353
 Phương thức đăng nhập mặc
 định 346
 PostScript 295
 Quét ổ flash 326
 Quản lý dịch vụ di động 335
 Quản lý nguồn điện 280
 Quản lý quyền 345
 SNMP 338
 Tài khoản cục bộ 346
 TCP/IP 337
 ThinPrint 343
 Thiết bị 352
 Thiết lập 291
 Thiết lập email 316
 Thiết lập fax 303
 Thiết lập in bảo mật 350
 Thiết lập liên kết web 322
 Thiết lập máy chủ fax 313
 Thông báo 278
 Trang cài đặt menu 352
 Trợ năng 281
 Tùy chọn 275
 Tổng quan về mạng 331
 USB 343
 Wi-Fi Direct 335

Xóa ngoài dịch vụ 288
 Xóa tập tin dữ liệu tạm thời 351
 Đăng ký Dịch vụ đám mây 352
 menu máy in 274, 355
 mạng không dây
 Thiết lập Wi-Fi bảo mật 246
 mạng Wi-Fi, hủy kích hoạt 248
 mẫu màu 514
 mật khẩu bằng giọng nói
 bật 68
 mật độ in không đều 443
 mức độ phát ra tiếng ồn 519
 mực dễ bị bong ra 443
 mực không chính hãng 504

N

ngày và giờ
 cài đặt fax 75
 ngăn giấy chuẩn
 thay thế 394
 ngăn xếp offset
 lắp 135
 sử dụng 357
 nhà cung cấp dịch vụ email 259
 nhiệt độ xung quanh máy in 521
 nhập tập tin cấu hình 91
 nhật ký fax
 in 268
 nhật ký in 361
 nạp giấy
 trong khay nạp giấy đa
 năng 86
 nạp giấy tiêu đề 86
 nạp giấy vào khay 82, 76, 79
 nạp giấy đã dập lỗ sẵn 86
 nạp khay 550 tờ 76
 nạp khay song song 2000 tờ 79
 nắp bên phải
 thay thế 398
 nắp khay
 thay thế 389
 nắp khay 550 tờ 389
 nắp quạt
 thay thế 396
 nắp đầu nối vận chuyển giấy
 thay thế 400
 nền màu trên bản in 437
 nền màu xám trên bản in 437

P

phân loại nhiều bản sao 257

phím tắt email
tạo 266
phím tắt thư mục mạng 272
phím tắt, tạo
đích fax 268
phong bì bị dán kín khi in 505
phóng to kích thước bản
sao 257
phần mềm cơ sở, cập nhật
sử dụng bảng điều khiển 92
sử dụng Máy chủ web
nhúng 92
phần mềm máy in
lắp 89

Q

quá trình quét mất quá nhiều thời
gian hoặc làm treo máy tính 512
quét
vào máy chủ FTP 271
vào thư mục mạng 271
vào ổ flash 272
quét vào máy tính 270
quản lý trình bảo vệ màn
hình 60

S

sao chép 256
sử dụng ADF 256
sử dụng khay nạp tài liệu tự
động (ADF) 14
sử dụng kính máy quét 256, 14
tài liệu 256
thẻ 257
trên cả hai mặt giấy 256
trên giấy tiêu đề 256
ảnh 256
Sao chép hai mặt 256
sao chép hai mặt 256
sao chép nhiều trang
vào một tờ 257
sơ đồ menu 274
số sê-ri 10
số sê-ri của máy in 10
Số địa chỉ 61
sử dụng AirPrint 252
sử dụng bảng điều khiển 13
sử dụng các bộ phận và vật tư
chính hãng Lexmark 362
sử dụng màn hình chính 13

sự cố chất lượng bản in
bóng ảnh 437
bản in bị cong 441
bản in bị nhiều đốm và dấu
chấm 440
bản in nhạt 438
bản in tối màu 436
các đường kẻ ngang đậm 444
các đường trắng dọc xuất hiện
trên bản in 445
giấy bị quăn 505
hình ảnh chỉ có một màu hoặc
toàn màu đen 441
in bị lệch 441
không in được tài liệu bảo mật
và các tài liệu tạm dừng
khác 448
lề không chính xác 438
lỗi in lặp lại 447
mật độ in không đều 443
mực dễ bị bong ra 443
nền màu hoặc màu xám 437
thiếu màu sắc 439
trang trắng 435
trang trống 435
văn bản hoặc hình ảnh bị cắt
bỏ 442
đường kẻ dọc màu trắng 446
đường kẻ ngang màu
trắng 445
sự cố chất lượng màu
bản in bị nhuộm màu 515
Câu hỏi thường gặp về in
màu 514
sự cố fax
chất lượng bản in kém 509
có thể gửi nhưng không thể
nhận fax bằng cách sử dụng
fax analog 508
không hiển thị mã người
gọi 507
không thể gửi fax bằng cách sử
dụng fax analog 508
không thể gửi hoặc nhận fax
bằng cách sử dụng
etherFAX 509
không thể gửi hoặc nhận fax
bằng cách sử dụng fax
analog 507
không thể gửi trang bìa fax từ
máy tính 509

không thể thiết lập
etherFAX 508
thiếu thông tin trên trang bìa
fax 509
sự cố in
in chậm 449
không thể đọc ổ flash 450
lệnh in không in 448
lệnh in trên giấy không phù
hợp 448
lệnh in từ khay sai 448
máy in không phản hồi 449
trang bị kẹt giấy không được in
lại 506
sự cố nạp giấy
giấy thường xuyên bị kẹt 506
in theo bộ không hoạt
động 505
liên kết khay không hoạt
động 506
phong bì bị dán kín khi in 505
sự cố quét
bản sao một phần của tài
liệu 511
bản sao một phần của ảnh 511
chất lượng bản sao kém 511
chữ bị rỗng cửa 512
hình ảnh bị rỗng cửa 512
không thể quét vào máy
tính 510
không thể quét vào thư mục
mạng 510
lệnh quét không thành
công 512
máy quét không phản hồi 513
máy quét không đóng lại
được 512
quá trình quét làm treo máy
tính 512
quá trình quét mất quá nhiều
thời gian 512
vệt tối dọc ở bản in ra khi quét
từ ADF 511
sự cố sao chép
bản sao một phần của tài
liệu 511
bản sao một phần của ảnh 511
chất lượng bản sao kém 511
máy quét không phản hồi 513
sự cố tùy chọn máy in
cổng giải pháp nội bộ 502
thẻ giao diện nối tiếp 503

thẻ giao diện song song 503
 sự cố tùy chọn phần cứng
 không thể phát hiện tùy chọn
 nội bộ 502
 sự cố về email
 không thể gửi email 507

T

tái chế sản phẩm 517
 tài liệu, in
 từ máy tính 251
 thanh dẫn hướng khổ giấy
 thay thế 387
 Thay hộp mực, khu vực máy in
 không khớp 503
 thay thế bộ phận
 bộ đỡ hộp ghim 410
 bộ chèn khay 386
 bộ sấy 383
 công cụ vệ sinh kính 399
 hộp đục lỗ 393
 khay mở rộng ngăn giấy trên
 của bộ hoàn thiện tập
 sách 391
 ngăn giấy chuẩn 394
 nắp bên phải 398
 nắp khay 389
 nắp quạt 396
 nắp đầu nối vận chuyển
 giấy 400
 thanh dẫn hướng khổ giấy 387
 thay vật tư
 bộ quang màu 374
 hộp ghim 402, 405, 407
 hộp mực 365
 hộp mực thải 381
 hộp quang đen 367
 thay đổi
 thay đổi 245
 thay đổi cài đặt cổng máy in sau
 khi cài đặt ISP 245
 thay đổi hình nền 60
 thay đổi độ phân giải fax 268
 thêm máy in vào máy tính 89
 thêm nhóm 61
 thêm phím tắt
 email 266
 sao chép 258
 đích fax 268
 địa chỉ FTP 271
 thêm tùy chọn phần cứng
 trong trình điều khiển in 91

thêm địa chỉ liên hệ 61
 thiết bị di động
 in từ 251, 252
 Thiết lập chức năng fax bằng
 máy chủ fax 69
 thiết lập cảnh báo email 360
 thiết lập cấu hình
 cài đặt máy chủ email 259
 thiết lập cấu hình thông báo vật
 tư 360
 thiết lập cấu hình Wi-Fi
 Direct 246
 thiết lập cổng USB 450
 thiết lập fax 73
 sử dụng kết nối đường dây điện
 thoại chuẩn 70
 thiết lập fax analog 68
 thiết lập in nối tiếp 248
 thiết lập khổ giấy 75, 76
 thiết lập loại giấy 75
 Thiết lập Wi-Fi bảo mật
 mạng không dây 246
 thiếu màu sắc 439
 thiếu thông tin trên trang bìa
 fax 509
 thông
 báo 519, 520, 522, 523, 524
 thông báo của máy in 422
 Không đủ dung lượng trống
 trong bộ nhớ flash để chứa tài
 nguyên 503
 nạp lại hộp mực chuẩn 504
 Thay hộp mực, khu vực máy in
 không khớp 503
 Vật tư không phải của
 Lexmark 504
 đã phát hiện bộ nhớ flash bị
 lỗi 503
 thông báo FCC 524
 thông báo lỗi 422
 thông báo phát thải 519, 524
 thông báo vật tư
 thiết lập cấu hình 360
 thông tin an toàn 7, 8
 thu nhỏ kích thước bản sao 257
 thư mục mạng
 quét vào 271
 thấu kính đầu in
 vệ sinh 415
 thẻ fax
 lắp 230
 thẻ phần mềm cơ sở 57

thẻ, sao chép 257
 thời gian tiết kiệm ánh sáng ban
 ngày
 thiết lập cấu hình 75
 tìm thông tin về máy in 9
 tình trạng máy in 14
 tiết kiệm giấy 257
 trang bị kẹt giấy không được in
 lại 506
 Trang cài đặt menu
 in 355
 trang in, xem 361
 Trang kiểm tra chất lượng bản
 in 354
 trang phân cách
 thêm 257
 đặt 255
 trang trắng 435
 trang trống 435
 tránh kẹt giấy 450
 trình điều khiển fax
 lắp 89
 trình điều khiển in
 lắp 89
 thêm tùy chọn phần cứng 91
 Trung tâm quét
 thiết lập 60
 trạng thái của các bộ phận máy
 in
 kiểm tra 360
 trạng thái máy in 14
 trạng thái vật tư
 kiểm tra 360
 trọng lượng giấy
 được hỗ trợ 52
 trọng lượng giấy được hỗ trợ 52
 Tùy chỉnh hiển thị
 sử dụng 60
 tùy chỉnh khổ giấy 76
 tùy chỉnh màn hình 60
 tùy chọn nội bộ 57
 đầu đọc thẻ 234
 tùy chọn phần cứng
 bộ hoàn thiện dập ghim 124
 bộ hoàn thiện dập ghim, dập
 lỗ 154, 170
 bộ hoàn thiện tập sách 205
 bộ phận vận chuyển giấy 154
 Khay 1500 tờ 118
 Khay 2 x 550 tờ 99
 Khay 550 tờ 93
 khay song song 2000 tờ 105

kệ để bàn phím 226
 lắp 135
 tùy chọn vận chuyển giấy kết
 hợp với gập
 giấy 140, 170, 205
 xoay 112
 tùy chọn vận chuyển giấy kết
 hợp với gập giấy
 lắp 140, 170, 205
 sử dụng 359
 tạm dừng fax 268
 tạo dấu trang 61
 tạo phím tắt 272
 email 266
 sao chép 258
 đích fax 268
 địa chỉ FTP 271
 tạo thư mục mạng 272
 tạo tập sách 358
 tập tin cấu hình
 nhập 91
 xuất 90
 tắt lỗi Máy chủ SMTP không
 được thiết lập 506

V

văn bản bị cắt bỏ trong bản
 in 442
 vấn đề chất lượng quét 511
 vật liệu bao bì 517
 vật tư của bên thứ ba 504
 Vật tư không phải của
 Lexmark 504
 vật tư, bảo quản 420
 vệ sinh kính đầu in 415
 vệ sinh màn hình cảm ứng 412
 vệ sinh máy in 411
 Vệ sinh máy quét 354
 vệ sinh máy quét 412
 vệt tối dọc ở bản in ra khi quét từ
 ADF 511
 vị trí kẹt giấy
 xác định 451

W

Wi-Fi Direct
 in từ thiết bị di động 252
 thiết lập cấu hình 246

X

xem báo cáo và nhật ký 361

xóa
 bộ nhớ bất biến 249
 bộ nhớ khả biến 249
 bộ nhớ máy in 249
 đĩa cứng 249
 ổ lưu trữ 249
 ổ lưu trữ thông minh 249
 xóa bộ nhớ máy in 249
 xoay
 lắp 112
 xuất tập tin cấu hình 90
 xếp chồng offset 357
 xử lý kẹt giấy
 khay 2 x 550 tờ 459
 ngăn giấy chuẩn 466
 trong bộ hoàn thiện dập
 ghim 466
 trong bộ hoàn thiện dập ghim,
 dập lỗ 471
 trong bộ hoàn thiện tập
 sách 482
 trong bộ sấy 462
 trong bộ đảo mặt 462
 trong khay 1500 tờ 461
 trong khay 550 tờ 454
 trong khay nạp giấy đa
 năng 458
 trong khay nạp tài liệu tự
 động 456
 trong khay song song 2000
 tờ 461
 trong khay tiêu chuẩn 453
 trong tùy chọn vận chuyển giấy
 kết hợp với gập giấy 468

Đ

đèn chỉ báo 14
 đích fax
 tạo phím tắt 268
 điều chỉnh
 đăng ký máy quét 513
 điều chỉnh âm lượng loa 67
 điều chỉnh âm lượng tai nghe 67
 điều chỉnh tốc độ nói
 Hướng dẫn bằng giọng nói 67
 điều chỉnh đăng ký ADF 513
 điều chỉnh đầu ra màu 514
 điều chỉnh độ sáng 419
 điều chỉnh độ tối của fax 268
 điều chỉnh độ tối của mực 255
 điều hướng màn hình
 bằng cử chỉ 63

điểm đích thư mục mạng
 thiết lập cấu hình 272
 đăng ký ADF
 điều chỉnh 513
 đĩa cứng 57
 xóa 249
 đường kẻ dọc màu trắng 446
 đường kẻ ngang màu trắng 445
 đầu đọc thẻ
 lắp 234
 đặc điểm giấy 15
 đặt cấu hình cài đặt
 loa fax 75
 đặt cấu hình thời gian tiết kiệm
 ánh sáng ban ngày 75
 đặt lại
 bộ đếm mức sử dụng vật
 tư 504
 đặt lại bộ đếm mức sử dụng vật
 tư 411
 đặt lại bộ đếm sử dụng vật
 tư 504
 đặt mua vật tư
 bộ bảo trì bộ sấy 364
 bộ quang màu 364
 hộp ghim 364
 hộp mực 362
 hộp mực thải 364
 hộp quang đen 364
 đặt trang phân cách 255, 257
 định vị khe bảo mật 15
 đồng màu 441
 độ phân giải fax
 thay đổi 268
 độ sáng màn hình
 điều chỉnh 419
 độ tối của fax
 điều chỉnh 268
 độ tối của mực
 điều chỉnh 255
 độ ẩm xung quanh máy in 521

Ả

ảnh, sao chép 256

Ổ

ổ cắm dây nguồn 59
 ổ flash
 quét vào 272
 ổ flash được hỗ trợ 57
 ổ flash, in từ 252

Ổ lưu trữ

xóa 249

Ổ lưu trữ thông minh 249

xóa 249

Ổ lưu trữ đĩa cứng 249

Ứ

ứng dụng cài đặt sẵn 56

ứng dụng máy in 56